

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh

===oo000oo===



ĐÔI DÒNG GÓP NHẬT

Khai Tâm Quách Minh Chương
Tài liệu lưu hành nội bộ (2021)

LỜI GIỚI THIỆU

Tập sách nhỏ này được soạn thảo trong tinh thần cố gắng truyền tải một phần nào trong góc cạnh vô biên của Đạo Cao Đài. Đây được xem như một tài liệu cá nhân để lưu hành nội bộ. Người viết không có tham vọng truyền tải nội hàm giáo lý hay sử liệu của Đạo, mà chỉ với khát vọng nhỏ nhoi hầu lưu bút đôi chút khái niệm cơ bản nào đó mà tác giả có niềm vui sống trong ngòi suối minh triết Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.

Vì chỉ phô diễn theo thiển ý hạn hẹp, nên chắc chắn còn nhiều vấn đề chưa được hoàn toàn đầy đủ và đúng đắn. Rất mong được quý vị cao minh chỉ dẫn những chỗ khiếm khuyết, để chỉnh sửa sách cho vẹn toàn hơn.

Kỷ niệm mùa hoa Đạo 2021
***Khai Tâm Quách Minh Chương* cầm bút!**

1. LỮ TỔ THUẦN DƯƠNG- ĐỨC THƯỢNG SANH

*“Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tằm trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm noi bậc Thánh Hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ,
Đức ân dụng phép tạo nhơn duyên.
Những mong huệ trạch trên nhuần gội,
Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyên”*

Đức Thượng Sanh (Bài thái hiến lễ)

Đức Thượng Sanh thế danh là Cao Hoài Sang, một trong tam vị Chúc Sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài, vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế gây dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Ngài cùng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư làm bàn tay cho Thượng Đế, thực thiên sứ mở mối chánh giáo Cao Đài. Đức Ngài vốn là chơn linh của Bát Tiên, tức là Đại Tiên Lữ Tổ Thuần Dương, tá trần thực hiện vai trò chương quản Chi Thế.

Từ khi Hội Thánh thành Ngài tiếp thủ quyền hành, Đức Ngài đã hoàn thành thiên chức, lèo lái con thuyền Đại Đạo trên những phong ba, bão táp, tạo dựng cho nền Đạo sang trang sử vịnh quang. Ngoài việc tiếp quản cơ quan bảo tồn Chánh Pháp, phổ thông Chơn Đạo, Đức Ngài đã thực hiện Thánh Ý Đức Chí Tôn song hành với lời ủy thác của Đức Hộ Pháp để huấn luyện đào tạo nhạc sĩ, chấn chỉnh cổ

nhạc Đại Đạo để hầu bảo tồn quốc hồn quốc túy, viết giáo lý, thi văn khuyến tu, thực hiện chu chỉnh văn đàn thi thơ. Hơn thế nữa, Đức Ngài còn kiến thiết nhà Hội Thánh Ngoại Giáo, xây dựng hàng rào cửa nội ô Tòa Thánh, xây dựng văn phòng Cơ Quan Phát Thanh Phổ Thông Giáo Lý, văn phòng Ban Thế Đạo, Bắc Tông Đạo, Đường Nhơn, Tản Nhơn, Đầu Sư Đường, Văn phòng Ban Chấp Hành Đại Đạo Thanh Niên Hội Trung Ương, Học đường Bộ Nhạc, xây cửa Chánh Môn, cùng mở Đại Lộ Chánh Môn...Ngót gần 14 năm trường cầm cờ Đạo, Đức Ngài đã sức mòn hơi kiệt, nên đã triệu thiên bá mạng Đức Chí Tôn, để lại vô vàn tiếc thương của toàn đạo.

Đức A, Ấ, Ầ (Đức Chí Tôn) đã triệu hồi ba Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang làm tướng soái để làm thiên chức, mở nền Đại Đạo trong thời Tam Kỳ Ân Xá. Đức Thượng Sanh là ngươn linh của Đại Tiên Lã Động Tân, tức Thuần Dương Lữ Tổ nên Người có trình độ học vấn uyên thâm về Khổng Học, có tánh trầm tĩnh, uyển chuyển, liêm khiết, từ bi, khí khái của bậc ái tuất thương sanh, tiết tháo đỉnh đạt của nhà lãnh đạo tinh thần mà bảo thủ nghiệp Đạo khỏi tà quyền khuấy phá, lại đưa nền Đạo đã danh giá Đạo càng thêm cao trọng hơn nữa.

Đức Đại Tiên Lữ Đồng Tân trước khi đắc đạo, Ngài sinh tại tỉnh Sơn Tây, Trung Hoa với đạo hiệu là Thuần Dương Tử hay Hồi Đạo Nhân. Khi được lên ba tuổi, Ngài được thiên sư Mã Tổ tiên phán “...*tướng mạo phi phàm, vượt ngoài phong trần, ngày sau gặp “Lô” thì ở, gặp “Chung” thì mở, cần khắc ghi trong lòng*”. Với tướng mạo khôi ngô tuấn tú và học tư chất thông minh, Ngài đậu cử nhân khi 26 tuổi.

Đền sách liên tục mười năm trường để tham gia thi cử nhưng sau ba lần thi trạng nguyên trên kinh đều rớt. Ngài chán buồn và đã vô tình theo duyên định, Ngài gặp Đại Tiên Hón Chung Ly, y như thiền sư tiên tri khi Ngài còn nhỏ. Ngài quyết định tìm sư học đạo và tìm đến Tiên Ông Chung Ly.

Đức Hón Chung Ly đang nấu gạo màu vàng, Ngài Lữ Tổ Thuần Dương bước vào cầu kiến thì bỗng chìm vào giấc mộng, thấy đậu trạng nguyên, cưới công chúa, thăng chức tể tướng, hưởng vinh hoa phú quý nhưng dính vào phe cánh loạn thần, Hoàng Đế phần tâm, đưa ra trị tội, vợ con ly tán, bị đầy biên ải xa xôi, sống cảnh tàn phế tẻ nhạt. Sau đó, Ngài tỉnh mộng và biết chỉ là giấc mộng (đây là tích Huỳnh Lương Mộng), muốn cầu thầy Hón Chung Ly truyền đạo tu tiên. Tiên Ông Chung Ly chưa cho Ngài học vì ý chí còn chưa vững, phải đợi thời gian sau mới có thể tấn tu. Các cuộc thử nghiệp của Đức Hón Chung Ly, Ngài Lữ Tổ Thuần Dương đều trải qua dễ dàng, nên Đức Hón Chung Ly đã truyền đạo.

Lần một, Lữ Tổ về nhà thấy toàn bộ người thân đều mất hết, Ngài cho là do thiên số tạo hóa, khó mong thoát kiếp, Ngài không sầu bi quá độ, chuẩn bị bày lễ an táng theo lễ. Tuy nhiên, toàn bộ mọi người đều bỗng nhiên sống lại. Ngài cũng giữ thư thái, không lấy chi làm lạ.

Lần hai, Lữ Tổ bán hàng ngoài chợ, mặc cả xong và trao hàng, khách trả tiền nhưng chỉ trả một nửa so với giá thỏa ước, Ngài cũng sẵn lòng cho một nửa còn lại mà không gây sự.

Lần ba, ăn mày đến xin tiền, Ngài tặng nhiều hàng hóa nhưng người ăn mày vẫn không đi, Ngài vẫn ân cần và tiếp tục cho nhiều vật quý giá để người ăn mày mỉm cười ra đi.

Lần tư, trong lúc thiền định, Ngài thấy mình biến thành người chăn dắt dê trên núi. Một con hổ phát hiện đàn dê và rượt đuổi. Ngài lừa đàn dê đi xuống, lấy thân mình cản ngăn con hổ dữ đang nhe răng. Con hổ gầm thét và quay đầu bỏ chạy đi xa.

Lần năm, Ngài trú ngụ trong núi và học kinh điển. Có một thiếu nữ xinh đẹp xin tá túc vì lạc đường và đêm khuya đến quấy rầy Ngài nhưng Ngài vẫn tịnh, chẳng động phạm tâm, giữ lòng tĩnh lặng.

Lần sáu, Ngài phát hiện toàn bộ tài sản bị cướp bóc hết, Ngài vẫn giữ lòng yên bình, vẫn xuống ruộng canh tác. Khi cày cấy, Ngài thấy được nhiều thoi vàng nhưng lòng chẳng tỏ vẻ vui mừng mà ngược lại, Ngài chôn trở lại xuống đất.

Lần bảy, Ngài mua một nghiên mực bằng đồng. Khi xử dụng, mài ra thì phát hiện chiếc nghiên bằng vàng, Ngài bèn trả lại người bán để đổi cái bằng đồng.

Lần tám, nghe một đạo sĩ bảo rằng uống liều thuốc ông bán sẽ chết ngay và kiếp sau chắc chắn sẽ thành đạo, Ngài vội mua liền nhưng uống vào vẫn bình an vô sự.

Lần chín, Ngài ngồi trên một con thuyền trên sông, bỗng sóng to gió lớn làm thuyền chao đảo như sắp đổ nghiêng, Ngài vẫn bình tâm, không sợ hãi.

Lần mười, trong lúc ngồi thiền tĩnh tọa, Ngài thấy nhiều quỷ quái nhe nanh, lè lưỡi đòi ăn thịt Ngài, Ngài định

cầm dao tự sát để đền trả nợ cho họ. Trên không trung phát ra tiếng la rung chuyển núi rừng, quỷ ma đều tan biến mất. Ngài lấy làm lạ và liền nghe tiếng vỗ tay lớn và trước Ngài là Đức Hón Chung Ly.

Đã trải qua 10 lần khảo nghiệm của Ngài Hón Chung Ly, nhưng Ngài Chung Ly vẫn nói công đức chưa viên mãn, cần tu ba ngàn thiện hạnh. Ngài Hón Chung Ly bèn bảo Lữ Tổ học pháp “chỉ đá thành vàng”. Lữ Tổ vẫn “*Con chỉ đá thành vàng, phải chăng mai này vàng vẫn trở về dạng vật chất ban đầu?*”. Đức Chung Ly trả lời rằng 500 năm sau thì nó mới trở thành lại đá. Ngài Lữ Tổ nhanh nhẹn nói “*Vậy con không học, bởi lẽ sẽ gây hại cho người sở hữu nó ở 500 năm sau*”. Đức Chung Ly nói tiếp “*Tâm niệm thiện này của ông, đủ để thay thế ba nghìn thiện hạnh*”. Từ đây, Ngài Lữ Tổ theo Đức Chung Ly để học phép phân hợp âm dương.

Tiếp sau, hai thầy trò gặp Tổ Sư Khổ Trúc Chân Quân truyền thụ thêm nhiều pháp đạo cao sâu. Theo truyền thuyết Trung Hoa, Ngài Lữ Tổ Thuần Dương còn bái kiến Thiền Sư Huỳnh Long để học Chánh Pháp Nhãn Tàng và thực hiện hạnh Bồ Tát Đạo như Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, để độ chúng sanh, cứu nhân độ thế. Từ đó, hàng loạt các tích sử để lại trong kho tàng đạo học như tích “*Hoàng Hạc Lôu*”, “*Mẫu Đơn*” và nhiều điển tích khác mà ngày nay sử sách lưu truyền trong sử học và huyền thoại bất diệt khi nhắc đến tên tuổi Ngài.

Dẫn tích xưa hầu nhớ lại tiền nhân Đức Thượng Sanh đã dày công bỏ mảnh thi hài, phụng hiến cho nền chơn giáo của Đức Chí Tôn. Ngài là bậc chơn quân, tài trí vẹn toàn,

đức hạnh gương mẫu cho toàn đạo Cao Đài soi chung lý tưởng và tinh thần phục vụ trong ngọn đèn linh đăng Đức Chí Tôn thắp sáng.

“... Ngài đã làm xong sứ mạng, được đặc kỳ sở nguyện, nhờ ơn trách của Đức Chí Tôn. Cửa Đạo này vắng bóng Đức Ngài, nhưng Đức Ngài vẫn sống trong tâm hồn của muôn vàn Tín Hữu”. [Ngài Hiền Đạo thuyết trong lễ thánh tang Đức Thượng Sanh]

Thuở sinh tiền còn gánh vác trách vụ Đạo, Đức Thượng Sanh lấy bút hiệu đạo là Huệ Giác để làm cảm tác thi đạo, họa vận cùng thi điển chư Thiêng Liêng và các Chức Sắc khác. Qua thi cảm, Đức Ngài đã biểu cảm mọi đức tánh của người giác thể và nhắn người chư Tín Đồ trong cửa đạo về nhiều mặt.

Ví dụ, Đức Ngài nhắn gửi về việc gìn giữ luật pháp chơn truyền:

*“Dầu Đạo hay Đời muốn trọn nên,
Minh cương kiêm khiết gắng công rèn.
Sạch trong chắc giữ phạm ra Thánh,
Chánh trực nhuần trau tục hóa Tiên,
Trí dũng ngàn năm gương tạc để,
Nghĩa nhân muôn thuở sử bia truyền.
Lánh vòng danh lợi là phương pháp,
Bốn chữ vẹn gìn hưởng phúc duyên”.*

Ngài nhắn gửi tình bác ái và hòa ái:

*“Thương người nào khác thể thương ta,
Nhơn loại thờ chung một Đấng Cha.*

*Bác ái làm phương vơi nỗi khổ,
Từ bi dụng chước tạo tâm hòa...”*

Ngài biểu tả tính chất đạo đời tương đắc:
“Đạo đời muốn vẹn nét hồn nhiên,
Chung sức vì dân lúc biến quyền.
Nương Đạo, Đời vui thêm phúc trạch...”
Đức Ngài ban thi khuyên tu:

*“Trước làm Tiên Phật phải làm người,
Muốnặng làm người chẳng phải chơi.
Bác ái ví chưa tròn bước đạo,
Từ bi đâu vẹn chí thương đời.
Mùi trần dầu thoát bao vòng lụy,
Bể khổ còn qua mấy dặm khơi.
Trau rạng lòng son sanh chúng độ,
Thênh thang nương bóng ngọn đèn Trời”*

Theo thể thường, hễ người theo tục tánh thì ham giàu sanh vinh hiển, cửa rộng nhà cao, cuộn vào vòng xoáy cuộc đời, lao xao xạo xự, mưu cầu mùi phú quý, bả vinh hoa để rồi cục rữ, sương tan, một kiếp người sớm tan theo mây khói. Bạc chí nhân quân tử thà cam cảnh chòi tranh vách lá, đêm đông áo mỏng, thiệt phận cam lòng, xa vòng danh-lợi-quyền mà cầu đường thánh, noi ánh sáng thiên lý, giữ nghĩa nhân, thuận thiên ý để cầu ân nhuần gội tục. Đức Ngài hằng dạy:

“Lên cao xuống thấp tự mình điều khiển lấy thân mình, người quân tử chẳng để một mảy chi bọn nhor bọn đến

tinh thần cao khiết của mình đặt. Gặp lúc gặp thời thì đem đức sáng tài hay của mình đặt phụng sự thiên hạ, giúp nước trị dân khó nhọc chẳng từ, gian nan không quản. Danh chẳng màng, chỉ màng nơi cứu cánh của việc làm, lợi danh chẳng ham, chỉ ham thật hành được nghĩa vụ. Nếu chưa gặp thời để ứng dụng tài đức thì đành cam lui bước, ẩn chốn lâm tuyền, bạn cùng non nước”.

Trong cả cuộc đời khếp mình theo ngọn linh đăng của Đức Chí Tôn, Đức Ngài đã đưa ra biểu tượng của “*Thượng Sanh*” thượng đẳng, một trong Tam Vị đứng đầu cơ Quan Hiệp Thiên Đài, tức là cơ quan với sứ mạng và trọng trách quan trọng là bảo tồn và gìn giữ chơn pháp, thông công với quyền năng nơi Bát Quái Đài.

Từ phôi thai nền đạo Cao Đài cho đến khi khuất bóng, triều Thiên bá mạng Đức Chí Tôn, Đức Ngài điều hành mỗi đạo cho ra thiết tướng, kiến tạo theo thánh ý các Đấng Thiêng Liêng. Ngoài ra, Đức Ngài đã minh thuyết các học thuyết cơ bản về nhơn luân chi đạo, các điển tích, thi văn khuyến tu. Những bài Thuyết Đạo, Huấn Từ, Thánh Dụ, Phủ Dụ, Điều Văn, văn đạo đối ẩm...đã phảng phất tài, đức đạo song toàn.

Năm 1970, Đức Ngài ban hành Thánh Thơ cho Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức – Chương Quân Bộ Pháp Chánh để cho phép Ban Đạo Sử ấn hành và phổ thông những bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp từ 1946 đến 1955. Đây là gian đoạn đánh dấu mốc cho công trạng của Ban Đạo Sử và Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách, cũng như công lao của tốc ký viên

đối với việc ấn hành những bài Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp.

Cửa Đạo vốn chịu nhiều lần tên mũi đạn, bao nhiêu khảo đảo chông chênh, nào đòi muốn phá tan cơ quan cứu thế, nào nội bộ chống phá, toan xé xác Thánh Thể Đức Chí Tôn. Nhưng với tinh thần “*ái tuất thương thương sanh*”, nương bóng Từ Bi, thực hiện trọn vẹn Thiên Sứ giao phó, chư Chưc Sắc Đại Thiên Phong đã trọn trung với hai Đấng Chí Linh mà lập giáo, hoàn toàn gìn giữ chơn pháp Đức Chí Tôn. Đức Cao Thượng Phẩm đăng tiên, sau lại đến Đức Quyền Giáo Tông, rồi Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Sau lại đến quyền năng Đức Thượng Sanh tiếp quản nghiệp đạo khỏi tà quyền phá hại. Đức Ngài tác tạo và cầm giềng mỗi đạo tiếp nối nhưng tiếc thay, Đức Ngài cũng phải cỡi hạc qui thiên, để cho toàn đạo phải rơi châu đồ lụy.

Đức Ngài vốn nằm trong hàng ngũ “*Thập Nhị Thời Quân, Thượng Sanh, Thượng Phẩm, Hộ Pháp gọi là Ngự Mã Quân của Chí Tôn*” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp đêm mùng 01 tháng 10 năm Đinh Hợi-1947, quyển 4]. Bởi có ấy, tuy người xưa khuất bóng, nhưng toàn thể tín đồ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một mực cung kính và tưởng nhớ Đức Ngài, hằng cầu nguyện quyền năng Ngài chan rưới ân hồng cho chúng sanh hưởng ân hồng, vạch lối chông gai, vịn cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn để trở về vùng Thánh Vực.

“Chúng ta đã từng khóc nhiều cho số kiếp ngắn ngủi của nhiều bậc tiền bối chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta cứ khóc đi cho đến cạn khô giọt lệ, rồi cũng phải nghĩ lại Đạo nghiệp nước nhà mà tự trấn tĩnh lấy tâm hồn, để tìm phương bảo tồn

đại nghiệp Đạo và tiếp tục sứ mạng thiêng liêng của chúng ta, vì sứ mạng ấy, dầu lớn dầu nhỏ, dầu quan trọng hay không, cũng là sứ mạng do Đức Chí Tôn cùng các Đấng thiêng liêng giao phó chúng ta, phải tùy khả năng mình mà làm cho hoàn thành.

Đã đành rằng chúng ta phải thương tiếc một Đấng lãnh đạo anh minh như Đức Thượng Sanh, nhưng thương tiếc bao nhiêu thì phải noi gương Đức Ngài bấy nhiêu để gạt hái một phần công quả nào hữu ích cho Đạo, và cho chúng sanh nhờ”

[Bản Tuyên Dương Công Nghiệp Đức Thượng Sanh của Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức].

2. ĐỨC CHÚA JESU CHRIST

Cách nay trên 2020 năm, một vị Phật gọi là Tam Thế Tôn giáng sanh, tức là Đức Chúa Jesu. Ngài vâng mạng lệnh Đức Chúa Trời, tức là Đức Chí Tôn, xuống thế trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ mở một nền Thánh Giáo, cứu độ chúng sanh.

Do chúng sanh bạo tàn, tự kiêu, tự đại nên Ngài đến với một vị thể nhỏ nhen, hèn hạ để làm gương cho con cái Đức Chí Tôn học bài học giá trị. Bài học giá trị ấy vẫn đồng đẳng với tính chất cứu cánh của Phật Tông, nghĩa là đưa con người về bên kia bờ cứu rỗi. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng:

"Chúng ta quan sát và chính Bản Đạo quan sát thấy chọn truyền của Đạo Thánh Gia Tô vẫn đồng căn đồng bản với Đạo Phật, ấy là Phật Giáo Hạ Thừa, không có chi khác, dầu Bí Pháp chọn truyền hay Thể Pháp đều cũng y như vậy"
[Thuyết Đạo của ĐHP năm 1947]

Dù triết lý ra đời của Thánh Giáo Gia Tô đã lâu nhưng chuông nhà Thờ vẫn đồ vang, hình ảnh Đức Chúa Jesu đóng đinh để cứu chuộc nhân loại, đại diện cho nhơn loại ký Đệ Nhị Hòa Ước vẫn còn thấp thoáng khắp hoàn vũ. Gương chịu thập hình cứu chuộc nhơn loại đã làm vinh diệu thêm cho Đấng Tam Thế Tôn Christna và Đức Ngài vẫn thường ban cho nhơn loại một nguồn sống minh triết để tiếp giữ Đệ Tam Hòa Ước trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là thời giao hòa Hạ Ngươn Tam Chuyển tiến đến Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

Đấng Chí Tôn xuống thế lập giáo, tạo lập một nền văn minh tôn giáo vĩ đại, ảnh hưởng tư tưởng toàn cầu để tiếp nối cho công cuộc cứu thế, làm cớ cứu khổ cho chúng sanh nung nấu, giục tấn trở về Thiên Quốc.

Sau ba nền Tam Giáo của Nhất Kỳ Phổ Độ, Đức Christ vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế xuống lập thuyết tân kỳ của nền Thánh Giáo sau Đức Khổng Tử. Việc tái sanh của Đức Chúa Jesu được tiên tri của Đức Thích Ca Mâu Ni khi hai đại đệ tử của Đức Thích Ca

vấn hỏi. Đức Thích Ca bảo rằng sau sẽ có một Đấng oai quyền xuống để dạy dỗ nhơn loại:

“Trước buổi Đức Thích Ca gần qui liễu, ANANDA và A-Nan-Ca-Diếp đến bên Ngài khóc lóc hỏi Ngài rằng: Thầy qui vị rồi ai dạy chúng con, Đức Thích Ca nói: Có một Đấng đến sau ta, oai quyền hơn ta nữa. Đức Phật Thích Ca đã nói một vị Tây Phương Giáo Chủ Jésus Christ đó vậy. Ấy là một đàn anh đã thông tri cho nhơn loại biết người em kế vị của mình sắp đến, Ngài có nói trước còn oai quyền hơn ta nữa, thì thật quả vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Quyển 2].

Đức Ngài xuống thế họ hình, lấy máu để để chuộc tội tình của nhơn loại. Trong Nhứt Kỳ, nhơn loại đã bội phản “hòa ước” với Đức Chí Tôn. Nên Ngài mang hình hài với cốt cách thương nhơn loại một cách nồng nàn, chịu đóng đinh trên thập tự giá, hầu đứng thay cho nhơn sanh ký đệ nhị hòa ước với Đức Chí Tôn. Khởi tình ái vô biên đặt trong giá trị bác ái vô tận để gìn giữ nhơn sanh trong thánh đức của Đức Chí Tôn.

“Đấng ấy vô tận vô biên, thấy nạn của nhơn loại đã đầy đầy, Ngài chỉ xuống tại mặt thế này làm con tế vật dâng chuộc tội tình cho nhơn loại, mà lại còn đem quyền của Chí Tôn để nơi tay của nhơn loại, bàn tay đó đã ký đệ nhị hòa ước cho nhơn loại, nó làm cho Ngài thế nào? Do tay Ngài ký tờ hòa ước với Chí Tôn, nên hai tay của Ngài bị đóng đinh trên cây thập tự giá. Hai chân của Đấng ấy đã đi trước nhơn

loại điều đường hằng sống cho họ, rồi hai chân của Đấng ấy cũng bị đóng đinh trên cây Thánh Giá, còn trái tim yêu ái nhưn sanh vô hạn ấy bị một mũi kiếm vô tình đâm ngay cạnh hông của Ngài, lấy giọt máu cuối cùng đó dâng cứu nhưn loại, một tình ái vô biên ấy để lại cho loài người một tôn chỉ yêu ái” [Thuyết Đạo quyền 2 của ĐHP].

Thuyết thương sanh, thuyết bảo tồn và định hồn sống được Ngài đã định thể phương giải khổ cho toàn mặt thể. Cái giá trị coi anh em cùng một Cha là học thuyết Ngài đặt tại mặt thể để nhưn sanh chiêm ngưỡng, nó đồng với tính chất “đại đồng” của triết lý tâm kỳ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngài đến với thân phận hèn mọn, bào cưa cây mưu sống, xin từng mẩu bánh mì để cho kẻ đói khát được no bụng nhưng Ngài đến với một quyền năng “*đại hùng, đại lực, đại từ bi*”. Khi bị đóng đinh trên thánh giá, những kẻ giết Ngài còn nhục mạ Ngài, đến cả Đức Chúa Trời còn xúc phạm. Nhưng Đức Ngài thì cầu nguyện:

“Thưa Cha, xin Cha tha tội tình cho chúng nó, vì chúng nó chưa biết lỗi lầm của chúng nó”.

Đối với Đạo Cao Đài, Đức Ngài được xem là một vị Phật Christna Tam Thế giảng sanh, lưu danh sử đạo, truyền học thuyết “bảo sanh” trong thánh chất của Đức Chí Tôn. Cứ mỗi 24-12 hàng năm, Đạo Cao Đài tiến hành thánh lễ để kỷ niệm một vị Giáo Chủ Tôn Giáo, Người đã từng tạo dựng

cho Âu Châu một nền triết lý tinh thần nhân văn cực thịnh, ảnh hưởng sâu rộng cả hoàn cầu.

3. THẦY GIÁNG NGỰ Ở ĐÂU

Đức Thượng Đế là cha của sự sống bởi chính từ Ngài mà sanh ra vạn vật gọi vật chất, thảo mộc, thú cầm và vạn linh trong càn khôn. Do đó, lòng háo sanh của Ngài vô cùng tận, thương yêu cả vạn linh, thút giục cơ tấn hóa để con cái trở về hườn nguyên.

Con người có có Thần, tức là bốn nguyên chí thánh do Thượng Đế phân phát. Quy Phật là chấp nhận nguồn cội duy nhất bất diệt của Đấng Hóa Công, quay về nội tâm để thấy Thần của chính mình. Thầy hằng dạy” *“Thần cư tại nhân”* nên dạy về Thiên Nhân mà thờ. Đó là thể pháp tượng lý diệu dụng của bí pháp mẫu nhiệm thiêng liêng. *“Thầy là các con, các con là Thầy”* đủ minh chứng rằng mỗi con người đều có một Phật Tánh huyền diệu.

Đạo Cao Đài ra đời không phải để phủ nhận giá trị của các tôn giáo cổ kim, nhưng để minh chứng tất cả tôn giáo từ một nguồn cội duy nhất, đến hồi phải *“phản tiền”* và có một triết lý hòa hợp đưa con người đến đời sống nhân bản, hòa bình, tự chủ, thương yêu và công chánh. Khi hành lễ đối với Thầy, ai cũng trông mong được Thầy giảng chứng. Thầy hằng dạy thà chúng ta có lỗi với Ngài hơn là có lỗi với các

Đấng Chơn Linh vì Thầy đại bi-đại ái tha thứ, còn Chư Thiên dụng oai linh chẳng tha thứ bao giờ.

“Thầy lại cũng đã nói: "Mỗi khi Chơn-linh Thầy giảng Đàn thì cả vòn-vòn muôn-muôn Thần, Thánh, Tiên, Phật theo hầu hạ". Các con nếu mắt phàm thấy đặng, phải khùng-khiếp kinh-sợ vô cùng; nhưng thầy chẳng đặng, nên tội cũng giảm nhẹ đó chút” [TNHT Q.2]

Đức Chí Tôn luôn chứng giám tác lòng thành của mỗi người và vì *“Nhơn tâm sanh nhất niệm, thiên địa tất giai tri”*, nhất cử nhất động Trời Đất đều hay biết hành tàng của nhơn sanh. Có lẽ, Thầy cảm qua lòng thành của chúng sanh và ít giảng đàn vì Thầy đã nói:

“Thất lễ là đại tội trước mắt các Đấng Chơn-linh ấy, Thầy phải "thăng" cho các con khỏi hành-phạt. Thầy chẳng buổi nào chấp trách các con, bởi lòng thương yêu hơn chấp trách rất nhiều; sợ là sợ cho các con mất đức với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật” [TNHT Q.2]

4. CƠ CHUYỂN THỂ VÀ DIỆT THỂ

Trời lập cơ chuyển thể từ Hạ Ngươn Tam Chuyển sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển, xây dựng đời thanh bình Nghiêu Thuấn, tức là lập một trường thi tấn hóa cho toàn nhơn loại tại quả cầu 68 này. Tạo dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lấy tôn chỉ *“Nho Tông chuyển thể”*, phục dựng lại

nền móng triết lý nhân bản thương yêu, trật tự, đạo đức thanh bình là thực hiện cơ chuyển thể của Đức Chí Tôn giao phó.

Kinh văn có câu:

*Cơ chuyển thể khó khăn lắm rồi,
Mượn Thánh ân xây đôi cơ Đời.
[Kinh Thế Đạo].*

Quyền hạn của mỗi cá nhân là nhập vào quyền Vạn Linh, ứng hiệp cùng quyền Chí Linh, dụng pháp đoạt cơ giải thoát. Đức Chí Tôn dạy ngày 23 tháng 12 năm 1931:

“Các con phải nhớ rằng toàn Thế-giới Càn-khôn, chính có hai quyền: trên là quyền-hành Chí-Tôn của Thầy, dưới là quyền-hành của sanh-chúng. Thầy đã lập hình-thể hữu-vi của Thầy, nghĩa là Hội-Thánh của Đại-Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền-hành trọn-vẹn của Thầy cho hình-thể ấy, đặt đủ phương tận-độ chúng-sanh, còn các con cả thầy đều đứng vào hàng sanh-chúng, dưới quyền-hành chuyển thể của đời” [TNHT Q.2, đàn cơ tại Thảo Xá Hiền Cung]

Cơ chuyển thể đi song hành cùng cơ diệt thể. Trần gian thanh trực lẫn lộn, đạo lý luân thường ngã nghiêng, mạnh đặng, yếu thua, tranh quyền, đoạt chức. Muốn chuyển thể, cơ sàn lọc diệt thể không sao tránh khỏi. Con người hiện

thời do văn minh tân tiến lấn át, dụng trí phạm phân chia chủ nghĩa bảo tồn, nào dè đó là cơ diệt thế.

“Vì có ghét nhau, vạn loại mới khi nhau; khi lẫn nhau mới tàn hại lẫn nhau, mà tàn hại lẫn nhau, là cơ diệt thế” [Đức Chí Tôn, TNHT Q.2]

Phận sự của mỗi người tín đồ Cao Đài là thương yêu, từng cơ chuyển thế của Đức Chí Tôn. Cơ Trời mầu nhiệm, máy thiên cơ cao sâu vô biên, trí phạm chỉ như hạt cát giữa sông Hằng, cơ chuyển thế và diệt thế vẫn luôn là bánh xe luân chuyển theo thiên thơ. Con người đã quên lãng Đệ Nhứt và Đệ Nhị Hòa Ước với Đức Chí Tôn. Đạo Cao Đài là cơ quan cứu thế phổ độ toàn thể sanh chúng, thực hiện Đệ Tam Hòa Ước: *“Thiên Nhân hiệp nhứt”* mà đoạt cơ mầu nhiệm máy tạo đoan.

5. LỄ HIẾN CHO HAI ĐẢNG CHÍ LINH

Con cái của Thượng Đế biết nhìn nhận Ngài là Trời, biết hướng cội nguồn bốn nguyên thánh chất, vì vốn mỗi hữu thể mang một Linh Quang của Đấng Chí Tôn. Tình thương của Đức Chí Tôn vô tận, vô biên nơi cửa Huỳnh Kim Khuyết. Nên tình thương con cái của Ngài đối với Ngài cũng thiêng liêng và cũng mặn nồng da diết. Đức Phạm Hộ Pháp khẳng định:

“Ngày nào về cõi hư linh, nếu vô tòa phán xét Bát Quái Đài thì Bàn Đạo quả quyết làm chứng rằng tình thương của nhơn

sanh đối với Chí Tôn rất nồng nàn”.

Mở cơ ân xá Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn gom hợp Tam Giáo, qui hiệp Ngũ Chi để chúng sanh giác ngộ lẽ vô thường tại thế, thấy được màu sắc tôn giáo là phương tiện để khách trần lãnh ngộ, quay về chơn tâm, tìm phương hòa hợp cùng Đại Ngã của vũ trụ. Nhơn sanh kính lễ nguồn cội cái Một bất diệt, chung chịu khổ não trên bước đường trần, trong bàn tay nâng niu của Đức Chí Tôn, tạo hình thể Đạo theo sở vọng của Đức Chí Tôn. Tuy nhiên, có một điều mà Đức Hộ Pháp nhắc nhở con cái Đức Chí Tôn thường khiếm khuyết là thay vì thương yêu Đức Chí Tôn nồng nàn, thì tình thương ấy đặt nơi bạn đồng sanh vô biên, vô tận. Khôi tình ấy sẽ là lẽ cao khiết hơn hết dâng hiến cho hai Đấng Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu.

“Chớ chi con cái của Ngài đem tình ái ấy để cả thầy thương lẫn nhau, dùng tình thương đã đem hiến cho Chí Tôn có thể hiến chung cho nhau đồng hưởng tại mặt thế này. Trái lại: không!” [Đức Hộ Pháp]

Như vậy, cái bí pháp tối trọng của dân Tam Bửu đối với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu không phải chỉ đơn thuần tứ thời nhứt tụng trước thiên bàn với ngôn từ suông, mà hiến lễ trọn lành cho hai Đấng là phụng sự Đạo Pháp và phụng sự chúng sanh để thực hành:

“Nam Mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai”

“Nam Mô nhì nguyện phổ độ chúng sanh”

Đó là lễ hiến quý trọng nhất đối với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

6. SỰ GIỚI HẠN CỦA CON NGƯỜI

Theo tôn giáo, con người là một sinh vật linh tối linh, hàm chứa một nội thể vô tận nếu con người biết khám phá và khai thác triệt để, bởi lẽ nguồn gốc của con người đi từ nguồn sống vô biên thuần nhất, biến hóa vô cùng tận, bàn bạc khắp nơi trong thời gian và không gian vô hạn. Nguồn sống khởi thủy ấy là tâm của càn khôn vũ trụ, là Thượng Đế, là ánh sáng của Đại Hồn vận hành chiếu soi bao la, biến sanh và trưởng dưỡng sự sống của Vạn Linh, tức là hình thể hóa dục của Thượng Đế. Như vậy, con người tồn tại trong giới hạn bao phủ do sanh tử, vui buồn, dục tính.

Một ánh sáng tiểu vũ trụ gọi là Thần dĩ nhiên hàm chứa một năng lực phi thường như ánh sáng của Đại Ngã. Một chơn thân gọi là Chơn Thần theo xác điều dưỡng, nuôi nấng thuộc khí bảo tồn sự sống, cầm cương để nương theo khuôn luật thiên nhiên. Thể hữu hình là tinh huyết cấu tạo thành những đa tế bào lưu chuyển thành sự sống do Chơn Thần điều đình. Khi phá vỡ được màng bao bọc của vô minh cầm ngăn tức là con người đã vượt ngoài sự giới hạn của sự sống hữu hoại, lập lại tính thuần nhất giữa Chơn Thần và Chơn Linh. Ánh sáng của Chơn Linh sẽ rọi vào. Hiện tượng ấy, tôn giáo gọi là liễu ngộ, đặc nhất, phản bản hườn nguyên hay hồi quang phản chiếu.

Như vậy, sự giới hạn của con người là hình thể sống, nó là nguyên nhân gây trì trệ trên dòng tấn hóa của linh tâm. Mặc khác, theo nguyên lý tương tác, đó là phương tiện cho thể xác thực hiện bài thi tấn hóa, làm nấc thang thăng hoa. Phá vỡ sự giới hạn của con người duy chỉ có con đường *nhập thế*, hòa vào sự giới hạn bằng minh triết trong đời sống mà thôi. Vượt qua mọi giới hạn của con người trong lý tính phạm ngã, con người tự khắc sẽ vượt qua rào cản giới hạn, trở về thánh chất bất hư, bất hoại.

7. BÀN TAY THÁNH THỂ

Hẳn trong chúng ta, khó ai quên hai câu thi của Đức Chí Tôn cho Đức Vua Bảo Đại thưởng khai minh Đại Đạo:

*“Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thử nhật biến nhơn phong”.*

Tạm diễn nghĩa “Nền Quốc Đạo, tức là Đạo Cao Đài ngày nay thành nền Đại Đạo; phong hóa của nước Nam ngày sau sẽ trở thành nền phong hóa của nhơn loại”. Đức Thượng Đế đến một cách bất ngờ và Ngài tuyên dạy:

“Từ đây, trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con, gọi là Quốc Đạo, hiểu à” [TNHT].

Một nền triết lý siêu việt, hội tụ tinh hoa của Tam Giáo cần một bàn tay thánh thể để trụ hình nơi mặt thế, đủ năng lực diu đỡ chúng sanh thoát sông mê.

Còn nhớ, Đức Phạm Công Tắc trả lời với Đức Chí Tôn khi Thầy bảo Ngài Phạm Công Tắc phê đời hành đạo:

“Thưa Thầy, Thầy biểu con làm Lão Tử hay Jésus con làm cũng không đặng, Thích Ca con làm cũng không đặng, con chỉ làm đặng Phạm Công Tắc mà thôi, con lại nghĩ bất tài vô đạo đức này quyết theo Thầy không bỏ nhưng tưởng cũng chẳng ích chi cho Thầy”.

Đức Phạm Công Tắc khẳng khái không muốn làm Đức Jesus, cũng chẳng làm hành tàng như Đức Thích Ca mà chỉ làm kiểu vớ của một “Phạm Công Tắc”.

Đức Chí Tôn nói:

“Tắc! chẳng Thầy lấy tánh đức Phạm Công Tắc mà lập giáo con mới nghĩ sao?”.

Khi nghe đến đây, Đức Phạm Công Tắc hăng say ưng thuận để trở thành một đảng Chơn Quân Phạm Hộ Pháp, làm bàn tay thánh thể cho Đức Chí Tôn tạo một sự nghiệp vĩ đại, tức là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trụ hình tượng tại quả địa cầu 68 này. Bàn tay thánh thể ấy mang quyền năng dựng

Thê Pháp, cầm Bí Pháp đoạt đạo, khai khiêu huyền quang cho các đấng chúng sanh đoạt Đạo.

8. PHẬT TÂM

Phật là danh từ xuất phát từ Phạn Ngữ Buddha, nếu theo Việt Ngữ phiên âm nghĩa là Bụt mà ta vẫn thường thấy trong các tác phẩm Phật Học xuất hiện. Chữ Budh là động từ nghĩa là thức tỉnh, giác ngộ. Do vậy, Phật là người đã giác ngộ chân lý của vũ trụ hoàn toàn, thấy được bản lai chân nguyên, để trở về bản nguyên Phật Tánh hiện hữu, bất sanh, bất diệt, đi ngoài vòng sinh-lão-bệnh-tử. Trong Thái Bát Nương Diêu Trì Cung cho thánh thi có hai câu:

*“Trêu trăng hằng thối dấu mây,
Cột mây tranh chức Phật đài thêm hoa”.*
(Bài Thái Bát Nương).

Cao Đài giáo cho biết Chơn Linh là Nguyên Căn Phật Tánh xuống thế học hỏi tấn hóa nằm trong Bát Hồn là kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn. Theo dòng tấn hóa, khi tiến hóa từ vật chất lên thảo mộc, cây cỏ có sanh hồn. Khi bước qua thú cầm hồn, có thêm giác tánh. Lên làm người, thêm hồn thứ ba là linh hồn của Thượng Đế ban. Vì thế, người hội đủ tam thể xác thân, chỉ chờ điều kiện hiệp nhất Tinh, Khí, Thần để hườn nguyên, kiến tánh giác ngộ mà thôi.

Đức Phật Thích Ca giảng “*chúng sanh là Phật sẽ thành*” vì mỗi người đều mang một bản thể chân nguyên của vũ trụ, bất sinh, bất diệt, dù lăn trôi ngụp lặn trong biển khổ cũng sẽ đến ngày thức tỉnh, tìm về con thuyền bát nhã, dụng diệu tánh thường tại để Phật Tánh làm chủ, vượt thoát mọi khổ đau, đạt ba đức: tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn để đạt ngôi vị Phật hoàn toàn cùng Đại Hồn của vũ trụ.

Trong học thuyết Phật Gia, chúng ta thường bắt gặp hai chữ “*tâm ấn*”. Đây là phương pháp truyền đạo pháp vi diệu thiên tông mà người thầy chẳng dùng văn tự hay lời nói để chỉ yếu lý cho đệ tử của mình giác tánh (tâm), liễu thông viên minh Phật pháp. Ngược lại, người thầy truyền tâm ấn, tức là giáng tâm vào tâm của học trò để trò lãnh ngộ diệu pháp. Có câu:

“Bất lập văn tự, ngoại giáo biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật” [Tổ Sư Thiên Tông Đạt Ma thứ 28]

Thứ nhất, chẳng dùng văn tự mà vẫn đạt đến đích chân thật của thiên tông vì văn tự chỉ là lý, tức là cái sở, chẳng phải pháp hay dụng của đạo chân nguyên. Ngôn ngữ thế gian chỉ mang hàm chứa tính chất nội tại hạn hẹp, phô diễn cái bề ngoài của pháp môn giải thoát. Cho nên Đức Tổ sư muốn tỏ cái ý chân nguyên thì không cho sử dụng ngôn từ.

Thứ hai, vì “*ngoại giáo biệt truyền*” nên chẳng cho dùng ngoại dung mà truyền yếu lý, tức là không truyền theo tính chất kinh điển. Theo Phật tông, nếu thiền tông được minh tả theo văn tự, kết quả chỉ mang tính nhân duyên vật lý tính, chẳng đi đến bờ giải thoát.

Thứ ba, “*trực chỉ nhơn tâm*” vì mỗi người phải biết tánh và thấy tánh của mình, đó là kết quả rốt ráo cho kiếp nhân sinh biết tầm chơn pháp. Chẳng phải chỗ biện chứng lý giải thoát theo chiều thuận nghịch mà là quay về hải đảo tự tâm, niếm vị thanh tịnh Phật tánh.

Đối với Đạo Cao Đài, tinh thần triết lý tam thể xác thân đã vạch ra sự tương quan và hiệp nhất của ba thể. Tâm thứ nhất là do lý nhất nguyên sinh ra, gọi là “*thần*”, hay là “*chơn linh*”, “*phật tánh*”, thuộc dương quang đào tạo. Tâm thứ nhì gọi là “*khí*” hay “*chơn thần*”, thuộc âm quang đào tạo. Người tín hữu Cao Đài muốn đến nét thiền môn, phải thực hành các ước vọng của Đức Chí Tôn mong muốn, tức là thiết phận hiếu hạnh với hai Đấng Đại Bi, tâm ý phi thường, điều khiển tâm lý thương yêu chúng sanh vô tận, coi thiên hạ trọng hơn mình để trở nên chí thiện, chí chơn, chí mỹ, chí thanh. Đức Hộ Pháp dạy:

“Muốn đi con đường thứ ba phải tập mình đừng ham muốn chỉ cho mình nữa, hành tàng của Chí Tôn là phận sự của mình, phải yêu ái hiếu hạnh cùng Chí Tôn và Phật Mẫu. Cái yêu ái và hiếu hạnh ấy phải là phi thường do tâm linh

điều khiển, phải thương yêu hơn sanh và vật loại hơn mình và coi đồng thể, đồng sanh với mình. Phải tạo dựng cố thủ Thánh tâm cho nên Chí Thánh, và đạt cho đủ ba ngàn công quả thì sẽ đi đến, lướt đặng và vững vàng thắng muôn điều trở ngại” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1]

Nếu còn mấy phạm tâm, vọng động, không lấy tinh thần vi chủ cho tư tưởng và hành động, chưa hề đi đến hạnh phúc, hiệp hội cùng quyền năng hư vô. Mỗi tín đồ là phần tử trong thánh thể thường tại của Đức Chí Tôn, thực hiện “*ngũ nguyên Đại Đạo*” thường hằng cho ra chí chơn. Để trọn vẹn trách nhiệm nhỏ nhoi, đòi hỏi một khối óc thiêng liêng, kèm nén phạm tâm, giữ thánh ý, hầu bảo tồn và xiển dương giáo pháp Đại Đạo. Đức Phạm Hộ Pháp minh giảng thêm:

“Mấy em chưa nắm được hoàn ngọc thì chưa đủ bảo toàn Vạn Linh con cái của Chí Tôn. Qua nói Qua sẽ mở cửa Bát Quái Đài dùm mấy em mà mấy em có đến được cùng chẳng là do tâm lý của mấy em đó. Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phạm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đo đạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc thiêng liêng mới mong thay hình Thánh Thể Chí Tôn đối với con cái Ngài là quần linh” [Thuyết Đạo ĐHP, Q.1]

Năm 1946 [Đình Hới], Đức Phạm Hộ Pháp ban hành “*phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba của Đại Đạo*” để toàn đạo chiêm nghiệm, thực hành khắc kỷ tu chơn cho ra

chí cực thiện mỹ. Đức Ngài dạy phải thân thích cùng cả nhơn vật, ân hậu, khoan hồng, không vị kỷ, bình tĩnh, độ lượng, tha thứ, vui vẻ, điều hòa, tự chủ, quyết đoán, giữ đức tin khôn ngoan như kho chí bửu, hiểu hạnh với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, không cố chấp oán thù, trung dung, điều tiết thất tình, dùng thiện trừ ác, tư tưởng và âm thực phải thanh khiết...

Những lời truyền dạy của Đức Ngài về phương luyện kỹ, phương pháp trị tâm, luyện thân, luyện trí để trở về thực tánh thiên lương nguyên bản. Lời vàng tiếng ngọc của Ngài cốt dạy lý nhiệm mầu của cơ quan bí nhiệm giải thoát lấy mình. Đức Ngài khẳng định: “Ấy là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế này”.

Tâm là bản thể đồng tính chất với chân nguyên vũ trụ vô hình, tức là tự tánh hay bản lai. Tâm giao cảm cùng Trời Đất là tâm trở về trạng thái “*vô nhất vật*” tức là tịch của tánh nguyên lai. Cho nên, phật tâm đạt vô sở trụ tức là chân thường hay đạo thì đắc tánh vậy.

9. ĐẠO CAO ĐÀI

Năm Bính Dần 1926, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài qua huyền diệu cơ bút lập nền ân xá cho toàn thể chúng với danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài. Khi đến thuở ban sơ, Đức Thượng Đế xưng danh A, Ẫ, Ậ ám chỉ nguyên lý hình thành vũ trụ Phật, Pháp, Tăng, tức là căn khôn định thể tạo vạn vật.

Đức Hộ Pháp cho biết một chuyển gồm 36 ngàn năm, nên một ngươn gồm 12 ngàn năm và Thượng Ngươn thuộc quyền Phật, Trung Ngươn thuộc quyền Tiên và Hạ Ngươn thuộc Thánh. Ngày nay, Hạ Ngươn của Tam Chuyển, Cao Đài là nên tôn giáo vinh danh “*Nho Tông chuyển thế*” lấy tinh túy triết lý Tam Giáo qui nguyên. Hồng danh của Đức Chí Tôn “*Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*” đã nói lên triết lý Tam Giáo qui hợp. “*Cao Đài*” thuộc Thánh, “*Tiên Ông*” chỉ Lão Giáo, “*Bồ Tát*” chỉ Thích Giáo. Niệm danh Thầy là tán thán công đức ngôi vị chủ định Đạo sáng thế càn khôn vũ trụ, là kêu gọi Tiểu Vũ Trụ tức Phật Tâm của mỗi con người thức tỉnh về thánh chất bản nguyên, là nương vào triết lý Tam Giáo Phật-Thánh-Tiên để trở về nguồn cội thiêng liêng.

Đạo Cao Đài có Tòa Thánh Tây Ninh làm trung ương, tượng Bạch Ngọc Kinh tại thế, tức là tòa ngự của Đấng Cao Đài. Thầy làm chủ mỗi đạo, Hội Thánh là Thánh Thể của Thầy giục trống Lôi Âm, khua chuông Bạch Ngọc, giờ cờ cứu khổ thức tỉnh nhơn tâm. Đấng Cao Đài tối linh, làm chủ Phật, Pháp, Tăng. Hiệp Thiên Đài tượng cho Pháp trong khi Cửu Trùng Đài tượng trưng cho thể xác là Tăng, Bát Quái Đài là Thần tượng cho Phật. Đạo Cao Đài tượng cả lý huyền diệu Phật-Pháp-Tăng đủ lý. Thi liêng có câu:

*“Cao như Bắc Khuyết dân chiêm ngưỡng,
Đài tại Phương Nam đạo thống truyền”*

Đạo Cao Đài là hiện tượng tất yếu trong chu trình tấn hóa của quả địa cầu này. Chư Phật, Tiên, Thánh, Thần xuống thế đem đạo dẫn nhập vào đời, lấy khuôn mẫu đạo đức, thánh thiện, truyền dạy. Bằng cơ, cơ bút đã dẫn dắt, nắn cái không thành cơ quan cứu khổ thiết tướng, tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là Hội Thánh, thực hiện và truyền dạy nhơn sanh để tìm về ánh sáng Cao Đài, dạy từ mọi chức năng như phổ tế, phước thiện, giáo hóa, giác ta, giác ta, minh định chủ thuyết lập trường của nền chơn giáo Đức Chí Tôn.

Chẳng những thế, Đạo Cao Đài qua cơ bút thông công, những tính chất siêu hình và học thuyết bản nguyên về Đấng Tạo Hóa được hiển lộ; các Đấng Thiêng Liêng cho biết cơ sanh tồn, vòng tấn hóa, biến thiên, dịch chuyển của máy tạo Âm Dương, tương quan giữa Trời Đất và con người, vạch ra định tính đại đồng thể giới.

Theo tiên tri của Phật Giáo và Kito Giáo, sau này sẽ có một tôn giáo mới xuất hiện trong thời mạt pháp. Đạo Cao Đài đã dung hợp tinh hoa Tam Giáo, vừa đưa con người đến cứu khổ tâm hồn vừa thực hiện sứ mạng cộng hòa nhơn tâm theo lịch sử nhơn loại đòi hỏi bức bách.

Đạo lấy biểu tượng Thiên Nhân, tức là mắt Trời [mắt trái] để thờ phụng, tượng nhất thể, ánh sáng của trung tâm vũ trụ, thiên lương. Đức Thượng Đế là ngôi Thần tự hữu, bàn bạc, hóa sanh và dưỡng dục muôn vàn ức đấng chúng sanh.

Đạo Cao Đài ngày nay đã đạt số tín đồ hàng triệu, được truyền bá hải ngoại. Giáo lý Cao Đài còn được đưa vào giảng đường đại học như một bộ môn chính thức tại một số quốc gia.

10. NƯỚC CAM LỘ

Nước cam lộ là nước cam lồ, cũng được gọi là nước dành dương vì ám chỉ giọt nước thiêng liêng. Khi nói danh từ này, người ta liên tưởng ngay đến bình tịnh thủy của Đức Quan Âm Bồ Tát, Ngài dùng nhánh dành dương nhúng vào nước cam lộ để trừ oan khiên, tai biến cho chúng sanh. Do đó, danh từ này thường được dùng trong tôn giáo để chỉ ân huệ thiêng liêng ban cho chúng sanh.

Kinh Cao Đài có câu:

*Khá từ bỏ xa dòng bể khổ,
Diệt trần tình Cam lộ tẩy nhơ.*
(Kinh Thế Đạo).

Theo dòng tấn hóa của nhân loại, Tam Giáo ra đời trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ đệ độ chúng sanh xóa oan khiên, tu tiến về bờ bi ngạn. Nhưng theo triết thuyết Cao Đài, 92 ức Nguyên Nhân còn chơi vơi, Tam Giáo cổ kim thất kỳ truyền không đủ phương cứu rỗi chúng sanh, Đạo Cao Đài phải ra đời như phương thuốc nguơn nguyên. Theo Đức Hộ Pháp, sinh linh đồ thân trông chờ giọt từ bi như hạn trông mưa nên

giáo lý Cao Đài chứa một nền chơn lý tối thượng. Đức Ngài nói:

“Mấy em cũng dư biết Đạo Cao Đài sản xuất có một Chơn Lý tối cao, tối trọng nên đời buổi này khao khát đợi chờ như hạn trông mưa, những kẻ tội tình trong bể khổ khát khao đợi giọt Cam Lộ của Đức Chí Tôn chan rưới cho bớt sự đau thảm”

Quả vậy, giáo lý Cao Đài nhiệm mầu, là con thuyền bát nhã đưa người qua sông, là nấc thang cho chúng sanh bước vào cảnh giới thiêng liêng hằng sống, là giọt cam lộ rưới tắt lửa phiền.

Đức Lý Giáo Tông vô vi có dạy:

“Đức Từ-Bi đã lấy lòng quảng đại mà gieo giọt lành dương để rửa lỗi phạm gian, hầu đem mình giá trắng gương trong vào nơi Cực-Lạc” [Trích TNHT Q. 2]

Đạo Trời khai mở, dẫn khách nâu sòng qua bến tục, mở đường thánh cho khách trần lặn hồi dò đường cực vị, là giọt cam lộ rưới khắp quả địa cầu 68 này vậy.

11. QUYỀN NĂNG CỦA TINH THẦN

Tinh thần là phần vô hình, vô tướng nhưng nó vốn làm chủ mọi hành tàng của con người. Có khái niệm, có đức

tin, có phương pháp, có tư duy mới có mọi hoạt động hữu tướng. Nên quyền năng tinh thần là ông chủ của quyền năng hình thể. Với đạo giáo, năng lực hữu tướng hình thể dù có cao xa, mạnh mẽ đến đâu cũng đến hồi rã tan thành tro bụi.

Lịch sử các tôn giáo đã để lại một trang sử, minh chứng cho năng lực tinh thần bất diệt trước quyền năng của hình thể. Cường lực hình thể buộc từng mạng linh thì sống, nghịch thì phải chết trước ngọn đao mũi kiếm của họ. Cái năng lực phi đạo đức tôn vinh giá trị năng lực tinh thần cao siêu, ví như có người xem mạng sống như lông hồng, dám hy sinh để cứu kẻ khác, chịu đổ máu của mình nuôi bạn đồng sanh, hay chịu tử trước cái năng lực hung tàn của hình thể để tôn vinh giá trị chơn lý. Thế lực của Juda tràn lan tiêu diệt nền triết lý Công Giáo nhưng nhờ thế mà ánh sáng cứu rỗi của Chúa Jesu truyền thừa đến ngày nay. Phật Giáo ra đời cũng bị các thế lực khác đè nén, nhưng đã truyền khai trên 2.500 năm. Cao Đài Giáo cũng không ngoại lệ. Hễ càng bị đè nén, năng lực tinh thần càng cao siêu chừng ấy. Đức Hộ Pháp thuyết:

“Ngộ ngĩnh thay! Cũng thế, không có quyền lực nào đè nén lệ thuộc tinh thần của Đạo được, nên hôm nay Đạo Cao Đài vẫn còn tồn tại và Bản Đạo quả quyết rằng: Nó sẽ tiến mãi tiến đến cực điểm danh dự đặng cứu khổ thiên hạ”
[Thuyết Đạo của ĐHP]

Tinh thần sản sinh từ tâm, tâm vi chủ hình thể. Hình thể sống nhờ vào sự điều khiển của tâm vì tâm sinh tướng. Tướng tan rã cũng phải về vô vi, tức là năng lực tinh thần mà các tôn giáo gọi là linh tánh diệu dụng, trường tồn bất biến, luân chuyển thăng đọa theo quy luật của tạo hóa. Quyền năng tinh thần sẽ định con đường thăng đọa cho chơn tâm.

12. THUYỀN BÁT NHÃ TRONG CAO ĐÀI

Chúng ta chẳng lạ lắm chi về con thuyền bát nhã trong nghi lễ Cao Đài vì Bát Nhã Thuyền ám chỉ nhiều điều huyền nhiệm trong cửa tôn giáo. Về hình thể, đó là một con thuyền đóng bằng gỗ có hình dạng con rồng, dùng chở quan tài. Về ngữ nghĩa, “*bát nhã*” phiên âm từ Phạn Ngữ là “*trí tuệ*”, tức chỉ trí tuệ của người tu hành, vượt qua màn vô minh trong cõi ô trược, thăng thất tình lục dục cám dỗ sai khiến, trở về nước hằng sống, do vậy con thuyền bát nhã tượng lý “*bát nhã tri*” của bậc hành giả.

Bát nhã là cái tâm trí thoát ra ngoài Tham, Sân, Si, dứt các mê lầm, tự mình thông đạt, sáng suốt giác ngộ. Như thế, Bát nhã là cái trí huệ cao siêu đệ nhất trong tất cả trí huệ, là thứ mà không gì sánh bằng hay cao hơn nó được.

Trong Phật Giáo có kinh rằng:

“Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề”

[*Tạm diễn nghĩa*: Tất cả các vị Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai đều nhờ vào trí huệ này mà đạt ngôi vị cao nhất].

“*Bát Nhã ba la mật*” còn mang nghĩa lý “trí huệ đáo bỉ ngạn”, nghĩa là hành giả khắc kỷ tu thân đạt trí bát nhã soi thực tướng mọi tính chất thế phàm, thọ khuôn khổ hữu hình mà đi trên con thuyền chèo qua bờ giác ngộ tuyệt luân, vào cõi Niết Bàn.

Theo triết lý Cao Đài, Đức Phật Mẫu vì thương con cái, cho 24 chuyền thuyền Bát Nhã chở 100 ức nguyên nhân xuống thế độ trần, nhưng do nhiễm luyến bụi hồng, căn xưa vị cũ phải xa lìa mà ngụp lặn trong bể khổ. Nhị Kỳ đã vớt 8 ức nguyên nhân, còn 92 ức chưa thức tỉnh. Đức Thượng Đế mở cơ tận độ, lập giáo để tiếp tục cứu các nguyên nhân còn lâm phàm đưa về cội vị.

“*Than ôi! Chớ với cả muôn triệu giữa dòng, mà thuyền Bát Nhã độ người không mấy kẻ. Đức thừa ít có, mà tài vô dụng chẳng thiếu chi*” [Thánh giáo của Đức Chí Tôn].

Về mặt diệu dụng bí pháp, “*thuyền bát nhã*” là chiếc thuyền rồng vô vi đưa các đẳng chơn hồn đủ phước công thoát cõi luân hồi, đáo bỉ ngạn, đắc đạo giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, đạt phẩm vị thiêng liêng. Mặt khác, con thuyền bát nhã vô vi rước linh căn được ân xá trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Về mặt thể pháp hữu hình, con thuyền được thiết kế bằng gỗ có hình rồng, trên thân với hình dạng nhà vàng chính giữa thân để quan tài người mất, đưa đi đến nơi an táng cuối cùng.

Nơi trung ương thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh, thuyền bát nhã là chiếc thuyền rồng vàng, có khung như trên, có hai bánh, hai hong thuyền có gắn hai sợi dây to để các đạo tỳ đạo kéo.

Ở các Châu Đạo xa vùng thánh địa, thuyền bát nhã được thiết kế như trên. Ngoài ra, có trang bị động cơ máy để di chuyển quãng đường xa.

Nơi địa phương vùng sông nước, quan tài phải di chuyển an táng nơi xa và phải qua kênh rạch, sông nước, nên thuyền thường được thiết kế theo kiểu động cơ thuyền tiện bề đưa thi hài người mất đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Tùy theo hoàn cảnh, địa thế và sở dụng, thuyền bát nhã được trang bị cho phù hợp để phục vụ theo nghi thức Đại Đạo, nhưng không mất đi thể pháp hữu hình và giáo pháp Cao Đài đã định đặt.

Xét về dòng sử đạo, năm 1935, Đức Chí Tôn ban chi Kinh Tận Độ. Lúc ấy, Đức Phạm Hộ Pháp lệnh cho Khai Pháp Chơn Quân Trần Duy Nghĩa làm lễ khánh thành

Thuyền Bát Nhã long trọng, trang nghiêm. Đức Khai Pháp giảng giải:

*“Kính Đức Hộ Pháp,
Kính Hội Thánh Cửu Trùng Đài,
Các Ban: Bộ Nhạc và Tổng Trạo, mấy em nam nữ.*

Hôm nay là ngày 13 tháng 10 Ất Hợi, nhằm lễ kỷ niệm Khai Đạo hằng năm, lại nữa là ngày khai Thuyền Bát Nhã tại Khách Đình.

Bần tăng vâng lệnh Đức Hộ Pháp dẫn giải cho nhơn viên hiện có trách nhiệm trọng yếu trong Bát Nhã thuyền được rõ: Lấy theo Thể pháp, các em đây là nhơn viên của Đức Phật Di-Lạc tượng trưng thể pháp nơi mặt thể này, nương lấy khuôn Thuyền Bát Nhã trong thời kỳ hạ nguơn hầu mãn khởi đầu thượng nguơn Tứ Chuyển.

Về hữu vi, tượng trưng đưa xác người vào nơi cực lạc giới, gọi là kiếp thoát trần; mặt khác về nhiệm mầu vô vi là Cơ Tận độ cứu rỗi cứu nhĩ ức nguyên nhân qui hồi cực vị, cùng các chơn hồn tiền vãng hậu vãng và các chơn hồn vật loại đạt đến phẩm nhơn khi thoát xác được siêu thăng Thượng giới.

Tưởng lại phần đông trong thiên hạ đã có xem qua cốt chuyện Tây Du, Đường Tam Tạng thỉnh kinh đông độ, bốn thầy trò cùng đi gần tới Tây phương, dựa mé sông giang

hà để bước lên chiếc Nại Hà kiều rất lắt léo khó đi, các trò đều có phép hóa thân nên qua được, riêng thầy Tam Tạng không biết làm sao qua.

Đương lúc quanh quẩn tán thối lưỡng nan, bỗng nhiên thấy có một người chèo thuyền rồng đến vừa thấy rõ, lạ một điều là thuyền không đáy mà nổi phao trên mặt nước. Thầy Tam Tạng lấy làm lạ và ái ngại không hiểu mình bước xuống thuyền có được không.

Bao lần dự dự không quyết định được, đến rốt cuộc thầy Tam Tạng buộc lòng để chân xuống thuyền. Vì còn mang xác thân phàm tục nên lúc ban sơ phải chịu nhiều khó khăn chênh nghiêng mất thăng bằng. Tuy vậy, thỉnh thoảng sự bình tĩnh vững vàng trở lại như bao người bên cạnh, thầy Tam Tạng trực nhìn xuống dòng sông nước chảy thấy một xác người chết trôi qua bèn than rằng: Nơi đây gần đến nước Phật, sao còn có người chết trôi như thế!

Tôn Ngộ Không liền đáp rằng: Ấy là cái xác của thầy đó vậy. Bởi dày công tu luyện, đến ngày công viên quả mãn, nên cõi xác trần thoát kiếp, vì ở trần thế mang xác phàm hữu hình hữu hoại và nhờ đó mà phân biệt phàm Thánh trong khi mình đã đắc đạo.

Thuyền rồng không đáy kia, Phật giáo gọi là Thuyền Bát Nhã và người chèo Phật danh gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.

Thuyền Bát Nhã có là do một bèn sen (một cánh bông sen) của Đức Phật Tổ nơi CLTG, Đức Phật dùng tinh hoa của Tam muội hỏa mà biến thành, ấy là bí pháp của nhà Phật.

Hai chữ Bát Nhã, Phật tông nguyên lý trong kinh gọi là Trí huệ, để mở mang sự sáng suốt cho các bậc chơn tu, cũng ám chỉ là Thuyền Từ đưa người thoát tục.

Trải qua bao kỷ nguyên, người tu đắc đạo cũng nương lấy Bát Nhã thuyền do nhiệm mầu thiêng liêng mà về nước Phật hay đến cõi Hư Vô tịch diệt.

Thuở Hỗn Độn, khi Trời Đất phân ngôi thứ rồi mà chưa có loài người, Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Minh Sư gọi là Lão Mẫu, vâng lệnh Đức Thượng Đế nhóm ngự triều Đại hội nơi Kim Bồn, phòng định 100 ức nguyên nhân xuống trần, dùng Ngọc Lộ Kim Bàn trụ các nguyên nhân cho xuống thế lập đời.

Trước khi ấy, Lão Mẫu tức là Diêu Trì Kim Mẫu, kêu toàn cả linh căn chơn tánh dự Hội Yến Bàn Đào, ban cho mỗi vị một cái túi gọi là Vạn Bửu Nang, trong đó có 8 món báu là: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ, và căn dặn khi xuống trần thế, rui mất một món là về cùng MẸ không đặng.

Lão Mẫu dùng Bát Nhã thuyền chở toàn linh căn và 8 món báu ấy đưa xuống lập đời. Có bài kệ rằng:

Linh căn ngày đó xuống trần ai,
Cái cái vui mừng nhập mẫu thai.
Vì mất Bửu nang mê nghiệp hải,
Làm sao tỉnh ngộ trở hồi lai.

Bên kia có Đại Tiên hiệu là Cù Tán Đổm hay là Kim Quang Sư, thấy Phật Mẫu cho chơn linh xuống trần thì ông cũng xuống trần có dẫn theo 5 chơn linh quỉ vị biến thành:

1. Kim là tiền bạc.
2. Mộc là sắc đẹp.
3. Thủy là rượu ngọt.
4. Hỏa là nóng giận.
5. Thổ là nha phiến.

Mỗi chơn linh quỉ vị đều biến ra 5 mùi vị khác nhau cho các nguyên căn say mê mà quên cả các Bửu nang.

Con người lớn lên thấy tiền thì ham, thấy sắc lịch thì mê, thấy rượu ngọt thì ưa, mà nó giục cho con người nóng giận và say mê nha phiến, chước quỉ mưu tà, hằng xúi giục bày ra muôn ngàn sự khoái lạc nơi trần khổ chẳng xiết, nên chất linh căn vì lưu luyến hồng trần, vui say mùi vị thế gian mà quên nguồn cội.

Bởi thế cho nên Thánh nhân ra đời lập Tam giáo đạo cũng qui tụ căn bản trong 8 món báu để tỉnh giác.

- Phật giáo dạy phải chọn Tam qui Ngũ giới.
- Tiên giáo dạy phải vịn Tam ngọn Ngũ hành.
- Thánh giáo dạy phải gìn Tam tạng Ngũ thường.

Để thức tỉnh các linh căn nhớ nguồn cội 8 món báu ấy mà về, ai được may duyên sớm ngộ đạo, mới lên Bát Nhã thuyền mà trở về cội vị, đúng như bài thi của Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

Khuôn thuyền Bát nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có đạo trong muôn ngòi cũng đủ,
Không duyên một đũa cũng là chìm.

*** Thời kỳ Thánh đức:**

Sơ khai Long Hoa Đại Hội, Đức Di Lạc, kiếp Tiên vị mệnh danh là Hoàng Cực Chủ Nhân, lãnh lĩnh Lão Mẫu tức là Diêu Trì Kim Mẫu hay là Thiên Hậu buổi nọ, Ngài làm chủ Thuyền Bát Nhã chở các nguyên nhân xuống thế, lần đầu 24 chuyến thuyền, hai lần sau mỗi lần 6 chuyến, đúng như quyển kinh thứ nhứt và thứ nhì Ngọc Lộ Kim Bàn.

Nguồn Thánh đức gọi là: **Nhứt Kỳ Phổ Độ:**

1. Giáo chủ đạo Phật: Nhiên Đăng Cổ Phật.
2. Giáo chủ đạo Tiên: Thái Thượng Đạo Quân.

3. *Giáo chủ Đạo Thánh: Văn Tuyên Đế Quân.*

Các vị Giáo chủ đã sáng khai nền đạo, lập thành qui điều, luật pháp, an ninh trật tự cho nhơn loại tiến bước trên đường tu tỉnh. Đức Chí Tôn Ngài mới dạy: Khai Long Hoa Đại Hội Nhứt Kỳ nên có câu: Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội Nhiên Đăng Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn. Đức Nhiên Đăng làm chủ hội, điểm đạo chỉ có 6 ức nguyên nhân đắc đạo.

*** Nhị Kỳ Phổ Độ:**

Thời kỳ văn minh tiến hóa từ ấy mới nổi danh trong Tam giáo:

- 1. Phật thì có Đức Thích Ca làm Giáo chủ.*
- 2. Tiên thì có Đức Lão Tử làm Giáo chủ.*
- 3. Thánh thì có Đức Khổng Tử làm Giáo chủ.*

Sau 551 năm, Ngài cho Đức Chúa Jêsus Christ giảng sanh, cũng thời Nhị Kỳ.

Sau khi thành lập luật pháp qui điều, Ngài mới khai Long Hoa Nhị Kỳ Phổ Độ, có câu: Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn.

Đức Di-Đà làm chủ hội, điểm đạo được 2 ức nguyên nhân đoạt pháp, phần nhiều là môn đồ của Lão Tử đắc đạo, còn 92 ức nguyên nhân luống chịu đọa trần.

*** Tam Kỳ Phổ Độ:**

Đến thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp, tức là thời kỳ qui cổ, chính mình Đức Chí Tôn giáng trần, dùng huyền diệu cơ bút, để Tam Trấn Oai Nghiêm thay cho Tam giáo lập Đạo vô vi, không hình thể như trước, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1. Đức Phật Quan Âm chương quản về Phật giáo.
2. Đức Lý Thái Bạch Tiên Trưởng chương quản Tiên giáo.
3. Đức Quan Thánh Đế Quân chương quản Thánh giáo, gọi là Nho Tông Chuyển Thế.

Nhơn thời Hạ nguơn này, do cơ bút mà biết được nguyên nhân đắc đạo trong hai kỳ trước. Những nguyên nhân đắc đạo đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giáng trần, chịu mạng lệnh nơi Đức Di-Lạc Vương Phật, lo cứu rỗi 92 ức nguyên nhân còn say đắm nơi trần.

Bây giờ nhắc lại Thể pháp cuộc Chèo Thuyền Bát Nhã, phận sự của nhân viên trong thuyền có:

- Tổng Lái
- Tổng Mũi
- Tổng Thương
- Tổng Khâu và
- 12 Bá Trạo.

- **Tổng Lái:** là chơn linh Hắc Sát Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của Hộ Pháp.

Tổng Lái tượng trưng Bát Quái Đài.

- **Tổng Thương:** là chơn linh Huỳnh Long Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của Thượng Sanh.

Tổng Thương tượng trưng cho Cửu Trùng Đài.

- **Tổng Mũi:** là chơn linh của Bạch Hồ Tinh ở Thượng giới theo Thể pháp, còn Bí pháp là chơn khí của Thượng Phẩm.

Tổng Mũi tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.

- **Tổng Khâu:** tượng trưng nhơn sanh, tức là chơn hồn của chúng ta, thấy tánh tình của Tổng Khâu vô chừng, vui buồn chẳng định, và chẳng trong thời biến chuyển loạn lạc, phải chịu dưới phép sai khiến của lực dục thất tình, vì danh lợi tự đem mình đến chỗ trụy lạc, vì vật chất xa hoa quuyến rũ.

- **Mười hai Bá Trạo:** Con số 12 là bí pháp, số riêng của Đức Chí Tôn. Ngài nắm Thập nhị Khai Thiên nơi tay, tức là Thập nhị Thời Thân nơi Bạch Ngọc Kinh. Còn Thể pháp là Thập nhị Thời Quân HTĐ mà chúng ta đã biết trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Vậy 12 Bá Trạo tượng trưng Thập nhị Địa Chi: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi,

mà biến tướng Càn Khôn thế giới, làm cho rộng lớn thêm lên vũ trụ bao la.

Những vị vừa kể trên, vừa chèo vừa hát rập ràng, theo chơn truyền của đạo là Thể pháp. Thể pháp có hành thì Bí pháp mới tựu. Ấy là "dĩ huyền độ chơn".

Thể pháp và Bí pháp lúc nào cũng phải đi đôi, cũng như người có xác và hồn phải tương liên, bằng chẳng vậy, có xác không hồn là điên, có hồn không xác là vị đó vậy.

Đức Chí Tôn là chúa tể CKVT, hoá sanh vạn vật, cầm quyền thiêng liêng cũng như hữu hình, với lòng Đại từ đại bi, chẳng nỡ ngồi nhìn con cái của Ngài phải chịu trầm luân khổ hải, nên Ngài dùng Bí pháp định cho Tam vị Thần xuống thế tượng trưng Thể pháp là: Tổng Lái, Tổng Mũi, Tổng Thương, lái vừng khuôn thuyền Bát Nhã để độ dẫn các chơn linh nguyên nhân, hóa nhân, quỷ nhân, và các chơn hồn tức là trong chúng sanh, dầu xiêu lạc nơi nào cũng tìm rước về hội ngộ cùng Thầy.

Trong thời kỳ Hạ nguon Tam Chuyển bước qua Thượng nguon Tứ Chuyển, là Đại Ân Xá Kỳ Ba, chính mình Đức Chí Tôn là Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút mở Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam, qui Tam giáo hiệp Ngũ chi, tạo đời Thánh đức, dụng Nho Tông Chuyển Thế với chủ nghĩa tận độ chúng sanh trên quả Địa cầu 68 này qui hồi cự vị, chẳng phân biệt giống nòi hay chủng tộc" [Thuyết

giảng của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa nhân ngày khai Thuyền Bát Nhã năm 1935].

Kinh văn Đạo Cao Đài có câu:

*“Nương thuyền Bát Nhã cho an,
Dìu chừng con cháu vào đàng nghĩa nhân”.*
(Kinh Thế Đạo).

Hay

*“Giữa khổ hải đưa thuyền Bát Nhã,
Giúp tinh thần giải quả trừ căn”.*
(Thơ Đức Hộ Pháp).

Hoặc

*“Biển mê lắt léo con thuyền,
Chở che khách tục, cứu tuyền ngăn sông”.*
[Thài hiến lễ Tam Nương]

Thánh thi Cao Đài có bài:

*“Khuôn thuyền Bát nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có đạo trong muôn ngòi cũng đủ,
Không duyên một đũa cũng là chìm”.*

Theo lời giảng của Đức Hộ Pháp, cõi thiên liêng vô hình, Đức Quan Âm Bồ Tát vâng lệnh của Đức Di Lạc Vương Phật chèo con thuyền này, chở người hữu duyên trở về cõi Thiên Thai. Trong Tam Kỳ, Đức Di Lạc Vương Phật làm chủ con thuyền, mang sứ mạng giáo độ người đủ đầy công đức hồi nguyên. Một cách tổng quan, “*thuyền bát nhã*” đối với tín đồ Cao Đài là dụng bát nhã vào đời sống đạo đức, thắng được khối phàm tâm níu kéo để có thể ngồi trên khuôn thuyền Đại Đạo vô vi.

13. THƯƠNG YÊU VÔ TẬN

Đề tài thương yêu chẳng xa lạ chi với người ngoại giáo, càng gần gũi với người có đạo. Theo Cao Đài Giáo, đề bước vào con đường thứ ba của Đại Đạo, người môn sinh phải thực hiện Phương Luyện Kỷ của Đức Hộ Pháp truyền dạy để thọ pháp môn nội giáo tâm truyền, khai thông huyền quang khiếu. Đức Ngài dạy phải “*thương yêu vô tận*”. Vì sao phải thương yêu và phải vô tận?

Thương yêu là bác ái với bạn đồng sanh, với muôn loài bằng tâm chân thật.

Phật Giáo gọi thương yêu là Từ Bi, Tiên Giáo gọi rằng Bác Ái, Thánh Gia gọi là Nhân Ái. Chủ thuyết các vị lãnh đạo tinh thần định ra phương pháp giải khổ cho chúng sanh cùng vì hai chữ thương yêu. Do vậy, cứu cánh của tất cả

giáo lý tôn giáo hiện hữu đều thực thi sứ mạng đưa chúng sanh về bờ giác ngộ.

Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy:

“Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình. Cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình nhẹ hơn mây lông, mà coi thiên hạ trọng bằng Trời Đất”

Thi của Đức Hộ Pháp có câu:

*“Sửa bác ái ra nên câu kệ,
Chế từ bi như thể bài kinh”.*

Do bác ái mà Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu hóa sanh vạn vật, nuôi dưỡng muôn loài, nhường ngôi Tiên, phẩm Phật cho con cái Người. Với tình thương rộng dung, Ngài mở Tam Kỳ Ân Xá để con cái Ngài được trở về cựu vị. Muốn vậy, con người phải làm người con chí hiếu, biết thương yêu bạn đồng sanh cùng một tông môn. Duy chỉ có như thế mới mở cửa Bát Quái Đài tại thế này mà thôi. Đức Chí Tôn có dạy nếu ái ghét sự thương yêu thì chẳng hề bước qua cửa luân hồi choặng. Thầy dạy:

“Thầy chỉ một lòng mơ-uớc cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh-đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khoá mở Tam-Thập-Lục Thiên, Cực-Lạc Thế-Giới và Bạch-Ngọc-Kinh” [TNHT Q. 1].

Bác ái còn nằm trong bản Độ Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước, tức là “Bác Ái-Công Bình”. Vì vậy, Đức Chí Tôn luôn dạy môn đệ phải thực hiện cho kỳ được thương yêu.

“Thầy thường nói với các con rằng: Các con là cơ thể của sự thương yêu, mà các con không còn hiểu sự thương yêu là gì? bởi nơi nào đó?.... Sự thương yêu là giềng bảo sanh của Càn Khôn Thế giới. Có thương yêu như loại mới hòa bình, Càn Khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa.”

“Vậy, Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau thì cũng chẳng đặng ghét nhau, nghe à!” [TNHT].

Đức Phạm Hộ Pháp hằng nhắc nhở chư tín đồ Cao Đài thực hiện cho vẹn toàn chủ nghĩa thương yêu để chơn giáo Cao Đài mới mong đi đến cửa đại đồng huynh đệ:

“Ngày nào toàn thể như sanh đều biết hồi đầu hướng thiện, nhìn Đạo Trời là một Cơ Quan Cứu Thế, thật hành chủ nghĩa thương yêu cho ra thiết tướng thì ngày ấy mới đặng hưởng hòa bình đại đồng thế giới” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. I]

Hơn thế nữa, Đức Hộ Pháp dạy rõ muốn đi trên con đường thứ ba của Đại Đạo, buộc chư tín đồ phải bỏ vật dục, chẳng ham muốn thế tình, xem cơ thể của Đức Chí Tôn

chính là cơ thể mình và phận sự mình phải phụng sự tha nhân, xem trọng sanh linh hơn bản thân mình, tức là thương yêu vô tận.

Phàm tình, người người mưu giục, phiền loạn, hiểu sai luật pháp thiên nhiên tạo đoan, sanh đồ kỵ, ghét bỏ, trách phạt thương yêu lơ là, phản khắc với tôn chỉ giáo điều. Khi bỏ nhục thể, nhận rõ tính chất thật của Đạo phải gìn giữ, bảo trọng trong khối thương yêu vô tận, chừng ấy rất ư muộn màng.

“Kẻ phàm mang xác hài hay có thất tình, lục dục, nên có sự phân cách về thể chất hữu vi làm cho thiếu sự thương yêu.

Ngày nào ta về cảnh vô hình sống trong khối tạo đoan chừng đó ta mới biết Đạo là có phận sự bảo trọng chúng sanh, khuyên lon dạy dỗ và giục thúc cho các đẳng linh hồn tăng tiến trên đường tấn hóa. Ta chỉặng phép thương yêu bình vực chứ không ai đặng mưu hại giục hư.” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1]

Nền chơn truyền chánh giáo của Đức Chí Tôn gồm hợp Tam Giáo thành một, tức

Thích, Đạo, Nho cả mặt hình thể lẫn vô vi để làm bí mật điều dắt chúng sanh đoạt kiếp giải thoát linh hồn.

Nho Giáo chủ xướng Nhơn Nghĩa làm căn bản, Tiên Giáo lại dụng Công Chánh làm căn bản, Thích Đạo thì Bác Ái làm căn bản. Đức Hộ Pháp thuyết:

“Nhơn nghĩa là gì? Người có nhơn thì không oán, nghĩa thì không bạc. Công chánh là gì? Có công thì không phụ, có chánh thì không tà, không chối cái điều chơn thật được, còn có từ bi thì có khoan hồng dung thứ, có bác ái mới có thể bảo thủ và thân mến toàn thiên hạ, nếu chiếu theo chơn truyền của Đức Chí Tôn khuyên bảo chúng ta thế nào, thì chúng ta phải tuân theo thế ấy, chúng ta phải khoan hồng, tha thứ, biết yêu ái, phải có công bình chánh lý, chúng ta giữ được cả chơn truyền ấy thì không ghét ai, oán ai. Trái lại, Đại Từ Phụ buộc chúng ta phải thương yêu kẻ nghịch, kẻ thù của chúng ta nữa”. [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1].

Muốn đạt cùng tận mục đích tối thượng, đại đồng nhơn loại, muốn cho “*Nam phong thử nhật biến nhơn phong*”, người tín hữu Cao Đài phải thực hiện kỳ được luật thương yêu. Thương yêu bằng đạo đức tinh thần, chung chia, gánh khổ cho nhau, hiệp tâm lý trên khuôn mực định sẵn như tình cốt nhục thì hột giống thương yêu vô tận kia sẽ nảy nở thành một thể giới đại đồng theo con đường của Đức Chí Tôn định ước.

14. THỜ THIÊN NHÂN TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Thiên Nhân là mặt Trời. Thờ Thiên Nhân chính là thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, là linh thể vũ trụ nhiệm mầu vì “*nhân thị chủ tâm*”, do “*thần cư tại nhân*”, và cũng chính là thờ bản tâm của chúng ta do yếu nhiệm “*Thiên nhân hiệp nhất*”.

Thượng Đế Tối Linh cũng là chính chúng ta và chúng ta cũng chính là Ngài do mỗi người đều thọ bẩm một ngươn linh bất diệt của ánh Thái Cực. Sùng bái Thiên Nhân là phục nguyên thánh chất, trở về nguồn cội của Thần Thiên Lương nhưng cũng là gọi nhắc tiêu điểm trong việc “*phản tiên vi hậu*”.

Đức Chí Tôn giảng cơ cho:

“Thầy đến đặng huờn nguyên Chơn thần cho các con đắc đạo. Con hiểu “Thần cư tại Nhân”. Bố trí cho chư Đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó”

Thi đạo có câu:

*“Nhìn Thiên Nhân Huyền Khung Thượng Đế,
Mặc Đạo y dụng kế độ đời”.*
(Lục Nương Giảng Bút).

Thờ thiên nhân có nhiều bí pháp yếu nhiệm. Tuy nhiên, cơ bản thờ Thiên Nhân là thờ ánh sáng khởi thủy tạo ra Vạn Linh vô vi lẫn hữu hình, tức là thờ Đấng Chí Linh.

Mỗi chúng sanh thọ hưởng một tiểu linh quang, sùng bái Thiên Nhân chính là kính Phật để trở về phần bốn hườn nguyên.

Trên Quả Càn Khôn thờ tại Tòa Thánh Tây Ninh, có vẽ hình Thiên Nhân trên ngôi sao Bắc Đẩu. Về nguồn gốc đầu tiên của Thiên Nhân, phải kể đến Đức Ngài Ngô Văn Chiêu. Năm 1921, Ngài Ngô làm Quận Trưởng Phú Quốc, Hà Tiên qua các đàn cơ tự học hỏi riêng, Ngài được Tiên Ông [Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế] bảo suy nghĩ ra cách thờ kính. Ngài có thừa cùng Đức Chí Tôn lấy biểu tượng chữ thập như Thiên Chúa Giáo thờ, Đức Chí Tôn bảo rằng dấu chỉ đã trùng nên bảo phải tìm cách khác. Tuy nhiên, khoảng thời gian sau, Ngài Ngô vẫn chưa tìm ra. Vào ngày 13-03-Tân Dậu [1921], sau dinh quận, Ngài thấy một con mắt chiếu ngay mặt Ngài. Con mắt càng gần và hào sáng rực làm Ngài sợ và khấn nguyện:

“Bạch Tiên Ông! Đệ tử biết rõ huyền diệu của Tiên Ông, xin Tiên Ông đừng làm vậy sợ lắm! Nếu Tiên Ông bảo thờ như vậy thì xin cho biến mất tức thì”.

Chứng nghiệm lần hai cho Ngài thấy hình con mắt, nên Ngài từ đó vẽ con mắt thờ cúng. Đến mãi năm 1924, vào lúc chiều tà, Ngài thấy xa xa trên mặt biển cùng mặt trăng lười liềm. Kể từ ấy, Ngài họa bức ảnh khác theo lần linh nghiệm này mà thờ cho đến khi Ngài trở về công tác tại Sài Gòn.

Trong khoảng giữa năm 1925, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế thu độ được các vị Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, sau thêm Ngài Lê Văn Trung. Ban ngày, các Ngài làm công chức, ban đêm về cầu cơ học hỏi và được lệnh vẽ Thiên Nhân thờ phượng. Tiếp sau, vì các Ngài không hình dung việc thờ Thiên Nhân là lẽ nào, cơ bút về giảng dạy đến nhà Ngài Chiêu để được chỉ dạy cách thờ, và được lệnh đem đại ngọc cơ mang đến nhà để hầu dạy việc thêm.

Kể từ đó, con mắt được gọi rằng Thiên Nhân chính thức đưa vào nghi tiết thờ phụng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy nhiên, lịch sử nhân loại minh chứng con mắt đã được phổ dụng trong các văn hóa Ai Cập, Do Thái... Ngày nay, tôn giáo Cao Đài đã lấy con mắt để thờ, tức là Thiên Nhân.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn cho:

"Tại sao Thầy lại biểu các con tạo hình Thiên Nhân mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác? Thầy vốn là Hư Vô chi Khí, không giống cái chi hết. Các con chớ tạo hình Thầy mà thờ. Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông linh bao quát Càn khôn Thế giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con. Nên chi, thờ Thiên Nhân là thờ Thầy."

Tóm lại, thờ Thiên Nhân có nhiều nghĩa lý theo dịch học, huyền học vô vi. Theo khía cạnh cơ bản nhất, thờ Thiên

Nhãn là thờ Đấng Tối Linh Ngọc Hoàng Thượng Đế. Bản thể của con người vẫn có ba thể: tinh [thể xác], khí [chơn thần], thần [chơn linh] trong khi Thánh Giáo cho biết “Thần cư tại nhãn”. Đức Chí Tôn dạy:

"Thần là khiếm khuyết của cơ mâu nhiệm từ ngày Đạo bị bể. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp cùng Tinh, Khí, đặng hiệp đủ Tam Bửu là cơ siêu phàm nhập Thánh. Thầy đến đặng huòn nguyên Chơn thần cho các con đắc đạo."

"Các con nhớ nói vì có nào thờ con mất Thầy cho chư Đạo Hữu nghe".

15. A DI ĐÀ PHẬT

Như ta đã biết, A Di Đà Phật là tên một vị Phật được phiên âm từ Phạn Ngữ Amitahba [nghĩa là “ánh sáng vô lượng”], đó là hồng danh của Giáo Chủ Tây Phương Cực Lạc. Ngài còn có danh xưng khác là Vô Lượng Quang Phật hay Vô Lượng Phật. Theo dòng phát triển của Đại Thừa và Tịnh Độ Tông, Ngài tượng trưng cho từ bi và trí huệ, thúc đẩy tiến trình tu lập của chúng sanh không thôi chuyển, mang nghiệp và vãng sanh về cõi Tây Phương để tiếp tục tu tập.

Đức Ngài được xưng tụng lớn lao trong giáo pháp Phật Giáo Đại Thừa và phái Tịnh Độ Tông thịnh hành nhất là

Trung Hoa, Nhật Bản hay Việt Nam. Theo kinh tự, “A Di Đà” có tự tánh vi diệu, thanh tịnh, vô sanh, vô tử nên gắn với danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Vì hăng sáng suốt nên được danh là Vô Lượng Quang Phật. Ngoài ra, theo lịch sử và văn hóa của Phật Giáo tổng từ các nguồn sử liệu, Đức Ngài còn có danh hiệu là Tiếp Dẫn Đạo Sư, nghĩa mang sứ mạng tiếp dẫn các đấng chúng sanh về cõi thanh tịnh.

Đức Ngài có phát nguyện 48 lời nguyện lớn lao cứu khổ tất cả chúng sanh. Trong những đại nguyện ấy, lời nguyện tiếp dẫn vãng sanh về cõi tịnh độ rất quan trọng và thường được nhắc nhiều trong dòng phát triển của Phật Tông. Về thờ phượng, Ngài thường được thờ chính giữ hai bên Bồ Tát Thế Chí bên phải và Bồ Tát Quan Âm bên trái.

Nguồn gốc Tịnh Độ Tây Phương phải nhắc về sự hiện thân từ hạnh nguyện khi tu chứng sẽ thực hiện hành trình tịnh hóa một cách trang nghiêm. Nên khi hạnh nguyện thành tựu nên cực quốc nằm ở phía tây, Đức Ngài làm giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc.

Trong tất cả phương pháp khái quát nhất, con người vẫn tin Đức Ngài vẫn hóa tịnh cho chúng sanh theo hạnh nguyện của Đức Ngài. Tuy nhiên, hiện hữu cho thấy có một số quan niệm xoay quanh các tín lý trong vấn đề tu tập và phương pháp giải thoát, tức là mối liên hệ niềm tin cho đến khi về tịnh quốc. Tịnh Độ Tông cho rằng khi niệm nhiều lần hồng danh Đức Ngài, các nghiệp tai trong tiền kiếp được tiêu

trừ và cho rằng khi niệm hồng danh Ngài suốt quá trình tu tập sẽ là phương pháp nhanh nhất để đến Cực Lạc Quốc; điều này phổ dụng vùng Đông Á. Trong khi đó, Phật Giáo Nguyên Thủy, Thiền Tông phái không tụng niệm và cho rằng tự tu, tự giải thoát bằng phương pháp thiền định giải thoát; điều này phổ thông vùng Nam Á hầu hết.

Sách sử cũng dẫn chứng Phật A Di Đà được nhắc đến trong kinh Vô Lượng Thọ khi Đức Thích Ca còn sanh tiền thuyết giảng phật pháp.

Trong Cao Đài giáo, danh hiệu Ngài cũng được nhắc tới trong kinh điển. Ví như:

*"Vào Lôi Âm, kiến A Di,
Bộ Công Di Lạc Tam Kỳ độ sanh"*
(Kinh Tận Độ)

Hay

*"Đầu vọng bãi Tây Phương Phật Tổ,
A Di Đà Phật độ chúng dân,*
(Kinh Tận Độ)

16. HUỲNH LƯƠN MỘNG

Kẻ vô phần thì mãi lặn trôi trên bến dò sinh tử, ngụp lặn trong bể khổ, giành giật, hơn thua vì bả lợi danh phú quý,

vinh hoa, sự khao khát không cùng tận cho đến bức tranh pha màu phân ly tử biệt. Người hữu duyên thì ngộ được giấc mộng huỳnh lương thoảng chốc, thức tỉnh cõi trần, tìm đường xưa để bước. Huỳnh lương ám chỉ tích "huỳnh lương mộng", chỉ sự ngăn ngủi của kiếm sanh, màu cân đai, sắc danh vọng như sương tan, cục rữ. Rõ huỳnh lương, người hành giả mới có thể tỉnh tấn nường vào cửa nâu sòng để ngày kia được tiêu dao chôn thiên thai động bích.

Đây là một tích xưa rất nổi tiếng được xung truyền hầu cho người tu hành tỉnh thức thế cuộc là giả tạo, hư không như một giấc mộng trong chốc lát. Điển cổ nói về hai vị Tiên là Chung Ly Vân Phòng, tức là Hồn Chung Ly và Lữ Đồng Tân.

Lữ Đồng Tân sanh ra trong một gia đình quan chức cấp cao. Ngài có tướng mạo phi phàm, khác người, ăn bận như tu sĩ, bụng buộc dây xanh. Năm Ngài 20 tuổi, lấy hiệu là Thuần Dương nên gọi là Lữ Thuần Dương, đỗ tú tài, cử nhân nhưng trượt tiến sĩ. Sau gặp chơn sư Huỳnh Long Chơn Nhơn tặng cho thanh kiếm trừ yêu và dạy phép tu luyện.

Sau đó, ngày nọ Ngài Lữ vào quán rượu và thấy vị đạo sĩ đề thơ tuyệt bút, bèn lấy ngõ ngang và làm quen bắt chuyện. Bài thơ đó như sau:

*“Ngồi đứng hằng mang rượu một bầu,
Chẳng cho cặp mắt thấy Hoàng Châu.*

*Dạo chơi ít kẻ tường tên họ,
Trên thế thanh nhàn muốn được đâu?
Thần Tiên tìm bạn khó không nài,
Có phước theo ta dễ mấy ai?
Đông Hải rõ ràng nhiều động đấ,
Ít người được thấy núi Bồng Lai.
Dạo chơi theo thuở, ở theo thời,
Danh lợi làm chi mắc nợ đời.
Năm nghĩ co tay hằng đếm mãi,
Mấy ai ao ước được như lời”*

Vị đạo sĩ đó chính là Ngài Hón Chung Ly hay còn gọi là Chung Ly Vân Phòng. Khi được đạo sĩ yêu cầu cho một bài thi tự thuật thì Ngài Lữ đề rằng:

*“Cân đai ràng buộc ý không màng,
Áo vải coi ra rất nhẹ nhàng.
Danh lợi cuộc đời chưa phải nguyện,
Làm tôi Thượng Đế mới nên trang”*

Ngài Hón mời Ngài Lữ về động tu ở túi dạo chơi thì Ngài Lữ lưỡng lự. Ngài Hón hóa độ Ngài Lữ nên ngồi nấu nồi bắp vàng [huỳnh lương]. Ngài Hón đưa gối cho Ngài Lữ nằm nghỉ đề chờ bắp chín. Khi ấy, Ngài Lữ nằm và đi vào giấc ngủ mơ thấy mình đi thi, trên đường lại gặp con gái nhà giàu và đẹp. Ngài Lữ liền dạm hỏi và cô gái đồng ý nếu Ngài thi đỗ trạng nguyên. Sau kỳ thi, Ngài thi đậu, được vua phong tước, cưới vợ, lại được thăng tới thừa tướng, cưới

thêm hầu thiếp, hưởng vinh sang phú quý, con cháu đầy đàn. Tuy nhiên, chẳng may Ngài bị gian thần hãm hại xu nịnh tâu vua, vua nghe lời thì tịch thu gia sản, Ngài bị đầy ải khổ đau cùng cực ở lãnh hải. Sau đó, Ngài giựt mình tỉnh giấc. Ngài Hón bèn cho bài thi:

*“Nồi bấp hầy còn ngòi,
Chiêm bao đà thấy cháu”*

Ngài Lữ bèn hỏi:

- *Thầy biết chiêm bao của tôi sao?*

Ngài Hón đáp:

- *Chiêm bao 50 năm, công việc cả muôn, thiệt không đầy một lát, đặng chẳng khá mừng, mất không nên thảm, hết vinh tới nhục là lẽ thường.*

Ngài Lữ thái lễ vô thường và xin thầy truyền đạo cho. Sau, Ngài tu tiên, đắc đạo nằm trong hàng Bát Tiên với hiệu là Lữ Đồng Tân hay Lữ Tổ Thuần Dương. Ngày nay, Đạo Cao Đài xưng tụng công đức Đức Cao Hoài Sang, tức là chơn linh Đức Lữ Đồng Tân giáng trần thực hiện sứ mạng nắm chi Thế của Hiệp Thiên Đài, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh.

Thi Đạo Cao Đài có câu:

"Huỳnh lương một giắc cuộc đời in.
Có trí có mưu phải xét mình,
Phú quý lớn là giành với giết,
Lợi danh cao bởi mượn và xin.
Trăm năm lẩn quẩn đường nhơn nghĩa.
Một kiếp đeo đai mối nợ tình.
Biết số biết căn tua biết phận,
Đường xưa để bước lại Thiên-Đình"

Đức Hộ Pháp thuyết:

"Bần Đạo nói dẫu cho bức Công Khanh Vương Hầu Khanh Tể giá như phú hữu tứ hải thế nào đi nữa nội trong một kiếp sanh là hết, chúng ta ngó thấy trường đời nào là Đài Tàn Đảnh Hón, ngày nay danh thế có còn tồn tại chẳng? Chúng ta đừng ngó thấy trên mặt địa cầu này đã có một quyền hạn trị thế biết bao nhiêu danh giá cao trọng, nhơn loại đã lập vị nơi mặt thế này, chúng ta chỉ đọc lại mấy trang sử không có chi lạ, là sự giàu sang của họ tạo để nơi mặt địa cầu này, đời này qua đời kia biết bao nhiêu là giai đoạn. Sự tồn tại của nó chẳng khác như cái bông sớm nở tối tàn không giá trị chi hết. Chúng ta để trí não so sánh bao nhiêu đi nữa, chúng ta chỉ ngó thấy hình bóng bất quá như ánh sáng hào quang của mặt Trời đi ngang qua cửa sổ mà thôi, không có chi trọng hệ. Đương nhiên bây giờ chúng ta đã ngó thấy con đường trước mắt giục thúc nhơn loại tranh đấu vì danh lợi, quyền thế, thế nào chúng ta móc cân tinh thần để định giá trị

coi, thấy rằng không có giá trị chi hết, như giấc chiêm bao, giấc Huỳnh Lương mộng mà thôi”

7. LÝ DO ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP CẦM QUYỀN NHỊ ĐÀI

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên, Đức Hộ Pháp được đề cử nắm Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài thông qua Hội Nhơn Sanh biểu quyết và được Hội Thánh chấp thuận. Căn cứ trên thi văn khoán thủ của Đức Lý Đại Tiên cho, xác định Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền nhị đài để diu dắt mỗi đạo, bảo tồn chơn pháp:

*“Hộ giá Chí Tôn trước tới giờ,
Pháp luân thường chuyển máy Thiên cơ.
Chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản xuất Càn Khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cật nhờ.”*

Lục Nương Diêu Trì Cung lại về tiên cơ cho biết:

“Em chào mấy anh. Em đương ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đương ngưỡng nghĩ nên vội vã đến hầu. Khi mới này em đặng tin lành: Ngọc Hư lo chuyển pháp. Cả Thiên thơ hủy phá, sửa cái pháp chơn

truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết. Điều Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng”

Sau đó nữa, Đức Lý Thái Bạch về cho Đức Hộ Pháp biết lý do trao quyền Cửu Trùng Đài cho Ngài nắm là vì lòng thương yêu vô tận, vô biên của Đức Đại Từ Bi, e sợ cái oai của Đức Lý trách phạt hành tàng còn phạm tánh của con cái Đức Chí Tôn. Giao cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài gần gũi, cảm thương sâu đau của nhơn sanh, biết đau đớn của chúng sanh trong tình rộng dung. Đức Chí Tôn về giảng dạy Đức Hộ Pháp có trách phận cầm phước chiêu hồn thì phải chậm chậm chờ đàn em sau còn đại ngại.

Đức Chí Tôn dạy:

“Tắc! Con nghe Thầy dặn, con ngày nay đã cảm sanh mạng của đạo nơi tay, con lại đủ quyền năng đạo đức với nghị lực tinh thần, con phải có dạ yêu thương những người vô duyên bạc phước... Con ráng lấy chút dạ từ bi chờ che đũa bệnh, ấy là con làm ơn riêng cho Thầy đó”.

Cuộc đạo Cao Đài biến thiên qua biết bao trường biến cố. Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung triều thiên, Đức Tôn Sư Hộ Pháp Phạm Công Tắc chương quản Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Đức Chí Tôn về cho Đức Hộ Pháp căn do nào Đức Chí Tôn giao hai quyền hành ấy vào tay Đức Hộ Pháp:

"Tắc! Con nghe Thầy dặn, con ngày nay đã cầm sanh mạng của đạo nơi tay, con lại đủ quyền năng đạo đức với nghị lực tinh thần, con phải có dạ yêu thương những người vô duyên bạc phước. Con cầm một cây phướn chiêu hồn đi đầu Thánh thể của Thầy thì con phải nhớ đường trường sơn hải, nguy hiểm khó khăn của bước thiêng liêng là đường nào, rồi chậm chậm dừng chơn đợi đoàn con dại của Thầy nghe. Con ráng lấy chút dạ từ bi chở che đứa bệnh, ấy là con làm ơn riêng cho Thầy đó."

Qua đó, người Đạo Cao Đài chúng đã đã thấm thía tình yêu thương vô bờ bến của Đức Đại Từ Bi, biết được khối tình bao dung, thương yêu chúng sanh của Đức Hộ Pháp dù Ngài làm Hộ Pháp, nắm quyền hành Chí Tôn tại thế, cầm Giáng Ma Xử xử trị những kẻ phản đạo.

18. NHỒI QUẢ

Về ngữ nghĩa, “nhồi” là dòn, nhét và cho đầy. “Quả” là kết quả do hành động trong hiện kiếp đã làm hoặc từ vô lượng kiếp. Đối với tôn giáo học, quả thường được hiểu theo nghiệp xấu vướng mang. “Nhồi quả” trong Cao Đài là hiện tượng phải trả nghiệp quả vay tạo trong một kiếp, để chơn hồn nhẹ nhàng siêu thăng, đạt phẩm vị thiêng liêng hằng sống. Phép ân xá kỳ ba trong cơ chuyển giao từ hạ ngươn tam chuyển bước sang thượng ngươn tứ chuyển là một đặc ân lớn lao của Đức Chí Tôn cho con cái người nhanh chóng

trả quả, nhồi nghiệp và lập công, tu hành, trở về hiệp hội với Đức Chí Tôn.

Các vị thánh hiền, chư vị tu thân lập đức thường bị khảo nghiệp, nhồi quả nên càng dấn thân vào con đường tu học, càng lắm gay go, thử thách gian nan, bao nhiêu quả xấu kéo tới. Có câu:

*“Phước bất trùng lai,
Họa vô đơn chí”.*

Nên người tu hành, nếu vững tâm, giữ thánh chất, chấp nhận mọi khảo nạn, chịu luật nhồi quả, hướng lòng chí thành nơi quyền năng Tạo Hóa, một lòng tu niệm, không thối chí ngã lòng, trực chỉ pháp môn thì con đường an nhàn siêu sanh thoát quá, trở về nơi thiên cảnh không còn xa.

Thánh Thi Cao Đài cho:

*“Vị muốn tu thân nhồi quả trước,
Gắng công sau sẽ đến cùng Ta”*

Định luật tạo hóa buộc vạn linh nhập vào trường thi tấn hóa. Mỗi chơn linh, tức là Tiểu Thái Cực phải học những bài học tấn hóa trong muôn vạn kiếp dĩ chí từ vật chất hồn lên thảo cầm hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn rồi bước qua Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Như vậy mỗi chơn hồn phải ngụp lặn trong bể trầm luân của tứ khổ để tấn hóa. Theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm đêm ngày 16 tháng

09 năm Canh Dần, nếu chơn hồn tấn hóa không lầm lạc, phải trải qua 90.000 kiếp luân chuyển.

Để trở về nơi nguồn cội ra đi, tức là cõi thiêng liêng hằng sống, chơn hồn có thể khi lầm lạc, khi định tỉnh. Dù trạng thái nào, các đẳng chơn hồ phải chịu luật của tạo hóa tác động lên tiến trình tấn hóa để giục thúc sự tấn hóa không ngừng. Luật ấy gọi là luật nhân quả. Hiện tượng “*nhồi quả*” là một đặc ân lớn lao của Thượng Đế khi mở Tam Kỳ Phổ Độ vì Đức Chí Tôn cho phép “*Tu nhất kiếp, ngộ nhất thời*”, chơn hồn chịu dồn dập nghiệp tiền khiên đã vay tạo trong một khiết để có thể trả quả tiền khiên, lập công bồi đức, thanh thoi trở về ngôi xưa vị cũ.

Lật trang sử đạo, chúng ta thấy trong hàng ngũ Thập Nhị Thời Quân, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương được Đức Chí Tôn cho ân xá nhồi quả ba kiếp trong một kiếp sanh. Nên nghiệp chồng nghiệp. Thầy cho thi văn về trường hợp của Đức Ca Minh Chương:

*“Thấy con gia đạo tợ tơ cuộn,
Chạnh đến lòng Thầy dạ ước tuôn.
Ngặt nỗi vợ nhà đau đã dượt,
Khật khùng con trẻ nói luông tuông.
Khiến nên mai đánh khơi màu trắng,
Cho đến tòng lâm trở sắc buồn.
Công quả đã đành công quả đủ,
Nay đem ba kiếp dập dồn luôn”*

Quả thật vậy, Đạo Cao Đài là nền ân xá của Thượng Đế mở ra để chúng sanh nhồi nghiệp, tu thân, lánh vòng tục lụy hầu trở về chốn động đào thanh thoi nhàn lạc. Bằng cố, Đức Chí Tôn khẳng định điều này qua thánh thi dạy đạo thuở sơ khai:

*“Ơn Trời cho mở Đạo kỳ ba,
Dù-dẫn nhơn-sanh lánh vạ tà.
Vĩ muốn tu-thân nhồi-quả trước,
Gắng công sau sẽ đến cùng Ta”*

19. TẠI SAO PHẢI KHỞI TRỐNG LÔI ÂM VÀ CHUNG BẠCH NGỌC KHI CÚNG ĐÀN?

Theo nghi lễ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, trước khi cúng đàn, phải đánh Trống Lôi Âm và dộng chung Bạch Ngọc. Trống tượng trưng cho Dương, Chuông tượng trưng cho Âm. Âm Dương là hai nguyên lý đầu tiên sau khi có Thái Cực. “*Nam tả, nữ hữu*” biểu trưng cho nguyên lý “*trung dương hữu âm, trung âm hữu dương*” nghĩa là “trong dương có âm, trong âm có dương”. Do đó, trống đặt bên hữu, chuông đặt bên tả biểu thị nguyên lý ấy.

Theo lời Thầy dạy, từ thuở hồng môn mờ mờ mịt mịt, vô cực sanh thái cực tức là đạo, đạo sanh nhất là Phật,

nhất sanh nhị là Pháp, nhị sanh tam là Tăng. Đức Chí Tôn là ngôi Thái Cực biến xuất từ khối lửa đầu tiên ấy, ngự trị cả Phật-Pháp-Tăng. Lý âm dương là đạo của trời đất vì âm dương biến tứ tượng, bát quái và càn khôn vạn vật. Triết lý Cao Đài cho biết khối lửa nổ tung khởi thủy đầu tiên chứa muôn vàn khối điện lực chiếu rộng bao la là ngôi Dương tức là Đức Chí Tôn, còn tiếng âm vang phát ra khắp nơi bao trùm cả vũ trụ là Âm, tức Đức Phật Mẫu.

Âm Dương là Đạo Pháp của càn khôn. Vạn linh biến xuất từ sự hỗn hiệp đùn đẩy của hai nguyên lý Âm Dương, mới có biến sanh, tạo ra sự sống của Bát Hồn. Đàn cúng phải khởi trống trước vì Dương là sự sống đầu tiên có trước Âm, tức có tiếng nổ mới có âm vang. Tiếng chuông động sau thể hiện Âm Dương tương hiệp đồng hành. Khi giục trống Lôi Âm, khua chuông Bạch Ngọc, tất cả phải đứng dậy, tịnh tâm kính cả nguồn sống cả vạn linh biến xuất. Nơi Thiên Triều, Cả Phật, Tiên, Thánh, Thần còn phải kính vì phải nương ánh Linh Quang của Đức Chí Tôn để châu lễ nữa hướng lựa là con người.

20. NGHĨA THẦY TRONG ĐẠO GIÁO

Tuổi thơ phảng phất lời giáo huấn thầy cô giáo dạy và chẳng biết khi nào, tiềm thức chúng ta vẫn còn khắc ghi:

*“Nhờ ai ta dựng thế này
Phải nên nhớ lấy ông thầy đầu tiên”*

Thế thường, con người vẫn hoài nhớ ân giáo dục của thầy cô, tay cầm tay, uốn nắn từng chữ một, giảng huấn đạo lý, cang thường từ mức nhỏ nhất cho tới những điều cao sâu về đạo làm người. Rồi lớn chút nữa, thầy cô định hướng tương lai nghề nghiệp cho tới khi bước chân ra xã hội quyết định vận mạng cả cuộc đời. Khi đã ra vòng tay ấm của thầy cô, những dòng thơ chúc, những lời động viên và cả khuyến dụ của thầy cô đối với trò vẫn mang âm vang của tình thương, của tâm hồn yêu ái đối với trò như một tình thương bất diệt giữa dòng đời đầy cạm bẫy, vạn biến. Có lẽ, cái tình ấy đã chất chứa, thấm thía tình tương thông mật thiết bất diệt. Vả chăng, tình thầy là món nợ lớn đối với chúng ta dù đi phương trời nào!

Đã là người, ai cũng phải học để hiểu mọi sự đời, học chữ nghĩa để có nghề nghiệp hay đạo lý của thánh hiền. Ngày nay, con người hầu như coi việc học để có được sự nghiệp tốt trong lương lai, trong khi đó cổ nhân xưa kia xem sự học đứng hàng đầu không vì sự nghiệp đời mà vì đạo lý làm người, nghĩa là muốn thành nhân, mỗi người phải có thầy dạy đạo lý làm người để trở về đường ngay chánh của người chính nhân quân tử, cư xử phải phép, trau tria đạo hạnh, hoàn thiện bản thân. Trên phương diện đó, nghĩa thầy mang ơn sâu nặng với trò và xếp thứ nhì sau ơn vua, trên ơn cha mẹ.

“*Quân, Sư, Phụ*” đề cập ba cái ơn sâu nặng của con người. Ôn ngọn rau, tấc đất nuôi dưỡng con người là ơn của vua [Quân]. Ôn dạy dỗ, khai độ tinh thần tức là ơn của Thầy [Sư]. Ôn tạo mảnh thi hài là ơn cức dục dưỡng sanh của cha mẹ [Phụ]. Thử hỏi, đã làm người, ai đi ngoài ba cái ơn ấy sinh ra, lớn lên, học hành trưởng thành?

Đối với Phật Giáo, có thầy hữu hình chỉ bảo pháp môn tu hạnh, có thầy truyền trao biến đạo pháp vô biên.

“Nhưng đối với người tu Pháp hoa, đối với người có căn lành thì không thấy Phật vào Niết-bàn, đó là điểm đặc sắc của kinh Pháp hoa gọi là Như Lai thọ lượng, hay Phật vĩnh hằng, tức Phật không bao giờ chết. Vì vậy, chúng ta có một Đức Phật sanh trên cuộc đời này mang thân tứ đại và một Đức Phật vĩnh hằng không sanh không chết. Người có nhân duyên thấy được Phật này, người có căn lành được Phật này hộ niệm” [Hòa Thượng Thích Trí Quảng]

Trong nhân sinh quan Cao Đài, ơn Thầy rất được xem trọng; bằng có kinh Thế Đạo Đức Tiên Nương Diêu Trì Cung Đoàn Thị Diễm giảng cơ cho bài “*Kinh tụng cho Thầy qui vị*”. Đấng Chí Tôn ngôi cả của cả càn khôn giáng trần, xưng là “*Thầy*”, tức là Thầy của cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, đem lời đạo đức, rưới giọt từ bi cho con cái của Người thoát khỏi chôn mê đắm trần gian. Theo đó, chữ “*thầy*” trong tinh thần Cao Đài giáo mang nghĩa lý sâu nặng theo triết lý

Nho Giáo truyền thừa lại, phục nguyên giá trị của Thánh Nho kết hợp với Nam Phong thuần mỹ. Kinh văn có câu:

*“Ơn cha sanh hóa ra thân,
Ơn thầy huấn giáo cũng gần như nhau”*

21. TẠI SAO CÓ SỰ THẤT PHẬN CỦA CHƠN LINH?

Theo nhân sinh quan Cao Đài giáo, con người có ba thể xác kết thông để tấn hóa mãi mãi cho đến khi nào đạt trạng thái đắc nhất. Đệ nhất xác thân có ngũ quan, cảm xúc thọ bẩm tinh cha và huyết mẹ mà biến tướng tạo hình hài. Đệ nhị xác thân, gọi là Chơn Thần thuộc bán hữu hình, do Đức Phật Mẫu ban cho, là cái vía hay hào quang, chơn thần trong sáng hay mờ lu do hành tàng của thể xác. Thể thứ ba là Đệ Tam Xác Thân, gọi là Chơn Linh, là chiết linh của Đấng Tự Hữu, bất tiêu, bất biến, có phận sự kèm thúc đệ nhất và đệ nhị xác thân đi trong khuôn luật tiến hóa.

Tự luận rằng, đệ Tam Xác Thân là linh hồn do Đức Chí Tôn ban cho, là yển sáng tự hữu minh triết như Đại Hồn của vũ trụ, khi mang sứ mạng giáo độ, đưa dẫn đệ nhất và đệ nhị xác thân thẳng dục vọng tâm thường, đệ tam là Chơn Linh khôn ngoan dĩ nhiên phải thẳng đặng đệ nhứt và đệ nhị, không cho chúng buông lung. Đàng này, trong cơ thể Tạo Đoan, muôn trùng sanh chúng ngụp lặn, sinh sinh-tử tử, luân hồi muôn ngàn kiếp học bài học tấn hóa, học cái khôn, học cái dờ, đó là do sự thất trách của Chơn Linh trong sứ mạng

điều độ hai xác thân. Chơn thần sẽ phải trải qua tiến trình điều độ lục dục, thất tình, thắng cái bản năng phàm ngã dưới sự điều dẫn của đệ tam. Khi đệ nhất và đệ nhị tạo hành tàng nghịch cơ tiến hóa, chơn thần phải chịu hình phạt luân chuyển tái kiếp. Trọng hệ hơn hết, đệ nhị xác thân nghe theo tiếng gọi của thú chất hình vật hay tiếng gọi thiêng liêng để sống. Nếu nghe theo hình vật thì phải chịu đọa. Nếu nghe theo tiếng nói thiêng liêng của đệ tam thì được trọn lành cùng đệ tam về cõi thiêng liêng hằng sống. Đệ tam xác thân cũng phải chịu thất phạm trước quyền năng thiêng liêng. Như vậy, câu hỏi tự vẫn là Chơn Linh là chiết linh của nguồn sống Chí Linh sao lại phải thua kém đệ nhất và đệ nhị xác thân phải chịu thất phạm trước hình luật thiêng liêng?

Điều tự vẫn trên cũng là phương diện đặc sắc của huyền vi bí mật cơ Tạo Đoan. Đấng Tự Hữu phân tánh, chiết linh, tạo ra Bát Phẩm Chơn Hồn, tức là Vạn Linh trong trời đất, có trên có dưới, có thăng có đọa. Muốn thăng, buộc phải lập ngôi vị đi trong khuôn luật trường thi tấn hóa. Đức Cao Thượng Phẩm có dạy:

“Đức Chí-Tôn không dùng phương-pháp ấy, để lọc lừa các hành động của chơn-linh, thì làm sao mà phân biệt được hàng phẩm cao hay thấp, tùy theo công-nghiệp của Đệ-Tam xác thân choặng” [Thánh cơ thuyết Đạo của Đức Cao Thượng Phẩm ngày 19/09/1950]

22. CÁI VINH DIỆU SẴN SINH TỪ CÁI HÈN MỌN

Đối với thế gian, tài sản hay danh vọng địa vị là đích điểm mà con người tìm đủ mọi cách để hướng tới đạt được và thụ hưởng. Khi đạt được tham vọng, khát khao ấy, đời xem là cánh cửa vinh quang rực rỡ. Với cửa đạo giáo, tài sản thế gian là vật ngoài thân, chỉ là phương tiện đáp ứng các yêu cầu thiết yếu cho bản thân, cộng đồng, nhân loại với nghĩa lý tích cực làm lợi lạc mục đích sống tinh thần tâm linh thuần mỹ. Trong tinh thần đó, thế nào gọi là vinh diệu phi thường trong cái hèn mọn đối với bậc thánh triết?

Cổ Pháp của đạo Cao Đài thể hiện sự hòa hợp của Tam Giáo, nghĩa là tinh hoa của Tam Giáo là điểm giao nhau thể hiện Thiên Đạo cứu cánh cho nhơn loại tìm về bản nguyên bất diệt, tức là bến bờ định thể giải thoát thiêng liêng. Theo dòng lịch sử tiến triển của nhơn loại, các tôn giáo ra đời với mục đích giáo độ chúng sanh chèo thuyền bát nhã giục tắn về cõi Cực Lạc. Các Đấng Giáo Chủ là những người làm gương cho vạn chúng tu thân. Các bậc thánh triết không đua tranh tiền tài danh vọng của thế gian mà không tham ái, không chấp thủ, vô cầu, vô dục, không sầu muộn, khổ não, không bị vật chất sai khiến. Ngược lại, các Ngài có tâm thánh triết, đủ Bi, Trí, Dũng điều độ thân-tâm-ý, có đời sống tâm linh hoàn mỹ để làm gương cho môn sinh mình tu tập. Tài sản của họ là tâm linh và trí huệ.

Điều đặc biệt, chúng ta quan sát định luật thiêng liêng xưa nay của cơ Tạo Đoan bất biến. Điều vinh diệu của các bậc giáo chủ cổ kim vẫn xây dựng theo luật thiên nhiên, dựa trên hành tàng hèn mọn nhất của đời. Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca cầm bình bát đi tha phương xin ăn để nuôi kẻ nghèo khổ. Người xin ăn ấy đạt được sự vinh diệu vô biên, tài sản vô hình không sao đoán ước cho đặng, triết lý của Ngài truyền bá ngoài 2.500 năm vẫn xiển dương mạnh mẽ toàn cõi Á Đông. Cái vinh diệu tiếp theo đó là gương của Đức Jesu dụng cái hèn hạ xin ăn. Ngài chịu thập hình đóng đinh với án là côn đồ, cướp bóc. Nhưng ngày nay, triết thuyết của Ngài truyền khắp hoàn cầu. Cái vinh hiển, sang trọng vô tận, vô biên không lấy chi so bì cho đặng.

Phải chăng cái hèn mọn ấy sinh ra cái vinh diệu kia? Ngày nay, Thượng Đế mở cơ ân xá tận độ chúng sanh, cho phép “*tu nhất kiếp, ngộ nhất thời*”, toàn thể con cái của Ngài cũng nên xem lại hành tàng lạ lẫm lấy cái hèn mọn tạo vinh diệu. Quyền năng của Đấng Tự Hữu buộc chúng ta phải lấy cái hèn mọn, nhỏ nhoi nhưng vì cơ thể Vạn Linh để tạo sự vinh hiển cao cả, sang trọng vĩ đại kia.

23. LỄ HẠ NGUƠN

Nếu rằm tháng giêng được coi là Thượng Ngươn, rằm tháng bảy được coi là Trung Ngươn thì rằm tháng 10 hàng năm được coi là lễ Hạ Ngươn trong một năm. Sau tam ngươn, thời gian sẽ đảo lại thượng ngươn. Vòng thời gian cứ

thể, giống như trong một Chuyển 36.000 năm cũng có ba Ngươn, Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn. Nhị Chuyển cũng gồm 36.000 năm và gồm Tam Ngươn.

Nay, nhơn loại đang sống trong giai đoạn Hạ Ngươn của Chuyển Ba và dần tiến đến Thượng Ngươn của Tứ Chuyển, tức là sắp bước qua trên 108.000 năm.

Các vị chư tổ sư muốn gồm hợp tinh thần quy nhất, làm cho loài người thức tỉnh tinh thần, quy Phật, tùng Pháp, phụng sự Tăng. Các học thuyết cao siêu ấy hằng trường tồn để cho nhơn sanh chiêm ngưỡng, quy thuận, nép mình vào cửa nâu. Hại thay! Các học thuyết của Tam Giáo các ngày càng lệch theo dòng thời gian, biến dịch chơn pháp:

“Thích-Ca Như-Lai

Kim viết: Cao-Đài Tiên-Ông Đại Bồ-Tát

Chư-Son nghe dạy:

Vốn từ Lục-Tổ thì Phật Giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành; Chánh Pháp bị nơi Thần-Tử làm cho ra mất Chánh Giáo, lập riêng pháp-luật buộc mỗi Đạo-Thiên.

Ta vì luật lệnh Thiên mạng đã ra, cho nên cam để vậy, làm cho Phật-Tông thất chánh có gần ba ngàn năm nay. Vì Tam-kỳ Phổ-độ, Thiên-địa hoằng khai; nơi "Tây phương Cực-lạc" và "Ngọc-Hư-Cung" mật chiếu đã truyền siêu rồi chúng sanh. Trong Phật-Tông-Nguyên-Lý đã cho

hiếu trước đến buổi hôm nay rồi; tại Tăng Đồ không kiếm chơn lý mà hiếu.

Lắm kẻ đã chịu khổ hạnh hành Đạo... Ôi! Thương thay! Công có công mà thưởng chưa hề có thưởng, vì vậy mà Ta rất đau lòng.

Ta đến chẳng phải cứu mình chư Tăng mà thôi; vì trong thế hiếm bậc Thần, Thánh, Tiên, Phật, phải đọa hồng trần, Ta đương lo cứu vớt.

Chư tăng, chư chúng-sanh hữu căn, hữu kiếp, đặng gặp kỳ Phổ-độ này là lần chót; phải rán sức tu hành, đừng mơ mộng hoài trong giả luật. Chư-Son đắc Đạo cùng chẳng là do nơi mình hành Đạo. Phép hành Đạo Phật-Giáo, dường như ra sái hết, tương tự như gần biển "Tả-Đạo-Bàn-Môn". Kỳ truyền đã thất. Chư-Son chưa hề biết cái sai ấy do tại nơi nào; cứ ôm luật Thần-Tú thì đương mong mỏi về Tây-Phương mà cửa Tây-Phương vẫn cứ bị đóng, thì cơ thành chánh quả do nơi nào mà biết chắc vậy. Ta đã đến với huyền diệu này, thì từ đây Ta cũng cho Chư-Tăng dùng huyền diệu này mà học hỏi; ngày sau thì đừng đổ tội rằng vì thất học mà thất kỳ truyền, Chư-Tăng từ đây chẳng đặng nói Phật giả vô ngôn nữa" [TNHT, Q.1]

Cho nên, Đức Chí Tôn quyết định xuống thế lập giáo, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi cho ra thuyết đại đồng nhân loại để cứu chúng sanh còn mê muội. Vì vậy, giáo lý Cao Đài hàm chứa một năng lực tự hữu và tha lực thiêng liêng để chư tín đồ hội duyên xóa tiền nghiệp, nương cớ cứu khổ của Thượng Đế.

“Ấy vậy, thuyết Đại đồng Thế giới trong buổi này, Chí Tôn lập Đạo Cao Đài cốt yếu để làm cho loài người biết mình do một nguyên căn linh hoạt sản xuất chung nhau, biết nhìn nhau là anh em đồng một căn nguyên mà đến. Từ cổ chí kim các Tôn Giáo tìm đủ mọi phương làm cho loài người thức tỉnh tinh thần, biết nhìn nhau là cốt nhục. Hại thay! Loài người chẳng biết nhìn Chơn lý của Đạo những luống mờ hồ nên Chí Tôn buộc lòng phải đến tạo nên Đạo Cao Đài, chủ trương cho loài người một đại nghiệp, hiệp một hoàn cảnh, chung sống nhau một tinh thần, một căn bản, qui tụ cho toàn sắc dân, hầu bảo trọng cái sống của nhau, sót ngọt chia bùi, bảo tồn nhau cho qua sự khảo đảo đau đớn nơi khổ cảnh này từ trước”.
[Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1]

Ngoài sự hạnh lạc vui vẻ ra, chúng ta thường nhắc cơ chuyển thế sần sảy, khảo lọc, phân lừa vàng thau, chịu sự đau thảm theo luật thiên nhiên.

“Bản Đạo có giải nghĩa cuối Hạ ngươn Tam chuyển bắt đầu Ngươn Tỉ chuyển. Khởi đầu, thường thiên hạ phải nhập trường chung cuộc khảo thí. Thi đậu thì ra khỏi cảnh đau thảm khổ này, nếu rớt thì ở lại làm Thân Thông Nhon” *[Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1]*

Những lời vàng ngọc của Đức Phạm Hộ Pháp để lại muôn vắn khúc ản cho tín đồ Đại Đạo về buổi hạ ngươn. Ngài luôn nhắc về sự tạo đạo trễ một ngày thì hại lương sanh

một ngày. Sự thút giục của các Đảng cầm quyền thiêng liêng trị thế và Đức Hộ Pháp để lại một tình cảnh đau thảm tâm hồn vì nhơn loại đã đến ngưỡng cửa bi thương, xót xa.

“Xem xét cho đúng lý thì Chí Tôn đến lập nên Quốc Đạo làm Cơ quan chuyển thế cứu mạng loài người. Toàn Đạo nam, nữ lãnh một cái trách nhiệm trọng hệ đường ấy mà không có đủ tinh thần nghị lực làm tròn nhiệm vụ”
[Thuyết Đạo ĐHP, Q.1]

Lo lắng vì mang phận sự giáo hóa nhơn sanh, làm gương cho hoàn vũ neo theo Nam Phong quốc túy, lo vì cảnh mặt pháp tương tàn, hủy diệt theo định luật hóa công trong buổi hạ ngươn.

Sự luân chuyển ngươn hội được tượng trưng trong pháp luân thường chuyển, tức là đi hoán đàn tại Tòa Thánh Tây Ninh, một pháp giới Đức Chí Tôn đặt để cho toàn con cái kiểm hiểu và đoạt pháp.

“Tại sao phải hoán đàn, nam, nữ chen nhau? Đó là bùa pháp luân thường chuyển. Tại sao Chí Tôn để bùa pháp luân thường chuyển tại thế này, dựng chi vậy? Hiện đã mãn Hạ Ngươn tam chuyển, bắt đầu Thượng Ngươn tứ chuyển ta gọi là khai ngươn nên phải để cho pháp luân chuyển.

Ta đã biết thời Tiên Thiên Khí và Hậu Thiên Khí chuyển làm một mối đạt Đạo đặng. Cả thầy đều biết qua Cửu

Trùng Đài này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn cung trên kia là Cung Đạo, từ trước đến nay, mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết. Đi chín tầng Trời để cho phần hồn đi cho cùng tột cửu phẩm Thần, Thánh, Tiên, đến Phật, tức là Phật xuống phàm, rồi phàm trở lại Phật, chuyển luân như vậy, bí pháp gọi là đạt Đạo. Tại sao cả thầy không tìm hiểu, rồi không chịu vô hoán đàn, sợ mỗi chân, chờ trong này thiên hạ đi giáp rồi mới vô cúng mà thôi.

Cũng vì bởi không hoán đàn là không đạt được thể pháp đó không đủ theo pháp giới của Chí Tôn, nên người cầm pháp có phận sự không cho vô tức là không cho làm loạn Đạo”. [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2].

Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo cũng cho biết cuộc mạt phát hay thời kỳ xử đoán cuối cùng cho nhân loại hoàn vũ tức là thời kỳ giao chuyển của Trời Đất để có Đại Hội Long Hoa điểm đạo cho các đẳng chơn hồn rút lại hay đặc vị thiêng liêng nơi cửa hàng sống.

24. VÀI NÉT VỀ ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP

1/ Sơ nét về tiểu sử:

Đức Phạm Hộ Pháp, thế danh là Phạm Công Tắc sinh ngày 05 tháng 05 năm Canh Dần tại tỉnh Long An trong gia đình gồm 09 người, Ngài là người kế út. Dù sinh vào ngày tết Đoan Ngọ nhưng thân thể Ngài khỏe mạnh, thiên tư đỉnh ngộ dù có những lúc Ngài thiếp đi đôi ba ngày mới tỉnh dậy.

Thân phụ ngày là Ông Phạm Công Thiện, chơn linh của Ngân Hà Công Bộ nơi cõi Thiên Đình giáng trần. Thân phụ làm công chức nhưng tánh ôn hòa, thanh liêm, bộc trực, tham gia những phong trào chống áp bức, vì thế đồng nghiệp không mến. Ông Phạm Công Tắc chỉ 13 tuổi thì thân phụ ra đi, sống cùng thân mẫu và anh chị em. Cả gia đình theo tín ngưỡng Thiên Chúa Giáo. Ngài ảnh hưởng tư tưởng rất lớn nơi thân phụ, trọng đạo đức, thương đồng liêu, ái quốc, thương giống nòi phải chịu làn tên mũi đạn, đô hộ bởi ngoại bang mà mất đi sự tự do nhiều mặt. Ngài từng tham gia nhiều cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp như phong trào Đông Du dưới sự dẫn dắt của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh nhưng bất thành.

Về học vấn, Ngài được học Nho, sau chuyển qua Tây Học nên dù đến bằng thành chung, cả tư tưởng Đông-Tây là tiền đề sau này làm phận sự đặc biệt trong việc sứ mạng lập nền Chánh Giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Năm 21 tuổi, vâng lệnh mẫu thân [Bà Nguyễn Thị Nhiều sau đặc phong Nữ Chánh Phối Sư, thánh danh Hương Nhiều] lập gia thất và sanh đặng ba người con: Phạm Hồ Cầm và Phạm Tần Tranh [Bà Phạm Tần Tranh sau đặc phong Nữ Phối Sư, Bà Cầm không có cầu phong]. Chỉ một năm sau, thân mẫu qui liễu và dần dần anh em cốt nhục ra đi. Có lẽ, đó là biến cố định mệnh làm cho Đức Ngài đau đớn và bước vào một đời sống mới.

Lớn lên trong giai đoạn quốc hận, Ngài đủ tình yêu nước nồng nàn, thương dân, ái quốc da diết. Cái tình ái bộc lộ qua bút hiệu của Ngài tự “*Ái Dân*”. Có thể nói, đây là một đặc tính căn bản của một “*Phạm Công Tắc*” sau này Thượng Đế mượn bàn tay Đức Ngài gây dựng nên quốc Đạo. Khi xin vào làm tại sở Thương Chánh với đồng lương công chức ít ỏi, Ngài vâng lệnh phụ mẫu lập gia đình dù Ngài không tha thiết. Trong giai đoạn này, Ngài đã vay tiền để giải phóng một nhóm nhi nữ ra khỏi thanh lâu, một cử chỉ cao đẹp thể hiện tình thương giữa người với người.

Ngài vẫn luôn nghĩ về thế cuộc, bản khoản thế thời, muốn tìm hiểu về thế giới vô hình. Thế là nhờ phong trào cầu cơ xin thuốc trị bệnh lại trở thành một phương tiện thông công giữa người hữu hình và vô hình. Cơ bút trở thành phương tiện làm sống động cuộc đời, nghĩa là một mô hình giúp người ở cõi vô hình chung sống cạnh người bằng da bằng thịt. Dần dần, các đàn cơ hướng Ngài để thiên mạng

khai mở một nền tôn giáo, gọi tắt là đạo Cao Đài. Đạo Cao Đài ra đời để phá vỡ mâu thuẫn cũng như ranh giới giữa các Tôn Giáo và để truyền thừa sự khôn ngoan cho con người để sống trong hòa bình dung dị nhất, tìm về nhất nguyên vĩnh hằng, xác quyết chân lý “*vạn giáo đồng nguyên*” để bước từng bước chân trên cơ thể sống của cơ thể Tạo Đoan.

“Năm Bần đạo 22 tuổi, đau đớn biết bao nhiêu, chỉ biết có một điều là lo lập thân danh vọng nuôi mẹ, lập thân danh để bảo trọng anh em, đến chừng thành danh rồi khổ đáo đẽ, cha mẹ đã khuất hết, dầu thương bao nhiêu cũng không còn...

...ngó lưng lại không thấy cha mẹ, vì cha mẹ đã chết hết, thôi mình đeo theo anh em, em chết nữa, lần lượt bao nhiêu người thân ái đều chết hết, bao nhiêu cái thương nồng nàn chỉ để nơi một người anh rể, thương hơn anh ruột nữa; có một người em gái thứ chín, đó là người bạn thân mến trong kiếp sanh của Bần đạo, mà đã qui liễu rồi, tới chừng ấy, tâm hồn bơ vơ, xác thịt bơ vơ, đi ra ngoài đồng ngó ngọn cỏ, con chim, nó cũng nhắc, nghe tiếng hát của mấy em cấy lúa, nghe tiếng hò của người chèo ghe, cũng nhắc tới nỗi đau thương. Từ ngày ấy, không biết buổi nào được vui, chỉ muốn đi tu, muốn tìm cảnh tu, cho đến từng tuổi này, đáo đẽ tâm hồn quá lẽ” [Thuyết Đạo của ĐHP]

Từ mọi biến dịch vô thường kiếp sanh hằng diễn ra trước mắt, Ngài chỉ biết làm để tròn phận sự nhơn đạo, đêm về khảo cứu thế giới thần linh, nghiên cứu cõi vô hình và nghiên cứu cách tiếp cận thế giới vô vi. Từ trần trở và tinh thần học hỏi này, có người chỉ cách cầu cơ nên Ngài hiệp với ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang đêm đêm tọc mạch để tiếp cận cảnh giới đã khuất. Các sự kiện diễn tiến cho đến năm 1925, các hoạt động giao thiệp cảnh giới ấy hoàn toàn đạt đường nhiều mỹ mãn theo thiên tánh Ngài. Các đàn cơ đàm luận thi phú làm cho Ngài đạt kỳ sở vọng để làm thú tiêu dao nhàn nhã, giải khuây đối với thể thái nhân sinh. Các vị Tiên Nương nơi Diêu Cung Cung lãnh phận sự dẫn dắt và Đấng A, Ẫ, Ậ [danh xưng ẩn ban đầu của Đức Chí Tôn] đưa đến nghi thức Vọng Thiên Cầu Đạo tại Sài Gòn.

Kể từ ấy, cơ bút trở thành một người bạn chí thân đối với Ngài và công cuộc gầy dựng nền tôn giáo cũng từ ấy đi đến hiện tượng và kiện toàn mọi mặt từ thể pháp cho đến bí pháp đạo Cao Đài.

2/ Hóa đồ người hữu duyên:

Ngài Lê Văn Trung với phẩm là Bắc Đẩu Bội Tinh, chức cao vọng trọng. Tuy nhiên, Người luôn đứng lên đấu tranh gian khó dành lại quyền lợi cho người Việt Nam trước mọi áp bức, đàn áp, bóc lột của ngoại bang. Theo sử liệu đạo,

Ông bị mù đôi mắt và được Đức Chí Tôn chữa khỏi. Hữu duyên tại đàn cơ Chợ Gạo, Đức Lý về độ Ông trước.

Đến mừng 05 tháng 12-Ất Sửu [18-01-1926], Đức Chí Tôn sai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư đem ngọc cơ đến nhà ông Trung để Đức Chí Tôn dạy việc. Hai Ngài không dám khước từ vì sợ. Mặc khác, trong lòng sợ sệt vì chưa giao thiệp ông Trung bao giờ. Dù khó khăn, khó tính nghĩ, hai Ngài vẫn vâng lệnh theo lời dạy.

“Trung, nhứt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy, mà đạo cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy. (ông Trung bị lừa hai mắt, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu làm cho hai mắt của ông sáng trở lại).

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vện vẽ mới thành Tiên”*

Được cứu chữa đôi mắt bị mù lừa, Ngài Lê Văn Trung đã tin tưởng nơi diệu huyền Thiêng Liêng. Nay, Thánh Giáo dạy việc vậy, Ngài càng thêm lòng vững thánh tâm và lo thu xếp bỏ đời hành đạo, theo chơn Đức Chí Tôn cho đến khi thiên phong lên Quyền Giáo Tông. Ngài Phạm Công Tắc đã hoàn thành trách phận khó khăn Đức Chí Tôn Giao phó một cách dễ dàng.

3/ **Liên hệ với Ngài Ngô Văn Chiêu để thờ Thiên**

Nhãn:

Trong khi Đức Phạm Hộ Pháp cùng các Chư Vị được Đức Chí Tôn độ dẫn và mở nền Đạo Cao Đài, Ngài Ngô Văn Chiêu đã được Đức Chí Tôn cho thấy Thiên Nhãn ba lần và thâm nhận làm đệ tử trước đó. Do đó, Đức Chí Tôn giáng cơ, lệnh cho các ông: Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức đến nhà ông Chiêu để hiệp tác thực hiện cơ mở đạo, buộc các Ngài phải gọi ông Chiêu là anh Cả.

Đêm Noel, năm 1925, Đức Chí Tôn giáng cơ:

“Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái-Tây (Europe).

Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy.

Nhà này sẽ đầy ơn Ta (Nhà của M. C...).

Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta.

Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đáng kính mến Ta hơn nữa.

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,

BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;

HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh.

HUỒN MINH MÂN đảo thủ đài danh.

(Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của mười hai người môn đệ trước hết là của Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế, còn ba chữ xiêng lớn trong câu chót là tên ba vị hầu đàn)” [TNHT, Q.1]

Từ giáo hóa của Đức Chí Tôn và các diễn tiến liên tiếp do cơ bút điều đình, các Ngài học Ngài Chiêu dạy cách thờ Thiên Nhân. Sau đó, lý tưởng phụng sự không đồng nhất, Ngài Ngô theo con đường riêng, không còn liên hệ với nhóm Ngài Phạm Công Tắc để phổ độ nhơn sanh.

4/ Hộ Pháp ngự thể Phạm Công Tắc:

Đối với cuộc thiên phong cho các chức sắc đại thiên phong, người được Đức Thượng Đế phong đủ hàng thánh thể thiêng liêng điều hành guồng máy thể pháp để truyền bá nền chơn giáo; riêng với Đức Phạm Công Tắc, Đức Chí Tôn buộc Ngài tắm rửa sạch sẽ, lấy vải đắp lên mặt, cầm lá bùa Giáng Ma Xử...rồi Đức Chí Tôn trực thân ra, cho Chơn Linh Hộ Pháp ngự thể. Có thể nói, đây là một trường hợp duy nhất trong hàng Đại Thiên Phong của Thánh Thể Cao Đài. Đức Phạm Công Tắc trở thành Phạm Hộ Pháp.

Đêm ngày 11 tháng 03 năm Bính Dần nhằm ngày 22/04/1926, tại Cần Giuộc, tỉnh Long An, chùa Vĩnh Nguyên Tự, cuộc Thiên Phong Thượng Đâu Sư cho ông Lê Văn Trung và Ngọc Đâu Sư cho ông Lê Văn Lịch. Đối với ông Phạm Công Tắc, Đức Chí Tôn giáng cơ:

"Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó), biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón..."

Cười . . . Đáng lẽ nó phải sấm khôi giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tác vãi điều đắp mặt nó lại.

Lịch viết một lá phù (Giáng Ma Xử) đưa cho nó cầm."

.....

"Biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ Lôị đặng Thầy triệu nó đến, rồi mới tới trước mặt Tắc, đặng Thầy trục xuất chơn thần nó ra, nhớ biểu Hậu, Đức, xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ".

Hay:

"Cười! Tắc, con coi mặc Thiên phục có xấu gì đâu con? Một ngày kia, sắc phục ấy đời sẽ coi quý trọng lắm!

Con ôi! Con có biết những điều ấy bao giờ!"

Những sự kiện cơ bản trên cho thấy ông Phạm Công có tiền duyên được Đức Chí Tôn chọn làm Hộ Pháp với nghi thức giáng thể ngự linh nơi ông Phạm Công Tắc duy nhất mà thôi. Từ năm Bính Dần, Đức Ngài trở thành Hộ Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Ngài là chủ tịch Hiệp Thiên Đài gồm ba chi Pháp, Đạo, Thế của Hiệp Thiên Đài và nắm chi Pháp, kết hợp với quyền Giáo Tông của Cửu Trùng Đài để thực hiện quyền Chí Tôn tại thế. Sau đó, Đức Lý Thái Bạch cho thánh thi:

*“Hộ giá Chí Tôn trước đến giờ,
Pháp luân thường chuyển mỗi Thiên cơ.
Chủ quyền Cực Lạc phân ngôi vị
Quản sát Càn Khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
Hình hài Thánh thể chừ nên tượng,
Đài trọng hồng ân gắng cậ nhờ.”*

Thánh thi trên cho biết Đức Phạm Hộ Pháp sẽ nắm quyền hành cả Hiệp Thiên và Cửu Trùng, cũng hé mở lộ nguyên căn của Đức Hộ Pháp với quyền nắm thế nào trên cõi thiêng liêng. Ngài là Đức Jesus, là Đức Vi Hộ, là Đức Di Lạc Vương...và phải chăng là đức Nam Bình Vương Phật hay Nam Bình Phật Tổ. Điện Thờ Phật Mẫu tại Trí Giác Cung tức Trường Qui Thiện, có nhiều giả thuyết đưa ra xung quanh bức tranh Đức Hộ Pháp trao và ra lệnh thờ tại Trường Qui Thiện. Có giả thuyết cho rằng bức ảnh này do người Đài Loan trao tặng cho Ngài, có giả thuyết cho rằng bức ảnh này có trước nhiều năm trước chuyến Á du rước Thánh tro Ngoại Hầu Cường Để, và còn nhiều giả thuyết khác xung quanh vấn đề này. Tuy nhiên, lời Đức Phạm Hộ Pháp dạy:

“Chừng nào có Điện Thờ Phật Mẫu (ĐTPM) thì Thầy sẽ cho biết, không có gì lạ. Đền Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế có hình Hộ Pháp mặc Thiên phục khô giáp, thì nơi ĐTPM, lẽ dĩ nhiên hình của Ngài không mặc Thiên phục, chỉ mặc áo cà sa nhà Phật mà thôi. Nơi Trí Giác Cung, Thầy có dạy thờ Nam Bình Vương Phật trong ĐTPM rồi.”

Và

“Nơi Tòa Thánh thờ Đức Chí Tôn, có Hộ Pháp mặc Thiên phục với khô giáp (vì đây triều nghi của Đức Chí Tôn) đứng ở HTĐ nhìn thẳng vào BQĐ, thì nơi Điện Thờ Phật Mẫu (ĐTPM) cũng tương tự như vậy, cũng phải có tượng Nam Bình Vương Phật, nhưng không được mặc khô giáp, chỉ mặc áo cà sa (vì Đức Phật Mẫu không có triều nghi, chỉ có tình Mẹ con), đứng đối diện với bửu điện thờ Phật Mẫu”

Qua lời giảng dạy trên, tuy Ngài không xác quyết Ngài là Đức Nam Bình Vương Phật. Nhưng phải chăng tượng Nam Bình Vương Phật trong tương lai trong ngôi thờ Đức Phật Mẫu Tương lai chính là Đức Phạm Hộ Pháp? Chúng ta có quyền hỏi và im lặng đối với câu trả lời đối với một Đức Phạm Hộ Pháp oai linh nơi cõi thánh không, vẫn đang ngự nơi trung tâm của mỗi Chơn Thần chúng ta, khai khiếu, vận bửu pháp Kim Tiên đào độn khí Hồn Nguơn nuôi sống vạn linh trong càn khôn vũ trụ.

5/ Đức Hộ Pháp giữ vai trò phò loan cơ phong Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

Việc cầu cơ chấp bút được thực thi liên tiếp không ngừng để nền Đạo kiện toàn bộ máy Hội Thánh lưỡng đài. Đức Hộ Pháp cùng Đức Cao Thượng Phẩm giữ cơ phò loan phong thánh để Đức Chí Tôn, Đức Lý Thái Bạch thiên phong và lập chánh trị đạo.

Trước tiên, Đức Chí Tôn lập Pháp Chánh Truyền Cử Trùng Đài cho nam phái, thiên phong ba phẩm Chương Pháp, ba phẩm Đầu Sư, ba chánh Phối Sư và nhiều phẩm Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh nam lẫn nữ. Tiếp theo, Đức Ngài giảng cơ lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, phong Thập Nhị Thời Quân, cùng một số phẩm trong Thập Nhị Bảo Quân, tức là Hàn Lâm Viện Học Cao Đài Giáo, rồi khai tịch đạo Thanh Hương. Từ sứ mạng thực hiện cơ phò loan phong thánh, Đức Chí Tôn, Đức Lý đã hoàn thành Hiến Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cho kinh điển, phô diễn triết lý, giáo lý hình thành tôn giáo lưỡng toàn mọi mặt.

Trong khi đó, Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền cho nữ phái và ân phong tiếp sau Đức Chí Tôn.

Năm 1929, Đức Phụng Phẩm báii mạng triều thiên, cơ phò loan dứt khoảng. Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng cùng Đức Hộ Pháp tiếp nối công việc như xưa.

*Đức Chí Tôn giảng cơ tại Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc)
lúc 12 giờ khuya ngày mừng 1-7-Bính Dần (dl 8-8-1926) cho
bài thi Tịch đạo nam phái:*

*"Các con nghe Tịch đạo:
Thanh Đạo tam khai thất ức niên,
Thọ như địa quyển thanh hòa Thiên.
Vô hư qui phục nhơn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.*

THANH là tịch các con.

*Vậy thì: Trương là Thượng Trương Thanh,
 Kim là Thượng Kim Thanh
 Thơ là Thái Thơ Thanh.*

Phải dùng tên ấy mà thề."

*Trong ngày Khai Đạo tại Thánh Thất Từ Lâm Tự (Chùa
Gò Kén) Tây Ninh, đêm 14-10-Bính Dần (dl 18-11-1926),
Đức Chí Tôn giảng cơ ban cho Tịch đạo của Chức sắc CTĐ
nữ phái:*

TNHT: *"Nữ phái nghe Thầy khai Tịch đạo:
Hương Tâm nhứt phiền cận càn khôn,
Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.
Nhứt niệm Quan Âm thùy bảo mạng,
Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.*

Lâm thị: Phong vi Giáo Sư, lấy Thiên ân là Hương Thanh.

Ca thị: Phong vi Phó Giáo Sư, lấy Thiên ân là Hương Thế.

Đường thị: đã thọ mạng Thiên sai, cứ giữ địa vị mình.

Còn cả chư ái nữ, Thầy sẽ lập Đại hội cho đủ mấy vị rồi sẽ phong sắc một lượt.

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời dạy."
[Thánh cơ ban Tịch Đạo Thanh Hương của Đức Chí Tôn]

6/ Lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại Tông Đạo Tàn Nhơn:

Trong công cuộc làm lễ khai đạo, Đức Hộ Pháp tạm hoãn công việc nhà nước để lo chu toàn lễ khai đạo tại chùa Gò Kén, tức Từ Lâm Tự, nơi bà Lâm Hương Thanh có công tu bổ, sùng tu Phật Tự [sau bà đắc phong Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh]. Làm lễ khai đạo xong, Đức Hộ Pháp trở lại công tác theo lệnh của Đức Chí Tôn. Chánh quyền pháp để ý Đạo Cao Đài, nên ngăn ngại Đức Ngài, bổ Ngài công tác qua Nam Vang, Campuchia.

Đức Hộ Pháp thuyết:

"Riêng Bàn đạo là công chức, khi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến Chùa Gò Kén mở Đạo, Bàn đạo có xin phép nghỉ 6

tháng, đến chừng trở lại làm việc, người ta đổi Bàn đạo lên Kim Biên. Nơi đó, Bàn đạo vừa làm việc vừa lo mở Đạo..."

Tuy ngày công tác bình thường nhưng công việc mở đạo và thực thi sứ mạng không ngừng gián đoạn. Nơi đây, cơ bút Đức Chí Tôn giảng phong và Ngài lo lập Hội Thánh Ngoại Giáo. Đàn cơ năm 1927 tại Nam Vang, Đức Chí Tôn phong 09 vị chức sắc sau:

Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài: Cao Đức Trọng Giáo Hữu: Thượng Bảy Thanh [Lê Văn Bảy], Giáo Hữu: Thượng Lắm Thanh [Nguyễn Văn Lắm]. Giáo Hữu: Ngọc Sự Thanh [Võ Văn Sự]. Lễ Sanh: Thượng Chữ Thanh [Đặng Trung Chữ]. Lễ Sanh: Thượng Vinh Thanh [Trần Quang Vinh]. Lễ Sanh: Thái Cua Thanh [Phạm Kim Cua]. Nữ Giáo Hữu: Hương Phụng [Bà Batrya Trần Kim Phụng]. Nữ Giáo Hữu: Hương Huê [vợ của Ông Lê Văn Bảy].

Từ đây, Hội Thánh Ngoại Giáo ra đời thực hiện sứ mạng phổ thông chơn đạo hải ngoại, nên còn gọi là Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại. Đầu tiên, có ba sắc dân theo là Tann Nhon [người Miên], Đường Nhon [người Tàu], người Pháp chủ yếu. Hội Thánh này do quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhon. Ở hữu hình, Đức Hộ Pháp cùng xây dựng và nghị quyết.

7/ Hóa giải phép ếm Long Tuyền Kiếm:

Nền văn minh Trung Hoa vốn rất giỏi về địa lý, thiên văn. Mặt khác, một số triều đại vua chúa đánh chiếm và ức hiếp dân tộc Việt Nam, bằng chứng Việt Nam bị ngàn năm đô hộ giết Tàu. Vì sự thông thái, tài giỏi về dịch học, địa lý trời đất mà biết nước Việt Nam có nhiều linh khí Trời Đất hội tụ, phát triển nhân tài tương lai. Dù là một nước lớn mạnh nhưng sự ganh tỵ, lo lắng làm cho tư tưởng học tìm phương pháp không cho Nam Việt hùng mạnh do nơi linh khí thiên nhiên ban cho, nên quyết định trừ yểm tuyệt sự ra đời nhân tài.

Theo tài liệu Cao Đài của chư vị tiên nhân để lại, khoảng năm 1914, Trung Hoa cho người đến vùng đất Phú Mỹ [xã ngày nay, tỉnh Tiền Giang], dung Long Tuyền Kiếm chôn dưới đất ở vùng đất rộng đầy cây năng mọc um tùm. Địa điểm đó là một ngọn núi rất nhỏ, sẽ lớn dần theo tương lai. Mục đích trừ yểm để giết nhân tài khi còn trẻ tuổi.

Đức Chí Tôn mở cơ ân xá cho toàn nhân loại, lại chọn dân tộc Việt mang sứ mạng mở Đạo tại Miền Nam. Vì vậy, Bát Nương cho Đức Hộ Pháp hay việc trừ yểm này. Nên vào ngày 28 tháng 03-Canh Ngọ [1930], Đức Hộ Pháp lập phái đoàn từ Thánh Thất Khổ Hiên Trang để thực hiện sứ mạng.

Do vùng đất còn hoang sơ, cỏ cây sâm uất, việc tìm kiếm hộp chứa Long Tuyền Kiếm gặp rất nhiều khó khăn, người trước người sau phải dung dây nổi để không lạc. Với

sự trợ giăng chỉ của Ngài Lỗ Ban Sư Trưởng, phái đoàn không khó tìm được nơi chôn bùa yểm. Khi đã được đào lên được Long Tuyền Kiếm, con cò, đồng xu... thì mạch nước long mạch phun mạnh. Đức Hộ Pháp cho đồng đạo đào kênh cho chảy ra sông. Phép yểm độc của thầy địa lý Trung Hoa tại Việt Nam đã hoàn toàn được hóa giải.

"Ngày nay là ngày kỷ niệm giống dân Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai, sẽ gỡ ách cho dân tộc và sẽ cởi ách nô lệ, dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp, dân tộc sẽ xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, chẳng còn lệ thuộc một sắc dân nào." [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp]

8/ Ngăn ngừa hiện tượng tách chi phái và lập luật định:

Trước những biến động đột ngột, Đức Lý Giáo Tông vô vi hiệp với Đức Hộ Pháp lập 06 Nghị Định Đạo để chấn chỉnh tình hình đạo vào ngày 03 tháng 10 năm Canh Ngọ [1930]. Sau 04 năm, tình hình chư Chức Sắc không từng mạng lệnh Hội Thánh, Đức Lý cùng Đức Hộ Pháp lập thêm 02 Đạo Nghị Định vào 16-07 Giáp Tuất [1934], hầu chấn chỉnh, trị an, ngăn ngừa tà quyền chống phá cơ Đạo hiện hữu.

9/ Chương quản nhì hữu hình đài:

Ngày 13 tháng 10 năm Giáp Tuất [1934], Đức Quyền Giáo Tông Đăng Tiên, để lại vô vàn khó khăn.

"BÁT NUƠNG,

Em nhớ lại, khi Ngọc Hư Cung cho HTĐ cầm số mạng Nhơn sanh, lập thành Chánh giáo thì Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho CTĐ.

Cả Ngọc Hư, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều ngạc nhiên sự lạ. Đại Từ Phụ phổ giáo rằng: Hay! Hay! Không lẽ để phận hèn, ngày sau sẽ rõ Thánh ý Người quyết liệu."
[Đàn cơ ngày 12-02-1934, 29-12 Quý Dậu]

Đây là đàn cơ có trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, cho biết ngày Đức Hộ Pháp kiêm nhiệm phận sự Cửu Trùng Đài. Nên Đức Lý Giáo Tông giảng cơ giao quyền Giáo Tông hữu hình vào tay Đức Hộ Pháp.

Trước sự rối ren trong nội bộ Đạo cùng sự đàn áp, chống phá đạo của Pháp, Đại Hội Nhơn Sanh tổ chức ngày 06 tháng 11 năm Giáp Tuất [12-12-1934]. Hội Nhơn Sanh và cả Hội Thánh đều biểu quyết giao Đức Hộ Pháp quyền hành chánh trị Cửu Trùng Đài.

*"Bắt ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên thi.*

*Cứu Trùng không kể an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Thành pháp điều đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đây về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì".
[Thánh Thi hiệp tuyền]*

Ngày 18-10-Ất Hợi (dl 13-11-1935), Đức Lý Giáo Tông có giảng cơ tại Hộ Pháp Đường nói chuyện với Đức Phạm Hộ Pháp, xin trích ra một đoạn:

"- Cười! Lão chẳng nói rõ, Hiền Hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, thăng Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng không thi thố chiặng với một Hội Thánh hữu danh vô thực như vậy có phải? May thay! Thiên thơ do một mặt chẳng chi dời đổi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế.

Hộ Pháp bạch: - Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngàiặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chắt.

- Cười! Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại; hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay thì Hộ Pháp có thể nào điều hành Hội Thánh choặng. Ấy vậy, cứ để y" [Đức Hộ Pháp và Tiếp Đạo Cao Đức Trọng phò loan].

10/ Lập chức sắc tiểu cấp Hiệp Thiên Đài:

Khi nắm quyền hành điều đình nhị hữu hình đài, Đức Hộ Pháp cùng các chư chức sắc và tín đồ kiến tạo Tòa Thánh thờ Đức Chí Tôn, Báo Ân Từ thờ tạm Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương, các cơ quan, văn phòng tại nội ô Tòa Thánh. Tòa Thánh thờ Cha, Báo Ân Từ thờ Mẹ, tức là hai ngôi Tiên Thiên Âm-Dương trời đất đang chan rưới cho toàn chúng sanh. Riêng Điện Thờ Phật Mẫu Trung ương chưa được xây dựng do thời cuộc và chưa được chỉ dẫn của Thiêng Liêng. Điện Thờ Phật Mẫu thiết thọ được cho biết sẽ xây dựng ngoài nội ô Tòa Thánh mà Đức Hộ Pháp đã dành sẵn 04 mẫu đất tại đường Bình Dương, xóm Tà Mun [xóm người Campuchia sinh sống], cách tòa thánh khoảng 01 km. Kiểu vở kiến trúc sẽ có cơ bút sau này giảng dạy khi tới ngày giờ theo Thiên Ý định.

Dưới sự chỉ dẫn của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Hộ Pháp lập 07 phẩm chức sắc dưới Thập Nhị Thời Quân, vừa rộng đường lập vị cho người đạo hữu công, vừa giúp sức cơ quan Hiệp Thiên Đài nhất là Thập Nhị Thời Quân có người phụ tá. Bảy phẩm gồm:

1. Tiếp Dẫn Đạo Nhơn.
2. Chưởng Ấn.
3. Cải Trạng.
4. Giám Đạo.
5. Thừa Sứ.

6. Truyền Trạng.
7. Sĩ Tài.

Ngày 11 tháng 07 năm 1936 [23-05 Bính Tý], Đức Hộ Pháp thêm một phẩm thứ 08 là Luật Sự bằng cách tổ chức khoa mục dự thi. Như vậy, Chức Sắc Tiểu Cấp Hiệp Thiên Đài chính thức từ năm 1936 có 08 phẩm tất cả. Cơ Quan Hiệp Thiên Đài đủ năng lực và nhân sự theo sự chỉ dẫn của quyền năng Thiêng Liêng và điều hành của Đức Hộ Pháp.

11/ Lập cơ quan Phạm Môn, Hội Thánh Phước Thiện:

Thánh Thi Đức Chí Tôn ban báo hiệu cơ quan Phạm Môn sẽ hiện hữu trong nền đạo:

*“Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn.
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tĩnh thế kỳ thân đắc chánh tôn”*

Ngày 15 tháng 07 năm Mậu Thìn [DL ngày 29-08-1928], Ông Đinh Công Trứ được Đức Lý Giáo Tông lập Minh Thiện Đàn tại nhà ông tại làng Phú Mỹ, tỉnh Tiền Giang.

Giai đoạn nạn khảo trong cửa Đạo, Đức Hộ Pháp rời Tổ Đình tạm trú tại Thủ Đức, Sài Gòn. Không lâu, Ngài về

thánh thất Khổ Hiền Trang. Ngày 25 tháng 02 năm Kỷ Ty [04-04-1929] tức là sau chưa tròn một năm lập Minh Thiện Đàn, Đức Lý giao về tay Đức Hộ Pháp điều hành.

Tiếp sau đó, Đức Hộ Pháp dời Minh Thiện Đàn về xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, lập các cơ sở đạo theo mô hình tu chơn, nuôi đạo, cứu đời. Ngày 20 tháng 01 năm Giáp Tuất [1934], lực lượng Cao Đài Ban Chính Đạo Bến Tre thực hiện cuộc chống phá xấu đối với Tòa Thánh. Đức Hộ Pháp tiên tri trước và cho anh em từ Phạm Môn trấn giữ các cửa vào nội ô. Nên mọi việc đầu vào đây, chỉ phái Cao Đài Bến Tre đánh bỏ về.

Đức Hộ Pháp lại lập ba cơ quan tu tịnh là Thiên Hỷ Động [Trí Huệ Cung], Địa Linh Động [Trí Giác Cung], Nhơn Hòa Động [Vạn Pháp Cung, gần chân núi Bà Đen].

Chưa dừng lại đó, họ còn vu cáo với chính quyền Pháp. Chính quyền đàn áp, bắt bớ, buộc đóng cơ sở Phạm Môn. Trước tình thế muôn vàn khó khăn, Đức Hộ Pháp], chuyển cơ quan Phạm Môn thành Hội Thánh Phước Thiện trực thuộc chi Đạo, dưới quyền coi quản của Đức Hộ Pháp.

Ngày 19 tháng 10 năm Mậu Dần [10-12-1938], Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng ký Đạo Nghị Định 48/PT ngày thành lập 12 phẩm, gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp

Thiêng Liêng của Hội Thánh Phước Thiện, được kể ra như sau:

- | | |
|----------------|------------------|
| 1. Phật Tử. | 7. Chí Thiện. |
| 2. Tiên Tử. | 8. Giáo Thiện. |
| 3. Thánh Nhơn. | 9. Hành Thiện. |
| 4. Hiền Nhơn. | 10. Thính Thiện. |
| 5. Chơn Nhơn. | 11. Tân Dân. |
| 6. Đạo Nhơn. | 12. Minh Đức. |

Đức Hộ Pháp giảng tại Hộ Pháp Đường hồi 7 giờ tối do Ông Trịnh Phong Cương thỉnh giáo ngày 6-9-1951.

“Lời Thỉnh Giáo:

-Bạch Đức Thầy : “ Mấy con theo Thầy học Đạo do Thầy chọn lựa vào môn đệ. Thầy đã mở cửa Phạm Môn là lập công học Đạo, chỉ mong được hưởng phẩm vị Thiêng Liêng thuộc về bóng chó không thiết hiện ra mặt xã hội. Từ năm 1925 Phạm Môn đã công khai với chính phủ cùng khắp trong nước, Đạo đòi đều hiểu và đã có sự công nhận của quyền Vạn Linh và liệt vào Đạo luật năm Mậu Dần (1938). Khi Thầy ở Hải Ngoại về qui phục Đạo chấn chỉnh lại, Thầy lập cho cơ quan Phước Thiện có 4 viện từng lĩnh Thời Quân là Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi, hành sự được ít tháng, kể Thầy định cho anh Chí Thiện Thế làm Chương Quản, thì Thầy dạy lập đủ Cửu Viện.

Đến năm Tân Mão này, Thầy cho biết cửu viện là Hội Thánh Phước Thiện thì có phần tử trong Đạo lấy làm lạ, vì sao có Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, nay lại có Hội Thánh Phước Thiện.

Mấy con có nghe rõ Chức Sắc Cửu Trùng Đài có 1 vài người tổ chức Hội Nhơn Sanh tới đây sẽ đem danh dự từ Hội Thánh và Khâm Châu, Dầu Tộc Phước Thiện ra trình bày để chỉ trích vì Phước Thiện không có trong Pháp Chánh Truyền, chỉ có Hội Thánh Cửu Trùng Đài mà thôi và nói rằng Phạm Môn Phước Thiện là của Thầy đặt riêng. Máy con rất lo ngại.

Ngày giờ Thầy cầm quyền thống nhất thì không ai dám bác bỏ, dầu cho Hội Nhơn Sanh cũng không qua quyền thống nhất của Thầy đặt. Sợ 1 ngày kia Thầy có về Thiêng Liêng rồi, Nhơn Sanh cùng các cơ quan khác chiếu trong luật không có trong Pháp Chánh Truyền rồi giải tán cả cơ quan Phước Thiện. Riêng về Phạm Môn, dầu danh từ ấy còn hay mất, máy con không lo ngại vì máy con đã theo Thầy từ lâu ở trong bóng tối, tức là làm việc khi ẩn khi hiện. Dầu ai để hay bỏ cũng vô hại, là máy con chỉ có một số ít, dầu sao cũng có Thầy.

Các con cũng xin Thầy dạy lẽ nào, và cầu xin Thầy ban Thánh lệnh đặt ngày kia khỏi bị hủy bỏ hay giải tán”

Do cơ quan Phước Thiện không có trong Pháp Chánh Truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đồng đạo vì muốn bảo thủ

cơ nghiệp của các cơ quan hình tướng của Đức Hộ Pháp lập, nên thỉnh giáo huấn của Đức Hộ Pháp. Nên từ thỉnh huấn của đồng đạo, Đức Hộ Pháp trả lời:

“Phước Thiện không có trong Pháp Chánh Truyền, họ trích điểm là phải. Mà chính Thầy cũng nhìn nhận là không khi nào Phước Thiện có trong Pháp Chánh Truyền, dầu rằng mấy em cầu xin, xin xỏ đem danh từ Phước Thiện vào Pháp Chánh Truyền lại còn sai hơn nữa. Thầy vẫn lấy quyền Chí Tôn tại thế, không bao giờ làm trái ngược vậy được.

Bởi khi lập Pháp Chánh Truyền, Thầy có hội cùng Đức Lý Giáo Tông được trọn quyền thay thế Đức Chí Tôn. Hễ cái gì Hộ Pháp và Giáo Tông hiệp lại lập ra trong cửa Đạo tức là lời dạy bảo của Đức Chí Tôn. Không có việc gì từ nhỏ chí lớn mà không có mạng lệnh Chí Tôn trong đó.

Về quyền hành và trách nhiệm trọng đại, nên Đức Lý Giáo Tông nôn nóng lập thành Pháp Chánh Truyền chú giải cho kịp Thiên Thư của Đức Chí Tôn đã định. Nếu lập Pháp trễ thì Đạo phải loạn thì còn gì cho công trình các Đấng Thiêng Liêng dày công điều dẫn từ ban sơ. Ấy vậy Pháp Chánh Truyền chú giải ấy là phân quyền cho Chức Sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài cho khỏi bị giành quyền nhau mà thôi, và đồng thời trao trọn quyền ấy cho Hộ Pháp có đủ phương kèm chế nền Đạo của Đức Chí Tôn.

Pháp Chánh Truyền ở trong cuốn Thiên thư mà ra, còn chú giải là phân quyền hành, Quyền Thiên Thư Đức Chí

Tôn đã để tại thế gian này. Ngài giao cho con cái của Ngài gìn giữ mà làm của báu không gì bằng: Tức là “Thánh Ngôn Hiệp Tuyển”.

Trong quyển Thiên Thơ này, ngày kia có sản xuất nhiều cơ quan khác trọng yếu nữa chứ không phải một cơ quan Phước Thiện mà thôi.

Mấy con cứ mạnh dạn trả lời: “Pháp Chánh Truyền Hộ Pháp và Giáo Tông lấy trong Thánh Ngôn mà ra thì Phước Thiện Phạm Môn nó cũng ở trong Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn dạy lập ra chứ không có chi gọi là lạ”.

Nếu không phải sứ mạng, nghĩa là người nào không phải là mạng lệnh của Trời thì không khi nào Trời trao cả Bí Pháp cho tay phàm mà cầm đăng xử dụng.

Buổi nọ Đức Lý Giáo Tông dạy lập Pháp trước rồi sau Ngài giảng cơ chấn chỉnh đăng lập cho đủ các cơ sở hữu vi, mới có đủ phương giúp Hội Thánh làm hình thể của Đức Chí Tôn mới xứng phận cho Ngài. Đức Chí Tôn đã dạy hồi mới khai Đạo:

“Thầy đã chán biết thế gian này là phàm mà Thầy đến Thầy lấy cái phàm hiệp lại thành Thánh, làm sao tránhặng cái phàm không lẫn lộn trong cái Thánh. Mà hễ Thầy lập nên Thánh thể, nếu còn vương chút phàm thì đã ra phàm, không còn Thánh thể. Các con nên hiểu phẩm vị cao trọng ấy mà trau lòng cho Thánh thể mới đáng giá. Thầy đã khuyên với

các con, từ mỗi đứa cứ giữ phận sự mình làm cho trọn phận; còn ngoài ra chi chi cũng mặc Thầy, các con đừng sợ mất mà ngần ngại, bước đường Đạo là quý báu. Thầy đã nói muôn việc chi để Thầy lo, các con lo không đặng đâu?”

Ngoài ra, Đức Ngài còn minh giảng sự ra đời sớm và muộn của cơ quan này như sau:

“Thầy cho các con biết cái chủ nghĩa Phước Thiện của Đạo Cao Đài lập ra đây nếu nó ra sớm thì đã bị diệt trong trứng, vì nó là chướng ngại của thế gian. Bởi vì đời cứ bôn xu trên đường duy vật, danh vị, quyền lợi càng tranh đấu mãi. Còn Đạo dục tiến tinh thần, đem bác ái công bằng trải trên mặt thế, cộng hòa nhơn loại, làm cho xã hội bình đẳng, nâng đỡ kẻ nghèo đến tốt bụng, không giàu mà sang, tuy nghèo mà tự toại. Chủ nghĩa ấy nó đương đầu với các sắc dân vương vị, đế quyền, bảo sao nó không phản trắc, cũng vì quyền với lợi. Đừng nói chi người đời trong Đạo mà còn làm tách đức đó, Qua nói là bậc Chức Sắc lớn, không phải hàng Đạo Hữu mà thôi.

Cơ cứu khổ, Đức Chí Tôn dạy lập hội mới khai Đạo, cũng vì cái khó khăn mà duy trì đến ngày rằm tháng 8 Quý Dậu 1933. Qua mới thuyết trình trong bài diễn văn đã giải rõ: Bắt đầu từ Phước Thiện mới nảy nở đến tháng giêng năm Ất Hợi (1935) mới được bành trướng, thì Đức Lý Giáo Tông cho phẩm Phước Thiện mượn áo mào của Lễ Sanh 3 năm để bỏ đi các tỉnh, lo mở Phước Thiện. Ngài dạy đợi đến ngày Hội Thánh lập Quyền Vạn Linh sẽ đưa ra Hội quyết định.

Thì hiển nhiên chữ nghĩa Phước Thiện đã ấn định trong Đạo luật năm Mậu Dần (1938) Quyền Vạn Linh đã công nhận nó đã thành luật, còn có quyền nào mà sửa đổi hay giải tán”

Cơ Quan Phước Thiện là một hiện tượng bất đắc dĩ xảy ra theo dòng thời gian thay đổi do sự tác động ngoài ý muốn. Tuy nhiên, từ sự khó khăn khảo đảo trên con đường thực thi sứ mạng lập pháp, Đức Hộ Pháp từng thiên ý, biến xoay tình thế để Phạm Môn hợp thức hóa, không mất đi. Ngược lại, cơ quan này trở thành thực hiện chủ nghĩa Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng, một cơ quan bảo tồn sanh chúng trong phương diện sanh hoạt, tức là cơ quan giải khổ cho chúng sanh, tìm phương cách bảo bọc kẻ neo đơn, bệnh tật, cưu mang tật nguyên..., lại giúp cho Đạo thực hiện vai trò cơ tậ độ vẹn tròn.

12/ Bảo thủ cơ quan hữu hình dù nơi xa Tổ Đình:

Việc phổ dương nền chánh giáo đã không ngừng mở mang, truyền bá rộng, độ vô số các vị có tiếng tăm nhất là Quan Đốc Phủ nhờ vào huyền diệu thiêng liêng cơ bút, và việc trị bệnh bằng nhang tro, đạo nhanh chóng phát triển lên hàng triệu tín đồ. Tuy nhiên cơ khảo đạo chưa bao giờ dừng ở đó. Vì sợ Đạo Cao Đài làm chính trị chống quá chính quyền, nên Pháp không ngừng tìm cách tiêu diệt đạo Cao Đài bằng đủ hình thức. Toàn Quyền Đông Dương, người Pháp về

Tòa Thánh thu thập bằng chứng giả, vu cáo đạo Cao Đài làm chính trị. Trên đường trở về Pháp để báo cáo, chiếc phi cơ đã bốc cháy, tiêu hủy các bằng chứng không có.

Đạo Cao Đài rà đời thuần túy theo lời chỉ dẫn của quyền năng Bát Quái Đài, lập các cơ quan hữu tướng, lấy tinh hoa Tam Giáo Đạo, dạy làm lành, lánh dữ, một lòng thiện niệm, dựng yêu thương, phổ dương chánh pháp để con cái Đức Chí Tôn nương phước chiêu linh trong kỳ ba ân xá.

*“Mối Đạo từ đây rón vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đỉnh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai gốc lần đường công trước gắng,
Thánh thời có lúc buổi sau đành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,
Công quả tua bền độ chúng sinh”*
[Thánh Thi hiệp tuyển]

Nên Đức Hộ Pháp cùng một số vị Chức Sắc từng cơ khổ nạn, chịu bị bắt và đồ lưu nơi hải đảo trên 05 năm nhưng không quên sứ mạng lập giáo, bảo thủ chơn truyền cho hoàn thành thiên mạng. Trước khi đi, Đức Ngài có giao cho Ngài Giáo Sư Thái Khí Thanh [sau đặc phong Thái Chánh Phối Sư] một bửu nan thơ bí mật và dặn phải gìn giữ Tòa Thánh, khi cần mở ra và thi hành theo mật nan.

Giáo Sư Thái Khí Thanh có thuật lại như sau:

"Một vị quan ba của Pháp đem binh đội đến trấn áp vào cửa Hoà Viện, dùng súng bắn xả vào Tòa Thánh.

Tôi liền cầu nguyện với Đức Hộ Pháp, mở nang thơ ra xem, thấy Đức Hộ Pháp dặn: khi có chuyện hỗn loạn, khói lửa, thì Giáo Sư Thái Khí Thanh treo cờ Tàu (cờ Trung Hoa Dân Quốc) nơi ban-công Tòa Thánh thì Tòa Thánh được yên ổn.

Bà Tư (Hương Hiếu) và Bà Tám (Hương Nhiều) đang có mặt tại đó, ngăn cản không cho Giáo Sư Khí treo cờ Tàu vì cho rằng đây là cờ của Đồng Minh chứ không phải cờ của Đạo. Hai bà lôi kéo tôi, nhứt định không cho tôi treo cờ Tàu.

Tôi (Giáo Sư Khí thuật lại) làm thỉnh không trả lời, vì việc Đức Hộ Pháp dặn tôi tôi biết, chứ tôi không thể giải thích được. Pháp bắn vô dũ đội, bổn đạo bị thương đổ máu, có hai Bảo thể bị tử thương. Hai bà thấy vậy sợ hãi, bỏ chạy về Báo Ân Từ. Lúc bấy giờ tôi mới leo lên ban-công Tòa Thánh, xỏ cờ Tàu ra treo. Quan ba Pháp thấy cờ Tàu, liền ra lệnh ngưng bắn, kéo binh từ cửa Hòa viện vào Tòa Thánh hỏi tôi.

Lúc đó, tôi đang mặc Thiên phục Giáo Sư, tôi lấy nang thơ của Đức Hộ Pháp giao cho tôi đưa cho quan ba

Pháp xem, ông ta xem xong thì trả thơ lại rồi họ kéo binh ra khỏi Tòa Thánh. Bắt đầu ngày hôm sau, nhà binh Pháp ruồng bỏ dân chúng ở bên ngoài khổ sở vô cùng, còn nội ô vẫn yên tĩnh” [Tài liệu của ông Lê Minh Dương)]

Căn cứ tờ tường trình của ông Giáo Sư Thái Khí Thanh, Đức Hộ Pháp đã tiên liệu được các biến cố sẽ xảy ra ngày giờ nào, nên biến chuyển, thuận tự nhiên nhưng không quên thiên trách gìn giữ cơ nghiệp đạo. Khi trở về từ nơi đồ lưu Phi Châu, Đức Ngài tái thủ quyền hành, chấn chỉnh những hư đốn, tiếp tục xây dựng các cơ quan chưa hoàn tất.

13/ Tái thủ quyền hành và giải nhiều quyết khó khăn:

Trước khi bị đồ lưu, tình hình đạo Cao Đài chưa hề dễ. Sau hơn năm năm nơi xứ đảo, vắng bóng Đức Ngài, đạo càng nhiều rối rắm, ngổn ngang trăm bề.

Nào bạo quyền chống phá, hư hao tài vật, khủng bố tinh thần toàn diện khối đức tin đạo; nào sự hiện hữu Quân Đội Cao Đài đã có sẵn nên người ta cho Đạo Cao Đài làm chính trị; nào Tòa Thánh ngưng trệ hơn 05 năm. Đức Ngài phải giải quyết rất ráo các vấn đề trọng hệ.

Trong khoảng bốn tháng trường tích cực, Đức Ngài huy động lực lượng công quả xây Tòa Thánh và sơn phết trang nghiêm lộng lẫy. Đến ngày 06 tháng giêng, Đình Hội

[27-01-1947], Đức Ngài thực hiện nghi thức trấn thần Tòa Thánh. Hai ngày sau, Ngài cho rước Quả Càn Khôn từ Báo Ân Từ về Tổ Đình Tòa Thánh chánh thức an ngự nơi Bát Quái Đài.

Ngày 1-12-Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Nhơn Sanh. Ngày 15-12-Bính Tuất, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Phước Thiện. Ngày 15-10-Đ. Hợi, Đức Phạm Hộ Pháp khai Đại Hội Hội Thánh Cửu Trùng Đài; thăng thưởng, ân phong nhiều chức sắc hữu công từ Trung Ương tới địa phương. Về quân đội Cao Đài, Đức Ngài cũng thừa hiểu cái biến thể bất đắc dĩ phải có để bảo vệ các cơ sở Đạo. Ngài nhắc nhở phải giữ cốt cách, thực thi chủ nghĩa “Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng”. Đến ngày cần giải thể quân đội, Đức Ngài cho giải tán hoàn toàn.

14/ Khai mở vùng thánh địa:

Từ vùng rừng có cộp beo, thú dữ, Đạo Cao Đài mua đất, khai phá dần dần đến một diện tích rộng lớn trên 200 km vuông. Đức Hộ Pháp cho vẽ bản đồ để phân lô, chia khu vực chức năng rõ rệt, bệnh viện, trường học, sân bay...Ngoài ra, Đức Ngài lập Chợ Long Hoa với ý nghĩa chuyển thế.

Ngày 5-6-Tân Mão [8-7-1951], Đức Phạm Hộ Pháp trấn Thần và ban Phép lành chợ Long Hoa, Ngài thuyết:

“Càng ngày nhơn sanh qui tụ càng đông, vì thế nguồn sanh sống càng bị bóp nghẹt, nên Bần đạo cho lập gấp cái chợ này để tạo lại nguồn sanh sống dễ dàng cho nhơn sanh.

Ngày giờ này, tuy là nhìn thấy cái chợ thô sơ, nhưng rồi đây nó sẽ bành trướng rộng rãi hơn, long trọng hơn, mà chắc chắn con cái Đức Chí Tôn không bao giờ ngờ như thế, nhưng Bần đạo dám quả quyết nó phải có và nhất định có, vì là cái Chợ Chuyển Thế và huyền diệu thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định vậy”.

Tín đồ Cao Đài ai cũng biết Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn xuống thế làm phận sự đặc biệt, vai tuồng dị kỳ nhưng quyền pháp thay thân Chí Tôn, thay hình Phật Mẫu mà tạo một ngọn cờ cứu khổ, hiệp tâm lý loài người

15/ Lập Ban Thế Đạo để cầu hiền sĩ:

Đạo Cao Đài càng lớn mạnh, cần cầu hiền sĩ vừa giúp xiển dương giáo pháp, vừa tạo cơ hội cho con cái Đức Chí Tôn có phương pháp lập công, nên Ban Thế Đạo ra đời.

"Khi hôm qua, đã có luận về Thế Đạo, nên căn dặn Phò loan đặng Lão giải nghĩa điều ấy.

- Hộ Pháp đã hiểu tổ chức của Hội Thánh Thiên Chúa giáo, có Chức sắc Thế Đạo, pháp văn gọi rằng: Dignitaires

laïques. Hiền Hữu đã có phong phẩm Hiền Tài, sao không thêm ba phẩm trên nữa cho đủ như của họ.

Hộ Pháp bạch: - Xin Ngài chỉ rõ.

- Thêm vào 3 phẩm Thế Đạo này: Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử."

[Cơ bút tại Giáo Tông Đường do Đức Hộ Pháp và Ngài Tiếp Đạo phò loan, nhằm ngày 03-12-Quý Tỵ, dương lịch 7-1-1954]

Tuy Ban Thế Đạo đã được Đức Ngài hiệp cùng Đức Lý Giáo Tông lập ra nhưng vẫn chưa có Quy Điều. Khi Ngài triều thiên, Đức Thượng Sanh chấp chương quyền hành và cầu Đức Hộ Pháp cơ giảng:

“Đức Lý Đại Tiên có thảo luận với Bản đạo về việc tuyển Chức sắc cao cấp CTĐ thì nên tìm kiếm nhân tài trong hoặc ngoài Ban Thế Đạo, sẵn lòng tình nguyện hiến thân phục vụ cho Đạo, thì các bạn nên mời về tham khảo ý kiến, nếu được thì Đức Lý đặc cách ân phong quyền tước để phụng sự có hiệu lực hơn. Các bạn đồng ý chăng?” [Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, đêm 4-7-Kỷ Dậu (16-8-1969), Phò loan: Hiến Pháp - Khai Đạo]

15/ Đức Hộ Pháp tư lưu vong sang Nam Vang và triều Thiên:

Đức Hộ Pháp là người thương dân ái quốc, một vị lãnh đạo tinh thần đại diện cho triết lý hòa hợp tôn giáo, lấy

chủ nghĩa từ bi, nhân nghĩa để phục vụ mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nên khi chúng kiến sự bạo quyền của thực thực dân Pháp, sự chia rẽ Nam Bắc với hai khối Tư Bản và Cộng Sản phải làm dân tộc Việt đứng trước một thử thách gian nguy. Đức Ngài đã đưa ra thuyết hòa bình chung sống, hầu bảo tồn nền hòa bình dân chủ, tránh nạn dân tộc tương tàn, máu độ lệ rơi nhưng thuyết tương nhượng bất thành. Cả hai khối Nam-Bắc vẫn không nhượng bộ nhau. Ngược lại, chính phủ Ngô Đình Diệm càng không thích, chống phá, trấn áp Đạo Cao Đài, giam lỏng Đức Ngài tại Hộ Pháp Đường nhiều tháng ròng.

Ngày 05 tháng 01 năm Bính Thân [16-02-1956], Đức Ngài quyết định sang Campuchia xin tỵ nạn và ở Thánh Thất Kim Biên. Thời gian bị đồ lưu nơi hải đảo trong cực khổ gian nan, lại lao tâm, lao lực, mỗi mòn với công trình tạo dựng nền đạo, sức khỏe ngày càng suy yếu, lâm trọng bệnh. Khi sức khỏe không thể chống nữa, Đức Ngài viết bức thư cho nhà vua Miên Sihanouk và xin gửi thi hài khi Đức Ngài bỏ xác, Đức Ngài lại căn dặn chư Chức Sắc và toàn đạo di huấn:

"Bần đạo qui Thiên, tạm gởi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di liên đài về Tòa Thánh Tây Ninh."

Dù Đức Ngài cười hạc triều thiên, tâm hồn vẫn ái quốc nồng nàn, thương dân, lo cho mệnh nghiệp dân tộc Việt Nam

và quyết giữ con đường hòa bình trung lập, nên thi hài quyết để bên Miên Quốc.

Lúc 1 giờ 30 phút chiều ngày 10 tháng 04 năm Kỷ Hợi [17-05-1959], Đức Ngai trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 70 tuổi. Liên Đài được tạc xây sau thánh thất Kim Biên, Cao Miên. Đức Hộ Pháp triều thiên, để muôn vàng giọt lụy cho toàn nền Đạo. Ngai đã để lại trong lòng người tín hữu Cao Đài một đại tang với bao điều trăn trở cho nền đạo sau này. Từ đây, nền đạo vắng bóng Ngai vĩnh viễn.

Đêm 13-4-Kỷ Hợi, Ngai Hồ Bảo Đạo và Sĩ Tải Cao phò loan, Đức Phạm Hộ Pháp giảng cơ cho thái lễ Đức Ngai như sau:

*“Trót đã ba năm ở xứ người,
Đem thân đổi lấy phút vui tươi.
Ngờ đâu vạn sự do Thiên định,
Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chọi,
Buồn nhìn cội Đạo luống chơi vơi.
Rồi đây ai đến cầm Chơn pháp,
Tô điểm non sông, Đạo lẫn Đời”*

Trong ngày Đức Hộ Pháp triều thiên, các Đồng Tử thể giới thần linh hoàn vũ thấy, biết, nghe được những gì đang diễn ra và đồng xác tín. Mọi chứng nghiệm của các Đồng Tử được đăng trên tạp chí Pháp năm 1959.

“...Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo Chủ tốt. Hộ Pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng Ta và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của Ta, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.”

Ngày 17-5-1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel”

Đức Hộ Pháp là một bậc vĩ nhân, vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn tạo đạo, cả cuộc đời chỉ biết đạo đức, hy sinh, phụng hiến tế vật cho Đức Chí Tôn khai nền triết lý Đại Đạo. Khi nghe tiếng gọi của Thượng Đế, Đức Ngài hoàn toàn tin tưởng dâng cả khối óc và tinh thần để làm trọn vẹn thiên mạng.

Còn nhớ Đức Hộ Pháp thuyết giảng:

“Bản Đạo duy muốn làm bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị Phật sống của Đức Chí Tôn để cho Bản Đạo, mà Bản Đạo chưa có ngôi” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q. 3].

Nên chi, cả hành tàng của Đức Ngài cao khiết và chỉ biết phận sự tô tở cho Đức Chí Tôn. Đức Ngài đã để lại lời vàng tiếng ngọc được ban tốc ký lưu lại, kết tập thành sách, lưu truyền cho nền Đại Đạo khôn vàng thước ngọc để hậu

nhân soi chung triết lý của Đức Chí Tôn soi sáng hoàn vũ, cứu độ ân xá kỳ ba.

25. KHÍ PHÁCH HÀO KIỆT CỦA CHƠN QUÂN

Khi nói đến khí phách hào kiệt trong mười hai vị Chơn Quân Hiệp Thiên Đài, chúng ta không thể không kể đến Đức Chơn Quân Khai Pháp Trần Duy Nghĩa. Ngài là một vị Thánh Pierre phục sinh, vâng mạng lệnh hạ trần trong Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Hộ Pháp cho biết Thập Nhị Thời Quân tượng trưng cho cơ huyền bí tạo đoan càn khôn vũ trụ. Hẳn vậy, Đức Ngài là một yếu nòng của chức sắc Hiệp Thiên Đài gánh vác cùng khổ với Đức Phạm Hộ Pháp qua bao nhiêu truân chuyên từ vùng đất Thánh địa cho đến cuộc trấn thánh Phi Châu đài lưu nơi hải đảo.

“Bần đạo chắc chắn rằng, trong chức sắc Hiệp Thiên Đài bần đạo chỉ nhờ Đức Khai Pháp nhiều hơn hết. Đó là bằng chứng hiển nhiên. Ngày nay, Ngài đã qui Thiên thì nền đạo đã bớt hết một cánh tay gánh vác sự nghiệp thiêng liêng vĩ đại của Đức Chí Tôn tại mặt thế này”.

Đây là lời của Đức Hộ Pháp khi bình giảng về Đức Khai Pháp. Cái gương hào kiệt chí khí của vị Chơn Quân phải kể đến cả công trạng hành tàng gánh vác sự nghiệp đạo cùng Hội Thánh và cả bước chân từ Đời sang Đạo. Khi Đức Hộ Pháp được lệnh tìm Đức Khai Pháp Chơn Quân tại Gò Công, Đức Phạm Hộ Pháp không biết Ngài là ai nhưng tin do

huyền diệu thiên cơ xoay chuyển, nhất dạ tìm Ngài. Xuống đất Gò Công, hỏi ngay thì trúng nhà Ngài. Đức Hộ Pháp cho Ngài xem bài Thánh Giáo của Đức Chí Tôn. Ngài nhất dạ bỏ ngay đời giàu sang cuốn gói theo Đức Hộ Pháp. Sự gạt bỏ thế đời để bước vào cửa Từ Bi làm Đức Phạm Hộ Pháp phải thốt lời ca tụng:

“Bản đạo chưa tin, còn hồ nghi bị chúng gạt. Khi về đến Sài Gòn, Ngài chỉ xách theo một gói đồ trên tay và không trở về gia đình lần nào”.

Từ ngày ấy, Đức Chơn Quân một lòng hầu cận Đức Hộ Pháp với tinh thần kính trọng đáo đẽ. Cảm tình thâm trọng giữa Ngài và Đức Phạm Hộ Pháp cao sâu, để rồi mỗi khi nhắc đến Ngài, Đức Hộ Pháp phải thán:

“Không nhắc đến thì thôi, mà nhắc đến làm cho giọt lệ của bản đạo tuôn chảy không ngưng”.

Phí khách anh linh của Đức Chơn Quân hòa hiệp trong tinh thần cổ kim đông-tây trường tồn theo thời gian, góp nhặt vào dòng biến hóa của luật tạo đoạn. “*Trần Duy Nghĩa*” một cái tên nhắc tới làm cho biết bao môn sinh Cao Đài phải thâm kinh phục, hồi tưởng muôn vàng công trạng Ngài đã lao đao chịu khổ sòng đẽ tạo gom khối đức tin nhơn sanh, lấy trí huệ, góp nhặt tạo hình tượng Thê Pháp của nền Đạo Cao Đài.

26. PHÉP KHIÊM CUNG

Khiêm cung là lễ đối đãi giữa người với người, giữa người và vạn linh trong trời đất. Trong bát hồn, chúng ta phải kính lạy Thần, Thánh, Tiên, Phật; đó là lễ kính trong nguyên lý trật tự tôn ti trên dưới. Muốn có quan hệ giữa người với người tốt đẹp, tức nhiên đòi hỏi chúng ta phải thực hiện phép khiêm cung đúng đắn vì khiêm cung tượng trưng cho phép lễ, lịch thiệp, nhân cách hạ mình khiêm nhường cao quý. Khiêm cung là đặc tính của chân-thiện-mỹ giúp kiến tạo một đời sống cao đẹp, triệt tiêu đi tư tưởng ngã chấp vốn là căn cội của khổ đau, đưa tâm hồn con người đến trạng thái trong sáng, vượt lên trên tính dị thường phàm tánh nhỏ nhen của cái tôi vĩ đại.

Cả cuộc đời của các bậc vĩ nhân trong lịch sử là bài học cho chúng ta về gương khiêm cung, ẩn nhẫn, cam chịu, kham nhẫn.

Đời sống tu dưỡng trau thân và giai đoạn truyền pháp của Đức Phật Thích Ca cho thấy sự im lặng, khiêm cung. Sự im lặng của Đức Ngài có sức mạnh truyền trao học thuyết khám phá và phát triển trí huệ. Đức Khổng Tử khi gặp Đức Lão Tử về thì nhin ăn, nhin nói. Đức Jesu làm thân hèn hạ xin ăn để cứu những người đói rách. Tất cả việc làm của các vị giáo chủ tinh thần luôn minh chứng bài học của khiêm nhường.

Đức Thượng Đế giảng dạy:

“Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặt độ rồi nhưn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên và Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm vị tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhượng là thế nào. Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ” [TNHT].

Trong cuộc sống thường nhật, ta vẫn bắt gặp đâu đó nhiều trường hợp vì tiểu làm chúng ta phải bật cười vì cái tôi vĩ đại, cái cống cao ngã mạng, cho ta là tài giỏi. Đức Chí Tôn là Cha linh hồn của Phật, Tiên, Thánh, Thần còn hạ mình ẩn khuất trong một danh xưng A, Ẫ, Ầ nhỏ nhoi để giáo dạy chúng sanh, Đức Phật Mẫu là Mẹ của chơn thần vạn linh mà còn hạ mình thấp thỏi xưng “mụ” để gần gũi con cái, ước ao con cái học thuộc bài để trở về nguồn cội.

Hạnh khiêm nhượng cần thiết trên bước đường trao thân, luyện trí nên Đức Chí Tôn hằng dạy:

“Hạnh khiêm-nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặt. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy” [TNHT Q.1]

27. TUÂN Y LUẬT PHÁP CHƠN TRUYỀN ĐẠI ĐẠO

Giao điểm từ hạ ngưng Tam Chuyển bước qua thượng ngưng Tứ Chuyển, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá trần qua huyền diệu cơ bút, tá danh Cao Đài Tiên Ông mở mỗi đạo với chủ thuyết Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, còn gọi tắt là đạo Cao Đài.

Vì Tam Giáo hiệp quy nên gọi là Đại Đạo, vì mở thời kỳ thứ ba nên gọi là Tam Kỳ, vì tình thương của Đấng Thượng Đế mở cơ ân xá cứu độ trần gian nên gọi là Phổ Độ. “*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*” là danh hiệu chính thức của nền tôn giáo ra đời trong giai đoạn tranh đấu loạn lạc nhiều tư tưởng vào những năm đầu thế kỷ 20 của nhơn loại. Thuở khai minh, đàn cơ Thiêng Liêng giảng dạy của là Đức Chí Tôn và Đức Lý Thái Bạch dạy tìm đất mở Tòa Thánh đặt tại Tây Ninh. Đó là căn nguyên hình thành nên cụm từ “*Tòa Thành Tây Ninh*” ngay sau danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Một Giáo Hội đầy giáo quyền chặt chẽ từ trung ương đến địa phương là Thể Pháp của bộ máy hành chánh đạo Cao Đài. Đó là Tân Luật, Pháp Chánh Truyền được thiêng liêng phê duyệt để thực hành trong tam kỳ cứu toàn nhơn loại ngày nay.

Hệ thống hành chánh chặt chẽ được thiết lập, tương thông thể hiện qua 5 cấp: Trung ương, Trấn Đạo [gồm nhiều Tỉnh Đạo], Châu Đạo [Tỉnh Đạo], Tộc Đạo [Quận Đạo], Hương Đạo [Xã Đạo]. Hội Thánh là gọi là Thánh Thể, tức là

chức sắc được thiêng liêng thiên phong, thay mặt hình thể Thượng Đế tại thế điều đình mỗi đạo, phổ truyền chơn lý, cứu độ chúng sanh thoát vòng lao lung tứ khổ.

Là một môn sinh đẳng Cao Đài, chúng ta có quyền nhìn lại lịch sử hình thành nền Đại Đạo với mọi biến cuộc từ khai minh cho đến tận bây giờ. Chúng ta có quyền soi diện lại mọi biến cuộc rồi đối chiếu với tiêu chuẩn và danh hiệu lập pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để có cái nhìn toàn diện về thế thời. Đạo cũng như Đời, đều có những thăng trầm suy thịnh. Nội bộ đạo ngay từ những năm đầu đã xay ra nhiều xung khắc về hệ tư tưởng để rồi trở thành mầm mống của bất đồng phân ly; Thánh Thể phân ly để lại muôn vàng khó khăn cho hậu thế. Chưa dừng lại đó, Đời giục loạn toan mưu diệt Đạo, lấy cái giả của đời điều đình mỗi đạo làm cho Thánh Thể phải ra trăm điều sâu thẳm. Ngày nay, thế cuộc ra sao? Có quá nhiều lối đi cho con cái Đức Chí Tôn. Nhưng lối đi nào đúng đắn nhất, đúng với chơn pháp vĩnh toàn mà Đức Chí Tôn đặt để nơi mặt cầu này? Làm thế nào để đạt được “*bửu pháp Thầy ban cho nhơn sanh*”.

*“Điều thứ nhất tuân y luật pháp
Đúng chơn truyền của ĐỨC CHÍ TÔN
Mặc ai bày vẽ thiệt hơn
Đạo tâm nhất dạ chẳng sờn lòng son”.*

Tính dị biệt là muôn điều biểu hiện bên ngoài trong không gian và thời gian, phản ánh Thể Pháp của nền tôn giáo

có thực hiện đúng với Nội Tâm hay không. Chúng ta có quyền nói triết lý đạo pháp là nội tâm trong khi sự hòa hườn là cách biểu hiện bên ngoài và sự biểu hiện bên ngoài luôn có thể thiếu sót. Tuy nhiên, sự biểu hiện là đặc tính mô phỏng nội tâm bên trong theo “*đúng chơn truyền Đức Chí Tôn*”. Theo cách ấy, biểu hiện không cho phép sự biến hiện, uyển chuyển, linh động đi ngược lại tinh thần Thể Pháp thiêng liêng đã dạy.

28. HÀNH TÀNG CỦA CÁC BẠC VĨ NHÂN

Theo triết thuyết Cao Đài, Tam Giáo trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ đều có các bậc Thánh Triết ra đời lập các mối đạo Phật-Thánh-Tiên theo lệnh của Thượng Đế để cứu vớt chúng sanh còn trầm luân nơi cõi khổ.

Trong Nhất Kỳ Phổ Độ, về Phật Giáo có Đức Nhiên Đăng làm chủ đạo giáo và đức Brahma mở Bà La Môn; về Tiên Giáo có Đức Thái Thượng, về Thánh Giáo có vua Phục Hy mở Nho Giáo và Đức Moise mở Do Thái Giáo. Sang Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca Mâu Ni mở Phật Giáo ở Ấn Độ, Đức Lão Tử mở Tiên Giáo ở Trung Hoa và Đức Khổng Tử mở Nho Giáo cũng tại Trung Hoa, sau đó Đức Jesu Christ mở Thánh Giáo ở Do Thái và Đức Mohamet mở Hồi Giáo ở Á Rập. Đến Tam Kỳ, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu tiên bút lập nền quốc đạo tại Nam Việt, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, lập sự quân bình tư tưởng nhân loại để giải quyết sự bất phân hình thể ngoại tướng làm xa chơn đạo trời đất.

Trong mỗi giai đoạn ấy, bậc vĩ nhân theo lệnh của Thượng Đế tá trần lập Tam Giáo Đạo đều có những hành tàng cao xuất mà người phàm khó lấy trí phàm biện phân, minh định được.

Thoảng lần trang sử đạo, chúng ta thấy một Đức Sĩ Đạt Ta bỏ ngôi vàng điện ngọc để cầu đạo giải thoát và cuối cùng ngoài thiên định trong vườn bồ đề cầu đạo giải thoát cho chúng sanh; một Đức Jesu ngoài sa mạc mênh mông cầu xin tội chúng sanh với Đức Chúa Trời trong 40 ngày; như một vị vua David ra bãi sa mạc cầu đảo, xin tội cho dân chúng; một Đức Phạm Hộ Pháp cầu khẩn xin tội cho vạn linh với Đức Đại Từ Phụ trong 90 ngày tịch mịch ở Trí Huệ Cung.

Cái kiêu vớ của bậc vĩ nhân xưa nay vẫn vốn vậy, vẫn thay mặt hình ảnh thiêng liêng vô định, đem giọt từ bi chan rưới cho toàn thể sanh chúng đáng hưởng đặc ân vô giá mà chúng sanh đáng hưởng, đáng được gột rửa bằng những gáo nước thiêng liêng. Một hình ảnh Đức Phạm Hộ Pháp tượng cả tinh thần quốc hồn, quốc túy của dân tộc Việt dâng lên hai đấng quyền năng Chí Linh, xin xá tội, tượng trưng tinh thần nhân loại, làm bản căn cho “*nhon phong*” trong lịch sử tân hóa nhân loại ngày nay.

Định thể hành tàng phải chịu ẩn uất, Đức Hộ Pháp cho biết chính Ngài là người tượng trưng tinh thần của một dân

tộc, tinh thần đạo đức cho nước Việt Nam với sứ mạng dụng tinh thần kia cứu khổ toàn thể thiên hạ, sửa cải hành tàng hung bạo của nhơn gian, biến thành những giọt nước thiêng liêng của Đức Chí Tôn... thì duy chỉ có con đường chính Đức Hộ Pháp đã đi cho dân tộc Việt Nam, cho nhơn loại ngày nay để định thể một nền quốc đạo trụ tướng theo thiên sứ đã phục mạng nơi thiên triều.

29. BÍ PHÁP CỦA THỂ ĐẠO

Dĩ chí Đạo và Đời là hai con đường phản khắc nhau, Đạo xu hướng theo đạo đức tinh thần vô vi trong khi Đời xu hướng về bản căn vô thần. Cho nên, Đạo và Đời là hai lối đi riêng rẽ, chúng ta không thể lẫn lộn được. Tuy vậy. Cả hai tinh thần cường liệt Đạo và Đời có mối quan hệ tương liên mật thiết. Hình trạng và con đường tranh đấu cho lý tưởng vì xã hội nhơn quần, vì lý thuyết duy vật, đó là Thể Pháp của Thể Đạo. Vậy, Bí Pháp của Thể Đạo là gì?

Bí Pháp của Thể Đạo là một mặt diện của Thể Pháp-Bí Pháp của Thiên Đạo. Con người muốn lưu danh hậu thế, lưu trang sử đẹp, làm mình tượng cho Đời ca tụng, tức nhiên họ dấn thân vào công cuộc khởi dựng tinh thần tranh đấu, tinh thần phụng sự cho bạn đồng sanh. Đức Phạm Hộ Pháp cho biết, tinh thần phụng sự của Đời có can hệ đến tinh thần Đạo Giáo vì giá trị của phụng sự bằng chánh tâm là chỗ kết chặt mối quan hệ Đời và Đạo.

Đức Chí Tôn khẳng định: “*Đạo không Đòi không sức mà Đòi không Đạo không quyền*”. Muốn có sức phải có quyền, muốn có quyền phải có sức; sức quyền sóng đôi, đòi đạo tương đắc tiến đến tinh thần Thiên Đạo.

Lịch sử nhân loại đã phát họa nhiều chân dung vô thần, muốn xóa tên Đạo Giáo nơi cửa thế gian, chính họ lại muốn gieo hạt mầm nhân ái, phụng sự chủ nghĩa bằng con đường riêng của họ, nhưng bằng sự tranh đấu thoát ly khỏi thế giới Đạo. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết:

“Bao giờ Đòi cũng kiếm phương thế thoát ly Đạo, chiến đấu để thoát ly Đạo”

Tinh thần thoát ly là tinh thần chối bỏ lý thuyết Đạo Giáo, để xiển dương một chủ thuyết của Đòi. Muốn đòi dựng bia tưởng niệm, khắc cốt, ghi xương, lưu danh hậu thế, tấn tuồng của họ phải đem cả tinh thần khối óc phụng sự tha nhân bằng chánh tâm đạo đức. Tinh thần chánh tâm thúc giục họ làm, họ phụng sự trong nhọc nhằn. Như vậy, năng lực cũng như quyền lưu danh hậu thế là một yếu tố làm họ đi con đường đó, con đường tự chủ phụng sự cho nhơn loại. Trang sử vẫn ngàn năm lưu dấu trong tinh thần phụng sự cho nhơn quần, xã hội, cho độc lập tự chủ là tinh thần đi trong Bí Pháp của Thế Đạo đó vậy. Đức Phạm Hộ Pháp khẳng định:

“Ấy vậy, Bàn Đạo lập lại một lần nữa để lại một trang lịch sử tốt đẹp cho hậu thế, để hình ảnh tôn nghiêm cho hậu thế ấy là Bí Pháp của Thế Đạo”

30. THỂ PHÁP CỦA THẾ ĐẠO

Thế Pháp thuộc hữu tướng, Bí Pháp thuộc vô tướng. Đức Phạm Hộ Pháp dạy cái *“sống” thuộc Thế Pháp, cái “linh” thuộc Bí Pháp, sống là đời, linh là đạo mà đạo thuộc bí pháp, còn đời xu hướng về cái sống*”. Đức Ngài còn cho biết Thế Đạo vẫn có Thể Pháp và Bí Pháp cũng như Thiên Đạo có Thể Pháp và Bí Pháp vậy. Vậy, thể pháp của thế đạo là gì?

Khi trực nhận sự sinh tồn của ta, ta bước chân vào khung cửa huyền bí của cơ thể tạo đoạn càn khôn vũ trụ. Mặt luật của đời xu hướng vào nguyên lý sinh tồn nhưng phản trắc lại đường đạo hướng vào cái trí thức tinh thần vô vi. Đời là Thế Đạo chứa thể pháp và bí pháp của cái sống hữu hình. Đạo là Thiên Đạo chứa thể pháp và bí pháp chứa cái sống trường cửu vĩnh hằng vô vi. Đời có hai xu hướng: một là tranh đấu cho lý tưởng hòa bình trật tự đẳng cấp, làm nền tảng phát triển sống cho nhơn loại; hai là tranh sống bất cần, đi nghịch lại luật tiến hóa thiên nhiên. Thể pháp của thế đạo là phương pháp tự vệ cho sự sinh tồn. Từ cổ kim, con người tìm nguồn thức ăn sinh sống, tìm binh khí tự vệ, sống bầy đàn để mưu cầu sự sinh tồn. Tập hợp sinh sống để định cái sống họ tạo thành quốc gia, xã hội; lập định chế trong một tổ

chức để hình thành qui tắc sống, đó là luật pháp của tổ chức nhằm tự vệ, tương khắc với các tổ chức tranh sống khác để có thể trường tồn theo bản năng sinh tồn vốn có.

Là người tín đồ Cao Đài mưu cầu bí pháp của đạo, chúng ta cần tìm hiểu thể pháp của đời vì Đức Hộ Pháp giảng:

“Bản Đạo cho biết rằng: Bí Pháp của Đạo và Thể Pháp của Đời có liên quan với nhau, nếu làm biếng không nghe Đời không thể gì biết đến Đạo” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Thể pháp của thể đạo phải thay đổi phù hợp với tinh thần tiên tiến của nhơn loại vì thể pháp ấy chẳng khi nào tồn tại khi ngược dòng tấn hóa tâm linh của nhơn loại. Tinh thần vi chủ của đời nếu phản trắc, phản khắc lại tinh thần hữu nghị của nhơn loại sẽ tất bị đào thải theo quy luật vốn có. Đó là Thể Pháp của Thể Đạo.

31. TÔN TRỌNG BẠN ĐỒNG SANH

Khí Hư Vô sanh ra khí Dương Quang và khí Âm Quang. Hai khối ấy hỗn hiệp biến sanh ra Vạn Linh trong càn khôn vũ trụ. Nguồn sống tiên khởi từ thuở hồng môn gọi là Chí Linh, vạn vật phân tán ra bát phẩm chơn hồn gọi là Vạn Linh. Duy chỉ có quyền Vạn Linh mới có thể đối với quyền Chí Linh mà thôi. Bí pháp giải thoát là chơn lý bác ái, dụng tình yêu thương cho đồng loại, thương xót tha nhân hơn

thân mình. Tình ái kia tưởng là nguồn sống cho các hạng khách trần muốn rời quán tục, hồi cố hương.

Cái hại đối với con người là vô minh che khuất, không đi trên mực thước, khuôn phép của tiên nhân, lại còn phản trắc, đi ngược lại dòng tiến hóa linh tâm. Hại thay! Bản căn của thương yêu là mầm móng của nấc thang thiêng liêng. Hại thay! Con người không đủ thương yêu, tôn trọng vạn linh, còn chà đạp bắt đực. Hậu nghiệp của hành tàng kia phải chịu trăm bề khổ lụy trong tứ khổ. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết:

“Hại thay các Chơn linh cao trọng đã đến thế gian này, có một điều nguy hiểm cho chúng ta hơn hết là họ sẽ lấy một hình thể căn bản của họ, hèn tiệt, thiệt thòi, có khi họ lại lấy hình thể họ ngu dại nữa chứ” [Thuyết Đạo Q.5]

Đức Ngài còn khẳng định nếu kinh rẻ, phạm đến các chơn linh cao trọng thì phải chịu một hình phạt cực nặng:

“Bản Đạo mục kiến vài ba bằng có rõ ràng, dầu cho Tiên vị, một chơn linh cao trọng mà họ phạm đến điều ấy, Thiên điều chẳng hề tha thứ họ”.

Ngài còn khẳng định trong thời hạ ngươn, các chơn linh cao trọng đầu kiếp xuống và nhất là trong cửa Đạo Cao Đài, khuyên toàn thể sanh chúng ráng giữ từ bi, không đủ thương yêu thì đừng khinh rẻ:

“Bàn Đạo xin căn dặn một điều trọng yếu hơn hết: đừng khi người”

32. ĐẶC ĐIỂM CON ĐƯỜNG THỨ BA CỦA ĐẠI ĐẠO

Khai mở đạo Cao Đài, Thượng Đế tuyên ngôn với con cái Ngài phải có công quả để đắc đạo hườn nguyên:

“Người ở thế này muốn giàu phải kiếm phương thế làm ra của cải. Ấy là phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả... Đạo vẫn như nhiên do công đức mà đặng đắc Đạo cùng chẳng đặng” [TNHT].

Con đường thứ nhất là đường đi dành cho chức sắc Cửu Trùng Đài và chức sắc tiểu cấp của Hiệp Thiên Đài. Con đường thứ hai dành cho chức sắc của Phước Thiện. Hai con đường này dựa vào nguyên tắc đức tin, nương áo mão hữu hình làm phương tiện lập công để khi thoát xác được trở về hội diện với Đức Chí Tôn. Trong khi đó, con đường thứ ba là con đường rột ráo, tìm cách định trí, khai thần để có thể diện kiến với quyền năng thiêng liêng khi còn sống.

Nếu con đường thứ nhất và thứ hai được đánh giá mức độ tu hành cao thấp qua quá trình hành đạo thì con đường thứ ba căn cứ vào mức độ tinh tấn của chơn thần bất luận già trẻ, theo đạo lâu hay mau. Trên chiều hướng đó,

người tín đồ Cao Đài vẫn khao khát tìm về bản ngã chơn như, mong được hội kiến cùng quyền năng diễn lực của Thượng Đế, ngày đêm tịnh tu.

Tuy nhiên, rất nhiều người lầm lạc trong khái niệm về con đường này. Nếu có chơn sư cân thân, truyền dạy bí pháp tu đơn thì mới mong đạt kết quả như mong đợi. Con đường tu luyện này dụng năng lực sống nội tâm, làm chuyển hóa theo tiến trình Tinh-Khí-Thần hiệp nhất. Như vậy, con đường thứ ba cũng sẽ mang màu sắc ảo giác tinh vi, trong khi con đường thứ nhất và thứ nhì có thể bị vọng tưởng phạm ngã đưa đến danh-lợi-quyền trong ý niệm về phương tiện và cứu cánh, làm ảnh hưởng đến nền Chơn Giáo.

“Trong phép thông công của con người với thế giới Thần linh cũng có vô vàn những điều đáng tiếc như vậy đã xảy ra và hậu quả của nó đối với đời sống tín ngưỡng của một số đông người cũng rất đáng thương tâm” [Hiền Tài Nguyễn Long Thành].

Sự ngộ nhận về màu sắc chứng nghiệm trong con đường thứ ba là một mặt của vấn đề cần mổ sẻ. Mặt khác, yếu tố quyết định để có thể bước vào con đường thứ 3 là công quả. Ngay từ năm 1927, Đức Chí Tôn đã cho hay rằng:

“Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều là

phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất thì cái công phu tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao” [TNHT-1927].

Lời dạy ấy có ai dám chôi là giả? Đức Hộ Pháp lại ban hành Phương Luyện Kỷ Đăng Vào Con Đường Thụ Ba Cửa Đại Đạo vào năm 1947 và xác quyết phải tròn Tam Lập [Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn] mới có thể hội đủ điều kiện đi đến vào con đường tu chơn.

Đức Hộ Pháp là ai? Có sứ tác động gì đối với nguồn sống chơn thần của chúng ta? Đức Chí Tôn cho biết:

“Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy nơi trung tâm của nó là óc nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ ác gọi tiếng chữ là Vi Hộ nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo”.

Phận sự vô cùng đặc biệt của Phạm Hộ Pháp là nâng đỡ, khai khiếu chơn thần chúng sanh tự giải thoát. Quyền năng diễn lực của chơn thần không khi nào chịu dưới quyền kềm nén của áo mao và hình tướng; hễ chơn thần đủ minh triết thánh thiện thì siêu phàm nhập thánh vì pháp quyền thiêng liêng không hề thay đổi đặng. Đức Hộ Pháp có nhiệm vụ che chở, hỗ trợ thiên biến vạn hóa trong cõi vô hình đưa

đẩy chơn thần hòa vào dòng điện lực vô vi một khi chơn thần đủ minh triết.

Tóm lại, con đường thứ ba của Đại Đạo cũng giống như hai con đường kia, đều đòi hỏi Tam Công vẹn toàn. Khi đủ, thì *“Bản Đạo trực Chơn Thần của họ cho hội diện cùng quyền năng Thiêng Liêng nếu có đủ Tam lập thì vô không đủ thì ra...”*. [Lời của ĐHP]. Sự đặc đạo tương tự như hai con đường kia, duy chỉ khác có thể xuất thần diện kiến quyền năng thiêng liêng khi còn sống nếu chơn thần đủ thánh thiện.

33. TÂM QUAN TRỌNG CỦA NHẠC TRONG CAO ĐÀI

“Lễ Nhạc là hai điều trọng hệ của Đức Chí Tôn, khi Ngài đến vẫn chú ý về hai điều ấy”. Đây là thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp khẳng định giá trị, ý nghĩa của Lễ và Nhạc trong Cao Đài Giáo [Q.3].

Người tín đồ Cao Đài vẫn biết Đức Phạm Hộ Pháp rất xem trọng Lễ và Nhạc vì Lễ Nhạc là nét căn bản của đạo Nho trong khi Cao Đài mệnh danh là nền Nho Tông Chuyên Thế.

Có câu *“Lễ già biểu tượng Thiên Lý chi tiết văn, thật hiện nhơn sự như chi tắc. Nhạc già ứng hiệp ngũ hành chi sanh hóa, tuyển thông bác phong chi hòa khí”*. Lễ biểu trưng hình tượng thời tiết Xuân, Hạ, Thu, Đông của trời đất trong

sự vận chuyển đều đặn trật tự trước sau của tinh cầu, địa tú trong càn khôn. Nhạc thể hiện sự sanh hóa từ ngũ hành và sự điều hòa của vũ trụ. Lễ Nhạc vẫn thường đi song đôi với nhau nguyên do rằng, tinh thần tôn ti trật tự, ngôi thứ xuất phát từ Lễ tạo ra tính chữ “Hòa” mà “hòa” là hồn của Nhạc. Nơi nào có hòa, nơi đó có Lễ. Nơi nào có Lễ tức nơi đó có hòa. Hòa là hồn sống của Nhạc. Nên Nhạc là hình thái sống của Lễ.

Đức Hộ Pháp vẫn thường khuyên dạy toàn thể tín đồ về tầm quan trọng của Nhạc Lễ Cao Đài. Ngài giảng rằng:

“Nên chi từ đây khi Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên” [Thuyết Đạo Q.3].

Hòa tiết của Nhạc Lễ mang ý nghĩa phục sinh Bát Hồn trong càn khôn dâng hiến lên Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu. Đó là tinh thần Nhạc Lễ trọng hệ mà môn sinh Cao Đài đang thực hiện và nghiệm ra bí pháp của Đức Chí Tôn đặt để trong cửa Đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp cho biết Đạo Cao Đài là nền đạo qui pháp toàn thể cái sống trong Bát Hồn để đánh lễ nhằm trả lại cái sống nguyên thủy do hai khối quyền năng chí linh biến tạo ra; thực hiện Lễ Nhạc Cao Đài là dâng lễ cho Đức Đại Từ Bi, là phục sinh bát hồn trong chơn pháp. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

*“Đạo Cao Đài là nền Đạo qui pháp cả cái sống của Bát Hồn....Toàn Đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm mầu Đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được Chơn pháp của Chí Tôn”
[Thuyết Đạo Q.3]*

34. CAO ĐÀI GIÁO CHỈ MANG SỨ MẠNG “NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN”?

“*Tam Giáo Quy Nguyên-Ngũ Chi Phục Nhất*” là tôn chỉ của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là đạo Cao Đài, được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông khai giảng tại miền nam Việt Nam. Vì phạm ngã vô minh của chúng sanh hằng diễn ra, tư tưởng dị biệt trên tính chất hữu tướng ngoại vật nên Tam Giáo phải quy nguyên, Ngũ Chi cần phục nhất để nhơn sanh nhìn nhận vạn vật đồng sanh, đồng tử và nhìn nhận ông Cha thiêng liêng, tức là Đức Thượng Đế là Cha của muôn loài vạn vật, Đấng sáng thế nuôi dưỡng vạn vật từ khai thiên đến ngày nay. Quan trọng hơn, tôn chỉ ấy nhằm minh tả triết lý “*vạn giáo đồng nguyên*” để con người bỏ đi tính dị biệt về tướng sắc của tôn giáo.

Hồi tưởng lại khi còn sanh tiền, Đức Phạm Hộ Pháp nói:

“Trong thời kỳ ấy Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng: "Con phục

lệnh xuống thế mở Đạo con mở bí pháp trước hay con mở thế pháp trước?”

Như vậy, trước khi Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, Đức Hộ Pháp đã được Đức Chí Tôn truyền dạy nơi cõi hư linh về quyền năng cứu thế của Đạo Cao Đài cũng như tạo dựng hình thể của nền tôn giáo, tức là Thể Pháp; cũng như khai mở Bí Pháp đoạt đạo cho chúng sanh, tức nhiên là diễn lực cần khôn giúp con người tu chơn đoạt pháp. Khai lập cơ phong Thánh lần đầu tiên, các chức sắc cao cấp cho tới cấp thấp, được Thánh cơ do chính bàn tay của Đức Chí Tôn và Đức Lý phong. Trường hợp Ngài Phạm Công Tắc, diễn ra khá đặc biệt; Đức Chí Tôn cho trực thân Phạm Công Tắc ra, cho chơn linh Hộ Pháp giáng thế. Như vậy, ngay sau bí pháp trực thân của Đức Chí Tôn Ngài Phạm Công Tắc trở thành Phạm Hộ Pháp. Đức Phạm Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn tạo Thánh Thể tức là tạo dựng Thể Pháp, khai mở Bí Pháp, trải qua bao nhiêu khắc khổ về thể xác lẫn tâm hồn để rồi khi triều thiên, Đức Chí Tôn phán rằng:

“Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của Ta, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng đế” [Nữ Đồng tử Sarah Barthel viết lời chứng nghiệm, được đăng trên tạp chí Pháp năm 1959].

Có người phân tích và định rằng “*Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh*” mang sứ mạng phổ độ, tức là “*Ngoại giáo công truyền*”, tức là thực hiện cơ phổ độ. Hội Thánh khác mang sứ mạng “*Nội giáo tâm truyền*”. Từ thử, chúng ta biết Tam Giáo trong Nhất Kỳ và Nhị Kỳ thất kỳ truyền, bí pháp đoạt đạo bị bể do thiên thơ. Tôn giáo cổ xưa không còn phù hợp với lương năng, lương tri tiến hóa tốt bậc của con người. Thượng Đế mới tá trần lập giáo với hình thể:

“Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba.

- - Phần của Hộ Pháp chưởng quản về pháp lo bảo hộ luật Đồi và luật Đạo, chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết...”*
- - Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo lo về phần Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều chăm sóc chư môn đệ Thầy chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đăng.”*
- - Thượng Sanh thì lo về phần Đồi”.*

Trong chương trình phổ độ của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dưới sự điều dắt của các Đấng Thiêng Liêng Trọn Lành qua tiên bút, Tân Luật và Pháp Chánh Truyền được hoàn thành có chương quy định về khoa tịnh luyện tức là “*nội giáo tâm truyền*”. Như vậy, nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn duy có một Hội Thánh, quy tụ những môn đệ trọn trung, trọn hiếu, thương sanh ái tuất, lấy Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh làm nét chuẩn thẳng, thay mặt hai Đấng

Quyền Năng Chí Linh đưa dẫn chúng sanh vào cửa Từ Bi. Nghĩa là nhiệm vụ của nền Đại Đạo là bảo thủ một khối Thánh Thể đúng chơn pháp, đúng Tân Luật Pháp Chánh Truyền nhằm truyền bá đạo mầu làm sứ mạng phổ độ “*ngoại giáo công truyền*”; vừa chứa bí pháp tu chơn tức là “*nội giáo tâm truyền*”. Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh là nền tảng bất diệt của chơn lý, lẽ nào Đức Chí Tôn muốn thấy con cái của Ngài chia rẽ?

35. CHƠN THẦN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài xuất hiện đầu thế kỷ XX vào năm 1926 tại miền nam Việt Nam, một giáo hội có đầy đủ giáo quyền chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Thiên mệnh của Đức Hộ Pháp giáng trần tạo dựng hình tượng tức là Thánh Pháp, cầm Bí Pháp trong tay tức là quyền năng điển lực giúp con người nương tựa để giải thoát, chưởng quản Hiệp Thiên Đài, tức là chơn thần của Đạo. Chơn thần thuộc bán hữu hình, có thể nhìn thấy mà cũng có thể không nhìn thấy được. Dù Ngài triệu thiên, không còn hình thể đi đứng hướng dẫn, điều đình mỗi đạo nhưng anh linh của Hộ Pháp vẫn thiên biến vạn hóa, kề cận bên con cái của Đức Chí Tôn để giáo độ.

Đức Hộ Pháp chưởng quản Hiệp Thiên Đài tức là có phận sự cầm sự sống của đạo Cao Đài. Dù Đức Ngài còn sống hay quy thiên, quyền năng Hộ Pháp kia vẫn vĩnh tồn, nuôi sống hồn của Đạo theo thiên thư. Trước khi giáng trần,

Đức Hộ Pháp trả lời với Thượng Đế rằng sẽ mở Bí Pháp trước Thể Pháp nhưng Đức Chí Tôn dạy:

“Nếu con mở bí pháp trước thì phải khổ đa. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở bí pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mới Đạo phải ra thế nào. Vì thế nên mở thể pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cơ thể hữu vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô hại xin miễn mặc bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp Thiên Đài giữ...”

Lịch sử biến dịch của Đạo Cao Đài cho thấy năm 1928 bắt đầu có sự tách ly, phân chia Thánh Thể như lời Thầy tiên tri, con cái nheo nhóc, khóc than, nhiều màu trắng khác nhau vẫn nhân danh Thượng Đế rao truyền chơn lý Đại Đạo, xưng danh đáng Cao Đài Tiên Ông. Nhưng hỡi ơi! Đây là đường tiên, đâu là bến tực, đó vẫn còn là câu hỏi bỏ ngỏ cho đàn hậu sinh. Thể Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã trụ hình tượng, đủ năng lực giáo độ thức tỉnh con cái của Thầy Mẹ thiêng liêng nhưng Thể Pháp có lẽ sanh chúng toan mưu giết giành làm Thánh Thể Đức Chí Tôn phải trầm bẽ sâu lụy. Thể Pháp là hình trạng của Hội Thánh trong khi Bí Pháp là điển lực đưa đẩy con người nương tựa vào tổ chức để tròn Tam Lập, hầu kiến tạo đời sống hoàn bị đúng theo Chơn Pháp của Đại Đạo.

Hiệp Thiên Đài là cơ quan hữu tướng nhưng là Chơn Thần của Đạo nắm giữ Bí Pháp. Phải chăng Chơn Thần lúc ẩn lúc hiện, bất sanh, bất diệt, là Hồn sống của Đạo Cao Đài dù Thể Pháp có ra thế nào, có bị phạm hóa bằng nhiều danh xưng khác nhau trong tư tưởng phạm ngã đi ngoài Tân Luật Pháp Chánh Truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mối Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn”
[Pháp Chánh Truyền chú giải].

Cửu Trùng đài có sở dụng phạm trần, thực thi cơ giáo hóa nhơn sanh, nương khuôn thuyền bát nhã mà lập vị.

Hiệp Thiên Đài cầm pháp với sở dụng thiêng liêng, điều đình pháp điều nền Đại Đạo, làm trung gian cho Cửu Trùng Đài tức là Đức Giáo Tông thông công với Bát Quái Đài, lại dùng hình luật hữu hình phạm mà làm giảm tội vô vi.

“Cả chơn thần toàn trong thể giải đặng tương hiệp nhau chỉ phải nhờ nơi cửa Hiệp Thiên Đài, ấy là phần Thiêng Liêng” [Pháp Chánh Truyền Chú Giải].

Sở dụng phạm trần của Hiệp Thiên Đài lập luật, giữ luật pháp chơn truyền, chế sửa luật lệ cho phù hợp phong hóa nhơn loại, biến cải ngươn Tranh Đấu sang ngươn Bảo Tồn, hướng đến cộng hợp, giữ trật tự hòa bình, lánh xa tự diệt.

Nên chi, Cửu Trùng Đài là cơ quan hữu hình, tức là Đờ hay là xác của Đạo. Hiệp Thiên Đài là Đạo có sự mạng

dẫn xác thực thi cơ chuyển hóa. Hiệp Thiên Đài với quyền năng của Hộ Pháp để gìn giữ luật pháp Đại Đạo. Hiệp Thiên Đài còn thì Đạo còn.

“Huyền vi mẫu nhiệm của Đạo có Thiên Điều, cơ bí mật của Đồi có Luật Pháp, Hộ Pháp là người nắm cơ mẫu nhiệm của Đạo, nắm Luật của Đồi, xử đoán chư Chức Sắc Thiên Phong và cả Tín Đồ cùng là xin ban thưởng; công thưởng, tội trừng nơi thế này. Hễ có phạm tội mới khỏi Thiên trị; phải chiếu luật Đạo cho toàn cả Tín Đồ, khỏi bị Thiên Điều, giữ phẩm vị Thiên Liêng mỗi Chức Sắc, ắt phải gìn giữ đạo đức của mỗi người. Người dùng hình phạm làm cho giảm tội Thiên Liêng. Nắm cơ mẫu nhiệm công bình mà đưa các chơn hồn vào Bát Quái Đài, hiệp cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Người nắm trọn cả luật Đạo và luật Đồi để xử đoán, làm chủ phòng Xử Đoán” [Pháp Chánh Truyền Chú Giải].

Xác và hồn phải hiệp cùng nhau mà giữ gìn chơn tướng của Đạo. Xác nung hồn mới có thể trường tồn theo quyền năng Bát Quái Đài.

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiên Liêng mới Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn” [Pháp Chánh Truyền]

Đức Chí Tôn là chúa tể càn khôn vạn vật, vi chủ Đạo. Nơi nào có Đạo, nơi đó Đức Chí Tôn ngự.

“Nay Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ nhơn sanh mà thôi, chớ không chịu giao nền Chánh Giáo của Thầy cho tay phàm nữa” [TNHT]

Chủ quyền Đạo do Đức Chí Tôn nắm. Đức Hộ Pháp là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn nên có thiên mạng gìn giữ nền Chánh Giáo không cho phàm giáo. Nên Hiệp Thiên Đài quyết phải còn vì là nơi Đức Hộ Pháp ngự.

36. TRƯỜNG CÔNG QUẢ

Thuở khai minh lập giáo khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy về trường thử thách cơ mầu nhiệm của Trời, nghĩa là cơ quan bí mật thử thách Thánh, Tiên, Phật vẫn là một bài toán cho các đẳng chơn hồn nơi mặt thế. Nếu mọi khách trần thâu đáo cơ mầu nhiệm cơ tạo đoan thì trường thử thách chẳng có nghĩa lý gì hết. Ngày nay là thời kỳ mạt pháp, Thượng Đế ban giọt cam lồ mở mối đạo vàng, tức là lập trường thi công quả cho con cái Người đoạt vị. Ngài nói:

“Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công-quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa nầy mà thôi. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng: Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc đạo”.
[TNHT, Q. 1]

Thầy lại cho biết xưa kia, con người chưa rõ cơ quan mầu nhiệm của tạo hóa. Ngày nay, chính Ngài đã đến cho

biết và khuyên nhủ con người tin đó là chơn ngôn, dấn thân vào nẻo đạo để phục nguyên, trở về cõi vĩnh hằng. Nếu bằng chẳng vậy, khi hồn lìa khỏi xác, sự ăn năn trở nên muộn màng:

“Nay tuy các con chẳng thấy đặng hành vi mẫu nhiệm, mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi thầy mà cho rằng lời Thầy dạy là chơn thật. Nếu các con đợi đến buổi chung quy, hồn ra khỏi xác mới thấy cơ mẫu nhiệm đặng, thì chừng ấy đã muộn rồi”.

Hữu duyên biết đặng con đường quy nguyên, nhập môn cầu đạo, nhận áo mão mà chẳng xứng phận và còn nghĩ cái áo đạo kia có đủ quyền năng làm đổi phẩm thiêng liêng vị thì chẳng khác nào giấc mộng xảy ra trong cõi mộng. Đức Chí Tôn khuyên răn:

“Thầy ước sao các con biết tự lập thì Thầy mới vui lòng, chớ các con nhập môn cho đông, lãnh Thiên phong cho nhiều mà không đủ tư cách thì các con phải tự hỏi mình coi có bổ ích vào đâu chẳng? Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đòi tạm của các con thì Thầy cũng không bỗng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng”.

Đức Hộ Pháp còn sanh tiền, Ngài dạy phương pháp lập vị cho mình là Tam Lập, trau tria Phương Luyện Kỷ cho chơn thật vì đó là con đường của Đức Chí Tôn đã vẽ sẵn cho con cái Người phục nguyên thánh chất.

38. AI LÀ MÔN ĐỆ CỦA THẦY?

Thuở khai minh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn về giáng tiên cơ, cho thánh thi, phong thánh cho các vị đại thiên phong cao cấp cho đến hạng tín đồ thường. Lần lượt cơ phong thánh hoàn bị, nền đạo Cao Đài kiện toàn bộ máy Thánh Thể như thiên liêng, hàng triệu tín đồ cầu đạo lập hồng thệ và hiển nhiên trở thành môn sinh Đấng Cao Đài.

Đường đời vốn khúc uẩn, đường Đạo vốn quanh co, âu cũng là quy luật của cơ tạo đoan. Đức Chí Tôn dạy:

“Muốn xứng đáng làm Môn đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm Môn đệ Thầy thì là Bạch Ngọc Kinh mới chịu rước; còn ngã thì cửa Địa Ngục lại mời. Thương thương, ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi” [Thánh Ngôn 1926].

Ngài giảng rõ chẳng vì ghét mà không có lời khuyên dạy, chẳng vì thương mà không sai quỵ dễ dàng, Ngài cũng cho chúng sanh bộ thiết giáp để bảo vệ mình khỏi sa vào vòng tà quái.

Song, Đạo phải do “*thiên nhân hiệp nhất*” mới thành. Ngó nền Đạo, Thầy lại than rằng:

“Dòm Thiên thơ thì tám phần mười đã sa ngay vào chơn của Quỷ vương vầy đập, mà lại phần đông các con là bậc phẩm cao, chức trách trọng hậu”.

Trong thời kỳ đạo phồn thịnh, các chức sắc đại Thiên Phong không tuân mạng lệnh của Hội Thánh Cao Đài, mằm móng tách ly kể từ đó càng ngày trầm trọng. Nhận định về thời cuộc quá khứ, người cho là thiên cơ, người cho là lòng người. Quyền đòi xô đẩy, tà quái xung danh làm trường khảo đảo kịch liệt. Người tách bỏ, người cuốn tượng, người rời xa mỗi đạo vàng, muôn điều dở khóc dở cười làm cho con cái cốt nhục của Đức Chí Tôn phân ly muôn đường.

Đạo cuộc Cao Đài ngày nay cũng ướm nhiều màu ảm đạm, quốc nội cũng như hải ngoại. Tư tưởng tự chuyên, luận giảng theo tín lý mới, nghi lễ sửa cải. Ai là môn sinh xứng phận của Đấng Cao Đài? Ai dùng ngòi cọ để tô điểm giáo pháp, ai thêm thắt, biến cải cho ra nhạt nhẽo, có quyền thiêng liêng đang hằng ngự trị.

39. GIÁ TRỊ CỦA NGUYÊN TỬ KHÍ

Các quốc gia đang dần thân vào cuộc đua vũ trang, muốn thống trị thế giới bằng việc khẳng định vị thế đệ nhất hoàn cầu của mình. Lẽ dĩ nhiên, vũ khí tối tân là bom nguyên tử. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp nói, Đức Chí Tôn dùng thanh khí tạo ra loài người và vạn vật, vì thế ấy loài người ngày nay đạt được tính toàn năng, toàn tri để tạo ra bom nguyên tử nhằm tiêu diệt lẫn nhau.

Khí là nguồn sống của vạn vật nên khí cũng có thể tiêu diệt loài người trong tích tắc. Đức Hộ Pháp giảng:

“Khí là khối sanh quang vạn vật nhờ thở khí ấy mà sống, cho nên chữ Khí là sự sống của vạn vật, do Khí là Pháp biến tướng ra vạn vật”.

Nguyên tử khí có năng lực vô biên vì đó là nguồn gốc sống của vạn vật, nuôi sống, trưởng dưỡng vạn vật. Nhưng rồi bom nguyên tử là kết quả của hơn thua, thù hận, của tinh thần hủy diệt hoàn cầu. Thế giới đang đi về đâu khi các nhà khoa học vẫn trữ các nguyên tử khí ấy cho đại chiến khát máu kỳ ba dường như đang vẫy chờ.

Chúng ta thử ngẫm và xem lời tiên dạy của Đức Hộ Pháp:

“Ngày hôm nay Nguyên tử khí dùng để giết người, thì biết đâu sau này nó sẽ là phương cứu tử hườn sanh cho người, và nó sẽ đem loài người đến địa vị trường sanh bất tử ... Vì bởi Nguyên tử khí là căn nguyên sự sống của vạn loại, nếu nó đã làm chết được thì nó cũng sẽ làm sống được”

40. HỐI NGỘ

“*Hối*” nghĩa là ăn năn, sám hối. “*Ngộ*” là thức tỉnh. “*Hối ngộ*” là động từ chỉ việc tỉnh thức, biết việc làm sai và quay đầu về nẻo thiện lương. Thánh Ngôn của Thượng Đế dạy:

*“Thầy vui thấy nhơn sanh biết hối ngộ, chẳng quản
dặm dài, đến hội hiệp nhau mà để bước vào đường đạo đức”.*

Sám Hối kinh lại có câu:

*“Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy,
Biết ăn năn xét lấy sửa lòng”*

Hay:

*“Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc làm sám hối tội căn”.*

Như vậy, hối ngộ không chỉ đơn thuần nhận biết lỗi lầm của chúng ta mà còn quay về nẻo giác, thực hiện điều thiện lành nhằm làm nghiệp lực dần tiêu trừ. Chẳng một ai có thể đi ngoài khuôn phép công bình nhân quả, công thưởng, tội phạt. Thế gian là cõi ác trực do vô minh con người tự tạo ra và cũng là trường thi tấn hóa cho các đẳng chơn hồn giục tấn. Thượng Đế có tiên dạy:

*“Thầy lại nói, buổi lập Thánh Đạo, Thầy đến độ rồi kẻ
có tội lỗi. Nếu đời không tội lỗi, đâu nhọc đến công Thầy”.*

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, luật vốn như nhiên, công bình thưởng phạt, nên việc hối ngộ vô cùng quan trọng để khách trần mượn bài thi tấn hóa, lần hồi bước lên con đường thung dung mà thực hiện câu:

*“Ăn năn sám hối tội tình.
Xét câu minh thệ gởi mình cõi thăng”.*

41. LONG TUYỀN KIỂM HÓA GIẢI-VIỆT NAM PHỤC NGHIỆP

Lật trang sử Việt, chúng ta thấy Việt Nam trải qua nhiều thời kỳ suy thịnh khác nhau. Trong đó, một ngàn năm đô hộ của Tàu là dấu ấn đậm nhất khi nói về nỗi giống rồng tiên phải chịu nô lệ. Tiếp diễn tư tưởng nhằm thôn tính Việt Nam, Tàu đã âm thầm cho thầy địa lý-phong thủy dùng cây kiếm báu gọi là Long Tuyền, còn được gọi là kiếm Dương, trấn yếm nơi vùng đất Việt, mục đích đề giết nhân tài đất Nam ta, để Tàu dễ dàng xâm chiếm.

Năm 1929, Đức Hộ Pháp được sự chỉ giảng của Bát Nương, Ngài cho triệu cuộc họp gồm 36 thành viên tham dự hóa giải bùa yếm Long Tuyền Kiếm trên vùng đất Thảo Đường, tại làng Phú Mỹ, huyện Tân Phước, Tiền Giang. Bát Nương còn cho biết thêm sâu dưới 300 m là một linh huyết chứa mạch nước ngầm đi từ núi Bà Đen [Tây Ninh]. Khi hành trình hóa giải xong, Đức Hộ Pháp còn cho đào kinh thông ra sông từ nguồn linh mạch, là phép phản ếm trừ tuyệt nhân tài.

Nước Việt Nam từ khi thành hình tới nay, tiếp cận nhiều tư tưởng văn hóa đạo học, tổ phụ tiếp nhận, lưu truyền uyển chuyển theo văn hóa Nam Phong. Từ năm 1926, Việt Nam chính thức có một nền tôn giáo đủ năng lực diệu dụng độ rỗi cả thể xác lẫn tâm hồn, đó là Cao Đại Giáo. Đây là một hồng ân vô đối, không gì sánh đặng cho dân tộc Việt Nam.

Nhân sự kiện này, Đức Hộ Pháp thuyết giảng:

“Ngày kỷ niệm giống Lạc Hồng được hưởng Đạo Trời khai mở, sẽ gỡ nạn ách nhơn loại và dòng dõi tổ phụ sẽ phục nghiệp. Dân tộc xuất hiện nhiều nhân tài, phá tan xiềng xích, giải ách nô lệ chẳng còn lệ thuộc với sắc dân nào nữa. Nếu chậm trễ là do dân tộc Việt Nam không tôn thờ chủ nghĩa của Đức Chí Tôn, không đủ yêu mến nhau, cứ tranh giành phúc lộc mãi”

Việc tôn thờ chủ nghĩa cứu độ của Đức Chí Tôn có đúng Chơn Pháp và thánh ý của Người không, cần phải cân nhắc, dò xét lại trong cuộc thăng trầm của Cao Đài giáo.

Riêng về bữa yến Long Tuyền, Đức Hộ Pháp khi tìm được và đào lên, thấy phép Tàu ếm có: 1 ông nghề, 1 lưỡi dao cùn, 6 con cờ tướng, 6 đồng tiền kẽm đời vua Minh Mạng. Đào xuống nữa thấy một hộp bao chì vuông, chiều dài 9 tấc. Đức Ngài cho biết trong đó là Long Tuyền Kiếm,

nhưng cấm không cho coi và gói kín lại. Từ đó về sau, không ai biết các vật yếm ai giữ và lưu giữ nơi đâu.

42. TRẦN LÀ GIẢ CẢNH

Xưa nay, triết thuyết các nền tôn giáo cho biết trần gian là cõi tạm, là cơ quan hữu tướng, là trường thi tấn hóa cho các đẳng chơn linh. Thượng Đế dạy:

“Cõi trần là chi? Trần là cõi khổ, để đọa bậc Thánh, Tiên có làm-lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn-linh là luân-hồi, nên kẻ bị đọa-trần gọi là khách trần”.

Lữ khách tha phương trong cõi hồng trần này gọi là khách trần. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cho biết, thế gian có năm hạng khách trần như sau: trái chủ, tác trái, du học, ta bà du hí-du thực và thiên mạng.

- Trái chủ: người đã tạo quả nghiệp nhiều, phải tái kiếp trả căn xưa, quả kiếp ấy theo công bình thiên đạo.

- Tác trái: người chủ nợ cho vay.

- Du học: chơn linh đến thế gian mưu cầu học thêm để tấn hóa về mặt chơn linh thêm nữa.

- Ta bà du hí-du thực: đến thế gian chơi rồi về, thích thì ở lâu, không thích thì trở về.

- Thiên mạng: chơn linh cao cấp vâng mạng Ngọc Hư Cung hay Lôi Âm Tự xuống thế làm sứ mạng gì đó.

Xét lụng lại, trần gian là giả cảnh để các chơn linh trả nghiệp căn, quả số giục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống, hoặc tô bồi thêm quả vị thiêng liêng cho toàn mỹ.

43. THÁNH THỂ THƯỜNG TẠI CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

“*Thánh Thể*” là một danh từ trong nền tôn giáo Cao Đài, ám chỉ hình thể hữu vi của nền tôn giáo tức là hình thể của Thượng Đế, thay mặt Thượng Đế điều dắt chúng sanh tu hành giải thoát, trở về bờ bỉ ngạn. Danh từ còn hàm chứa nghĩa lý phản chiếu sự sống trường tồn, bất sanh, bất diệt của Đấng Chí Tôn, tức là Vạn Linh. Vạn linh được xem là thánh thể và được Đức Chí Tôn biện giải:

“*Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng y như hình ảnh của Thầy*” [TNHT].

“*Thánh Thể thường tại của Đức Chí Tôn*” là sự sống vĩnh cửu, hằng sống biến dịch, sanh sanh-hóa hóa từ Vô Cực biến sanh Thái Cực, phân Lưỡng Nghi...và càn khôn vạn vật.

Thánh Thể của Đạo Cao Đài hiệp từ tam đài Bát Quái [chơn hồn], Hiệp Thiên [chơn thân], Cửu Trùng [thể xác]. Chức Sắc Thiên Phong được liệt vào hàng thánh thể, góp đời sống mình vào cả cơ thể sống của Đức Chí Tôn. “*Thánh thể thường tại của Đức Chí Tôn*” gồm cả vạn vật, tinh cầu địa giới, từ những hình thể vĩ đại thuộc sắc giới cho tới hạt điển tử nhỏ nhất biến dịch khôn lường trong cõi vô sắc giới. Khi hiểu được cụm từ “*Thánh Thể thường tại của Đức Chí Tôn*”, chúng ta sẽ gạt bỏ vô minh, bỏ phàm ngã, tìm về chơn ngã diệu tánh. Nhân ngày thiết lễ Thánh Tử Đạo, Đức Hộ Pháp thuyết:

“Dưới thế gian này loài người phân chia nòi giống, họ hàng, tông tổ, chia vật hình, chia sắc da chơn linh của chúng ta không phân biệt tộc phái nam nữ nòi giống gì cả, thoát khỏi hình thể này rồi ta vào Thánh Thể thường tại của Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP Q.1]

Dù là chức sắc đứng vào hàng Thánh Thể của Đức Chí Tôn hay không, chúng ta trực ngộ chúng ta là “*Thánh Thể thường tại của Đức Chí Tôn*” rất quý giá. Thầy dạy:

“Thầy là các con, các con là Thầy”.

Khi thoát xác, hiểu rõ cơ nhiệm màu, nhưng hành tàng tại thế của chúng ta không sống như chơn lý, điều hối hận quá muộn màng.

“Hại thay, có nhiều chơn hồn ân hận đau khổ khi giải thể mới nhận thấy tranh đấu nhau trên mặt thể này là một điều rất vô lý và khổ não đáo đẽ, khi về cõi Hư Linh” [Thuyết Đạo ĐHP. Q.1]

Vạn Linh vẫn là “*Thánh thể thường tại*” mãi mãi, nhưng chưa nhập vào con đường thiêng liêng hằng sống thì vẫn còn lao lung trong tứ khổ “*sinh, lão, bệnh, tử*”.

44. PHƯỚC THIỆN - CÂY CỜ CỨU KHỔ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Đối lại với hình thức áo mão, lập pháp và hành pháp, đó là cơ quan Phạm Môn được lập ra, chuyên về bí pháp tịnh luyện. Cơ quan này do Đức Hộ Pháp lập ra, là hình thức tổ chức quy tụ những người đồng chí hướng tự tạo ra miếng ăn, dư hiến cho Hội Thánh Cao Đài, nghĩa là trọn Tam Lập để đủ đầy tiêu chí tiến đến được thọ truyền bí pháp tịnh luyện. Từ tác động của người không hiểu ý nghĩa “*Phạm Môn*” cho đến chính quyền Pháp nghi ngờ Đạo là một tổ chức chính trị nhằm chống lại Pháp, muốn triệt hạ bằng mọi hình thức là những nguyên do cơ bản làm Phạm Môn biến tướng thành cơ quan Phước Thiện.

Từ một tổ chức tu chơn thuần túy vượt ngoài áo mão, Phạm Môn sau đó trở thành Cơ Quan Phước Thiện qua Đạo Luật năm Mậu Dần 1938 do Đức Lý Vô Vi và Đức Hộ Pháp

đồng ấn ký. Sứ mạng của Phước Thiện cứu khổ thể xác lẫn hồn, được Đức Hộ Pháp khẳng định:

“Phước Thiện lại có nhiệm vụ tối cao, tối trọng của Đức Chí Tôn: Giải khổ vừa xác vừa hồn, Ngài mượn mấy em nuôi nấng con cái của Ngài, nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ giúp đỡ cho kẻ nghèo nàn cô độc” [Thuyết Đạo Q.1]

Cây cờ Phước Thiện của Đạo Cao Đài là đem nguồn sống cho vạn linh, không phải duy cho người Cao Đài mà thôi. Đức Hộ Pháp dạy:

“Mấy em thử tự hỏi: Hối nào đến giờ làm nên những gì chưa? Chỉ lo bảo bọc anh em trong Đạo mà thôi, có đâu nghĩ đến ngoài Đồi. Các vật loại đều là con cái Chí Tôn, chớ không phải nội trong cửa Đạo mà thôi, như thế có đủ đâu?” [Thuyết Đạo Q.1]

Tóm lại, ngọn cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng phải thực hiện toàn hoàn mới tròn câu “Phổ Độ”. Chúng ta cần lưu ý lời Đức Hộ Pháp cho hay rằng:

“Qua nói cho mấy em hay, Qua đang ngồi đây các Đấng ở Bát Quái Đài còn đợi mấy em và chính Qua sẽ dìu dắt, kêu cửa Bát Quái Đài cho mấy em về làm bạn thân yêu của các Đấng Thiêng Liêng”

45. THẢO ĐƯỜNG

Đất Thánh Tòa có Thảo Xá Hiền Cung do Thất Nương Diêu Trì Cung ban tặng tên gọi, nơi Đức Cao Thượng Phẩm dưỡng an ở tuổi sắp hoàn thành thiên mệnh. Đất Tiền Giang có Thảo Đường do Đức Phật Mẫu ra lệnh dạy khai khẩn đất và lập ngôi nhà bằng tranh cỏ.

Hồi tưởng lại trang sử đạo Cao Đài, chính phủ Pháp đàn áp đạo Cao Đài bằng nhiều hình thức như nhục mạ Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, vu khống các Ngài thâm lạm tiền bạc của Đạo. Họ thuê ông Nguyễn Phát Trước, thường gọi là Tư Mất để dùng vũ lực áp chế chức sắc Đại Thiên Phong cầm giềng mối Đạo. Nếu không rời Tòa Thánh Tây Ninh, họ sẽ cột trong rừng và thủ tiêu bắn chết. Trước tình cảnh ấy khổ não ấy, Đức Cao Thượng Phẩm lui về Thảo Xá Hiền Cung, nơi đất riêng của Ngài mà an dưỡng tâm bịnh. Đức Quyền Giáo Tông quyết không rời Tòa Thánh và ở lại chịu mọi thử thách. Đức Hộ Pháp về Thánh Thất Thủ Đức cầu cơ, trị bệnh cho chúng sanh rồi vâng lệnh Đức Phật Mẫu tạo Thánh Thất Phú Mỹ. Song song đó, Đức Phật Mẫu còn cho lệnh khai khẩn ngoài 60 mẫu đất, tạo con kênh thông ra, lập Đền Thờ Phật Mẫu nơi ấy. Cũng trong khu đất rộng này, Đức Phật Mẫu cho tạo một “*Thảo Đường*”, dịch ra là ngôi nhà bằng tranh cỏ rồi cho bài Thánh Thi vào năm 1928 như sau:

"Thảo Đường phước địa ngộ tùng hoa,

*Lục ức dư niên vũ trụ hòa.
Cộng hưởng phàm gian an lạc nghiệp,
Thế đăng Bồng Đảo định âu ca”*

Được diễn nghĩa như sau:

*“Ngôi nhà tranh nơi đất phước, người quân tử được
trọng dụng, lập đời đạo đức.
Được hòa bình trong hơn sáu trăm ngàn năm.
Nhơn loại nơi cõi trần cùng hưởng sự an cư lạc
nghiệp.
Cõi đời tiến lên thành cõi Tiên, dân chúng được thái
bình thịnh vượng”*

Đồng thời đó, Đức Lý Giáo Tông cũng cho đôi liên tại
Thảo Đường như sau:

*“Thảo thượng sương phi tiện thị Thiên ba chi thắng
cảnh,
Đường tiền nguyệt chiếu thậm quang Địa thời thị
đăng Tiên”*

Tạm diễn nghĩa:

*“Trên cỏ sương bay ấy là sóng trời, cảnh rất đẹp.
Trước nhà trăng soi rất sáng đất thanh, ấy lên cõi
Tiên”*

Tóm lại, theo tư liệu Đạo lưu truyền vùng đất Thảo Địa này được Bát Nương Diêu Trì Cung cho đào con kênh xuyên qua long mạch bên dưới, để nước trong long mạch có thể lưu chuyển khắp sông ngòi, kênh rạch. Bát Nương lại dạy Đức Hộ Pháp hóa giải phép trấn ếm của Trung Hoa làm cho nhân tài đất Việt không nổi lên, hầu dễ bề thâu chiếm, thôn tính Việt Nam.

46. KHỔ HIỀN TRANG

“*Khổ Hiền Trang*” là tên Thánh Thất Phú Mỹ, làng Phú Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, được định tên lại từ sau năm 1927. Trong giai đoạn này, Đạo Cao Đài tuy Đạo dưới sự dìu dắt chỉ dạy của Đức Lý Đại Tiên, đã kiện toàn nên Đạo có đầy đủ cơ chế Tân Luật-Pháp Chánh Truyền và thiên phong để hoàn thành Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Tuy vậy, Pháp muốn diệt đạo nên tìm đủ cách cho người âm thầm vào đạo và cho thế lực gian hồ thút ép chư Chức Sắc Đại Thiên Phong rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh.

Đức Hộ Pháp cùng Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu vâng mạng lệnh của Đức Phật Mẫu xuống Phú Mỹ để tìm mua miếng đất cất trang trại và Thánh Thất rồi giao cho Giáo Hữu Thượng Minh Thanh coi sóc. Đức Hộ Pháp lập đàn cầu cơ tại Phú Mỹ nhưng ông Ca [sao này đặc phong Phối Sư Thái Ca Thanh] không cho Ngài lập. Ngài buồn và đêm nằm thấy Đức Phật Mẫu cho ba chữ nhỏ và nói

“*Khổ Hiền Trang*”. Sáng dậy, Đức Hộ Pháp cho người làm bảng. Từ đó, Thánh Thất Phú Mỹ có bảng tên là Thánh Thất Khổ Hiền Trang. Đức Lý Đại Tiên giảng đàn cho thánh thi như sau:

KHỔ thà cam chịu chớ đừng than
HIỀN ngộ cùng nhau mới vẹn toàn.
TRANG điểm ngọc lành cho đáng giá,
Giời mài chí thiện Thượng Minh Thanh”.

Đức Hộ Pháp lại cho biết:

“*Trên thiêng liêng có Động Khổ Hiền là nơi Đức Thái Thượng ngự, nên nơi Khổ Hiền Trang Ngài hằng viếng thăm. Máy em hãy giữ gìn Khổ Hiền Trang cho sạch sẽ, thanh khiết để khỏi lỗi cùng Đức Thái Thượng*” [theo tài liệu của Duy Hòa].

“*Khổ Hiền Trang*” nghĩa là cái nhà của người hiền chịu cam khổ. Thánh Thất này là một trong những điểm thuở ban sơ lưu lại dấu chân của Đức Hộ Pháp, nơi nhận nhiều đàn cơ của Thiêng Liêng dạy việc, nơi gần chỗ Đức Hộ Pháp hóa giải Long Tuyền Kiếm và Đức Phật Mẫu truyền dạy cho khai khẩn trên 60 mẫu đất lập nên Thảo Đường.

47. THIÊN VŨNG KHÔI KHÔI-SƠ NHI BẤT LẬU

Đó là lời cổ nhân dạy, tạm dịch “*Lưới Trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt*”, ám chỉ luật thiên nhiên, tức là luật của Trời Đất. Có vay thì có trả, có công thì thưởng, có tội thì trừng. Luật báo ứng của cơ Tào Đao chẳng hề tư vị một ai. Trong cửa đạo Cao Đài, người Cao Đài từng chứng kiến một thảm cảnh bi ai của ông Toàn Quyền Đông Dương Pasquier.

Trong giai đoạn phổ hóa nền Đại Đạo, chỉ trong thời gian rất ngắn, Đạo phát triển mạnh mẽ khắp nơi do huyền diệu thiêng liêng chuyển hóa. Chính lẽ đó, Đạo Cao Đài bị lưu ý, Triều Đình Huế cấm truyền đạo, Pháp làm khó dễ, bắt bớ chức sắc đạo, hạn chế tối đa việc truyền giáo và còn cho người bí mật vào đạo để theo dõi mọi hành tàng của Cao Đài giáo. Họ muốn tập hợp tư liệu nhằm triệt tiêu nền Cao Đài. Ông Pasquier rất nhiệt quyết trong việc tạo nguy những hồ sơ giả gửi về Pháp Quốc nhằm chứng minh nền tôn giáo Cao Đài là một tổ chức chính trị, hầu tiêu diệt hoàn toàn gốc rễ Cao Đài. Khi ông đã có hồ sơ nguy tạo đầy đủ, ông cùng gia đình bay về Pháp. Chiếc máy bay chở gia đình và toàn bộ hồ sơ bỗng phát cháy, thiêu rụi cả người và hồ sơ giả. Thánh cơ của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn cho ngày 28 tháng 06 năm Giáp Tuất [1934]:

“Những kẻ nào dám vi phạm vào thiêng liêng, dù xa dù gần, đều phải bị trừng phạt. Hãy xem tên Toàn Quyền Pasquier và nhiều kẻ khác bị giết bởi phán quyết thiêng

liêng. Không một ai có thể tránh thoát những cơn thịnh nộ của Trời nếu chống lại Đấng Thượng Đế. Hãy nghe theo và tin tưởng sự công bằng của Thượng Đế.”

Luật Trời xưa nay vốn chẳng hề tư vị, huông lựa Cao Đài giáo là nền Đại Đạo được chính Thượng Đế tá danh Cao Đài giảng cơ khai Đạo để cứu cả nhơn loại thời mạt pháp, ai cả gan toan tính diệt đạo sẽ bị luật thiên điều trừng trị.

Đạo Đức Kinh có câu:

“Dũng ư cảm tắc sát. Dũng ư bất cảm tắc hoạt. Thử lưỡng giả hoặc lợi hoặc hại. Thiên chi sở ố, thực tri kỳ cố. Thị dĩ thánh nhơn do nan chi. Thiên chi đạo bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triêu nhi tự lai, thần nhiên nhi thiện mưu”.

[Tạm dịch: Mạnh bạo dám làm là chết, mạnh bạo chẳng dám làm là sống. Hai cái đó, hoặc lợi hoặc hại. Cái mà Trời ghét, ai mà biết được căn do, thánh nhơn còn lấy làm khó nữa là. Đạo Trời không tranh mà thành, không nói, mà người hưởng ứng, không mời mà người tự tới, nhẹ nhàng mà công việc vẫn xong xuôi].

Nên chi, việc làm phải thuận lòng nhơn, thuận thiên, thuận luật nhơn quả của Trời-Đất. Việc làm phi đạo đức hại người, hại vật, bất nhơn, bất nghĩa, bất trung, bất hiếu thì đi ngược lại dòng tiến hóa, lăn trôi trong vòng sinh-sinh, tử-tử, tái kiếp trả quả. Việc chi ích người, lợi vật, lợi nhơn quần xã hội, cộng đồng, giúp ấm no thể xác, giúp

tinh thần đạo đức thẳng tiến là hợp với lòng trời, thuận thiên.

Có câu:

“Nhơn tâm sanh nhất niệm, thiên địa tất giai tri”

[Tạm dịch: bất cứ ý niệm của con người phát ra, trời đất đều rõ biết]

Mọi hành động hay tư tưởng của con người đều nằm trong lòng kiểm soát của luật đạo đuan, chưa ai qua khỏi bao giờ. Vô vi sanh hữu tướng, đó là Đạo. Sanh biến và đào động của Bát Phẩm Chơn Hồn điều do máy thiên cơ xoay chuyển.

48. TINH THẦN HIẾU HẠNH TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Trong Phương Luyện Kỷ đặng bước vào con đường thứ ba của Đại Đạo, Đức Hộ Pháp có dạy: *“Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu”*. Chúng ta có thể xem đây là tinh thần căn bản về chữ hiếu trong hệ thống triết lý Cao Đài.

Tam Thể xác thân là của ta nhưng chúng ta nợ nơi Tinh cha, Huyết mẹ thể gian để có mảnh hình hài bằng xương bằng thịt. Chơn Thần do Đức Phật Mẫu ban cho để theo thể xác lập công, tiến hóa trên con đường tu học. Chơn Linh là yết sáng do khối Thái Cực chiết tánh, đem diệu quang hóa độ sanh hồn, đưa minh quang để đệ nhị xác thân

tiến bước trên con đường phản bổn, hiệp cùng đệ nhị để thấu cơ mầu nhiệm của càn khôn vũ trụ.

Mùa vu lan về trong tiếng chùa vắng vắng giục thúc khách trần nhớ về bổn nguyên nguồn cội, thực hiện chữ hiếu đối với hai đấng song thân vô vi là hai Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Thánh Ngôn Thầy dạy:

“Con nhớ biết thương Thầy, mà hễ thương Thầy thì ắt thương Đạo, mà biết thương Đạo thì thương hết chúng-sanh. Các con biết Thầy là trọng thì biết trọng Đạo, mà hễ trọng Đạo thì cũng phải trọng cả chúng sanh” [TNHTQ.1].

Như thế ấy, tinh thần hiếu hạnh cốt tủy trong triết lý Cao Đài giáo là hiếu hạnh cùng Hai Đấng Chí Linh, tức là truy nguyên nguồn cội của chúng ta. Khi biết cung kính, thờ cúng, bái lạy rồi, phải thực hành sự hiếu đạo ấy bằng phương pháp thương yêu chúng sanh vô bờ bến. Ấy là khối tình thương yêu, là lễ dâng quý giá nhất cho hai đấng Phụ Mẫu thiêng liêng.

49. NGÀY VU LAN ĐỐI VỚI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

Tháng bảy là mùa vu lan báo hiếu, mang giá trị thiêng liêng trong cửa tôn giáo nói riêng và trong hệ thống tín ngưỡng tâm linh người Việt Nam nói chung, là lễ để con

người hồi tưởng nhớ ơn công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, thực hiện văn hóa “*uống nước nhớ nguồn*”.

Soi diện lại chân pháp của các tôn giáo, chúng ta hoàn toàn làm sạch đi thái độ mê tín dị đoan thảng bầy là thảng cô hồn. Tiến trình hình thành bản sắc văn hóa dân tộc cũng mang tính tự khởi nên có nhiều khái niệm chưa chuẩn xác, đó là điều không thể tránh khỏi.

Đức Phật Thích Ca là gương hiếu hạnh, xuất gia đi tu đắc chánh quả để về độ cha mẹ vợ con, chứ không phải chối bỏ chức phận của người con, người chồng, người cha. Đức Tôn Giả Mục Kiền Liên thì pháp lực vô biên và lòng hiếu hạnh đáo đê với mẹ Ngài nên nhờ chư Phật lập đàn cầu nguyện để mẹ Ngài được giải xá.

Mùa vu lan gợi nhớ thâm tình sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Đó là thứ tình thiêng liêng thúc giục con người làm phận sự đạo hiếu đối với đấng sinh thành, mang ơn cộng đồng xã hội, quốc gia, mang ơn cả toàn nhơn loại. Tưởng đến cha mẹ trong vô lượng kiếp, cầu khẩn các vong hồn bị còn trong vòng lao lung được hưởng ánh sáng thiêng liêng mà siêu thăng thoát hóa.

"*Hiếu hạnh với Chí Tôn và Phật Mẫu*" là tinh thần căn bản của người tín đồ Cao Đài.

Trách nhiệm của người tín hữu Cao Đài phải lo tròn phận sự Thế Đạo, phụng dưỡng cha mẹ hữu hình, hoàn thành chữ hiếu đối với công ơn sinh thành, dưỡng dục, đào tạo, giáo hóa tinh thần đạo đức.

Khi cha mẹ qua đời, phải hết lòng rớt ráo lo phần siêu rỗi linh hồn, lập công, bồi đức để dâng lên hương hồn cha mẹ đã khuất bóng. Kinh Cao Đài có câu:

*“Thong dong cõi thọ hương hồn,
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa”
[Kinh tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu]*

Trong hành trình ấy, biết truy nguồn cội thiêng liêng, tô điểm tinh thần tín ngưỡng vô vi, hiểu quy luật nhân quả, thăng đạo, đề quy Phật, kinh kệ thường hằng, trau giồi thân tâm, khép mình tu học. Rồi từng Pháp điều thiêng liêng để thăng tiến vào trường giục tấn linh tâm không ngừng. Truy nguồn cội thiêng liêng, kính Pháp, phụng sự Tăng để làm bàn tay thường tại của Đức Chí Tôn, Đức Phật mẫu làm khuôn thuyền bác ái, thương sanh. Đó là bước chuyển hóa từ Thế Đạo sang Thiên Đạo.

50. CÔNG BÌNH THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO

Thánh Giáo ngày 26 tháng 2 năm Mậu Thìn-1928, Đức Chí Tôn dạy: *“Thầy đã nói: Đãi cả môn đệ Thầy đồng một mực, bất luận bậc phẩm, kẻ nào cần nhiều quả nặng, thì*

Thầy giao nhiều trách nhiệm lớn lao, kẻ nào cần ít, quả thiệt thòi, thì lãnh phần trách nhiệm nhỏ nhen; cả thầy đều con của Thầy, trừ ra tôn ti thượng hạ trong việc hành chánh, thì đồng một bậc cả, chẳng ai đặng vì quyền mà lấn lướt, chẳng ai đặng vì mạng lệnh mà đè ép, xua đuổi ai”

Đoạn thánh ngôn trên cho ta biết rõ nét công bình thiêng liêng cả trong đời sống hữu vi và vô vi, đó là quyền năng điều trị tạo đoan cân khôn vũ trụ của Đức Chí Tôn, là khuôn phép định đạo cho các đẳng chơn hồn theo khuôn thước ấy mà tấn hóa, lập công đoạt vị, trở về hườn nguyên cùng Thầy. Thượng Đế là Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu sáng thế vũ trụ. Ngài hiện diện và bàn bạc khắp nơi trong không gian, trong thời gian và trong lòng muôn loài vạn vật. Nên Ngài là chơn lý bất biến. Nếu không có công bình, chơn lý tự nhiên sụp đổ.

Về Thế Đạo, đời có nhiều thuyết san định tài sản của nhân dân bằng cách chia đều ra trong khi Cao Đài giáo hướng đến đời sống đạo đức nhân bản, dụng từ bi bác ái, biết chung vai đàu cật, thương sanh ái tuất, thương người hơn thương thân, nhường cơm xẻ áo. Trong chiều hướng đó, tính sở hữu của con người sẽ mang tính thiện lương và công chánh. Sự tham vọng, ích kỷ của con người sẽ không có đất sống. Đó là tính Thế Đạo công bình.

Về Thiên Đạo công bình, đây là con đường trở về thế giới vô vi đoạt quả vị Thần, Thánh, Tiên, Phật do nơi công

quả tu tập tại thế của các đẳng chơn hồn. Hễ càng trọn tuân pháp chánh thiêng liêng, pháp điều nơi các triết lý tôn giáo dẫn dắt thì tùy theo cái quả đó mà tương công, chiết tội, hưởng quả duyên, thoát khỏi sinh tử luân hồi, hạnh hưởng hạnh lạc đời đời nơi cõi thiêng liêng hằng sống, hoặc giả tạo nghiệp ác thì phải tái kiếp trả nợ trầm luân, lãnh chịu quả nghiệp nặng nề theo phép công bình vô vi. Đó là tính Thiên Đạo công bình.

Tóm lại, Cao Đài giáo hướng đến Thế Đạo đại đồng và một Thiên Đạo giải thoát. Đó là một xã hội hội diện tình thương-bác ái nêu cao hơn hết và một thế giới tâm linh giải thoát dựa vào tính thiện mỹ của đời sống nhân sinh vị tha, siêu phàm nhập thánh.

51. PHƯỚC-ĐỨC TRONG CAO ĐÀI GIÁO

“Nếu lấy vật chất làm của, vật chất sẽ rời xa ta. Nếu lấy Phước Đức làm của, phước đức sẽ theo ta vạn đời [Kinh Pháp Cú].

Phước đức trong Đạo Giáo nói chung và trong Cao Đài nói riêng là con đường diễn tiến từ Thế Đạo sang Thiên Đạo, từ hữu hình sang vô vi, từ nhập thế sang xuất thế, từ cứu khổ thế xác đến cứu khổ phần hồn. Sự hiện diện của Cao Đài nhằm kết thông giữa Thế Đạo với Thiên Đạo.

Về Thế Đạo, cốt tủy của giáo lý Cao Đài để hoàn thiện hóa con người, xây dựng một xã hội bình đẳng, tự do để tiến đến chủ thuyết nhân nghĩa đại đồng, tức là một phương pháp giải quyết vấn đề nhân sinh rất ráo, lấy nhân bản làm nền tảng, dân chủ được tôn trọng, nhân tính được nêu cao, nhân loại bình đẳng không phân biệt đẳng phái, màu da, sắc tộc, tín ngưỡng, quốc gia, yêu thương vạn chủng từ vô tận.

Thực hiện con đường Thiên Đạo tức là hướng tới mục tiêu thánh hóa đời sống bằng cách lấy giác hồn chế ngự sanh hồn, điều khiển thất tình lục dục thấp kém. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, người môn sinh cần thực hiện tốt Tam Lập “Lập công, lập đức, lập ngôn”. Lập công, lập đức, lập ngôn với toàn vạn linh trong cửa đạo, ngoài cửa đạo với tinh thần vô ngã, vô cầu để có thiện quả phước đức.

Đạo Cao Đài có tôn chỉ “*Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất*” nên Đức Chí Tôn phê:

“*Thầy hiệp ngũ chi đặng làm một trường học năm lớp cho mình tu luyện, chẳng khác nào một trường học phàm kia vậy, lần bước lên đặng đoạt thủ địa vị mình, hễ ngồi đặng phẩm vị nào, thì địa vị mình ở nơi ấy*” [Diễn văn ĐHP đọc tại Toà Thánh Tây ninh ngày 14/12 Mậu Thìn-1928] rồi Đức Hộ Pháp giảng:

“Ai sanh dưới thế này cũng phải giữ đủ tôn chỉ của ba Đạo là: Nhơn đạo, Tiên đạo và Phật đạo mới làm tròn phận sự của con người”.

Một cách chung quy, Phước Đức là nền tảng của môn sinh đi từ cánh cửa Thế Đạo hoát khai sang Thiên Đạo dù môn sinh đó có muốn đi theo con đường “*Tam Cang Ngũ Thường*”, con đường luyện Tinh, Khí, Thần hay con đường Từ Bi Bác Ái [Tam Giáo], hoặc làm hiền nhân quân tử theo Nhơn Đạo, làm tròn bổn phận công dân theo Thần Đạo, thánh hóa bản thân theo Thánh Đạo, tịnh luyện xác thân theo Tiên Đạo, tham thiền theo Phật Tông.

52. QUAN HỆ CỦA THẾ GIAN PHÁP VÀ PHẬT PHÁP

Theo Hán Tự, “*Pháp*” chỉ dòng nước chảy vô tận vô biên theo không gian và thời gian. “*Phật Pháp*” ngầm hiểu là giáo pháp của Đức Phật Thích Ca trao truyền trong Nhị Kỳ Phổ Độ để khai thị chúng sanh tầm phương giải thoát. Ngoài ra, Phật Pháp có thể hiểu là pháp điều thiêng liêng bất biến đi ngoài khái niệm Nhị Nguyên, cả luôn Nhất Nguyên để đưa con người trực chỉ nhơn tâm. Trong khi đó, “*thế gian pháp*” ám chỉ những pháp hữu vi thuộc thế gian nhằm giúp con người sinh tồn.

Nếu thế gian pháp hàm chỉ các dục vọng của con người, đưa con người vào vòng vô minh tăm tối, cõi sa đọa luân hồi trăm luân thì Phật pháp đem lại cho con người

nguồn sáng minh triết để thoát khỏi sinh tử luân hồi. Hai đặc tính hoàn toàn trái ngược nhưng luôn tồn tại song đôi nhau, tạo thành một cặp đối ngẫu làm trường thi tấn hóa cơ tạo đoạn càn khôn vũ trụ của Đức Chí Tôn.

Tính song đôi, lưỡng toàn thể hiện qua sự cần thiết của nhau. Nếu Phật Pháp không tồn tại trên thế gian pháp thì Phật Pháp trở nên vô mục đích giáo độ, không thể thánh hóa các nghiệp lành. Ngược lại, thế gian pháp nếu thiếu Phật pháp sẽ mất chơn lý, đi đến chỗ diệt vong cùng tận. Có thể gian pháp làm trường thi tấn hóa cho các chơn hồn, có Phật pháp làm cho con người trở nên thánh thiện. Một cách tổng quát, Phật pháp đi từ trong cõi vô sắc, hóa hiện trong cõi sắc giới để làm thay đổi thế gian pháp trở nên thuận cùng lý thiên nhiên, bảo toàn cơ tấn hóa của Tạo Đoạn.

53. CHƠN LINH VÀ CHƠN THẦN

Theo triết lý Cao Đài, con người có Tam Bửu là Đệ Nhứt Xác Thân tức là thể xác phàm tình, Đệ Nhị Xác Thân tức là Chơn Thần, Đệ Tam Xác Thân tức là Chơn Linh, ví như Trời thì có Nhựt Nguyệt Tinh, Đất thì có Thủy, Hỏa, Phong. Tam Bửu con người được minh tả rõ trong học thuyết tân tiến Cao Đài. Dẫu vậy, đây là đề tài tâm linh, cần sự học hỏi dựa vào lời chư Thánh xác quyết để chúng ta có một khái niệm rõ trên con đường học, nghiệm suy giáo pháp Đại Đạo.

Thể xác là tổ hợp các sự sống của các tế bào lưu chuyển cộng gộp do tinh và huyết giao nhau. Thể xác phải có ngũ quan và chịu quy luật “*thành, trụ, hoại, diệt*”, tức là chết để từng sự tiến hóa của cơ Tạo Đoan. Chơn Thần là đệ nhị xác thân do Đức Phật Mẫu đào tạo, theo thể xác độ dẫn thể xác từng Pháp. Đức Cao Thượng Phẩm dạy:

“Đệ-Nhị xác thân mà chúng ta thường gọi cái vía, tức là bản-năng của chúng ta đó. Bản-năng ấy là Chơn-Thần, mà chủ của nó tức nhiên là Phật-Mẫu”.

Chơn Linh là chiết linh sáng suốt đi từ Ánh Sáng Đại Hồn của vũ trụ, tức là điển quang thuần khiết do Đức Chí Tôn ban cho. Quyền năng vi chủ của Chơn Linh khi hiệp cùng Nhị Xác Thân vô tận vô biên khi bước trên con đường thiêng liêng hằng sống, tấn hóa và lập nghiệp trên cõi vô vi. Cho nên, chúng ta thường chú tâm về khái niệm Tinh, Khí, Thần hiệp nhất và rõ lý trạng thái hiệp nhứt của Tam Thể là trạng thái đặc nhất, tức là đặc đạo vậy.

Chơn Linh theo lời dạy của Bát Nương là chiết linh của Thái Cực và nguyên hình của Đệ Tam xác thân là luồng điện một âm, một dương hằng ngự nơi Tam Thập Lục Thiên, hiệp cùng Chơn Thần vi chủ Đệ Nhất Xác Thân. Trong vai trò và sứ mạng giáo hóa, đoạt pháp của Tam Thể Xác Thân, Chơn Linh hiện ngự nơi đâu là đề tài cần hiểu.

Bát Nương dạy:

“Khi Đệ-Nhứt xác thân tinh khiết, Đệ-Nhị xác thân an-tĩnh, thì Đệ-Tam xác thân mới đến được Nê-hườn-cung mà khai huyền-quang khiếu, thường gọi là đắc Đạo tại thế. Mỗi khi tham-thiền nhập-định được rõ thấu lý mâu, ấy là lúc Đệ-Tam xác thân đã đến”.

Đức Cao Thượng Phẩm dạy:

“Một khi định thân, tức là an Chơn-khí, thì Chơn-linh sẽ đến ngay nơi Nê-hườn-cung mà mở tri”.

Đức Hộ Pháp thuyết giảng về trật tự của Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, Đức Ngài giảng:

“Hồn nó không ở với xác mà ở ngoài xác, còn Chơn-thần là dắt dìu đồng sống với xác dạng độ xác, tương-sanh thì cần chi phân sau hay trước chỉ là Khinh cùng Trọng mà thôi chớ”.

Như vậy, qua lời dạy trên, ta có thể thấy “Hồn” tức là Chơn Linh không cùng trong thể xác mà hiện diện ngoài thể xác, hồn bất tiêu bất diệt hằng sống nơi cõi thiêng liêng. Khi Chơn Thần vẫn chưa hoàn thành sứ mạng của mình, chưa hiệp nhất cùng Chơn Linh thì Chơn Linh phải theo giáo hóa Giác Hồn để trưởng dưỡng Sanh Hồn.

54. PHẢI BỎ HẾT PHÀM TÂM KHI BƯỚC VÀO ĐỀN THÁNH

Bí pháp dâng Tam Bửu trong Cao Đài là dâng hiến Thê Xác, Chơn Thần và Chơn Linh cho hai Đấng Phụ Mẫu Chí Linh tùy nghi sử dụng, định đoạt thăng hạ, là sự khôn ngoan chí bửu của kiếp sống con người bước từ cửa phàm sang bến Thánh. Việc giữ cho tâm thanh tịnh khi bước vào Đền Thánh là một khía cạnh liên quan đến vấn đề dâng Tam Bửu. Cúng lạy là quy Phật, tụng Pháp để tiếp diễn con đường phụng sự Tăng Chúng.

Giữ tâm thanh định trước khi bước chân vào đền thánh châu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng mang tính hệ trọng, can hệ phước tội đối với môn sinh Cao Đài. Tòa Thánh là một nơi linh thiêng không phải do hình thức kiến trúc độc đáo bên ngoài mà đây là nơi hội tụ đức tin của toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu, cái bí mật huyền vi trong cửa Đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp thuyết giảng đạo ngày 29 tháng giêng năm Mậu Tý-1948 như sau:

“Đứng trên ngó xuống thấy mấy em có cử chỉ do tâm lý không được chừng chặc và đứng theo nghiêm luật của Hội Thánh. Nhưng đó là bề ngoài chẳng nói chi, trọng hệ hơn hết là cái huyền vi bí mật của Đền Thánh này”.

Đức Hộ Pháp làm gì khi châu lễ? Đức Ngài cho biết Ngài làm nhiệm vụ gom hết cả tư tưởng qua giọng kinh, tức

là cái thiên thiêu vô hình để dâng lên Đức Chí Tôn, sau đó Ngài nhận cái thiên tinh từ Đức Chí Tôn ban cho toàn thể con cái Người. Khi kinh kệ, nghi lễ bất nghiêm, tinh thần không trong sạch, thanh khiết, định tĩnh sẽ không mong chi thiêu quang dâng lên Thượng Đế được. Đức Ngài giảng:

“Đi ngang qua Hiệp Thiên Đài thấy toàn màu đỏ, màu đỏ thuộc về xác thịt, vậy đi qua rồi phải tịnh tâm. Qua không nói ai, vì trước mỗi buổi đều tắm rửa, vô đó, dầu hình thể của mấy em có nhơ nhớp, thúi hôi, cùi đầy mà cái tâm của mấy em trong sạch đó là tâm vô tội. Dầu kẻ nào tội tình ưu lự thế mấy mà bước vô Đền Thánh rồi, cũng phải tập tành cho thanh khiết, bỏ cả những tư tưởng phàm tục, để tâm nhứt nguyện mới có sự hưởng ứng”.

Sự cảm ứng sẽ dẫn đến hạnh phúc vô biên, vô tận hay chịu thất kính là do nơi tâm con người có giữ lễ cung kính, thanh tịnh hay không khi bước chân vào đền thánh. Đức Hộ Pháp nói:

“Qua chỉ xin mấy em một điều là hễ bước chân vô Đền Thánh, thì phải bỏ hết cả phàm tâm, thì hạnh phúc sẽ to lớn, bằng chẳng vậy, đừng đi cúng, vì đến cúng, không những không hưởng được đặc ân, mà còn mang tội thêm mà chớ”.

Thánh hay phàm, phúc hay tội, khôn hay dại cũng do bóng tối của phàm tâm hay ánh sáng của chơn tâm chi phối.

Gạt bỏ phàm tâm, tâm hồn trong sạch, tinh khiết trước khi vào Đền Thánh châu lễ là việc cần thiết mang tính hệ trọng trong nghi tiết cúng. Sự thanh tịnh không mang lại ích cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng, mà sự tinh tươi, sạch nhẹ rất cần cho con người, thể cho cái lễ tụng Phật, làm tác lòng trong sạch để hành nghi tiết. Tham gia đàn cúng cũng là một buổi thiền tâm, định trí. Nếu đàn lễ nghiêm trang, các Đấng sẽ ban hồng ân thiên điển ngược lại cho chúng ta hạnh hưởng để minh tuệ hơn.

55. CÁI MỘT BẤT DIỆT

Lần trang sách đạo qua thánh ngôn, thánh giáo, triết lý, luật đạo của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ...chúng ta dễ bắt gặp cái một bất diệt trong biện chứng Cao Đài bởi lẽ “*Vạn giáo đồng nguyên*”, mô tả một nguồn sống tiên khởi hình thành cơ sáng thể, cơ định vị rồi cơ dưỡng dục. Cái một ấy chính là ngôi Thái Cực.

Trong thời kỳ hỗn độn chưa phân định trời đất, Thái Cực xuất hiện từ khí Hư Vô rồi phân làm Lưỡng Nghi, sinh Tứ Tượng, biến Bát Quái, tạo dựng vạn linh trong càn khôn vũ trụ. Đây được xem là một định đề của trạng thái khởi thủy sơ khai mà mọi sinh vật biến dịch và tồn tại dựa trên lý Thái Cực này. Trong tốt cùng cái tĩnh lặng, Thái Cực tự phân tách làm Thái Dương và Thái Âm tức là Lưỡng Nghi. Sự kết hợp và chuyển hóa của Lưỡng Nghi mới sinh ra Ngũ Hành, càn khôn vạn loại. Thái Cực trong triết lý Cao Đài được xem là

nguyên lý căn bản, là Đại Hồn của vũ trụ, là Đại Linh Quang, là Chúa Vạn Linh và được mô tả qua nhiều danh hiệu khác nhau tùy theo quan niệm tôn giáo. Thánh cơ thuở khai minh, Đức Chí Tôn dạy:

“Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực”.

Từ Thái Cực huyền diệu vô biên, biến hóa không cùng tận, chiết thân phân tánh theo cơ *“Nhất bốn tán vạn thù”*, rồi *“Vạn thù quy nhất bốn”*. Thái Cực là Đức Chí Tôn tức là ngôi một, là Đại Hồn, là Đại Vũ Trụ, là Đại Linh Quang chiết linh ra vô vàn Tiểu Vũ Trụ, Tiểu Linh Quang, Tiểu Hồn cũng đầy diệu dụng như thế. Nên, Đức Chí Tôn phán dạy *“Thầy là các con, các con là Thầy”*. Cái Phật Tánh bốn nguyên là cái ánh sáng chơn như vốn có của khởi thủy. Cái một bất bất diệt lưu động muôn hình, muôn thể từ cái lớn nhất cho đến cái nhỏ nhất. Cái một ấy mang tính toàn thể sơ khai, mang tính tiềm năng vô tận, vô biên biểu hiện qua nhiều hình thái hữu sắc. Cho nên, Đức Lão Tử nói *“cường danh viết Đạo”*, Trang Tử thì nói *“Đạo có thuộc tính và biểu hiện, nhưng nó không có hành động và hình dạng”*.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo: *“Nó có lưu động là nhờ khí nổ Thái Cực buổi nọ, Thái Cực nổ thành khối lửa, khối lửa nổ trong Càn Khôn Vũ Trụ hiện ra muôn muôn triệu triệu ức quả địa cầu trong Càn khôn Vũ Trụ”*.

Cái một trường tồn bất biến, huyền diệu và dù thể hiện qua hình thái con đường nào, chúng ta vẫn tin có một ánh sáng Thiên Nhân đang chiếu soi, nuôi sống Vạn Linh. Đáng duy nhất ấy là Đức Chí Tôn mà môn sinh Cao Đài đang tôn thờ và quỳ lạy nơi Người hằng ngày trong Tứ Thời Nhật tụng.

56. ĐẠO CAO ĐÀI LÀ TINH HOA BỒN NGUYÊN

Nếu bàn đến tính siêu nhiên xuất thế, vượt lên trên cái tầm thường giản dị của đời sống phải kể đến vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đạo Phật và Đạo Lão. Chính vì con người so sánh triết lý Cao Đài giáo cùng các tôn giáo hiện hữu, nên có người trích điểm triết lý Cao Đài giáo.

Nếu đi sơ qua các kinh sách của Đạo, ta dễ bắt gặp triết lý dung dị đời thường nhập thế. Đức Chí Tôn giảng cơ giảng dạy:

“Con ôi! Trong anh em của con phần dốt nhiều hơn phần hay chữ, đũa ám-muội đông hơn đũa thông minh, Thầy đến chăm-nom dạy-dỗ đũa ngu-dốt hơn là đũa hay giỏi; thà là đũa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn là đũa dốt nghe Đạo Thầy không rõ lý...Thầy muốn Đạo của Thầy làm thế nào cho trẻ con nên ba tuổi cũng hiểu đặng, con nghĩ sao con” [Lời thuật của ĐHP trong Phương Tu Đại Đạo].

Nên Thầy là Đấng Chí Tôn lẽ ra nói lời cao thâm nhưng Ngài lại dùng từ bình dị nhất mà giáo hóa con cái Ngài. Ngài lại nói:

“Đạo cao thâm, đạo cao thâm. Cao bất cao, thâm bất thâm. Cao khả xạ hê thâm khả điếu. Cao thâm vạn sự tại nhân tâm” [Nghĩa: Đạo cao sâu, Đạo cao sâu. Nhưng mà cao chẳng cao, sâu chẳng sâu, chỉ do ở nơi tâm của mỗi người]. Nhưng vì sao Đức Thượng Sanh lại nói *“Đạo Cao Đài là tinh hoa bốn nguyên”*?

Người cho rằng Đạo Cao Đài là Đạo xuất thế, người cho là nhập thế, người cho Phật Giáo chấn hưng, người cho là Nho Tông chuyển thế, người cho là Thiên Khai Huỳnh Đạo. Đức Thượng Sanh lại giảng:

“Đạo Cao-Đài như một bức khảm xà-cừ:

- *Nhìn thẳng thấy màu trắng,*
- *Nhìn nghiêng bên phải thấy màu xanh phơn phớt,*
- *Nhìn xuống phía dưới thấy màu vàng nhạt.*

Các màu xanh, đỏ, chỉ là những cách thể hiện các giai-đoạn ban sơ của Đạo.

Thật sự Đạo Cao-Đài là Màu Trắng.

Phải hiểu Đạo Cao-Đài là tinh-hoa bốn nguyên triết-lý của chính nền Đạo mới này”.

Như vậy, triết lý Cao Đài hội tụ tinh túy của Tam Giáo Phật, Thánh, Tiên, là màu trắng căn bản, biểu trưng cái

trường tồn bất diệt của Đạo Pháp, không phải tầm thường như người ta thường lầm hiểu. Chỉ có đi sâu “*màu trắng bất diệt*” của ngôn ngữ bình dị mới thấy cái cao thâm vô biên, và chỉ có đốn ngộ mới thấy cái xuất thế qua hình thái nhập thế thường tình của cái gọi là “*Cao Đài nhập thế*” mà thôi.

57. ÁNH THÁI DƯƠNG

Dưới cái nhìn của khoa học duy vật, mặt trời từ cổ kim theo qua nhiều nghiên cứu của các nhà thiên văn học, tuy một phần đã lột tả được “*chân dung*” thông qua các khảo cứu ròng rã nhiều năm trời để biết đặc điểm, thông số, quãng nóng, vùng bức xạ, đối lưu, quang quyển, khí quyển, hàn quyển, sắc quyển, vành nhật hoa, nhiệt độ vành hòa, tốc độ ánh sáng từ hệ mặt trời tới trái đất... Nhưng nếu chúng ta làm một phép so sánh với khoa học tâm linh, mặt trời dường như vẫn còn là một khái niệm bí ẩn và có nhiều khác biệt.

Trong bài Khai Kinh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có câu: “*Ánh Thái Dương giọi trước phương đông*” thì Thái Dương ám chỉ mặt trời và Thái Âm chỉ mặt trăng theo quan niệm Âm Dương của người xưa. Ánh sáng mặt trời là căn bản sự sống của vạn vật sinh linh trong trời đất, chiếu soi mọi ngõ ngách từ các tinh cầu địa tú cho đến các sinh vật nhỏ bé nhất, để trường dưỡng nuôi nấng giường máy càn khôn, bảo toàn cơ sinh hóa và dưỡng dục.

“*Ánh Thái Dương gọi trước phương đông*” hàm nghĩa “*Đạo xuất ư Đông*”. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giảng dạy:

“*Mượn một sắc dân hèn hạ nhỏ-nhút của hướng Á-đông là An-nam ta, dựng cho trọn lời tiên-tri “Đạo xuất ư Đông” và cho trùng Thánh-ý chịu lụy hạ mình của Thầy, lập thành Hội-Thánh làm hình-thể thiêng-liêng của Thầy, hầu cầm cho dựng dùi trống Lôi-Âm giục giọng truy hồn, nắm cho chặt chày chuông Bạch-Ngọc dựng trời hơi định tánh làm cho cả con cái của Thầy thức tỉnh nhìn Thầy mà trở về quê cũ*” [TNHT, Q. 1].

Đạo là nguồn cội của Trời Đất, là nguyên lý trường tồn bất diệt, là cơ nhiệm mầu để đưa dẫn con người tầm bến giác, xa bến mê để thoát cơ siêu phàm nhập thánh. Cho nên Ánh Thái Dương còn chỉ mối Cao Đài khai mở năm 1926 tại miền Nam Việt Nam để đem ánh sáng hạnh phúc cho toàn nhơn loại, xóa đi bao nghiệp quả tiền khiên, đưa người một yển sáng để lần về cõi thiên thai động bích.

Ngoài ra, “*Ánh Thái Dương*” còn chỉ trí huệ của người hành giả để xóa đi vô minh, bản ngã. Thiền Sư Bách Trượng nói “*Khi tâm thức vắng lặng (vô niệm) thì mặt trời trí huệ tự nhiên chiếu sáng*”. Lược tóm, “*Ánh Thái Dương gọi trước phương đông*” chỉ Đấng Chúa Tể ngự trị nơi cõi Hư Không, tức là Đấng Chí Linh quản cả cơ quan sanh hóa cả vạn linh trong bầu nhật nguyệt. Đấng đó không ai khác hơn là Đức

Chí Tôn, được xưng tụng trong đạo Cao Đài. Hơn thế nữa, “*Ánh Thái Dương*” chỉ một đạo giáo trong thời tam kỳ mạt hạ khai mở tại Đông Phương để giáo độ chúng sanh trở về cảnh cũ, quê xưa.

58. DANH XUNG ĐỨC CAO ĐÀI THUỞ KHAI MINH – A Ẫ Ẫ

Hồi tưởng lại khi phong trào cầu cơ chấp bút từ Phương Tây truyền rộng nơi xứ Việt, ba Ngài Phạm Công Tắc, Cao Huỳnh Cư, Cao Hoài Sang dường như nghe tiếng gọi thiêng liêng, thường cầu cơ hỏi chuyện quốc gia, dân tộc. Ngày giờ huyền linh đến, một Đấng tự xưng A Ẫ Ẫ đến làm bạn và giáo hóa ba Ngài rồi nhận làm môn đệ. Đấng A Ẫ Ẫ chính là Đức Chí Tôn-Ngọc Hoàng Thượng Đế đến cảm hóa chư Thiên Mạng và mở mỗi đạo Trời, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, danh tắt là đạo Cao Đài.

Ba chữ A Ẫ Ẫ được Đức Chí Tôn ẩn danh để diu độ các Chư Thiên Căn trên bước đường tạo lập một nền tôn giáo, hội tụ cả triết lý Tam Giáo Nho-Thích-Lão. Ba ký tự là ba chữ cái đầu tiên trong quốc âm nhằm tạo sự thắc mắc, chú ý của tam vị Chơn Quân. Ngoài nghĩa lý này, A Ẫ Ẫ còn thể hiện triết lý Thượng Đế ba ngôi, tức là thời tiên thiên tạo dựng càn khôn thế giới. A ám chỉ ngôi Phật tức là Thái Cực, Ẫ ám chỉ ngôi Dương chương quyền Dương khí, Ẫ ám chỉ ngôi Âm chương quyền Âm khí.

Trong một giảng đàn, Đức Hộ Pháp có biện giảng:

“Chúng tôi thật không biết Ông A Ẵ Ậ là Đức Chí Tôn chút nào hết, bây giờ hiểu lại Ngài xưng là Tam, mà Tam là Càn Khôn Vũ Trụ định thể, ba chấm nói rõ là số 3, số thiêng liêng tạo vạn vật vậy”.

*“A, Ẵ, Ậ là Phật, Pháp, Tăng,
Chí Tôn tá thể với quyền năng”.*
(Thơ Huệ Phong).

Như thế ấy, A Ẵ Ậ khởi đầu quốc âm của người Việt Nam, một dân tộc hàng ngàn năm chịu bạc nhược và nay được yền sáng Trời cho khai mở mỗi ân xá Tam Kỳ, Hạ Ngươn Tam Chuyển bước qua Thượng Ngươn Tứ Chuyển. A Ẵ Ậ còn thể hiện tinh túy Phật Tông là Phật, Pháp và Tăng. A Ẵ Ậ sẽ bất diệt với thời gian và trường tồn vĩnh viễn dù có sau 700 ngàn năm sau vì Đấng đó là Đấng Tự Hữu Chí Linh, là nguồn sống của vũ trụ, là bản nguyên bất diệt vậy.

59. CỤC LẠC THÁI BÌNH

Kiếp sống tạm con người chịu luật sinh-lão-bệnh-tử dù có vinh hoa hay nghèo khổ cũng về nơi an nghỉ cuối cùng nơi nghĩa địa. Thông thường người ta có cảm giác sợ hãi, bất an khi hồi tưởng hoặc giả đang ở trong một nghĩa trang hiu hiu gió lạnh. Thế nhưng, có một nghĩa trang mang danh

“Cực Lạc Thái Bình” – một danh từ nghe ầm ập, khoan thai, có gì khác so với các nghĩa trang khác?

Đức Hộ Pháp giảng dạy lúc 9 giờ ngày 19 tháng 07 năm Canh Dần:

“Đức Hộ-Pháp căn-dẫn một điều là nên để ý là làm sao ngày qui-liễu gởi Thánh-Cốt tại đất Thánh-Địa, vì trái địa-cầu 68 này không còn có chỗ đất nào qui-hóa bằng đất Thánh-Địa nếu để được cốt-hài nơi đây rồi thì rất hạnh phúc cho tương-lai con cháu..Dù nơi Cực-Lạc cũ hay đất mới cùng là nghĩa-địa đất 50 mẫu ở Long-Thành cũng vậy”.

Giá trị gửi gắm hài cốt nơi đất Thánh có ý vị chẳng, tự mỗi người sẽ có một lượng định.

60. ÍCH LỢI CỦA CÚNG KIẾNG

Cúng kiếng là một góc của công phu. Cúng là nhiệm lý dâng Tam Bửu cho hai đấng quyền năng Tự Hữu định quả căn kiếp số của chúng ta trong nền ân xá Tam Kỳ. Cúng kiếng để gần ánh thái dương thiên điển chiếu soi, giúp chơn tâm thường lạc, học nghiệm lý sâu để tấn hóa linh tâm, trực chỉ Phật Tâm để từng Pháp, phụng sự Tăng vẹn trọn.

Người Việt đa thần theo tín ngưỡng Á Đông, hấp thụ nền văn hóa tín ngưỡng cúng kiếng tổ phụ, ông bà, Phật Trời theo triết lý các nền tôn giáo, nhất là Phật Giáo. Phật Đạo đi

xuyên suốt hành trình hoằng hóa Đông Phương lẫn Tây Phương, cho dùn hệ phái Bắc Tông hay Nam Tông. Vai trò của Phật Giáo đã để lại một lối sống thuần mỹ, hòa hợp vào hệ thống văn hóa truyền thống Nam Việt, nhờ vào sự uyển chuyển, biến hình nhưng không mất đi tính tôn nghiêm để triết lý Đạo Phật có thể thâm nhập và chi phối đời sống nhân dân Nam Việt. Chính chất chuyển mình điển hình như phái Thiền Tông Phật Vua Trần Nhân Tông, Phật Giáo Hòa Hảo...

Đối với Thiên Chúa Giáo, khi truyền giảng và rao giảng, thực hiện triết lý hóa độ tại Việt Nam, gặp phải vấn đề về cấm việc thờ cúng ông bà. Chính điều này làm đình làm quá trình truyền giáo trở nên khó khăn và chậm phát triển một thời gian. Đức Giáo Hoàng phải triệu cuộc họp khẩn để bàn về tình hình truyền đạo ở Việt Nam. Sau khi thảo luận, bàn bạc, Giáo Hội cho những Kito hữu đặc cách Việt Nam được thờ cúng ông bà tự do. Nhờ tính uyển chuyển ấy, Thiên Chúa Giáo mới có thể mở mang, truyền giáo sâu rộng tại Việt Nam.

Do đó, việc phụng thờ, cúng kiếng là việc quan hệ tới tính chất thường tại trong hệ tín ngưỡng của dân tộc Nam Việt, là nét đẹp truyền thống không thể thiếu.

Về cách lạy đối với Phật Giáo, hai lạy là lạy người sống. Ba lạy là lạy Phật-Pháp-Tăng, Quân-Sư-Phụ, Thần.

Lạy năm lạy là lạy Vua. Đối với Cao Đài Giáo, Đức Chí Tôn dạy:

“Lạy là gì?

Là tỏ ra bề ngoài, lễ kính trong lòng.

Chắp hai tay lại là tại sao?

Tả là Nhật, hữu là Nguyệt, vị chi Âm-Dương; Âm-Dương hiệp nhứt phát khởi Càn-Khôn, sanh sanh hóa hóa. Tức là Đạo.

Lạy kẻ sống thì hai lạy là tại sao?

Là nguồn cội của nhơn-sanh lưỡng hiệp Âm-Dương mà ra. Ấy là Đạo.

Vong phàm bốn lạy là tại sao?

Là vì hai lạy là của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần lạy Thánh thì ba lạy là tại sao? Là lạy dâng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên lạy Phật thì chín lạy là tại sao?

Là tại chín Đấng Cửu-Thiên khai hóa.

Còn lạy Thầy mười hai lạy là tại sao?

Các con không biết đâu?

Thập nhị Khai-Thiên là Thầy, Chúa cả Càn-Khôn-Thế-Giới; nắm trọn thập nhị Thời-Thần vào tay; số mười hai là số riêng của Thầy.

... Chưa phải hỏi các con biết tại sao vẽ Thánh-Tượng "Con Mắt" mà thờ Thầy” [TNHT Q.1]

Hễ cung kính, lạy có lạy, có lạy tức nhiên là cúng kiếng, dâng tấc lòng lên tổ phụ, ông bà, Trời Phật, các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần mười phương. Cúng kiếng xưa nay trong các nền tôn giáo chưa hề phai nhạt mai dư thừa. Nên việc đó phải duy trì thường hằng để cầu hồng ân của Bề Trên ban thiên điển cho tâm thành, gội rửa mờ ám vô minh, tâm bồ đề phát sát, trở về thánh tâm thường hằng đi đến chỗ viên giác.

Tầm quan trọng của cúng kiếng rất lớn nên Đức Hộ Pháp dạy:

"Hễ càng già lại càng cúng nhiều đặng dâng mạng-căn số-kiếp của mình cho Đức Chí-Tôn định, ấy là bí-mật giải thoát của Chí-Tôn để nơi Cơ Tận-Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên-truyền cho ai-ai cũng đều thấu-đáo nghĩa-lý Bí-Pháp này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hễ nghe thời cúng là ngồi dậy dâng Tam-Bửu cho Chí-Tôn".

Đạo Cao Đài buộc tứ thời nhật tụng, nghĩa là bốn thời công phu trong ngày: tý, ngọ, mẹo, dậu. Khi công phu, tâm thành, rõ lý sâu, định tâm vào lời kinh hòa nhang khói để dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Đức Nhị Trần Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai thuyết:

“Quang minh chánh-đại lập tâm-
thành,
Âm chất khả tu Đạo khả minh.
Bồ liễu nhứt thân sanh biến hóa,
Tác thành kim thể đắc trường
sanh.

Chào các em. Các em phải lo cúng kiến thường.

- - *Một là lập cho chơn-thần được gần-gũi các Đấng Thiêng-Liêng cho đặng xán-lạn.*
- - *Hai là cầu khẩn với Đức Đại-Từ-Bi tha thứ tội-tình cho các em và cả chúng-sanh.*
- - *Ba là có tế-lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự-nhiên.*
- - *Bốn là tâm có cảm thì lòng bác-ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương-tri lương-năng của các em cũng nhờ đó mà lần-hồi thành ra mẫn-huệ. Các em nhớ à” [TNHT, Q. 2]*

Rõ lý, cúng kiến là chia khóa trao tay quyền năng tự chủ giải thoát, tự định khối thiên lương vì chủ hành trình “vạn thù quy nhứt bổn”.

61. CỒI ÂM QUANG

Theo Từ Điển Bách Khoa Toàn Thư hay tư tưởng Á Đông, Địa Ngục là “lao ngục trong lòng đất” [地獄-chiết tự Hán] hay “hỏa ngục” [火獄], được nhắc rất nhiều trong các nền văn minh tôn giáo, vì nó ảnh hưởng đến hệ tín ngưỡng hữu hình và vô hình siêu nhiên. Ngược với Cực Lạc hay

Thiên Đàng, nơi chôn hồn thanh nhàn, hưởng cảnh thiên thai, khoái lạc, thì địa ngục lại là nơi các tội hồn khi bỏ xác, phải chịu trầm luân trong muôn vàn hình thái khổ đau, để trả nghiệp đã tạo nơi kiếp sanh. Nếu hiện sanh, làm điều lành, lánh dữ, tạo âm chất và phụng sự Tam Bảo hay tham nhập vào đời sống triết lý tôn giáo một cách thuần mỹ, linh hồn được về cõi Thiên. Nếu làm điều tội lỗi, linh hồn phải chịu đọa lạc nơi địa ngục, gánh lấy những cực hình tùy theo nghiệp dữ đã gieo tại thế.

Theo thế ấy, Địa Ngục có Thập Điện Diêm Cung sẽ cai quản từng cõi, tương thích với mức hình phạt khác nhau, trị tội hồn lâu hay mau rồi cho đầu thai làm người, tiếp tục trả ác quả, hoặc tái sanh vào ngạ quỷ, súc sanh. Thập Điện lại chia ra 18 tầng địa ngục.

Địa ngục được truyền tụng là nơi có Đài Chiếu Giám, bị hành hình với bao nhiêu cách thức như mổ bụng, phanh rã tim gạc, cưa tay, chặt chân, bị đun vạc dầu sôi, thường luồng-cá sấu canh chặn đường, chó dữ chực chờ, qua cầu Nại Hà rồi uống canh của Mạnh Bà để quên bao nhiêu chuyện đã xảy ra trước đó để tiếp tục dấn thân vào hành trình chuyển kiếp đầu thai lại. Tóm lại, theo truyền thống tín ngưỡng dân gian truyền tụng, Địa Ngục vốn là một học thuyết tâm linh thuộc lĩnh vực siêu nhiên vô hình mà các tôn chỉ tôn giáo từng thuyết minh để răn con người biết chữ thiện lành, lánh nghiệp dữ, một lòng tu niệm, lập công, tô quả để khi bỏ xác trần, có thể trở lên trên mà không bị đọa địa ngục.

Kinh Sám Hối Cao Đài:

*“Phạt những kẻ sửa ngay ra vạy,
Tờ phản thầy, quan lại bất trung.
Hành rồi giam lại Âm cung,
Ngày đêm đánh khảo trắng cùm xiềng gong”*

Hay:

*“Hình Bào lạc cột đồng vôi vọi,
Đốt lửa hồng ánh giới chói lòa.
Trói người vào đó xát chà,
Vì chung hung bạo đốt nhà bắn sắn.
Có cộp dũ nhẵn răng đưa vấu,
Gặp tội nhờn quào quấu xé thầy.
Ấy vì lòng dạ chẳng ngay,
Giết người lấy của bị nay hình này.
Ao rộng lớn chứa đầy huyết phản
Xô người vào, lội lặn nhòem thay!
Tanh hôi mình mẩy vấy đầy,
Trời lên hụp xuống gậy cây đánh đầu.
Để hành kẻ chứa sâu, lường của
Trù ém người, chươi rửa Tổ tông”*

Hoặc:

“Cầu Nại Hà bắc giảng sông lớn,

*Tội nhờn qua óc rồn dùn mình.
Hút chơn ván lại gập ghình,
Nhào đầu xuống đó cua kinh rửa thây.
Nhiều thứ rần mặt mày dữ tợn,
Ngóng cổ trông mắt trợn dòm người.
Gặp thây nuốt sống ăn tươi,
Vì bày thừa kiện móc bươi xúi lời.
Trong núi lửa bay hơi tanh khét,
Linh hồn người đầy ghệt trong ngoài”*

Tuy nhiên, trong kinh Phật Mẫu lại có câu:

*"Vô Địa ngục, vô qui quan
Chí Tôn đại xá nhứt trường qui nguyên"*

Trong Kinh Thể Đạo-Kinh Giải Oan có câu:

*"Đóng Địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây phương"*

Chính lẽ ấy, có nhiều môn sinh Cao Đài vẫn biện chứng rằng: *"Trong Trời Đất vẫn có Địa Ngục và do cơ Ân Xá của Đức Chí Tôn nên, cửa Phong Đô đóng lại và các tội hồn nếu có tội thì sẽ đưa vào cõi Âm Quang"*. Nghĩa là khi giảng luận, có vài chức sắc vẫn cho rằng Địa Ngục khác cõi Âm Quang. Theo đó, Phong Đô, Âm Quang, Địa Ngục và các danh từ khác là ám chỉ một cõi, hay khác nhau? Chúng ta cùng ngồi ôn lại lời Thánh Cơ của Bát Nương giảng, được

Hội Thánh lưu trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Quyển 2, trang 85:

"Âm quang là khí chất hỗn độn sơ khai khi Chí Tôn chưa tạo hóa, lần âm khí ấy là Diêu Trì Cung chứa để tinh vi vạn vật, tỉ như cái âm quang của phụ nữ có trứng cho loài người. Khi Chí Tôn đem dương quang âm áp mà làm cho hóa sanh thì cái khoảnh âm quang phải thối trầm làm tinh đầu là cơ quan sanh hóa vạn linh. Song lần âm quang ấy có giới hạn nghĩa là nơi nào ánh linh quang của Chí Tôn chưa chiếu giám đến thì phải còn tối tăm mịt mờ chẳng sanh chẳng hóa. Vậy thì nơi khiếm ánh thiêng liêng là âm quang nghĩa là âm cảnh hay địa ngục, Diêm đình của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu. Vậy thì chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế nên gọi là âm quang, đừng sửa chữ Phong đô Địa phủ của mê tín gieo truyền chớ kỳ thật là nơi để cho các chơn hồn giải thần định trí (một nơi trung gian giữa Thiên Đàng và Địa Ngục hay là mờ mờ mịt mịt). [Bát Nương]

Theo lời dạy của Bát Nương Diêu Trì Cung, chư tín đồ chúng ta đã hoát ngộ và tin tưởng lời ấy là chơn ngôn, diệu lý, chớ chưa hề dỗi gạt hay còn trạng thái mơ hồ về cõi Phong Đô đó. Nghĩa là nơi đó là nơi do thối trầm của ánh sáng “âm quang”, một mặt là nguyên lý hỗn hiệp hóa sanh đào tạo hữu hình, lại là nơi khiếm ánh sáng Dương Quang, mặt khác là nơi các Chơn Thần khi thoát xác phải chịu luật “thăng-trầm”, nghĩa là được chư Thiêng Liêng rước do công

quả nơi cửa Đạo hay phải chịu đọa vào cõi Âm Quang, tức là cõi mờ昧, u mê, phải tịnh tâm, xét lấy mình, định trí giải thần theo công bình Thiên Đạo của luật Trời Đất.

62. BÁT CHÁNH ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

Thượng Đế Chí Tôn hoá sanh ra vạn vật và trường dưỡng vạn vật theo qui luật thiên nhiên. Đã là con người đứng vào hàng Tam Tài phú bẩm cái linh khiêu của Thượng Đế hằng phải tìm lẽ chánh đường chơn mà tiến hoá không cùng tận trong bát phẩm chơn hồn, hồi qui chốn cũ. Ngụp lặn trong bể trầm luân của sóng trần cũng vì chữ bất chánh sai lý thiên nhiên.

Cao Đài giáo khai mở giúp con người tin tấn tìm hạnh phúc an lạc chính trong hiện tại và cả tâm linh. Thân an vui thì thần thanh thoát. Thần định thì thân khoan thai nhẹ nhõm. Thân và tâm phải đều hoà một thể.

Khái niệm định nghĩa an lạc sẽ khác nhau phụ tùy vào những thói quen, tục lệ, cách nhìn nhận hiểu biết, qua phong cách sống, suy tư, trầm cảm, lĩnh hội về triết lý cứu cánh của mỗi tín đồ. Một cách rất ráo, Cao Đài giáo hướng đến chân, thiện, mỹ và sự giải thoát. Tìm đến tôn giáo tức là tìm về sự an lạc của thân và tâm. Đặc tính an lạc chỉ có thể nhận diện ra khi người đã thực sự giác ngộ thoát vòng sanh tử. Còn

chúng ta, những người còn thấp kém chỉ có thể nhận diện trên phương diện ngôn ngữ để vạch nẻo chơn, tìm đường chánh mà từng bước hướng về ánh sáng chân như. Như thế, một cách tích cực, chánh đạo hẳn nhiên sẽ giúp hành giả đi đúng hướng, hành đúng cách mà trở về quê cũ.

Bát Chánh Đạo là một nét đặc thù trong nền tảng cốt lõi của hệ thống triết lý cũng như phương hướng tu hành của tăng ni và phật tử hay những ai muốn đi trên con đường ngộ giác của Phật đã đi. Nói như thế để thấy rằng, yếu lý căn bản của Phật Pháp bao gồm con đường Bát Chánh trong 37 phẩm trợ đạo của người xuất gia hay không xuất gia mà muốn đi trên con đường Phật Gia vì nó là kim chỉ nam, là la bàn, là ngón tay, là nền móng, là cốt thép, là bê tông trụ vững cho người tu. Con người lấy tính năng của mình suy cạn cùng từ Chánh Kiến cho đến Chánh Định giúp con người vững đá trong tâm chánh chơn thiện niệm giúp con người khai ngộ và thực thi con đường chơn chánh mà Phật đã dạy để tấn bước không ngừng bản tâm vốn thị hiện.

Vì tâm và cảnh có liên đới nhau, ràng buộc nhau trong qui luật của vũ trụ, chỉ khi con người lột bỏ vô minh, xem có như không, xem không như có trong thân tứ đại này mới mong tâm được chánh định mà kiến tánh, minh tâm. Con đường bát chánh mà một Sĩ Đạt Ta đã hành là chứng tích cho niềm tin tôn giáo, là lý thuyết thượng thắng nhưng vẫn lại là căn bản của người học Đạo trên bước đường phát triển tâm linh.

Như vậy, Cao Đài giáo là đạo Nho Tông chuyển thể, là đạo cứu cánh, là đạo ân xá kỳ ba, là đạo xuất thể mà nhập thể đi từ hạ đến thượng, giúp con người hườn từ vô, vô hườn hư trong một triết lý tổng hợp của ba hình thể tôn giáo.

Vậy, thử bàn nghĩ về con đường bát chánh đối với việc tu hành của người tín hữu Cao Đài. Bát Chánh của Phật Giáo có khác cái Chánh của Cao Đài giáo không trên phương diện nội dung và ngoại dung?

Thật ra, Bát Chánh là con đường dung thông vẹn đường cho Nhơn Đạo và Thiên Đạo của người tín hữu Cao Đài. Trọng tâm của Đạo Pháp giải thoát là sự vun đắp cho nhau giữa thân và tâm. Thân vẹn toàn Nhơn đạo, Thiên Đạo mon men tu tiến giúp Nhơn Đạo càng mau sáng chói. Nhơn Đạo mà vẹn thì Thiên Đạo dục tiến mau hoát ngộ. Thử nghĩ, Đức Chí Tôn dạy luyện tinh hoá khí, luyện khí hoá thần, luyện thần hườn hư, luyện hư hườn vô nếu Nhơn đạo đã bè thì thể nào cho thiên đạo có nền tảng. Đó chỉ là lâu đài xây trên cát mà một cơn gió thoảng qua cũng đàn theo ngọn gió vô tình kia. Nếu Thiên Đạo và Nhơn Đạo không hỗ tương nhau, tức là người tín hữu không lưỡng song thực thị vẹn chơn tinh tấn rất ráo thì phải u trệ. Lưỡng song thực hành cái yếu lý ấy tức là dục tấn con đường tâm linh của chúng ta mau chóng ngộ ra lý tánh mà Thượng Đế Chí Tôn đã mặc khải qua chứng tích kinh điển để lại.

Bát Chánh Đạo là tám cái “chánh” mà người tu cần làm cho ra, cho đúng lý, cho chơn chánh để phát huy diệu dụng mà phát khởi ngộ tánh Như Lai trong bản thể của mỗi người vì chính Phật Giáo định nghĩa Bát Chánh tức là tính chất thật, là chân lý, là nguyên lý của cuộc sống và chính là qui luật của máy Tạo. Nó là con đường giúp hành giả dẫn đến sự thánh thiện, và minh kiến trong việc phá bức màn vô minh tiến đến trạng thái “*duyên khởi*”, “*vô thường*”, “*vô ngã*”.

Triết lý Cao Đài cũng hướng con người đến trạng thái vô ngã này, giảng dạy đời sống này là giả, là vô thường và tất cả đều do duyên khởi. Điều hoàn toàn chất chứa trong Thánh Giáo vì vạn giáo vốn nhất lý, chỉ có điều Đức Chí Tôn khai mở giáo lý, dùng từ ngữ bình dân mà giáo đàn con thơ trẻ vì luyện tình, luyện ái, tham lam, ích kỷ, ngu muội, ... mà phải trầm luân trong trăm đắng ngàn cay mà cứ ngỡ mình đang sung sướng đang hưởng cuộc sống thật.

Đức Chí Tôn đến nhơn gian gây dựng mỗi chơn truyền dụng hữu vi thật nhiều, nhưng mỗi hữu vi đều chứa cái vô vi mẫu nhiệm mà nghĩa lý con người chưa thể nào thấu đáo mẫu nhiệm thiêng liêng vì đó là Đạo Pháp thâm viển. Thầy dụng ngôn từ bình dân như Đạo nhập thế, bắt chúng ta phải tứ thời nhật tụng nhưng cái huyền Pháp ẩn sâu thì luôn tiềm tàng sau bức màn hữu hình của nền Đại Đạo.

Thế nên, con người có được cứu rỗi chẳng là cách dụng và hành của mỗi tín hữu vào đời sống cho cái nhứt

khieu linh thiêng kia lên tiếng. Muốn có cái tiếng nói ấy như muốn cái lâu Đài Cao vút. Nhưng muốn xây cho kiên cố, cho vững, cho dài lâu vĩnh viễn thì đòi hỏi người chủ phải bỏ công ra làm nền mà Tiên Gia thường dụng cụm từ “*luyện kỹ trúc cơ*” cho vững mới tiến đến các việc cao sâu hơn. Chúng ta cũng xét lại Bát Chánh Đạo của Phật Giáo đối với đời sống người tín đồ Cao Đài.

Về *Chánh Kiến*, chánh là chánh lý, là con đường trung dung, không lệch méo, con đường thẳng ngay dẫn con người về cái chơn lý lẽ sống của thân ở cõi trần và hợp với lý tánh tự nhiên. Kiến là thấy, là ý kiến, là quang điện, là nhận định, là kiến giải, là nhận thức. Do đó, khái niệm này không dung nạp tư tưởng cho rằng cái thấy bằng mắt đơn thuần mà cái thấy là hệ tư tưởng là sự nhận định và đường lối dung thông cho sự vật hiện tượng trùng với hành động con người để con người có thể hành đúng. Như thế Phật Giáo mới dụng chữ chánh kiến để nói cái thấy kiện toàn của sáng suốt minh triết. Người Cao Đài nếu thiếu chánh kiến phải sai đường, lạc lối, lìa xa ánh sáng quang minh thực thi sứ mạng độ tha và độ tha. Vậy, chánh kiến phải được con người Cao Đài phải nhận dạng và thực thi hoàn toàn trong lý tánh vốn có của nó.

Chánh Tư Duy, chánh kiến là phẩm trợ được nêu đầu tiên thì Chánh Tư Duy là phẩm thứ hai để biểu thị cho sự suy nghĩ đúng đắn, hợp lý. Sự vật hiện tượng nào với bản chất của nó hãy để là nó, tránh cái tư duy sai lệnh mà nhận định thể giới hiện hữu trong vô minh. Chánh tư duy, giúp hành giả

đối cảnh sáng thông hơn trên con đường tu học, đối nhân xử thế. Chánh kiến và chánh tư duy là hai phẩm đầu tiên đem lại cho người Cao Đài thực hiện đúng với tôn chỉ, mục đích, nhận diện sâu về bản chất giáo lý cao đài, bí pháp Cao Đài qua từng câu chữ để hướng con người Cao Đài đến sự an lạc trong đời sống hành đạo.

Chánh Ngữ, là lời nói chơn chánh, đúng sự thật, không nguy tạo, không dối gian, lời nói có ý nghĩa không vô dụng về phương diện đối với bản chất của vấn đề. Chánh ngữ là phẩm thứ ba mà Đức Phật đã nhấn mạnh trong kinh. Người bước theo chân Chơn Lý thì không biết nói thêm, không nói bớt, không nói tạo sự hiềm thù, không kích bác, ... Trong bát chánh là sự liên tiến và liên hoàn của đặc tính vạn vật. Do vậy, phẩm nào cũng sẽ tạo nên duyên và tiền tố thúc đẩy và xây dựng cơ cấu cho hành giả đắc hiệp. Nếu chánh kiến được, chánh tư duy được thì giúp cho con người dễ dàng đạt chánh ngữ hơn. Người tín đồ Cao Đài phải biết Ngũ Giới cấm, trong đó có cấm nói dối, tức vậy người tu phải nói lời chân thật, dễ nghe. Vượt lên trên cái văn tự, đó là Pháp Ngữ, nghĩa là lấy Pháp Đạo mà giảng thuyết cho người thông thường mà hành đạo. Thầy muốn con cái Người dạy lẫn cho nhau, tức là dạy cái giáo lý, cái phương pháp hành, phương pháp tu tiến dìu dắt nhau đi trên con thuyền Đại Đạo. Thiết nghĩ, chánh ngữ người tín đồ Cao Đài không thể thiếu.

Chánh Nghiệp, đây ám chỉ nghề nghiệp lương thiện, không phạm luật, không hại ai kể cả sát sanh hại vật giúp con

người có tiền, thức ăn tạm nuôi sống thì hài để tu hành. Người Cao Đài phải hiểu rõ nét căn bản này trong con đường đi giản đơn này mà Đức Chí Tôn đã dạy.

Chánh Mạng, đó là cái sự dịch chuyển cân bằng đúng lý của thân hữu hoại này. Một cách rõ ràng hơn, đó là sinh mạnh, hay toàn cái lối sống của hành giả cho chánh chơn, không hại ai, luôn giúp người, có thể hy sinh mình mà cứu người được sống. Mạng là do ta duy chủ, ta có quyền định đoạt chết hay sống bằng lưỡi đao nhưng một lưỡi đao đối với thân mạng mình mà cứu sống thiên hạ coi là chánh mạng. Do đó, chánh mạng được hiểu sự duy chủ thân mạng sao cho hợp với cái *tự nhiên* của cái gì gọi là Đạo. Đức Chí Tôn đem chìa khoá cho con cái Người có thể tự mở cửa Bát Quái Đài tại thế này chỉ bằng sự thương yêu mà thôi. Con cái người phải hiểu thương yêu vạn chúng, tình yêu đạo pháp, chứ không phải tình yêu vắn vương nam nữ xác thân. Thế thì, chánh mạng giúp tín đồ Cao Đài duy chủ thân mạng mình trong nhiệm vụ, trong con đường thiêng liêng hằng sống mà mình mau đến nơi.

Chánh Tin Tấn, là sự nỗ lực không ngừng, sự phấn đấu liên tục không trì trệ của thân và tâm. Thân và tâm phải thanh hoà làm một. Thân thì lập Tam Công, lo cho thiên hạ, cúng kiến hưởng cái ân Thiên không ngừng bằng sự tin tấn. Nếu chúng tín đồ trì trệ trong việc chay lạc, lập công, phổ độ, ... sao cho kịp cái dòng thời gian hữu hạn hữu định của kiếp người. Trăng tàn, gió lặn nào có đợi ai, thắm thoát tóc đã bạc

già mà công trình tu tiến thì còn dang dở. Tin tấn kia giúp cho tín đồ Cao Đài thấy rõ hơn mình cần làm gì để đem *thân* và *tâm* với tới cái cần với.

Chánh Niệm, là tâm hằng niệm danh các Đấng Thiêng Liêng đặc biệt danh Thầy Mẹ mà được khí an, thần trụ, được hưởng thánh điển giúp tâm bừng sáng nhờ vào oai lực của chú niệm. Phật Giáo hướng đến nhất niệm là sự hội tụ của sáu con ma và bảy con quỷ trở thành đệ tử ngoan đạo của hành giả. Tụng kinh là Chánh Niệm. Niệm hay tụng là một nhưng phải chánh tức là không cho loạn, phải trối con khí, cột con ngựa cho an. Lúc ấy diệu dụng của chánh niệm mới cảm, cảm mà ứng với Trời cho đặng. Ngày này, danh hiệu Thầy gồm 12 chữ và Thầy có nói “*số 12 là số riêng của Thầy*”. Đó không phải là vô duyên và vô cớ thầy cho con số 12 cho toàn nhân loại chánh niệm, nó hẳn có tánh cánh hoá giải nghiệp cho con người trong vòng tội lỗi của vô minh.

Chánh Định, là sự ngừng hoạt động trong thể mình triết hoạt bát vốn có của nó mà không có một ngoại lực nào chi phối nó. Đó là sự định chơn tánh với một tinh thần thống nhất qui cũ thuần nhất của *Bản Thể Như Lai*. Bảy chánh kia giúp người tu hướng vào một đối thể nào giúp hành giả nương náu vào cho hợp cái lẽ chánh thì cái chánh định này hướng con người về chỗ không mà Thầy nói “*...luyện Thần hườn hư*”. Phải chăng cái Đức Chí Tôn nói đó là cái *định* này? Có câu “*Định tâm chí thánh mới gìn ngôi xưa*”.

Thiền ý rằng, bát chánh đạo là danh từ cổ của Phật Học dùng. Ngày nay, Đại Đạo Tam Kỳ khai mở với tất cả khối tình yêu của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu hầu cứu vớt con cái Người thì không có phương tiện nào mà Thầy Mẹ không dụng. Đạo thì có một, ngôn ngữ có hai, biểu tả khác nhau nhưng lý thì một. Bát Chánh là lẽ hằng mà người tín đồ Cao Đài cho đến chức sắc luôn luôn phải giữ mới mong bảo tồn cái lý của *thân* và *tâm* cho ra chánh lý mà hợp với tôn chỉ và mục tiêu của người tu theo Cao Đài.

63. AO THẮT BỬU

Ao Thắt Bửu là một cái Ao nước được Đức Hộ Pháp kiến tạo vào những năm 1951 trước cây cầu tên “*Đoạn Trần Kiều*”. Đã là môn đồ Cao Đài, chúng ta tin rằng tất cả chi thuộc thể pháp đều có ý nghĩa khi Đức Hộ Pháp lập ra trong cửa Đại Đạo. Như thế ấy, Ao Thắt Bửu là thể pháp tượng bí pháp rằng con người trước khi bước qua cầu Đoạn Trần Kiều để tiến vào Trí Huệ Cung tu học, phải tắm rửa sạch sẽ, đoạn trần ai mà bước vào cửa đạo đạt được trí huệ, thông dong trên con đường tu tập giải thoát.

Về ngữ nghĩa, “*Thắt Bửu*” nghĩa là bảy món bảo được kể tên ra như sau: Vàng, Bạc, Ngọc Lưu ly, Ngọc Xa cừ, Ngọc Mã não, Ngọc San hô, Ngọc Hổ phách. Những thứ vật chất này rất hiếm cõi thế gian, nên được mua bán giá rất cao. Theo triết lý Cao Đài, Ao Thắt Bửu là cái ao có trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống những thứ quý báu mà cõi trần ai

này không hề có. Nước của ao rất quý vì khi tắm, chơn thân hưởng được nhiều ân huệ thiêng liêng mà làm cho chơn thân trong sạch, nhẹ nhàng, tinh khiết, thơm tho, trí não khai thông, mẫn huệ.

Về nghĩa Đạo, chúng ta có thể tạm hiểu thiên ý rằng chúng sanh lăn trôi trong vòng sinh sinh tử tử, chơn thân u mê mà mê luyện hồng trần, bị vô minh che khuất thánh tâm, gây nhiều điều tội lỗi và cứ thế cái nghiệp sinh tử cứ vẫn mãi đeo mang. Ngày nay, Đức Chí Tôn ban cho ân xá Tam Kỳ cho toàn thể nhân loại hưởng được hồng ân xá tội. Tuy nhiên, con người cần phải nhập vào “*trường công quả*” của Đức Chí Tôn mới mong được nhẹ nhàng. Con người phải muốn có trí huệ tức là bước vào Cung Trí Huệ, cần đoạn cỗi trần ai tức là đi qua cầu “*Đoạn Trần Kiêu*”. Muốn vậy, con người cần bỏ phạm tâm, tục trí, tắm rửa sạch sẽ cho bụi trần tan biến mà dần về Cung Trí Huệ. Chỉ có sạch tục trần, lánh trần ai chính trong thân tâm mới mong trở về Cung Trí Huệ. Ngày nay, chư Tín Đồ Cao Đài tin tưởng mạnh mẽ nên về Ao Thất Bửu trước cầu Đoạn Trần Kiêu, thường xuyên tắm gội, dùng nguồn nước ấy làm nước uống như là một giọt nước Thiêng Liêng ban cho.

Trong Kinh Tiêu Tường có câu:

“*Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục*”.

“Vì nước trong ao Thất Bửu có công đức trừng tịnh, trường dưỡng thiện căn nên Chơn hồn nào có ân huệ tắm gội nơi ao ấy, ắt trước sẽ được tẩy trừ, thiện căn sẽ được tăng trưởng, nảy nở” [Tác giả: Thiên Vân Hiền Tài Quách Văn Hòa].

64. PHÁP BIẾN THÂN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Đức Hộ Pháp là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn, đắc lệnh thiên triều xuống quả địa cầu 68 mở đạo, nắm chi Pháp và chương quản Hiệp Thiên Đài mà lãnh vai trò cứu khổ nhơn loại bằng pháp biến thân của Đức Hộ Pháp. Trong thuyết đạo của Đức Hộ Pháp, Đức Chí Tôn cho biết qua lời giảng của Đức Hộ Pháp:

“Qua không hiểu Qua là thế nào mà khi Thầy biểu Qua phải lãnh làm, rồi Thầy sẽ dạy Pháp biến thân con ra vạn ức. Buổi nọ Chí Tôn dạy phải vững, chớ chưa hiểu Pháp biến thân của Chí Tôn đã ban cho ra thế nào”.

Dưới quyền chương quản của Đức Hộ Pháp, tả hữu có Đức Thượng Phẩm chương chi Đạo và Đức Thượng Sanh chương chi Thế. Theo lời truyền dạy của Đức Chí Tôn:

“Thầy muốn nơi nào có dấu chơn của ba con đến thì nơi đó hết khổ” [Trích Thuyết Đạo của ĐHP] thì cái khổ sở của nhơn loại xảy ra khắp địa hoàn sẽ tiêu tan. Nên thánh ý của Đức Chí Tôn muốn hoá giải khổ ách của nhơn loại nhờ

vào bàn tay của ba Ngài, muốn ngọn cờ “*bảo sanh cứu khổ*” đi cùng khắp năm châu. Đặc biệt hơn, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài cầm pháp, hễ pháp đi đến đâu thì đạo trường tồn, được phổ dương đến đó. Một Hộ Pháp phải biến thân ra muôn hình để hiện diện khắp nơi, cầm pháp cứu khổ nhơn loại về mặt xác lẫn hồn. Vì lẽ đó, nhiều hình trạng của Đức Hộ Pháp biến ra nhờ vào sự xuất hiện của Hội Thánh Phước Thiện – là cơ quan thay mặt Đức Hộ Pháp chung vai đầu cột, chia ngọt sẻ bùi, nuôi nấng, bảo sanh, trương ngọn cờ bảo sanh từ bi của Hộ Pháp ở khắp cùng ngõ hẻm. Đức Hộ Pháp đã xác nhận:

“Giờ đây sẽ có mấy em nối gót phụng sự Hội Thánh Phước Thiện chung lo gánh vác cơ cứu khổ để thay thế cho Qua gần gũi chúng sanh để phụng sự, gánh sự khổ não của con người thì thấy rằng: Chí Tôn đã giúp cho Qua thêm được nhiều tay chơn để lo cứu khổ cho mau ra chơn tướng”
[Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp]

Nên, Hội Thánh Phước Thiện là cơ quan gánh khổ cho thiên hạ, nối nghiệp Đức Hộ Pháp làm nhiệm vụ giản đơn nhưng thiêng liêng. Đó là hình thể biến tướng, là pháp thân của Đức Chí Tôn ban cho Đức Hộ Pháp. Bằng có, Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng của Phước Thiện không giới hạn số lượng mà cứ thẳng tiến mãi lên cho cùng tột.

Tóm lại, pháp biến thân của Đức Hộ Pháp là sự nảy nở sanh sôi của cơ quan Phước Thiện, gánh khổ, tạo nghiệp

cho thiên hạ, thay hình ảnh của Phạm mà thực hiện chủ nghĩa Từ Bi. Nơi đâu có thống khổ thể xác lẫn tâm hồn, nơi đó có hình ảnh của Phước Thiện, tức là “*biến thân*” của Đức Hộ Pháp.

65. CHƯỞNG PHÁP LÀ NGƯỜI THAY MẶT HIỆP THIÊN ĐÀI NƠI CỬU TRÙNG ĐÀI

Pháp Chánh Truyền chú giải có giảng giải:

“Cửu Trùng Đài vẫn là Chánh Trị, mà Chưởng Pháp lại thuộc về luật lệ, vậy thì Chưởng Pháp là người thay mặt Hiệp Thiên Đài nơi Cửu Trùng Đài. Ấy là cơ Đạo cổ kim hi hữu”.

Cửu Trùng Đài là xác trong khi Hiệp Thiên Đài là hồn. Xác muốn trường tồn, buộc hồn phải đến dẫn dắt, điều tiết hành tàng cho phù hợp với luật thiên nhiên. Chưởng Pháp thuộc Hiệp Thiên Đài đến Cửu Trùng Đài để xem xét việc thực thi cơ quan hành pháp.

Cửu Trùng Đài thuộc Thể Pháp tức là xác thân của Đạo. Hiệp Thiên Đài nắm Bí Pháp, tức là hồn của Đạo. Thể xác muốn điều động phù hợp với cơ Trời phải nhờ vào năng lực khiến của hồn tức là Hiệp Thiên Đài. Cửu Trùng Đài là thể xác ắt phải chịu quyền khảo thí, thút phụt của phàm trần, nên Cửu Trùng Đài phải nương nhờ vào hồn Đạo duy chủ lấy xác thân. Trong việc thực thi pháp điều, phải có cơ

quan nắm giữ chơn truyền luật pháp giám sát xem mặt luật đã được thực thi đúng chơn pháp hay những luật lệ nào làm hà khắc hoặc hại nhơn sanh hay không.

Pháp Chánh Truyền dạy:

“Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước lúc phổ thông, như thăng có kinh luật làm cho hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ, chẳng cho xuất bản”.

Giáo Tông thay mặt Đức Chí Tôn dẫn dắt sanh chúng về đường đạo và đường đời, điều khiển quyền chánh trị đạo, ra luật lệ, tiết giảm, thay đổi luật lệ. Tuy nhiên, Giáo Tông phải đưa xuống Chương Pháp xem xét trước khi thi hành. Như vậy, Chương Pháp nhận luật lệ của Đầu Sư dâng lên và nhận luật lệ của Giáo Tông truyền xuống, xem xét trước khi thi hành. Chương Pháp là người của Hiệp Thiên Đài, thay mặt Hiệp Thiên Đài đến Cửu Trùng Đài giúp cho xác Đạo đi trong khuôn khổ đạo pháp.

Một cách tổng quan, Hiệp Thiên Đài thuộc bán hữu hình tức là chơn thân, Cửu Trùng Đài là xác thân, thuộc hữu hình. Hữu hình thuộc thể pháp, vô vi chứa bí pháp. Thể pháp đi từ bí pháp, bí pháp ứng nghiệm trong thể pháp qua hành tàng của xác thân. Chương Pháp thuộc hồn đến tương liên cùng xác để cho xác hồn tương đắc mới tới thông cùng thần quang.

66. LÒNG CHÍ THÀNH

Dù trong cửa Đạo hay trường đời, lòng chí thành chơn thật là tánh chất căn bản cần phải có để con người đối đãi nhau thuận hoà thân thích. Nếu thiếu lòng chí thành, con người chẳng khác chi tìm đến bờ mê, giục sự giả dối, thoã nét tánh tà, tìm đến sự ngăn cách giữa người với người, tìm đến xảo trá gian tham, muôn điều chồng chất.

Cửa thế gian rất cần lòng thành thật của con người đối đãi với nhau thì mới mong có hạnh phúc, xã hội hoà bình, thế giới an tịnh. Vì khi con người có lòng thành với nhau, chữ tín được vẹn giữ thì dù có đối diện với bao nhọc nhằn khó khăn, con người vẫn cảm thông chia sẻ với nhau trong niềm tin trọn vẹn.

Cửa Đạo lại cần con người cần có lòng chí thành gấp nhiều lần vì lòng chí thành là cơ mầu nhiệm của Đạo. Vì lẽ đó, trong Kinh Niệm Hương có câu “*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*”. Sự thành thật chí chơn vốn có tại tâm, chỉ có con người không muốn hay muốn ứng dụng trong đời sống đạo hay không mà thôi.

Đức Chí Tôn lại dạy:

“Các con phải biết Đạo gốc bởi lòng bác ái và chí thành... Còn chí thành là mỗi việc đều lấy lòng thành thật mà đối đãi trong Đời và trong Đạo. Dầu kẻ phú quý bực nào đi

nữa mà không có lòng bác ái và chí thành thì không làm chi nên việc”.

Cho nên, lòng chí thành là điều kiện cần và đủ để người đạo tiến bước trên con đường đạo. Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung lại dạy:

“Người hành đạo cần phải có đức chí thành, tôn chỉ Đạo mới đăng quang minh chánh đại, rồi hơn đó mới đăng lòng tín nhiệm của chúng sanh. Khi tụng kinh cầu nguyện, khẩn vái với Trời Phật, nếu đăng chí thành mới có cảm”.

Thực vậy, người cúng kiếng dụng kinh kệ văn tự để trau dồi tánh đức, mài giũa chơn tâm, cầu xin các Đấng Thiêng Liêng ban bố điển lành để tâm được khai, trí được mở. Nếu không có cảm thì việc cúng kiếng, cầu nguyện hoá ra vô ích.

Cổ nhân có câu:

“Hữu thành tất hữu thần” [Tạm dịch: có lòng thành thật tức có thần minh chứng giám].

Các Đấng Phật Tiên không phải chỉ chứng giám với người văn hay, chữ giỏi, lão thông kinh kệ, mà chỉ chứng với những ai có lòng thành kính mà thôi. Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa giảng:

“Chúng ta vẫn biết rằng Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng chú-trọng nơi tâm thành, và chỉ lấy Tâm là quý”.

Cửa từ bi cốt đưa người tục hồi nguyên chốn động đào. Ngặt nổi, thế gian là nơi khảo thí và trả nghiệp tiền khiên đối với các đấng chơn hồn. Vì vậy, duy chỉ trả hết oan nghiệp, nghiệp trái, tạo phúc đức thì Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu mới có thể rước ta về nơi hằng sống. Để trả lời cho câu hỏi *“con người có thể trả nợ hết trong một kiếp”*, Ngài Hồ Bảo Đạo lại giảng *“Tấm lòng chơn-thành quyết chí trọn vẹn hy-sinh đã bao trum hết, và nếu quả quyết làm đúng theo vậy, thì quyền Thiêng-Liêng sẽ cho trừ hết nợ trong một kiếp”*.

Tóm lại, chẳng có hành tàng thế gian nào có thể khoa lấp được quyền năng vô tận của luật pháp thiêng liêng. Duy chỉ có tác chí thành đưa con người đến cánh cửa chí thiện, chí chơn, chí mỹ, làm đẹp lòng Thầy Mẹ mà thôi.

67. LỜI CHỨNG NGHIỆM TRƯỚC SỰ QUY THIÊN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Là một môn sinh của nền Đại Đạo, ai cũng biết Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là ai, Ngài đã mang sứ mạng gì trong Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài đã thực hiện con đường như thế nào để mở nền tân tôn giáo phù hợp với nhân tâm tân tiến. Sau khoảng 34 năm phụng sự Đạo, Đức Hộ Pháp triều thiên

tại Campuchia với biết bao tiếc thương, ngậm ngùi của toàn Đạo. Trước sự quy thiên im lìm nơi quê lạ đất người, thế giới đã nói gì, chứng nghiệm điều gì?

Chứng nghiệm là trạng thấy, biết, nghe, hiểu những hoạt động vô vi. Bà nữ đồng tử nổi tiếng người Pháp đã xác tín rằng toàn cõi địa cầu trong khối thần linh điều chứng nghiệm sự nhiệm mầu xảy ra khi Đức Hộ Pháp quy thiên. Bà ghi lại trong bài Chứng Nghiệm, đăng trên báo Le Lien des Cercles d'Etudes số 4 tháng 5-6 năm 1959, xuất bản tại Paris, được dịch ra sau đây:

*“SỰ QUI THIÊN CỦA VỊ GIÁO CHỦ HOÀN CẦU
CỦA ĐẠO CAO ĐÀI: HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC.*

*Để liên hiệp tất cả đệ tử Thần Linh thế giới,
Chúng ta hãy than khóc, nhưng vẫn hy vọng!
Hỡi các đệ tử Thần Linh Tây phương!
Đối với anh chị em ta bên phương Đông và Viễn Đông,
chúng ta có bổn phận là hiệp tinh thần trong việc hợp tác
huynh đệ để tìm biết về vô hình.
Một tiếng nói trên không trung nói với tôi:*

*"Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì
đạo đức là một tình thương yêu cao cả và tình yêu này chỉ là
một với tình yêu cả hơn loại lẫn vũ trụ.
Tiếng nói ấy là tiếng nói nào mà nó thoát ra ngoài vật thể và
nó ở ngàn chỗ trên thế giới địa hoàn để cho tâm hồn yên*

lặng và mở rộng đều có thể nghe được, dầu họ ở phương Đông cũng như phương Tây, hoặc ở phương Bắc, cũng như phương Nam, họ chờ đợi tiếp nhận những lời Thánh giáo giống nhau, trạng tỏ rõ sự thỏa hiệp của tâm hồn.

Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc vừa qui Thiên ngày 17 tháng 5 năm 1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên) tại Chùa Tual Svay Prey, ở hộ đệ ngũ thuộc Châu thành Nam Vang...

Đúng giờ đã định, những vị Thiên Thần cầm cây tàn vàng tới đón rước Ngài, và các Hung Thần bị xua đuổi ra xa tít, họp thành một làn đen xa thẳm, như đóng khung không hện mà nên cho một cảnh giới thiên nhiên càng mở rộng thêm mãi.

Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc Thiên phục đỏ, lớp Thiên phục xanh dương, lớp nữa Thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn mặc Thiên phục trắng.

Những vị Thiên phong sắc phục trắng nói rằng: Tiết độ là mối tình thương yêu làm chúng ta gìn giữ trong sạch những gì mà chúng ta yêu mến.

Những vị Thiên phong sắc phục xanh dương nói: Thận trọng là mối tình thương yêu, phân biệt điều gì đưa đẩy chúng ta đến chỗ thiện và điều gì có thể lôi kéo chúng ta đi xa chỗ thiện.

Những vị Thiên phong sắc phục vàng lúc bấy giờ nói: Công bình là tình thương yêu đặt chúng ta vào con đường phục vụ cho tình bác ái.

Sau chót, những vị Thiên phong sắc phục đỏ cũng tuyên bố: Dũng lực là tình thương yêu giúp ta đảm nhiệm mọi khó khăn cho cái gì chúng ta yêu mến.

Bốn lớp người nói xong thì tiếng nói của Đấng Thượng đế, tiếng nói ở trong Tâm của mỗi người, dầu ở Thiên giới hoặc Địa giới, hay ở Trung giới, tiếng nói ấy đã phán:

"Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng đế."

Ngày 17 tháng 5 năm 1959, hồi 7 giờ, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người Nam Nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên.

Nữ Đồng tử Sarah Barthel 20 đường Alibert, Paris Xème.

Qua bài chứng nghiệm của giới Thần Linh Học, chúng ta đã thấy Đức Hộ Pháp đã hoàn thành sứ mạng đặc biệt mà Đức Chí Tôn giao phó. Điều đó làm cho tín đồ Cao Đài càng sùng ngưỡng Ngài một cách cao cả, đầy quyền năng. Chúng ta tin rằng, Đức Hộ Pháp vẫn đang dõi mắt về lá cờ Đại Đạo và điều hành cơ đạo cho hợp với thiên thời.

68. CON ĐƯỜNG DUY TÂM

Nếu con đường duy vật hướng con người về thế giới vật chất, xem vạn vật hữu hình là căn bản bao quát cả đời sống con người, đặc biệt xem những giá trị tinh thần tâm linh là sự sáng tạo của trí tuệ đi từ vật chất, xem cái chết là hết; thì ngược lại con đường duy tâm chấp nhận thế giới vật chất trong tính tương đối, xem vạn hữu là sản phẩm tâm linh, xem những tinh túy tâm linh là thức ăn, là cầu nối dẫn đưa con người trở về thế giới siêu hình vô vi, xem cái chết chỉ là mắc xích để con người bước sang giai đoạn khác, nhìn nhận thuyết nhân quả luân hồi với sự tồn tại bất diệt của linh hồn, tái sinh trong đời sống mới, tin có thăng và đoạ, tin có Phật Tiên ngự trị cõi vô vi và hữu hình đưa tay cứu độ chúng sanh vào bờ giác ngộ, tin tưởng có Đấng quyền năng sáng tạo ra cả càn khôn, đó là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đấng Chí Tôn hằng hữu, tức là nguồn sống của vạn vật, thống trị, điều hành và trưởng dưỡng muôn loài trong cơ tiến hoá.

Đời sống duy vật bất cần giá trị tâm linh, có chăng giá trị tinh thần chỉ là hình thái tư tưởng nhằm thoả mãn cái sống

hữu hình, làm màu sắc hoá, phong phú hoá cái sống duy vật. Duy vật khẳng định sự thăng đoạ của linh hồn hay quyền năng điều khiển hữu hình chỉ là huyền mà thôi. Chính cái định thuyết cho rằng cái sống là căn bản và tự diệt sau hơi thở cuối cùng, làm cho đời sống nhân loại bị quan hơn, khát máu hơn, tàn ác hơn vì danh vọng, tiền tài, địa vị, vì chén cơm manh áo để rồi cả quả địa cầu đi đến cánh cửa duy diệt duy chỉ bằng một quả bom nguyên tử. Có phải vì khát máu, có phải tự vệ mà con người dụng cái trí tuệ siêu nhiên đào hố tử cho cả nhuman loại chăng? Đó có phải kết quả của chủ thuyết duy vật chi phối đời sống con người, thiếu tình thương, thiếu nhân bản chăng?

Ngược lại, đời sống duy tâm hiện thực hoá cái sống hữu hình, nghĩa là chén cơm manh áo là “cái đạo hiện thực” nhưng trong cái hiện thực đó, có chứa tinh thần duy tâm, tin có sống và chết, chết rồi tái sinh, tin sự thăng đoạ linh hồn sau khi chết do kết quả hành vi hữu hình của con người. Duy tâm lấy Từ Bi, Hỷ Xả, Bác Ái, Công Bình làm gốc cội. Lấy cảnh giới thiêng liêng là mục tiêu cho sự thúc liễm thân tâm, điều hoà thần trí. Lấy cái hữu tìm cái vô, đưa cái vô vào cái hữu để hiện thực hoá đời sống tu tập, dưỡng sanh đến sự thăng hoa ngay chính đời sống hữu hình hoặc sau khi bỏ xác.

Tóm lại, con đường duy tâm lấy tinh thần làm chủ, lấy vật chất làm phương tiện phục vụ cho đời sống tâm linh theo quy luật tự nhiên. Sống với vật chất, mượn thi hài để tu

đưỡng tâm tính hầu tìm về cái sống vô vi thanh thoát an nhàn.

Thi:

*“Có cơ có thể có tinh-thần,
Từ đây Thần, Tiên dễ dựng gân.
Đưỡng tánh tu tâm tua gắng sức,
Ngày sau toại hưởng trọn thiên-ân”*
[Thi của Đức Chí Tôn -20-12-1925]

69. TÌNH THỨC

Trời giông bão u ám, tâm hồn con người cũng ưu tư khắc khoải trong từng nhịp sống bộn ba. Dù là ánh nắng, hương thơm vị ngọt của hoa trái tỏa ngát nhưng con người đượm một nét suy tư triền miên trong những chuỗi ngày dường như vô thức, vô cảm vì nỗi lo toan cuộc sống mưu sinh, vì những toan tính về phương giải khổ, lánh xa ưu phiền của cuộc đời. Không phải là một mệnh đề mà chỉ là một câu hỏi xuất hiện ra từ ấy: *“cuộc sống có ý nghĩa gì?”*. Chính vì nỗi khiếp sợ đau khổ mà có sự trốn chạy nổi cay đắng nghiệt ngã, sự ly biệt đời sống thường hằng, sự khép kín của tâm thức mong về ngộ thức nội tâm. Nhưng chúng ta đã sai vì sự trốn chạy đó. Vì sao? Vì chỉ những tâm hồn nào đón nhận sự u ám của cuộc đời bằng niềm vui thực sự mới có thể thấy và cảm thụ được cái thi vị của cuộc sống con người và từ đó mới dám thân đi tìm ánh sáng chân lý mà gọi rửa

tục trần, tìm về bản ngã chơn như bất diệt. Và chỉ khi ấy, chúng ta mới có một sự tỉnh ngộ thực sự.

Đôi khi con người chúng ta thường lầm tưởng trong đời sống thường hằng, trong ý thức cuộc sống và trong ý niệm của tâm thức thường có sự thay đổi đột ngột của tâm thức theo chiều hướng thuận cho con đường tiến hoá và chúng ta xem là một bước thăng hoa lĩnh ngộ được triết lý giải thoát. Những suy nghiệm đó trong tâm hồn như là một sự đại khờ vô thức, một sự im lặng vô bờ bến của tâm, một sự nín lặng dồn nén vô cảm. Ta thấy ánh bình minh tỏa xuống trong cái nắng ban mai thì hoa rực sắc hương nhưng hoàng hôn chợt đến trong nắng chiều thì cánh hoa kia như phai nhợt sắc hương. Ý niệm, cảm nghiệm suy tư bùng nổ trong một minh triết nhân sinh, trong một chủ nghĩa cứu cánh cũng như hoa kia trong cái nắng bình bình và hoàng hôn. Vì huyền không của tâm thức chưa là gì cả, chưa phải là một sự tỉnh thức trong Pháp nhiệm mầu của Đạo. Suy nghiệm trong hư không tịch lặng phải vĩnh viễn là nó, nó không thể là cái biến tướng của xúc cảm trần thế đầy rẫy bụi trần. Để nó là nó thì nó không cần được bao phủ bởi lớp của hình tướng mang dáng vấp của sự tỉnh ngộ. Cái dáng vấp ấy chỉ là huyền hoặc làm cho con người lầm tưởng bóng dáng của tri ngộ viên minh.

Nó chỉ là nó một khi nó hoà hợp vào cuộc sống, dấn thân vào cuộc đời, làm phương tiện cho đời, làm điểm tựa cho sanh chúng nương náu, làm một giọt nước Từ Bi rửa

sạch bợn nhơ trong cuộc đời, là giọt nước làm tha nhân tỉnh thức sau giấc mộng hồ điệp mê man. Sự mặc niệm hư không trong tâm thức chính là “Nó”. Dĩ nhiên không có dung dị cho bất cứ một tạp niệm nào trong cái gọi là trường cửu vĩnh hằng-một sự thoát ly hằng sống. Một khi tâm thức còn bận rộn chao đảo vì một lý do nào đó thì cái “Nó” chỉ là bóng dáng của tỉnh ngộ mà thôi.

Trong cái lẩn quẩn của kiếp sanh, trong trường khổ hận, trong luân hồi nhân quả, thiết nghĩ chỉ có tâm thức ý thức được sự ly biệt bức màn của đời nhưng vẫn dấn thân vào tuồng đời, nhập tâm vào vai trò phận trách mà thực thi rất ráo như là một phương tiện phục vụ cho đời. Từ cái tâm thức đó tạo ra một hình tư tưởng vọng về ánh sáng thiêng thiêng, ánh sáng thuần khiết của Đạo mà tạo dựng được cái hạnh phúc trường cửu qui nguyên. Một khi đã có ý thức hoàn toàn giá trị tỉnh thức ấy thì chúng ta mới thấy, hiểu và nhận biết con đường thiên lý để rồi đọc và hoà cái âm thanh vi diệu của tâm thức vào chú Ngũ Nguyên Đại Đạo như sự hoà quyện thuần khiết của Lễ, Nhạc, Đồng Nhi thành một bản thể duy nhất dâng lên hai Đấng Chí Linh: Hoàng khai Đại Đạo, Phổ độ chúng sanh, Xá tội đệ tử, Thiên hạ thái bình, Thánh thất an ninh.

Trong cái sâu lắng của tỉnh thức, những đứa con trung tín của Đấng Cao Đài phải thực hiện con đường hoàng khai Chánh Pháp Đại Đạo, vinh danh Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu trương cây cờ cứu khổ trong vạn quốc năm châu, đem

ánh sáng đến nơi nào còn bóng bêm của tăm tối u mê, làm lạc (Nhất Nguyên); phải ý thức hoàn toàn được nguyên lý hoà hợp bất khả ly giữa hai yếu tố “*tự giác*” và “*giác tha*”, nghĩa là ngoài việc bản thân thường chiếu soi rọi chơn tâm để sống tỉnh thức mà còn khai hoá, tỉnh thức kẻ đồng môn, đồng loại tức phổ độ sanh chúng (Nhị Nguyên); phải thấy cơ cứu độ kỳ ba mà nguyện xin Phụ Mẫu Thiên Liêng ân xá tội tình cho bản thân và chúng sanh (Tam Nguyên); nguyện đem cây cờ Đạo tức là cây cờ cứu khổ treo khắp hoàn cầu để đem lại an lạc Nghêu Thuấn thái bình (Tứ Nguyên); tạo dựng Thánh Điện để vĩnh sùng, tôn vinh nguồn suối Thiên Liêng bất tận (Ngũ Nguyên). Khi đã thấm nhuần triết lý đại đồng, khai mở tâm thức bằng mọi hình thức tu học, dấn thân hoàn toàn vào con đường thiên lý tức là chúng ta đã xoá bỏ hẳn khỏi các phạm trù và khái niệm phân biệt “*ta*” hay “*tha nhân*”. Thời khắc ấy hẳn chỉ còn lại là sự cộng hợp của Tình Yêu, còn lại âm thanh rung động của các nhạc cụ hoà tấu trong bản hoà ca vi diệu, còn lại được cái ý thức tinh tế của tỉnh thức.

Chúng ta, những con người đang khát khao cháy bỏng sự khai ngộ tâm thức, xin hãy bật dậy bằng tất cả lý trí sáng suốt tinh anh, bằng nguồn sống bất tận, bằng niềm tin sùng chánh, bằng ý thức phản tỉnh minh triết của đời sống tu học, bằng những điều kiện khả để thể phục vụ cho nền Chơn Pháp Đại Đạo, truyền bá chủ nghĩa yêu thương khắp cả hoàn cầu. Rồi đây, lá cờ Đại Đạo sẽ tung bay trong bầu trời trong ánh nắng bình minh, trong những cặp mắt yêu thương, trong

những giọt nước mắt sung sướng vì tỉnh thức. Tỉnh thức vì tha nhân, vì công cuộc khai truyền hướng nền Đạo Trời đến chỗ tận thiện, tận mỹ. Phục vụ cho tha nhân chính là tỉnh thức. Và rồi công cuộc phục nguyên Chánh Giáo mau hay chậm là tùy vào tâm thức, tùy vào công trình của chúng ta, của những hành giả đang trên con đường tâm phương giải khổ để trở về chôn cũ quê xưa, trở về mái nhà vĩnh viễn của bất sanh bất tử.

Chúng ta phải chánh nguyện và thành kính trang nghiêm thanh tịnh dâng lên cho Đấng Chí Linh Tam Bảo: thể xác giả tạm phù du để phục vụ cho công cuộc hoằng khai Chánh Pháp Đại Đạo; trí não đầy niềm tin xác tín để khai hoá, phục vụ cho vạn loại trên con đường tiến tu; và tâm hồn trọn vẹn thánh chất mà Đức Chí Tôn đã ban cho chúng ta tự thuở nào. Chúng ta cần quỳ dưới chân Đấng Thượng Đế mà làm lễ hiến Tam Bửu và xin nguyện hứa với Đức Chí Tôn rằng Tam Thể Xác Thân này chúng con xin trau gửi lại cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu với lòng tỉnh thức vọng về con đường Chơn Pháp Đại Đạo, với tâm thánh đức sùng tín trọn vẹn.

Đó là con đường sùng tín, dâng Tam Bửu, là bí pháp giải thoát mà Đức Hộ Pháp thường nhắc trong các bài Thuyết Đạo, được lặp đi lặp lại nhiều lần.

70. QUỶ MỊ

Bất kỳ điều chi cũng đều có hai trạng thái đối nghịch, vì nó là nguyên lý hình thành sự vật, hiện tượng, làm rõ nét, để chúng ta biết rằng nó đang tồn tại sinh động theo bản chất của nó. Sáng tối, ngày đêm, đục trong, tốt xấu, thiện ác, trên dưới, trong ngoài, âm dương, trái phải, nên hư, chánh tà... Cái này là nền tảng, biểu hiệu để con người nhận biết cái kia. Cũng vậy, hễ có chánh thì có tà. Tà mị là phương thuốc làm thanh lọc, tô vẽ lên cái chánh vì chỉ khi có cái tà mị hiện diện thì chúng ta mới biết cái chánh tồn tại một cách đẹp đẽ. Hình thái của tà mị hiển hiện như thế nào?

Đức Chí Tôn khi khai Đại Đạo, Ngài đã tuyên ngôn;

“Ngày nay, Đạo đã khai tức là tà khởi” và “Quy Vương là tay diệt hoá”. Vì vậy, khi ánh sáng chơn đạo ra đời nhằm cứu vớt chúng sanh thì bóng tối tràn lan khắp nơi để khảo duyệt nhơn sanh, dẫn dắt vào vòng hắc ám.

Trong cõi vô vi, Quỷ Vương phá cơ lập pháp. Bằng có Đức Chí Tôn giảng:

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôî ÂmTự lập pháp "Tam Kỳ Phổ Độ" Quỷ Vương đã khởi phá khuấy chơn Đạo đến danh Ta nó còn mượn, duy ngai Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi” [TNHT. Q.I].

Tại cõi hữu hình, quý mị lại thị hiện qua các đàn cơ mà lập bàn môn tả đạo, chuyển hiệp Tam Thập Lục Động đổi danh thành Tam Thập Lục Thiên để giả danh hiệu Phật, Tiên mà lừa gạt nhơn sanh.

Ngoài hình thái tạo bàn môn qua cơ bút, quý mị còn mang thân người mà rù quyền, cám dỗ con người sa vào vòng tăm tối, xa mỗi đạo chơn mà lọt điểm thánh tâm, lìa thuyền giác, bơi tới bến mê. Thầy dạy:

“Trong "Tam Thiên Thế Giới" còn có quỉ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là "Thất Thập Nhị Địa" này sao không có cho đặng” [Trang 69-Q.1]. Ấy là định luật bất dịch, là *“Những muru quỉ quyết ấy do lệnh của Thầy dùng để thử”* con người [Trang 34-Q.1].

Tuỳ theo cái yếu điểm nào của mỗi con người mà quý mị đến với phương diện đó mà dụ dỗ. Vì như người tham tiền, tham danh vọng, địa vị, quyền thế...mà chúng nó sẽ đến để cám dỗ. Nên quý mị hiện trong muôn đường vạ nẻo để ngăn bước đường tấn hoá của con người. Đó cũng là bài thi khảo duyệt để phân định thắng thua, đậu rớt của mỗi sĩ tử trên bước đường hồi hương.

71. TÍNH HỮU NGÃ VÀ VÔ NGÃ CỦA THƯỢNG ĐẾ

Thượng Đế là Tâm của càn khôn vũ trụ, là nguồn sống linh thiêng nhiệm mầu thuần nhất, luôn vận hành, bàng bạc khắp nơi, bao la không cùng tận, hiện diện trong những sự sống nhỏ nhất, cho tới tinh cầu địa tú, đến cả cơ thể sống của guồng máy tạo đoan, trong không gian, trong thời gian, luôn trôi chảy không ngừng vĩnh cửu. Có hay không, hữu hay vô cũng là bản thể của Thượng Đế linh diệu, soi khắp cả cơ tạo trong hai trạng thái động tịnh song hành. Khi tịnh thì vô ngã, khi động thì hữu ngã. Dù hữu ngã hay vô ngã, sự tồn tại của hữu ngã hay vô ngã ấy vẫn là sự sống vĩnh hằng bất biến, là nguồn sống tiên khởi, là ánh sáng đại hồn, tạo thành vũ trụ âm dương luân chuyển từ không ra có, từ có trở về không, tuần hoàn theo bánh xe pháp.

Thái Cực động mới phân làm Lưỡng Nghi Âm Dương, tạo thành cơ quan sản xuất đầy quyền năng sáng tạo. Từ cái động hữu ngã Âm Dương bàn bạc, mới có sự biến xuất ra Vạn Linh hữu ngã đồng thể với tánh linh Thái Cực. Cái động hữu hình kết hợp cái tịnh vô vi tạo hình thể sống trên bước đường tấn hoá của mỗi linh căn. Từ đây, ta thấy cái sống hữu ngã hữu hình phải hữu sanh nên hữu hoại, tức là tồn tại theo chu kỳ, theo giai đoạn mà tái luân. Trong khi đó, vì cái sống vô vi phải rọi vào cái sống hữu ngã giới hạn nên phải trải qua các giai đoạn hữu vô liên tiếp. Khi có sự kết hợp thuần nhất giữa cái sống hữu hình và cái sống vô vi thì nó là “*hữu*”. Khi nó lìa khỏi cái sống hữu thể thì nó hườn về

trạng thái “vô”. Cho nên, dù trong trạng thái hữu hay vô thì tiểu linh quang kia vẫn là sự sống bất hoại, chiết từ Đại Ngã của vũ trụ.

Theo triết thuyết Phật Giáo, chơn lý vô ngã luận rằng không có bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào tồn tại vĩnh hằng, bất biến mà chúng hiện hữu do duyên sinh và hợp trong tùy điều kiện tương tác. Nên theo ý niệm của Phật Tông, sự hiện hữu của cái ta hoàn toàn không có mà chỉ là tập hợp các nguyên tố theo duyên sinh và tự tan rã khi các nguyên tố phân ly. Thực ra, cái đặc tính trong thuyết “vô ngã” trong Phật Giáo ám chỉ tính vô thường của sự vật hiện tượng thuộc sắc giới. Một điểm trọng yếu của chủ thuyết này nhằm phá chấp, đánh tan màn vô minh của chúng sanh để trở về chơn ngã thuần nhất. Phật dạy “*Vô ngã là Niết Bàn*”. Cái trạng thái vô ngã mà sống động tồn tại trong một cái hữu Niết Bàn chính là cái Ngã bất diệt linh diệu của Phật Tánh chơn như đã cởi bỏ đi “*hữu ngã*” phàm gian.

Dưới cái nhìn của đạo Cao Đài, hữu ngã là cái sống huyền diệu trong cái gọi là vô ngã. Trở về vô ngã để thấy cái hữu ngã diệu dụng, bất sinh, bất diệt hằng sống. Cho nên, “*hữu*” và “*vô*” chỉ là ngôn từ thế gian để tả cái có bất diệt đang vận hành trường lưu không cùng tận. Thượng Đế im lìm, không làm gì cả thì Ngài vô ngã. Ngài làm cho vạn linh thì Ngài hữu ngã. Tuy nhiên, Ngài không làm gì cả nhưng Ngài làm tất cả, nên hữu và vô là trạng thái của một hữu thể linh diệu. Chúng sanh là những phần tử bất khả ly của Ngài

nên trong Cao Đài, Thượng Đế phán dạy: “*Thầy là các con, các con là Thầy*”.

72. CÔI TA BÀ

Về ngữ vựng, côi sa bà hay ta bà xuất phát từ chữ Phạn Ngữ “*Samsara*”, được phiên âm là “*Saha*”, âm Hán đọc là “*sa bà*” [娑婆], người Việt quen đọc thành “ta bà”. Về ngữ nghĩa, *Samsara* nghĩa chuyển thể sang Hán tự nghĩa là “*kham nhẫn*” tức là ráng chịu đựng. Tính chất này ám chỉ cảnh giới trần lao chứa đựng những đặc tính vô thường, huyễn mộng, hư ảo, không thật và chứa đầy phiền não vì tham sân si dẫn đưa chúng sinh lăn trôi trong vòng lao lung tứ khổ. Nhưng nếu chúng sinh sống trong côi ta bà, có nghị lực thù thắng vượt lên trên phàm tình, thì có thể tạo được quả duyên thanh cao đáng trọng, trở về nước hằng sống.

Nếu Cực Lạc là nơi tiêu dao tự tại, là lạc cảnh, hằng sống, bất tiêu, bất biến thì côi ta bà là nơi ràng buộc, là đọa cảnh, hữu hoại, dễ tiêu, dễ biến vì tính chất bất toàn mà tôn giáo gọi là quán trọ. Chúng sinh là khách trần chỉ tạm lưu trú trong vài mươi năm trong những vai tuồng ngắn ngủi để học những bài học trần gian, bài học tấn hoá, rồi thay đổi lớp áo. Hơi thở cuối cùng của kiếp sống phù du, tạm bợ, mong manh là lúc màn kịch kết thúc, chúng sinh về với bản nguyên vĩnh hằng.

Theo Phật Học, cõi sa bà không chỉ là cõi chúng sinh đang sống mà bao gồm luôn Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới dưới sự giáo độ của Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật. Chung quy, cõi này chứa những chướng ngại khôn lường làm cản ngăn, thối chí bước đường tấn hoá của chúng sanh.

Tam Kỳ khai mở, Ân Xá Tận Độ rưới chan, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đến qua huyền diệu tiên bút để giáo hoá nhơn sanh. Đức Ngài dạy rõ:

“Phải hết muôn sự ở cõi trần vô vị này, ấy là một sự khó thi hành của khách phàm tục; mấy ai nông-nã tìm đến cảnh Thiêng-liêng mà nhiều kẻ lại tìm vào vực thẳm” [TNHT Q.I].

Tuy nhiên, Đức Chi Tôn vẫn cam kết với con cái Ngài, nếu ai ngộ một đời tu hành thì vẫn có thể trở về cùng Ngài. Ngài xác nhận:

“Trời Nam may dựng một yển sáng của Đấng Đại-Từ-Bi dẫn khách trần bước lần ra con đường hắc ám, để tránh khỏi bến mê; dựng nầu sông thế cân đai, mượn khổ tâm thay chung đỉnh, lấy hạnh đức làm nấc thang bước lên tột lừng trời, vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên-nhiên, biết rõ cơ mầu nhiệm mà làm khách u-nhàn thanh nhã, núi thẳm rừng xanh” [TNHT Q.I, thánh cơ 1927].

Cho nên, con người cần vén con đường hắc ám, lìa bến mê, bỏ nét cân đai, xa mùi chung đỉnh mà tìm về áo nâu sòng, bước lên bậc thang tấn hoá, tìm cảnh u nhàn, thanh nhã hầu chèo con thuyền giải thoát khỏi bến bờ sinh tử.

Tóm lại, cõi sa bà là nơi sâu muộn, là giả cảnh, là trường thi tấn hoá cho các đẳng chơn hồn tu tiên hầu tương công chiết tội, là nơi lập ngôi vị thiêng liêng hằng sống.

73. CHẴNG CẦN CHI CON LO LẬP THÁNH -THẤT CỦA THẦY VÀ SÙNG TU PHẬT TƯỢNG CHI HẾT

Bất kỳ tôn giáo nào cũng có hai yếu tố: Bí Pháp và Thễ Pháp. Nếu Bí Pháp là “*thể*” thì Thễ Pháp là “*dụng*”. Thễ và dụng là đều là một, duy chỉ khác nhau về hình thái thị hiện. Thễ Pháp là phần quan trọng trong hình thể của một tôn giáo để các môn sinh nương vào tu tập tìm về Bí Pháp vô vi, có đời sống đạo đúng nghĩa.

Ngày nay, nền văn minh nhân loại đạt mức cực điểm, con người phát hiện ra những nguyên lý biến dịch của Trời Đất mà chế biến nhiều công cụ tân tiến, tạo ra một nền kinh tế cực thịnh. Song hành đó, việc truyền giáo của các nền tôn giáo cũng vì lẽ đó mà mở rộng bằng việc kiến tạo những ngôi đình đền nguy nga, diễm lệ. Trong việc truyền giáo, ngoài việc thuyết giảng giáo lý nhằm thức tỉnh con người biết “*đời là cõi tạm*” thì chùa chiền cũng là phương tiện khơi

gọi, thức tỉnh con người tìm về Bí Pháp giải thoát. Bí Pháp là cơm, Thể Pháp là chén chứa cơm. Nên dù không có Thể Pháp, cơm vẫn là cơm không hơn không kém. Tuy nhiên, Thể Pháp hữu hình giúp cho con người dễ dàng tìm về thánh chất, gạt giả tìm chơn, mượn hữu hình tìm lẽ vô vi, ngó Thể Pháp tìm Bí Pháp. Cho nên, việc tạo dựng những Thánh Thất...rất cần thiết cho đoàn hội có phương tiện chung chia, tương thân tương ái, dung hoà tâm lý, nâng đỡ tinh thần, thực thi nhân nghĩa, mở rộng từ bi, nương lá bồ đề mà anh em cùng làm đẹp lòng Đức Đại Từ Phụ, Đức Đại Từ Mẫu.

Đức Chí Tôn từng dạy: *“Chẳng cần chi con lo lập Thánh -Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bốn nguyên "Bảo Sanh" là bốn nguyên "Thánh chất Thầy”* [TNHT Q.2, trang 6].

Thiền nghĩ rằng, ngày nay các Thánh Thất khắp nơi trong và ngoài nước đều đua nhau tô vẽ, làm rạng danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cũng là minh chứng cho khía cạnh đức tin con người nơi Đấng Cao Đài cũng như phương diện truyền bá, độ dẫn nhơn sanh vào cửa đạo. Tuy hình thể được khuếch trương, tô vẽ bề ngoài tức là *“sùng tu Phật Tượng của Thầy”* nảy nở nhưng đạo tâm con người chưa được nâng lên xứng tầm với mức độ phát triển hình thể. *“Lượng”* tăng bao nhiêu thì *“chất”* cũng phải tăng bấy nhiêu. *“Chất”* là *“Bốn nguyên bảo sanh là bốn nguyên Thánh Chất Thầy”*. Nên công trình *“Phật Cốt”* mỹ miều nhưng đâu đó thấp thoáng tiếng kêu gào của đói nghèo, của cô thế, khắc khổ, tù

túng thì sao môn sinh có thể tĩnh tâm giữa đèn thờ nguy nga tráng lệ? Làm sao chúng ta có thể thực thi trọn vẹn vai trò “*bảo sanh*”, nâng niu “*thánh chất*” mà trương cây cờ Đạo như Đức Đại Từ Phụ hằng mong mỏi?

74. TÀNG THỨC

Tàng thức là một danh từ được sử dụng nhiều nhất trong Phật Giáo, ám chỉ hình thái tồn tại của tâm thức, là một thức căn bản. Có nhiều tên gọi khác nhau phụ tùy vào công năng của nó như năng tàng, sở tàng, ngã ái chấp tàng, nhứt thiết chủng thức. Đạo Cao Đài gọi đó là chơn thần.

Đức Chí Tôn dạy:

“Chơn thần là nhị xác thân, là xác thân thiêng-liêng”

[TNHT Q.1 trang 6].

Đức Phật Mẫu biến tạo ra chơn thần huyền diệu, bất tiêu, bất biến vì chơn thần có sứ mạng điều độ đệ nhất xác thất và kết thông với chơn linh để đoạt cơ giải thoát.

Chơn thần là tàng thức ghi nhận chuỗi diễn biến từ khi sinh ra cho đến khi thoát xác như cái máy thu âm hình trong muôn ngàn kiếp. Tất cả mọi hành tàng của con người đều được ghi nhận một cách huyền diệu. Máy vật chất có thể rỉ sét, rồi đũa, đứng hình và tiêu huỷ trong thời gian nhất định nào đó, còn cái máy thiêng liêng kia thuộc về Pháp vận hành, điều đình cả guồng máy Tạo Đoan. Cho nên, dù hành tàng

con người trong vô lượng kiếp, trong bóng tối, trong neo khuất nào đó thì Trời đều biết đặng. Cổ nhân có câu:

“*Thiên vông khôi khôi, sơ nhi bất lậu*” [Tạm dịch: Lưới Trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt] hay “Nhơn tâm sanh nhất niệm, thiên địa tất giai tri” [Tạm dịch: Con người khởi một ý niệm, trời đất đều hay biết]. Và chẳng, chơn thần là một “*pháp tri*” của luật pháp thiêng liêng.

Trong lịch sử con người, khi luận chứng về tàng thức, các Thánh Hiền cũng xác tín rằng khi có cái gì đó gọi là “*ta*” [ngã] thì có các sự vật, hiện tượng khác tạm gọi là Pháp. Nếu soi diện theo triết lý Cao Đài, ta tạm nhận định như sau: Tam bửu con người gồm Tinh Khí Thần tương ứng với Phật Pháp Tăng. Tàng thức tức chơn thần thuộc về Pháp, Thần tức Chơn Linh thuộc Phật. Cho nên, Pháp trên kia được sử dụng như một quy luật tương tác, sinh biến, chi phối trong guồng máy thiên nhiên của Tạo Hoá. Còn Pháp [Chơn thần] phần ngã của con người chi phối cái hành tàng sống của đệ nhất xác thân. Dù phân biện theo góc độ nào, Phật Giáo gọi tàng thức là A-lại-da-thức ghi nhận, chứa đựng, bảo tồn những chứng nghiệm toàn bộ nghiệm ý niệm, hành vi của con người trong vô lượng kiếp mà Cao Đài gọi là Chơn Thần, là Thần Công Lý, là phương tiện kết thông cùng cả chơn linh huyền diệu vậy, làm rung động cả cơ quan điều hành vô vi.

75. KỶ NIỆM ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM TRIỀU THIÊN

Ngày ngày 01 tháng 03, kỷ niệm Đức Cao Thượng Phẩm triều thiên, tưởng nhắc lại một vài dấu ấn quan trọng về Đức Ngài trong nền Đạo hẳn không phải là thừa.

“Thượng Phẩm là người thay mặt cho Hộ Pháp, phải tòng lệnh Hộ Pháp mà hành chánh. Hễ bước chơn vào cửa Đạo thì phải có Thiên phẩm, mà hễ có Thiên phẩm rồi thì Thầy lại đem lên cho tới Thượng Phẩm mới trọn nghĩa câu Phổ Độ.

Các chơn linh, dầu nguyên nhân hay là hóa nhân, đều nhờ Thượng Phẩm gìn giữ binh vực cho ngôi đặng an ổn địa vị mình, giúp đỡ cho đức hạnh trỗi thêm cao cho khỏi phạm luật lệ, xem sóc ngôi thứ chẳng cho giành giựt lẫn nhau, ắt giữ cho Cửu Trùng Đài đặng hòa nhã, êm đềm, khép cửa Thiên môn, cấm đường không cho các chơn linh thối bước (Hay!). Phẩm trật nhờ người mà đặng thăng lên hay là bị người mà phải hạ.

Người nắm luật đạo nơi tay mà binh vực cả chư Chức sắc Thiên phong và các tín đồ, chẳng cho ai phạm luật, vừa lo cho người đạo hạnh lên cho tốt phẩm vị của mình.

Thượng Phẩm là chủ phòng cãi luật, làm trạng sư của tín đồ” [Pháp Chánh Truyền]

Như vậy, Thượng Phẩm lo về phần đạo, thay mặt cho Hộ Pháp và từng mạng lệnh Hộ Pháp để phổ độ nhơn sanh cho đến thiên phẩm tốt bậc.

Pháp Chánh Truyền nêu rõ thêm:

“Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo, dưới quyền có: Tiếp Đạo, Khai Đạo, Hiến Đạo, Bảo Đạo, lo về phần Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều xem sóc chư môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đặng”.

Thượng Phẩm có trách nhiệm coi sóc các tịnh thất, binh vực cả tín đồ đi trong luật pháp đạo, không cho thôi chí ngã lòng, làm trạng sư binh vực cho chư tín đồ trong cửa đạo. Thượng Phẩm tượng trưng cho cây cờ Đạo và là người của Cửu Trùng Đài ngự bên Hiệp Thiên Đài.

“Các Tịnh Thất đều về quyền của Thượng Phẩm cai quản. Cả tín đồ thì về phần người binh vực, chẳng cho ai phạm luật đến khổ khắc cho đặng. Các Chức sắc trấn nhậm mấy Thánh Thất phải do nơi quyền người tuyên bố, liệu lượng tài sức mỗi người mà chỉ định phận sự (công bình vậy).

Thượng Phẩm là cây cờ của Đạo. Hễ Đạo nơi nào thì Thượng Phẩm nơi ấy.

Thượng Phẩm đối quyền Chương Pháp bên Cửu Trùng Đài.

Hiệp Thiên Đài là luật lệ, mà Thượng Phẩm lại là chánh trị, ấy vậy, Thượng Phẩm là người của Cửu Trùng Đài nơi Hiệp Thiên Đài”

Về Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, tháng 07 năm 1925, Đức Ngài cùng Ngài Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang cùng ưu thời mẫn thế đã nghĩ về việc dùng phương pháp Thông Thiên Học, tọc mạch về cơ bút, tiếp cận thế giới người đã khuất để biết thực hư thế nào. Ban đầu, rất khó khăn và thất bại, nhưng ba Ngài không lấy làm chán mà tiếp tục, nhọc công tìm hiểu và khám phá. Đây cũng là ý chí kiên nhẫn, lại vừa là thiên ý vốn đưa tay cho ba Ngài hiểu huyền vi vô hình, làm thiên mạng sắp tới.

Khi đã bắt đầu quen dần với phương tiện thông công này, các vị thân bằng cho thi. Sau các vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung lần lượt đến cho thi. Bên cạnh đó, có Đấng A, Ẫ, Ầ giáng cơ đưa ra yêu cầu:

"Nếu muốn cho Bản đạo đến thường thì ba vị nạp mấy lời yêu cầu sau đây của Bản đạo:

- Một là đừng kiếm biết Bản đạo là ai.*
- Hai là đừng hỏi đến quốc sự.*
- Ba là đừng hỏi việc Thiên cơ."*

Từ các giai đoạn biến thiên, diễn ra liên tục đã dẫn dắt ba Ngài đi vào cửa Đạo lúc nào không hay. Tiếp theo, ba Ngài sử dụng Ngọc Cờ, rồi Đại Ngọc Cờ, tổ chức Hội Yên Diêu Trì Cung, Vọng Thiên Cầu Đạo.

Đêm ngày 30 tháng 10-Ất Sửu, ba ông cầu Đấng AẤẤ thì Ngài giảng cơ dạy rằng:

"Ngày mùng 1 tháng 11 âm lịch này, tam vị phải Vọng Thiên Cầu Đạo, tẩm gội cho tinh khiết, ra quì giữa Trời, mỗi vị cầm 9 cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phước lành cho ba tôi cải tà qui chánh."

Sau đó, cơ bút của Đấng A, Ẫ, Ậ [Đức Chí Tôn] giảng có đoạn như sau:

"Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A Ẫ Ậ là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy mà Khai Đạo."

Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa?

Các con nên bắt chước Thầy trong mây mùn thì mới xứng đáng là người đạo đức"

[Trích từ quyển Đại Đạo Cẩn Nguyên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, tự là Thuần Đức]

Ngày 14/15-3-Bính Dần (dl 25/26-4-1926), Đức Chí Tôn phong Ngài Cao Quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

Ngày 18-5-Bính Dần (dl 27-6-1926), Đức Chí Tôn dạy cách tổ chức Lễ cúng Đại Đàn, xếp đặt vị trí đứng cho ba Ngài: Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang. Tuy Đức Chí Tôn không nói phong chức, nhưng với việc sắp đặt ba vị trí này, Đức Chí Tôn đã phong ba ông vào ba chức vụ: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh của Hiệp Thiên Đài.

Từ đó, ông Cao Quỳnh Cư là Thượng Phẩm của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, luân tuân mạng lệnh của Thiêng Liêng giao, phó từ nhỏ nhất cho tới việc lớn, từ cùng Đức Hộ Pháp làm cặp phò loan chánh yếu, cho đến vâng lệnh Đức Lý Thái Bạch tìm mua đất để cất Tòa Thánh, nhọc nhằn dời tượng Phật Thích Ca từ chùa Gò Kén về đất Tổ Đình.

Đức Thượng Phẩm đã biết bao nhiêu khổ tâm, chịu gian truân thử thách vì cơ nghiệp Đạo để rồi mang tâm bệnh, lui về Thảo Xá Hiền Cung mà an dưỡng bệnh tình. Khi huyền diệu Thiêng Liêng gõ cửa, mở cửa “*Hiệp Thiên*”, Đức Ngài cùng Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Sanh là những người hầu hân nhiều nhất và lãnh ngộ nhiều điều yếu nhiệm đạo pháp qua các đàn cơ của Thiêng Liêng giảng. Để từ đó, ngày bền lòng son sắc, quyết phé Đời lo Đạo. Tận tâm, tận tụy của Ngài đổi lại là sự hát hủi đến đôi Ngài phải về ngôi

nhà cỏ, tức là Thảo Xá Hiền Cung, rồi nhập tịnh để dưỡng bệnh. Đến Đức Chí Tôn còn giảng cơ:

“Con rán nhịn cơm chừng ba bốn bữa nữa đặng Thầy dùng huyền diệu pháp mà trị bệnh cho con thiệt mạnh” và “Thơ, con dầu dất em Cư của con xuống nhà con đặng dưỡng bệnh, tìm chánh y phục được cho nó, chẳng đặng rước danh y khác sắc da với các con nghe” [Đàn cơ năm 1928, Hộ Pháp, Thượng Phẩm phò loan, theo tư liệu Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Ngót trên ba năm trường sống khổ, chết khổ vì Đạo, tại Thảo Xá Hiền Cung lúc 11 giờ ngày 01, tháng 03 Kỷ Ty [1929], Đức Ngài nói với Đức Hộ Pháp lời cuối cùng:

“Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với Chức Sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự. Anh dầu có nhắm mắt thì sự mất cũng như còn. Nói rồi tuôn hai hàng nước mắt”. Ngày nay, chư tín đồ Cao Đài về miền đất thánh, chiêm ngưỡng Toà Thánh Tây Ninh không thể thiếu nỗi bùi ngùi xúc động, nhớ đến nhọc công của Đức Ngài.

Đức Chí Tôn có giảng dạy về sự triều thiên của Đức Ngài vì Ngài cầm bữu pháp Long Tu Phiên đưa rước các Đấng Chơn Hồn về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, nên Ngài phải trở về trước để làm phận sự đó. Sau khi Đức Ngài triều thiên, Ngài có cho bài thánh thi:

*“Cao thanh miệng thể mặc chê khen,
Thượng trí màng chi tiếng thấp hèn.
Phẩm cũ ngời xưa dầu rõ giá,
Tù bi tập tánh được thường quen”*

Cái công lập hình trạng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải kể đến ơn đức của Ngài vì Ngài đã trọn tín huyền bính Đức Chí Tôn, trọn tin nơi ban đầu, từng mạng linh Thiêng Liêng cho đến ngày triều thiên bái mạng Ngọc Hư Cung để lãnh một phận sự khác ở cõi Thiêng Liêng, tức là tiếp rước các đẳng chơn hồn tu đắc, hoặc đẩy các chơn hồn thoái trầm bằng điển lực của bửu pháp Long Tu Phiến. Đức Ngài đã trót mấy năm liền phụng hiến, làm con tể vật cho Đức Chí Tôn, để phải thọ khổ khi mãn kiếp sanh và qui thiên. Sự mất của Đức Ngài cũng vẫn còn và chấp chương quyền Thiêng Liêng nơi cõi vô hình theo Thiên Mạng.

76. KHỔ LÀ BÀI THI TÂN HOÁ

Tiếng nói vô tình là tiếng nói của lương năng, lương tri thúc giục con người vấn hặc “*vì sao con người chịu nhiều đau khổ ở cõi hồng trần?*” Con người tự tìm tới cửa Đạo để biết câu trả lời, thoả chí tọc mạch cũng như biết giá trị tuyệt đối của phương trình toán học trần gian.

Gạt ngoài ý niệm kiến giải tôn giáo, chúng ta thấy tiến trình từ khi hình thành từ noãn trứng của mẹ kết hợp với tinh cha, tạo nên một thi hài sống trong bụng bà mẹ cho đến chết

là một hành trình đau khổ, bao gồm nhiều chuỗi mắc xích liên tiếp. Cái sống cựa quậy nhờ dưỡng khí của mẹ trong chín tháng, mười ngày, rồi sinh ra mớm từ ngậm sữa mẹ theo dòng thời gian mà biết cái thế giới xung quanh bằng lục căn của con người. Lớn lên, lo học hành, tìm cái vinh sang nơi học hỏi, rồi dựng vợ, gã chồng, mưu cầu hạnh phúc, tất bật với bao cái khó nhọc của trần cảnh, nào tranh nhau tìm cái ăn, cái mặc. Cứ thế, con người mãi xoay quanh cái thống khổ mà người đời gọi là “*xây dựng hạnh phúc*”. Quả thật, đó là một con đường khổ ải vô biên trên hành trình sống từ khi sinh ra cho đến trút hơi thở cuối cùng.

Đức Chí Tôn phán rằng:

“Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật -chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú-cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn, muôn muôn lần, mới đến Địa-vị nhơn-phẩm” [TNHT Q.1]. Để đến nhơn phẩm, nguyên căn phải trải qua muôn điều sàu khổ. Đến địa vị làm người, truy tìm cái chơn lý giải thoát, chúng ta lại thấy rằng, dưới lăng kính đạo học, hành trình sinh tồn và tấn hoá của con người phải trải qua trăm cay ngàn đắng mới thoát cái khổ, tức nhiên theo triết lý Đại Đạo là đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật hầu thoát khỏi sinh tử luân hồi mà Phật Đạo gọi là “*Tứ Diệu Đế*”.

Theo minh tả của Cao Đài giáo, con người phải tu tiến sau cho qua Thất Thập Nhị Địa Cầu, Tam Thiên Thế Giới, Tứ Đại Bộ Châu, rồi Tam Thập Lục Thiên mới tới Bạch

Ngọc Kinh. Vậy, hành trình ấy dễ chăng? Khó chăng? Khổ chăng? Cảnh hồng trần là bể khổ, là trường thi tấn hoá, là nơi lập ngôi vị thiêng liêng, là nơi đoạ các bậc phạm thiên điều mà Chư Thần Tiên còn phải ngán sợ. Thử hỏi cái khổ của trần gian có mùi vị gì?

Tuy vậy, cái khổ chính là bài thi cho mỗi sĩ tử để biết đậu rớt, trần gian là trường học cho mỗi chơn linh. Vì lẽ khổ quá ghê sợ, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu phải lập Đạo, tức là Ngũ Chi hầu dìu bước con cái Ngài vượt qua để giải bài toán khổ này.

“Phật ra đời dạy để con người tìm cơ Giải Khổ.

Tiên ra đời để huấn dạy con người Thoát Khổ.

Thánh ra đời để truyền rao cho con người biết Thọ Khổ.

Thần ra đời để giáo hoá con người đi trên con đường Thắng Khổ.

Hiền ra đời nhằm dạy con người biết Tòng Khổ”
[Pháp Chánh Truyền Chủ Giải, Bài Diễn Văn của Đức Hộ Pháp]

Cho nên, cái thống khổ dường như gắn gũi với kiếp sanh con người, dĩ chí đeo chưa hề xa rời vì đó là luật thiên nhiên chẳng thay đổi. Các bậc vĩ nhân, các nhà lãnh đạo tinh thần, các vị giáo chủ tôn giáo, hay những đáng cao cả nào chủ xướng một đề mục đem lại lợi lạc cho tha nhân, đều phải

đánh đổi sức lực, tinh thần để tạo dựng hạnh phúc cho thiên hạ.

Khổ tạm phân chia thành hai loại: khổ do nghiệp quả vay tạo, khổ do sự khảo thí trên đường khép mình tinh tấn.

Khổ do nghiệp quả vay tạo là những trái oan gieo từ trước, nay phải bồi đền theo đúng luật công bình thiên đạo.

Khổ do sự khảo thí tức là đề mục khổ để thử các hạng chơn tu trên đường tấn hóa, hầu bước lên bậc thang cao trọng hơn nữa. Mỗi lần khổ là bài thi, hành giả nếu vượt qua được, sẽ thăng hoa lên sự vinh hoa mới và cho đến không cùng tận. Khổ do khảo thí lại chia làm hai loại: thuận khảo và nghịch khảo.

Nghịch khảo là những việc khó khăn, gian truân tác động đến tâm lý, đến xác thể, đến hành tàng tạo dựng hạnh phúc đạo viên dung. Đó là thứ cản trở dễ làm con người trì trệ và sa ngã nếu không có dũng chí, kiên cường đủ thánh tâm lèo lái còn thuyên tâm thức mình qua những đoạn uẩn khúc.

Nếu nghịch khảo là các sự kiện hiển hiện trước mắt làm hổ ngấn thì thuận khảo cũng lại là thứ tinh vi hơn, làm con người lạc quên con đường chánh tâm, tu lập, hướng về đời sống đạo đức, dưỡng tánh tu tâm, lập công bồi đức, vì thuận khảo là những thứ làm thỏa mãn sự khác vọng theo

thất tình lục dục. Muốn tiền, tiền có. Muốn công danh sự nghiệp, công danh sự nghiệp tự nhiên thành, muốn đạt mọi thứ trần gian thì dễ dàng sở đạt và mọi thứ thành tựu là vòng xoáy đưa con người vào bản thể tự kiêu và quên đi sứ mạng con người là phải tu học, hành những tín lý quay về hải đạo tự tâm, nghiệm giáo pháp, ngó thiên nhiên, tùng khuôn thước phụng sự để hàm dưỡng tâm tánh cho thuần mỹ.

Đức Hộ Pháp lại dạy rõ: “*Chữ khó là đề mục của khoa học trường đời*” [Diễn văn của ĐHP]. Tóm lại, tất cả mọi chơn linh muốn lên cảnh thiêng liêng hằng sống, đều phải trải qua bài thi khó, nhập thế để biết khổ, rồi vượt lên trên cái khổ để xuất thế. Bằng chẳng thắng được thì chuỗi tuần hoàn sinh sinh-tử tử mãi mãi còn đeo vướn.

77. GIÁ TRỊ CHỮ HOÀ

Không riêng triết lý Cao Đài, các nền văn hóa tôn giáo khác cũng cho rằng hoà là khuôn luật hình thành nên guồng máy cơ tạo đoạn từ cảnh giới thiêng liêng cho đến mặt luật tấn hoá hữu hình, là khuôn luật tiến hoá, là nguyên lý cả về mặt đạo lẫn mặt đời, mà các bậc hiền triết cổ kim cũng đã dạy giá trị lý-diệu của hoà hiện hữu. Nếu không có hoà, về mặt luật vô vi sẽ không có sự sống vạn hữu, về mặt sống hữu hình sẽ dẫn đến tương tranh, tương đấu mà đến cơ huỷ diệt.

Về mặt vĩ mô góc địa hoàn, nếu các quốc gia không dụng chữ hoà đi đến các hiệp ước, hiệp định, nương sống lẫn

nhau, sự tranh đấu giành sống vì lợi quyền tất yếu xảy ra. Minh chứng là các cuộc chiến tranh kinh tế, quân sự xảy ra hàng loạt. Nếu lấy chữ hoà, đất nước hoà bình, thế giới an tịnh trong tương sanh, tương hỗ khẩn khít nồng nàn.

Về mặt cá nhân đoàn thể, nếu không có hoà thuận, anh em tương đấu, bè bạn chia ly, đoàn thể hận thù, quốc gia loạn lạc. Nếu dụng chữ hoà vào nếp sống, thì sự hoà hiệp dẫn đến sự an bình cả xã hội, quốc gia.

Đức Hộ Pháp giảng:

“Vả chẳng hề hòa mới hiệp, hiệp mới có định, mà hề có định mới có an” [Thuyết Đạo tại Toà Thánh, 14-09-Mậu Tý-1948].

Như vậy, nếu không hoà, tức không có hiệp, không hiệp tức không định, không định tức nhiên không an, không an là cái động lực dẫn đến sự loạn vì:

“Hễ không hòa tức giục cho phải nghịch, hễ nghịch phải ly, mà ly tức nhiên động, hễ động tức nhiên phải loạn” [ĐHP thuyết năm 1948]. Nên, hoà là phương pháp đem lại trật từ đều hoà cho cả đạo lẫn đời.

Đức Hộ Pháp cũng thuyết rõ về sự “hoà” của hai khối Âm Dương lưỡng hiệp mới tạo ra càn khôn vạn vật. Nhờ có sự hoà ấy mà càn khôn an tịnh, vũ trụ điều hoà. Bằng không,

tình cầu này sẽ đưng địa hoàn khác đi đến sự huỷ diệt, chân lý bất toàn. Ngài cũng giảng về sự hoà hiệp bằng các bằng chứng hiển nhiên về nguyên lý tương khắc như âm-dương, lửa-nước... Trong bản thể cái phản động lực nó, đó là cái “hoà” tạo nên cái lý diệu huyền ví như lửa nấu nước thì ra hơi mà trong Tiên Đạo gọi là “*Chiết Khảm Điện Ly*”, âm-dương lưỡng hiệp thì bảo toàn cơ sanh hoá nung theo máy Tạo.

Tóm lại, hoà là khuôn phép định đạo cho con đường tấn hoá của mỗi chơn linh trên con đường thiêng liêng hằng sống. Xin kết đôi dòng luận thô thiển bằng lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp: “*Ngọn Bạch Kỳ của Đức Chí Tôn tức ngọn cờ Cao Đài phải định an cho vạn quốc toàn mặt địa cầu này*”

78. HỒNG DANH CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Đức Hộ Pháp là vị Thiên Tôn cai quản ba châu trong càn khôn vũ trụ, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hoá Châu, Nam Thiệm Bộ Châu. Nên trong số văn Ngài được xưng tụng là “*Nam Mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn*”.

Để có khái niệm về sự tồn tại trong thế giới hữu vi và cõi thiêng liêng, Đức Chí Tôn có giảng cơ dạy như sau:

“*Thầy kẻ Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn*

lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao".

Như vậy, 72 quả địa cầu và 3.000 thế giới coi là cõi sắc giới. Còn lại, 04 châu lớn cùng 36 tầng trời thuộc vô vi.

Đức Hộ Pháp cai quản ba châu, còn Bắc Cầu Lư Cầu do Kim Quang Sứ coi. Theo thánh thi của Đức Lý Thái Bạch, Ngài cho biết nguyên căn của Đức Hộ Pháp "*hộ giá*" Đức Chí Tôn, nắm máy thiên cơ, "*chưởng quyền Cực Lạc phân ngôi vị*". Cho nên, quyền năng của Đức Hộ Pháp chúng ta không thể định lường được. Trong bài thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Ngài nói về hồng danh xưng niệm đáng lẽ phải là "*Nam Mô Tam Thiên Thế Giới Hộ Pháp Giáng Lâm*". Bằng cố Ngài giảng tại Đền Thánh, ngày 14 tháng 02 năm Mậu Tý [24-03-1948] như sau:

"Câu chú mà khi thượng sớ, chúng ta thường nghe đọc "Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn". Thật sự thì như vậy "Tam Thiên Thế Giới Hộ Pháp Giáng Lâm".

Chúng ta cùng ôn lại lời giảng của Đức Ngài mà suy ngẫm thêm.

79. GIÁ TRỊ CỦA CÚNG KIẾNG

Phần đông trong chúng ta thường mang bệnh lười cúng. Nguyên nhân có thể từ nhiều lý do khác nhau, ví dụ như lười lý do bận công chuyện, vì cảm bệnh, vì tuổi già sức

yếu... Sự lười biếng có lẽ vì chúng ta chưa từng biết đến giá trị cúng kiếng đem đến đời sống tâm linh của ta như thế nào khi dâng lễ cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát dạy:

“Các em phải lo cúng kiếng thường.

1. Một là lập cho chơn-thần được gần-gũi các Đấng Thiêng-Liêng cho đặng xán-lạn.

2. Hai là cầu khẩn với Đức Đại-Từ-Bi tha thứ tội-tình cho các em và cả chúng-sanh.

3. Ba là có tế-lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự-nhiên.

4. Bốn là tâm có cảm thì lòng bác-ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương-tri lương-năng của các em cũng nhờ đó mà lần-hồi thành ra mãn-huệ. Các em nhớ à.” [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2]

Đức Hộ Pháp lại dạy thêm:

“Hễ càng già lại càng cúng nhiều đặng dâng mạng-căn số-kiếp của mình cho Đức Chí-Tôn định, ấy là bí-mật giải thoát của Chí-Tôn để nơi Cơ Tận-Độ. Dầu đương giờ mình cúng mà chết trước mặt Người lại càng hay. Phải tuyên-truyền cho ai-ai cũng đều thấu-đáo nghĩa-lý Bí-Pháp

này. Khi đau ốm nằm dưỡng bệnh hãy nghe thời cúng là ngồi dậy dâng Tam-Bửu cho Chí-Tôn” [Lời Phê của ĐHP].

Khi tâm được cái lý và giá trị diệu dụng của việc cúng kiếng, chúng ta quyết đoán rằng lời dạy của các Đấng là chơn thật và chúng ta rọi bản thể, siêng năng cúng kiếng hầu: được gần gũi với các Đấng trọn lành vì “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*”, để huệ quang dần dần khai mở, trọn dâng cả nghiệp chương tiền khiên cho hai Đấng Chí Linh định phận cho ta.

80. CHÚC SẮC BAN THỂ ĐẠO

Ban Thể Đạo trực thuộc Hội Thánh Hiệp Thiên Đài-chi Thể, quy tụ hàng ngũ trí thức vừa có tài, vừa có đức hạnh để giúp tô điểm nền Đại Đạo, “*là một phương sách mở rộng cửa Từ Bi tiếp rước nhân tài có thiện tâm giúp Hội Thánh điểm tô Đại Nghiệp Đạo và cũng là phương tiện dìu độ Nguyên nhân nhập trường công quả*” [*Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài-Bảo Thể Lê Thiện Phước [Huấn từ năm 1965]*].

Mục đích Ban Thể Đạo là tâm hiền, ngỗ hầu nâng đỡ phương pháp cho hiền nhân có phương lập công trong cửa Đại Đạo. Cái tài đã vốn có, cái đức do “*tô bồi đại nghiệp Đạo*” sẽ giúp cho người trở nên bậc hiền tài hữu ích cho nền Quốc Đạo. Trong huấn từ của Đức Thượng Sanh năm 1970, Ngài nói:

“Cái tài thì do sự học mà có, cái đức là do lập chí tu thân theo Đạo Thánh Hiền mà được. Nếu có tài mà không có đức thì cũng như đoá hoa có sắc mà không có hương; cái tài đó cũng không phải là tài hữu dụng.”

Theo Thánh Giáo của Đức Lý Giáo Tông năm 1953 và Đức Hộ Pháp năm 1965, Ban Thế Đạo gồm bốn phẩm: Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử.

Hiền Tài là được chọn trong hàng Đạo Hữu có tài, có đức.

Quốc Sĩ là bậc Hiền Tài có đầy đủ đức hạnh, có công lớn giúp đạo, đời có văn bằng minh chứng sự cống hiến đó; hoặc là bậc nhân sĩ có công vĩ đại đối với quốc gia dân tộc; hoặc các tổng trưởng, sứ thần, bộ trưởng, tướng lãnh, tiến sĩ, thạc sĩ muốn giúp Đạo và đã có công giúp đời.

Đại Phu là bậc Quốc Sĩ đầy đủ đức hạnh, trọn giúp Đời về việc thu phục nhơn tâm, giúp Đạo về việc phổ thông giáo lý Đại Đạo; hay những bậc có địa vị cao trong nước như tổng thống, thủ tướng quốc trưởng có kỳ công giúp đời.

Phu Tử là bậc Quốc Sĩ đủ đầy hạnh đức, hay những bậc vĩ nhân có công phổ truyền Chánh Giáo diu độ một quốc dân hay nhiều quốc dân.

Việc tấn phong và chọn lọc, Hiền Tài do Hội Thánh Hiệp Thiên Đài chọn lọc. Ba phẩm còn lại sẽ dâng lên quyền Thiêng Liêng định quyết.

Về việc châu lễ và phẩm phục khi châu lễ, Hiền Tài quỳ trên Lễ Sanh, dưới Giáo Hữu. Phẩm phục là áo tràng trắng, đầu mang khăn đóng đen, mang cổ pháp Giáo Tông có chữ “Hiền Tài” bằng quốc ngữ nơi ngực.

Quốc Sĩ trên Giáo Hữu, dưới Giáo Sư. Phẩm phục như Hiền Tài nhưng cổ pháp để “Quốc Sĩ”.

Đại Phu trên Giáo Sư nhưng dưới Phôi Sư. Phẩm phục như Quốc Sĩ nhưng khăn đóng chín lớp chữ nhứt và cổ pháp để chữ “Đại Phu”.

Phu Tử trên Phôi Sư nhưng dưới Đầu Sư. Phẩm phục y như Đại Phu, thay chữ “Phu Tử” nơi ngực.

Phẩm phục của nữ phái như nam phái nhưng đầu không đội gì. Về áo trường y 06 nút, chỉ được mang khi lãnh lệnh chỉ do Hội Thánh Hiệp Thiên Đài trong thời gian thi hành nhiệm vụ đó.

Cổ pháp Giáo Tông gồm: Phát Trần, Thư Hùng Kiếm, Long Tu Phiến. Giải thích về sử dụng của cổ pháp này, Ngài Bảo Thế Lê Thiện Phước thuyết giảng:

“Phát Trần biểu hiệu sự quét sạch trước chất vẩn vương lòng phàm. Thư Hùng Kiếm là gương thần huệ nghiêm trị xảo trá, khử trừ tà mị. Long Tu Phiến xướng xuất khả năng mở vòng oan trái đưa Chơn linh tái nhập trường thi Tiên Phật. Về sở dụng Thiêng liêng cả ba Cổ Pháp hiệp lại làm phép phò trì Thiên mạng và vì phép này sắc bén cả hai bề sống và lười, thì chẳng phải mang nó để làm đồ trang sức mà để làm khuôn luật khử ám hồi minh nắm bốn Chơn Pháp. Còn sở dụng phàm trần là Phù Hiệu có cái vi diệu đưa Đòi dành cho Đạo một ý niệm sùng Đạo và thân dân và cũng đưa Đạo dành cho Đòi tất cả tinh thần phục vụ”.

Tóm lại, chức sắc Ban Thế Đạo có nhiệm vụ độ Đòi, nâng Đạo, làm nhiệm vụ của chi Thế, tức làm Đòi Đạo tương thông, đem Đạo vào đời, diu Đòi vào cửa Đạo, lấy cái sở học để tô vẽ, xiển dương nền chánh pháp Đại Đạo.

81. CHUYỂN THẾ

Đức Hộ Pháp giảng *“Theo triết lý học, định nghĩa chữ chuyển thế là xoay đổi thời đại hiển nhiên ra thời đại khác hoặc do không phù hợp, hoặc quá khuôn khổ nề nếp nên quyết đoán thay đổi lập trường thiêng liêng vì thời đại này đã định”.* Như vậy, chuyển thế là sự thay đổi từ thời đại này sang thời đại khác theo khuôn luật thiêng nhiên sở định.

Đến nay, nhơn loại đã trải qua ngót gần ba chuyển. Cứ một chuyển kéo dài 36.000 năm. Một chuyển gồm Thượng

Ngươn, Trung Ngươn, Hạ Ngươn. Như vậy, một ngươn hội gồm 12.000 năm. Thời gian hiện tại con người đang sống là Hạ Ngươn Tam Chuyển, sắp chuyển mình sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Vậy, có thể thấy quả cầu này đã tiến hoá gần 98.000 năm.

Khi nhắc đến danh từ chuyển thế, người ta liên tưởng đến cơ tận diệt mà các sách Tam Giáo cổ kim, sấm giảng tiên tri về cuộc biến chuyển tận diệt. Người không có tôn giáo thường cho rằng, tận thế là tiêu diệt cả hoàn cầu. Theo tôn giáo, chuyển thế không có nghĩa nhơn loại và địa cầu tiêu diệt hoàn toàn, mà đó là cơ sàn lọc, đào thải, một cuộc biến thiên dữ dội làm thay đổi hình thể quả địa cầu. Mỗi chuyển sẽ có một cuộc phán xét cơ tiến hoá của nhơn loại, được gọi là Hội Long Hoa. Như vậy, đã có hai Hội Long Hoa xảy ra trong tương ứng với hai chuyển, hai cuộc phán xét và hai kỳ cứu độ của Thượng Đế, gọi là Nhứt Kỳ Phô Độ, Nhị Kỳ Phô Độ.

Trong chuyển thứ nhất, tương ứng Nhứt Kỳ Phô Độ ra đời nhằm độ rỗi chúng sanh. Phật Giáo có Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Tiên Giáo có Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Thánh Giáo có Đức Văn Tuyên Đế Quân. Cuộc phán xét trong chuyển thứ nhất gọi là “Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chứng giáo Thiên Tôn”, tức là Đức Nhiên Đăng làm chủ khảo đại hội.

Trong chuyển thứ hai, tương ứng với Nhị Kỳ Phổ Độ và Phật Giáo có Đức Thích Ca Mâu Ni, Tiên Giáo có Đức Lão Tử và Thánh Giáo có Đức Khổng Tử... Trong chuyển thứ hai có “Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn”, tức Đức A Di Đà làm chủ khảo hội.

Nay, Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn xuống trần qua tiên bút, tận độ con cái Ngài, lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Cao Đài. Vô vi, có Đức Quan Thế Âm làm chương quản Phật Giáo. Đức Lý Đại Tiên làm chương quản Tiên Giáo. Đức Quan Thánh Đế Quân làm chương quản Thánh Giáo. Trước khi kết thúc Tam Chuyển, Đức Chí Tôn khai cơ ân xá, ai “*Tu nhất kiếp, ngộ nhưt thời*” thì có thể trở về thiêng liêng tương ngộ cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Hội Tam Chuyển gọi là “Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Đức Di-Lạc Vương Phật”, tức là Đức Di Lạc Vương Phật điểm đạo, chủ khảo đại hội. Tuy nhiên, Thời kỳ Tam Chuyển sẽ có cuộc sànlọc rất lớn, điểm đạo sĩ tử thi rớt đậu trong màn chót để quả cầu chuyển mình sang thời Thánh Đức của Tứ Chuyển. Đức Hộ Pháp cho biết:

“Cơ quan chuyển thế mà Đức Chí Tôn lập trước mắt sẽ dữ dội lắm! Tấn tuồng đó vẫn còn tiếp diễn chưa dứt. Bàn đạo quả quyết rằng, sẽ còn đại động dữ dội một phen nữa nơi mặt địa cầu này” [Thuyết Đạo ĐHP Q.1 trang 80]

Tóm lại, cơ quan chuyển thể từng theo bánh xe pháp giới không cùng tận, theo thiên thơ dĩ định. Ân Xá Tam Kỳ khai mở, ai hữu phần, hữu duyên tâm chơn quyết đi trên con đường chánh giáo thì được thanh thoi, ai vô phần vô minh thì bị trì trệ, trễ chuyển phà tận độ mà mãi lặn trôi trong bến dò sinh tử.

82. ĐỨC PHẬT MẪU NHÌN NHẬN CON CÁI SAU 20 NĂM

Tiên bút là nguồn cội của Cao Đài giáo. Chính cơ bút đã để lại cho hậu bối một trường thánh giáo, thánh thi của các Đấng Thiêng Liêng và được Hội Thánh trích lược xuất bản, phổ thông cho toàn đạo học đạo, có thể xem là một quyển Thánh Kinh bất diệt.

Ngẫm lại, từ năm 1925 các bậc Chơn Quân cầu cơ, tiếp diễn chư Thiêng Liêng họa thi đối ẩm, rồi dần dần mở một nền Quốc Đạo, lấy quốc thể Việt làm ngọn cờ tiên phong trên bình diện lễ giáo. Đức Phật Mẫu, cùng Cửu Vị Tiên Nương chung vai sát cánh trên con đường lập Quốc Đạo.

Có lẽ, chúng ta không quên tình ân nhân của Đức Phật Mẫu đối với toàn con cái của Ngài, nhất là hàng Thánh Thể buổi nọ. Đức Ngài vì:

“Thương con khổ não chấp chồng, Đau lòng MẸ xuống quyết bồng con lên” [Thánh cơ năm 1937 của Đức Phật Mẫu]

Nên Đức Phật Mẫu xuống thế diu độ con cái bằng tình thương vô tận. Nhưng cái ần ần của Ngài ngót tương đã trên 20 năm trường từ khi xuống cơ giáo hoá 1925 đến năm 1946.

Đàn cơ năm 1946, Đức Phật Mẫu mới mở lời nhìn nhận con cái của Người, nhìn nhận Người là Mẹ Thiêng Liêng. Ngài về cơ gọi Chức Sắc Hội Thánh là *“Chư Thiên Mạng”*, xưng là *“thiếp”*. Ngài lấy tình yêu chí thiết gần gũi để nâng bước tiền nhân gieo nền Quốc Đạo. Ôi! Thiết tưởng cái tình của Đức Phật Mẫu có diễn tả lại bằng bút tự cũng bằng thừa. Đàn cơ tại Đền Thánh ngày 15 tháng 08 năm Bính Tuất, [10-09-1946] do Đức Hộ Pháp và Bảo Văn Pháp Quân phò loan, hầu bút do Sĩ Tải Hiệp Thiên Đài Phạm Văn Ngọ, Đức Phật Mẫu cho biết:

“Thiếp chào chư Thiên mạng Nam Nữ. Thiếp xin tỏ đôi lời cùng Ngự Mã Thiên Quân Hộ Pháp. Từ ngày Thiếp đến chung cùng chư Thiên mạng đến nay thì tính đã 20 năm có lẽ, chỉ lấy tình thân ái thiêng liêng mà xưng hô cùng nhau là vì Thiên Thor tiền định. Thiếp đến diu đường cho con cái Chí Tôn đến ngày thành Đạo. Ngày nay đã đúng kỳ sở định, Thiếp mới đăng quyền nhìn nhận con cái của Thiếp”.

Sau trên hai mươi mấy năm lẻ, Đức Phật Mẫu vui sướng nhìn nhận con cái của Người trong tình yêu thương thân mật Mẹ và con.

Đức Phật Mẫu nói tiếp:

“Vây từ đây, Thiếp chỉ dụng lời chỉ thiết yêu đương, là Mẹ con tương hội”.

Đạo Cao Đài đã trường tồn trên 90 năm với biết bao biến cố thăng trầm, biến thiên, thay đổi trong nhiều cảm nhận khác nhau, vui cũng như buồn. Chúng ta tin tưởng Đức Phật Mẫu vẫn bao dung, bác ái, ban nhiều hồng ân Thiêng Liêng cho toàn con cái Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu một ý chí minh triết, một lòng thành chí thánh, một đức tin mạnh mẽ nơi cây cờ cứu khổ, để cùng tiếp tục bước trên con đường trần cô lạnh.

“Thiếp chào chư Đạo hữu, chư Đạo muội, bình thân.

Thiếp vì cảm tình xưa mà phải chính mình đến cùng Cửu Nương cho hiểu mọi điều. Diêu Trì Cung đã thượng sớ cho Chí Tôn và Bảo Đạo Chơn Quân kiện nơi Ngọc Hư Cung. Thiếp còn nhớ khi đến dìu dắt chư Đạo hữu vào đường Đạo, phải mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì Thiếp đã nói bởi vì tình riêng của mấy Đấng Chơn Quân đến lo cứu độ chớ không phận sự chi trong lúc này, và cũng bởi lệnh Chí Tôn sai khiến, chắc rằng: Nếu không phải Thiếp mở Đạo thì không phương thành Đạo đặng.

Khi Thiếp mở Đạo thì độ ai? Có phải là cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài. Các Chơn Quân thiệt tình của Thiếp là ai chẳng?

Tái cầu:

Cười ... Ôi! Cũng bởi nơi Thiếp mà chư Hiền hữu phải chịu hành hà phàm xác, khổ não muôn phần.

Chí Tôn có hứa khi ấy với Thiếp rằng: Thế nào cũng nâng đỡ chư Hiền hữu mà chẳng cho ai ỷ lộng quyền lấn hiếp, Thiếp mới đến Khai Đạo cho chúng sanh đặng phụ mẫu song toàn, nào dè vì lòng đại từ đại bi quá thương nhơn loại, đành để cho chư Hiền hữu chịu hành hà đến đổi.

Thiếp đã dâng sớ cầu xin Chí Tôn lượng xét, còn Bảo Đạo thì kiện cùng Ngọc Hư Cung những kẻ vô đạo của Cửu Trùng Đài.

Thiếp đã thấy chán chường khởi trị hành phạt. Lý Thái Bạch muốn lo hòa đặng Đạo cho thành, nên đã nhìn nhận tội lỗi của nhiều người, nhưng vì công dày nên không đành để Thiên điều định án, buộc giải nạp những kẻ ấy ra Tòa Tam Giáo.

Thầy cũng nghĩ Thiếp nên ... và Lý Thái Bạch đành

nhận quyền hành Hiệp Thiên Đài từ đây không ai chối nữa cho đặng.

THẮNG

THI:

*Vú MẸ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.
Quyền cao Ngự Mã là vinh bấy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh Tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bộn thể nét dò đôn.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng MẸ ngại ngừng, con hỡi con!”*

[Thánh cơ do Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm phò loan tại Thảo Xá Hiền Cung ngày 10 tháng 12 năm Kỷ Ty, nhằm ngày 20-01-1929]

83. GIÁ TRỊ CỦA ĐỨC TIN

Đức tin cần thiết cho các môn sinh của tất cả các tôn giáo, là điều kiện cần và đủ để cho đời sống đạo, bởi lẽ đức tin giúp các môn đồ bảo thủ chơn truyền, xiển dương giáo pháp, thực hành một nếp sống đạo như giáo điều đã giảng dạy.

Thật vậy, nếu không có đức tin, con người sẽ chỉ đeo đuổi theo chơn lý duy vật mà thôi. Đức tin giúp cho con người tin có Đấng Tạo Hoá, tin có Phật Trời, tin có sự trường tồn bất diệt của linh hồn, tin có luân hồi sinh tử, tin có thắng

hay đoạ của kiếp mẫn trần, tin có số mạng do tiền nghiệp tạo ra. Có thể nói đức tin là chất tạo nên ánh sáng của ngọn tâm đăng. Sáng hay tối do đức tin cao hay thấp.

Tuy nhiên, đức tin còn phụ tùy vào trí khôn phân biện của con người, trong khi trí khôn là hình ảnh của chơn linh. Do vậy, tà tín hay chơn tín luôn luôn do cái trí sáng suốt của con người khiến làm cho con người có đời sống tâm linh và hành tàng sống phù hợp với chánh giáo hay tà giáo. Hễ tin lầm, tin bậy thì theo con đường tà thuyết. Hễ đức tin khôn ngoan, đó “là kho chí bửu” [lời của Đức Hộ Pháp dạy về phương luyện kỹ]. Chỉ có đức tin khôn ngoan thuần mỹ, con người mới dám: “*Xả phú cầu bần, xả thân cầu Đạo*”. Đức tin như con thuyền làm phương tiện, làm sườn cột cho sự tiến hoá của con người trên bước đường tâm linh. Đức tin có thể bắt gió, nắm hình, kiến tạo cả đời sống hy sinh vì con đường đạo pháp, phục vụ quảng sinh làm phương cứu cánh cho linh hồn. Có đức tin, con người sẽ có tất cả. Có đức tin, giúp chúng ta hiểu hạnh cùng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Hễ hiểu hạnh thì lo phụng sự vạn linh trong tinh thần vô cầu, vô ngã. Phụng sự vạn linh chính là phụng sự cho mình, kiến tạo con đường tấn hoá mỹ miều.

Trong Phương Luyện Kỹ, dạy về luyện thân và luyện trí, Đức Hộ Pháp có dạy “*Tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Chí Tôn và Phật Mẫu*”. Có đức tin khôn ngoan, mạnh mẽ sẽ giúp chúng ta đi trên con đường đạo an nhiên như lời Đức Chí Tôn dạy thuở ban sơ: “*Tịnh là vô nhất vật*”. Hễ “*vô nhất vật*” là

vô ngã, mà Phật Giáo dạy “*Vô ngã là Niết Bàn*”. Vì vậy, đức tin là căn bản của lẽ sống cho mỗi tín đồ của tôn giáo.

84. TÌNH THƯƠNG CỦA ĐỨC PHẬT MẪU

Ân đức của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu đối với toàn Vạn Linh trong càn khôn vũ trụ vô tận, vô biên, ta không lấy chỉ mà lột tả được. Đức Chí Tôn ban cho yết sáng là Chơn Linh, Đức Phật Mẫu ban cho Chơn Thần. Đó là hai khối Dương Quang và Âm Quang của mỗi con người. Đứng vào hạng Tam Tài của Trời Đất, không chi khác hơn, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu luôn trông mong con cái của Người thoát cảnh sinh sinh-tử tử, đắc đạo, hườn nguyên, hội hiệp cùng hai Đấng Chí Linh.

Cả cơ quan sản xuất biến tạo hữu hình đều do Đức Phật Mẫu đào tạo ra, tức là ngươn Pháp vận chuyển để trụ tướng, tạo nên hình hài trong càn khôn vũ trụ.

Đức Phật Mẫu là danh xưng mà chúng ta biết đến qua nền Cao Đài. Người có các danh xưng khác như Nương Nương, Cửu Thiên Huyền Nữ, Cửu Thiên Nương Nương, Thiên Hậu... Danh xưng tùy theo văn hóa tín ngưỡng dân gian các địa phương và phong tục dân gian từng quốc gia.

Danh hiệu Cửu Thiên Huyền Nữ được người ta biết đến đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Trung Hoa. Theo các sử ký ghi lại, sau đời vua Thần Nông, các bộ lạc chia tách,

sống độc lập. Trong đó, có một bộ lạc có thủ lĩnh là Xuy Vu rất hùng mạnh, muốn thôn tính các bộ tộc khác và tàn giết độc ác. Các bộ lạc khác đứng trước nguy kịch dờ sống dờ chết, liền liên kết với nhau, tôn Hữu Hùng Thị làm thủ lĩnh. Tuy nhiên, thế lực hùng mạnh của Xuy Vu, Hữu Hùng Thị bị bao vây. Đấng Cử Thiên Huyền nữ hiện ra, chỉ mưu lược, bắt sống thủ lĩnh Xuy Vu. Dân chúng tôn xưng Hữu Hùng Thị làm minh chủ, lấy hiệu là Huỳnh Đế. Hữu Hùng Thị sanh tại gò Hiên Viên nên sau có hiệu là Hiên Viên Huỳnh Đế. Từ đó, dân chúng kính ngưỡng Đấng Cử Thiên Huyền Nữ cho tới ngày nay.

Ở tình thế gian, chúng ta đã ấy cái tình của một bà mẹ trần gian thương con đáo để từ trong thai, qua chín tháng mười ngày. Khi sinh ra, bà mẹ kia toan lo mọi thứ vật chất mong con chào đời, còn lo con có tròn vuông hay không. Khi sanh ra, dù đau ngàn ấy, mẹ vẫn mỉm cười trong nghẹn ngào, trong những giọt nước mắt vui sướng khi nhìn con cựa quậy trong tiếng khóc sơ sinh. Ngày tháng dần trôi, cái tần tảo, mồ hôi, nổi nhọc nhằn cứ thế theo vết thời gian lo cho con lớn khôn trưởng thành. Riêng chỉ nói cái tình của bà mẹ thế gian cũng làm chúng ta cất nghẹn. Tình mẹ ấy noi theo khuôn luật thiêng liêng để con người tưởng ngộ đến Đức Phật Mẫu đang theo từng dấu chân con cái Người.

Cái tình của Đức Phật Mẫu đối với con cái của Người thì càng vô đối.

Nếu không có khối sanh quang vận chuyển thì tưởng rằng chẳng có vật chi trong càn khôn. Một bàn tay bà Mẹ ấy sản sinh. Nếu ngày giờ nào chúng ta đoạt được cơ quan bí nhiệm của Tạo Đoan, thiết nghĩ chúng ta có đủ khối tình ái thương yêu Đức Phật Mẫu để biểu tả mảy mai cái tình của Người.

“Nếu chúng ta biết đặt cơ quan Tạo Hóa Càn Khôn sản xuất hữu hình của Phật Mẫu, thì chúng ta sẽ có tình cảm kính trọng yêu thương Phật Mẫu đến ngần nào” [Thuyết Đạo của ĐHP, Quyển 1, bài 15].

Cái sống vui của chúng sanh là niềm vui của Đức Phật Mẫu, cái chết khổ của chúng ta cũng buồn khổ khôn siết Người. Con cái Ngài biết phận sự lo tu tiến, lập công, lập vị cho Thiêng Liêng phẩm thì Ngài vui. Nếu con cái Người trầm luân trong bể khổ thì Người cũng tuông lệ mà đành nhìn con cái phải chịu luật thiên nhiên chi phối. Nên chi, dù sanh hay tử, dù đoạ sa hay đoạt vị thì Người vẫn luôn là người thương con cái cái nhất.

Đức Hộ Pháp xác nhận:

“Chúng ta ngày nay trên đường tu tiến, đắc Đạo hay không cũng do bà Mẹ Thiêng Liêng ấy nâng đỡ ấp yêu, vì không có ai cưng con hơn là Phật Mẫu” [Thuyết Đạo của ĐHP tại Báo Ân Từ, ngày 01 tháng 02 năm Đinh Hợi-1947].

Thật vậy, “*Phật Mẫu khi thấy con cái đến ngày qui liễu, bỏ cái áo xác thịt này về với Ngài, Ngài rất vui lòng tiếp rước con cái, như người đàn bà gặp được đứa con yêu dấu cách biệt từ lâu*” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1].

Đức Phật Mẫu sanh ra, yêu ái, trông con mỗi mồn nơi Diêu Cung và đồ luy mà cất lên:

*“Tìr Mẫu xem qua bắt động lòng,
Tình thương vô tận, đứng, ngồi, trông.
Sớm chiều tựa cửa chờ tin nhận,
Ngày tháng nương hiên đợi bóng hồng”*

Hay:

*“Riêng thương Kim-Mẫu khóc thầm,
Biển trần thấy trẻ lạc làm bấy lâu.
Đòi phen Mẹ luôn u sầu,
Cũng vì tà mị dẫn đường con thương”*
[Kinh Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu]

Tóm lại, tình yêu của Đức Phật Mẫu đối với vạn linh không cùng tận. Mặt luật thương yêu hữu hình noi theo khuôn luật thương yêu nơi cửa thiêng liêng kia, tức là cái tầng tuồng dưỡng sanh, cục dục, thương yêu của cha mẹ hữu hình noi theo khuôn linh nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Tam Kỳ khai mở, Đức Phật Mẫu cho hay rằng:

*“Nơi Diêu Điện, lưỡng ban châu chực,
Nhớ đến con bút rút lòng già.
Gậy nâng chẳng quản đường xa,
Gậy châm mây bạc đưa già đến đây.
Nơi đàn nội xum vây đông đủ,
Nhìn các con ủ rũ tấm lòng.
Thương con khổ não chấp chồng,
Đau lòng MẸ xuống quyết bồng con lên”* [Thánh Thi
của Đức Phật Mẫu, đàn cơ 1937]

85. GIÁ TRỊ CỦA GIÁO LÝ

Giáo lý là nền tảng căn bản của một tôn giáo vì giáo lý nêu lên vũ trụ quan, nhân sinh quan của chủ thể tôn giáo, nhằm giúp con người hoàn thiện đời sống tu tập hữu hình và giúp con người hướng đến đời sống tâm linh an lạc. Giáo lý của một nền tôn giáo là học thuyết về triết lý siêu hình và triết lý vũ trụ, nhân sinh để áp dụng vào giáo hóa nhơn sanh tu tập.

Giáo lý các tôn giáo khác nói chung hay Cao Đài Giáo nói riêng nhằm hướng đến những giá trị: thứ nhất, huấn dạy cho con người có một nếp sống đạo đức cao thượng, thanh nhã, tạo dựng gia đình hạnh phúc, một xã hội thái bình, an lạc, tiến đến cảnh đại đồng huynh đệ, thương yêu, bác ái, phụng sự lẫn nhau để cùng thượng tiến. Thứ hai, giáo huấn cho con người phương pháp tu luyện, cốt yếu giải thoát con

người khỏi những khổ não của thế gian và hưởng được sự hăng sống và phẩm tước cao quý nơi cõi thiêng liêng.

Giáo lý của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn giảng cơ giảng dạy, nên hội đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn yếu, có thể pháp, có bí pháp, có đủ tính chất mọi sở hành để hóa đồ chúng sanh lập trường thánh đức, đưa con người đến đời sống hạnh phúc hữu hình, giải thoát vong hồn khi thoát xác.

Từ khi Hộ Pháp giảng thể vào Ngài Phạm Công Tắc, Đức Ngài thường cầu cơ và chấp bút để làm vai trò thiên mạng trong sứ mạng mở mỗi chánh giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Chính Đức Ngài nói, Ngài được Đức Chí Tôn dạy tham thiền, nhập tịnh, khai mở huyền quang khiêu...Dạy, tức nhiên phải học. Một Đấng Hộ Pháp còn phải học nhiều điều bí nhiệm của cơ Tạo. Con người là hạng còn phàm phu, còn lăn trôi trong vòng vô minh tục tử, còn chịu luật sanh sanh-tử tử, chưa thoát bến mê. Nên việc học giáo lý và hành theo giáo lý là điều cần thiết cho con người trên bước đường tấn hoá.

Trong dịp lễ Khai Mạc Hội Nhơn Sanh của Quyền Vạn Linh, Đức Hộ Pháp thuyết giảng tại Nữ Đầu Sư Đường ngày 30 tháng 08 Tân Mão [1951]:

“Học đường là nơi con người học hỏi để lập Ngôn”.

Ở đây, chúng ta xét trên bình diện giá trị của giáo lý đối với con người. Thế gian là trường thi tấn hoá, là học đường. Sĩ tử thi thì phải có bài thi. Rớt hay đậu nhờ vào kết quả thi của mỗi sĩ tử. Bài thi là những tấn tuồng của thế gian như vai trò làm con, làm cha, làm mẹ, sự giàu nghèo, thất tình, lục đục muôn màu, muôn vẻ của trần tục cảnh. Đó là một bài toán học cao cấp với nhiều ẩn số mà mỗi sĩ tử phải giải. Giải nhanh hay chậm, lâu hay mau, đúng hay sai nhờ vào sự học tập giáo lý tôn giáo rồi ứng dụng vào đời sống đạo. Bài thi đó là một phương trình hoá học mà mỗi sĩ tử phải cân bằng. Thế thì, sự học tập nơi giáo lý cần thiết để giải bài toán, cân bằng phương trình số đạo. Nếu không có giáo lý, tức là không kiến thức đầu cho sĩ tử. Chúng ta phải giục tấn mãi không ngừng để *“đi miết tới nữa để học hỏi thêm nữa”* [Thuyết Đạo ngày 26-01-Kỷ Sửu [1949] của Đức Hộ Pháp].

Không cần bàn đến cái đạo pháp thậm thâm vô vi, chúng ta chỉ bàn về giá trị giáo lý, kinh điển hữu hình mà thôi. Ta thấy rằng, giáo lý như một phương tiện giúp hành giả thấy và biết được mục đích của con đường đi, ví như hai thực thể mà Phật Đạo thường ẩn dụ là “con thuyền” và “ngón tay”. Con thuyền là phương tiện có thể đưa con người về bên kia bờ. Muốn vậy, hành giả phải ra công chèo chống, lèo lái con thuyền kia. Khi đến bờ, thì bỏ phương tiện tức là thuyền mà tiếp tục đi. Điều đó ví như phương tiện và cứu cánh như ngón tay và mặt trăng. Chỉ có thể vịn níu cứu cánh, không chấp nên vào phương tiện.

Như vậy, giáo lý là phương tiện chỉ dạy con người biết cách sống, phù hợp với cơ tấn hoá của mỗi giai đoạn trong chu trình bất tận của mỗi chơn linh. Vì vậy, Đạo Cao Đài mới xiển dương chủ thuyết Tam Giáo cổ kim bằng cách quy hợp về một mối duy nhất, đó là triết thuyết Cao Đài giáo phù hợp với lương năng, lương tri của con người theo trình độ cấp tiến.

Thực trạng cho ta thấy hai trường hợp thường hằng diễn ra mà chúng ta cần lưu tâm. Một là hành giả ít để ý đến giáo pháp, giáo lý, giáo điều, kinh điển...chỉ biết cúng lạy mà thôi. Dù biết rằng “*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*” [Niệm Hương Kinh-Kinh Thiên Đạo] nhưng giữa “*Đạo Pháp Vô Biên*”, không học ví như muốn giao thoa cùng ánh sáng mà ta chưa có ngọn đèn, chưa có ánh sáng, không có phương tiện, không thể lấy chi tiếp diện với cái bí nhiệm thiên nhiên Trời Đất. Nên, thiếu nghĩ rằng các Đấng Thiêng Liêng mới ban kinh kệ, giảng cơ, thuyết đạo ngỏ hầu giúp cho chúng ta hiểu cái yếu nhiệm của đạo lý. Nếu giáo lý chỉ là cái hư ảo, dư thừa thì hoá ra Phật Tiên giáo hoá thừa.

Ngược lại, người đạt trí thông, trí đỉnh mà trở nên tự phụ, tự khu, chấp vào triết lý văn từ, quên đi cứu cánh thì cũng trở nên lầm đường, lạc lối. Đức Lý Thái Bạch dạy:

*“...Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục
Đơn tâm khó định lấy chi mong...”*

Rồi Đức Chí Tôn dạy giảng rõ: “*Kinh-điển giúp đời siêu phàm nhập Thánh chẳng khác chi đĩa ăn cơm, chẳng có đĩa, kẻ có cơm bốc tay ăn cũng đặng*” [Đàn cơ tại nhà Đức Cao Thượng Phẩm, ngày 12-06-Bính Dần-1926].

Tóm lại, giáo lý kinh điển là phương thức giúp con người có được đời sống đạo đức, bình dung ở cảnh trần gian, lại giúp mở mang nhiều điều trên phương diện tấn hoá tâm linh, thoát cơ thoát khổ. Người hành giả cần trau dồi để biết cái thiệt, cái chơn, cái phải, cái quấy, cái chánh, cái tà ngỗ hầu tô bồi con đường tiến hoá phù hợp với cơ quan Tạo Doan. Tuy nhiên, giáo pháp kinh điển chỉ là chiếc đĩa như Đức Chí Tôn dạy mà thôi vì nó giúp sự ăn của con người sang trọng, tươm tất hơn, chớ chưa hẳn làm con người no bụng thật sự. Nên, chúng ta có thể gẫm xét thiên ý rằng, giáo lý có thể giúp con người biết phương pháp đi đến cõi viên minh, an tịnh trong cõi hằng sống.

86. TÌNH CỦA ĐỨC PHẬT MẪU ĐỐI VỚI HIỆP THIÊN ĐÀI

Chúng ta đã biết, Hiệp Thiên Đài là toà ngự của Đức Phật Mẫu. Nên chi tình của Đức Phật Mẫu với cả vạn linh con cái của Người là tình chung, tình đối với các Chơn Quân Hiệp Thiên Đài là riêng.

Đức Hộ Pháp phục lệnh xuống thế mở đạo lập hình thể đạo trước, tức là Thể Pháp, cầm giữ Bí Pháp trong tay, mở Thiên Môn giải thoát cho con người. Ngài ngự ngại chữ Khí.

Chủ ngôi bốn nguyên vạn vật là Brama tức là Phật, phân tánh thành Christna tức là Pháp. Brama làm chủ cơ quan biến chuyển trong khi Chritna làm chủ cơ quan tạo đoan. Nghĩa là Đức Chí Tôn phân làm Lương Nghi Âm Dương. Đức Chí Tôn làm chủ ngôi Dương, Đức Phật Mẫu làm chủ ngôi Âm. Âm thuộc Pháp, Pháp vận hành sanh ra khí, khí ấy gọi là Sanh Quang Khí, trường lưu trong vạn vật, nuôi sống vạn vật. Vì *“cơ quan sanh hóa vạn vật và loài người là do âm dương phối hợp mà biến tướng, Phật chiết tánh biến ra Pháp là Ngôi thứ nhì thuộc Âm, là Phật Mẫu”* [Thuyết Đạo của ĐHP tại Đền Thánh, đêm 29-03-Đinh Hợi-1947], nên Đức Phật Mẫu là chủ của Khí Sanh Quang. Nhờ khí ấy, cả vật loại trong căn khôn vũ trụ mới có thể sống, sinh sôi, biến tướng, nảy nở mãi mãi trong bánh xe pháp giới vô tận, không chi mà đo lường được.

Đức Hộ Pháp lại nói:

“Phật Mẫu ban sơ đến Hiệp Thiên Đài làm Mẹ của chữ Khí tức là khí sanh vạn vật” [Thuyết Đạo tại Toà Thánh ngày 14-08-Đinh Hợi-1947].

Như vậy, buổi ban sơ, Hiệp Thiên Đài được gầy dựng trước, sau đó mới tới Cửu Trùng Đài. Tình của Đức Phật

Mẫu vô biên, vô tận, nhưng cái đến của Đức Phật Mẫu trong buổi sơ khai là cái tình nồng nàn với Hiệp Thiên Đài.

Đức Phật Mẫu phân trần rằng:

“Khi Thiếp mở Đạo thì độ ai? Có phải là cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài. Các Chơn Quân thiết tình của Thiếp là ai chăng?” [Đàn Cơ tại Thảo Xá Hiên Cung, ngày 10 tháng 12 năm Kỷ Ty-1929. Phò loan Đức Hộ Pháp, Cao Thượng Phẩm].

Thật vậy, Đức Phật Mẫu đến vì cái tình riêng tư đối với các Chơn Quân Hiệp Thiên Đài. Vì vậy mà Đức Ngài giảng cơ cho biết:

“Thiếp đã nói bởi vì tình riêng của mấy Đấng Chơn Quân đến lo cứu độ chứ không phận sự chi trong lúc này, và cũng bởi lệnh Chí Tôn sai khiến”.

Có thể thấy rằng, Hiệp Thiên Đài thuộc Pháp, cầm pháp giới điều độ, nuôi dưỡng vạn linh trong càn khôn vũ trụ. Đức Hộ Pháp cầm bửu pháp Kim Tiên trấn giữ và đào độn khí ấy nuôi sống vạn linh. Nên chi, tình của Đức Phật Mẫu đối với Chơn Quân Hiệp Thiên Đài rất nồng nàn yêu ái. Bằng chứng, Ngài giảng cho Thánh thi như sau:

*“Vú MẸ chưa lìa đám trẻ con,
Độ sanh chưa rõ phận vương tròn.*

*Quyền cao Ngự Mã là vinh bầy,
Phận mỏng Hiệp Thiên biết giữ còn.
Lọt điểm Thánh Tâm trần tục khảo,
Vẻ tươi bộn thế nét dò đơn.
Thà xưa ví bằng nay gìn vậy,
Lòng MẸ ngại ngừng, con hồi con!”*

87. THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO

Khi dấn thân vào giáo lý Cao Đài, trước tiên chúng ta bắt gặp cụm từ này hiện hữu qua tựa quyển kinh nhật tụng, gọi là “Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo”. Mục đích tối thượng của Cao Đài giáo là nhằm đưa con người đi trên con đường “*Thế giới đại đồng*” rồi đến “*Thiên Đạo giải thoát*”. Thật vậy, không có nền tôn giáo nào đi ngoài hai nguyên tắc căn bản là xây dựng đời sống hữu hình hoà nhĩ và đời sống tâm linh an lạc hướng đến sự giải thoát.

Phật Giáo có những đoàn hội Tăng Ni đi theo trật tự nề nếp, phổ hoá, truyền dương chánh pháp cho đời biết một chân lý giải khổ về thế trần. Cái thế đạo ấy song hành với một đời sống “minh tâm kiến tánh”, tức là thiên đạo, hầu thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Tiên Giáo chủ trương trường dưỡng tinh, khí, thần cho thanh lọc, tráng kiện để luyện tiên đan hầu tạo ra “thánh thai” chu du xuất ngoại. Nếu cái thế đạo chưa tròn, thì thiên đạo tu luyện chẳng mong chi thành tựu.

Khổng Giáo chủ trương, kiến tạo cái “nhơn luân chi đạo”, ràng buộc con người trong vai trò “Tam Cang, Ngũ Thường” [Tam Cang: Quân Thần Cang, Phụ Tử Cang, Phu Thê Cang. Ngũ Thường: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín], trong “Tam Tòng [Tùng Phụ, Tùng Phu, Tùng Tử], Tứ Đức [Công, Dung, Ngôn, Hạnh]” để có một xã hội điều hoà. Thế đạo vẹn toàn, thiên đạo tự nhiên thành.

Đức Chí Tôn đến khai mở Cao Đài giáo cũng không ngoài hai căn bản là “Thế giới đại đồng” và “Thiên Đạo giải thoát”. Tức về mặt hữu hình, Cao Đài Giáo muốn hoàn thiện và xây dựng một xã hội bình đẳng, một thế giới đại đồng trong tình huynh đệ, lấy thương yêu làm trung điểm. Về khía cạnh tâm linh, Cao Đài Giáo đưa con người đến đời sống giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

“Thế giới đại đồng” là tiêu chí dựng xây một quả cầu không tương tranh, tương đấu, duy chỉ có tình thương yêu và tính “hoà” để giải quyết mọi hỗn tạp của nhân sinh, nhằm kiến tạo một xã hội an bình tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc mà không có sự phân chia giai cấp, màu da, sắc tộc, giàu nghèo, tôn giáo, chính trị, quốc gia, xã hội, tư tưởng. Nghĩa là nền tảng tạo lập thế giới đại đồng đi trên nền tảng nhân bản, nhân quyền và nhân tính. Nhân bản được làm trụ cột, nhân quyền được phát huy, nhân tính làm cơ sở để hình thành một thế giới đạo đức hoà bình. Trên bình diện rộng hơn, đại đồng có thể hiểu là cái trật từ điều hoà của vạn linh để vạn linh phục

nguyên thánh chất, trong đó tình thương là ánh sáng chọn lý đưa con đến “Thiên Đạo giải thoát”.

“Thiên Đạo giải thoát” đưa con người có một đời sống tâm linh siêu việt. Chính từ tính đại đồng nhân bản trong đời sống của người Cao Đài, đưa con người “thọ khổ” nhưng vẫn vui tươi trong an lạc, để rồi “thắng khổ”. Nói một cách cụ thể tinh lọc hơn, chủ đích của Cao Đài giáo là giúp con người có một đời sống hữu hình trung dung, không còn thấy đau khổ về thể xác và cứu rỗi phần hồn, tức là giải thoát.

Chúng ta thấy mối tương liên giữa thế đạo và thiên đạo, muốn hoàn tất con đường thiên đạo, người tín hữu phải nhập thế vào con đường thế đạo, vẹn tròn đạo làm người, nhất là trau luyện thân tâm và thực thi rốt ráo chủ thuyết độ tha nhân. Đến đây, chúng ta thấy được bản thể “đại đồng” không biên giới giữa “ta” và “tha”. Ta hay tha nhân cũng chỉ từ cái Một Bất Diệt. Sự đồng hoá giữa ta và tha là nấc thang tấn hoá, là Tam Lập của người tín hữu Cao Đài để hoàn thành mục tiêu khoát lên chiếc áo “nâu sòng” tìm về bản nguyên diệu tánh.

88. CÁI MỘT HỮU HÌNH

Ngày 01 tháng 09 năm Bính Dần [1926], tờ khai Đạo gồm 247 môn đệ đồng ký tên gửi đến Chính Phủ đương thời. Từ đây, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính thức tồn tại, là một nền quốc Đạo làm tiêu chuẩn nhơn phong cho nhơn loại nơi

theo. “Thanh Đạo tam khai thất ức niên” [Tịch Đạo thi] là Thánh Thể của Đức Chí Tôn, ban truyền quyền năng giải thoát cho chúng sanh.

Thánh Thể của Đạo tức nhiên là Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Nếu luận góc độ vi tế, cá nhân, Thánh Thể gồm ba phần tương hợp với nhau: một là xác thân hữu hình, hai là chơn thần do Đức Phật Mẫu sản sinh ra tức là pháp thân, ba là chơn linh tức là thần quan do Đức Chí Tôn ban. Vì vậy, mỗi môn sinh của Đấng Cao Đài là một giọt máu của Thánh Thể Đức Chí Tôn. Nếu môn môn sinh của Đức Chí Tôn làm hoen ố danh Đạo cũng làm hình thể Thầy đau thảm. Nên *“xét ra các phần tử của mấy em ở trong Thánh Thể là ổng vậy”* [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 ngày 12/07 Mậu T-1948].

Xét về bình diện rộng, cả cơ quan hữu tướng, trụ cả khối đức tin dâng lên hai Đấng Chí Linh tức là hình thể đạo Cao Đài, là cái hồn sống, là hình hài sống, là Thánh Thể sống của Thượng Đế đang thực thi sứ mạng giáo hoá, phổ độ. Đức Chí Tôn đến bằng ngót Tiên bút, làm phục sinh quyền năng sống của vạn linh, Ngài hình thành một Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ duy nhất với tôn chỉ “Tam Giáo Qui Nguyên”, “Ngũ Chi Phục Nhất” làm cho ra lẽ chơn thật “vạn giáo nhất lý”, tức Thầy mở một ngôi nhà Đại Đạo không có vách ngăn để anh em cả hoàn cầu nhìn nhận chân lý tối thượng rằng Thượng Đế là Đấng Cha chung, vạn linh là anh em một nhà; nhà không nóc để “anh trước em sau” cùng dìu nhau về nơi nhàn lạc thiên thai.

Cái một mà Thầy muốn là anh em hoà thuận, làm cái lễ quý trọng dâng tẩm chơn thành lên Ngài, cái một là một Hội Thánh duy nhất, biết pháp kỷ, biết thương yêu, biết xiển dương giáo pháp làm rạng danh Đạo Thầy. Cái một ấy là sở nguyện và lòng mong mỏi của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu muốn. Thánh thi Thầy truyền rao:

*“Bửu tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta”*

Có người luận rằng, “nhánh” là chi phái Cao Đài mà Thầy tiên tri trước cho cơ Đạo sau này. Cơ quan biến dịch, vận chuyển hay hồn ma, xác quỷ cũng là con cái của Đức Chí Tôn. Tất cả không có chi không phải xuất phát từ một Thần Quang duy chủ.

Ngặt nỗi, cái biến sanh đi ngoài khuôn khổ pháp định là đi trái với tình thương và lòng mong muốn của Đức Chí Tôn, bởi lẽ Người hành Đạo không thực hiện trọn vẹn Thánh ý của Đức Chí Tôn mới nảy sinh ra bất hòa, chia rẽ thành ra nhiều chi, nhiều phái mặc dù họ vẫn nhân danh Thượng Đế mà hành sự.

Sự kiện chi phái là một biến tướng xảy ra trên dòng lịch sử của đạo Cao Đài, “*nó ở ngoài chơn pháp của Đức*

Chí Tôn, một dấu hiệu qui phạm của tâm thức người hành đạo nói chung” [Hiền Tài Nguyễn Long Thành]. Vì vậy, cái một hữu hình bất diệt là một Hội Thánh Cao Đài duy nhất đúng theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền, một Giáo Tông, một Hộ Pháp. Thánh Thể của Thượng Đế là Thánh Thể trọn tuân luật pháp, đi trong trật tự điều hoà để làm con kỵ vật cho Đức Chí Tôn sai khiến, để làm cây đèn diệu quang cho ánh sáng thiêng liêng chiếu rọi, soi đường mọi lối chông gai trong lòng nhân thế. Đó là cái một hữu hình bất diệt vậy.

89. QUỐC ĐẠO KIM TRIÊU THÀNH ĐẠI ĐẠO, NAM PHONG THỦ NHỰT BIẾN NHƠN PHONG

Đây là hai câu mà Đức Chí Tôn cho Đức Vua Bảo Đại, liên quan mật thiết đến sứ mạng của nền đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp đã giảng thuyết nghĩa lý hai câu này nhiều đêm liền vào năm 1948 tại Đền Thánh. Đức Chí Tôn cho Đức Bảo Đại biết trước rằng nền đạo sau này trở thành Quốc Đạo và cái thuần phong mỹ tục của nhà Nam sẽ tượng trưng cho nền phong hoá nhơn loại toàn cầu trong tương lai.

“Quốc Đạo kim triêu thành Đại Đạo” nghĩa là nền đạo Cao Đài là nền Quốc Đạo của dân tộc Việt Nam và nó sẽ trở thành nền Đại Đạo cho toàn thể thế hạ trên mặt địa cầu, *“bao trùm cả đức tin loài người”* [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm 1948].

“*Nam phong thử nhứt biến nhơn phong*” tức là nền Đại Đạo là cái tinh túy, mỹ tục của người Việt Nam tượng trưng cho cái nhơn phong hoàn vũ.

Đức Hộ Pháp thuyết:

“Chí Tôn đã nói cùng người Pháp: Từ thử một sắc dân ấy chỉ biết nô lệ chưa biết vì chủ, vì vậy mà Ta đến bồi thường sự bất công ấy”. Lời giảng huấn trên cho ta biết một nền Đại Đạo Ân Xá Kỳ Ba, tức là đạo Cao Đài khai mở tại Việt Nam lấy cả quốc hồn, quốc túy của bản sắc dân tộc nhà Nam trượng trung làm “năng lực để cứu thế, đem hoàn thuốc hằng sống ấy bảo tồn sanh mạng loài người” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp].

Ấy là hữu duyên, hữu hạnh, hữu phước, hữu căn cho dân tộc Việt hưởng một giọt Cam Lộ, vì chủ cả tinh thần toàn thể nhân loại.

Bản thể của “Nam phong” là gì? Chủ thuyết của đạo Cao Đài là quy nguyên Tam Giáo: Phật Giáo, Tiên Giáo, Thánh Giáo và phục nhứt Ngũ Chi: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Vì vậy, cái “Nam Phong” kia thiết nghĩ Đức Chí Tôn dùng làm “nhơn phong” phải đủ tinh thần, đủ năng lực kèm thúc loài người đi trên tinh thần và đạo đức thuần mỹ, làm thước đo chuẩn thẳng nhằm cứu thế, đủ phương pháp bảo sanh, đủ nhơn nghĩa, đủ quyền năng đem lại nền đại đồng cho toàn nhơn loại.

Lòng lịch sử dân tộc Việt trải dài trên những huyền thoại bị đô hộ, nhất là đối với Trung Hoa vì vậy mà Đức Hộ Pháp nói, Việt Nam là vải áo, còn Trung Hoa là cái áo. Lời Ngài nói ý rằng vì sự đô hộ quá nhiều, văn hoá và phong tục của Việt Nam phải chịu ảnh hưởng. Cái hay của người Việt là dụng tinh thần Đạo của Lão Giáo và Khổng Giáo từ Trung Hoa làm nền tảng cho quốc tuý, rồi lấy tinh thần Phật Đạo đại bi, đại ái hoà quyện lại thành ra một cái “Nam phong” riêng, một dáng vấp trầm ấm, một tinh thần của con Hồng, cháu Lạc. Thật vậy, chúng ta có thể thấy cái bản sắc dân tộc “Nam phong” hiển hiện trong nghi lễ của nền Đại Đạo, như là sự phục sinh của Tam Giáo để làm tiêu chuẩn “nhơn phong” cho toàn nhơn loại.

Vinh hạnh thay! Chúng ta là dân tộc Việt Nam, làm đầu tàu, cầm cờ diu dắt cả nhơn loại trong con thuyền Đại Đạo đưa chúng sanh thoát khỏi bể khổ. Ngày sau, dân Việt Nam đến hồi đủ lương năng, lương tri làm tròn sứ mạng mà Đức Chí Tôn giao phó.

90. SƠ NÉT VỀ HIỆN TƯỢNG CƠ BÚT

Vả chăng cơ bút rất quan trọng đối với đạo Cao Đài vì duy chỉ có cơ bút mà hình thành nên nền đạo Trời, quy tụ nhiều tầng lớp trí thức nhân sĩ và những bậc tu chơn bên Phật Giáo trong Ngũ Chi và nhiều người vô đạo. Cơ bút rất cần thiết cho con người để học hỏi nhiều huyền nhiệm từ những

lời dạy đạo lý của các Đấng. Tuy nhiên, cái tai hại của nó cũng rất đáng kể.

Cơ bút là dụng cụ rất đơn giản, gồm cái giỏ nhỏ đan bằng tre hay mây, phủ lớp giấy bên ngoài và bọc vải vàng, một cái cán bằng gỗ xuyên qua giỏ, đầu cán chạm hình chim loan, dưới chim loan có một gắn cây bút. Trong đạo Cao Đài, phân làm hai loại: Tiểu Ngọc Cơ hay Ngọc Cơ để phò cơ cho Thần, Thánh, Tiên, Phật; Đại Ngọc Cơ dùng để cầu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Chấp bút thì chỉ cần giấy viết và đồng tử. Các Đấng giảng dạy thì tay đồng tử chuyển động viết ra những gì các Đấng truyền dạy. Đức Chí Tôn dạy như sau:

“Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho Thần con bất định một lát, cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thấu đáo Càn-Khôn, tinh thông vạn vật đặng” [TNHT].

Dù chấp bút hay cầu cơ cũng đòi hỏi một đồng tử có một chơn thần trong sạch, tinh tấn mới có thể dùng làm phương tiện cho các Đấng truyền dạy. Đức Chí Tôn dạy:

“Thủ cơ hay là chấp bút phải để cho thần, tâm, tịnh mới xuất Chơn-Thần ra khỏi phách, đặng đến hầu Thầy nghe dạy” [TNHT].

Vì vậy, chơn thần của đồng tử là yếu tố căn bản quan trọng nhất trong việc cầu cơ hay thủ bút. Đối với đồng tử, chia làm hai loại: đồng tử mê và đồng tử tỉnh.

Đồng tử mê: chơn thần xuất ra khỏi thể xác hoàn toàn, sự điều động tay viết ra lời dạy hoàn toàn điều do Thánh ý của các Đấng Thiêng Liêng.

Đồng tử tỉnh: chơn thần xuất ra khỏi thể xác và tiếp nhận luồng điện của chư Thiên, xong chơn thần của đồng tử điều động viết ra văn tự. Trong trường hợp đồng tử tỉnh, chơn thần của đồng tử đóng vai trò rất quan trọng vì lời dạy có trúng thánh ý hay không, phụ tùy vào chơn thần ấy. Thánh huấn ấy là sự kết hợp giữa điện ý của Thiêng Liêng và cách diễn đạt của đồng tử.

Lịch sử phát triển của đạo Cao Đài gắn liền với cơ bút. Cho nên, cơ bút đóng vai trò hệ trọng trong tiến trình hình thành kiện toàn một nền tôn giáo với đầy đủ giáo pháp, đủ khả năng dìu độ con người về năng lực cứu rỗi hữu hình và đời sống tâm linh.

Phong trào cơ bút thuở đầu là cầu thuốc trị bệnh song hành với các nhân sĩ yêu nước muốn biết về thế thời cùng với việc tiêu dao thi phú. Dần dần, cơ bút đưa dẫn những Thiên Sứ khai mở mỗi Đạo Trời. Khi các Chi Phái nhom nhem hình thành là lúc mà Tà cơ xen lẫn Tiên Cơ, quấy rối

nền Đạo. Đời thì nghiên cứu, nhắm vào trung tâm điểm, tức nhược điểm của Đạo để tiêu diệt Đạo bằng cách làm mạnh mún hình thể, còn Tà cơ thì giả làm Phật Tiên thử thách, giáng cơ khắp nơi để dụ lòng tà của con người.

Cái hay của cơ bút giúp con người tinh thông cơ mầu nhiệm nhờ vào việc thông công với các Đấng vô hình cao siêu nơi cõi thiêng liêng hằng sống. Còn cái hại, tức mặt trái của cơ bút là ma quỷ giả làm Tiên, Phật mà dẫn con người vào nơi thăm, rừng sâu, vào con đường của bàn môn, tả đạo. Đức Chí Tôn Giáng cơ dạy:

“Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt. Lấy về phương diện vô hình thì các con không thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương diện hữu hình thì các con có thể rõặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên này. Đạo phải hỏi rồi rõ là vì người học Đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng huyền diệu là Tiên Phật, còn không huyền diệu là Ma Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa” [TNHT].

Vì con người thấy cái huyền diệu biến xuất trong cơ bút, thấy văn hay, ý giỏi, luận đạo cao siêu nên ngỡ rằng đó là Tiên Cơ, nào dè ma quỷ còn tinh thông như Phật Tiên, dụng cái cao siêu huyền nhiệm vô vi mà dụ con người. Cái nguy hại hơn là con người không dễ có phương định được Tiên Cơ và Tà Cơ. Đức Chí Tôn xác nhận rằng:

“Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền diệu là Tiên là Phật, nên chi các đưa ấy hễ nghe cơ bút nào huyền diệu như đã nói trên thì nó cứ tin mà làm lũi thực hành, đó là điều mê tín” [TNH].

Vì cái hại nơi đó, cơ bút khắp nơi trong nền Đại Đạo, đâu cũng có Thầy. Vậy Thầy nơi nào mới đúng?

Để ngăn ngừa cái nguy hại xảy ra, Đức Chí Tôn quyết định cấm cơ bút kể từ ngày tháng 06 năm 1927. Nghĩa là các đàn cơ phổ độ bị dừng tất cả, duy chỉ có Hội Thánh Toà Thánh mới có quyền cầu cơ mà thôi. Ấy thế, sự phòng bị của Đức Chí Tôn vẫn không ngăn tà tâm ướm vào các đàn cơ rải rác khắp nơi. Theo Thánh Ngôn của Thầy, tà giáo đã sống theo thời gian cùng Chơn Đạo. Thầy nói:

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ vương đã phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngai Ta nó chẳng dám ngồi. Nó lại biết Ta đến với cơ mầu nhiệm này, nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên. Các tên Thần, Thánh, Tiên, Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả đạo” [TNHT].

Sự điều động của Tam Thập Lục Thiên ban rải tình thương trụ tướng thành Chơn Đạo. Còn Tam Thập Lục Động vận chuyển tạo thành Bàn Môn, dụ ngon, dỗ ngọt để sa chơn vào vòng của tay chân quỷ vương.

Ngày nay, tín đồ Cao Đài ngẫm lại cơ bút như một huyền thoại sống, vì chính cơ bút mà có một nền Đạo tận độ với những Thánh Giáo, Thánh Thi vén cả màn bí mật cho toàn thể thấy cỗi vô vi qua cánh cửa Cao Đài. Còn Thánh Giáo do Tiên Cơ hay Tà Cơ tự mỗi người có thể phán xét, nhận định theo lẽ riêng của mình.

91. SỨ MẠNG CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Xuyên suốt những bài thuyết đạo của Đức Hộ Pháp mà Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Toà Thánh Tây Ninh cho phép ấn tống xuất bản, chúng ta thấy rõ được quyền năng và sứ mạng của Ngài trong cửa Thiên Cung, cũng như trong cửa Đạo ngày nay. Đức Hộ Pháp xuống thế cốt là thay mặt Đức Chí Tôn, đem chìa khoá giải thoát cho các Nguyên Nhon, ấy là vạch cho toàn thể sanh chúng thấy rõ chơn lý, tức là bí pháp tu chơn đặt nơi mặt địa cầu này.

Nền đạo phôi thai từ những năm 1925 và khai truyền cho đến 1950, thể pháp được phô trương mạnh mẽ, nền đạo nhanh chóng độ biết bao nhiêu triệu tín đồ nhờ bàn tay gánh vác của Ngài. Tuy cái thể pháp này không phải là trách nhiệm Ngài gánh vác. Thuyết Đạo tại Đền Thánh đêm 14 giáng 12 năm Canh Dần [1950] Ngài xác nhận rằng:

“Bản-Đạo đã gánh vác về thể-pháp Cửu-Trùng-Đài, tạo nghiệp cho Đạo là làm giùm cho thiên-hạ chớ không

phải phận-sự của Bần-Đạo. Ngày nay là ngày vui mừng của Bần-Đạo hơn hết, là Bần-Đạo còn sức khỏe đầy đủ cầm Bí-Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc-biệt của Bần Đạo đó vậy.”

Như vậy, Ngài đến thế gian này để cầm Pháp giới tận độ toàn thể con cái của Đức Chí Tôn, tức là cầm bí pháp và khai bí pháp cho vạn linh chung hưởng cơ giải thoát. Sự mạng khai mở bí pháp giải thoát ấy như thế nào?

Ngài truyền dạy:

“Hôm nay là ngày mở cửa Thiêng-Liêng và đưa nơi tay các Đấng nguyên-Nhân ấy một quyền-năng dựng tự giải-thoát lấy mình; hai món Bí-Pháp ấy là: Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm để lại, Kim Tiên của Bần Đạo hiệp với ba vòng vô vi”.

Huệ Quang Khiếu của con người nương dựa vào ba pháp giới: linh diệu của Tam Giáo, Kim Tiên, Long Tu Phiến. Vì sao? Vì con người phải nương vào chơn pháp của Tam Giáo cổ kim. Có câu “vạn giáo đồng nguyên” nên dù Ngũ Chi hay Tam Giáo cùng đồng một lý quy cổ mà thôi. Thuyết tu của Tam Giáo tượng trưng bởi ba vòng mình khí chiếu diệu. Chính vì thế Đức Hộ Pháp nói: *“Hiệp với ba vòng Vô-Vi, tức nhiên Diệu-Quang Tam-Giáo hay là hình-trạng Càn-Khôn Vũ-Trụ mà đó cũng là tượng ảnh Huệ-Quang-Khiếu của chúng ta đó vậy”*; vì bửu pháp Kim Tiên

là vận hành ngưng khí, đào lộn ngưng khí, tức là diễn lược của vận vật trong càn khôn vũ trụ; vì bửu pháp Long Tu Phiến vận chuyển càn khôn. Đức Hộ Pháp thuyết:

“Long Tu Phiến có thể vận-chuyển Càn-Khôn Vũ-Trụ do ngưng-khí đào-độn sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào-độn ngưng-khí, thấu-hoạch ngưng-khí để trong sanh lược”.

Như vậy, sứ mạng của Đức Hộ Pháp đến thế gian để cầm bí pháp, khai bí pháp giải thoát, trao nơi tay toàn thể sanh chúng một chìa khoá xuất thế. Ngài đến thiết tha kêu gọi chúng sanh tỉnh mộng. Ngài đã đến và nói:

“Bần-Đạo cả tiếng kêu con cái Đức Chí-Tôn, nhưt là Cửu Nhị Ước Nguyên-Nhân hãy tỉnh mộng lại, ngó lại nơi Trí-Huệ-Cung, phải vào cửa ấy mới đoạt đặng mà thôi. Đạt cơ giải-thoát đặng mới nhập vào cửa Thiêng-Liêng Hằng-Sống, mà Đức CHÍ-TÔN đã tạo dựng riêng biệt dành để cho mỗi người” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày 25 tháng 12 năm Canh Dần -1950 tại Trí Huệ Cung].

92. TRƯỜNG THI TÁN HOÁ

Theo triết thuyết của đạo Cao Đài, con người có Tinh, Khí, Thần, tức là Thể Xác, Chơn Thần và Chơn Linh hình thành nên sự sống linh diệu. Ta tự đặt ra câu hỏi vì sao chơn linh là thể tánh đồng thể cùng Thượng Đế, tức nhiên nó phải

đủ minh triết dẫn dắt cả chơn thần cùng xác thân đi trong khuôn viên luật pháp thiên nhiên, thế nhưng con người vẫn lầm lũi đi trong vô cầu, trong túi nhục, trong bất cần, trong cái vô đạo để rồi trầm luân nơi bể khổ.

Để giục cơ tấn hoá, ban rải tình thương của hai đảng quyền năng siêu nhiên, Đức Phật Mẫu thả chiếc thuyền Bát Nhã gồm 100 ức Nguyên Nhân xuống thế để dẫn dắt các hoá nhân biết cội nguồn mà tu hành giải thoát. Ấy thế, Nguyên Nhân vì thất tình, lục dục nơi cõi trần mà trầm luân không phương trở về ngôi xưa vị cũ. Những bậc Nguyên Nhân là những chơn linh đặc đạo mà còn phải luy trần, hưởng lựa là các Hoá Nhân tiến hoá từ dưới lên. Con đường giải thoát của các đẳng hoá hãy còn khó khăn tram nẻo.

Trở lại trọng tâm của vấn đề, chơn linh là chiết hợp của một điện tử dương và một điện tử âm hình thành Phật Tánh, có cùng bốn nguyên với Thượng Đế. Sứ mạng của chơn linh phải dìu cả chơn thần và thể xác đi trên bánh xe pháp giới để tấn hoá, hoà hợp trở về bản thể của vũ trụ. Chúng ta thấy, cái trật trật tự điều hoà cả guồng máy càn khôn vũ trụ của Đấng Tạo Đoan chứa cả diệu pháp biến hoá vô biên vô tận, điều đình cơ sanh hoá vạn linh trong càn khôn. Cái mặc nhiên không làm mà làm tất cả chỉ có thể là Đấng Tối Cao mà thôi. Mỗi chơn linh là một chiết tánh của Ngài, hiển nhiên phải có đủ cả phương pháp điều đình giúp cho chơn thần và thể xác tấn hoá theo luật pháp thiên nhiên.

Đức Cao Thượng Phẩm giáng cơ đêm 16 tháng 09
Canh Dần dạy:

“Tính ra, mỗi phẩm đi từ đầu chí cuối mà không bị
lầm lạc, thì phải đủ chín chục ngàn kiếp (90.000) mới trở về
Thiên-Liên vị được. Vì có mà các đẳng Chơn-hồn lúc bị
lầm lạc, sa đọa, phải luân-hồi chuyển kiếp mãi mãi, chưa về
đặng nơi cõi Thiên-Liên Hằng Sống”.

Theo lời dạy của Ngài, các Nguyên Nhân đã phải trải
qua mấy lần 90.000 kiếp rồi. Vậy nên, cái bí mật nằm ở chỗ
thế gian là trường thi tấn hoá cho các đẳng chơn hồn muốn
thành tựu và thăng thêm ngôi vị. Trường tấn hoá đi kèm với
trường thi công quả để các đẳng chơn hồn tô công, đoạt quả.
Nếu chơn linh ai cũng như ai, hoá ra trường tấn hoá của Đức
Chí Tôn hoá ra vô nghĩa. Ngày giờ nào, chơn thần biết trọn
tuân hành theo tiếng gọi thiên tâm, tức là chơn linh, ngày đó
là giây phút hạnh ngộ của con người đang bước đến lẽ chí
chơn, chí mỹ, chí thiện, chí thánh, bước ngay trên con đường
thiên liên hằng sống thẳng tắp.

Đức Hộ Pháp Thuyết tại Đền Thánh đêm 29 tháng 07
năm Kỷ Sửu [23-08-1949]:

*“Tượng hình khuôn khổ chơn thần Đức Phật Mẫu đã
tạo cho nó đi bọc Tiểu Hài, nó đi trong thú chất không có
chơn thần nào tạo nhứt phẩm liên hoa cho trọn vẹn. Họ có
can đảm dám đầu kiếp từ vật loại đi lên, tạo đến Phật vị*

đặng tạo nhứt phẩm liên hoa, Phật Mẫu tạo ra họ buộc họ phải quên cả kiếp trước, bỏ cái cũ nhập vô cái mới đi từ Tiểu hồi Vật hồi đến Nhơn loại, Chơn Linh ấy biết làm người rồi đó, làm cũng như khuôn khổ chúng ta biết vậy”.

Như vậy, trường thi tấn hoá thăng vị, lập vị là đây. Thánh Ngôn Đức Chí Tôn về cơ dạy năm 1926 như sau: “Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công-quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi”. Chúng ta đủ thấy rằng sự vinh hạnh của cả nhơn sanh nơi mặt địa cầu này chung hưởng nguồn cội Đại Đạo trong thời mạt pháp.

93. ĐỨC HỘ PHÁP LÀ AI

Chúng ta chỉ có thể luận xét theo triết lý Tam Giáo xưa nay và đặc biệt là nền tảng căn bản hé lộ trong Cao Đài giáo. Chúng ta hiểu về Ngài trên văn tự cũng giống như các Nguyên Căn phục mạng xuống mở nền Đại Đạo tìm hiểu về huyền cơ tạo hoá khi các Ngài chưa chính thức khai ngộ.

Theo truyền thuyết Phật Giáo, Hộ Pháp có tên đầy đủ là Hộ Pháp Vi Đà Thiên Tôn Bồ Tát, Tứ Thiên Vương hay Thủ Hộ Đà Lam, Thần Kim Cang và nhiều danh xưng khác. Ngài bận áo giáp, kim khôi, tay cầm gậy Kim Cang với oai lực dũng mãnh để xiển dương Phật Pháp, ngăn trừ tà đạo.

Theo một số tư liệu Phật Giáo khác, hình tượng Hộ Pháp Vi Đà trong hình thù dữ tợn, phần nộ ghê sợ. Có người cho rằng, điều đó đi ngược lại tinh thần căn bản của Phật Giáo. Tuy nhiên, thực tại hình thù ấy không tượng cho cái ma lực hay cái xấu xa mà tượng trưng cho sự dũng mãnh, cái uy thần cao xa để chế ngự lại dục vọng xấu của con người. Theo Phật Giáo Tây Tạng, Ngài là vị Bồ Tát chiến đấu không khoan nhượng với bất kể ma lực nào.

Theo Cao Đài giáo, Đức Lý Đại Tiên cho biết nguyên căn của Đức Ngài như sau qua thánh thi:

HỘ giá *CHÍ TÔN* trước đến giờ,
PHÁP luân thường chuyển máy *Thiên Cơ*.
CHUỖNG quyền *Cực Lạc* phân ngôi vị,
QUẢN xuất *Càn Khôn* định cõi bờ.
NHỊ kiếp *Tây Âu* cầm máy tạo,
HỮU duyên *Đông Á* nắm *Thiên Thor*.
HÌNH hài *Thánh Thể* chừ nên *Tướng*,
ĐÀI trọng hồng ân gắng cày nhờ.

Ngày 26 tháng 04 năm 1926, Đức Chí Tôn giáng cơ phong cho Đức Phạm Công Tắc là Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ. Người tín đồ Cao Đài không thể nào quên ba sự kiện:

- Một là thánh thi cho biết nguyên căn của Đức Ngài.

- Hai là ngày Đức Chí Tôn phong là Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.
- Ba là ngày bà ông Phạm Công Tắc được trực thân và Hộ Pháp giảng thể.

Như vậy, Phạm Công Tắc, Vi Hộ, Jesu Christ...là hoá thân của Hộ Pháp có tự thuở nào mà ta không thể biết được. Tập hợp những dữ kiện, ta thấy rằng: Ngài theo Hộ Giá Đức Thượng Đế, nắm bánh xe pháp luân của cơ Tạo Doan, nắm quyền hành phân ngôi vị cho các chơn linh đắc đạo, cầm bửu pháp Kim Tiên vận hành ngươn Khí để nuôi sống cả càn khôn vạn vật.

Ngày nay, khai mở ngươn Hội Tam Kỳ, Ngài chương quản Hiệp Thiên Đài tức là nơi thông công của con người với Thiêng Liêng, lấy tiếng nói của cả khối đức tin tín ngưỡng chúng sanh mà dâng lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, rồi lại thay mặt hai Đấng Chí Linh ấy truyền tải lời dạy dỗ đến cho chúng sanh. Chương quản Hiệp Thiên Đài là thay mặt Đức Phật Mẫu cầu diêu pháp đắc đạo cho chúng sanh ban cho toàn thể sanh chúng thời tận độ. Chúng ta hãy cùng cầu nguyện nơi quyền năng và tình thương nơi Ngài để nền Đại Đạo được phục hưng Chánh Pháp, truyền bá khắp năm châu vạn quốc theo đúng chơn truyền và cầu nguyện Đức Ngài ban phép lành cho toàn thể sanh chúng được khai khiếu huệ quang, tinh tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống.

94. SƠ NÉT VỀ NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM

Ai cũng biết Nhị Trần trong Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Chúng ta thử điểm lại những tiêu điểm quan trọng về một đấng oai quyền nơi cửa thiêng liêng hằng sống mà theo lời giảng huấn của Đức Hộ Pháp cho biết:

“Bản Đạo đã thường nói nơi cửa thiêng liêng hằng sống, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng ở trong gia tộc sang trọng oai quyền hơn hết” [Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm ngày 18-02-Kỷ Sửu 1949 nhân vía Đức Quan Âm].

“Quán Thế Âm” là một vị Bồ Tát lắng nghe âm thanh của thế trần để hoá độ, cứu khổ. Theo Phật Tông, Ngài đạt được “diệu quả nhĩ căn viên thông” nên có thể nghe, quán xét, thấy cả tiếng kêu đau thảm của khắp cả thế gian, rồi Ngài thị hiện nơi đó để giúp chúng sanh mọi hiểm nguy. Vì công hạnh cứu độ diệu huyền này, kinh điển xưa nay còn xưng Ngài là “Quán Tự Tại Bồ Tát”. Cái tình yêu của Ngài thương chúng sanh vô bờ nên Ngài được xưng tụng là “Từ Mẫu Quán Thế Âm”.

Theo kinh Bi Hoa của Phật Giáo, Đức Thích Ca Như Lai giảng về nguyên căn của Đức Quan Âm Bồ Tát đã thành Phật trong vô lượng kiếp trước hiệu là “Chánh Pháp Như Lai”. Và Phật Giáo cũng luôn truyền tụng rằng, khi Đức Phật Thích Ca thuyết pháp đều gọi Ngài là “Thiện Nam Tử Tốt”

nhưng vì đại nguyện mà Ngài thị hiện một vị Bồ Tát khắp nơi để tầm phương cứu khổ cho muôn loài trong khắp cùng tận.

"Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tạo Hóa Thiên

Theo Cao Đài giáo, chúng ta có thể biết Đức Quán Thế Âm là một vị Phật có từ thời Tiên Thiên. Nếu “Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch” [Thánh Thi của Đức Lý cho biết nguyên căn của Đức Ngài], nghĩa là Đức Lý Đại Tiên-Nhứt Trần Oai Trần Oai Nghiêm là ánh sáng lan toả từ nguồn sống của Thái Cực, thì Đức Quán Thế Âm là thời gian kể từ ánh sáng Thái Cực hoá sanh.

Đức Hộ Pháp thuyết tại Đền Thánh năm 1949 như sau:

“Quan Âm là cái thời gian của luật tạo Càn Khôn thế giới, ấy là một chơn linh rất cao trọng đó vậy, cũng như Đức Lý Thái Bạch là một chơn linh của ánh sáng. Hào quang Thái Cực khi đã hiện ra tức nhiên bóng đèn chúng ta ngó thấy khối lửa có ánh sáng kia tức nhiên là Đức Lý Giáo Tông”.

Bát Nương Diêu Trì Cung giảng dạy trong quyển Luật Tam Thế:

“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tọa Hóa Thiên”.

Khởi Thái Cực biến sanh, lan toả phân Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái thì hai nhân tố đã hiện hữu đó là ánh sáng và thời gian. Ánh sáng vô biên thuần khiết đủ diệu huyền cùng thời gian trải dài cùng cơ biến tạo sanh hoá của càn khôn vũ trụ. Nên chi, chúng ta không thể nào lấy cái trí phàm phu mà luận một chơn linh cao trọng biến xuất ra từ khai thiên. Nhờ có ánh sáng cùng thời gian đồng điệu mà có Thất Thập Nhị Địa Cầu, Tứ Đại Bộ Câu, Tam Thiên Thế Giới.

Nhưng chúng ta biết một ngàn thế giới thì gọi là một Tiểu Thiên Thế Giới. Một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới thì gọi là một Đại Thiên Thế Giới. Nhưng có hằng hà sa số thế giới đến mức “vô lượng” tức là không thể đếm được. Ánh sáng cùng thời gian biến hiện trong cả càn khôn, nuôi sống cả càn khôn, tinh cầu, địa tú. Thế thì, ngôn từ thế gian làm sao có thể biểu tả tột cùng sự cao trọng quyền thế?

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quán Thế Âm giữ trọng trách làm Nhị Trấn Oai Nghiêm, tượng trưng cho Phật Tông, cho tính từ hoà và nhẫn nại cũng như tinh thần đạo pháp của con người với chơn lý vô vi. Theo Đức Hộ Pháp, Ngài đã xuống quả địa cầu 68 này là 52 kiếp sanh và Ngài là Thanh Sơn Đạo Sĩ, là Bạch Vân Hoà Thượng, là Từ Hàng...Nên hình tượng Phật Bà với tướng mạo là Nữ chỉ là gợi nhắc những kiếp giáng sanh thân là Nữ Nhi mà thôi. Chúng ta lấy làm vui khi Đức Ngài cầm quyền Nhị Trấn thay cho Phật Giáo và chúng ta hãy cùng cầu nguyện nơi Ngài để có một đời sống bớt đi sự thống khổ đối với cái sống đời, có chí nguyện đạo pháp cao sâu và tinh thần từ hoà nhẫn nại, cũng như một khối tình “bác ái” mênh mông như Ngài đã làm.

95. CÁI XÁ CỦA CỬU TRÙNG ĐÀI

Môn đồ Cao Đài quay về sau, xá một xá. Nếu chúng ta không tìm hiểu kinh sách, có lẽ sẽ ngộ nhận. Vậy cái xá ấy là gì? Ngay chính từ những năm đầu, Hộ Pháp Quân trình tờ thỉnh giáo ngày 1 tháng 04 năm Quý Tỵ [1953] về việc chư Chức Sắc, Chức Việc, Đạo Hữu xoay lưng xá bàn Hộ Pháp, chư Chức Sắc Hiệp Thiên Đài cần xá đáp lễ lại. Đức Hộ Pháp phê như sau:

“Cái xá ấy chẳng phải làm lễ trọng Chức-Sắc Hiệp-Thiên-Đài từ lớn đến nhỏ mà là xá chữ KHÍ. Chữ Khí là nguồn cội của Pháp đã biến sanh ra vạn-vật, Phật là trước, tới Pháp là thứ, kế Tăng là tiếp, cái xá ấy là kính đệ tam qui.

Trong Pháp ấy xuất-hiện Phật-Mẫu kế tới Vạn-linh, vì có cho nên Diêu-Trì-Cung cùng Hiệp-Thiên-Đài có tình mật-thiết cùng nhau về một căn-cội Pháp. Để vận-hành Ngươn-Khí tạo Vạn-linh thì vị HỘ-PHÁP do Di-Đà xuất-hiện rồi kế vị HỘ-PHÁP và kế tiếp Long-Thần HỘ-PHÁP cùng toàn bộ Pháp-Giới đương điều-khiển Càn-Khôn Vũ-Trụ cũng đều do nơi chữ Khí mà sanh sanh hóa-hóa. Chào chữ Khí tức là chào cả Tam-Quy Thường-Bộ-Pháp-Giới tức là chào mạng-sanh của chúng ta, chớ chẳng phải chỉ chào HỘ-PHÁP, Thập-Nhị Thời-Quân. Thập-Nhị Địa-Chi đã xuất-hiện mà đang thi-hành sứ-mạng nơi Hiệp-Thiên-Đài, mà chào toàn-thể Vạn-Linh đã sanh-hóa từ tạo Thiên lập Địa. Xin nhớ và truyền-bá lời giáo-huấn này, chính mình lắm hiểu là thất-đức chớ chẳng phải người đánh-lẽ là thất-đức”.

Qua lời phê của Đức Hộ Pháp, ta có thể hiểu ý nghĩa cốt lõi cái xá ấy là quy Tam Bảo, tức là kinh Phật, kinh Pháp, kinh Tăng.

Cái xá ấy là kinh Khí là Pháp, nguồn sống của vạn linh trong càn khôn vũ trụ, mà chủ của Pháp là Đức Phật Mẫu vì Đức Phật Mẫu cầm tay biến tạo cơ hữu hình, cơ sanh hoá của vạn linh. Đức Hộ Pháp với bửu pháp là cây Kim Tiên để đào lộn nguyên khí ấy vận hành nuôi sống cả vạn loại.

Xá là kinh Phật vì Pháp do Phật biến xuất ra. Pháp là chủ ngôi Âm. Phật là ngôi Dương. Âm Dương lưỡng hiệp lập thành cơ sanh hoá. Nên kinh Pháp đồng nghĩa với kinh Phật.

Xá là kinh Tăng. Khí sanh quang nuôi dưỡng, trưởng dưỡng cả bộ máy căn khôn. Vạn vật đều nhờ linh khí lan toả khắp trong cùng tận mà trường lưu, sinh sôi, nảy nở ra. Sanh khí ấy chính là mẹ của sự sống. Sự sống chính là Tăng.

Tóm lại, cái xá ấy là cung kính nguồn cội vạn linh, tức là chủ của Pháp Giới, cung kính luôn cả sự sống muôn loài, trong đó có ta. Ta biết ta hiện hữu thì ta biết Phật hiện hữu để rồi từng Phật, kinh Pháp, quy Tăng.

96. TẠI SAO HIỆP THIÊN ĐÀI ĐẶT TRƯỚC CỬU TRÙNG ĐÀI

Ai trong chúng ta cũng biết, Toà Thánh Cao Đài tượng cho Bạch Ngọc Kinh của Đức Chí Tôn tại mặt thế, gồm cả bí pháp huyền nhiệm. Thể Pháp sùng sững trước mắt để cho toàn thể sanh chúng thấy Bí Pháp vô vi của Thượng Đế mà quy hiệp, sùng ngưỡng chánh pháp hầu giục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống.

Tinh, Khí, Thần là tam bửu của con người, tức là xác thân, chơn thần, chơn linh. Cửu Trùng Đài là thể xác tức là đệ nhất xác thân. Hiệp Thiên Đài là chơn thần hay nhị xác thân. Bát Quái Đài là chơn linh, tức là đệ tam xác thân.

Bát Quái Đài là chơn linh ngự trị điều hành cả cơ quan vận hành của căn khôn vũ trụ. Bát Quái Đài là nơi Đức Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ngự. Cho nên, đó

là nơi thần quang khiến cả thể xác đi vào bánh xe tấn hoá vô tận, vô biên. Nhờ có chơn linh mà chơn thần cùng thể xác được dạy dỗ, dìu dắt.

Cửu Trùng Đài tượng trưng cho thể xác. Nghĩa là thể xác là hình ảnh của chơn thần. Thể xác sống là nhờ sự điều động của chơn thần. Nếu chơn thần không hiện ngự, thể xác ắt phải chết.

Hiệp Thiên Đài tượng cho chơn thần. Vì lẽ đó, “Hiệp Thiên Đài còn thì đạo còn”. Đến đây, ta thấy Tinh, Khí, Thần tượng cái lý tiến hoá theo bậc.

Tinh là xác mà xác thuộc vật chất phải chịu đổi dời tan biệt về nguồn gốc của nó theo đúng ngày giờ. Tinh thuộc thế giới sắc tướng mà một đơn tử của nó cấu hợp bởi một điện tử dương và chín điện tử âm.

Chơn thần là thuộc khí, tức bán hữu hình, là phần trung thể làm cho thể xác có thể kết thông cùng đệ tam xác thân là thần để đắc quả. Cho nên, chơn thần sẽ thanh hay nhẹ, huyền biến cao hay thấp phụ tùy vào dòng tiến hoá trong chuỗi sinh tử. Đơn tử của chơn thần gồm một điện tử dương và ba điện tử âm [Theo Luật Tam Thể của Đức Cao Thượng Phẩm].

Thần là chơn linh, tức là diệu tánh, là ánh sáng của Đức Chí Tôn phân tách ra, gồm một điện tử dương và một

điển tử âm. Thế nên, có người thắc mắc vị trí các Đài của Toà Thánh rằng lẽ ra Cửu Trùng Đài phải nằm trước rồi tới Hiệp Thiên Đài, Bát Quái Đài. Theo Lời Phê của Đức Hộ Pháp:

“Phải phân phẩm đặng khai mở Thiên-Môn, rộng quyền Phổ-Độ, đặng tận độ các chơn-linh và các phẩm chơn-hồn vào Cửu-Thiên Khai-Hóa, phải đến Thiên-Môn trước rồi mới vào đặng Cửu-Thiên; hồn nó không ở với xác mà ở ngoài xác, còn Chơn-thần là dắt dìu đồng sống với xác đặng độ xác, tương-sanh thì cần chi phân sau hay trước chỉ là Khinh cùng Trọng mà thôi chớ”.

Như vậy, con người ở thế muốn đoạt đạo tức là bước lên hàng phẩm Cửu Thiên Khai Hoá thì hiển nhiên phải được dìu độ bởi chơn thần. Muốn vậy, hành giả phải bước vào cửa Thiên Môn là Hiệp Thiên Đài, nghĩa là Pháp giới soi rọi đường đi, dẫn dắt con người trên con đường minh triết.

Như vậy, theo một khía cạnh nào đó, ta thấy chơn thần là phần vô vi, là nhân tố tương thông cùng thần quang vì “Thần là cơ khiếm khuyết của cơ màu nhiệm” [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển]. Không có chơn thần thì thể xác phải tan biến, không phương hướng. Hơn nữa, Hiệp Thiên Đài đặt trước tức là Thể Pháp Thiên Môn đặt trước mặt toàn thể nhơn loại trong thời kỳ Đại Ân Xá mà Đức Chi Tôn đang treo phướn truy hồn, giục trống Lôi Âm, khua chuông Bạch Ngọc kêu gọi con cái yêu dấu của Ngài chui vào cửa Thiên Môn vậy.

97. “BẢO SANH” TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Theo Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng về nguồn cội của vạn linh trong càn khôn vũ trụ, thời hồng mông hỗn độn chưa có chi trong càn khôn, Khí Hư Vô sinh ra Thái Cực. Thái Cực phân ra Âm Dương, Tứ Tượng, Bát Quái rồi càn khôn vạn vật được hình thành. Cái diệu tánh của Thái Cực bàn bạc khắp nơi do diệu khí lan toả ra. Khí đi đến đâu thì nơi ấy hình thành sự sống. Như vậy, chúa sự sống của muôn loài là ngôi Thái Cực. Nói một cách khác, cái sống của vạn vật là cơ thể của cơ Tạo Đoan. Vì lẽ đó, cây cờ Đại Đạo là cây cờ “bảo sanh” giúp chúng sanh bảo toàn mạng sống, thực thi vai trò phổ tế trong sứ mạng giáo hoá, dìu độ nhơn sanh đi trong trật tự và điều hoà.

Thánh Ngôn năm Mậu Thìn [1928], Đức Chí Tôn nói:

“Chi-chi hữu-sanh cũng do bởi chơn-linh Thầy mà ra, hể có sống, ắt có Thầy. Thầy là cha của sự-sống, vì vậy mà lòng háo-sanh của Thầy không cùng tận”.

Thật vậy, nếu không có Đức Chí Tôn, hẳn rằng không có chi trong càn khôn, chẳng có tối-sáng, đêm-ngày, trong-đục, trên-dưới, tốt-xấu, trắng-đen, thiệt-giả...giống như không có cha thì không có con, không có con thì không có cháu nối dõi tông đường mà lập thành giềng bảo sanh, lưu truyền từ đời này sang đời nọ. Với lời giảng trên, ta nhận rõ rằng vạn vật dù vật chất vô tri vô giác cũng từ Thượng Đế

sinh sản ra mà ngày qua ngày tiến hoá dần lên theo luật tấn hoá tự nhiên.

Hơn thế nữa, cái sống trường lưu minh chứng cho sự sống của Thượng Đế đang được chuyển lưu trong bánh xe pháp giới không cùng tận. Thế nên, lòng thương yêu của Đức Chí Tôn đối với con cái của Người vô biên vô tận. Mỗi sự sống là một tế bào đóng góp vào một cơ thể sống. Đức Chí Tôn lại giảng tiếp:

“Cái sống của cả chúng-sanh, Thầy phân-phát khắp Càn-Khôn Thế-Giới chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến-hóa”.

Thế thì kiếp sanh chúng ta là một bông hoa trong cơ thể sống của Chí Linh. Hội tụ cái sống của vạn linh là sự sống của Thượng Đế. Nên cỏ cây, thú cầm vẫn là một trong những bông hoa đang uơm mầm sống tương lai. Do vậy, Thầy dạy:

“Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên-sanh hay hóa-sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả-báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân-hồi mà ra đến đời ấy”.

Xét lụng lại qua chủ thuyết của Cao Đài cùng những lời giảng huấn trên, ta thấy cây cờ Đại Đạo nhằm mục tiêu “bảo sanh-nhơn nghĩa-đại đồng”. Bảo sanh là gìn giữ sự sống, là nâng niu, là bảo trọng, trường dưỡng, ươm mầm, trân trọng, vun tưới sao cho sự sống vạn loại được phát triển theo nguyên lý thăng tiến tự nhiên. Nếu chúng ta kèm hãm, khắt chế hay giết bỏ ấy là đi ngược lại chủ thuyết của ngọn cờ bảo sanh Đạo Cao Đài. Chẳng phải chỉ cứu sinh, gìn giữ, tôn trọng mạng sống của bạn đồng sanh ta trên con đường tiến hoá mà chúng ta không được sát loài vật. Sát sanh là làm nghịch dòng tấn hoá của con người. Nghiêm trọng hơn, chúng ta đang tác động vào cơ sanh hoá của Tạo Doan. Đức Chí Tôn dạy:

“Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ”.

Như thế, đủ thấy rằng chủ thuyết bảo sanh là ngọn cờ tiên phong, giục thúc chúng ta thực thi tình bác ái tha nhân để chúng ta có một đời sống đẹp hơn, phù hợp với cơ tấn hoá.

98. ĐẠO

Có lẽ phải cần thiên kinh, vạn quyển để định nghĩa cho đầy đủ nghĩa lý. Ở đây, chúng ta không có tham vọng làm sáng tỏ nghĩa lý rốt ráo chơn ngôn vì hễ khi nói đến “đạo”, chúng ta luôn nghĩ đến con đường giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, kiến ngộ đạo pháp, mà trong khi chúng ta vẫn chỉ

được học lại từ sách của Tam Giáo Đạo truyền dạy và lần mò tập tành thực hiện đời sống Thế Đạo vuông tròn, Thiên Đạo giải thoát.

Về nghĩa đen mang tính phổ dụng chung nhất, khi nói đến đạo, người ta nghĩ ngay đến một tôn giáo nào đó, nghĩa là một đoàn thể, một giáo hội với những tăng đồ, môn sinh có giáo luật, kinh kệ, phụng thờ, nghi lễ riêng và một đường lối giải khổ về thể xác lẫn tinh thần. Như vậy, đạo là một khối môn đồ tập hợp lại có đường lối tu hành đặc thù.

Về từ ngữ, theo Hán Ngữ, Đạo là con đường, tức là phương hướng đường lối dẫn dắt con người đến một lý tưởng nào đó nhằm đáp ứng mưu cầu đời sống hữu hình lẫn tâm linh. Trong từ điển Tây học, đạo được dụng là “Way” [con đường], điều này cho ta thấy rằng khái niệm Đông Phương hay Tây Phương vẫn cùng chung một tiêu điểm, ám chỉ con đường mà ai đi trên con đường đó sẽ có một đời sống sáng ngời.

Về Nho Giáo, ta thấy đạo rất bình dân, giản dị nhưng rất thâm thúy để kiến tạo thế giới hạnh phúc trung hoà giữa lòng nhân thế. Đạo ấy biểu thị qua những mối tương quan giữa người và người, như là Tam Cang, Ngũ Thường, Tam Tòng, Tứ Đức...Đạo ấy bình dị trung dung, không thiên, không lệch. Khi con người trọn tòng Nhơn Đạo thì con đường Thiên Đạo thẳng tắp.

Về Tiên Giáo, Đức Lão Tử nói trong Đạo Đức Kinh:

“Có một vật hỗn độn, sinh trước Trời Đất, yên lặng trống không, đứng một mình mà không thay đổi, đi khắp nơi mà không ngừng nghỉ. Có thể làm mẹ thiên hạ. Ta không biết tên, nên đặt tên nó là Đạo, gương gọi tên nó là lớn”. [Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hê liêu hê. Độc lập nhi bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết Đạo, cường vi chi danh viết Đại].

Như vậy, đạo là cái trường lưu bất sanh bất diệt, tự có sẵn mà hoát khai ra vạn loại càn khôn, là cái nguyên căn của sự sống muôn loài, ấy là vô vi, vô tướng, hư không, lặng lẽ, ta chẳng hề thấy, chẳng hề nghe, không trước không sau, không trên không dưới, hư vô tịch diệt. Theo nghĩa này, đạo là bản nguyên của cơ tạo đoan, tức là cái sống diệu huyền khởi thủy. Ấy là Đức Chí Tôn vậy.

Về Phật Giáo, luận thuyết của Phật học cho rằng “sắc tức thị không, không tức thị sắc” hay “bình thường tâm thị đạo”. Cái gì bình thường hợp lẽ chơn tâm, ấy là đạo. Chính vì cái bình thường ấy mà Phật vua Trần Nhân Tông – tổ sư phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử mới cảm thán:

*“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xa hề khốn tắc miên”*

[Tạm dịch là: sống giữa thế trần, cứ tùy duyên mà vui với đạo. Đói thì ăn, mệt thì ngủ].

Nên cái tùy duyên ấy là cái bình thường trong lăng kính Phật Giáo. Hơn thế nữa, cái sắc tướng hữu hình là cái duyên giả hợp biến tướng từ cái vô vi thanh tịnh. Nhờ cái hữu hình, con người biết cái vô vi. Cho nên, “bình thường” của Phật Giáo là cái đạo thượng thừa xuất thế. Khi tâm định thì kiến tánh, liễu ngộ mật pháp.

Theo kinh dịch, đạo là sự vận hành tương tác hỗ tương của khí Âm Dương mà hoá sinh muôn loài. Sự sống của vạn loại muôn loài là bản căn của đạo mà đạo biến chuyển nuôi sống làm điều hoà và trường dưỡng sự sống.

Kinh dịch cho rằng: “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo*” đủ thấy rằng đạo là nguồn sống của vạn linh do hai khối Âm Dương hỗn hiệp biến ra Tứ Tượng, Bát Quái rồi chuyển vận hoá sanh cả càn khôn vạn vật.

Theo Cao Đài Giáo, Thượng Đế sáng tạo ra cả cơ quan từ vô vi cho đến hữu vi. Cả cơ quan vận hành trong bầu Nhật Nguyệt là hình thể của Ngài. Đó là đạo. Ngài nói rằng:

Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực. Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà

sanh ra vạn-vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh” [TNHT].

Vậy bốn nguyên vốn có là Khí Hư Vô, biến sanh Thái Cực mà chuyển động hoá sanh ra tinh cầu, địa tú. Một cách cụ thể hoá, cái đạo qua góc nhìn của Cao Đài Giáo gọi là Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, tức là con đường dục tấn của Bát Phẩm Chơn Hồn: Vật chất Hồn, thảo mộc Hồn, thú cầm Hồn, nhơn Hồn, Thần Hồn, Thánh Hồn, Tiên Hồn, Phật Hồn.

Phật, Tiên, Thánh, Thần xuống thế có hai dạng: một là xuống tạo linh đài, tô quả vị thiêng liêng của mình. Hai phục mạng lệnh xuống thế làm sứ mạng thiêng liêng mà lập giáo, truyền khai, xiển dương giáo pháp cứu độ chúng sanh tâm phương xa bên mê, tìm về bến giác.

“Con thú, nếu chúng ta nói nó là một vật mà biết đâu trong nó là một Vị Phật Bồ-Tát đương chuyển kiếp, nếu mình ăn thịt nhằm nó ngày kia nó về trên nó ngồi ngang mình, nó nhắc: Kiếp trước Phật có ăn thịt tôi, nhắc nội bao nhiêu đó cũng đủ mang bầu, quấy gây mà tái kiếp nữa. Chúng ta ngó thấy nơi thế-gian này, hằng-hà sa-số con vật, mà biết đâu trong con vật lại có một Vị Phật Bồ-Tát đương tái kiếp để tạo Liên-Đài, rồi thay ta ăn nhằm thì khó đoạt-vị lắm. Vì có cho nên Đức Chí-Tôn biểu chúng ta trường chay là phải vậy” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp trong quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống].

Dù các Đấng xuống thế gian vì mục đích một hay hai, thì các Đấng cũng dùng chữ Đạo để hoàn thành thiên mạng hoặc tạo liên đài cho các Ngài mà thôi.

Đức Hộ Pháp giảng rõ:

*“Phật ra đời dạy để con người tìm cơ Giải Khổ.
Tiên ra đời để huấn dạy con người Thoát Khổ.
Thánh ra đời để truyền rao cho con người biết Thọ
Khổ.*

*Thần ra đời để giáo hoá con người đi trên con đường
Thắng Khổ.*

Hiền ra đời nhằm dạy con người biết Tòng Khổ”
[Pháp Chánh Truyền Chủ Giải, Bài Diễn Văn của Đức Hộ
Pháp]

Kinh điển của Tam Giáo mệnh mông, thâm sâu mang tính chất khó tiếp nhận dù rằng có các bậc chân tu hay học giả chú giải, diễn dịch cho người môn sinh dễ dàng thu học. Ví như Nhị Kỳ Phổ Độ, Tam Tạng Kinh của Phật Giáo, Đạo Tạng của Đức Lão Tử, Tứ Thư-Ngũ Kinh đều được truyền thừa qua những vị đại đức minh giảng thêm cho rõ ý và lý.

Đối với quyển Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử, có thể nói Đức Ngài là một nhân vật đưa ra học thuyết hoàn chỉnh nhất về cảnh giới Tiên tăng, hàm chứa nhân sinh quan, chính trị quan và vũ trụ quan chặt chẽ, có hệ thống mạch lạc, được

các hậu nhân kết tập, bình giảng và luận thuyết sang các ngôn ngữ khác để phổ truyền.

Nội hàm sâu sắc nhất của học thuyết Tiên Gia của Đức Lão Tử mà gần gũi nhất đối với triết lý đạo Cao Đài, phải kể đến “bản nguyên của vũ trụ”.

“Có một vật gì đó hỗn độn mà thành trước cả trời đất (...) có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Vạn vật có nguồn gốc, nguồn gốc đó là mẹ của vạn vật” [Bản dịch của tác giả Nguyễn Hiến Lê].

Theo Đức Lão Tử, Đạo chỉ là thứ gì mập mờ, thấp thoáng nhưng bên trong chưa đựng hình tượng, chưa vạn vật thâm viển, cao xa. Cái thấp thoáng, mờ viển nhưng chứa tinh túy rất xác thực và đáng tin. Đức Ngài muốn ám chỉ đạo huyền vô vi, tức là Đạo mà Ngài không dụng tới văn tự.

Đức Ngài nói:

“Đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ba, ba sinh ra vạn vật. Vạn vật đều công âm mà ôm dương, điều hòa bằng khí trùng hư” [Bản dịch của tác giả Nguyễn Hiến Lê].

Cái thể và cái dụng của Đức Ngài biểu tả cũng như triết lý Cao Đài, Đạo là Hư Vô Chi Khí và Hư Vô Chi Khí

sanh ra Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi rồi biến dịch vận chuyển tạo tác càn khôn vạn loại.

Nên thể của Đạo vốn huyền diệu, cái dụng thì thiên biến vạn hóa vô cùng tốt. Từ cái không tác tạo ra cái sống vĩnh sanh dào độn thăng trầm từ nhất nguyên ra vạn vật, vạn vật thuận lý tự nhiên, tức là đạo trở về bản nguyên.

Đạo hữu hình hay đạo vô vi đều dẫn dắt con người tìm lẽ an bình trong chính đời sống nội tại, quay lại nội tâm, tầm soát đi theo trật tự điều hoà, lấy đạo điều khiển, dẫn dắt nương đạo làm cho phục sinh thánh chất vốn trường lưu trong mạch sống bất biến. Đạo cốt để độ sinh và đủ năng lực độ tử, đó mới là nguồn chơn đạo. Một tư tưởng, một hành vi, một con đường nghịch lại thể thường, tức là đi ngoài khuôn định thiên lương thì không thể nào tìm được lẽ hằng sống giải thoát cho đặng. Nên sống đạo là sống phù hợp với lý tự nhiên, tức là Đạo.

Đức Hộ Pháp minh giảng:

“Ngày nào ta về cảnh vô hình sống trong khối tạo đoan chừng đó ta mới biết Đạo là có phận sự bảo trọng chúng sanh, khuyên dạy dỗ và giục thúc cho các đẳng linh hồn tăng tiến trên đường tấn hóa. Ta chỉ đặng phép thương yêu bình vực chứ không ai đặng mưu hại giục hư” [Thuyết Đạo Q.1].

99. CHON THẦN

Bản nguyên sự sống của con người theo triết thuyết Cao Đài gồm ba thể tương liên nhau. Một là thể xác còn gọi là đệ nhất xác thân, được hình thành do tinh cha huyết mẹ hợp thành. Hai là chơn thần, tức đệ nhị xác thân, không hoàn toàn thuộc hữu hình mà cũng không hoàn toàn vô vi, nên gọi là bán hữu hình. Thể thứ ba là chơn linh hay đệ tam xác thân, ấy là ngươn linh/linh hồn, tức là chiết linh của Thượng Đế nên còn gọi là Phật tánh. Chúng ta thử điểm qua sơ nét về quyền năng, sứ mạng, tiến trình tấn hoá của chơn thần cũng như mối quan hệ ràng buộc của ba thể.

Đệ nhất xác thân do ngũ hành tương hợp, biến ra ngũ sắc. Xác thể sống nhờ sự tuần hoàn máu với những tế bào luân chuyển chết-sống không ngừng. Đức Cao Thượng Phẩm dạy tại đàn cơ đêm mừng 04 tháng 12 năm Tân Mão giảng như sau:

“Nói về Đệ-Nhứt xác thân, hay là thể xác, thì sự cấu-hợp của nó do những tế-bào, trong đó có điện-tử dương và điện-tử âm mà tạo thành. Mỗi thể xác đều do những tế-bào, mà trong nguyên-tử tình trùng cấu-tạo bởi những hạt nguyên-tử; trong đó, có một điện-tử dương và chín điện-tử âm”.

Như vậy, cho dù xác thân là tạm, là “hữu thân hữu hoại” nhưng nó nằm trong Bát Hồn, nên vẫn không ngừng vận chuyển theo quy luật sanh hoá của càn khôn.

Đệ tam xác thân là chơn linh, tức là linh hồn, phật tánh, chơn như, diệu tánh, thiên tâm, tiểu vũ trụ, tiểu linh quang, linh tánh. Kinh điển cổ kim của các nền tôn giáo tuy khác nhau về hình thái tu luyện, tức là cách dụng ngôn từ khác nhau, hay cụ thể là cách dạy con người tu tập để đạt được giải thoát nhưng mục đích tối thượng vẫn là làm cho ba thể hợp nhất, hườn nguyên mà Đức Chí Tôn tiên tri:

“Thầy đến đặng hườn nguyên chơn thần cho các con đắc đạo” [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn cơ ngày 25 tháng 02 năm 1926].

Cốt tủy của sự tu luyện vẫn gói gọn trong thuyết Tam Giáo là “tôn tâm dưỡng tánh” [Nho Giáo], “tu tâm luyện tánh” [Tiên Giáo], “minh tâm kiến tánh” [Phật Giáo]. Đường lối thực hành của Tam Giáo có vẻ khác nhau về văn tự và cách thực thi nhưng cái lõi của đạo vẫn là “tâm”.

Đệ nhị xác thân là chơn thần, do Đức Phật Mẫu biến tạo. Nên chủ của chơn thần là Pháp. Về cấu tạo, nhị xác thân biến tạo do hành tàng của đệ nhất xác thân. Nghĩa là đệ nhị có hào quang trong sạch, nhẹ nhàng hay không là do ảnh hưởng của thể xác. Nói một cách khác, chơn thần là thể nằm giữa để liên kết giữa thể xác và chơn linh. Chơn thần mang sứ mạng điều đình đệ nhất trên con đường lập công, tu rèn tâm đức. Vì đệ nhất là thú chất trọng trọc nên cần đệ nhị một là nghe theo đệ nhất, hai nghe theo đệ tam. Nếu trọn

nghe theo đệ tam xác thân mà khiến con kỳ vật đi trong khuôn định pháp chế thiêng liêng thì chơn thần được trọn thánh. Khi ấy, chơn thần mới hiệp cùng chơn linh và trở về bản lai.

Xét theo lẽ cấu tạo khác, chơn thần là cái vía hay hào quang phát ra từ thân thể, nó là bản năng sống của con người. Nếu thiếu bản năng thì con người phải chết. Như ta biết, bản năng nó vẫn có bản năng xấu và bản năng tốt. Vậy chơn thần tốt xấu là do quả kiếp mà chơn thần phải gánh lấy trong vô lượng kiếp.

Đức Cao Thượng Phẩm dạy:

“Chơn-Thần là một thể vô hình bất tiêu, bất diệt, luôn luôn tiến-hóa hay ngưng trệ, do mỗi lần tái kiếp được dày công hay đắc tội. Nói cho rõ hơn nữa, thì nó là lục-dục thất-tình đó. Vậy khi lục-dục thất-tình được điều-độ, là nhờ Đệ-Tam xác thân điều khiển nổi, bằng không, thì nó vì Đệ-Nhứt xác thân, tức là hình vật sai biểu theo bản-chất của nó”.

Theo phương diện này, chơn thần trong sạch hay không là do chơn thần có trọn nghe sự giáo hoá của đệ tam xác thân hay không. Lẽ nữa, chơn thần trong sạch hoặc u mê do chơn tinh vì chơn tinh là do thức ăn tiếp vào thể xác. Nếu chơn tinh trong sạch nhẹ nhàng thì chơn khí trong sạch làm cho chơn thần nhẹ không bị trọng trọc. Đệ nhị xác thân là

sự tương kết giữa chơn khí và chơn thần. Đàn cơ đêm mừng 04, tháng 12, Tân Mão, Đức Cao Thượng Phẩm dạy:

“Chơn-thần hiệp với Chơn-khí gọi là Đệ-Nhị xác thân. Chơn-thần ấy gọi là điểm-linh của Phật-Mẫu ban cho, nên nó thuộc về âm, gọi là âm-khí, hay âm-quang”.

Tóm lại, chơn thần là một xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mật ban, có sứ mạng dục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống, tức có sứ mạng nghe lời giáo huấn của đệ tam xác thân để thực thi trách nhiệm diu độ đệ nhất phàm phu đi trong khuôn viên luật pháp thiên nhiên của Đức Chí Tôn. Bằng chẳng vậy, chơn thần phải bị đệ nhất xác thân níu kéo vào vòng thất tình, lục dục mà đoạ xa trầm luân muôn đường vạn nẻo. Đệ tam xác thân cũng thất phạm cùng Thiêng Liêng vì không tròn phận giáo hoá đệ nhị xác thân. Cho nên, Tinh, Khí, Thần hiệp nhất tức là trạng thái đặc nhứt, hiệp một.

100. CỒI ĐỊA NGỤC

Dưới ảnh hưởng của đạo giáo, tác động đến đời sống tâm linh con người, chúng ta thường nghe những khái niệm “địa ngục”, “ngục môn”, “phong đô”, “âm phủ”, “diêm đình”, “địa phủ”, “âm ty”, “thập điện diêm cung”. Theo tín ngưỡng dân gian, đó là nơi hành phạt những chơn thần gây tội lỗi trên cõi thế gian. Vậy, nơi đó ở đâu và nó có thực tồn tại không?

Địa ngục theo Hán Ngữ là “vô lạc” [tức là không có hạnh phúc], “khả yểm” [chỉ đau khổ], “khổ khí” [khí làm cho người đau khổ], “khổ cụ” [các giới cụ làm người ta đau khổ]. Như vậy, theo khái niệm nghĩa đen này ta thấy địa ngục ám chỉ cõi khổ cho chơn thần khi thoát xác nếu làm ác. Từ đây, chúng ta cũng thấy một phạm trù khác của một cặp đối ngẫu. Đó là “hạnh phúc”. Nếu luận theo góc cạnh rộng, địa ngục là nơi không có hạnh phúc trong khi hạnh phúc là “niết bàn”, dĩ nhiên nơi nào thiếu hạnh phúc, chứa nhiều đau khổ, nơi đó coi như địa ngục. Cho nên, địa ngục không chỉ thuần chơn là cõi giới chất chứa nhiều khổ đau mà cảnh giới, trạng thái tư tưởng đau khổ cũng chính là địa ngục.

Người ta đã cho rằng, “niết bàn/thiên đàng” ở trên không tận trời cao, còn “địa ngục” nằm tận dưới đất sâu. Thật ra, theo triết học Cao Đài, dưới tận sâu thẳm của lòng đất là khối lửa cháy bất tận vận hành cơ thể sống của quả địa cầu.

Trong Kinh Đại Tường có câu: “Khai cơ tận độ cửu tuyền diệt vong” hay Kinh Thuyết Pháp cũng nói: “Khai cơ giải thoát mở tù phong đô”. Đã trải qua Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, tuy nhiên cơ cứu độ của Thiên Thơ vẫn chưa thực thi hết mục tiêu giáo hoá, tận độ. Nên ngày nay, Đức Chí Tôn chính mình Ngài đến qua huyền diệu cơ bút để khai mở Tam Kỳ Tận Độ, tức là Đạo Cao Đài để “đóng địa ngục, mở tầng Thiên”. Như vậy, địa ngục vẫn tồn tại trong guồng máy vận hành cơ sanh hoá, thưởng phạt của Thiêng Liêng.

Bát Nương Điều Trì Cung có giảng dạy về cõi này. Từ đây, cụm từ “Cõi Âm Quang” đã thay thế cho các khái niệm trên mà Bát Nương cho là do tập tục, tín ngưỡng sai lệch. Dưới quan điểm Cao Đài Giáo, chúng ta thấy rằng các danh từ “địa ngục”, “âm ty”... là những danh từ được sử dụng như những công cụ hữu dụng của các tôn giáo nhằm thánh hoá đời sống của các môn sinh trên bước đường tấn hoá, tu tập. Vì chỉ khi người ta sợ, kiêng dè luật đạo mà lo tu tâm dưỡng tánh, tôn tâm dưỡng tánh, tu tâm luyện tánh, có một đời sống phù hợp đạo Trời là Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Trở lại khái niệm Cõi Âm Quang, Bát Nương dạy rằng đó là cảnh giới đệ nhất sợ hãi đối với các chơn hồn khi thoát xác vì cõi này là nơi chơn hồn giải thân và định trí. Bát Nương dạy:

“Nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm Quang. Như vậy, cảnh giới này dành cho chơn hồn chưa ăn năn, chưa tu tỉnh phải trải qua nó để định thân và định tỉnh “chơn thân”.

Người sống biết ăn năn, làm lành, lánh dữ, trau tria hạnh đức để dục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống tự nhiên tránh khỏi Cõi Âm Quang này. Thế thì, Cõi Âm Quang là đối cảnh của chơn thần khi gây nghiệp nơi cõi thế gian. Cái sống của kẻ chết sẽ từng theo qui luật tự nhiên “lành siêu dữ đoạ”. Cái “đoạ” chính là trạng thái sống của cái

chết phải đối diện với “lương tâm”, tự xét lòng để tự diện với bao nhiêu ký ức của chơn thần.

Xét theo bình diện khác, chơn thần hằng sống, bất tiêu bất diệt và dần “thuần chơn vô ngã” cho đến khi hội hiệp cùng với Chí Linh, tức là bốn chủ của Vạn Linh. Đức Hộ Pháp gọi tiến trình tấn hoá của chơn thần là “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống”. Lễ hằng sống của chơn thần từ cõi ta bà, cái sống sau khi chết và đến khi siêu sanh nơi Lạc Quốc. Như vậy, trong mọi cảnh giới, chúng sanh luôn luôn có thể có Âm Quang Cảnh nếu chưa biết tỉnh thức trọn vẹn. Nói một cách khác, Âm Quang Cảnh kia có hay không do hành tàng sống của chúng ta mà thôi.

101. LỄ CẦU NGUYỆN

Cầu nguyện là một tâm tình thân mật của một môn sinh đối với Thượng Đế hay các Đấng siêu hình trong những hoàn cảnh bi đát, sầu khổ, sướng vui, hoạn nạn...nào đó với đức tin và lòng sùng ngưỡng với các Đấng, ngõ hầu tìm một ánh sáng thiêng thiêng chiếu rọi. Chúng ta có thể nói, lời cầu nguyện như một lễ sống của môn đồ trong một tôn giáo, như một hơi thở nhịp đều cần cho sự sống, như cá cần nước, như những con hạc trắng cần bầu trời bao la cho sự sống bất tận.

Thuyết đạo tại Toà Thánh ngày rằm tháng 08 năm Nhâm Thìn [1952], Đức Hộ Pháp dạy:

“Qua chỉ cho mấy em một Bí-pháp là khi nào các em quá thống-khổ quá đau-đớn tâm-hồn, mấy em đừng vội sầu thảm, các em quỳ xuống giữa không-trung các em cầu nguyện với Bà Mẹ Thiên-liêng một lời cầu-nguyện. Bản-đạo quả-quyết rằng: Bà chẳng hề khi nào từ-chối cùng mấy em. Qua thử-nghiệm rồi . . .”.

Như vậy, lời cầu nguyện không phải cần nơi thanh tịnh, nơi điện đài nguy nga, nơi có khói nhang nghi ngút hay phải đủ lễ hữu hình, mà lời cầu nguyện là lòng chí thành tự tâm của ta thủ thi dâng lên Thiên Liêng. Chúng ta cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh, tình huống, dù đang đi, đang nằm, đang làm việc...miễn sao lễ cầu nguyện là lòng trọn lành như nén hương lòng, như tâm dâng thường chiếu với đức tin sùng ngưỡng trọn vẹn. Lòng cầu nguyện chon thành mới mong đem lại năng lực diệu dụng.

Đức Hộ Pháp giảng:

“Chúng ta hãy cầu-nguyện để trọn tâm-đức chắc-chắn với Chí-Tôn, thì Chí-Tôn chẳng hề khi nào hẹp lượng”.

Thánh Nữ Tê-rê-xa Hải Đồng Giê su cũng nói:

“Đối với tôi, cầu nguyện là một sự hướng lòng lên, một cái nhìn đơn sơ hướng lên trời. Đó là tiếng kêu của lòng tri ân và của tình yêu trong cơn thử thách cũng như trong lúc

hưởng niềm vui.” (St Therese of Licieux, Autobiography C. 25p).

Còn Đức Chúa Christ dạy:

“Còn Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu kẻ thù và và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em. Như vậy anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính”.

Điều trên cho ta thấy, mục đích cầu nguyện không phải cho bản thân thôi, mà cho cho tha nhân. Chính tình yêu đạo pháp sẽ nhân đôi giá trị tác dụng của lời cầu nguyện bởi vì “Cầu nguyện là thiết-lập một đường vận thông-suốt để chuyển-tải thần-lực từ thượng-giới xuống trần-gian hầu tưới mát cho những vùng đất tâm-linh đang bị khô-cằn” [Dã Trung Tử]. Chi nên, ấy là một bí pháp giúp cho con người có đủ đức tin, có đủ trí tuệ, có đủ dũng mãnh mà đối diện cùng những nghịch cảnh của cõi ta bà, hầu vượt qua những bài toán khó của một khách trần lữ thứ, tha phương đang từng bước chân một tìm về cõi thiêng liêng hằng sống theo chu trình tấn hoá tâm linh.

Lẽ dĩ nhiên, lời cầu nguyện của con người phải chân chính, hợp đạo lý làm người, hợp đạo Trời. Chúng ta biết rằng, lời cầu nguyện không phải lúc nào cũng đạt sở nguyện.

Môn sinh muốn cho lời cầu nguyện đạt được, dĩ nhiên ta phải có đời sống đạo hạnh, lòng tín ngưỡng mạnh mẽ, chí chơn, chí thiện cũng như lòng kính thành cung kính. Nên Kinh Thi dạy *“Trời không thân với ai, chỉ thân với người hay kính”*.

Tóm lại, lễ cầu nguyện không thể thiếu trong đời sống con người nhất là những môn sinh của các tôn giáo đang dâng thân vào đời sống tín ngưỡng, tìm ánh sáng đạo pháp, phụng sự vạn linh, truyền bá đạo pháp, giục thúc chèo con thuyền Bát Nhã về bên kia bờ giác.

102. SƠ NÉT VỀ NHỨT TRẦN - ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN

Đạo Cao Đài được gọi tắt từ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thời kỳ mà nhơn luân, đạo đức suy thoái do lộn sóng vắn minh vật chất đi đến mức như vén màn bí mật của cơ tạo đoan. Nhưng hại thay, cái trí khôn ấy không phục vụ cũng như không phù hợp với đạo đức hài hoà làm cho thế giới hoà bình, an tịnh. Ngược lại, các phát minh tân tiến ấy là mầm móng làm huỷ diệt toàn cầu. Cao Đài giáo được khai mở năm 1926 tại miền Nam Việt Nam nhằm phục thánh chất của nhơn loại, chuyển thể về Thượng Ngươn cho thuận theo lẽ tuần hoàn qui cổ.

Đức Lý Thái Bạch có một kiếp giáng sanh tại Trung Hoa. Theo sử liệu đề, Ngài sinh vào năm 701 đời vua Võ Tắc Thiên. Mẹ Ngài nằm mộng thấy sao Kim Tinh, tức sao Thái Bạch rơi xuống. Nên thân mẫu đặt tên là Lý Thái Bạch. Về

ngoại dung và kỳ tài, Ngài có dáng thanh nhã, có thể thông sách thánh hiền lúc 10 tuổi. Năm lên 15 tuổi, Ngài học thuật kiếm và trau dồi văn chương thi phú đạt đến đỉnh cao xuất khẩu thành thơ. Người người cho Ngài là bậc kỳ tài. Ngài chẳng ham phú quý, công danh, chỉ biết uống rượu làm thi. Cuộc du hí, lấy trời làm nhà của Ngài trải qua nhiều biến đổi. Nơi nào có bước chân Ngài đến, đều được Ngài giáo huấn bài học về nhân sinh, đạo làm người.

Ngày kia, Đường Minh Hoàng ban cho Lý Bạch một tấm Kim Bài, trên đó khắc chữ ngự phê vào một mặt: "*Lý Bạch là Thiên hạ Vô Ưu Học Sĩ, đến đâu uống rượu thì công khó phải chi tiền, Phủ cấp ngàn quan, Huyện cấp năm trăm. Văn Võ quân dân ai thất kính sẽ bị khép tội không tuân chiếu.*"

Nhà vua lại ban cho ngàn lạng vàng, bảo gấm đai ngọc, yên vàng ngựa quý, và 12 người tùy tùng theo hầu Lý Bạch. Lý Bạch tạ ơn ông vua tri kỷ, rồi từ tạ. Minh Hoàng thân cầm hai đóa hoa vàng lên mũ của Lý Bạch, thân tiễn ba chung ngự tửu, truyền nội thị đỡ Lý Bạch lên ngựa ngay trước ngai vàng để đi ra khỏi triều môn. Đó là một ân huệ chưa từng có của thời phong kiến. Đường Minh Hoàng cúi người trông theo bóng của Lý Bạch đến khuất mới lui vào trong nội điện.

Chính kim bài vua Đường Minh Hoàng ban cho, Ngài đã dạy cho những tên tham quan vơ vét của nhân, tham lam,

hối lộ. Nhưng khoảng thời gian năm 61 tuổi, Ngài chán công quyền, bèn du ngoạn trên Động Đình Hồ cùng bầu rượu và túi thơ. Trong lúc say sưa trong men rượu, tiếng nhạc tiêu thiêu từ không trung đưa xuống, cá kình dưới hồ nổi lên, Tiên Đồng bỗng hiện ra giữa bầu trời, tay cầm phước và thừa cùng Ngài:

“Phụng lệnh Thượng Đế, xin rước Tinh Quân trở về ngôi cũ”.

Trong Đạo Cao Đài có Tam Trấn Oai Nghiêm, tức là ba Vị mà Đức Chí Tôn lựa chọn đủ hạnh đức, đủ quyền lực độ đời và làm tấm gương sáng cho nhơn loại sùng bái. Tam Trấn là Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân. Nhị Trấn là Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai. Nhứt Trấn là Đức Lý Đại Tiên Trưởng, kiêm quyền hành Giáo Tông trong cửa Đại Đạo.

Có một số người hiểu rất sai vì chỉ dựa vào danh xưng tụng. Ví như, Đức Lý Đại Tiên, người ta cứ hiểu là một vị Tiên có quyền hành lớn nơi cửa Thiêng Liêng. Đại Tiên là nói về kiếp trần Ngài tá trần đời nhà Đường, làm quan lớn. Sau đó, phé phạt tu hành đắc quả Đại Tiên. Ngày nay Tam Kỳ khai mở, chấn hưng nền Tam Giáo, Đức Chí Tôn chọn Ngài làm Nhứt Trấn Oai Nghiêm để thủ cơ truyền giáo, cầm cân nảy mực, nhất luật pháp, giới điều, tội trùng công thưởng.

Đức Ngài chưởng chấp Tiên Đạo tuy hàng thiêng liêng vị của Ngài không thể nào tả được. Trong thánh thi Ngài giảng bút nói về quyền pháp chấp chưởng trong thời Tam Kỳ như sau:

*“Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch,
Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu.
Quyền năng vưng thuở Thiên triều,
Càn Khôn Thế giới dất dìu Tinh Quân”*

Căn cứ thi văn nêu trên, chúng ta có thể luận rằng, Ngài là một Đấng hằng hữu, tự hữu đã có khi Ánh Thái Cực xuất hiện. Nghĩa là Ngài đã có tự thuở Tiên Thiên, được sanh ra từ nguồn ánh sáng vô biên Thái Cực. Trách nhiệm của Đấng Tự Hữu này quản trách Ngôi Linh Tiêu Điện, nắm vững Thiên Triều, làm cho càn khôn an vững, dẫn dắt Tinh Quân thực thi cơ giáo Đạo.

Năm 1925, Đức Lý có giảng cơ với bài thi như sau:

*“Đường trào hạ thế hưởng Tam quan,
Chẳng vị công danh, chỉ hưởng nhàn.
Ly rượu trăm thi, lời vẫn nhắc,
Tánh Tiên muôn kiếp, vốn chưa tàn.
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thi văn đồ chứa chan.
Bồng đảo còn mơ khi bút múa,
Tả lòng thế sự vẽ giang san”.*

Khai mỗi Đạo Ân Xá kỳ ba, Đức Chí Tôn rộng mở, thu nhận Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam Thập Lục Thánh, Thất Thập Nhị Hiền, Tam Thiên Đồ Đệ. Nhứt Phật là ngôi phẩm Giáo Tông hữu hình. Quyền chấp chương cơ thường phạt vô vi do Đức Lý cầm. Cho nên, Đại Tiên chỉ là khơi nhắc một kiếp giảng trần Lý Bạch. Còn ngươn linh của Ngài, ta không thể đo lường và biết rõ trong cõi giới thiêng liêng. Cái trọng yếu của người Tín Hữu là sùng ngưỡng Chánh Pháp Tam Kỳ, kính trọng Tam Giáo, noi tuân hành pháp kỷ của Tam Giáo, thực thi trọn luật của người môn đồ Cao Đài. Bằng chẳng vậy, căn công lý của Đức Lý Đại Tiên chẳng hề tư vị ai.

103. TÌM HIỂU SƠ NÉT VỀ Ý NGHĨA NHẠC VÀ LỄ TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Có một số người nghĩ rằng Nhạc trong nghi thức đạo Cao Đài có phần nhiều, lộn xộn và đôi khi có cảm tưởng nó thừa nhiều trong nền Đại Đạo và có thể cho rằng khi Nhạc trỗi lên có phần rền tai, nhứt óc. Người Tín Hữu Cao Đài cần nhận biết rõ nghĩa lý của Nhạc nhằm thực thi đúng trong các đàn cúng, tránh thất lễ.

Trong Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh, đêm mùng 01, tháng 08 năm Đinh Hợi [1947]:

“Từ thử ai cũng cho âm thanh sắc tướng là tà mị, mà căn bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc mà chính Đạo Tam Kỳ là

Nho Tông chuyển thể thì phải truy tầm nguyên lý của nó mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào”.

Như vậy, Nhạc là phần quan trọng hình thành nên Nho Giáo. Nhạc và Lễ đi song đôi để tạo nên hồn đạo, tức là căn bản của đạo làm người.

Nhạc tượng trưng cho âm thanh, là lễ mà người đạo nương dựa vào đó mà dâng lễ lên Đức Đại Từ Phụ. Thưở khai minh Đại Đạo, Đức Hộ Pháp có cầu Đức Lý để tìm hiểu về nhạc thì Đức Lý có dạy rằng tại Ngọc Hư Cung nơi Thiêng Liêng cảnh có hai câu liền như sau:

*“Bát hồn vận chuyển ca Huỳnh Lão
Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn”*

Sau này, Đức Hộ Pháp có giảng hai câu này đại ý rằng Đức Chí Tôn là khối Đại Sanh Quang rồi chuyển biến hoá thành hai luồng sanh khí. Rồi hai luồng sanh khí này lại tiếp tục tương hiệp nhau phát ra tiếng nổ lớn mà khoa học hiện đại gọi là “Big Bang”. Tiếng nổ này xem như là nguyên nhân hình thành nên sự sống trong vũ trụ càn khôn.

Sanh khí ấy là chất sống sinh ra từ sanh quang chiếu diệu. Sinh khí lan toả trong không trung đến đâu thì sự sống hình thành nơi đó. Sự sống ấy theo triết học Cao Đài gọi là Bát Hồn: Vật Chất Hồn, Thảo Mộc Hồn, Thú Cầm Hồn, Nhơn Hồn, Thần Hồn, Thánh Hồn, Tiên Hồn, Phật Hồn. Bát

Hồn tức là Vạn Linh, là cơ thể sống của sống của Đức Chí Tôn, vận chuyển không cùng tận.

“Nhạc Tấu Huân Thiên” là lễ dùng âm thanh dâng lên Chúa của Vạn Linh. Ấy là lòng hiếu thảo, quy ngưỡng về Phật Hồn của càn khôn vũ trụ. Khi châu lễ, nhạc vang lên, chúng ta phải tuyệt đối định tâm, nhất nhất cung kính để tâm hoà vào âm thanh kia mà hiến lễ. Tịnh để biết và thấy rằng Bát Hồn đang trường sinh, vận chuyển và chính chúng ta đang dâng cái sống ấy cho Thượng Đế.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề nhạc, Đức Hộ Pháp có thuyết giảng như sau:

“Nên chi từ đây, khi Nhạc Tấu Huân Thiên chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên”.

Thiết tưởng rằng, “đồng thanh niệm Chí Tôn” là trạng thái an tĩnh, gom thần, định trí dâng cả Tam Thể Xác Thân của chúng ta cho Đức Chí Tôn, tức là cái chí định ấy giục khởi, góp vào cái nghĩa lý siêu việt là “vận chuyển Bát Hồn”.

Trong nghi thức Cao Đài, trống được gọi là Trống Lôi Âm tượng trưng cho nguyên lý sản sinh ra càn khôn vạn vật.

Đức Hộ Pháp giảng “*Trống là âm thanh của Đạo*”. Vì vậy, hồn đạo cũng được biểu trưng qua tiếng trống.

Các nhạc cụ là vật chất nhưng có thể tạo ra cái tiếng nói riêng của nó trong trật tự điều hoà biểu thị cho thần định, tức là đạo. Kinh kệ phát ra hoà với âm thanh của nhạc cụ tạo thành một lễ dâng lên Đức Chí Tôn. Tóm lại, chúng ta có thể hiểu cơ bản ba tác dụng của nhạc.

Một là nhạc tượng trưng cho âm thanh Đạo, nguyên lý trường tồn bất tiêu bất biến tức là nguồn sống của Bát Hồn. Hai là nhạc tượng trưng cho âm thanh của sự vận chuyển Bát Hồn. Ba là chúng ta phục sinh sự sống Bát Hồn và dâng hiến cho Đức Chí Tôn. Như vậy, nhạc là lễ mà người Đạo Cao Đài cần biết vai trò, nghĩa ý mà phụng hành cho đúng lý để dâng lễ trọn vẹn trong nghi thức Đại Đạo.

Nhạc-Lễ vốn mang tầm quan trọng với đời sống con người, bởi lễ chúng ta vẫn xem nhạc lễ là thú tao nhã, thanh cao để đáp ứng sở nguyện an không trật tự, vô tôn ti. Nếu thiếu nhạc, đời sẽ trở nên khô nhạt, thất kính, dẫn đến bất hòa. Theo lễ đó, chúng ta thấy các bậc Thánh trước, Hiền xưa hay các bậc Hiền Nhơn vẫn dụng nhạc lễ như một công cụ biểu thị cho tinh thần trật tự và điều hòa trong sự tương quan Nhơn quăng xã hội và nhằm định tĩnh, hướng đến quân bình tâm thức, đạt mức uân chuân đầm ấm lễ sống thể nhân.

Các nền tôn giáo hiện hữu cũng dùng nhạc lễ để thị hiện tính chất Lý-Pháp trong các kỳ lễ như một phần không

tách rời trong công cuộc truyền bá, xiển dương giáo pháp của tôn giáo đó. Bên cạnh sự tồn tại triết lý nhân bản sâu sắc, đưa con người từ vọng niệm đến nhận thức minh triết trong đời sống đạo giáo, từ phàm ngã sang chơn ngã, từ sự an lạc thể xác cho đến siêu rồi linh hồn; lễ nhạc đạo là một phần không thể, thiếu hầu đưa các đàn tiết đi đến giá trị cung kính, trang nghiêm, hoàn hảo, điều động lòng nhơn trở về thực tánh thiên nhiên vốn có.

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài được khai mở trong những năm đầu thế kỷ XX do sự thông linh qua cơ bút, vốn được mặc khải trước đó. Khai minh nền tôn giáo với triết lý tân kỳ, các chư vị Chức Sắc Đại Thiên Phong trong sứ mạng lập pháp đã hoàn thành nhiệm vụ khai mở nền Chơn Pháp theo Thánh Ý Đức Chí Tôn giao phó. Theo dòng lịch sử đạo Cao Đài, chúng ta không thể phủ nhận mọi giá trị tồn tại trong nền tôn giáo vì tính chất quan trọng “Tam Giáo qui nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt” mà hơn hết, nền đạo Cao Đài vốn cổ súy tinh thần “Nho Tông chuyển thế” nên nhạc lễ là thuộc tính rất quan trọng trong đại thể tôn giáo.

Lễ của Đạo Cao Đài coi như một hình thể-tính chất phô diễn cả lý pháp cho toàn thể tín đồ ngó thấy, dụng cả tinh thần đặt để trong đàn cúng để dâng lễ lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Trong khi đó, Nhạc là tiếng trầm bổng, nhứt khoan giúp cho đàn Lễ thêm trang nghiêm, đưa tinh thần của người môn sinh Cao Đài xa lìa các vọng thức, định tâm thanh tịnh, cung kính lễ bái các Đấng Thiêng Liêng.

Người ngoại giáo chưa nhận thức nghĩa lý và tầm quan trọng của Lễ Nhạc, nên cho rằng đó làm âm thịnh sắc tướng tạo sự rườm rà, hỗn tạp trong nghi lễ. Kỳ thực, giáo pháp Cao Đài đã minh định vai trò quan trọng và sự hiện diện của Lễ Nhạc trong Thể Pháp và Bí Pháp của nền Đại Đạo với bằng chứng, Hội Thánh đã chấn chỉnh hoàn mỹ Bộ Nhạc Tòa Thánh Tây Ninh dưới bàn tay khéo léo của Chư Chức Sắc Đại Thiên Phong cầm quyền, điều đình cho ra tròn đẹp. Công Bộ Nhạc Tòa Thánh Tây Ninh có hai câu liên:

*“**LỄ** địa trần minh nhơn gian tôn trật tự,
NHẠC do Thiên tác truyền thông thế giới chủ điều hòa”*

Tạm diễn nghĩa:

Câu một: **lễ** đi từ thể trần làm sáng tỏ con người biết tôn trọng trật tự.

Câu hai: **nhạc** do thiên nhiên tác động để truyền bá sự điều hòa khắp hoàn vũ.

Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao Quỳnh Diêu giảng luận về Nhạc Lễ như sau:

“Lễ là một việc trọng hệ vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày trước mặt người. Chư Đạo Hữu cần phải để công xem sóc nhắc nhở nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành Lễ cho trang hoàng, hầu tỏ tác lòng thành kính của mình cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thần, lại cũng là một phương châm về đường phổ độ nữa....Nhạc

cũng là việc cần yếu vì phương làm cho đầm ấm tao nhã, cốt để dìu dẫn giúp cho thành Lễ ra vẻ long trọng, vì che lấp các việc xao động trong cơn hành Lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhất khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trôi mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên bằng cái mệt mỏi trong cơn hành Lễ, hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đờn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiên tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo...”

Trước khi được thăng phẩm lên Bảo Văn Pháp Quân (năm 1930), Đức Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân có trọng trách sắp đặt Lễ Nghi và Âm Nhạc đạo vào quy tắc sau khi khai đạo một năm, tức là năm 1927. Năm 1929, vâng mạng lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài soạn ba bài Dâng Tam Bửu (được dâng lên Bát Nương chính văn) để thay ba bài cũ đã dùng trước đó. Tiếp sau đó, vâng lệnh Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài viết bài kinh “Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu”. Song hành đó, Ngài còn viết cuốn “Nghi Tiết Đại Đàn và Tiểu Đàn” được Đức Hộ Pháp duyệt và dâng lên Hội Thánh phê chuẩn hầu hoàn thành cả nền thể tướng Lễ Nhạc Đại Đạo, thống nhất các nghi tiết trong Đạo Cao Đài từ Hội Thánh cho đến các Thánh Thất địa phương.

Nền Nho Giáo đã vạch ra giá trị căn nguyên, nghĩa lý của nhạc và lễ. Lễ là trật tự của Trời Đất Càn Khôn. Lễ là sự điều hòa vạn vật. Cả hai phải trường tồn mới để đảm bảo sự thuật hòa, dịch chuyển, tương quan qua lại. Cho nên, Đạo Cao Đài đưa nhạc lễ làm nền móng yếu trọng để biểu thị nội hàm nghi thức và nghĩa lý đạo học để làm nghi tiết đủ đầy

dâng lễ cho các Đấng Thiêng Liêng và hầu giúp con người nhìn hình thức mà “cách vật trí tri”.

104. DÂNG TAM BỬU

Đạo Cao Đài lấy Hoa, Rượu Trà tượng cho Tam Bửu, là phần quý giá nhất của con người để dâng lên Thiêng Liêng. Tam Bửu là ba bửu phẩm quan trọng của con người, tức là Tinh, Khí, Thần.

Tinh là Thể Xác [Physical Body] được tượng trưng bằng hoa, thể hiện sự tươi thắm, sống động hiện hữu bằng sắc tướng hữu hình. Thi hài sản sinh ra từ tinh cha huyết mẹ. Nếu không có cha mẹ, thì thi hài kia sẽ không có. Vì vậy, Cha Mẹ là bản nguyên của Tinh. Nếu xét về nghĩa “thể và dụng”, Tinh là “dụng” trong khi thần là “thể”. Thế nên, Tinh tức thể xác là con kị vật sống nhờ năng lực của “dụng” tức là thần. Thần hiện hữu qua nhục nhãn nhờ biểu thị của Tinh vận chuyển.

Khí [Gas] là Chơn Thần được tượng trưng bằng rượu. Thể xác là đệ nhất xác thân, Chơn Thần là đệ nhị xác thân do Đức Phật Mẫu nắn tạo. Sứ mạng của Chơn Thần là dìu độ Tinh đi trên con đường đục tấn phù hợp với Pháp. Chơn Thần trong sạch hay mờ ám do bụi trần bao phủ là do chính Chơn Thần, bởi lẽ hành tàng sống của Tinh là kết quả do Chơn Thần gánh lấy. Nếu Chơn Thần đủ năng lực dìu độ thể xác giục tấn không ngừng thì Chơn Thần càng trong sáng,

gạt đục khơi trong, càng tịnh tiến đến cửa thiên môn mà hiệp nhứt cùng Chơn Linh để hườn Tánh. Bằng ngược lại, Chơn Thần phải gánh lấy hậu quả những gì thể xác gây tội tình và thể là Chơn Thần lặn trôi trong vòng nghiệp quả vay trả, trả vay, biến duyên trong sinh tử luân hồi.

Thần [Spirit, Soul] được tượng trưng bằng trà. Thần là Linh Hồn, là Diệu Tánh, là Thật Tánh, là Chơn Như, là Tiểu Linh Quang, là Tiểu Vũ Trụ, là Thể Tánh...đi ra từ bản nguyên đồng thể của Thái Cực tánh. Nên chi, hồn là phần tinh anh chiếu diệu, bất tiêu, bất diệt như Đại Ngã. Khi Tinh Khí hiệp cùng nhau đủ thanh trong thì ánh sáng của Chơn Linh sẽ gọi soi hiệp cùng Chơn Thần mà trở về nơi bản nguyên.

Nếu theo một quy chiếu nào đó, ta có thể hiểu Dân Tam Bửu như một nghi thức Quy Y Tam Bảo bên Phật Giáo.

Phật là bản nguyên sản sinh ra càn khôn vạn loại. Nếu bất tòng Phật tức ta đang chối bỏ sự sống, chối bỏ cái linh diệu vốn có của ta, cái ta của tự tánh. Tự Tánh ấy là Phật. Muốn bản lai diệu tánh ấy trở về Thiên Thai, ta phải tòng Phật, tức là quy ngưỡng Trời Đất, Phật, Tiên, Thánh, Thần, Cửu Huyền Thất Tổ. Chúng ta biết thể tánh ta là Như Lai nhưng phải biết con đường đục tẩn trở về. Nên con đường ấy là Pháp.

Chơn Thần thuộc về Pháp. Pháp đi từ trong Phật. Không có Phật thì không có Pháp. Thế xác phải từng Phật. Từng Phật vẫn chưa đủ, buộc phải từng Pháp.

Từng Phật, từng Pháp vẫn chưa đủ. Pháp buộc chúng ta phải từng Tăng. Tăng ở đây phải hiểu là Vạn Linh đôi kháng cùng Chí Linh. Tăng là vạn linh sanh chúng, không phải giới hạn trong những người quy y nơi cửa của một tôn giáo nào.

Như vậy, từng Tam Bảo giống như dăng Tam Bửu.

Trời có Tam Bửu là Nhật Nguyệt Tinh mà càn khôn an tịnh. Đất có Tam Bửu là Thủy Hoả Phong mà mưa thuận gió hoà, bốn mùa xuân hạ thu đông vẫn xoay theo bánh xe tạo.

Người có Tam Bửu là Tinh Khí Thần.

Ngày nay, Đức Thượng Đế mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi tắt là Cao Đài với chủ thuyết quy nguyên Tam Giáo, phục nhất Ngũ Chi. Ngài đến bằng tình thương yêu ái như một ông Cha trần gian, ôm ấp gần gũi với con cái của Ngài. Ngài kêu con cái của Ngài yêu thương lẫn nhau, đổi lại Ngài cho ngôi Tiên, phẩm Phật. Ngài lại dạy chúng ta dăng Tam Bửu, là ba món quý nhất của ta cho Ngài. Ấy là quyền năng tự giải thoát mà Ngài trao cho con cái của Ngài trong thời mạt hạ.

Như vậy, người tín hữu Cao Đài dâng Tam Bửu hằng ngày không phải chỉ đơn thuần là dâng hoa, rượu, trà mà chúng ta phải thực thi trọn vẹn ý nghĩa thâm sâu mà Đức Chí Tôn muốn gửi gắm qua Thễ Pháp Dâng Tam Bửu. Dâng Tam Bửu là trọn dâng ba thể xác cho hai Đấng Chí Linh. Thật vậy, quyền năng sống và quyền năng chết, thắng hay thua không phải là quyền chủ định của ta mà do nơi quyền năng Thầy Mẹ định đoạt.

Theo con đường tu mà Đức Hộ Pháp dạy chúng ta rằng, phải đủ Tam Lập. Tam Lập với ai? Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn với vạn linh vậy.

Chúng ta thấy rằng, Bí Pháp dâng Tam Bửu là Quy Tam Bửu, phụng sự vạn linh trong vô cầu. Ấy là bí pháp giải thoát mà Đức Chí Tôn trao nơi tay của mỗi cá thể trong cuộc Đại Ân Xá Kỳ Ba.

105. TẠI SAO TA PHẢI “TÌM NGUYÊN DO CỦA VẠN LINH CÙNG CHÍ LINH”

Theo triết lý Cao Đài giáo, địa hoàn đã trải qua Tam Chuyển. Cứ mỗi chuyển gồm ba ngươn. Hiện tại, con người đang sống tại thời điểm Hạ Ngươn của Tam Chuyển nên gọi là Hạ Ngươn Tam Chuyển, sắp bước sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Thuyền từ bi của Đức Phật Mẫu cho 100 ức Nguyên Nhân xuống thế giáo hoá, độ người nhưng vì bụi

trần đã buộc ràng các Nguyên Nhân và không phương giải thoát. Đức Đại Từ Bi mở cơ Ân Xá Tận Độ Tam Kỳ cốt rước các Nguyên Nhân còn đoạ lạc.

Đức Hộ Pháp là Ngự Mã Thiên Quân vâng mạng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo. Đức Ngài giảng rõ, có ba phương pháp lập vị để trở về thiêng liêng:

1. Con đường thứ nhất là con đường đi trong hàng ngũ Cửu Trùng Đài tức là lập vị theo Cửu Thiên Khai Hoá. Bước đường sẽ nương vào phẩm tước, quyền hành theo luật pháp của Hội Thánh Cửu Trùng Đài để lập công nghiệp. Phẩm trật từ hàng ngũ Đạo Hữu [Địa Thần] cho tới Giáo Tông [Thiên Tiên].

2. Con đường thứ hai là con đường lập vị theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, tức là theo cơ quan Phước Thiện. Phẩm trật từ Minh Đức [Trung Thừa Thần Vị] cho tới Phật Tử [Đồng quyền cùng Đức Chí Tôn] [Theo Nguyệt San Đại Đạo số 2 năm Ất Ty -1965]

3. Con đường thứ ba là Tu Chơn. Đây là con đường có thể nói khó khăn nhất vì đó là con đường tu tắt và vì liên quan đến bí pháp tịnh luyện, khai khiếu để Tinh hoá Khí, Khí hoá Thần, Thần hườn hư, hư hườn vô.

Khi chúng ta đi theo con đường Cửu Thiên Khai Hoá hay con đường Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng hoàn hảo

và nếu còn có khả năng tiếp tục tinh tấn, đủ Tam Lập thì chúng ta có thể bước sang con đường thứ ba. Thuyết-đạo của Đức-Hộ-Pháp về con đường Thiêng-Liêng hằng sống tại Đền Thánh đêm 13 tháng 08 Mậu Tý/1948 có giảng như sau:

“Cách thứ ba là cách tu-chơn, hay là cách tịnh-luyện cũng thế. Những người đi trong Cửu-phẩm Thần-Tiên, hay Thập-nhi đẳng-cấp Thiêng-liêng. Khi nhận thấy Lập đức, Lập công, Lập ngôn rồi, hay đã Thọ-khổ, Thặng-khổ rồi, mà còn sức nữa thì vào nhà Tịnh để tu-chơn”.

Con đường thứ ba tức là Tu Chơn tịnh luyện là con đường rất ráo có thể hội diện cùng các Đấng Siêu Hình nơi cõi Hư Linh. Nên, để bước vào cửa tu tịnh, thiền định, có quá nhiều tiêu chí cao đòi hỏi con người phải chí chơn, chí mỹ, chí thiện, chí thánh như Đức Hộ Pháp đã nói tức là dùng phương pháp “cân thần” để đánh giá con người có thể đạt để bước vào con đường thứ ba hay chẳng.

Trong “Phương Luyện Kỷ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo” của Đức Hộ Pháp, Đức Ngài có dạy *“Phải biết thân thích cùng cả nhơn vật tức là tìm nguyên do của Vạn Linh cùng Chí Linh”*. Vậy tại sao Đức Hộ Pháp bảo con người *“phải tìm nguyên do của Vạn Linh cùng Chí Linh”*? Vạn Linh là ai? Chí Linh là ai?

Nếu không có khí Hư Vô thì không có Ánh Thái Cực. Nếu chẳng có Thái Cực thì chẳng có đen tối, tốt xấu, trái

phải, trên dưới, sáng tối, nam nữ...Cho nên, Thái Cực là Đức Chí Tôn, là ngôi Chí Linh tức là nguồn sống của vũ trụ, là bản nguyên của cả cơ thể càn khôn vậy.

Khi Thái Cực phân làm Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái rồi hoá sanh ra vạn loại trong càn khôn. Vạn loại ấy dù trong, dù đục, dù sáng dù tối cũng thuộc Hậu Thiên đi từ Tiên Thiên. Cho nên, Vạn Linh là tất cả sự hiện hữu trong vũ trụ càn khôn biến xuất từ Thượng Đế. Bản nguyên của Vạn Linh có cùng bản nguyên của Chí Linh. Chính lẽ đó, trong các tôn giáo xưa nay vẫn muốn cố gắng dùng ngôn từ riêng rẽ để cốt biểu thị một Ngươn Linh sống thuộc quyền chủ định của Chí Linh.

Sự ràng buộc liên đới giữa Vạn Linh cùng Chí Linh gọi là Pháp. Sự bất diệt của ngôi Càn là Phật. Sự sống biến sanh vô biên vô tận và tấn hoá để “vạn thù quy nhất bản” gọi là Tăng.

Người Tín Hữu Cao Đài khi vào hầu lễ Đức Chí Tôn sau khi quỳ xuống, phải niệm “Nam Mô Phật” ngay chính giữa trán, “Nam Mô Pháp” bên trái trán và “Nam Mô Tăng” bên mặt trán. Ấy là nhắc nhở chúng ta phải Tam Tòng Phật Pháp Tăng. Vạn Linh đối diện với Chí Linh để tìm con đường phản bản. Nên lẽ dĩ nhiên, người tín hữu Cao Đài cần biết Vạn Linh, biết Chí Linh đề tòng Chí Linh là Phật, cần biết con đường phản bản là Pháp và cách thức thực thi là

phụng sự Tăng. Tùng Phật, tùng Pháp, tùng Tăng để Vạn Linh hoà hợp cùng Chí Linh.

106. SƠ NÉT VỀ TAM TRẦN TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Đức Quan Thánh Đế Quân họ là Quan. Người đời xưng tụng là Thánh. Nên người được tụng xưng là Quan Thánh. Ngài tên thật là Quan Vũ, sinh 162 và mất năm 219, tự là Vân Trường hay Trường Sinh. Trong “ngũ hổ tướng” của nhà Thục, không thể thiếu vắng tên tuổi của Ngài. Ngũ hổ bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Nếu xuyên suốt luận xét qua lăng kính đạo học Tam Giáo, Đức Ngài là bậc hiếm có vì tín ngưỡng dân gian tôn vinh Ngài trong cả Tam Giáo Đạo. Với Nho Giáo, Ngài được tôn vinh là Văn Xương hay Vệ Á Thánh. Với Đạo Giáo hay Tiên Gia, Ngài được vinh tôn là Hiệp Thiên Đại Đế hay Dục Hán Thiên Tôn. Với Phật Tông, Ngài hiển Thánh khi mãn kiếp trần và lập công, tu tiếp đến đoạt pháp và được tôn hiệu là Cái Thiên Cổ Phật hay Phật Đà Lam.

Khi Ngài còn sinh thời, dân Trung Hoa đã tôn vinh Ngài là Á Thánh và truyền tụng rằng:

“Ở Sơn Đông có một người làm kinh Xuân Thu [tức Khổng Tử]; Ở Sơn Tây có một người xem kinh Xuân Thu [chỉ Quan Thánh Đế]”.

Cho nên, cái chí và cái công của Ngài được mô xưng tụng qua hai câu:

*“Chí tại Xuân Thu, công tại Hón,
Trung đồng Nhựt Nguyệt, nghĩa đồng Thiên”*

(Tạm dịch: Chí lập tại Kinh Xuân Thu, lập công cho nhà Hón. Trung ví như mặt trời, trăng, nghĩa tựa Trời).

Theo giáo sư tiền sĩ người Hà Lan, một nhà nghiên cứu văn hóa Trung Quốc của Đại học Hamburg và tác giả sách *Guan Yu: The Religious Afterlife of a Failed*, "sự nghiệp tâm linh kiếp sau" của Quan Vũ bắt đầu với giai đoạn là một vong hồn được dân địa phương lập miếu thờ để cầu an, qua mấy trăm năm trôi trở đến thời nhà Đường thì được "phong thánh" trở thành "Quan Công", được đưa vào miếu thờ của Phật giáo. Đến thời nhà Tống, "Quan Công" được đưa vào nghi lễ cúng bái trừ tà của Đạo Giáo, rồi đến thời nhà Minh, nhà Thanh, được phong làm "Quan Thánh", "Quan Đế".

Tại các nơi thờ phụng Ngài, thường bắt gặp câu:

*“Xích diện bình xích tâm, kỳ Xích thổ truy phong, tri
khu thời, vô vong Xích đế
Thanh đăng quang thanh sử, trượng thanh long yển
nguyệt, ần vi xư, bất quý thanh thiên”*

[Tạm diễn nghĩa: Mặt đỏ lòng son, cười Xích thố như gió, khi rong ruổi không quên vua Đỏ. Đèn xanh xem sử xanh, nướng thanh long yển nguyệt, chốn ẩn vi chẳng thẹn với trời xanh].

Hay:

*“Sinh Bồ châu, sự Dục châu, chiến Kinh châu, thủ Từ châu, vạn cổ thần châu hữu nhất
Huỳnh Huyền Đức, đệ Dục Đức, cầm Bàng Đức,
phóng Mạnh Đức, thiên thu chánh đức vô song”*

[Diễn nghĩa: Sinh ở Bồ châu, làm việc tại Dục châu (cùng Lưu Bị), chiến Kinh châu, thủ Từ châu, trước giờ chỉ có duy nhất ở Thần châu, Anh là Huyền Đức, em là Dục Đức, bắt giữ Bàng Đức, tha Mạnh Đức, ngàn thu đức lớn không ai sánh bằng]

Khai Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn chọn Ngài làm Tam Trấn Oai Nghiêm thế cho Nho Giáo. Sứ mạng giữ luật công bình, trừ tà, diệt my, trừ khử tà tâm, người phản loạn chơn truyền, bất tuân thiên lệnh, phân chia phe phái làm manh mún Thánh Thể của Thượng Đế.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, Thầy có nói:

“Quỉ-Vương đến trước Bạch-Ngọc-Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác; chúng nó hiệp Tam-Thập-Lục-Động toan hại các con; nên Thầy sai Quan-Thánh và Quan Âm đến gìn-giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh-Thệ nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận”.

Như vậy, chúng ta thấy sứ mạng của Đức Ngài trọng hệ thế nào trong cửa Đạo. Chính vì cái tầm trung nghĩa của Ngài cao sâu, nên Ngài là tấm gương sáng cho người Tín Hữu Cao Đài sùng ngưỡng và học theo.

107. SỰ HẰNG SỐNG THEO TRIẾT LÝ CAO ĐÀI

Trong vũ trụ bao la vô định bằng con mắt nhãn nhục, chúng ta luôn thấy có sự sống đang luôn luôn chuyển, biến hiện theo dòng thời gian bất tận. Lãng kính đạo học Cao Đài đã cho chúng ta đã thấy sự sống ấy sinh tồn như ra lẽ nào và theo nguyên lý sinh diệt thế nào.

Chúng ta hằng ngó thấy thể pháp mà người Tín Hữu Cao Đài quỳ tại Cửu Trùng Đài đánh lễ trước Bát Quái Đài, khi bái lễ kính niệm " Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng". Đó là kính Phật, kính Pháp, kính Tăng tức là quy Tam Bảo. Chúng sanh muốn "vạn thù quy nhất bản" buộc phải quy ngưỡng cả ba, không thể thiếu một trong ba.

Bổn nguyên của vạn vật trong càn khôn vũ trụ biến xuất ra là từ Khí Hư Vô. Trong khí Hư Vô biến xuất ra ngôi Thái Cực, tức là chủ thể sinh trưởng ra muôn loài từ vật chất hồn cho tới Phật hồn. "*Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*". Vậy cái tánh linh diệu ấy là từ Đại Hồn của vũ trụ, tức là Đức Chí Tôn phân tánh ra. Cho nên, Phật tánh ấy bất diệt mà buộc nó phải tùng Phật, nghĩa là quy về nguồn cội thiêng liêng nơi đã tách bước ra đi. Người không biết chơn tâm, bất kính với Trời Đất nghĩa là chẳng kính Phật.

Pháp là những tiêu chuẩn, khuôn mực thiêng liêng định phẩm, cân lường tội phước của chúng sanh. Người bất nhân, bất nghĩa, vô đạo đức...tức là phạm đến Pháp. Nếu kính ngôi Phật thì phải tùng Pháp để tiến hoá giục tấn không ngừng theo dòng tiến hoá.

Khi kính Phật, tùng Pháp thì phải biết phụng sự Tăng. Tăng là vạn linh không phải chỉ là sư sãi tăng ni theo định nghĩa giới hạn Phật Đạo, mà bao gồm cả chúng sanh con người, thú vật...Quy Tăng là nâng đỡ, yêu thương hay bất cứ hình thức nào góp vào cơ tấn hoá về mặt hữu hình và vô vi. Phụng sự quên mình vì tha nhân thực chất là lo bản thân. Hơn nữa, vạn linh là cơ thể sống của Thượng Đế. Chúng sanh lo cho cơ thể của Thượng Đế tức là lo cho sự tiến hóa của bản thân.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo:

"Sự thương yêu là giếng bảo sanh".

Do đó, muốn về bản nguyên thì pháp lý buộc chúng sanh phải tòng Phật, Pháp, Tăng để giúc tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống.

Từ những điểm trên, sự "Hằng Sống" đã hé lộ qua cõi giới. Hằng sống trong cõi thiêng liêng, trong cõi trần tục và trong cõi đoạ.

Phật tánh chơn như luôn chiếu diệu bất sanh bất tử, ấy là Chơn Linh nơi cõi thiêng liêng. Khi Chơn Thần tinh anh trọn khiết, ánh sáng Chơn Linh rọi chiếu và hợp thể. Đó là trạng thái cực Dương đoạt đạo. Dù trạng thái ấy được biểu tả như thế nào, lẽ hằng sống luôn bất biến trong cõi thiêng liêng.

Chơn Thần chưa thuần chơn vô ngã, bị con ky mã luống trôi theo trường phàm chất vô minh, chơn thần sẽ phải chịu tác động của luật thiên điều. Chơn thần phải trầm luân nơi cõi âm quang khổ đau mà học tập để tiếp tục hành trình tấn hoá. Đó là sự hằng sống trong cõi đoạ.

Cõi sắc giới đi từ bánh xe pháp vô vi biến tạo ra. Phật, Tiên, Thánh, Thần cũng từ cõi phàm mà tịnh tiến về cõi thiên thai lạc cảnh. Chơn Thần dấn thân vào cõi sắc để lập vị cho mình. Khi đã gạn lọc, khơi trong, hoàn tất sứ mạng diu độ thể xác lập công, bồi đức...thì hợp cùng chơn linh mà về cõi

thiên nhiên hằng sống. Vạn vật từ vật chất hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn đều điều động sinh trưởng trong lẽ hằng sống bất diệt. Từ cây khô, xác thối, mạch máu, tế bào, côn trùng...cũng chứa lẽ hằng sống và tiến hoá mãi mãi cho đến chu trình tái sinh mới.

Như thế ấy, triết học Cao Đài nêu lên lẽ Hằng Sống trong mọi tiến trình của bánh xe Tạo Hoá. Dù trong trạng thái sinh hay tử, lẽ hằng sống luôn bất diệt theo máy Tạo.

108. SƠ NÉT VỀ HAI CÂU

*"QUỐC ĐẠO KIM TRIỀU THÀNH ĐẠI ĐẠO
NAM PHONG THỦ NHỰT BIẾN NHON PHONG"*

Đức Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 năm 551 TCN, là một nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà triết học danh tiếng có sức ảnh hưởng rất rộng vì thế mà người đời xưng tụng là Vạn Thế Sư Biểu, nghĩa là " thầy của muôn đời". Triết học tâm linh của Ngài đi từ Nhơn Đạo, vì thế sức ảnh hưởng về đường lối của Ngài đi vào đời sống nhân sinh như một tiêu chuẩn định lượng, như thước đo đạo đức con người. Việt Nam cũng không ngoại lệ, đã tiếp đón nền Khổng Học và hoà vào phong hoá Việt, tạo nên bức tranh đạo sống động đánh kính ngưỡng.

Nước Việt Nam nghèo khổ vì trải qua nhiều thời kỳ đô hộ của ngoại bang nhưng tinh thần hấp thụ văn hoá tôn

giáo rất cao. Từ những khuôn mực nguyên thủy đạo giáo bên ngoài, Tổ Phụ chúng đã hoà huyễn chọn lọc sao cho phù hợp với văn hoá bản địa vốn đã chú trọng về tâm linh nguồn cội. Cho nên, văn hoá tâm linh Việt chứa đựng những bản thể mang tính phổ dụng, hướng về một đời sống nhân sinh phù hợp với cơ Tạo Đoan để thăng hoa trên con đường tâm linh.

Đức Chí Tôn chọn nước Việt để lấy nền phong hoá Việt làm tiêu chuẩn gây dựng nền Đại Đạo. "Đại Đạo" mang hai nghĩa, vừa hữu hình vừa vô vi.

Về thể gian tính, nền Tôn giáo Cao Đài quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, nghĩa là tiêu chuẩn của Tam Giáo và Ngũ Chi là cơ sở dục tấn của chúng sanh tại thế. Đó là khuôn luật thuộc về Pháp nên bất biến, con người có tấn hoá hay không cũng dựa vào đó để đo lường.

Về vô vi tính, đó là cơ đại ân xá tận độ trong theo bánh xe pháp giới.

Con người do phàm tánh, vô minh, trược chất hồng trần mà thường ngộ nhận chân lý rồi dị biệt hơn thua, dựa vào sắc tướng tôn giáo thể gian rồi đi đến phân rẽ. Đức Chí Tôn phải luy đổ mà ban nền đại xá, quy nạp tất cả tín ngưỡng trên mặt địa cầu để anh em biết nhìn nhau, biết nhìn Đấng Cha chung, biết cùng bốn nguyên nguồn cội để khỏi chia

Nền phong hoá của Việt Nam đủ năng lực làm chuẩn thẳng cho nền phong hoá của quả địa cầu, nên Đức Chí Tôn đến Việt Nam và dựng cờ Đại Đạo nơi nước Việt Nam bé nhỏ. Chúng ta, những người con ưu tú Việt có quyền tự hào trên nét văn hoá đạo học, từ đó biết nâng mình lên địa vị xứng đáng như Đức Đại Từ Bi đã mong muốn, tức là đặt nền phong hoá Việt làm biến nhơn phong trên mặt địa cầu, để rồi Trống Lôi Âm, chuông Bạch Ngọc âm vang thức tỉnh chúng sanh trong thất ức niên.

109. Ý NGHĨA HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ

Từ tạo thiên lập địa, khí hư vô biến xuất ngôi Thái Cực, rồi Thái Cực phân lưỡng nghi Âm Dương, phân định Trời Đất mà tạo ra vạn vật trong càn khôn thể giải, thì chưa có một nền tôn giáo nào hưởng đặc ân như thời Tam Kỳ Ân Xá.

Trong cửa Đại Đạo, Đức Chí Tôn buộc Đức Phật Mẫu phải bày Bí Pháp giải thoát tại mặt thể đề độ rồi vạn linh trong thời mạt pháp Long Hoa vận chuyển. Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp có giảng: *"Ấy là một bí pháp tối quan trọng, một bí pháp hy hữu ngàn năm có một"*.

Đức Chí Tôn phân chiết ra cho mỗi chúng sanh một điểm linh tánh huyền diệu như Ngài. Tuy nhiên, theo luật công bình Thiên Đạo, mỗi chơn tánh ấy muốn đắc nhất phải

tùng khuôn luật tiến hoá, tức là phải chịu đào lộn trong bát phẩm chơn hồn để lập vị.

Đức Phật Mẫu thì dùng Khí Sanh Quan đào tạo và trưởng dưỡng Chơn Thần tức là Đệ Nhị Xác Thân. Chỉ khi chơn thần được thuần mỹ trong sạch mới có thể được ánh sáng của Chơn Linh chiếu rọi để hợp nhứt. Trạng thái đó gọi là đoạt đạo.

Theo dòng tiến hoá, mỗi đơn vị phân tán ấy chịu trong vòng thúc phược của trần trần cấu mà không sao thoát được Tứ Khổ. Thiêng Liêng cho 100 ức Nguyên Nhân xuống thế giáo hoá nhơn sanh nhưng cũng lạc lối không phương trở về.

Qua các thời kỳ, Tam Giáo Đạo đã độ dẫn được 8 ức trở về. Nay vẫn còn 92 ức còn đoạ lạc. Đức Chí Tôn vì lòng đại bi, quyết định tận độ, nên đã đặt để Bí Pháp giải thoát tại mặt thế. Vì thế, dù nền đạo còn phôi thai, Đức Phật Mẫu cùng Cửu Vị Tiên Nương lâm phạm qua huyền diệu tiên bút, đã đem đến Bí Pháp đủ năng lực cứu độ vạn linh qui hồi cựu vị. Vì thế, Hội Yên Diêu Trì là một bí pháp vô cùng trọng đại mang ý nghĩa cứu cánh cho toàn nhân loại trong thời kỳ mạt pháp mà chúng ta không thể xao lãng.

Hội Yên Diêu Trì Cung là bí pháp mẫu nhiệm của cơ giải thoát tại thế. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung là một cuộc lễ trọng yếu trong nền Tôn Giáo của Đức Chí Tôn, Bàn Đạo lấy triết lý vì có nào ngày nay Đức Phật Mẫu đến cùng chúng ta. Trong triết lý ấy do nguyên nhân của nó là phép an ninh trật tự đối với cơ Táo đoan Càn Khôn Vũ Trụ” [Thuyết Đạo, Q.2]

Trong các thời kỳ trước đây, Đức Lý Thái Bạch cho biết từ thượng cổ đến nay, tức là trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Mẫu tiếp rước các các chơn hồn hưởng hồng ân khi đã đoạt đạo bằng Hội Yến Bàn Đào tại Cung Diêu Trì. Nhưng đến thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Phật Mẫu đến tại thế ban thánh lễ. Đức Hộ Pháp giảng:

“Hội Yến Diêu Trì là cơ quan đặc Đạo tại thế. Đức Kim Mẫu cùng Cửu Vị Nữ Phật đã giảng trần Hội Yến với chư Chức Sắc, xướng họa thi phú và dạy Đạo. Ấy là Hội Chư Tiên tại thế” [Thuyết Đạo, Q.1]

Đức Hộ Pháp lại giảng bí nhiệm của Hội Yến Diêu Trì thêm:

“Chính mình Đức Chí Tôn biểu Đức Phật Mẫu tức nhiên Mẹ sanh của chúng ta cầm cả quyền năng giải thoát trong tay đến lập Hội Yến Diêu Trì tại mặt thế này và cả con cái của Ngài, như là 92 ức nguyên nhân ấy, nếu nhập vào cửa Đạo từng theo chơn pháp thìặng hồng ân của Đức Chí Tôn cho hưởng cái Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại thế này, cái cơ siêu thoát thiên hạ đã đạt trong tay họ sẵn, tức nhiên

giờ phút cuối cùng này là giờ phút hưng thú, giờ phút chết của họ, thì họ đạt vị một cách dễ dàng, ngôi vị nào cơ quan siêu thoát Đức Chí Tôn đã cho không họ đó vậy. Nhờ đó mà cơ quan tận độ Vạn Linh của Đức Chí Tôn đã lập lại tại thế này, từ đây sẽ mở rộng cửa Thiêng Liêng Hằng Sống đặng đến gom góp cả con cái của Ngài, trở về hiệp một cùng Ngài, bí pháp Hội Yến Diêu Trì là vậy đó” [Thuyết Đạo, Q. 2]

Theo lời giảng giải của Đức Hộ Pháp, con người cổ kim phải tìm đạo trong muôn ngàn khổ đau, vạn dặm pha sương, nấp mình trong khổ hạnh nâu sòng mới có thể đạt đạo mà về hội diện Đức Phật Mẫu. Ngày nay, Đạo đến thế gian tìm con người, tức là bày Yến Tiệc Bàn Đào cho con cái Đức Phật Mẫu chung hưởng.

Vạn giáo lập ra trên thế gian này đều do Thiên Mạng, từng mạng lệnh Đấng Chí Tôn, nhằm hướng dẫn, chỉ nẻo con người biết từng Pháp mà tấn hoá không cùng tận trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. Theo trình độ tấn hoá của Nhơn sanh trên mặt địa cầu, theo phong hoá, tập tục của vùng miền mà tôn giáo hữu vi được lập ra để hoá độ con người. Bánh xe Tào nay đã trải qua ba Chuyển, tức là chín Ngươn Hội, con người luôn luôn được hưởng ân huệ thiêng liêng qua các hình thức phô bày triết lý vô vi để con người biết phục thiện, thực thi mọi hành tàng sống phù hợp với luật tiến hoá trở về cội nguồn hằng sống.

Tuy nhiên, điều đặc biệt đáng lưu tâm hơn hết trong bí pháp đoạt pháp là các đẳng chơn thần tại thể nếu từng khuôn luật thiêng liêng, sau khi thoát xác mới hưởng được tiên tử, ăn đào tiên mà thanh lọc tiêu dao nơi cõi siêu sanh hằng sống.

Ngày nay, Hạ Ngươn Tam Chuyển bước qua Thượng Ngươn Tứ Chuyển, Đức Chí Tôn mở cơ ân xá tận độ vạn linh, ban ân để độ con cái Người ngay tại thể, tức là Lễ Hội Yến Diêu Trì.

Tín hữu Cao Đài cần hiểu đẳng bí pháp mẫu nhiệm tại đó vì Bí Pháp này chưa từng xảy ra trong lịch sử tiến hoá của nhân loại. Đức Phật Mẫu đã xuống thế gian, ban tiên tử, đào tiên để độ rồi con cái Người. Đó là bí pháp mà Đức Chí Tôn đã đặt để nơi cửa Cao Đài giáo.

Trong bài minh thuyết đêm ngày 15 tháng 8 năm Kỷ Sửu (1948), Đức Hộ Pháp đã giảng:

"Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì bí pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu để hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn; Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian này cho con cái Ngài giải thoát. Ấy là một bí pháp thiêng liêng duy có tay Ngài định Pháp ấy mới dựng".

Như vậy, quyền năng thiêng liêng định đoạt cơ giải thoát đã phơi bày tại thế, đó là Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì Cung vậy. Từ hồng môn hư vô hoá ra Thái Cực, Thái Cực là nguồn sống tiên thiên hoá sanh, trưởng dưỡng vạn vật trong càn khôn thể giải và quyền chủ tể trong quyền năng vô đối của Ngài. Vậy, bí pháp giải thoát Ngài đã đặt trong cửa Đại Đạo cho vạn linh chung hưởng.

Đức Hộ Pháp còn cho biết sự hạnh hưởng của con cái Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu là người có sứ mạng:

“Hạnh phúc thay cho những người đặng Hội Yến Diêu Trì hôm nay tức nhiên đặng hồng phúc hội hiệp cùng Bà Mẹ Thiêng Liêng của chúng ta lẽ dĩ nhiên được mang sứ mạng thiêng liêng nơi mình, cả toàn con cái của Đức Chí Tôn Nam cũng thế, Nữ cũng thế, kẻ Đông người Tây, kẻ Nam người Bắc đem cả cơ bí mật thiêng liêng của Đức Chí Tôn là lòng yêu ái của Ngài, mà rải khắp cho toàn thể con cái của Ngài đều hưởng” [Thuyết Đạo, Q.5]

Đối với nguồn gốc của Hội Yến Diêu Trì Cung, phải nhắc thời kỳ phôi thai, tức là năm Ất Sửu -1925. Đây là giai đoạn chưa bước đến thời kỳ khai đạo và Đức Chí Tôn hãy còn trong bí ẩn đối với Tam Vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh. Bà Thất Nương Diêu Trì dạy ba Ngài về tầng trời Tạo Hóa Thiên, có Đức Phật Mẫu chương quản và có Cửu Nương theo hầu, rồi dạy các Ngài cầu Đức Phật Mẫu bằng Ngọc Cơ.

Thất Nương lại dạy muốn cầu Đức Phật Mẫu thì ba Ngài phải chay lạt ba ngày liền. Ba Ngài hơn hở rồi tìm mượn Ngọc cơ ở chùa Tam Tông Miếu để chuẩn bị ngày trung thu cầu Đức Phật Mẫu.

Tiếp theo, Đấng A, Ẫ, Ậ chỉ dẫn ba ông bày lễ chay, cách sắp đặt các quả phẩm trên bàn, để chỉ cái ghế cho chín Đấng vô hình là Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương.

Đến đêm Trung Thu, như đã định ước. Cửu Thiên Huyền Nữ giáng hạ cùng Cửu Vị Tiên Nương. Cơ bút các Vị Tiên Liêng yêu cầu ba Ngài đờn và ngâm bài thi để hiến lễ. Sau đó, ba Ngài được mời vào ghế để chung vui yến tiệc chay. Mười Đấng giáng cho 10 bài thi đường luật dạng thất ngôn tứ tuyệt và sau này, các bài đó làm bài thái hiến lễ trong Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Khi gần xong tiệc, các Đấng có khuyến dạy và nói có Ngọc Cơ sẽ tiện sau này chín vị Tiên Nương dễ đến dạy việc. Sau đó, Đấng A, Ẫ, Ậ có giảng cơ. Sự tình chưa hiểu là thế nào nên Đức Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư lấy làm tò mò, bèn hỏi ông A, Ẫ, Ậ cho rõ. Xin trích lược cuộc vấn hỏi của các Ngài cùng Đấng A, Ẫ, Ậ:

“Thượng Phẩm và Bàn đạo tọc mạch hỏi: - Khi này Diêu Trì Cung đến, có Ngài đến ở đó không?”

Đức Chí Tôn trả lời: - Có chứ, Ta ở đây từ khi ban sơ tới giờ.

- Ngài có thấy Diêu Trì Cung đến không?

- Có chứ, chính mình Ta tiếp đãi.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?

- Không ngó thấy.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Sao vậy?

Ngài trả lời: - Ta dùng phép ẩn thân.

Bản đạo tọc mạch hỏi tiếp: - Như đưa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì Cung có thể đạt Đạo đặng chăng?

- Đạt đặng chứ.

Cao Thượng Phẩm hỏi: - Phải làm sao?

Ngài đáp: - Phải tu, bằng không tu thì chẳng đạt đặng.

Bản đạo hỏi: - Tu chừng bao lâu mới đạt đặng?

Cái đó Ngài làm thình. Bản đạo hỏi 1 năm, 5 năm, một ngàn năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, Ngài cũng làm thình, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, không biết chừng nào mới đạt đặng, nghe vậy hay vậy” [Lời thuật giảng của Đức Hộ Pháp”

Đây là những sự việc cơ bản xảy ra đối với nguồn gốc đầu tiên có Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung. Đoái tưởng chút về mầu chót có nghi tiết này, tưởng không phải là thừa đối với hậu tín đồ Cao Đài.

110. TÍNH CHẤT NHẬP THỂ VÀ XUẤT THỂ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Có người cho rằng xuất thể, người thì cho là nhập thể. Thực sự, nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ phải mang cả hai giá trị xuất thể và nhập thể, mới mong cứu độ sanh chúng theo ngọn cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn trong thời kỳ đại ân xá. Nếu chỉ nhập thể, đó là nền chơn giáo hạ thừa. Nếu chỉ hàm chứa tính chất xuất thể, cơ phổ độ không thể hoàn thành trách nhiệm, sứ mạng cứu độ phổ quát đối nhân loại hoàn vũ.

Chu trình tân hoá không ngừng của quả địa cầu 68 theo bánh xe vận chuyển nay đã đến Hạ Ngươn Tam Chuyển, bước qua thời kỳ Thuần Nghiêu là Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

Đức Chí Tôn là nguồn sống của vũ trụ, sản sinh ra vạn loại trong càn khôn thể giới, lấy yêu thương mà lập mối Đại Đạo. Người định Thương Yêu và Công Chánh làm nền tảng cho con cái Ngài lập vị. Ngài qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi để giúp con cái gom tụ trong mái nhà Đại Đạo hầu giục tấn, phản vốn hườn nguyên, thoát sinh tử luân hồi.

Chúng ta đã thấy Thể Pháp tượng trưng lý Âm Dương là Trống Lôi Âm, Chuông Bạch Ngọc sừng sững, tức là hai năng lực sinh khí bổn nguyên tạo ra vạn loại. Đây bản nguyên cơ bản của Trời Đất để hình thành càn khôn vũ trụ, vạn vật.

Từ Thể Pháp hữu tướng ấy, nó dẫn dắt chúng ta đi vào Bí Pháp vô vi mẫu nhiệm, bởi trong chính nền Chánh Giáo này, Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu ban cam lộ gội rửa Chơn Thần chúng sanh cho trong sạch mà hội hiệp tương thông cùng Chơn Linh.

"Ngọc Hư Bát Cổ" là minh chứng rõ về diệu dụng Xuất Thế của Cao Đài giáo, nghĩa là luật Thiên Đình buộc cải sửa và con cái Đức Chí Tôn hội hiệp trong cửa Đạo mà lập vị thiêng liêng cho đến cùng tận.

“Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài Giáo Đạo Nam Phương

“Lịch! Mời cả chư Môn-đệ Minh-Đường của Thầy ra nghe dạy... Cười...

Các con đừng tưởng quấy rằng: vì chia phái mà riêng Đạo. Thầy ráng cắt nghĩa cho các con nghe.

Nguyên từ buổi bế Đạo, tuy chánh pháp ra cũ mặc dầu, chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền. Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên. Nhưng mà có một điều là Ngọc-Hư-Cung bác luật, Lô-i-Âm-Tự phá cổ, nên tu nhiều mà thành ít.

Vì vậy cho nên các con coi thử lại, từ hai ngàn năm nay, bên Á-Đông này đã dựng bao nhiêu Tiên, Phật. Các con duy biết có một mình Huệ-Mạng-Kim-Tiên mà thôi” [TNHT, đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự, ngày 14 tháng 07 năm Bính Dần-1926].

Sau này, Thiêng Liêng ban Tân Kinh, lập Pháp Chánh Truyền và có khải định trong Tân Luật:

“Trong hàng hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp, vào tịnh thất có người chỉ luyện Đạo” [Tân Luật, Chương II-Người Giữ Đạo, điều thứ mười ba].

Theo Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, phần Trai Kỳ, Kinh có nêu:

“Vị nào giữ được thập trai trở lên thì sau khi qui liễu, được Hội Thánh đến làm phép xác, y như lời Thầy đã tiên tri: “Ai giữ trai kỳ 10 ngày sắp lên, được thọ truyền bửu pháp””.

Bửu pháp mà Đức Chí Tôn muốn nói, chúng tôi không luận sâu về mặt vô vi pháp. Qua hai dẫn trích trên, chúng ta nền đạo Cao Đài có đủ bí pháp đưa con người đoạt cơ màu nhiệm thiêng liêng nếu lòng chí thành, cầu đạo và từng luật đạo, phụng hiến công quả đầy đủ theo đạo luật, nghĩa là trùng với lời dạy của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tính chất xuất thế thể qua bửu pháp mà Đức Chí Tôn tiên tri trước chúng sanh là có thể truyền bửu pháp đặc đạo, vào nơi tịnh luyện Tinh, Khí Thần còn tại thế; hai nếu giữ luật đạo, khi bỏ xác, được hưởng cơ ân xá của Thiên Điều.

Đối với tính chất nhập thế, muốn thực thi sứ mạng Phổ Độ, đạo Cao Đài phải dấn thân vào mọi góc cạnh của

cuộc đời dễ phổ hoá, tế độ mọi hoàn cảnh bi thương nơi trần khổ, tế khó trợ nghèo, đói cho ăn, khát cho uống, đau thì thuốc, chết thì hòm, thi ân bố hóa theo chủ nghĩa từ bi của Đại Đạo. Chủ nghĩa ấy không phải chỉ đối với người trong đạo mà rộng khắp sanh chúng.

Đạo Cao Đài trương cây cờ với chủ nghĩa Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng nơi mặt thể với danh hiệu và tiêu chuẩn lập pháp “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” phải có năng lực cứu khổ về hữu hình, làm cho sanh chúng hưởng mùi đạo pháp theo các nghi tiết và độ dẫn sanh chúng vào con đường thánh đức, phục thiện, phù hợp với tánh chất thiên nhiên mà nhập vào trường ân xá của Đức Chí Tôn.

Bởi có đời quá hung tàn, say xưa mùi tục lụy, hám chôn phồn hoa, áo mào cân đai, quên con đường đạo đức, vô minh đầy đầy mà càng xa con đường đạo. Kỳ ba ân xá, đạo phổ bày cứu độ người hữu căn, hữu phước, lại vì:

“Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vì đức háo sanh, không nỡ ngồi xem nhơn-sanh sa vào nơi tội lỗi nên dụng quyền-diệu tiên-thiên giáng cơ giáo Đạo; hơn một năm trường tô vẽ biết bao lời châu tiếng ngọc. E dụng văn từ cao xa người thường không rõ lý, rồi ra dạy cũng như không, nên Đấng Chí-Tôn tiện dùng quốc-âm cho dễ hiểu” [TNHT, Q. 1]

Do vậy, Cao Đài giáo phải nhập thể mới lưỡng toàn sứ mạng diu dắt sanh chúng thoát khổ cả về thể xác lẫn hồn.

Một cách tổng quan, Cao Đài vừa xuất thể vừa nhập thể để đủ linh diệu theo hai chữ Đại Đạo để sanh linh quy bốn theo năng lực đã định của máy tạo. Đức Hộ Pháp đã thuyết:

"Đạo Cao Đài nương theo hai năng lực của hai khối Âm Dương đó. Hễ đối với năng lực tạo ra Càn Khôn thể giải nào thì Đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thể đó".

111. TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

Đạo Pháp và Dân Tộc là hai đối thể luôn song hành đối với con người suốt chiều dài lịch sử tiến hóa của nhân loại vì cả hai chi phối đến những lý tín và quan niệm. Trong những biến diễn đòi hỏi của cả hai đối với con người để các tính chất được hoàn toàn thuần mỹ, sẽ xảy ra những khác biệt trong nhu cầu phục vụ cho tôn giáo hay dân tộc. Có khi tôn giáo sẽ giữ níu con người với mà lìa xa dân tộc. Có khi dân tộc đòi hỏi sự cống hiến mà xa dần tôn giáo. Từ sự đòi hỏi của hai năng lực ấy, đôi khi con người trở nên bối rối trước suy tư trầm nặng.

Tôn giáo là ánh sáng chơn lý trường cửu trên dòng thời gian và không gian, là pháp của càn khôn vũ trụ. Trong

khi đó, dân tộc là hiện sinh hữu hình của không gian và thời gian.

Dân tộc và tôn giáo có dáng vấp như hai thực thể sinh động tồn tại biệt lập và chỉ liên đới tương tác song hành ở một nét đặc biệt nào đó như là một tính chất hiện hữu có hoặc không.

Nhưng kỳ thực, tôn giáo và dân tộc chỉ là hai đặc trưng, hai phương diện chính yếu của một thực thể hiện sinh. Nếu ta đề cập tính hiện sinh thực sự của một thực thể, lẽ khả dĩ, biện chứng tương quan trong sự sinh tồn và sự ràng buộc như một quy luật tất yếu là điều trọng yếu.

Nếu dân tộc hiện hữu mà không có tôn giáo, dân tộc sẽ trở nên cô độc trong tự thân, thiếu ánh sáng minh triết, như sự sống thời cổ đại, chỉ biết sinh tồn ăn uống như một loài thú thiếu lương tri lương năng của chơn lý.

Nếu tôn giáo tồn tại mà không có dân tộc, tôn giáo chỉ có ánh sáng mà thiếu nhu cầu cần thiết ánh sáng, nghĩa là thiếu dân tộc. Trong chiều hướng này, sự hiện hữu của tôn giáo chỉ có ý nghĩa tự thân sinh tồn mà vắng bật tri cảm về sự hiện hữu của tôn giáo.

Khi tôn giáo song hành cùng dân tộc, tôn giáo phải là chiếc bè cứu sinh, là phương trình có ẩn số để dân tộc nương tựa, làm cho dân tộc thăng hoa trên từng chận đường.

Ngược lại, dân tộc là một không gian dung chứa ánh sáng tôn giáo; dân tộc phải trải dài trên dòng thời gian nhờ vào đặc tính cộng hưởng của tôn giáo. Trong viễn cảnh ấy, tôn giáo phải chính là tôn giáo thực thi trọn vẹn vai trò cho dân tộc và chính dân tộc cũng phải chính là dân tộc làm cho hai sự sống cùng phát triển cộng hoà tương hỗ.

Nếu tôn giáo nguy biến thì dân tộc ngã nghiêng. Nếu dân tộc biến nguy thì tôn giáo cũng mờ dần ánh sáng trong vai trò của tôn giáo. Tôn giáo là thuộc tính của dân tộc để dân tộc dân tộc trường tồn theo thể pháp và bí pháp của thể đạo. Ngược lại, dân tộc là thuộc tính của tôn giáo để tôn giáo xiển dương, phát triển giáo pháp độ tha nhân trên sứ mạng tạo một xã hội đại đồng, tô điểm thể pháp và bí pháp của thiên đạo.

Như thế, tôn giáo và dân tộc phải là hai chỉnh thể hoàn bị để có thể đi đến đại đồng hoà ái. Một thực thể tồn tại đúng theo bản nguyên tự có do Thượng Đế ban cho chỉ khi có các chỉnh thể tương tác hoà hợp. Dân tộc muốn là dân tộc khi dân tộc biết lẽ sống và tìm về với tôn giáo trong ánh sáng chiếu diệu. Tôn giáo muốn là tôn giáo thì nó phải đi vào dân tộc, nâng đỡ dân tộc để tìm về con đường hoà hợp. Chúng ta đã có đạo pháp và dân tộc như một chỉnh hợp hoàn bị.

Chung quy, con người không thể theo tôn giáo mà chối bỏ dân tộc, không thể theo dân tộc mà quên sứ mạng

của tôn giáo. Một sự hiện hữu mang hai sắc thái. Nếu sinh tồn, con người phải trả ơn ngọn rau, tác đất cho dân tộc giống nòi mới có thể tiếp diễn đời sống đạo pháp. Con người không thể đi trên con thuyền dân tộc mà bỏ xa tôn giáo, càng không thể ngồi thuyền đạo pháp mà phủ nhận giá trị của dân tộc. Vừa kính đạo pháp và yêu dân tộc là người biết giá trị của Nhân Sinh Quan và Vũ Trụ Quan cùng lúc.

112. ĐẠI ĐẠO – TAM KỲ - PHỔ ĐỘ (Tòa-Thánh Tây-Ninh)

I/ GIỚI THIỆU SƠ NÉT VỀ CAO ĐÀI GIÁO

Một nền tôn giáo mới xuất hiện tại miền Nam Việt Nam mang tính chất thần quyền vì chính những người mang sứ mạng khai sáng nền tôn giáo mang ưu tư, muốn khám phá thế giới vô hình bằng phương pháp thông công, xây bàn cầu cơ. Nền tôn giáo ấy thực thụ mở cửa và đón nhận hàng triệu tín đồ vào những năm 1925-1926, được gọi là Đại Đạo-Tam Kỳ-Phổ Độ, gọi tắt là đạo Cao Đài, với hệ thống Giáo Hội chặt chẽ. Tòa Thánh trung ương đặt tại Tây Ninh, chứa những kiến trúc kỳ bí.

Cụm từ Đại Đạo-Tam Kỳ-Phổ Độ là tiêu chuẩn lập pháp bất di bất dịch trong đức tin sùng ngưỡng chánh giáo của người biết luật pháp Đại Đạo. Tôn giáo duy có một Hội

Thánh, một Tân Luật-Pháp Chánh Truyền từ cái nôi Tây Ninh huyền linh.

Có thể tóm gọn rằng, cơ bút là phép màu để con người tiếp cận với thế giới thần linh màu nhiệm và tất cả đã xuất hiện một tôn giáo vĩ đại do tính chất “Thiên Nhon hiệp nhất”, nghĩa là bàn tay của Trời và Người cùng biến tạo ra nền tôn giáo do Thánh ý.

Do vậy, cơ bút mang tính hệ trọng và chính từ sự trọng hệ ấy, Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đã khuyến nhắc con cái Ngài rằng:

“Buổi Bạch-Ngọc-Kinh và Lô-Âm-Tự lập pháp ” Tam-Kỳ-Phổ-Độ ”, Quỉ vương đã khởi phá quấy chơn Đạo. Đến danh ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi. Lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này mượn cơ màu-nhiệm, hiệp Tam-Thập-Lục-Động đổi gọi Tam-Thập-Lục-Thiên. Các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo ” [TNHT, Q. 1].

Vì thế, thái độ nhìn nhận và tư tưởng tuân thủ các Đạo Luật của Đại Đạo Tam Kỳ là một trọng tổ đối với nền tôn giáo có Thiên Phong do cơ bút, tiếp nhận Thánh Giáo Chơn Truyền, cũng như chịu sự điều phối của quyền năng Thiêng Liêng Bát Quái Đài.

II/ ĐỊNH NGHĨA “ĐẠI ĐẠO-TAM KỲ-PHỔ ĐỘ”

1/ “Đại Đạo”:

Tính chất căn bản phổ dụng của Cao Đài giáo là tổng hợp tinh hoa của các học thuyết chánh giáo cổ kim.

Hai chữ này thường đưa người đọc hướng đến hai cách suy nghĩ dựa vào thái độ tiếp cận nguồn minh triết khác nhau của từng người.

Một, nhìn nhận giáo thuyết dựa vào tính nhị nguyên, tức là cái thấy của phàm ngã.

Hai, giáo thuyết đưa người đến cánh cửa hư vô minh triết và tạm gọi đó là tính chất nhất nguyên của Đạo Trời bất dịch. Theo cách hai này, chúng ta có thể học lại lời dạy của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Các con là Thầy, Thầy là các con”.

Chính hai chữ này thường tiếp nhận các luồng tư tưởng phê phán về Cao Đài giáo vì họ cho rằng nền tôn giáo mang tính độc tôn, nhận mình là nền tôn giáo lớn. Vì thế, cái nhìn của hành giả thường chủ quan theo lăng kính nhị nguyên trong hình tướng hữu hình, qua hình thức tổ chức và giáo lý từ nguyên nhân thông công, mang tính chất duy linh.

Trong tình cảnh đó, Cao Đài giáo tự trả lời rằng “Đại Đạo” do Thiên ý lập ra, là sự biến hình vô vi huyền diệu vào cõi hữu hình hạ giới qua bàn tay con người. Theo tinh thần đó, “Đại Đạo” tức là “con đường lớn” không nói lên chủ nghĩa độc tôn hay tự tôn mà là Cao Đài giáo vốn mang triết thuyết “Tam Giáo Đồng Nguyên”, tự bản thể đã nói lên tính chất nhất nguyên của chơn lý, tức nói lên hình thái dung hòa tư tưởng và hình thái hữu sắc, cũng như xiển dương tính đồng nguyên của cả hệ thống giáo lý đã có từ trước do thiên khai, hầu cứu vớt chúng sanh, lánh tục, tìm chơn hòa vào bản thể vũ trụ.

2/. “Tam Kỳ”:

Vũ trụ hình thành, tức nhiên không gian và thời gian xuất hiện. Học thuyết Cao Đài chia lịch trình tấn hóa nhân loại theo con số 3 của Trời Đất, tức Thượng-Trung-Hạ. Nhất Kỳ gồm 12.000 năm có Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn. Nhị Kỳ biến dịch cũng y vậy.

Nhơn loại hiện sống trong Hạ Nguơn tức là đã trải qua 36.000 năm, chuẩn bị đóng Hạ Nguơn Tam Chuyển để bước sang Thượng Nguơn Tứ Chuyển. Tinh thần Nhơn loại luôn luôn phát triển bằng cách học những bài học khổ đau để tấn hóa đến chí linh, chí thiện.

Tuy nhiên, vô minh và phạm ngã vẫn thường thắng thế nên các Đấng Giáo Chủ thường giáng trần lập giáo để

truyền bá giáo pháp tân tiến phù hợp với tinh thần của mỗi sắc dân và giai đoạn.

Trong Nhứt Kỳ có giáo chủ của Tam Giáo ra đòi đề diu độ nhơn sanh đi trên đường tấn hóa thánh thiện để trở về hòa hợp cùng đại thể bản nguyên. Trong nhất kỳ:

- Đức Nhiên Đăng và Đức Brahma truyền Phật Đạo.
- Đức Hồng Quân Lão Tổ truyền Tiên Đạo.
- Đức Moise truyền Thánh Đạo.

Sang Nhị Kỳ:

- Có Đức Thích Ca chấn hưng Phật Đạo.
- Có Đức Lão Tử chấn hưng Tiên Đạo.
- Có Đức Khổng Tử chấn hưng Nho Giáo/Thánh Đạo.
- Có Đức Jesu Christ sau mở Thiên Chúa Giáo tức là Thánh Đạo.

Nhơn loại đang bước trên bánh xe tấn hóa của Hạ Ngươn Tam Kỳ. Đức Thượng Đế mở đạo tiếp tục cứu vớt nhơn loại bằng cơ ân xá, phổ độ. Học thuyết Tam Giáo vẫn làm căn bản của giáo lý Cao Đài, kết hợp những giáo điều, tân luật truyền dạy qua cơ bút do các Đấng Thiêng Liêng cao trọng giáng điển.

Trong Cao Đài, chúng ta sẽ không thấy hiện thân bằng xương thịt của Tam Vị giáo chủ mà duy thấy sự sùng lạy

Tam Vị Giáo Chủ Tam Giáo: Đức Quan Âm tượng cho Phật Giáo, Đức Lý Đại Tiên tượng cho Tiên Đạo, Đức Quan Thánh tượng cho Thánh Đạo. Chúng ta vẫn phải chấp nhận tín lý đạo pháp của vũ trụ rằng các vị Giáo Chủ không liệt kê vào Kỳ nào hay Ngươn Hội mà các Đấng là hiện thân của Thượng Đế, thực hiện sứ mạng truyền giáo đạo Trời, giúp nhơn sanh tấn hóa tìm nguồn cội linh thiêng vốn có, giục tấn không ngừng trên đường thiêng liêng hằng sống bất tận.

Đức Thượng Đế đã cho biết:

“Thầy chưa giảng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chur Thân; Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền đạo cùng chur Vạn-Quốc” [TNHT, Q.1]

3/ “Phổ Độ”:

Nghĩa là bày ra để độ rồi. Học thuyết Cao Đài mang tính “Đại Đạo” cả về hình thức ngoại dung lẫn tương quan nội dung.

Về ngoại dung, chủ xướng “Tam Giáo quy nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt”, tức là tư tưởng đại đồng huynh đệ, hướng đến một đời sống xã hội trên ý thức viên mãn, nội lý nhất nguyên, đồng tính chất trên tín ngưỡng giáo điều.

Về nội dung, Cao Đài Đại Đạo là cơ “phổ độ” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, bày Đạo Pháp vô vi, chấp

nhận các quy luật thuộc về Pháp mà con người đang phải, đã, đang và sẽ chi phối ý thức tín ngưỡng mà các tôn giáo trước đây đã gieo vào loài người suốt tiến trình tân hóa. Nói một cách dễ hiểu, giáo pháp của Cao Đài là một giọt từ bi rửa oan khiên, tiền nghiệp của con người, bửu pháp bày ra để chúng sanh thấy cái Một bất diệt đang nuôi sống cả mạch sống càn khôn trong từng sát na.

Ngày 08 tháng 04 năm 1926, Đức Thích Ca giảng cơ dạy:

*“Tam-kỳ Phổ-độ là gì?
Là Phổ-độ lần thứ ba,
Sao gọi là Phổ-độ? Phổ-độ nghĩa là gì?
Phổ là bày ra.
Độ là gì
Là cứu chúng sanh”*

III/ TRIẾT THUYẾT CĂN BẢN TRONG CAO ĐÀI GIÁO LÀ TỪ BI - BÁC ÁI - CÔNG BÌNH

Năm 1927, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy:

“Các con cùng Thầy vì lòng bác ái, chẳng nài khó nhọc đến truyền Chánh-Đạo; mặc tình những đũa vô lương, các con cứ một đường đi tới; sự phải sự quấy sau này chúng nó sẽ rõ” [TNHT Q. 1].

Khi giảng về cơ quan cứu khổ và chọn người xứng đáng vào hàng ngũ Thánh Thể Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy:

“Ấy vậy cơ quan cứu khổ Hội Thánh phải chọn người tâm đức biết hy sinh mình để thực hiện cơ quan cứu khổ ấy. Phải tuyển chọn người tâm đức hiền lương từ bi bác ái vị tha vô vị kỷ mới đáng giá phẩm vị mình”.

1/ Từ Bi:

“Từ” là hiền, “Bi” là thương xót chúng sanh. “Từ bi” là đức tính, là xúc cảm vốn có tự tâm thức khi cảm thụ qua lục căn, đi đến hành động giúp đời sống tu học của hành giả và cả đời sống nhân sinh của bạn đồng sanh. Trong kinh điển cổ kim, dù định nghĩa theo hình thức nào, cao sâu đến mực nào, Cao Đài giáo vẫn chấp nhận lối biện giải ấy dù trong tiểu thừa hay đại thừa, miễn sao đức tin ấy mang lại giá trị thiết thực để noi gót “Bồ Tát hạnh”, làm xiển dương Chơn Đạo và ích lợi hữu dụng cho tha nhân trên phương diện sanh sống và đường tin ngưỡng Chánh Giáo.

“Thầy đã lấy từ bi mà dìu dắt từ bước đường hôm nay các con đang lấy chí thành của Thầy đã hun đúc mà dìu dắt lại sanh linh; lớn nhỏ phải cần tương thân tương ái nhau, kính yêu chỉ dẫn nhau, đem tất lòng thanh bạch để làm mảnh gương soi sáng bước đường hậu tấn. Đường đi cũng còn dài, bước Đạo còn nhiều nổi trắc trở; nếu chẳng để dạ nương

nhờ lấy nhau, một mai các con phải xa vắng lời Thầy truyền nhủ, thì các con phải trở ra thế nào nữa?” [TNHT Q.1]

2/ Bác Ái:

“Còn Bác ái là thể theo lòng Trời Phật thương yêu toàn cả chúng sanh không biết đâu là bờ bến, thấy chúng sanh làm được việc gì có đạo đức nhơn nghĩa, thì Trời Phật vui mừng thương yêu chẳng xiết, ấy là Bác ái” [Thuyết Đạo của ĐHP Q.1].

Chủ thuyết ấy vẫn mãi trường tồn vì là chọn pháp đạo Trời bất dịch. Phật Giáo có câu *“Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”*. Vậy thì cái Phật tánh đó phải có một Đấng Tự Hữu huyền diệu nào sản xuất để trường lưu, biến sanh vô cùng tận. Sự sống ấy đồng tánh với bản căn của vũ trụ nguyên có đồng quyết quán, đồng sống, đồng sanh, đồng gốc cội. Nước phải chảy về nguồn, cái Linh Diệu của mỗi người vẫn phải trở về nơi đã ra đi, thuyền xa bến đỗ nơi nguồn thiêng liêng vĩnh hằng bất tử, không phải là hữu sắc hữu hoại.

Theo tính chất đó, tín đồ Cao Đài đang thực hiện Quy Phật. “Pháp” là diệu lý để biến tướng từ cái Một ra càn khôn minh mông, điều hành guồng máy động tịnh, hữu sắc và vô sắc. Nên tín đồ Cao Đài phải từng Pháp mới mong hợp Thiên Lý. Tăng là hình thể của cái Một bất diệt thì thuyết Cao Đài vẫn phải phụng sự Tăng Chúng, tức nhiên là vạn linh trong

cần khôn. Do đó, chủ thuyết bác ái là đề đề thi tấn hóa cho toàn thể chúng sanh.

3/ Công Bình:

Đó là không thiên lệch, tuân thủ theo một quy tắc bất dịch, ám chỉ công thưởng, tội trừng. Đó mới làm phép ngăn tà tâm và thúc giục sự tấn hóa của Bát Hồn thăng tiến lên mãi mãi. Cao Đài vẫn lấy Luật và Quyền để đưa môn sinh vào khuôn phép Cao Đài Giáo, tức là luật Thương Yêu, quyền Công Chánh. Ấy là định đề cho toàn thể môn sinh dù cao, dù thấp.

III/ HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Hội Thánh là Thánh Thể của Thượng Đế, thay mặt Đức Ngài dìu dắt con cái Ngài đi trong thánh đức, học đạo, hiểu đạo, sống đạo, hành đạo cho trúng Chánh Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hội Thánh không cho phép tự tung, hoạt động theo ý thức hệ tự do và tách ly khỏi hàng ngũ Thánh Thể. Tình thương và Công Chánh đưa môn sinh vào con thuyền giải thoát. Không có thương yêu, con người bơi giữa dòng sông một mình; không có công chánh, con người chẳng có kim chỉ nam định phép đúng sai mà làm tròn môn đệ của Đức Chí Tôn.

Hội Thánh do Đạo Linh 01 giải thể Hành Chánh Đạo 05 cấp và chư Tiền Khai Đạo đã đăng Tiên, trở về nơi vĩnh hằng, ai sẽ dẫn dắt con cái của Thầy? Tòa Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thể trong nghĩa lý tượng trưng, Hội Thánh có tan rã về mặt hữu hình nhưng đức tin của con cái Ngài vẫn sống cùng thời gian, trụ nơi Đền Thánh linh thiên kia, dâng lên hai Đấng Chí Linh thì Hội Thánh kia vẫn còn sống trong thời gian.

Thế Pháp có tan, có bị giựt giành, xé nát thì Bí Pháp vẫn tượng nơi đó do quyền năng siêu nhiên của các Đấng Thiêng Liêng đang điều động cơ Pháp. Danh hiệu và tiêu chuẩn lập pháp của nền tôn giáo vẫn là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là đạo Cao Đài, có Tòa Thánh Trung Ương tại Tây Ninh bất biến cùng thời gian, truyền rao theo thánh giáo đến thất ức niên.

“Hội Thánh tức là đám lương sanh của Thầy tom góp lại làm một. Cả lương sanh ấy, Thầy đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước ung đúc nơi lòng một khiêu từ bi cho tâm địa có mảy mún tình ái vật ưu sanh theo Thánh đức hảo sanh của Thầy, dùng làm lợi khí phạm tục để độ rồi người phạm tục.

Những lương sanh ấy phải thế nào hội hiệp lại nhau làm một mà làm ra một xác thân phạm của Thầy thì Thầy mới có hình thể trong lúc Tam Kỳ Phổ Độ này, hầu tránh

cho khỏi phải hạ trần như trong mấy kỳ phổ độ trước vậy”
[TNHT]

113. PHỐI THÁNH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Như ta đã biết qua nền Khổng Giáo lưu truyền lại, Văn Miếu thờ Đức Khổng Phu Tử có thờ thêm 04 phẩm Thánh hay còn gọi là Tứ Phối, được liệt kê ra như sau: Phục Thánh (Nhan Tử hay Nhan Hôi), Tông Thánh (Tăng Tử hay Tăng Sâm), Thuật Thánh (Tử Tư hay Khổng Cấp), Á Thánh (Mạnh Tử hay Mạnh Kha). Vậy Phối Thánh là phẩm vị nào trong cửa Đạo Cao Đài?

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa biện giải:

“Theo chữ Nho thì chữ Phối có nghĩa là so sánh, nên phẩm Phối Thánh là so sánh ngang bằng với phẩm Thánh; nên Phối Sư là Phối Sư, còn Phối Thánh là Phối Thánh, chứ Phối Thánh không phải là Phối Sư. Theo Nho giáo, có 4 phẩm Thánh kể từ trên xuống là: Tôn Thánh, Thuật Thánh, Á Thánh và Phối Thánh”.

Như vậy, theo Cao Đài Giáo, Phối Thánh không phải đối là Phối Sư mà là một phẩm được liệt vào hàng Thánh vị thiêng liêng. Có hai vị được thiêng liêng cho biết đặc Phối Thánh là Phối Thánh Phạm Văn Màng (Thần Hoàng Trần

Văn Xương cho hay) và Phối Thánh Bùi Ái Thoại (Bát Nương về cơ cho biết).

Qua sự kiện đắc Thánh tại thế của hai Phối Thánh nói trên, chúng ta thấy không phải chỉ có cánh cửa Cửu Thiên Khai Hóa có chức tước mới làm nên ngôi vị thiêng liêng, tức là hàng ngũ Hội Thánh Cửu Trùng, Hội Thánh Hiệp Thiên hay Hội Thánh Phước Thiện, đắc cùng chăng là do Tam Lập vẹn tròn.

Phạm Văn Màng (Phối Thánh) giảng cơ ngày 6-8-Ất Hợi (1935):

a) Hỏi muốn thức giấc thành mộng của những hạng tù lao như vậy, chúng ta là người biết để dạ thương đời phải dùng phương pháp nào mới là phải lẽ...

Xin nói rõ là lấy giọt lệ đau thương mà gọi sầu cho một sắc dân mắt phước cảm cờ trắng của Mạnh Tử đặng giải hòa phong, duy trì cơ nghiệp nhà Châu nguy biến.

Ôi! ngày nào những kẻ cô thế mà thấy bóng Đạo binh vực chỗ che, ngày nào mà những kẻ thăm lệ tuông ra tâm tình khổ não mà thấy ơn Đạo lau thăm rửa sâu, trọn tình an ủi; ngày nào những kẻ thất thế yếu hèn mà quyền Đạo làm cho vinh huê cao trọng thì ngày ấy Đạo mới ra thiệt mặt.

b) Tư Nhượng có gởi bài thi này cho Sư Phụ con xin đưa lại:

*Dưới cảnh đông quân mấy giọt tình,
Uổng chưa đền nổi nợ môn sinh.
Cầm khâu thế sự lau giòng thảm,
Chạnh nỗi Linh Cung chứa thảm hình.*

*Người xin Sư Phụ cầu xin cho người ở nơi khác chớ ở
Đông Nhạc Để Quân này xem cảnh thảm này không nổi
nữa”.*

Ông Bùi Ái Thoại (Phối Thánh) giảng cơ ngày 7-11
Mậu Tý (1948):

*“Bạch Sư Phụ con là Thoại. Thừa chào chư vị Sư
Thúc, Sư Huynh. Hèn lâu con nhớ Sư Phụ lắm nên không
biết làm sao. Khi Sư Phụ bị đày, con rất buồn quá đổi thêm
lo lắng Tòa Thánh, lo rồi làm ngày làm đêm nên mang bệnh
nan y mà qui liễu. Nhờ Chí Tôn thương nên ban lệnh Ngọc
Hư cho vào hàng Phối Thánh”.*

Những trang anh tú lập nên thiên vị cao trọng không
hẳn là người có chức phẩm hữu hình, nhưng nhờ lòng trung
thành, chí chơn, chí thiện, nương náu nơi cửa Phạm Cao Đài
mà được ân tứ của quyền Thiêng Liêng.

114. TU CHƠN TRONG CỬA ĐẠI ĐẠO

Bất kể một nền tôn giáo hữu hình nào cũng chứa đựng hai thể. Một là Thể Pháp, hai là Bí Pháp. Thể Pháp là hình thể hữu vi, là hình trạng cả cơ quan phổ độ chúng sanh hướng về giáo pháp, hầu mưu cầu đời sống an lạc thân-tâm.

Cụ thể, đó là Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, có sự mạng giáo hóa, độ rỗi con cái của Đức Chí Tôn đi trong khuôn luật đã định. Trong khi đó, Bí Pháp là quyền năng giải thoát con người khỏi bến đò sinh tử nhờ điển lực siêu nhiên của Chơn Thần tích hợp trong hành trình giục tấn cho để bỏ phàm về thánh.

“Tu Chơn”, một cụm từ mới mẻ trong nền tôn giáo được hiểu là đời sống tu tập, sống đạo đi ngoài khuôn luật áo mão, giáo quyền, thuần túy hàm dưỡng đời sống chơn thần cho tinh anh, thuần chơn vô ngã để hội hiệp ánh sáng chơn linh chiếu diệu, tiến đến con đường hiệp nhất, phản bản hườn nguyên.

Chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã thể hiện chặt chẽ về khoa tu chơn tịnh luyện mà Pháp Chánh Truyền đã định rõ Đức Thượng Phẩm là người có trọng trách chăm nom, quản sóc các tịnh thất. Trong khi đó, Đức Phạm Hộ Pháp là người có sứ mạng truyền dạy bí pháp tu tịnh, thiền định công phu, trường dưỡng Tinh, Khí, Thần để đạt đến sự thống nhất hườn nguyên.

Đạo Cao Đài xuất hiện vùng Á Đông tại đất Nam Việt trong những giai đoạn có quá nhiều biến cố lịch sử về chính trị, cho nên ba cơ quan tịnh thất của Đại Đạo duy chỉ có hai cơ quan hiện tượng: Thiên Hỷ Động [Trí Huệ Cung] được khởi tạo năm 1947 và Đức Phạm Hộ Pháp trấn thần bí pháp năm 1951 [22-05 Canh Dần], Địa Linh Động [Trí Giác Cung] được xây dựng vào năm 1943, Nhơn Hòa Động [Vạn Pháp Cung] vẫn chưa tác tạo mà chỉ có họa đồ của Đức Hộ Pháp mà. Nhưng sau đó Ông Giáo Thiện Võ Văn Đợi tự ý từ bỏ chức phẩm Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng mà về núi Bà Đen tu chơn theo lối Đức Hộ Pháp lập nhưng chưa được Đức Ngài chấp thuận, Ông Võ Văn Đợi thay đổi kiểu áo tu nâu sòng.

Trong ngày trọng thể trấn bí pháp nơi Thiên Hỷ Động, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết:

“Ngày nay, Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bàn đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này. Bàn đạo nói: Từ đây, kể từ ngày nay, cửa thiêng liêng của Đạo đã mở rộng. Bàn đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức nguyên nhân (92 ức nguyên nhân) hãy tỉnh mộng lại đặng về cùng Đức Chí Tôn. Cửa này là cửa của các người đến đoạt pháp, đặng giải thoát lấy mình, đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ mà

chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan Tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa”.

Ba cánh cửa Tu Chơn chưa vẹn toàn nhưng Đức Hộ Pháp đã khai pháp, trần pháp cho con cái của Đức Chí Tôn trụ khỏi đức tin, tự thức mê tân, phế phàm tìm thánh.

Khi Đạo Cao Đài bước vào giai đoạn khủng hoảng về mặt thể tướng, Đức Phạm Hộ Pháp, tức là Ngự Mã Thiên Quân của Đức Chí Tôn tiên biết sẽ xảy ra thể nào, thuyền đạo sẽ chông chênh nên đã cho biến tướng cơ quan Phạm Môn tu chơn thành Hội Thánh Phước Thiện trực quyền chi Đạo, chia ra Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, tức là các phẩm được quyền năng Thiêng Liêng tuyển chọn. Chính trong văn thơ thuyết minh của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đã dạy:

“Vốn Thập nhị đẳng cấp thiêng liêng là chơn tướng bí truyền của Đạo, mỗi bậc thăng là một cơ quan giải khổ về phần hữu vi hình thể của chúng sanh”.

Giá trị tu chơn ngày như thế nào khi các Thiên Quân đã trở về Bạch Ngọc Kinh?

Tu Chơn là công thức từ ngàn xưa trong Tam Giáo vốn đã có. Công thức ấy chẳng hề thay đổi. Có đổi chẳng là sự vận chuyển của thời gian của Thượng Ngươn Tứ Chuyển để Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục nhất trong cơ đại ân xá của Đức Chí Tôn ban cho con cái Ngài có cơ hội lập công, thăng thưởng trên con đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thâm nhập vào con đường Thiêng Liêng Hằng Sống là thánh chất tinh ba do sự hiệp nhất Tinh-Khí-Thần, là công Tam Lập phụng sự vạn linh và giáo pháp của người tín đồ đạt đến trạng thái điều động cơ động tịnh Âm-Dương của Trời Đất. Sự chuyển quá và mọi quá trình biến đổi sẽ vẫn phải do chơn sư dẫn dắt và truyền dạy. Đức Hộ Pháp có sứ mạng trấn giữ nơi Huyền Quang Khiếu để nâng đỡ tinh thần con cái Đức Chí Tôn và khai khiếu, mở cửa thiên môn khi chơn thần đủ khả năng hội diện chơn linh.

Khi Đức Hộ Pháp không còn sinh tiền, nguyên lý khai mở tâm thức huyền quang vẫn y như vậy nếu đời sống công quả tu tập của người sĩ tử vẫn theo lý tưởng và lời dạy của các Đấng. Dĩ nhiên, bửu pháp Kim Tiên và Long Tu Phiến sẽ là năng lực thúc đẩy sự phát triển không ngừng của Chơn Thần trong sạch càng thêm mãi.

Những ý tưởng mang tính táo bạo và đột phá mà không có chơn sư sẽ mang một sự rủi ro vô cùng lớn với người đam mê Bí Pháp Giải Thoát Tu Chơn. Khi Tam Lập

chưa vẹn tròn, sự tịnh luyện sẽ đẩy đưa đến hậu quả khó trừ bị, tức là phạm quang, tục tánh đưa đến sự ngộ nhận tinh vi trên công phut tu luyện. Quả nhiên vậy!

Đức Chí Tôn hằng khuyên chúng sanh lo cơ phổ độ, cứu vớt nhơn sanh khỏi vòng hắc ám, lạnh giá, tăm chơn, chớ chưa hề khuyên chư tín đồ giục thúc tu luyện.

“Trong các con có nhiều đưa làm tưởng hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự; nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u-nhàn mà ẩn-thân luyện Đạo. Thầy nói cho các con biết: nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ-độ chúng-sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này, thì tìm cách khác mà làm âm-chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh-Ý Thầy mà trau dồi chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng-liêng chiếu rõ mới đặng vững bước”
[TNHT Q. 1, đàn cơ tại Cầu Kho, năm 1927]

Lược tóm tổng quan, con đường tu chơn là con đường rất khó khăn và chỉ dành cho những ai có đầy đủ công nghiệp đối với đạo, đối với nhơn sanh như lời Đức Chí Tôn dạy. Lại nữa, Đức Hộ Pháp đã triệu thiên, các bí nhiệm như cân thần, truyền chỉ phương pháp tu tịnh lại càng khó khăn. Nếu vì phóng túng, ham mê đoạt pháp trong giai đoạn ngắn, càng làm cho con người đến chỗ huyễn hoặc, mê lầm. Hơn nữa, Đức Hộ Pháp dù không còn hiện thân bằng xác thân, nhưng

Đức Ngài vẫn làm sứ mạng trấn giữ nơi huyền quang nhứt khiếu; khi con cái Đức Chí Tôn có Tam Lập đủ đầy, quyền pháp Đức Ngài vẫn ban ánh sáng, rưới hồng ân, ban phép lành để con đường thứ ba của mỗi người tín đồ thăng hoa. Bằng chẳng vậy, những lạc lăm khó tưởng tượng sẽ xảy ra.

115. TINH THẦN LỄ NHẠC ĐẠI ĐẠO

Nhạc Lễ vốn mang tầm quan trọng với đời sống con người bởi lẽ chúng ta vẫn xem nhạc lễ là thú tao nhã, thanh cao để đáp ứng sở nguyện an vui tinh thần và sự điều hòa trong trật tự sống. Nếu thiếu lễ, đời sẽ đi đến mức hỗn loạn, vô trật tự, vô tôn ti. Nếu thiếu nhạc, đời sẽ trở nên khô nhạt, đi đến bất hòa. Theo lẽ đó, chúng ta thấy các bậc Thánh trước, Hiền xưa hay các bậc Hiền Nhơn vẫn dụng nhạc lễ như một công cụ biểu thị cho tinh thần trật tự và điều hòa trong sự tương quan Nhơn quàng xã hội và nhằm định tinh, hướng đến quân bình tâm thức, đạt mức uân chuân đầm ấm lễ sống.

Các nền tôn giáo hiện hữu cũng dùng nhạc lễ để thi hiện tính chất Lý-Pháp trong các kỳ lễ như một phần không tách rời trong công cuộc truyền bá, xiển dương giáo pháp của tôn giáo đó. Bên cạnh sự tồn tại triết lý nhân bản sâu sắc đưa con người từ vọng niệm đến nhận thức minh triết trong đời sống, từ phàm ngã sang chơn ngã, từ sự an lạc thể xác cho đến siêu rồi linh hồn; lễ nhạc đạo là một phần không thể

thiếu hầu đưa các đàn tiết đi đến giá trị cung kính, chỉnh chu hoàn mỹ, điều động lòng nhơn trở về thực tánh thiên nhiên vốn có.

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài được khai mở trong những năm tiền bán thế kỷ XX do sự thông linh qua cơ bút, vốn được mặc khải trước. Khai minh nền tôn giáo với triết lý tân kỳ, các chư vị Chức Sắc Đại Thiên Phong trong sứ mạng lập pháp đã hoàn thành nhiệm vụ khai mở nền Chơn Pháp theo Thánh Ý Đức Chí Tôn giao phó.

Theo dòng lịch sử đạo Cao Đài, chúng ta không thể phủ nhận mọi giá trị tồn tại trong nền tôn giáo vì tính chất quan trọng “Tam Giáo qui nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt” mà hơn hết, nền đạo Cao Đài vốn cổ sũy tinh thần “Nho Tông chuyển thế” nên nhạc lễ là thuộc tính rất quan trọng trong đại thể tôn giáo.

Lễ của Đạo Cao Đài coi như một hình thể với tính chất phô diễn cả lý pháp cho toàn thể tín đồ ngó thấy, dụng cả tinh thần đặt để trong đàn cúng để dâng lễ lên Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Trong khi đó, Nhạc là tiếng trầm bổng, nhứt khoan giúp cho đàn Lễ thêm trang nghiêm, đưa tinh thần của người môn sinh Cao Đài xa lìa các vọng thức, định tâm thanh tịnh, cung kính lễ bái các Đấng Thiêng Liêng.

Người ngoại giáo chưa nhận thức nghĩa lý và tầm quan trọng của Lễ Nhạc, nên cho rằng đó làm âm thịnh sắc tướng tạo sự rườm rà, hỗn tạp trong nghi lễ. Kỳ thực, giáo pháp Cao Đài đã minh định vai trò quan trọng và sự hiện diện của Lễ Nhạc trong Thể Pháp và Bí Pháp của nền Đại Đạo với bằng chứng, Hội Thánh đã được chấn chỉnh hoàn mỹ và Bộ Nhạc Tòa Thánh Tây Ninh được bàn tay khéo léo của Chư Chức Sắc Đại Thiên Phong cảm quyền, điều đình cho ra trọn đẹp.

Cổng Bộ Nhạc Tòa Thánh Tây Ninh có hai câu liên:

*“LỄ địa trần minh nhưn gian tôn trật tự,
NHẠC do Thiên tác truyền thông thế giới chủ điều hòa”*

Tạm diễn nghĩa:

Câu một: lễ đi từ thế trần làm sáng tỏ con người biết tôn trọng sự trật tự.

Câu hai: nhạc do thiên nhiên tác động để truyền bá sự điều hòa khắp hoàn vũ.

Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân Cao Quỳnh Diêu giảng luận về Nhạc Lễ như sau:

“Lễ là một việc trọng hệ vì là cái hình thể của nền Đạo phô bày trước mặt người. Chư Đạo Hữu cần phải để

công xem sóc nhắc nhở nhau mà gìn giữ tư cách trong mỗi khi hành Lễ cho trang hoàng, hầu tỏ tác lòng thành kính của mình cùng Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật Thánh Thần, lại cũng là một phương châm về đường phổ độ nữa....Nhạc cũng là việc cần yếu vì phương làm cho đầm ấm tao nhã, cốt để dìu dẫn giúp cho thành Lễ ra vẻ long trọng, vì che lấp các việc xao động trong cơn hành Lễ, trên thì hiển cái vẻ tiêu tao phù trầm cho các Đấng, dưới là làm cho chúng ta vì nghe đặng cái giọng tao nhã, nhất khoan, hoặc có lúc vì tiếng nhạc trời mà lòng ta vẫn hân hoan mà quên bằng cái mỗi một trong cơn hành Lễ, hoặc có khoản vì cái thức phù ba của giọng đờn mà làm cho ta yên tịnh, mới có thể thiền tâm vọng cầu các Đấng cho thấu đáo... ”

Trước khi được thăng phẩm lên Bảo Văn Pháp Quân (năm 1930), Đức Ngài Tiếp Lễ Nhạc Quân có trọng trách sắp đặt Lễ Nghi và Âm Nhạc đạo vào quy tắc sau khi khai đạo một năm, tức là năm 1927.

Đến năm 1929, vâng mạng lệnh của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài soạn ba bài Dân Tam Bửu (được dâng lên Bát Nương chính văn) để thay ba bài cũ đã dùng trước đó. Tiếp sau đó, vâng lệnh Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài viết bài kinh “Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu”. Song hành đó, Ngài còn viết cuốn “Nghi Tiết Đại Đàn và Tiểu Đàn” được Đức Hộ Pháp duyệt và dâng lên Hội Thánh phê chuẩn hầu hoàn thành cả nền thể tướng Lễ Nhạc Đại Đạo thống nhất các nghi tiết trong Đạo Cao Đài.

Từ đó, chúng ta đã thấy vai trò của lễ nhạc Đại Đạo ở mức nào và dọn mình trước khi tham gia Đàn cúng và thực hiện nếp sống Cao Đài.

116. PHÁI NỮ TRONG CAO ĐÀI

Từ ngàn xưa, nữ phái vốn thường bị thấp kém về quyền uy, phận thế trong xã hội, lại bị khép vào khuôn Tam Tông Tứ Đức, bị rào cản gia giáo “khuê môn bất xuất” nên phải thường chịu ít học và được ông bà, cha mẹ định gả theo sự sắp đặt. Trên chiều hướng tổng quan ấy, ít có người phụ nữ được vươn mình, phát huy tài năng, sở trí của mình để phụng sự. Hiển nhiên, sách sử cũng ghi chép những nữ anh hào có công với giống nòi dân tộc bằng những mưu lược và tài trí vẹn toàn. Ngay nay, sự bình quyền giữa Nữ và Nam đã được khôi phục uyên nguyên chăng?

Theo văn hóa Đông Phương hay gần gũi hơn theo phương diện nét gia giáo cổ tục phong hóa Việt, lễ luật đem đến hai trạng thái “phóng túng” và “thành nhân”. Chính vì chịu lòn dưới lễ phận, phụ nữ chỉ thuần lo thiên chức người mẹ, tảo tần chăm nom, quản giáo con cái, người phụ nữ ít có cơ hội giao tế ngoài xã hội, không tiếp cận các luồng văn minh đông tây cổ kim. Lễ đó sẽ làm người phụ nữ trở nên phóng túng, khô khan, bé nhỏ. Nét “cần cỏi” cũng có lẽ hình thành nên nhân cách cứng cỏi, mạnh mẽ, phi thường hơn trong mọi biến cố cuộc đời. Ngược lại, lễ luật đó cũng “đào

tạo” nên những người phụ nữ đảm đang, người phụ nữ của gia đình, người phụ nữ của lễ giáo vì chính việc ít tiếp xúc các luồng văn minh Á Âu xâm nhập lan tràn, cho nên người phụ nữ trở nên "thành nhân" hơn.

Thực tiễn xã hội cho ta thấy, văn minh nhân loại đã đi đến cùng cực, dường như vén màn bí mật tạo đoan. Nên văn hóa Tây Âu du nhập ảnh hưởng không ít cũng là lẽ thường tình, làm xáo trộn tính “chất nhân bản Á Đông”. Vật chất đèn nén tinh thần, tự do đem đến một trạng thái không phương kiểm soát. Tình huống đó buộc các nhà lãnh đạo tinh thần phải lên tiếng, kêu gọi và chấn hưng, dịch chuyển và kiểm soát lại sự băng hoại đạo đức nước nhà.

Ngoài ra, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng, trong muôn vàn lượn sóng tân tiến làm đảo lộn nhân văn, khi phụ nữ được cởi bỏ rào chắn của phóng túng, phụ nữ càng trở nên mạnh mẽ hơn, tô son điểm phấn cho giá trị phái nữ càng sâu rộng hơn qua những thành tựu đạt được để cống hiến cho nhân loại một giá trị đẹp hằng lưu sách sử.

Xét về mặt tôn giáo học và sự bình quyền, chúng ta có lẽ dành sự tĩnh lặng hơn để nghiệm lại những nét cốt yếu về phái nữ trong định thuyết Cao Đài đã để lại.

Phật Giáo có câu:

“Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh”

[Tạm hiểu: mỗi chúng sanh đều đồng đẳng có Phật tánh giống nhau]

Đạo Cao Đài với nhân sinh quan rõ rệt, đã minh chứng luật đối đãi Âm-Dương [Nam-Nữ] giữ gìn cơ sanh hóa, cũng như định tính chất Tam Thể Xác Thân [Thể xác hữu hình, chơn thân, chơn linh] trong lịch trình sanh hóa, trường dưỡng trở về con đường phản bản. Vậy thì nữ cũng như nam, vẫn bình đẳng trước cán cân công bình Thiên Đạo.

Về hữu hình lẫn vô vi, nam nữ đều là con cái Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, có quyền định phẩm mình trước cán cân công bình vô vi, thọ hưởng những đặc ân của cơ nhiệm mầu thiêng liêng.

Tuy nhiên, chúng ta cùng xét lại Pháp Chánh Truyền của Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn muốn truất phế phái nữ trong hàng Thánh Thể. Song, vì lòng độ lượng của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Đức Quan Âm, phái nữ cũng được đưa vào Pháp Chánh Truyền, trong cả Hội Thánh Cửu Trùng, Hội Thánh Hiệp Thiên, Hội Thánh Phước Thiện. Đáng Đại Từ Bi cho hay rằng:

“Ôi! Mà hại thay! Thảm thay! Đau đớn thay! “Hòn ngọc” đẹp đẽ quý báu dường này Thầy đến cho các con, các con lại học kiêu căng, trẻ nhún. Thầy đã chán mắt thấy phái nữ hành đạo thế nào, biết bao phen Thầy buồn, mà buồn rồi lại giận, muốn chẳng lập nữ phái mà làm gì. Nhưng trai gái

cũng đồng con, Thầy không nỡ đành lòng từ bỏ, Thầy lại thương con nên đã lắm phen lấy khảo trừu công cho con trở lại phẩm cũ, bởi một lời đã hứa với Quan Âm, Thầy mới nhứt định dành phần công quả ấy cho con. Con ôi! Thầy thấy con đau khổ bấy nhiêu, một phen làm lỗi lẽ nào bỏ nghiệp muôn năm” [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn cơ tại chùa Gò Kén, 1927]

Nền chơn đạo mở ra để cứu vớt sanh chúng, sáng như hòn ngọc quý giá, như ngọn đèn vĩ đại soi chung cho hoàn vũ thoát chốn sông mê, bể khổ. Trước ngày tạo nền đạo hữu hình, Đức Phật Mẫu phải đổ lụy bao phen xin lập Pháp Chánh Truyền Nữ Phái:

“Ôi! Biết bao phen Thiếp khẩn cầu khóc lóc giữa Ngọc Hư Cung xin lập thành Nữ phái. Chí Tôn buộc sửa cải Thiên thơ, chư Hiền đồ cũng nhớ lời Chí Tôn khi lập Pháp Chánh Truyền Nữ phái, Chí Tôn than rằng, muốn bỏ đi cho đáng, nhưng lòng Từ Phụ cũng chẳng đành. Thiếp cậy Quan Âm thay quyền Chưởng quản, nào dè lời từ bi không phương kèm thúc tánh phàm của chư Hiền đồ” [Thánh Giáo của Đức Phật Mẫu-1929].

Thuở ban sơ khi ngọn tiên bút hữu hình-vô vi còn thông công đăng, biết bao Thánh Giáo trọn lành được phổ hóa. Cõi tuyên lưu cảnh khổ đau:

“Ôi! Tuy vân, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đọa hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy, đó là mấy đạo hữu tin đồ bị thất thế. Em trông thấy bắt đầu lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết” [TNHT-Thánh Giáo của Thất Nương].

Kiếp sanh phụ nữ đã phải lắm chịu nhiều vất vả, gánh vác trọng trách giữ gìn cơ sanh hóa, nuôi dạy con lớn khôn. Nên chi, sự học hỏi đa phần bị kếp thua nam phái. Tuy vâng, âu cũng là duyên nghiệp theo thiên đình phán định.

Nữ Phái vẫn là những bông hoa đẹp, rực sắc trong Vườn Hoa Ngạn Uyên của Nhứt Nương Diêu Trì Cung và đẹp đẽ chơn thân theo sở vọng của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Đức Quan Âm Bồ Tát cùng Cửu Vị Tiên Nương, luôn vươn lên ánh sáng chơn đạo.

Thay lời, xin trích thi dạy Đạo của Đức Phật Mẫu để đồng đạo nói chung và phái nữ nói riêng nâng mình lên địa vị cao trọng hơn nữa:

*“Từ Mẫu xem qua bắt động lòng,
Tình thương vô tận, đứng, ngồi, trông.
Sớm chiều tựa cửa chờ tin nhận,
Ngày tháng nương hiên đợi bóng hồng.
Lắm lúc ngậm ngùi bày trẻ dại,
Đòi phen nhắc nhở đám con Rồng.*

*Mẹ già thôn thức nào an dạ,
Đổ lụy vì đâu vắng ăm bông”
[Thánh Thi Đức Phật Mẫu]*

117. KHÁCH TRẦN VÀ QUÁN TRỢ

Đêm vắng canh khuya, tiếng sáo vi vu tiêu thiêu hòa vào tiếng trầm buồn ngâm vịnh:

*“Lời vàng nhắn hỏi khách trần gian,
Một nẻo đường Tiên đáng mấy ngàn?
Bụi đất của trần là của tục,
Chưa ai đem đổi cảnh an nhàn”
[Thánh Thi Hiệp Tuyển]*

Đó là bài thi đạo khuyên nhủ con người tỉnh thức chốn hồng trần thưở khai minh nền chơn giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngon tiên bút Cao Đài đã đi khắp nơi giáo đạo và trở thành huyền thoại, gắn liền với lịch sử hình thành, nền chánh trị đạo và Thánh Ngôn hay khuyến đạo bất diệt. Cho nên, đối với người đệ tử Cao Đài nói riêng và đối với môn sinh các tôn giáo khác nói chung, con người vốn đã nhận thức được nghĩa lý từ “khách trần, quán trợ” thâm thúy thế nào.

Con người là kẻ lữ thứ tha phương, đi tìm ánh sáng chơn lý diệu quang mà phản bổn hườn nguyên, trở về tự tánh

ngàn thu bất diệt, không chịu mọi thúc phược của vật chất đè nén, kèm hãm sự tăng tiến tâm linh không cùng tận. Vậy nên, con người là khách trần. Thân tứ đại do ngũ hành cấu tạo phải trả về bụi cát, nên trần gian chính là quán trọ.

Đức Chí Tôn dạy:

“Trần là cõi khổ, để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần” [TNHT, Q. 1, đàn cơ tại chùa Gò Kén, 1926]

Cõi tục là bể khổ, là giả tạm, là vô thường, là huyền mộng, là bào ảnh, là hư vô, là bọt biển có rồi không, là nơi giam hãm Nguyên Nhân và Hóa Nhân trong sâu thẳm. Do vậy, con người chính là khách trần và nếu biết tầm phương, vịn phước chiêu hồn, trau thân định trí, phụng sự giáo pháp và sanh chúng thì xa lìa quán trọ, hồi nguyên cảnh cũ, quê xưa. Nhược bằng không, con người mãi mãi vô minh, lăn trôi vô định như những cánh bèo dạt, cuộn tròn trong bến đò sinh tử-tử sinh.

“Biển trần khổ vơi vơi trời nước”

[Khai Kinh-Kinh Thiên Đạo]

Nước biển mênh mông ví như bao nhiêu nỗi đau khổ của con người phải chịu giữa thế trần này. Theo cách ấy,

Đức Phật Thích Ca ví nước mắt chúng sanh nhiều hơn cả nước biển. Cho nên, cõi trần là quán trọ, tâm con người mới là khách trần. Cát bụi vẫn mãi là cát bụi và trở về bản nguyên của nó. Tự tánh vô vi hằng hữu, hằng sống bất hoại và cần trở về hòa hợp với thiên tánh.

Trần ai vẫn lấy bao nhiêu sự vui vẻ tục bộn, danh quyền để chác lợi, mưu cầu mùi phú quý vinh hoa, những sự vô vị ở cõi sông mê mà trọn quên những hạnh gương đạo đức của các Đấng Thánh trước Hiền xưa. Lao xao sự tranh giành, hơn thua, chác phiền, kiếp phù sanh chẳng mấy chốc, giả dối chẳng được bao mà kiếp sanh càng ngắn ngủi; trắng lặn ác tà, bóng thiêu quang nhật thúc, sự sống càng mong manh như đèn trước gió. Mọi thứ vui say, vinh hoa, hơn thua, địa vị trở hóa thành gió thoảng. Khi hơi tàn, gói mỗi, sự hy vọng hạnh phúc vinh hoa vẽ lên cục sanh ly, pha màu tử biệt. Thảm trạng kết cục của kiếp sanh là vậy.

Khách trần biết đời là quán trọ, tầm nguồn tiên, nẻo thánh, tránh lỗi, tam lập theo sở hành mà sống tiêu dao, tự tại, bỏ phàm tâm, cận đèn thiêng liêng, đi ngoài vòng danh-lợi-quyền để đặt mình vào địa vị thanh cao, tắm nước ma ha, gói mình ao thất bửu, xa lữ bến tục.

“Chúng ta chỉ là những khách trọ tạm thời trên trái đất này, tâm ta mới là quán trọ, còn thân là khách, sẽ đến ngày khách từ giã quán trọ ra đi. Tất cả mọi thứ bạn cho là giá trị rồi cũng không đi theo bạn, mà nó còn ra đi lúc nào

mà bạn không ngờ và không níu giữ được” [Tài liệu Phật Giáo Thường Thức]

Để phù hợp với nhơn phong và sự tăng tiến tâm linh của nhơn loại, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hạ trần giáo đạo, khai cơ ân xá tam kỳ. Ngài hằng nhắc nhở:

“Nguồn đạo đã gọi khắp sanh linh mà nơi đây vẫn còn mơ màng trong mộng điệp. Nhân sanh chưa dễ thoát được cảnh trụy lạc ở cõi trần mê muội này: Lành ít, dữ nhiều, phước nhỏ, tội thêm, ấy chẳng qua ách nạn Thiên cơ đã sắp bày hành phạt”

Bụi hồng thường rửa, hằng xét thân tâm, lấy trí minh quang vệt lối chông gai cho khỏi điều trắc trở, nhuộm áo nâu sòng, tương chao đạm bạc, lánh giả tầm chơn, “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo” mà bước theo ánh sáng Từ Bi mới mong vinh sang buổi chung cuộc của bậc hiền nhân đã tỏ thế tuồng âm lạnh, cái vô thường của quán trọ.

Nếu mờ mịt gió bụi, pha sương mù đời, mê say mùi phú quý, lợi lộc công danh thường tình; đến khi thuyền khuất bóng, nhận đưa tin, nét rêu phong mờ mịt, vẽ cục u sâu của kiếp tàn vô vị.

Vinh diệu thay cho ai tường lãm ý nghĩa cuộc đời và hành theo gương hạnh của các bậc Giáo Chủ Đạo truyền dạy.

Thảm thay cho những ai còn vùi chôn trong chốn lao xao tục lụy, bỏ thánh chất, trọng phàm tâm.

Thánh thi của Đức Chí Tôn:

*“Thuyền khơi đợi gió lướt dòng ngân,
Dẫn khách Nam qua khỏi bến trần.
Nhuộm áo nâu sông về Cực Lạc,
Trau guơm trí huệ phủi đai cân.
Cơ Trời đến buổi đời thay đổi,
Đạo Thánh nhằm khi khách gọi nhuần
Khổ hạnh dầu ai thìn một kiếp,
Rừng tòng thoát tục sớm đưa chân”*
” [Thánh Thi của Đức Chí Tôn]

118. KINH PHẬT

Từ ngàn xưa, kinh điển của Tam Giáo [Three Religions] vẫn cho biết càn khôn [Yin Yang, Universe] vạn vật đều có Tam Bửu. Trời có Nhật, Nguyệt, Tinh [Sun, Moon, Star]. Đất có Thủy, Hỏa, Phong [Water, Fire, Wind]. Con người có Tinh, Khí, Thần. Trong đó, mọi thứ điều có một nguồn cội tối thượng duy nhất.

Đối với Phật Giáo [Buddhism], ngôi Phật duy chủ thù thắng. Nếu con người minh tâm kiến tánh thì liễu quán thành Phật. Phật thì tinh thông càn khôn, thoát vòng sinh tử luân hồi [reincarnation]. Đối với Đạo Cao Đài [Caodaism], ngôi

Thần là Thái Cực, là Chúa tể của sự sống trong vạn linh. Ở trạng thái hậu thiên, sự hiệp nhất của Tinh-Khí-Thần quy bốn, nhất nguyên là thù thắng. Vậy nên, phàm con người theo tôn giáo vẫn kính nguồn cội thiêng liêng, đó là Phật hay Thần Quang vì đó là ngôi Nhứt của Trời Đất.

Theo triết học Đông Phương [Eastern philosophy], chữ Nhất/Nhứt [One] được ký hiệu (-), là căn bản của Trời Đất, người và vạn vật. Trong kinh dịch, “nhất” ám chỉ quẻ Càn, tức là Trời. Huyền thoại [legend] Vua Phục Hy nhìn thấy con Long Mã trên sông Hoàng Hà, trên lưng thị hiện một nét vẽ từ một đến chín. Vua nhìn những ký hiệu ấy mà hiểu được mọi biến hóa, dịch chuyển của vạn vật. Ngài vẽ một nét tượng trưng cho nhất dương [Yang]

Trong khi đó, Phật Giáo thường dùng chữ “nhất nguyên” hay “nhất nguyên luận”. Đây là thuyết thần học siêu hình [metaphysical theology]. Định thuyết này cho rằng tất cả vạn vật đều cùng một bản nguyên với cùng một nguyên lý vận hành [control principle] hay cùng khởi nguyên. Với thuyết này, Phật Giáo cho rằng tâm con người sinh ra vạn pháp [dharma], vạn pháp từ tâm. Vạn pháp ví như những làn sóng cuộn trào trong dòng đại dương. Nếu tâm an định, quán trí, trở về nhất nguyên, vạn pháp ứng hóa, hòa hiệp hành vô pháp mà liễu chứng nhiệm mầu [miracle].

Tiên Giáo [Taoism] dùng chữ “thủ nhất” nên Đạo Đức Kinh của Đạo Giáo nói “Thiên đắc nhất dĩ thanh, Địa

đắc nhất dĩ ninh, nhân đắc nhất dĩ thánh, cốc đắc nhất dĩ doanh, vạn vật đắc nhất dĩ sanh” [tạm dịch là: Trời được Một mà trong, Đất được Một mà yêu, Thần được Một mà linh, Hang được Một mà đầy, Muôn vật được Một mà sống.

Không Giáo [Confucianism] dùng chữ “nhất quán”. Kinh Dịch lại cho biết “nhất bản tán vạn thù, vạn thù quy nhất bản”. Nên chung quy, đó được gọi là Đạo [Way], là cái một huyền khí hư vô biến sanh ra vạn linh trong càn khôn. Nếu thuộc về đạo vô hình thì không chi luận bàn nổi. Đức Lão Tử nói:

“Đạo khả đạo, phi thường đạo” [Tạm hiểu: Đạo có thể gọi được, không phải là Đạo].

Theo cách ấy, người tín đồ Caodai [disciple] càng biết trọng giá trị của đạo [religious value] thế nào hơn nữa, biết đạo hữu hình, hàm dưỡng đạo vô vi.

Đức Chí Tôn truyền dạy:

“Chúng-sanh chưa rõ nền Đạo là quý trọng đường nào. Đạo cũng do nơi phạm mà phát ra, và tiếp lấy cái thiêng-liêng của Thầy hiệp đồng, mới sanh sanh, hóa hóa, thấu đáo Càn-Khôn. Người mà biết Đạo, ấy kẻ hữu phần, còn người chưa thấu đáo nền Đạo, ấy là kẻ vô duyên” [TNHT, Q. 1, đàn cơ 1927].

Đức Lão Tử lại dạy lý lẽ thâm sâu hơn:

“Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn. Tổn chi hựu tổn, dĩ chí u vô vi. Vô vi nhi vô bất vi” [tạm dịch: Theo học, càng ngày càng thêm, Theo Đạo, càng ngày càng bớt. Bớt rồi lại bớt, đến mức vô vi. Không làm mà không gì là không làm].

Nên nếu đã làm người được may duyên ngộ được cõi tạm vô thường, hướng đến nguồn cội tâm linh [spiritual origin], chúng ta cần đi cho trúng, hiểu cho sâu, thực hành cho đúng, đi cho trọn vẹn hầu mới mong thực chứng, thực ngộ đạo pháp vô biên [immense dharma].

Người Phật tử [Buddhist] khi bước vào cửa Phật, thực hiện nghi lễ quy y Tam Bảo. Đức Phạm Hộ Pháp gọi đó là “tam quy thường bộ pháp giới” và nghi lễ này được thi hành trong tứ thời nhật tụng tại Tòa Thánh Tây Ninh hoặc tại các Thánh Thất địa phương. Muốn phụng sự chúng sanh, con người phải thấm nhuần lý pháp. Để tâm hồn đặt ở nơi lý pháp, người hành giả phải có đức tin về nguồn cội con người, mới lánh giả tầm chơn, hy sinh phụng sự đạo pháp và chúng sanh, “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo” để mong trọn vẹn giữ chánh tín nơi cội nguồn thiêng liêng [divine source] vô tận.

Câu chuyện thiền sư Đan Hà đốt tượng Phật để sưởi ấm sẽ minh chứng một triết lý hữu ích.

Xưa kia, tại một ngôi chùa nọ, có một vị hòa thượng rất sùng ngưỡng Tam Bảo, kinh kệ ngày đêm, hết lòng thành tâm. Mùa đông kia, thiền sư Đan Hà đi ngang qua ngôi chùa và trú ngụ. Thời tiết lạnh giá, thiền sư đem tượng Phật gỗ chẻ làm củi, đốt sưởi ấm. Sự việc sinh ra cuộc đối thoại:

- Hòa thượng: thiền sư sao dám đốt tượng Phật, hủy hoại Tam Bảo, tội sẽ sa địa ngục.

- Thiền sư Đan Hà: Bàn Tăng nào dám hủy hoại Tam Bảo, chẳng qua chỉ đốt lấy xá lợi tử mà thôi.

- Hòa thượng: tượng gỗ mà sao có xá lợi tử được?

- Thiền sư Đan Hà: đã không có xá lợi tử thì hòa thượng tối ngày lay tượng gỗ có ích gì, chi bằng để Bàn Tăng đốt đi lấy lửa sưởi ấm còn hơn.

Do đã tu lâu, hết mực cung kính Tam Bảo [three treasures], ngày đêm kinh kệ và khi nghe đến câu này, hòa thượng bỗng hoát nhiên đại ngộ lý pháp nhờ việc đốt tượng Phật của thiền sư Đan Hà. Sự cố tình đốt tượng Phật gỗ của thiền sư là phương pháp của người liễu giác, giúp cho người còn mê chấp để đạt sự đại ngộ.

Kính Phật, tụng Pháp, phụng sự Tăng là bí pháp giải thoát đối với giáo thuyết của Cao Đài [Caodai doctrine] khi Đức Chí Tôn khai cơ ân xá [amnesty], lập trường thi công quả [merit] cho con cái Người đắc đạo. Vì vậy, kính Phật là kinh cả pháp giới nguồn cội bản lai của chúng sanh. Việc cung kính Phật, Tiên, Thánh, Thần là việc rất cần thiết trong

đời sống chúng ta. Tuy nhiên, nó phải được thực hiện trong ánh sáng trí tuệ, đi ngoài ngã tướng, không bảo thủ chấp tướng. Đối với người chưa đạt được trình độ tâm thức khai ngộ, việc đốt phá như vậy coi như một đại nghịch bất đạo.

119. NHẬP MÔN CẦU ĐẠO

“Nhập môn cầu đạo” hẳn không xa lạ đối với đạo Cao Đài [Caodaism] nói riêng và các nền tôn giáo khác nói chung. Đây là một thể thức [form] chấp nhận tín lý, triết thuyết [doctrine], giáo điều để trở thành môn sinh của một nền tôn giáo, nương mình tu học các pháp môn, từ thể pháp cho đến bí pháp đạo.

“Nhập” nghĩa là tham gia, đi vào. “Môn” nghĩa là cửa. “Nhập môn” [adopt religion] hàm nghĩa theo một tín điều của một nền tôn giáo nào đó. “Cầu” nghĩa là xin. “Đạo” [religion] nghĩa là nền tôn giáo. “Nhập môn cầu đạo” nghĩa là xin gia nhập vào đoàn hội tôn giáo, thực hiện nghiêm túc mọi giới cấm, giáo luật [religious law]. Việc nhập môn sẽ có các nghi lễ [rite] khác nhau tùy theo quy định của mỗi nền giáo thuyết.

Khi khai đường, mở lối, trưng ngọn cờ cứu khổ nơi mặt thế, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế [Supreme Being] vẫn hằng dạy chư Thiên Phong dụng thánh tâm thương yêu [love], tình hòa ái, chung vai đầu cột để mở đường Cực Lạc [paradise] cho chúng sanh, tránh phân biệt màu da, sắc tộc, ngu hèn, sang giàu...mà phải làm sao cho

sanh chúng trực ngộ chơn lý, chèo thuyền bát nhã, khơi thánh chất, tạo mọi phương sách cho sanh chúng rộng đường nhập đạo.

“Con phải khai rộng Thánh Thất cho chúng sanh cầu đạo, đừng phân sang hèn, ai ai đều cũng con Thầy. Con khá khuyên chư nhu đến Thánh-Thất cầu Đạo nghe” [TNHT-1926]

Theo Đạo Cao Đài, con người muốn trở thành môn đệ Đức Thượng Đế, buộc người phải thực hiện lời “minh thệ” trước Thiên Bàn Ngọc Hoàng Thượng Đế và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật để chính thức làm tín đồ Cao Đài. Lời minh thệ là phép nhập môn cầu đạo, kể từ đó, người tín đồ phải chịu theo khuôn luật đạo mà sửa tâm, thay đời sống. Lời thệ ước gồm 36 chữ:

“Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư Môn-Đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru địa lục”.

Nghĩa là người đã chính thức thọ ước duy chỉ biết nền chơn pháp Cao Đài [Caodai doctrine], không xu hướng theo ngoại giáo, không được phép bội phản lời cam kết, xao xuyên đức tin nơi cửa Đạo. Biết nhìn nhận anh em đồng môn, cùng nhau gìn giữ y chơn truyền luật pháp đạo, tức là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nếu bội sự, phản bạn, gây chia rẽ, bất trung, bất

nghĩa, bất chánh, cải sửa chơn truyền...làm mọi điều trái với luật đạo thì sẽ bị trời đất tru diệt.

Phương pháp cầu đạo nhập môn xét về mặt hữu hình [visible aspect], rất có ích cho con người vì con người hay vọng tâm hướng ngoại, dễ thay lòng đổi dạ, bội tín, bất trung nên xét mình cho cẩn trọng, lương tính đức tin, lòng chí thành rồi mới chính thức nhập đạo Ấy cũng là phương pháp đối trị ngăn ngừa sự thất thế; dè chừng mà cố gắng trọn gìn giữ luật đạo [religious law].

Đối với vô vi [invisible aspect], lời thệ nguyện [religious oath] như một thiên điều trị thế. Nếu ai trọn tuân luật pháp đạo, các Đấng Thiêng Liêng [divine beings] gần cận, ban bố hồng ân [blessing] trên con đường tu học. Khi thoát xác, cân công bình thiên đạo sẽ minh định đưa vào Thiên Tịch.

Giá trị của minh thệ cầu đạo như lời Đức Chí Tôn:

“Qui Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thầy chẳng chịu cho hành xác, chúng nó hiệp Tam thập lục Động toan hại các con, nên Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến gìn giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh thệ nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận” [TNHT]

Nhật Nguyệt vẫn xoay, chu kỳ tấn hóa của quả cầu đã qua lắm đổi. Đức Chí Tôn ban ân xá kỳ ba, cho con cái Người “tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời”, được phép thờ Thượng Đế nơi nhà nhà. Xưa kia, các vị Thiên Tử (thánh hoàng) mới được phép thờ Trời mà thôi. Đó là huệ ân thiêng liêng hiếm từ ngàn xưa. Đức Phạm Hộ Pháp luận giảng cho biết ân tứ của Đức Chí Tôn đã ban rải khắp nơi:

“Buổi Chí-Tôn đến tạo Quốc-Đạo cho nòi giống Rồng Tiên này, chính Ngài cầm Cơ đi đến các Tỉnh, kêu từ nhà, gọi từ đũa con, cho không biết bao nhiêu bài khuyên dạy, tạo thành Tôn-giáo Cao Đài là Quốc Đạo” [Thuyết Đạo Q.2].

Ngó lại cổ kim đông tây, những người chơn chánh cầu học đạo pháp đã phải trải qua muôn vạn vất vả mới tìm được chơn truyền [dharma], pháp giác ngộ.

Khi xưa, Nhị Tổ Huệ Khả (tổ 29 của Phật Giáo) đã đánh đổi gần như mạng sống để liễu giác và được Đức Bồ Đề Đạt Ma truyền tâm ấn, trao Y Bát.

Vốn Đức Bồ Đề từ Ấn Độ sang Trung Hoa gặp vua Lương Võ Đế đàm đạo như vua không khế cơ nên Tổ Sư dời về phía bắc. Trên đường đi, Pháp Sư Thần Quang đang giảng pháp, Thần Quang là người có khả năng biện tài vô ngại đến đổi “Tiên nữ tán hoa, địa dũng kim liên” [Tiên rắc hoa, đất nở sen]. Tổ Sư vội vào và có cuộc vấn đáp:

- *Tổ Sư: Hòa Thượng đang làm gì ở đây?*
- *Thần Quang: giảng kinh.*
- *Tổ Sư: Hòa Thượng giảng kinh gì?*
- *Thần Quang khó chịu hỏi lại: Thầy từ đâu tới.*
- *Tổ Sư: Ấn Độ.*
- *Thần Quang: ở Ấn Độ chẳng có người giảng kinh sao?*
- *Tổ Sư: đương nhiên có nhưng giảng toàn là “vô tự chân kinh”*
- *Thần Quang: thế nào là vô tự chân kinh.*
- *Tổ Sư: “vô tự chân kinh” là kinh không có chữ. Kinh Hòa Thượng giảng là kinh giấy trắng mực đen.*
- *Thần Quang bức bối trả lời: ta giảng kinh để người ta liễu thoát sinh tử.*
- *Tổ Sư: bản thân Hòa Thượng còn chưa liễu thoát được sinh tử, làm sao mà dạy người khác thoát được vòng sinh tử?*

Đến đây, Thần Quang trộm nghĩ Tổ Sư mặt đen là hóa thân của ma vương đến phỉ bang Tam Bảo và dùng râu tròng đánh Tổ Sư gãy hai cái răng. Tổ Sư bèn bỏ đi đến chùa Thiếu Lâm tại núi Tung Sơn, thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Hoa và Tổ Sư thực hiện “cửu niên diện bích” tức là ngồi quán thiền cơ quay vào vách tường trong chín năm trường.

Về Thần Quang, Ông đặc ý vì đánh đuổi Tổ Sư. Nhưng sau không lâu, quý vô thường đến nói với ông rằng sở thiên tàu đã định, mời ông xuống Diêm Vương. Thần Quang hốt hoảng và nói:

“Bần Tăng giảng kinh, tu hành, thuyết pháp mấy mươi năm vẫn không thoát được luân hồi. Như thế, trên thế gian này còn có ai dứt được sanh tử, tránh khỏi sự phán xét của Diêm Vương chăng?”

Quý vô thường đáp:

“Có! Vị hòa thượng Tây Trúc da đen, râu rậm mấy hôm trước bị hòa thượng đánh gãy hai cái răng cửa, chính là một vị Thánh Tăng”.

Thần Quang khẩn khoản xin gia hạn thời gian để tìm gặp Tổ Sư. Ngày đêm Ông đuổi theo Tổ Sư không ngừng nghỉ. Khi đến gặp Tổ Sư, Ông nói:

“Xin Thầy từ bi, tha thứ cho đệ tử thô lỗ này không biết Thầy là bậc Thánh Nhân nên đã phạm thượng. Xin Thầy dạy cho con pháp tu hành để liễu thoát sinh tử”.

Tổ Sư quay mặt nhìn Thần Quang nhưng chẳng nói, tiếp tục quay vào vách. Thần Quang liền quỳ mọp xuống đất. Ngày kia, tuyết mưa giăng phủ đầy trên hai thước, Thần Quang vẫn quỳ bên cạnh Tổ Sư. Bấy giờ, Tổ Sư ngẩng đầu lên và cảm động vì sự cầu pháp của Thần Quang và cất tiếng:

-Tổ Sư: Hòa Thượng quỳ ở đây để làm gì?

- Thần Quang: xin thầy từ bi truyền pháp để thoát khỏi lệnh của Diêm Vương.

- *Tổ Sư: Cầu pháp nào phải là chuyện dễ dàng như vậy. Hãy chờ đến khi nào trời rơi tuyết đỏ thì ta sẽ truyền pháp cho Hòa Thượng.*

Bấy giờ tâm cơ của Thần Quang xoay chuyển nghĩ về Đức Thích Ca khi xưa tu hạnh bồ tát và chỉ cầu nửa câu kệ mà dám xả cả thân mạng. Thần Quang liền dùng thanh đao chặt cánh tay trái, máu phun như suối, làm tuyết hóa đỏ. Ông bèn bưng hai tay tuyết dâng lên Tổ Sư thỉnh cầu truyền pháp.

Tổ Sư nói: *“Hòa thượng vì pháp mà quên thân, thật là chân thành cầu pháp”*.

Tổ Sư Đạt Ma bèn truyền pháp “bất lập văn tự, ngoại giáo biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Tổ Sư dùng một số công án giúp Thần Quang hoát nhiên đại ngộ và đặt tên lại là Huệ Khả. Sau đó, Đức Tổ Sư truyền Y-Bát chính thức cho Ngài Huệ Khả, và Ngài Huệ Khả trở thành Tổ thứ 02 của Thiền Tông Trung Hoa.

Qua truyền tích trên, cho chúng ta thấy việc nhập môn cầu đạo mang ý nghĩa thậm sâu, nhắc nhở môn sinh hết mình tu sửa, phụng sự giáo pháp, nhơn sanh, khép mình tu học để trở thành môn đệ [Caodai disciple] yêu ái của Đức Chí Tôn [Supreme Being], Đức Phật Mẫu [Holy Mother] trên con trường thi thánh đức.

120. BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO

Con người thường ít an trú với chính đời sống hiện tại mà luôn vọng tâm khát khao một hoàn cảnh khác hơn, môi trường tốt hơn, hướng về một niềm hạnh phúc hơn. Nghĩa là con người chưa bao giờ sống với nội tại, luôn làm một phép so sánh để thấy sự chênh lệch giữa người và người, giữa hoàn cảnh với hoàn cảnh, rồi thấy sự buồn tẻ, bất an, chệch lạc, thậm chí càng xa lìa, chối bỏ với mọi cái thực hiện hữu.

Đối với người hành giả, “bình thường tâm thị Đạo” là một công án thiền giản đơn, nhưng mang đầy ý nghĩa uyên thâm, giúp con người có cái nhìn đúng đắn để vận dụng trong đời sống tu học chính tâm, hầu xa lìa huyền mộng, hướng đến sự viên minh, liễu quán trong nguồn suối minh triết đạo pháp, tĩnh tu trong pháp lạc, phước huệ song hành.

Về nguồn gốc, đây là khái thị của Thiền Sư Nam Tuyền Phổ Nguyên cho thiền sư Triệu Châu thực chứng các pháp, đó là một tích nổi tiếng được lưu truyền và nhắc nhở trong nền Phật Học như một nguyên tắc, đốn ngộ tâm thức bằng đời sống thanh lạc, tràn đầy trí huệ, quán thông vạn vật, quay về hải đạo tự tâm để đốt đuốc thần quang cháy mãi.

Về mặt ngữ nghĩa, tạm diễn nghĩa là “trạng thái tâm bình thường ấy là đạo”.

Vậy, “đạo” là gì? Về mặt hữu hình, đạo là con đường, là thể tướng của một nền tôn giáo với nguyên tắc, giáo thuyết, triết lý soi dẫn con người hướng đến một trạng thái an

lạc thân tâm, khi bỏ xác có thể lìa con đường luân hồi sanh sanh-tử tử; nghĩa là đạo tức là con đường đưa “bát hồn” đào độn, thăng tiến, vận chuyển, tiến hóa trên con đường giục tấn thiêng liêng cho đến “cửu phẩm Thần Tiên” hay “cửu phẩm liên hoa”.

Về mặt vô hình, “đạo” là chơn lý mang tính chất siêu hình thậm thâm, là những định lý sinh thành từ Hư Vô Chi Khí cho tới tạo ra vạn vật trong càn khôn. Với phạm trí, con người không lấy chi luận tả được cái huyền vi máy tạo mệnh mông trong ngôn ngữ hữu hình hạn hẹp.

“Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi” [Đức Chí Tôn, TNHT, Q.II, đàn cơ tại chùa Gò Kén 1926]

Căn cứ Thánh Ngôn trên, “đạo” là chiếc thang, cái phao cứu sinh cho “hóa nhơn” tránh khỏi cửa luân hồi lục đạo, có thể thông dong và đoạt phẩm thiên cung; lại là phương châm cho “nguyên nhơn” đã bị đọa lạc khỏi chốn hồng trần, có thể quy hồi phẩm xưa, ngôi cũ.

“Tâm” là chi? Là sự sống tự hữu, tâm ý, lòng dạ trường lưu bất diệt, là sự nhận biết thế giới xung quanh. Tôn giáo có nhiều danh từ khác nhau như linh tánh, chơn linh, thần quang, linh hồn, chơn tánh, tiểu hồn, tiểu ngã, chơn như, bồ đề, như lai tánh, lương tâm...

“Bình thường” là trạng thái tâm bình thường, trung dung, không chịu ảnh hưởng của họa, phước, buồn vui, không lệch trái, không nghiêng phải. Mọi thế sự thế gian luôn động tịnh theo hai chiều thuận-nghịch do tâm con người. Khi khát muốn, thèm ham và muốn chiếm hữu, đó chiều thuận (tạm chia là “phải”). Các sự việc không xảy ra theo điều con người mong muốn thì trở nên bức dọc, sân si, oán hận, buồn khổ, hắt hủi, vứt bỏ, chán than...đây là chiều nghịch (tạm gọi là “trái”). Như vậy, theo nhãn quan của tôn giáo, mọi thứ tình cảm liên đới, nảy sinh ra khi cọ sát với cảnh trần sẽ sanh ra “thất tình, lục đục”. Lục căn tiếp xúc với lục trần, sinh ra mọi tình cảm thất tình, ham muốn, khổ đau theo hai chiều thuận nghịch nói trên. Nếu con người lìa xa hai tính chất trái-phải để đi đến trung đạo tức là “tâm bình thường”.

Vì thế ấy, tâm không bình thường là trạng thái của dục vọng, ham muốn, trạng thái của tam độc “tham-sân-si”. Mọi tạp nhiễm thường tồn xảy ra liên tiến, không ngừng trong tâm thức, các chuỗi sự kiện của quá khứ, mong vọng tương lai hằng khởi niệm; Phật Giáo gọi đó là “vọng thức”. Sự mơ tưởng, vô ý gọi là “vô ký”. Hai thể thức này minh chứng cho “tâm bất bình thường” của phàm trần sở dục, tức là mọi vật luôn có khái niệm, phân biệt, so sánh, hơn thua và đưa con người trong vòng vô minh, vòng của nhân quả, vọng duyên đưa đến cửa luân hồi vay trả.

“Tâm bình thường” theo tôn giáo là tâm trong sáng trí huệ, nhận biết mọi sự im lặng hư vô và guồng điều hành của

“vô sở trụ”, là tâm không phân biệt, tâm của nhất nguyên, thấy như không thấy, nghe như không nghe, nhận biết như không nhận biết, thấu trong mọi lý pháp, coi các pháp như không phải pháp, vạn pháp đều là pháp. Theo Phật Giáo, khi đã kiến tánh chứng ngộ, mọi thứ động tịnh đều là chơn ngã, nghĩa là hòa hợp cùng các nguyên lý vận hành mà không khởi niệm phân biệt nhị nguyên, trực tâm đến mọi thứ hiện hữu nhưng chưa hề phát niệm.

Có những sự ngộ nhận đơn giản xảy ra, người ta nghĩ hễ cuộc sống bình thường thì kệ, thả trôi theo dòng nước thì đó là “bình thường tâm thị đạo”. Đó là một sự ngộ nhận lớn lao khi con người muốn vịn níu pháp tu học. Phật luôn ở trạng thái vô niệm, không còn có phương tiện và mục tiêu. Thế nên, lời dạy của Đức Chí Tôn vẫn còn đó:

“Tịnh, Tịnh, Tịnh! Tịnh là vô nhất vật”

Đó là lời dạy của Đức Thượng Đế cho toàn thể cả sanh chúng trên trường thi công quả để đắc chứng. Nhưng mọi thứ ngang trái, oan nghiệp hắc còn đeo trong vô lượng kiếp, con người có thể đi đến “vô nhất vật” một cách an bình hay không, hay chính những vòng dây nghiệp lực là thứ trói chặt tâm thức, đẩy đưa đến muôn vản vọng niệm? Con người phải dùng phương tiện niệm hồng danh chư Phật Tiên để được trợ duyên trên hành trình tu học, bình ổn tâm thức, xóa các tạp niệm. Vậy thì quan trọng ở chỗ, con người biết áp dụng phương tiện bằng trạng thái tâm thức chánh niệm, nhìn

các pháp xưa nay thường vắng lặng, sắc, hương, thanh, vị, xúc pháp là thường tại và không vướn nó như mục tiêu cứu cánh, mà chỉ là mục tiêu tạm thời, tức là đạt đến chỗ “tịnh” của tôn giáo tính. “Tịnh” là chơn thật và nhất hạnh mà thôi.

*“Trung Dung Không Thánh chỉ rành,
Từ bi Phật dẫn lòng thành lòng nhơn”
[Kinh Thiên Đạo-Khai Kinh]*

Đạo Trung Dung là uyên nguyên của giáo thuyết Nho Giáo hằng dạy:

*“Trung Hoà là cái tính tình tự nhiên của trời đất,
Trung Dung là cái đức hạnh của con người. Trung là giữa,
không lệch bên nào, Dung là thường, nghĩa là dùng đạo
trung làm đạo thường” [Thầy Tử Tư thuyết lời Đức Không
Tử dạy]*

“Bình thường” là thể “tịnh”, “tịnh” là “trung dung”, tức là sự ngay chính từ hành động, ngôn từ, ý thức không nghiêng lệch, chẳng thái quá, chẳng bất cập, đủ hòa hưỡn theo lý tự nhiên, nhưng phải uyển chuyển, tùy thể tình mà ứng xử, xa hai thái điểm cực đoan, không bị lệ thuộc các định kiến nào, mà dựa vào nét trung dung tu lòng, sửa nét.

Cho nên, “tâm bình thường” là thuộc tính yếu điểm của hành giả trên con đường tâm lý pháp. “Vạn pháp tùy duyên” là sự phóng khoáng tâm hồn, không bị trói buộc vào

bất cứ duyên nào của thế gian. Duyên thành, duyên hợp vốn là luật vô thường có có không không. Nếu con người giữ kèm, khát vọng, mong muốn, bị duyên chi phối là trái với tự tánh.

“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên”

[Sơ Tổ Thiền Trúc Lâm Trần Nhân Tông]

“Tùy duyên” tức là “bình thường” đối đãi. Đói thì ăn, khác thì uống, mệt thì nghỉ nhưng phải phóng khoáng yên tĩnh nội tâm, không cho dấy phạm niệm, hành động phải phù hợp với các nguyên tắc tiến hóa thiên nhiên. Nếu “bình thường” như đói ăn, ăn rồi ngủ nơi đâu cũng được, gặp rượu no say, gặp kẻ khùng thì chửi...thì đó gọi là “cuồng tăng” vọng phạm, chứ không phải “bình thường tâm thị đạo”.

“Cái bình thường là cái khổ đau, vô thường và vô ngã mà con luôn luôn ở trong đó. Chỉ vì con vọng cái phi thường - cái thường lạc ngã tịnh, hay cái bình an xa xăm nào khác - nên con đã tự bỏ quên cái bình thường thiên thu vô giá. Cũng như một người đăng trí cầm ngọn đèn đi tìm ngọn đèn ấy, tìm mãi không gặp, mà thật ra ngọn đèn nằm sẵn trong tay chưa rời nửa phút” [Thiền sư Viên Minh].

Ấy vậy, cái bình thường nhất là mọi sự diễn tiến theo thế gian tính và con người chấp nhận nó như một định lý bất diệt, thường tại, không chịu thúc phược của mọi hệ lụy trong vạn chuỗi vui buồn thế sự, nhân sinh, mà mình thực cầu các

pháp của Tam Giáo Tổ Sư truyền dạy để thực chứng ngộ diệu pháp, ứng dụng vào đời sống tu tập thân tâm tróng chơn pháp mà Phật Tiên ban truyền cho chúng sanh.

Đức Phạm Hộ Pháp dạy:

“Phải bình-tĩnh nghĩa là đừng chịu ảnh-hưởng của họa, phước, buồn, vui tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc buồn vui thấm vào chơn tánh” [Phương Luyện Kỷ đăng vào con đường thứ ba của Đại Đạo]

121. HẠNH KHIÊM CUNG

Xét về phận sự trọng yếu của con người dưới lăng kính đạo học, sống là tu thân, lập đức qua việc học những bài học khổ đau vui sướng trần gian. Từ đó, lãnh ngộ tính chất triết thần, thực hành đời sống chơn chánh phù hợp với khuôn luật thiêng liêng, để mỗi kiếp sanh có thể bước lên một bậc thang tiến hóa vô cùng tận, đến khi nào viên giác, liễu quán, thoát khỏi bến đò sanh tử, trở về thực cảnh. Trong những đức tính cần thiết của hành giả, hạnh khiêm cung là một đức hạnh vô cùng quan trọng vậy, đòi hỏi con người phải thực hành rốt ráo, trọn nghĩa lý. Nếu người hành giả học hạnh khiêm cung mà tự cao, ngã mạng, người đó tất yếu mất đi sự minh triết vốn từng có trong bốn thân và mãi mãi trì trệ trên con đường tu học.

Khiêm cung hay khiêm nhường (謙讓) là từ Hán Việt để chỉ sự hạ mình, cung kính, chịu thiệt phận, thua kém để tỏ lòng khiêm tốn, là sự nhìn nhận bản thân thua kém, chưa xứng phận, là một trạng thái tâm hồn không bị ràng buộc và thoát ly khỏi mọi ý thức (awareness) về bản thân, một hệ thức hoàn toàn không chứa niềm kiêu hãnh hay bóng dáng của tự ti. Tánh hạnh của con người bắt nguồn từ thuộc tính bản ngã (self) phàm chất hay thánh tâm chi phối. Nếu tâm hạnh theo vết lẩn của phàm chất tức nhiên là kiêu ngạo, tự tôn với một bản ngã đặt trên và trước ai hết. Nếu hạnh nét chịu mòn theo thánh tâm, con người sẽ định an, khiêm cung hòa ái, im lặng, nhin nhục, cầu học, nhu mì.

Theo góc độ Phật Giáo [Buddhism], khiêm cung đồng tính chất với im lặng. Trước mọi biến động của thế sự lao xao, tâm hồn chúng ta thực hành sự an định, tức là khiêm nhượng trước làn sóng hơn thua của tha nhân. Có câu rằng:

“Sống là động nhưng lòng chẳng động”.

Người ta thường cho đó là truyền thống của tôn giáo nhưng kỳ thực, đó là nguyên tắc, là luật lệ mà người nhập đạo phải thực hiện cho kỳ được, vẽ lên bức chân dung khiêm nhượng thật lặng lẽ, sâu thẳm, huyền vi và đầy mùi vị thanh thoát. Phật Giáo cho rằng sự im lặng có sức mạnh lớn lao đối với người tu hành và ví von: sức mạnh của trẻ con là tiếng khóc, sức mạnh của phụ nữ là nước mắt, sức mạnh của người

tu là im lặng nhẫn nhục mới mong định tâm, quán trí, phát sanh trí huệ.

Con người phải học hạnh khiêm tốn và chân thật, hỷ xả xóa bỏ tâm cống cao ngã mạn, học hỏi được nhiều điều hay từ tâm thức tự tánh, càng tu dưỡng những phẩm chất cao đẹp, làm gương sáng cho người khác noi theo và tu tập.

Thế gian là vốn là cõi ta bà, là trường khổ hạnh, khảo thí sần lọc vàng thau. Vinh hoa, phú quý, công danh, lợi lộc, địa vị, chức vụ, phồn hoa cũng sẽ tàn rụi theo tháng ngày. Khi thân về cát bụi, chỉ có hai thứ mang theo là tội hoặc phước mà thôi.

Đối với Cao Đài Giáo [Caodaism], Đức Chí Tôn [Supreme Being] truyền dạy:

“Các con phải giữ gìn đức hạnh, đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hoà, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung [TNHT]

Hay

“Nếu trí các con chẳng lanh lẹ, hạnh các con chẳng hoàn toàn, cách cư xử các con chưa hoà hiệp, đường Đạo các con chưa liệu chung, nét khiêm cung các con chưa trọn vẹn, cách đối đãi các con chưa ôn hoà, thì nền Đạo sau này

e khi phải vì đó mà để một trò cười, dầu đức từ bi của Thầy cũng khó gỡ rối rắm được” [TNHT].

Hạnh hòa ái khiêm nhường là đặc tánh tự hữu trong mỗi chúng sanh. Có hay chăng, con người tự khai thác và đào luyện, vận dụng, phát huy cho cao đẹp trong nếp sống mà thôi. Nếu quả quyết lấy cái tự tôn, tự đại sống với hình chất là ngược dòng tấn hóa, đi lùi lại cơ sanh hóa và trường dưỡng tâm hồn trở nên chí thiện, chí mỹ. Sống với hình chất và cái phàm ngã mà mong hạnh hưởng phước duyên là điều huyền mộng.

Truyền thuyết xưa kia hẳn còn đó, Đức Khổng Tử là bậc Thánh Nhân với học thuyết cao rộng có thể bình trị thiên hạ nhưng bị một đứa trẻ lên 10 tuổi, là Hạng Thác bắt lỗi và dạy Ngài. Cái hiu hiu tự đắc của con người giữa biển đạo pháp bao la có lẽ trở nên thừa thải, vô giá trị, đi ngược lại lời của các Đấng truyền dạy về hạnh đạo.

“Còn những kẻ tự cao, tự tôn, tự đại bắt quá làm hề cho một người thiếu trí coi chơi chớ cái giá trị không đáng gì hết, rồi chuyện thiên hạ coi nó là giả không có giá trị chi đâu, mà tự cao, tự tôn, tự đại” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6]

Khi huấn dụ cho học trò, Đức Khổng Tử bảo: *“Ta đâu dám sánh với bậc Thánh, bậc Nhân”* [Trích Thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh].

Nếu con người được Thượng Đế phú bẩm cho sự khôn ngoan, trí thức, nhận thức lẽ sống chân thật, hòa bình miên viễn, biết hướng thượng, tìm chân lý sống theo khuôn linh; đó là hạnh duyên do sự sáng lạng của chơn thần trong tiền kiếp, tức là sự tiến hóa của chơn thần vượt trội hơn người. Khi được vậy, con người phải dụng khôn ngoan đó mà biết tâm hòa ái, thương sanh, khiêm cung, hạ mình cùng trên dưới, dạy lẫn cho nhau chữ đạo đức, nhân tâm để cùng nhau phát triển tâm thức càng sáng rộng.

Chúng ta thường bắt gặp lời thuyết giảng của Đức Phạm Hộ Pháp về giá trị của bác ái, thương yêu. Nó có thể sánh là của cải vô tận nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Vì khiêm nhượng mà đạt chữ hòa, vì khiêm nhượng mới đủ thương yêu, vì khiêm nhượng mới chịu học hỏi, vì khiêm nhượng mà yên mình quay về nội tâm (Phật Tánh) tìm với ánh sáng Chơn Ngã [real self] mà tỏ ngộ lý vạn vật [all supreme beings]. Nên khiêm nhượng là con đường đưa hành giả đến con thuyền Bát Nhã [wisdom] thoát bến tục, lánh giả, tầm chơn.

Đức Chí Tôn dạy:

“Các con coi bậc Chí-Tôn như Thầy mà hạ mình độ rỗi nhơn sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên-Ông và Bồ-Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng; còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào?” [TNHT Q. 1, 1926]

Cốt yếu Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế cho thấy sự khiêm nhường tốt bậc để con cái Người học theo hạnh đó. Là Đấng Vô Cực Chí Tôn biến sanh từ Hư Vô Chi Khí rồi hóa sanh ra vạn vật trong càn khôn, là Cha của Thần, Thánh, Tiên, Phật, nhưng Ngài xưng là vị Tiên Ông nhỏ nhoi, hạ mình xuống thế, hầu chuyện, bầu bạn, dạy lẽ không ngoan, chân thật cho các vị Thiên Phong để từ từ khởi xướng một nền Cao Đài quốc đạo. Đức Ngài có ý gọi thánh chất của mỗi môn đệ, gom hợp khối đức tin, phú thác nơi những môn đệ chí thiết làm nền móng để khai mở và hoằng hóa nền Chơn Giáo. Nên Đức Chí Tôn nói:

“Hạnh khiêm-nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy” [TNHT Q.1]

Vì lẽ đời hạ ngươn, lắm kẻ tội lỗi, thiên hạ đi trong thú chất, đau thảm từ thể xác đến tâm hồn. Vì vậy, Đức Thượng Đế sở cậy nơi các vị Thiên Phong một phận sự trọng hệ, khai mở triết lý tân kỳ, đủ phương thế giải thoát cho 92 ức nguyên nhân còn đọa trần và sanh chúng có thể hồi đầu, nắm phước chiêu hồn trở về quê xưa cảnh cũ. Và Đức Ngài cũng trông vọng một đức tánh háo sanh, thương yêu, khiêm nhượng mới mong đủ sở hành làm tô tở cho chúng sanh hưởng hồng ân. Ngó lụng lại, hạnh khiêm cung là một đề tài quan trọng trong cửa Cao Đài mà Đức Chí Tôn thường nhấn nhủ.

Một lúc nào đó, con người biết im lặng, thấu cảm dòng thời gian, hơi thở vạn vật, thấy được sự uyên thâm trong màu áo mình triết và cả sự giản dị, thấy ý nghĩa uân chuân đầm ấm giữa lòng nhân thế là khiêm nhượng và đáng nên khiêm nhượng để đạt đến một tâm hồn cao thượng, thánh triết, trạng thái tâm thức hài hòa đáo để.

122. LUẬT THƯƠNG YÊU TRONG CAO ĐÀI

Đây là một chủ đề có lẽ không mấy xa lạ đối với người tín đồ Cao Đài khi nghiên mình đánh lễ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi bửu điện trang nghiêm dưới khối nhang nghi ngút khi khối linh diệu trong bốn tâm khiến giục chúng ta thi hành thuyết cao trọng này như một tín điều bất khả ly với đời sống đạo. Chúng ta thử cùng nhau ngồi lại nghiệm đề tài này coi đặt tính của nó ra thế nào mà có thể đem lại cho con người nguồn suối an lạc thân tâm, dấng thân đặt để cả thể xác và tâm hồn vào học lý, chấp nhận nó như một ước lệ cố định trong đời sống tu dưỡng, khép mình thực thi ý tưởng phụng sự miệt mài với một tình thương tha nhân yêu ái, nồng nàn nhưng vô cầu, vô vị lợi.

Về văn tự, thương yêu là cảm xúc sót xa trong lòng, tạo ra hành động biết thương người, mến vật như thương chính bản thân mình vậy. Cổ Giáo từng đề cập thuyết thương

yêu với nhiều từ khác nhau nhưng chung quy, nghĩa lý vẫn đồng đẳng, mang cùng nhất lý để hành giả tầm phương, nghiên mình trau sửa thân tâm, thực hiện nhất quán.

Thánh Gia thường dùng chữ “nhân ái”, Tiên Gia gọi rằng “bác ái” trong khi Phật Gia kêu là “từ bi”. Dẫu từ ngữ gọi khác và giáo thuyết có khác về mặt hình tướng, chớ kỳ thật nội lý hàm ý vẫn là chơn lý thường hằng theo khuôn luật tương quan thiên nhiên.

Thương yêu là mặt luật tồn tại dĩ chí, là thuộc tính tự hữu của tôn giáo và dân tộc, một định luật bất di bất dịch để bảo tồn sự sống, trưởng dưỡng càn khôn, đưa con người từ thô sơ cho đến cảnh thượng tiến thăng hoa, giục tiến đến thuần thanh, chí mỹ, đẹp để hình thể lẫn tâm hồn.

Đối với dân tộc tức là về với mặt đời, thương yêu là chủ thể được đòi hỏi như một chất xúc tác không thể thiếu để trường lưu quan hệ sinh tồn của dân tộc giống nòi. Tự thử nào nam nữ, vạn vật biết cảm xúc, thương mến, biết tình mặn nồng, không chia xa. Rồi sản sinh ra con cái, nuôi nấng bảo bọc trưởng thành. Con cái tự biết thương người đã sinh thành ra, phụng hiếu báo ân. Xóm làng biết bình vực lẫn nhau, quây quần nhau đồng sống, chia sẻ mọi khó khổ và hạnh phúc để bảo vệ sự lẫn nhau. Dân tộc biết cùng huyết thống, giữ gìn ranh giới, quyết giữ bờ cõi và hồn thiêng sông núi tổ phụ đã để lại. Còn thú chắt và vạn vật thấp bé hơn con người, nó vẫn có cái linh sống, vẫn thọ hưởng cái tánh khôn ngoan

để thương yêu, để bảo toàn sự sống của nó theo khuôn linh đã định.

Ngược lại, hệ lụy của bất hòa, thiếu tình nhân ái là các cuộc mâu thuẫn, sự chạy đua vũ trang, dụng não bộ phi thường để tạo ra các quả bom nguyên tử, đạn đạo, lò hạt nhân, vũ khí sinh học để chuẩn bị cho các cuộc thánh chiến khi họ thấy cần.

Ngày nào các quốc gia biết tôn trọng mặt luật thương yêu nhau mới mong cứu vãn sự mâu thuẫn sắc tộc, hóa giải hơn thua kinh tế, ganh tỵ vũ lực, hướng nền hòa bình chân thật và vĩnh cửu mà thôi. Bằng chẳng vậy, kết cuộc của sự mâu thuẫn là sự tàn diệt trong máu và nước mắt. Do vậy, đòi cần hình luật thương yêu để bảo trọng sống lẫn nhau.

Đối với tôn giáo, đây là mặt luật ràng buộc con người phải tùng và thực hiện trọn vẹn chơn chánh trong suốt quá trình học hỏi kiếp nhân sinh. Thương yêu trong tôn giáo, nó không còn ở nghĩa lý hạn hẹp mà là nằm ở lý siêu việt hơn, cao rộng hơn, nhân văn hơn, đặc sắc hơn, trù phú hơn, mỹ miều hơn, tôn giáo tính hơn, tâm linh hơn vì cái sống của nó không còn đơn thuần ở tính chất phàm ngã, nó đòi hỏi sống với thánh linh, sống với tánh chất kỳ bí khôn ngoan hơn vật loại để phù hợp với thể tính của cơ quan tạo đoan cần khôn vũ trụ- một quy luật tiến hóa của Bát Hồn nằm trong “thánh thể thường tại” của Đức Thượng Đế.

Trong Cao Đài Giáo, “thương yêu” là một trong hai nền tảng để xây dựng đệ tam hòa ước được ký giữa Trời và Người. Nên, nó trở thành luật, luật của thương yêu, luật của xây dựng, luật của sự cộng hưởng giao hòa giữa người với người, luật của mong cầu ban vui cứu khổ toàn thể sanh chúng trên con đường đạo bí ngạn.

Những năm đầu thuở khai minh đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn vẫn hằng dạy về luật thương yêu cho môn đệ yêu dấu, hầu làm một ngọn đuốc linh đăng mãi chiếu sáng cho môn sinh hậu lai tựa vào làm kim chỉ nam một khi xa nguồn tiên bút.

“Thầy thường nói với các con rằng: Các con là cơ thể của sự thương yêu, mà các con không còn hiểu sự thương yêu là gì.... Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên, Cực Lạc Thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi...” [Đức Chí Tôn-TNHT]

Tổng thể các sự sống vạn linh trong càn khôn là cơ thể thường tại của Chí Linh, vận chuyển, sinh sôi, sống chết liên tiến để thay màu cho sự trì trệ bằng sự khôn ngoan chí bửu hầu đạt được huyền vi máy tạo. Theo thánh ý truyền dạy, thương yêu không phải là thứ con người có quyền thích hay không thích, ưa hay không ưa mà là định luật buộc ràng toàn thể sanh chúng phải thực hiện bằng cả tánh linh thanh

cao, nếu con người muốn thay hình qua hình thái thánh tâm, tránh cửa luân hồi sanh sanh-tử tử.

“VẬY Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương-yêu nhau, thì cũng chẳng đáng ghét nhau, nghe à”
[Đức Chí Tôn-TNHT Q. II]

Hay Đức Chí Tôn còn đề dạ nhủ khuyên:

“Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rồi.” [TNHT Q.II].

Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, bí mật tạo đoạn vốn chứa hai thứ “sống” và “linh”. Sống là đời, linh là đạo.

Nếu con người hướng và phụng sự theo tiếng gọi của linh là theo phần hồn với tinh thần thường tại. Theo ngôn ngữ Cao Đài, sống thuộc thể pháp và linh thuộc bí pháp màu nhiệm. Và con người không thể chối bỏ cái linh (bí pháp) hay cái sống (thể pháp) vì vốn cả hai là hai mặt của một thực thể. Thể pháp là hữu vi sắc tướng. Bí pháp là vô sắc, vô thanh, vô âm, vô hình. Nhà Phật gọi rằng “sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Cái không nhưng linh diệu biến hóa vô cùng tận mà sản sinh ra cái hữu tướng. Cái tướng diện biểu thị cho cái không. Có mà không, không mà có. Trong cái có, có cái không; trong cái không vốn chứa có cái có. Rồi tất cả vẫn đi trong nguyên lý “nhất bản tán vạn thù” để rồi tu học, tiến hóa để về với “vạn thù quy nhất bản”.

Vấn nạn từng diễn ra trong lịch sử đạo Cao Đài mà khi nhắc tới, người con Cao Đài không tránh khỏi sự bùi ngùi, đơn lẻ và mang tâm trạng ngổn ngang. Chư Chức Sắc cao cấp khi xưa là những người mang sứ mạng lớn lao, cầm ngọn đèn soi đường, vạch lối, làm cơ thể cho Đức Chí Tôn mở đạo, là những người cầm phước chiêu hồn thay Đức Chí Tôn, nhưng vì những khảo nạn mà phân chia, làm đau lòng xót dạ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Đó cũng do sự thương sanh ái tuất chưa đẹp lòng hồng ân thiên điển, chưa trọn vẹn thánh tâm thương yêu, từng phục chơn pháp khuôn linh chí linh ban bố.

Đạo Cao Đài ra đời để đem cái chủ thuyết gom hợp, tránh sự dị biệt tương pháp nên qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, thực hiện kiểu võ “Phật Giáo chân hưng” hay một “Nho Tông chuyên thế”. Đó cũng là vì do đức hạo sanh của Đấng Đại Từ Bi, hoan hỷ ân xá, đặt cách hồng ân cho chư chúng sanh hưởng hồng oai “tu nhất kiếp, ngộ nhất thời” trong muôn một.

Là một môn sinh Cao Đài, thiên nghĩ chúng ta phải thực hành chủ thuyết ấy nghiêm túc, chơn chánh bằng thánh tâm chí thành, hết lòng phục vụ cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn cho ra thiệt tướng:

- Phụng sự Đạo Pháp: hoằng hóa giáo pháp, xiển dương chơn đạo cho chúng sanh giác ngộ, đồng nhìn nhận chơn lý tối thượng.
- Phụng sự chúng sanh: ban vui, cứu khổ, san cơm, sẻ áo, đổi cho ăn, khát cho uống, bệnh thí thuốc, chết thí hòm... để thể hiện lòng bác ái từ bi vô biên vô tận phù hạp với thiên tính ban bố.

Đức Phạm Hộ Pháp tuyên bố chỉ khi nào cả toàn chúng sanh nhìn Đạo Trời là một cơ quan cứu thế thật sự, thực hành chủ nghĩa thương yêu rất ráo thiết tướng thì ngày ấy chúng sanh mới hạnh hưởng hòa bình, đại đồng thế giới, cùng nhau hát âu ca khai hoàn mà thôi. Nhược bằng không, nhơn loại mãi đua theo phàm chất tranh đua, cả cái sống vật loại đè nén, chế ngự để làm công cụ cho tà quyền trong trường tranh đấu quyết liệt, đồng bào tương tàn, cốt nhục ly tán thì cuộc sànlọc tiêu diệt không sao tránh khỏi.

“Cái yêu ái và hiếu hạnh ấy phải là phi thường do tâm linh điều khiển, phải thương yêu nhơn sanh và vật loại hơn mình và coi đồng thể, đồng sanh với mình. Phải tạo dựng cố thủ Thánh tâm cho nên Chí Thánh” [ĐHP Thuyết Đạo Q.1]

Chúng sanh phải hiếu hạnh, thương yêu, cung kính Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu vô tận thì mới có thể dụng thánh tâm, lòng chí thành mà đủ sức thương yêu bạn đồng

sanh, vượt xông pha trận mạc, lướt bão tố, củng cố đức tin, nâng cao tâm hồn cho ra chí thiện.

Một điều mà các cổ nhân đã từng làm là thương yêu kẻ thù. Chí nghĩa thương yêu kẻ thù là hạnh của bồ tát đạo. Thương yêu tha nhân là cho đi, là tạo dựng phước đức, người người thương lại, tâm cận đèn thiêng liêng, mới mau chóng liễu quán vạn vật mà tìm về Nhất Nguyên. Thân tâm kia nếu chưa an lạc tức là sự thương yêu chúng ta hành chưa đúng lý, chưa ổn định được chơn thần, không dưỡng khí, tồn thần đúng cách; cũng như đặt đẽ nghĩa lý thương yêu đạt đúng nghĩa thánh chất vậy.

Cốt lõi của Đạo Cao Đài làm sao hiệp tâm ý quốc dân theo mực thước tâm lý loài người trong khuôn mẫu, trong cả thi hài và tinh thần đồng sống cộng loại, thì hột giống đại đồng cũng có ngày chớm nở.

*“Thổi khí sanh quang lau xã tắc,
Mở đường quốc thể định phong vân”
[Bát Nương Diêu Trì Cung]*

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là người cảm bửu pháp đào độ khí sanh quang, nuôi dưỡng căn khôn vạn vật, thúc đẩy sự tấn hóa của Bát Hồn. Đức Ngài luôn luôn ban phép lành cho con cái Đức Chí Tôn đủ sức thương yêu trong thánh đức, để thực hiện câu tiên tri Đức Chí Tôn “Nam phong thử nhứt biến nhơn phong”.

123. CHỮ HÒA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Hòa là trạng thái điềm tĩnh an vui, không mâu thuẫn, cùng nhau sống, làm việc tương tác giữa người và người, trong cộng đồng tập thể. Với đạo Cao Đài, hòa mang nghĩa ý cao trọng rất nhiều vì nó liên quan đến nghiệp đạo của mỗi người tín đồ Cao Đài, ảnh hưởng đến cơ quan bảo tồn chánh pháp của Đức Chí Tôn. Hơn thế nữa, hòa là một tín lý cơ bản của người nhập đạo. Có hòa mới đến thương yêu, thương yêu để hòa trong dòng mạch khải Đấng Chí Linh truyền dạy:

“Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn Thế Giới. Có thương yêu, nhưn loại mới hòa bình, Càn khôn mới an tịnh. Dặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa” [Đức Chí Tôn - TNHT].

Thực tế xã hội con người cho thấy sự bất hòa luôn diễn ra do những yếu tố cuộc sống, sự tranh giành địa vị, tiền tài, danh vọng, của cải hay những khác biệt bất đồng quan điểm xảy ra. Nó là tiền đề dẫn đến mâu thuẫn và bất hòa. Khi bất hòa hiện ngự, có thể những giá trị nhân văn cao đẹp bị đánh đổ trong phút chốc, tình thương cũng sẽ mờ nhạt, phá vỡ trật tự cao đẹp, quan hệ con người bị rạn nứt. Xã hội tính cần sự đoàn kết, tức là phải xây dựng một nền tảng nhân bản hòa đồng và thương yêu để có thể dung hòa, kiến tạo một cộng đồng, trật tự an định.

Khi một sự xung đột nào đó từng xảy ra và có thể đang diễn ra, con người luôn đặt hoài bão về một gia đình hạnh phúc, thôn xóm bình yên, đất nước độc bài ca khải hoàn, một thế giới hòa bình đúng nghĩa. Nó như một mẫu số chung khi con người ngẫm về ý nghĩa cuộc sống và muốn tìm về chính cái ta hơn, cái ta của yên bình, cái ta của hòa ái tương thân, cái ta chung vai đầu cột, cái ta của thương yêu để xây dựng một hạnh phúc chung đại đồng. Xét lại, chữ hòa có thể xếp vào hàng ngũ lý tưởng và khát khao tốt đẹp của nhân loại khi hai trận đại chiến thế giới I & II đã từng xảy ra, cùng những cuộc bùng nổ của bom nguyên tử, hay các trận thánh chiến tôn giáo và sắc tộc đưa con người đến biển máu và nước mắt.

Chữ “hòa” trong các nền tôn giáo nói chung và Cao Đài Giáo nói riêng, vốn không phải là văn từ nói suông trên định nghĩa, mà nó là thuộc tính của hành động và đáng thân, là luân lý, là triết lý sống tạo nên để đưa tâm hồn con người đến bến bờ của trí huệ, đủ phương pháp thực hiện các những chủ thuyết tối trọng trong nền tôn giáo đã vạch đường chỉ lối.

Theo biện chứng học của Phật Tông, chữ “hòa” vốn là căn bản của trí huệ. Trí huệ là sự sáng suốt, viên mãn, viên thông, sự thực chứng bằng chơn ngã siêu nhiên, chứ không phải là cái trí của thế gian tính. Phật Giáo định tính là “vô sư trí” mà đắc chứng, liễu quán vạn vật thế gian. Cho nên, trong phần luận chứng về chữ hòa, Phật Giáo đã nêu rõ mối quan hệ giữa thế giới vô hình và hữu hình, mối tương quan giữa

người và vật, giữa vật và vật. Mọi thứ chỉ là khoảng cách không cố định, vũ trụ và vạn vật là một tổng thể của các mối quan hệ. Trong đó, các thực thể chỉ có mối quan hệ mật thiết, mỗi dây ràng buộc. Cái ta hay ngã si mê vốn luôn là hố ngăn bờ cách bên giữa ta và người, giữa người và vạn vật. Vì thế ấy, hòa ái đã biến mất lặng lẽ theo quy luật tất yếu vì sự lạnh nhạt và cái ta ngã mạng vị kỷ.

Đối với các con chiên Cao Đài, chữ hòa đã đứng ở vị trí nào trong phương pháp bảo tồn sống cá thể đứng với sở hành khuôn nếp đạo, phương pháp bảo tồn chánh pháp, nghiệp đạo hoằng dương phổ thông chơn đạo?

*“Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau làm tướng, vọng chia ba.
Minh tâm may hiểu đường chơn giả,
Mẫn tánh mới thông nẻo chánh tà”*
[Đức Không Tử]

Các học thuyết của Tam Giáo đã từng tồn tại vẫn là hườn thuốc phục sinh cho con người trong triết lý Đại Đạo tân kỳ mà thôi. Thiên thơ dĩ định qua các thời kỳ và thể pháp biến xoay phù hợp với sở hành, tướng diện, văn hóa, tiến bộ của nhon loại để đủ phương cứu rỗi nhon sanh qua bờ bỉ ngạn. Chữ hòa giữ nguyên vai trò và giá trị trong đường lối của hành giả. Phật Giáo diễn luận thời gian và không gian

vốn liên tiến, giao hòa từ quá khứ, hiện tại, tương lai, là sự tổng hợp khác biệt nhưng không đối lập.

Cái trật tự điều hòa của càn khôn vũ trụ luôn là chân lý vĩnh tồn để sinh sôi, nuôi dưỡng vạn vật đi theo quy luật thượng tiến. Nếu có một sự bất hòa đơn lẻ dù chỉ sự nhỏ nhoi, chơn lý có thể sụp đổ, các quả cầu chung đụng đi đến hủy diệt. Càn khôn gồm vạn vật trong Trời Đất cùng sinh tồn, tạo lập một tổng thể sự sống của Thượng Đế để làm nấc thang cho Bát Hồn vận chuyển.

Đức Chí Tôn truyền dạy:

“Thầy là các con, các con là Thầy” [TNHT].

Một đại thể cùng một nguồn cội đi từ Hư Vô Chi Khí tạo thành một “thánh thể thường tại”. Sự khác biệt thể thức, tiến hóa, tâm thức nhưng vốn đi từ bốn lai “vô nhất vật”, tức là nguồn sống của Đại Ngã. Nếu không có hòa, chẳng thể nào có “hình nhi hạ”, có “hậu thiên” và sự sống được trường dưỡng theo nguyên lý thương yêu bảo tồn. Do vậy, bản thể con người từ thể xác cho đến tâm hồn bắt nguồn từ hòa ái. Nếu chối bỏ hòa ái, con người đã tự khắc phản lại chân lý thường tại, phủ nhận mọi nguồn gốc bốn lai.

Hễ người tín đồ thực hiện được trọn vẹn chữ hòa, người người thương yêu, quý mến, giúp đỡ, tâm hồn sáng rộng, thực hiện những hành vi theo chuẩn mực đạo lý cho

đến khi đạt trạng thái “*hồi quang phản chiếu*”, thấy “*bản lai diện mục*”. Hễ hòa tức là thương yêu tha nhân theo lý thánh nhân dạy “*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” [tạm diễn nghĩa: điều mình không muốn người làm đối với mình, mình không nên làm đối với người]. Khi thương yêu chính là người môn sinh đang thực hiện lời mặc khải của Đức Chí Tôn, tạo lập giếng bảo sanh của càn khôn, giữ gìn cơ sanh hóa.

Hoài tưởng về lịch sử nền Cao Đài Giáo, các Nguyên Căn cùng nhau xúm xít từng theo ngọn tiên bút mà lập thành Thánh Thể với giáo pháp theo lời truyền phán nơi Ngọc Hư Bát Quái Đài. Khi đạo đến hồi bị khảo nạn do tà quyền, sự khảo duyệt của đời cùng nhiều lần tên mũi đạn, tiên bút dần dần xa con cái Đức Chí Tôn, sự phân chia trong ý thức tín ngưỡng và từng phục chơn pháp Đại Đạo bắt đầu nhen nhóm. Sự bất hòa hình thành sâu rộng tạo thành nhiều như tưởng, rồi nổi lên khắp nơi. Từ đó, Thánh Thể Đức Chí Tôn chính thức manh mún cũng vì chữ hòa chưa trọn giữ thánh chất đó vậy.

Về nguyên tắc học, nhơn loại muốn có chữ hòa, cần phải thỏa mãn nhưng tiêu chí như:

- “Bình đẳng”. Nếu thiếu bình đẳng, sẽ không có trật tự, sự hòa ái sẽ không có đất sống, sự xung đột, mâu thuẫn luôn diễn ra. Sự bình đẳng là khuôn vàng thước ngọc đối với sự sống trong càn khôn. Phật dạy “nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh” thể cho nguyên lý bình đẳng tối trọng. Theo

Cao Đài, mỗi cá thể luôn có Thần/Chơn Linh do Đức Chí Tôn ban cho.

- “Từ bi và trí huệ”. Có trí huệ và có lòng thương xót chúng sanh, con người đủ minh triết nhận ra điều cần làm để hòa mình trong bể đại dương mệnh mong, chảy về nguồn cội.

Hễ hòa thì an, hễ an thì tịnh, hễ tịnh thì bất động, hễ bất động thì liễu quán vô thường, tìm Bản Lai Phật tánh. Đó là lời dạy của cổ nhân và chưa hề sai với chân lý đạo trời. Trong sứ mạng thực hiện một “xã hội đại đồng” của Cao Đài Giáo, chữ Hòa hẩn có giá trị bất biến để có thể tô son, điểm phấn, thúc đẩy nhân loại thương yêu, xã hội bình đẳng, an bình, hạnh lạc và đại đồng hướng đến một thế giới Tân Dân Thánh Đức.

Để thực hiện lời Ngũ Nguyên Đại Đạo, người tín đồ không làm gì khác hơn là tự xác lập khắc kỷ tu chơn, thực hiện kỳ được chữ hòa và thương yêu trọn vẹn thì mới mong đẹp dạ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Ai làm được điều đó, có thể tiêu dao tự tại, thung nhàn nơi rừng xanh nước biếc, có thể sớm hôm lui tới động bích thiên thai trong thiên nhiên vô tận.

124. QUÂN TỬ THEO NHO GIÁO

Từ cổ chí kim, tuy Nho Giáo chưa hình thành chớ kỳ thật, nhơn loại đã biết biện phân tốt-xấu, thiện-lành, nên-hư,

thành-bại do con người lãnh ngộ sự minh triết từ thánh tâm hay bị chi phối bởi phàm ngã để sống theo vật dục hoặc thiên tính. Từ hai trạng thái thánh và phàm ấy, hiển nhiên con người được chia thành hai hạng “tiểu nhân” và “quân tử”.

Khi Khổng Gia ra đời, nhân sinh quan của Nho Giáo đã thực sự được định nghĩa rõ nét và định tính chất của bậc quân tử ở một cung bậc, làm cho con người thấy chân nghĩa cuộc đời theo nếp sống đạo Trời Đất hơn.

Về nguồn gốc xuất hiện của nó, lịch sử vẫn cho thấy sự mâu thuẫn nào đó. Có sử gia cho rằng “quân tử” có từ đời nhà Chu, chỉ tầng lớp quý tộc giàu, quan lại, sau lại chỉ những bậc đại phu mà thôi. Tuy nhiên, nhiều sử gia khác cho rằng nguồn gốc của nó được sáng tạo từ thuyết san định của Đức Khổng Phu Tử trong đại thể học thuyết khái niệm Nho Gia. Khổng Giáo ra đời thành lập một hệ thức cai trị trên nền tảng đạo đức nhân bản. Ở đó, các hệ thức bất công và những định tính băng hoại đạo đức đã từng tồn tại không có đất sống, nhường chỗ cho các chủ thuyết nhơn nghĩa, tạo thành một phương thức xã hội đạo đức trị.

Quân tử là người có hành động và lời nói ngay thật, công khai, chưa biết nấp mình sau những việc làm vụ lợi tư riêng, mưu cầu lợi ích cá nhân, mà sống thật, làm thật phù hợp với thiên tính vốn có, tức là thuận theo tự nhiên theo lòng nhân đã được bố hóa, hiểu mọi chân nghĩa cuộc đời.

Trong mọi thuận cảnh hay nghịch cảnh, người vẫn luôn tựa vào nền tảng chuẩn mực đạo đức, kiểm soát thân tâm và ứng xử theo lời dạy của các bậc tiền Thánh Nhân gieo vào lòng. Họ luôn tôn thờ đạo đức và công lý như những nét chạm khắc không thể phai mờ trong cả đời sống.

Cho nên, từ xưa theo lối hiểu của Nho Gia, người quân tử là người sống thuận thiên, biết được chân mệnh và thực hành theo mệnh trời. Người quân tử lại là người sống với nguyên tắc “Ngũ Thường”, tức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Tuy rằng, có nho gia vẫn định “quân tử” chỉ dùng cho nam giới, nhưng sau này tính chất quân tử đã vốn hàm của lý tính của con người mà không có sự biện phân nam hay nữ.

Theo thế ấy, người đi nghịch lại quy luật Ngũ Thường là kẻ tiểu nhân. Nếu người phục tùng và tuân thủ các định thể, khép mình theo các đức tính và tiêu chuẩn thì được xem là người quân tử. Ngũ Thường có các định tính như sau:

Nhân: là đức tính của thương yêu bản thân, tha nhân, dụng tình thương trong ứng xử xã hội, nhân quần, giúp thương người như thương thân. Mọi việc gì không muốn người khác làm cho mình thì mình không được đối xử đối với khác...

Nghĩa: là bổn phận, là nhiệm vụ, chính nghĩa, sự chính đáng theo một nguyên tắc sống của con người...

Lễ: theo Nho Giáo, bao gồm trật tự, nghi lễ thờ cúng, lễ bái Trời Phật và quy định mang tính chất cư xử giữa người và người, phong tục, tập quán, kỷ luật tinh thần của con người trong đời sống với đối thể.

Trí: sự phán xét theo quân bình, tự chủ công lý, quán định cách vật trí tri nhằm thực hiện hành vi chuẩn mực đạo đức, tuân thủ theo mệnh trời đã đặt đề.

Tín: sự nhất quán, lòng trung tín chí thành, lời nói và hành động phải đi đôi với nhau.

Đó là năm đức tính mà Nho Giáo đã gán cho người quân tử. Hơn thế nữa, Nho Gia đòi hỏi người quân tử phải thỏa mãn những tiêu chuẩn khác như: Biết kiềm chế bản thân không cho nóng giận vì sự sân hận làm trí mất đi. Nhìn điều lợi lộc trước mắt nhưng không tham, phải nghĩ về điều nghĩa, có lợi chính đáng phải biết nghĩ đến người khác. Phải làm sáng tường khi còn nghi hoặc. Lời nói phải trung thực lê lối. Tượng diện phải chỉnh chu, giữ khiêm cung hòa ái, ôn hòa. Sự tinh anh bằng đôi mắt quán xét. Nghe những điều tinh tường thông đạt để tìm đến cảnh thái hòa trong trời đất, cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, hiếu, trung...

Chính vì Nho Giáo là nền tôn giáo mang đa sắc diện trong suốt chiều dài lịch sử trên 2.500 năm và đã phát triển rộng ở nhiều lĩnh vực từ luân lý, chính trị, tín ngưỡng, gia

đình, xã hội, đạo đức, tu dưỡng cho đến cả thuật số trời đất; nên Nho Giáo là đạo nhập thế, đưa người quân tử hoàn toàn xứng đáng đạt đến cảnh giới xuất thế trên bình diện công bình thiêng liêng nếu con người thực hiện và tu dưỡng đúng với phương pháp Thánh Nhân chỉ dạy.

Sách Đại Học Nho Giáo có lời:

*“Đại Học có mục phiêu rõ rệt
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.
Có mục phiêu rồi lòng sẽ định,
Lòng định rồi nhẹ gánh lo toan.
Hết lo lòng sẽ bình an,
Bình an tâm trí rộng dàng xét suy.
Suy xét rộng tinh vi thấu trọn,
Thấu sự đời ngành ngọn đầu đuôi.
Trước sau đã rõ khúc nôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi”*

Ngày nay, Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhứt, các môn sinh Cao Đài đủ phương tiện để khép mình nơi giáo luật, làm một người quân tử như Đức Cao Đài hằng mong vọng. Thiển nghĩ, đó là lẽ chí thành đang cung kính dâng lên cho Đấng Từ Bi trên con đường giục tấn thiêng liêng bất diệt vậy.

125. ĐỊNH TÍNH CỦA NHẠC – LỄ ĐẠI ĐẠO

Theo nền tảng thuyết Nho Giáo của Đức Khổng Tử lập ra, “nhạc-lễ” được xem là căn cội, vốn đi đôi, một chủ thuyết an bang trị thế mà người theo phải hết lòng “khắc kỷ phục lễ” và thẩm nhuần, tuân thủ ý nghĩa “nhạc giả thiên địa chi hòa giả” (nghĩa là “nhạc là sự điều hòa của trời đất”). Lễ và nhạc làm sự tương thích trật tự và điều hòa nhân sinh hướng lộ, trở về tự tánh thiên nhiên.

Với Đạo Cao Đài, lấy nhạc lễ định hồn căn bản của Đạo vì Đức Hộ Pháp đã bình giảng rằng Đạo Cao Đài là nền Nho Tông chuyên thể. Nhạc lễ được thực hiện trong nếp sống tôn giáo một cách nghiêm ngặt về thể thức với nội hàm vốn thâm sâu để phục chế lại tinh thần nhạc lễ cổ xưa. Theo đó, lễ nhạc trong cửa Đại Đạo đã mặc nhiên mang giá trị đặc biệt trong nền quốc đạo để định thẳng chuẩn mực thuần phong cho cả sự nghiệp nhơn phong trong tương lai của hoàn vũ, theo lệnh thánh truyền phán của Đức Chí Tôn “*Nam phong thử nhựt biến nhơn phong*”.

Về ngữ nghĩa, lễ-nhạc đơn thuần là hình thái của âm nhạc và lễ nghi, tức là biểu cảm của tâm hồn con người theo dòng thời gian, định tính chất hướng nội, thường lâm, tao nhã, là tiếng nói con người qua nhạc cụ, qua hình thái lễ để phản ánh chân thật đời sống của người với người, của người với thiên nhiên. Điều đó phản ánh lên nét nhạc và lễ của thể thường nhân sinh.

Với tôn giáo học, nhạc lễ không còn sinh tồn ở mang tầm mức của thụ hưởng mà là cảnh giới nội tâm, truyền tả lý học đạo màu hầu hàm dưỡng ý chí nguyện cầu, mang sự sống tâm linh. Do đó, tôn giáo tính mang lễ nhạc vào trong khuôn luật của giáo điều để quân bình và tiết chế cho ra trật tự và tính đều hòa trong nhân sinh và bản tâm của cá thể, của chúng sanh với Đấng Sáng Thế Vũ Trụ.

Vì vậy, nhạc lễ đã thực thụ là phép tắc, bình trị sự loạn thường, đưa con người sống với ân sủng của Thượng Đế trong các thánh ca và đàn lễ, nghiên mình phụng lễ, đón nhận thánh linh từ sâu thẳm của thế giới tâm linh.

“Nhạc” tượng hình thái hài hòa của vạn vật trong trời đất bốn bề phương. “Lễ” tượng cho trung trật tự trên dưới. Vì sự hài hòa mà cây cỏ, vật loại sanh sanh hóa hóa. Vì do trật tự khuôn nếp mà vật loại trong vũ trụ được được thích nghi trong mọi hoàn cảnh.

“Nhạc giả thiên địa chi hòa dã; lễ giả, thiên địa chi tự dã. Hòa, cố bách vật giai hóa; tự, cố quần vật giai biệt” [Nhạc là cái điều hòa của trời đất. Lễ là cái trật tự của trời đất. Hài hòa, nên trăm vật đều thay đổi; Trật tự, nên vạn vật đều khác biệt] (trích Lễ ký).

Nhạc lý là cung thương, điệu nhớ, tiết đầu, hòa đàn tạo thành nhiều thứ trăm bổng có trên bát âm để hòa điệu.

Nên nhạc vốn dĩ được chế tác phỏng theo các nguyên tắc luân chuyển, biến hóa của thiên thời.

Lễ lại là trật tự thích nghi dựa trên nề nếp của đất đai. Lễ nhạc đi chung nghĩa là hòa lẫn nhau nhưng không thuần nhất, vẫn đảm bảo trật tự trước sau. Nếu không trật tự là loạn, nếu không hòa tức là biến. Hai trạng thái biến và loạn phải mất khi lễ nhạc được minh định ở một giá trị không đúng nghĩa của Thánh Hiền xưa chế tác, phỏng theo khuôn linh vốn hiển hiện. Cho nên Nhạc Ký có câu “*nhạc do thiên tác, lễ do địa chế*”.

Về sự phổ dụng và dung nạp lễ nhạc trong đạo Cao Đài, đó là quy ước định đề bí pháp của Đạo, chớ không phải là thứ hỗn tạp, bừa bãi, dư thừa, làm tổn hơi, hao sức của toàn thể con cái Đức Chí Tôn trong các nghi lễ Tiểu hay Đại Đàn, trong các lễ quan hôn tang tế sự. Nhạc-lễ vốn có cái giá trị uyên thâm buộc người Cao Đài phải tuân phục mật ước ấy như quy tắc bất dịch.

Đức Lý Thái Bạch cho Đức Hộ Pháp biết hai câu liễn ở Ngọc Hư Cung:

*“Bát hồn tư mật ca Huỳnh Lão
Vạn vật đồng thành niệm Chí Tôn”*

Diễn nghĩa: “*Kể từ phôi thai Càn Khôn vạn vật này, Chí Tôn, là khối sanh quang, biến thành hai khối sanh khí,*

hai khối ấy trụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nổ sanh tiếng âm, người ta gọi là nổ âm, hay nghe tiếng Ni, Đạo Phật sửa lại thành Úm (Úm ma ni bát rị hồng) nhờ tiếng nổ ấy Bát Hồn mới vận chuyển biến sanh vạn vật và loài người. Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì khí sanh quang đến đó, tức là có sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt nghĩa là chết mất mà thôi” [Thuyết Đạo của ĐHP Q.1 bài 28]

Hơn thế nữa, các vật chất đã biến sinh qua thời gian trở thành nhạc cụ tạo nên bát âm qua bàn tay con người, chúng được phục sinh để đánh lễ Đức Chí Tôn. Có nhạc, có lễ tạo thành một thể định toàn mỹ, trang nghiêm, thanh tịnh, đồng đẳng nghe tiếng động của bát hồn vận chuyển phục sinh, dâng lên nguyên căn Chí Linh của vạn vật.

Lễ và nhạc, tức là hòa ái và trật tự, là thứ bửu nan đưa nhơn sanh đến đời sống đại đồng, chuyển pháp hoàn vũ.

Thật vậy, chủ ý của nhạc lễ ngoài giá trị mô phong trên, còn được vinh danh phương pháp trị quốc, bình thiên hạ nhờ vào “...*lễ nhạc có phương thế làm môi giới làm khí cụ cho toàn vạn quốc đương buổi này, lấy tư cách lễ độ làm ngoại giao, tưởng chắc không nghịch nhau*” [Thuyết Đạo của ĐHP Q.3].

Sự nho nhã, lịch lãm, tài hoa, sĩ khí đem lòng mình để trải hòa cùng tiếng nói thiêng liêng cũng là cái lễ đối đãi, cũng là chữ hòa mang tính cách vi mô.

Một đại thể quốc gia đều giữ hòa thì quốc thái dân an. Thế giới biết lễ nhạc như thế, thánh đức tân dân có chi xa lạ và sở Thiên Tào cũng chẳng ích chi, con người có thể hoán cải toàn bộ nghịch duyên oan trái, cùng xây dựng nếp sống Nghiêu Thuấn thuần lương. Cho nên, thời xưa cổ nhân vẫn dụng chữ thấy và thực hiện chữ hòa trong vạn vật trời đất, âm dương tương hiệp, sanh sôi nảy nở, xuân hạ thu đông bốn mùa luân đổi trong trật tự diêm nhiên lặng lẽ tĩnh mịch.

Nội tại của lễ nhạc hàm chứa sức sống và yếu ý trời đất. Sự hài hòa của nhạc mà vẫn không tạo sự hỗn loạn chính là công năng sở hành của nó. Lễ mang tính trang trọng, cung kính, giữ quân bình trật tự; đó là chức năng bình đẳng. Cộng đồng xã hội vốn vẫn là những hàm thức phức tạp không đồng thể nhưng nhờ vào hòa (nhạc) mà có thể dung hòa tồn tại, trưởng dưỡng cho nhau. Nhờ lễ, vạn vật bất phân đi theo hàng lớp hẳn trở nên uân chuân, đầm ấm.

Cho nên, lễ nhạc là phương pháp đưa con người đến thế giới đại đồng, một nghĩa lý siêu việt trong chơn pháp Đạo Cao Đài. Chính từ yếu lý căn bản do lễ nhạc là phần hội tụ yếu lý cơ sáng thể, cũng là nguyên nhân tạo nên đời Thượng Ngươn Thánh Đức. Nên Đạo Cao Đài đã lấy hình thể Nho Tông, dụng nhạc lễ của Khổng Đạo hòa với phong hóa Nam

Việt để làm tiêu biểu theo thánh ý các Đấng Thiêng Liêng hướng đến một trật tự Đại Đạo, đưa con người trở về tính chất thuần lương, nho nhã mà đạt được lý thiên nhiên, hòa vào sự sống vũ trụ.

Ngoại dung của nhạc lễ là thứ tiêu dao thưởng ngoạn. Nội dung của lễ dâng cho Chí Linh, lại còn là phương pháp làm con người ý thức, tuân thủ các quy phạm, phép tắc xã hội, sự hòa hữn của hiên tính, trật tự của Đất đai làm nền móng để tu dưỡng đạo đức, kỷ cương nhơn luân. Lễ giúp con người ý thức được tôn ti trật tự mà khỏi phạm đến các thiên điều, đi ngoài lề lối bàng môn. Nhạc lại giúp con người đến cảnh giới điều hòa tâm tánh, hạnh đức công phu, tĩnh lặng, an nhiên, hòa mình cùng vạn vật.

Nhạc Lễ Cao Đài được Đức Thượng Sanh chính đôn sau lại được sự tiếp quản của Tiếp Lễ Nhạc Quân để củng cố vai trò quan trọng trong nền đạo dưới sự dìu dắt dẫn giảng nghĩa lý của Đức Hộ Pháp. Rốt lại, nhạc lễ là mầm sống thể cho bát hồn vận chuyển cùng đánh lễ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, lại là những nét căn bản để con người khắc kỷ tu chơn, hòa hữn trong các phép tắc tu sửa thân tâm cho ra mỹ miều, hợp với thánh tâm Đức Chí Tôn phú ban.

126. CÔNG BÌNH THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO

Thánh Giáo ngày 26 tháng 2 năm Mậu Thìn-1928, Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy đã nói: Đãi cả môn đệ Thầy đồng một mực, bất luận bậc phẩm, kẻ nào cần nhiều quả nặng, thì Thầy giao nhiều trách nhiệm lớn lao, kẻ nào cần ít, quả thiệt thòi, thì lãnh phần trách nhiệm nhỏ nhen; cả thầy đều con của Thầy, trừ ra tôn ti thượng hạ trong việc hành chánh, thì đồng một bậc cả, chẳng ai đặng vì quyền mà lấn lướt, chẳng ai đặng vì mạng lệnh mà đè ép, xua đuổi ai”.

Đoạn thánh ngôn trên cho ta biết rõ nét công bình thiêng liêng cả trong đời sống hữu vi và vô vi, đó là quyền năng điều trị tạo đoan cần khôn vũ trụ của Đức Chí Tôn, là khuôn phép định đạo cho các đẳng chơn hồn theo khuôn thước ấy mà tấn hóa, lập công đoạt vị, trở về hườn nguyên cùng Thầy.

Thượng Đế là Đấng Tự Hữu, Hằng Hữu sáng thế vũ trụ. Ngài hiện diện và bàn bạc khắp nơi trong không gian, trong thời gian và trong lòng muôn loài vạn vật. Nên Ngài là chơn lý bất biến. Nếu không có công bình, chơn lý tự nhiên sụp đổ.

Về Thế Đạo, đời có nhiều thuyết san định tài sản của nhân dân bằng cách chia đều ra trong khi Cao Đài giáo hướng đến đời sống đạo đức nhân bản, dụng từ bi bác ái, biết chung vai đầu cột, thương sanh ái tuất, thương người hơn thương thân, nhường cơm xẻ áo. Trong chiều hướng đó, tính sở hữu của con người sẽ mang tính thiện lương và công

chánh. Sự tham vọng, ích kỷ của con người sẽ không có đất sống. Đó là tính Thế Đạo công bình.

Về công bình Thiên Đạo, đây là con đường trở về thế giới vô vi đoạt quả vị Thần, Thánh, Tiên, Phật do nơi công quả tu tập tại thế của các đẳng chơn hồn. Hễ càng trọn tuân pháp chánh thiên liêng, pháp điều nơi các triết lý tôn giáo dẫn dắt thì tùy theo cái quả đó mà tương công, chiết tội, hưởng quả duyên, thoát khỏi sinh tử luân hồi, hạnh hưởng an lạc đời đời nơi cõi thiên liêng hằng sống, hoặc giả tạo nghiệp ác thì phải tái kiếp trả nợ trầm luân, lãnh chịu quả nghiệp nặng nề theo phép công bình vô vi. Đó là tính Thiên Đạo công bình.

Tóm lại, Cao Đài giáo hướng đến Thế Đạo đại đồng và một Thiên Đạo giải thoát. Đó là một xã hội hội diện tình thương-bác ái nêu cao hơn hết và một thế giới tâm linh giải thoát dựa vào tính thiện mỹ của đời sống nhân sinh vị tha, siêu phàm nhập thánh.

127. SỰ KHẢO ĐẢO ĐỐI BẠC TU HÀNH

Khảo duyệt hay khảo đảo là đề tài quan trọng đặc sắc, mô tả cảnh giới của người tu hành trong các nền tôn giáo. Có khảo đảo mới phân loại vàng thau, trắng đen, phân ngôi thứ lớp. Theo luật thiên nhiên, các bậc tu hành cao hay thấp đều có những bài thi khác nhau để đánh giá phẩm hạnh và trình độ tu tiến. Người vượt qua cơn khảo nạn là người đã chiến

thắng bản thân, vượt qua rào chắn, có thể tự tại thung dung nhàn nhã bước trên rừng xanh nước biếc của ánh đạo tâm, bát nhã rạng ngời. Người thi không đạt, chưa thể vượt qua thử thách phải bị trì trệ, học lại bài cũ và sẽ phải thi lại. Người chưa hiểu được giáo pháp dễ sa vào ngộ nhận rằng người đi cầu học chơn lý, xa nẻo đời, tìm cảnh thánh sẽ rất an bình, bình chí tu học, trau sửa thân tâm, lánh được ưu phiền thế tục bằng một túp lều, một chiếc áo nâu sòng. Ấy là một ngộ nhận rất lớn lao.

Theo giáo lý Cao Đài, sự khảo duyệt là bài thi, là nấc thang tấn hóa cho con người bước lên cảnh giới cao thắng hơn. Không có một sự thế nào mang tính ngẫu nhiên, vô cớ, vô duyên mà vạn vật điều đi theo luật nhân quả và qui luật của máy tạo Âm Dương.

Đức Hộ Pháp giảng:

“Vì chuyển tiến nên loài người phải chịu khảo đảo đăng vào trường thi hầu thoát khỏi mặt địa cầu này để đến thế giới cao trọng hơn” [Thuyết Đạo Q. 1]

Từ thử, loài người vẫn chịu khảo đảo đăng bảo tồn hình thể và tu tiến về mặt tâm linh vì đó là mặt luật của cơ tạo đoan càn khôn dĩ định. Các bậc Thánh Hiền, những Đấng Giáo Chủ của tôn giáo hiện hữu cũng đã thọ hình, thọ khổ, thọ nạn để chuyển luân, xây dựng nền tảng giáo pháp cứu cánh nhơn sinh đương thời. Có khi trở nên quá thống khổ, bi

lụy xác sơ, tiêu tụy thể xác đến cùng cực. Ngược lại, tinh thần minh triết các Ngài cao thâm, uyên ám, có thể thông thiên, đạt lý, xây dựng nếp sống hòa bình miên viễn, trường cửu, bảo tồn chủ nghĩa tôn giáo cho con cái Đức Thượng Đế tu tập và thực hành để đạt ngôi vị thiêng liêng. Muốn vậy, các Ngài phải thọ khổ nơi cõi trần bằng chuỗi ngày tháng hy sinh, xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, dìu dắt con người lánh tục, tìm chơn để về thánh tâm chơn như.

Về phương diện khảo khổ và hình thức hay khía cạnh ý nghĩa, có thể tạm chia làm bốn loại: khảo do cơ trời xoay chuyển để làm bài thi khảo cho các bậc chân tu, khảo do nghiệp lực tiền khiên, thuận khảo và nghịch khảo.

* “Khảo do cơ trời” dành cho các bậc chân tu một lòng tầm lý thiên nhiên, chơn pháp đạo. Trên hành trình tìm đuốc chơn lý và nhĩn hòa, thực hiện các sứ mạng thiêng liêng, các vị phải mặc nhiên chịu thọ khổ biến hiện nơi cõi vô hình, làm bài thi tấn hóa. Hoài cổ, chúng ta thấy trong các gương hạnh của các vị Giáo Chủ. Đức Thích Ca thắng được phàm ý, bỏ ngôi vàng, diện ngọc để tầm lý Tứ Diệu Đế. Ngài ra đi với một chiếc áo và bình bát để khát thực, thực hiện đời sống khổ hạnh. Ngài lại chịu sự hắt hủi phản bội của các nhóm tôn giáo khác, trước khi thành đạo, ma vương biến hình để khảo Ngài. Nhưng với một Chơn Như đã liễu ngộ, quán thế vô thường tự tại, tám lòng bác ái vô biên, không có một năng lực nào đè nén Ngài. Vì thắng thế tình tuyệt đối,

Ngài đã trở thành một Đấng Thế Tôn với Phật Pháp nhiệm màu được truyền giảng từ thử trên 2.500 năm.

Rồi ta thấy Đức Khổng Tử xuống thế như thế nào? Có phải Ngài lập thuyết bình trị thiên hạ đến cảnh thái bình như đạo nhưng đi đến đâu cũng bị hắt hủi? Đức Chúa Jesu Christ hạ mình làm con tể vật, xin từng mẩu bánh mì cho những kẻ thống khổ, cứu mang, cứu khổ, chịu nhục hình, đổ máu để chuộc tội tình cho nhơn loại. Cái sĩ khí, tấm lòng bồ tát vĩ đại lớn lao chẳng, thẳng đặng sự nhu nhược, hèn mọn, phạm tình chẳng?

“...Thầy lại thương con nên đã lắm phen lấy khảo trù công cho con trở lại phẩm cũ, bởi một lời đã hứa với Quan-Âm...” [TNHT Q.1]

* “Khảo do tiền khiên nghiệp quả” là cái khổ vốn do nhân tạo từ tiền kiếp, nay phải thọ nạn để trả những món nợ đã vay hầu làm sạch nghiệp mà có thể bước lên địa vị thanh sạch, tiếp tục hành trình tu tiến, hòa hợp với cơ trời mà dần dà mở cảnh thiên cho chính mình.

* “Thuận khảo” là những tác động diễn tiến theo như phàm ý mong muốn, thỏa mãn mọi khát vọng thế thường, hầu lôi kéo con người đi trong danh-lợi-quyền mãi mãi, mà xa chơn tâm, càng nhột nhát điểm thánh tâm, quên căn xưa, động cũ. Ham tiền, tiền có. Ham danh, có danh. Ham quyền, đạt được quyền. Đây là một hình thức khảo mang tính tình vi

vì người dễ tưởng lầm vì có phước mới đặng hưởng “cầu gì có nấy”.

* “Nghịch khảo” là phương pháp chúng ta rõ nhận ra dễ dàng. Đó là mọi biến chuyển khổng chế, lao đầu, những hình thức khắc khổ đến với hành trình của người hành giả nhằm làm giảm ý chí nhân hòa của người. Nếu người đủ Bi-Trí-Dũng, con người có thể dễ dàng vượt qua.

Mọi hình thức đều là phương khảo vượt đối với con người. Ngoảnh lại, cửa Đạo Cao Đài, bao nhiêu năm là bấy nhiêu năm khổ lụy với đủ mọi thử thách thuận khảo, nghịch khảo. Mà cớ Tam Thanh vẫn phơi sương tuế nguyệt giữa vùng trời thánh linh huyền diệu Tây Ninh với hàng triệu đức tin, mình chứng cho cái dũng của người con Cao Đài đã trọn tín, đặt để đức tin và dâng hiến hình hài, trí não, thân quang làm khí cụ cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu sử dụng.

Từng thời kỳ có những bài thi khảo cho con người học-thi. Mặt khác vì khảo, con cái Đức Chí Tôn bị manh mún, lìa xa cội đạo, quên ngọn linh đăng, múa men trăm điều vạ nẻo để phải thất pháp, nghịch mạng, làm trái chơn truyền đạo pháp, lọt lưới cơ khảo đảo.

Thuở khai minh Đại Đạo, tập hợp đức tin thì người Pháp khó dễ trăm điều vạ sự. Khi làm lễ khai đạo tại chùa Gò Kén thì thiên hạ chê cười, dường ra tà đạo, người bỏ khăn

tu, quăng áo lễ. Khi tìm đất lập Tòa Thánh, chốn rừng thiên nước độc lại bị nhà cầm quyền bắt bớ, thu thập những chứng cứ giả vu cáo Đạo Cao Đài làm chính trị.

Thời kỳ tổng thống Diệm-Du, đã bắt bớ Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, Đức Quyền Giáo Tông lễ nào! Quyền đời là công cụ khảo duyệt làm trường thi tiến hóa. Chưa kể hàng ngũ tín đồ không từng mạng lệnh Hội Thánh theo mưu đồ nhà cầm quyền để phân chia Thánh Thể Đức Chí Tôn. Cái khổ cùng cực, tù đày, chết giữa ngục, hồi cung, định án, ...cả Hội Thánh trở nên tiều tụy. Người lột khăn, người cuốn tượng. Đó là những khảo thí trong trường thi lập hội.

Khảo đạo đối với người tu hành là chuyện hiển nhiên, đó là một công thức hóa học vốn không đổi từ ngàn xưa, thể cho luật thiên điều, làm sáng giá phẩm vị thiêng liêng. Nếu đủ dũng khí, xông pha trận mạc, đương đầu với mọi thứ tàn nghịch khảo đảo để bảo tồn giá trị thiết tướng của ta và của bạn đồng sanh thì chúng ta đắc thắng. Đức Hộ Pháp giảng:

“...Bần Đạo nói, nếu không có tánh đức hùng dũng chẳng hề khi nào thắng khảo đảo đặng. Cả thầy con cái của Đức Chí Tôn đều biết từ ngày mở Đạo đến giờ, một trường khảo đảo kịch liệt, từ ngày Đạo mới phôi thai đến giờ, nếu không có tinh thần hùng dũng của con cái Đức Chí Tôn cương quyết lập Đạo cho thành, "cương quyết phải thắng" vì tổng số cả tinh thần hùng dũng của con cái Đức Chí Tôn,

nên ngày nay nền Đạo mới ra thiết tưởng như vậy” [Thuyết Đạo Q. 2]

Có khổ tức là có khảo. Hễ khảo thì con người phải ứng hiệp, để “tùng, thọ, giải, thắng, thoát” cái khổ theo luật định. Dầu các các vị Giáo Chủ của Ngũ Chi có lập ra phương pháp cho sanh chúng đi trên đề tài khảo, mỗi cá nhân phải vượt qua sự giới hạn của bản thân, tìm đến sự vô hạn của tâm thức, đạt đến tri kiến sở hành vốn có để về tâm thức bình hành miên viễn, khoan thai, khoái lạc của mùi vị đạo pháp.

128. TRÁCH VỤ CỦA HIỆP THIÊN ĐÀI

Từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hình thành, trách vụ của cơ quan Hiệp Thiên Đài vẫn tỏ rạng trong chức năng và nhiệm vụ do Bát Quái Đài Thiêng Liêng giao phó. Lập Pháp Chánh Truyền, Đức Chí Tôn đã sở định *“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự, cầm quyền Thiêng Liêng mới Đạo, hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn”*. Tuy hữu tướng nhưng vai trò của cơ quan Hiệp Thiên Đài vốn chứa bí nhiệm trong sứ mạng bảo tồn chơn giáo, giữ nét công bình Thiên Đạo trên đường xiển dương và duy trì nền tôn giáo của Đức Chí Tôn trong bảy trăm ngàn năm. Không có Hiệp Thiên Đài thì chẳng thể nào đạo còn vì vốn Hiệp Thiên Đài là cơ quan vén màn bí mật vô vi làm cho Cửu Trùng Đài thấy được quyền bính thiêng liêng, làm Đạo-Đời tương đắc, điều đình thông công với Bát Quái Đài. Cửu Trùng Đài là xác của Đạo, Hiệp

Thiên Đài là hồn của Đạo. Nên chi, sự vi chủ của hồn mang ý nghĩa tối trọng đối với sự tồn tại Cao Đài giáo.

Các tôn giáo cổ kim dần dần theo thời gian bị thất sách do lượng văn minh lẫn át, không còn phù hợp với trí thức tinh thần, lương năng và lương tri hơn loại ngày nay. Nên Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế không cho các Đấng Giáo Chủ xuống thế mà chính mình Ngài xuống để dạy dỗ, dẫn dắt chúng sanh tu hành, lập nền chánh giáo, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi với tôn chỉ ân xá kỳ ba, phục dựng lại giá trị thánh đức, xoay bánh xe pháp từ Hạ Ngươn tam chuyển sang Thượng Ngươn tứ chuyển. Từ sự hệ trọng của giáo pháp đó, hình thức Thánh Thể đương nhiên phải tuân thủ theo quyền năng Bát Quái Đài, đã mặc nhiên định thể theo Pháp Chánh Truyền để lại. Vì cái yếu lý trong việc bảo tồn nên Chánh Giáo mà Đức Phạm Hộ Pháp minh định:

“Với chúng ta, dầu cho tan xương nát thịt với một kiếp sống thừa này, không chi rằng hại, duy hại là hại cho phận sự Thiên Liêng, nếu chúng ta không biết cao trọng mà giữ tròn trách nhiệm, đặt bảo thủ cái cơ nghiệp chung của cả nhơn sanh là Đạo ngày nay đây, thì cái tội tình trước mặt Thầy tính coi bao lớn”.

Cho nên, nền chánh trị đạo của Đạo vốn theo Pháp Chánh truyền, các cơ quan thực hiện nghiêm ngặt theo thánh ý thiên liêng truyền giảng. Ấy là pháp trị đạo cho ra quy cũ,

chuẩn thẳng khỏi điều thất bí pháp trị thế, rao giảng chánh lý cứu thế của Đức Chí Tôn.

Bát Quái Đài là cơ quan chánh trị cần khôn thế giới, nắm quyền hành vô hình. Về hình thế, là một cơ quan tượng trưng sự hiện diện quyền năng tối cao thiêng liêng. Nên trong Bát Quái thờ Thiên Nhân, tức là thờ Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, đó là Hồn tức là Thần vi chủ cả máy tạo. Về điều dụng, là cơ quan truyền các ý chỉ xây dựng và hoàn thiện bộ máy Đạo trong vấn đề thu nhận, chọn lọc đệ tử và thiết lập một giáo điều theo thiên ý.

Cửu Trùng Đài có Hội Thánh, là cơ quan đặc trách hành sự, lo mặt hành chánh, thực hiện các ý chỉ thiêng liêng do Hiệp Thiên Đài tiếp nhận thánh ý thiêng liêng, tượng trưng cho xác thân của đạo, là một phần sự sống của nền chánh trị đạo Cao Đài, ngày đêm lo con đường phổ độ cho mau chóng.

Hội Thánh Hiệp Thiên Đài là hồn của Cửu Trùng Đài hay chơn thần hay là khí chất, nuôi dưỡng Cửu Trùng Đài, một cơ quan chuyên trách luật pháp và là nơi thông công với Bát Quái Đài. Hiệp Thiên Đài vốn là nơi Đức Chí Tôn ngự thì Đạo chứa nơi ấy. Pháp Chánh Truyền đã định nghĩa đó là nơi Thượng Đế ngự, cầm quyền thiêng liêng nền chơn đạo. Xác và hồn đồng sống nhau, tương liên mật thiết cùng nhau để thực hiện thánh thể Đức Chí Tôn, tạo dựng và gom hợp con cái Ngài vào một nơi, từng mạng linh xây cơ chuyển thế,

độ dẫn sanh chúng đến bờ giác ngộ. Trong khi đó, Cửu Trùng Đài là xác, phải nương lấy Hiệp Thiên Đài, nương hồn để bảo toàn cơ quan phổ độ chúng sanh.

Cơ cấu tổ chức của Hiệp Thiên Đài gồm có Hộ Pháp chương quản và điều hành chi Pháp, dưới có bốn vị Thập Nhị Thời Quân chi Pháp phụ tá. Trái phải có Thượng Phẩm (chi Đạo) và Thượng Sanh (chi Thế), mỗi chi có bốn vị Thập Nhị Thời Quân gồm (Khai-Hiến-Tiếp-Bảo). Đây là Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài ra đời 1932.

Đến năm 1966, Đức Thượng Sanh ký thánh lệnh bổ túc Hiến Pháp Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiêu cấp từ Luật Sự lên Tiếp Dẫn Đạo Nhơn. Trước đó, các cơ quan hiện tượng như ba cơ quan tu tịnh Thiên Hỷ Động Trí Huệ Cung, Địa Linh Động Trí Giác Cung và Nhơn Hòa Động Vạn Pháp cũng được Đức Hộ Pháp triển khai thi hành và chuyển hóa tùy thời kỳ mà có Hội Thánh Phước Thiện, thuộc chi Đạo; lập Thập Nhị Bảo Quân tức là Hàn Lâm Viện Cao Đài, Ban Thế Đạo...để phục vụ cơ nghiệp Đạo.

Về sở hành, cơ quan Hiệp Thiên Đài vốn mang trách vụ lo phương diện luật pháp, bảo thủ chơn truyền đạo cho khỏi phải thành phạm giáo, lại là cơ quan sửa trị luật pháp, thi hành mạng lệnh xử phạt chư chức sắc phạm giới mặt hữu hình. Ngoài việc nắm quyền năng hữu hình, Hiệp Thiên Đài còn mang giá trị và năng lực thiêng liêng. Minh chứng điều này, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết giảng:

“Hộ-Pháp và Thập Nhị Thời Quân không phải quyền tại thế gian này, quyền nơi cửa Đạo Cao Đài này, cũng không phải tại đây nữa. Bản-Đạo nói: đây là quyền Đạo Cao-Đài cả Thiêng-liêng hằng sống [Thuyết Đạo của ĐHP]”

Hơn nữa luận về sứ mạng đặc biệt, chư chức sắc Hiệp Thiên Đài mang một thiên mệnh xuống trần, làm tôi tớ cho Đức Chí Tôn để gây dựng một sự nghiệp Đại Đạo. Vì Đức Chí Tôn muốn tá trần chính mình Ngài để cứu rỗi, chư Thiên Mạng hạ mình làm thay Đức Chí Tôn tạo đạo. Đức Hộ Pháp giảng:

“...Nhứt là Ngự Mã Quân của Chí Tôn biết trước hơn ai hết, bởi vì Ngài có dạy, trước hết là Ngài bỏ Huỳnh Kim Khuyết, bỏ Thiên Cung đòi xuống trần dạy con cái của Ngài lập phương giải khổ. Nếu tôi không làm, cơ bút đã cho tôi biết các bạn Hiệp Thiên do nơi đâu sản xuất? Do để giữ quyền Thiêng Liêng nên mới có 12 vị Thời Quân, Thập Nhị Địa Chi, tức là cảnh Thiêng Liêng vô hình của chúng ta. Tôi tưởng tẩn tuồng tôi đã làm trọn và làm nơi cõi vô hình. Ngày kia về thiêng liêng các bạn sẽ thấy hình tối đại tối thiếu. Phận sự tôi đối với các bạn nó có thâm tình vô hạn, vì đồng tâm, đồng chí, một mực đề xướng cả thầy đều nghe chịu một hoàn cảnh, Bản Đạo làm không hết, số là tại Bản Đạo và các bạn Hiệp Thiên Đài đã hứa với Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1].

Nên hình thể Hiệp Thiên Đài mang tính chất tối trọng đối với Đức Chí Tôn trong việc lập chơn truyền Đại Đạo. Sự hiện thân của Đức Chí Tôn cũng chẳng phải của Hộ Pháp, của chức sắc Hiệp Thiên Đài mà thôi, đó là quyền hành và sứ mạng của Hội Thánh lưỡng đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng. Đức Hộ Pháp phải chuyển pháp, lấy trách vụ của Hộ Pháp mà hội hiệp chư Thiên Mạng làm một hình thể tối linh tại thế. Do vậy, chức năng của cơ quan lưỡng đài phải đi trong trật tự để duy trì Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Bằng chẳng vậy, điều đó trở nên trái với thiên mạng Đức Chí Tôn phó thác.

Đức Hộ Pháp cho hay:

“Hình ảnh của Ngài là Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên. Hộ Pháp có khôn ngoan nào hơn là cầu khẩn cho có người đến với mình dựng tạo Thánh Thể đó, chớ một mình Hộ Pháp xuống không thể được, nên phải cảm dỗ cung này điện kia, đến Cửu Thiên Khai Hóa, biết chắc làm được mới đi” [Thuyết Đạo, Q.1].

Hơn nữa, Chơn Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ vốn nằm nơi cơ quan sản xuất của lưỡng đài. Hiệp Thiên lo bảo thủ chơn truyền, Cửu Trùng lo cơ quan giục tấn và đòi hỏi phải hòa nhau đi trong khuôn luật của Đức Chí Tôn, chớ không phải phản kháng, đè nén nhau.

“Chon pháp của Chí Tôn để hai phòng hiệp một là Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Hiệp Thiên Đài là phòng quân luật, còn Cửu Trùng Đài là phòng dân chủ, biểu sao khỏi xích mích nhau. Một đảng bảo thủ, một đảng giục tấn, nếu hai đảng không hòa nhau, đem chon lý hiển nhiên thì hòa được, còn không lấy chon lý thì đụng tại chỗ phản khắc, không thể đệ lên thượng quyền mà còn nhờ bọn được. Đó là cái bàn sàng, sàng mãi cũng phải lọt xuống” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1].

Đạo Cao Đài hiện tượng ra cơ quan cứu khổ cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn với cơ cấu chánh trị đạo. Nhưng cơ quan Hiệp Thiên Đài là cơ quan do Đức Phật Mẫu đến lập ra trước, sau mới lập ra Cửu Trùng Đài.

“Phật Mẫu ban sơ đến Hiệp Thiên Đài làm Mẹ của chữ Khí tức là khí sanh vạn vật. Lấy Ngươn pháp trong chữ "Khí" biến thành Càn Khôn Vũ Trụ, chữ Khí tương quan trong Hiệp Thiên Đài. Nên Phật Mẫu trước đến tạo Hiệp Thiên Đài thuộc Pháp, tức là tòa ngự của Người, rồi sau mới lập Cửu Trùng Đài. Người đến gọi mình là bạn của chúng sanh, tự xưng Thiếp, đem bí mật từ thử chưa ai nghe đối với Chí Tôn thế nào, nói rõ không kiêng phép Ngọc Hư, vì để tạo gia nghiệp cho con cái của Người, thì Người có quyền nói không ai cản được nổi” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1].

Hiệp Thiên Đài còn tượng cho pháp giới tạo ra vạn linh càn khôn vũ trụ.

“Chúng ta ngược mặt lên trời, mắt ta thấy hằng hà sa số là địa giới, ta gọi là sao, mỗi vì tinh tú ấy là một quả địa cầu có người ta ở, cho nên Đức Chí Tôn mới nói rằng: Càn Khôn Võ Trụ này chứa đầy Vạn Linh. Nói rõ hơn Cửu Trùng Đài là Đồi. Còn Hiệp Thiên Đài là Pháp giới tạo ra Vạn Linh, nó là Đạo, rõ rệt như vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

Pháp Chánh Truyền Đại Đạo tạo ra để làm một khung luật định phẩm, dùng diệu pháp của Đức Chí Tôn ban truyền phẩm tước, định vị cho con cái Người. Hiệp Thiên Đài lại là cơ quan có trách nhiệm gìn giữ pháp chánh.

“Từ thử đến giờ chúng ta thường quen gọi là Tòa Hiệp Thiên Đài hay là Tòa Tam Giáo, nên đã 23 năm Đạo, mà chúng ta vẫn chưa biết chỗ dốt của mình. Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn buổi nọ giảng bút hỏi Bàn Đạo một câu bằng Pháp văn: "EXPLIQUEZ ÉTYMOLOGIQUEMENT LE MOT TÔA?" (Vậy chớ theo ngữ nguyên tiếng Tòa nghĩa là gì?). Bàn Đạo trả lời: "Thưa Ngài, kêu Tòa là nơi để định án, xử tội kẻ phạm luật pháp". Ngài cười và nói: "Trật, gọi Tòa là khi nào Tòa nhà, hay Tòa lâu đài gì đó, chớ tiếng Tòa không có định nghĩa về phương diện Pháp Chánh cả". Bàn Đạo thừa dịp nhờ Ngài dạy nữa. Ngài nói: "Cái tiếng của Chí Tôn đã đem đến đặt để nó khéo léo hay ho biết bao nhiêu, nghĩa lý rất thâm diệu mà tại sao lại không dùng. Đức Chí Tôn đến lập Pháp Chánh Truyền,

giao cho Hiệp Thiên Đài gìn giữ. Trong đó có diệu pháp của Chí Tôn đến lập vị cho con cái của Người tại thế gian này, Ngài mượn xác thịt của con cái Ngài tổng hợp lại cho nó có trật tự, có đẳng cấp, tức nhiên là lập Thánh Thể của Ngài, các phẩm trật có liên quan với các phần tử tức nhiên Hội Thánh tổng hợp là Thánh Thể của Ngài. Ngài lập Pháp Chánh Truyền cốt ban quyền hành cho Thánh Thể của Ngài, mà hễ đạt quyền được, tức nhiên về với Ngài được. Ấy vậy, Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên là phương định vị, lập quyền đẳng hiệp một con cái của Chí Tôn cùng Chí Tôn vậy" [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2].

Hiệp Thiên Đài hiện hữu để cầm hình luật, bảo tồn chánh pháp, bảo trọng Thánh Thể Đức Chí Tôn cho mỹ miều, giục thúc nhơn sanh phổ giáo và duy trì pháp chánh chơn đạo. Nếu không có cơ quan Hiệp Thiên giữ, hiện trạng loạn pháp theo thâm kịch cổ kim, tránh nạn thất thứ, ngôi phẩm, gìn giữ đại nghiệp của Đức Chí Tôn.

Đức Hộ Pháp giảng rõ:

“Nếu cả Pháp Chánh đó không người cầm để thực hiện thì cả giá trị lẫn thể thống đều mất hết. Từ ngôi Giáo Tông đến ngôi Đầu Sư, giữa có ngôi Chương Pháp, nếu không phải Pháp Chánh do Hiệp Thiên Đài nắm giữ thì họ tông lúng, tông hoài, tông mãi mãi làm cho loạn Đạo theo tán thâm kịch, ta đã thấy diễn đi diễn lại nhiều lần, mà thử hỏi tại sao họ tông không được? Là tại Hiệp Thiên Đài cầm

Luật chắc chắn không cho loạn hàng thất thứ đặng. Họ tông mặc họ, Hiệp Thiên Đài cứ nắm giữ chặt chẽ, mà định phẩm cho con cái của Đức Chí Tôn mà thôi. Nếu chẳng vậy, nghĩa là nếu Hiệp Thiên Đài để họ tự do hành động, thì phải đắc tội với Chí Tôn, vì Chí Tôn đã giao cho gìn giữ cái kho tàng đã định Thánh Thể của Ngài định vị cho con cái của Ngài y như đã giao cho gìn giữ, cái kho tàng đã định chia cho đứa lớn bao nhiêu, đứa út bao nhiêu, rồi Hiệp Thiên Đài để cho người mạnh giựt giành tài sản của mấy người khác, hỏi vậy người lãnh nhiệm chia của ấy, sẽ bị hình phạt như thế nào? Nếu không có người cầm giữ kho đó đặng phân phát công bình cho con cái của Ngài thì sợ e thiên hạ giựt giành hết mà con cái của Ngài không hưởng đặng, gia tài để dành cho họ mà chớ. Ấy vậy, hàng phẩm mà Pháp Chánh đã định, cốt yếu hiệp con cái Chí Tôn lại làm một cùng Ngài, mà muốn cho đặng hiệp cùng Ngài, thì Ngài để cho Hiệp Thiên Đài chương quản giữ gìn nghiêm luật Pháp Chánh đó. Một người về Đạo là Thượng Phẩm cầm quyền Luật Đạo định phẩm vị; một người về Thế tức là Thượng Sanh đem con cái của Đức Chí Tôn vào cửa Đạo, điều dắt con cái Ngài không ai đặng phép ngăn đường đón ngõ. Đại nghiệp của Chí Tôn để lại mặt thế này cho toàn cả nhơn loại, không ai có quyền giành hưởng một mình. Định luật như vậy mới là công bình và chánh đáng. Bản Đạo lập lại: Pháp Chánh cốt yếu lập quyền cho con cái Đức Chí Tôn, có hàng phẩm, quyền hành, thứ tự, đẳng cấp, giao cho Hiệp Thiên Đài sắp đặt không cho loạn hàng thứ thất, nếu loạn hàng thất thứ thì Đạo tiêu diệt” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2].

Cây cờ cứu khổ Đại Đạo đã sở định quyền của Hiệp Thiên Đài cầm vận mạng của Đạo.

“Đức Chí Tôn đến, có điều thiết yếu hơn hết, Ngài đến là vì con cái của Ngài quá khổ, Ngài đến với cái sở định của Ngài, là đến cứu khổ cho toàn thể con cái của Ngài. Cơ cứu khổ ấy trong lúc ban sơ, Đức Chí Tôn đã đưa trong tay Hiệp Thiên Đài” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 4].

Luật pháp đạo là thiên ý, được dựng xây qua bàn tay con người kết thông thiêng liêng mà giáng ban thành hình luật. Nên Pháp Chánh Truyền là thiên điều tại thế, vận hành guồng máy Đại Đạo hầu bảo thủ chơn giáo và công bình Thiên Đạo. Thiếu hồn đạo hay thiếu luật pháp thì còn gọi chi là đạo nữa. Nếu luật pháp cải canh, thiên điều bất chấp, đạo chẳng phải trò mua vui, mượn áo sòng mà chác đổi, tự ý chuyên quyền canh cải, định lẽ cho mình là chánh mà toan phương hại đạo, biến cái chơn giáo thành ra một trò cười cho đời; thì cửa luật pháp thiên điều chẳng hề tư vị một ai. Còn nhớ Đức Phạm Hộ Pháp đã tuyên ngôn:

“Từ Tín Đồ đến Hội Thánh chẳng hề khi nào tiêu diệt nó được, kẻ nào muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài tốt hơn đừng sanh ra bởi chẳng hề khi nào muốn tiêu diệt Đạo đặng, khuôn luật vẫn vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Bước đời càng gay trở, tiếng thiều nhật thút thoi đưa, xuân mãn, thu tàn, cúc rũ sương tan, vầng nhật nguyệt trở nên xa vắng. Nền Đại Đạo đã bước sang ngoài chín mươi, cũng đã chịu nhiều sương pha thử thách. Cửa Hiệp Thiên Đài đã khép lại. Mỗi người tín hữu đặt cho mình một câu hỏi và tự trả lời về bối cảnh mà Thiên Liêng đã đề một bài toán khó cho chúng ta thực hiện. Thay câu kết bằng hai câu thi thất ngôn bát cú đường luật, được Đức Hộ Pháp cảm tác trước khi quy thiên:

*“...Rồi ai sẽ đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông đạo lẫn đời”.*

129. CHƠN CHÁNH VÀ TÀ MỊ

Kiếp sanh con người luôn hòa các chuỗi các sự kiện liên kết của mỗi cá thể tạo thành một xã hội đoàn thể. Dĩ nhiên sự phức tạp và hỗn độn là một tình trạng hiển nhiên như một quy luật tất yếu. Tất cả các ý hướng thiện lành, kiến tạo một xã hội trật tự quân bình, tự chủ, công bằng, thương yêu theo khát vọng của con người dường như không thể, bởi lẽ cái chánh và tà hay thiện và ác luôn song hành tồn tại lẫn lộn. Cuộc sống vốn luôn biến động theo thời gian, thân tâm của chúng ta vốn vô thường và cũng vận hành theo ý chí phấn đấu do tiếng gọi của thánh tâm hay sự đưa đường của phạm ngã mà hướng lộ theo tà môn hay chánh giác mà thôi. Nên người của tôn giáo cần minh định giá trị chơn chánh và tà mị để hoàn thiện hành trình giục tấn, tìm ánh sáng chân lý,

thực hiện tôn chỉ thánh thiện thiên lương theo giáo pháp mình đã chọn.

Chánh là những tư tưởng, hành động, những học thuyết phù hợp với quy luật thiên nhiên, làm tiền đề, làm phương tiện căn bản cho con người nương theo để giữ mình lánh dữ, làm lành cho bản thân thích hợp với luật thăng hoa trong triết lý nhân sinh. Một cách xa hơn, nó giúp con người hoán cải tha nhân, giúp người trên nhiều phương diện để cùng nhau đạt đến giá trị thiện lành.

Tà là những gì đi trái ngược lại với chánh, là những cản trở thút giục con người phản lại hoàn toàn những ích lợi mang tính chất cộng đồng, tha hóa chất thánh của con người vốn có.

Trong ranh giới đời và đạo, con người có lẽ định rằng đạo sẽ chánh, đời sẽ tà. Một ý hướng chủ quan và một tí khách quan, lập luận đó đúng nhưng chỉ trong một hoàn cảnh và thực thể nào nhất định.

Đời vẫn có thể đem lại cái chánh, đạo vẫn có thể đem lại một khối tà mị dẫn dắt con người đi nghịch lại thiên lý chánh đạo của các bậc Thánh Hiền hay các bậc Giáo Chủ với thuyết thuyết cứu cánh. Nhận thức về chánh và tà vốn mang ý nghĩa quan trọng đối với đời sống người tín hữu bởi nó có thể đánh đổi cả đời người. Nếu chánh, điều đó giúp cho hành giả đạt được kỳ mỹ, hoàn thiện hướng về một thể giới thiện

lành. Ngược lại, tà môn, sự ngộ nhận chánh đạo cũng có thể đưa con người đến tận hố sâu của lầm lỗi, của ác trược, làm tay chân cho tiếng gọi của ma vương.

Trong đời sống văn minh cực thịnh của nhơn loại, người ta bắt gặp nhiều tư tưởng và hành động mang giá trị nhân văn đi từ con tim thực thụ. Nhưng chứng nghiệm sự sợ hãi trước cái ác, phải kể gấp bội phần. Thánh chất thuần mỹ của loài người bị bao phủ bởi vật chất kim tiền, bởi những thứ tinh vi để cuốn con người vào vòng xoáy của vô minh, mất thăng bằng, vô định vị, không nhận được mục đích sống chân chính. Đó là bài toán cực khó của con người trong thế kỷ 21 này.

Một minh chứng thực sự, hoàn cầu đang phải hứng chịu sự đấu đá về kinh tế, sự ganh tỵ về chính trị mang vũ khí sinh học, sự tối tân của bom nguyên tử, các cuộc thánh chiến tôn giáo, thủng tầng ozon, môi sinh nhiễm độc nguy hại đến nguồn nước, không khí, các cơn thịnh nộ của thiên nhiên như sóng thần, động đất, bão lụt, hạn hán... Tất cả bao trùm hoàn vũ một cách ngột ngạt.

Theo luận giải đứng từ góc độ tôn giáo, đó là những thứ tích tụ và bùng phát theo luật tất yếu nhân quả do toàn nhơn loại gây ra. Phải chăng con người cần quay đầu ngó lại, tỉnh thức những gì đã làm để may ra còn kịp vịn níu phao cứu vớt?

Cái chánh của cửa đời là cái lỗi thiếu đạo đức, chỉ biết ta dù có thiệt phận cho thiên hạ và họ cho bửu nan tối ưu giúp họ sinh tồn hay phương pháp đắc thắng của họ. Phép ấy là bửu pháp của thuyết duy vật, chỉ biết trọng cá nhân, tìm tòi cái lẽ sống cho sinh tồn để họ thụ hưởng.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“...Dầu cho nó vô nhân đạo tàn ác cả hành vi bất chánh thế nào miễn bảo vệ cái sống còn tồn tại của họ. Họ chỉ bảo vệ sao cho được hơn cái sống của kẻ khác, họ cho là chơn của họ. Phần nhiều cái lý thuyết ấy ở nơi miệng của kẻ giục tấn ở đường đời của họ hơn hết thầy...” [Thuyết Đạo Q.6]

Theo Báo Giác Ngộ, Đức Phật Thích Ca giảng cho các vị Tỳ Kheo nhận ra cái tà mị khi Đức Ngài còn tại thế:

“Đáng cười mà không cười, lúc đáng hoan hỷ mà không hoan hỷ, đáng khởi tâm từ mà không khởi tâm từ, làm ác mà không xấu hổ, nghe lời lành mà không để ý. Nên biết người này ở nhóm tà”.

Vậy nên, dù cái chánh của đời theo thuyết duy vật hay cái tà mị hiển hiện là những đối tượng đáng nên xa lánh của các tín hữu. Người theo thuyết duy tâm là học cái chánh, thuyết thiện lành tối trọng để bảo vệ mình khỏi vòng lưới của vô minh, lại thực hiện lòng từ bi trí huệ trên con đường

phụng sự đạo pháp và chúng sanh, mới mong đốn ngộ, giải
lửa phiền, tỉnh tâm mà gần ánh sáng thiêng liêng chan rười.

Phật Pháp vốn nhiệm màu bao che, phủ phước cho
những ai muốn cầu sự thánh thiện, lòng chơn thành, nhất dạ.
Nếu chỉ do bản ngã phô trương cái học thuyết chánh đạo, đó
cũng chỉ là một thứ vô minh hiển lộ trước mắt, không đạt
được mục đích cứu cánh của người trước chơn lý nhiệm
mầu. Người con của Phật là người phải làm đại sứ của thiện
lành, chánh chơn, không vụ lợi, không ngã mạng, tự kiêu,
thực hiện vì ý nghĩa từ bi mới xứng đáng là người thực hiện
học thức duy tâm.

*“Cái sự chơn thật của các con thì các con phải thùy
từ mãi khổ. Giờ phút nào các con thấy trước mắt các con
đầy những sự khổ não mà thiên hạ họ không có phương nào
giải khổ cứu khổ ấyặng, các con cũng không an ủi nâng đỡ
cho họ bớt khổ, thì các con không khi nào đạt chánh giáo
đặng” [Đức Chí Tôn – theo Thuyết Đạo của ĐHP Q. 6].*

Mở một học thuyết tối trọng, Đức Ngọc Hoàng
Thượng Đế khát vọng con cái Ngài chung vai, hiệp đồng, gìn
lễ chánh để xiển dương chơn giáo cho chúng sanh hạnh
hưởng. Ngài thường dạy tránh phạm tâm, nương thánh trí để
treo gương cho hậu sinh và là tấm chân thành dâng hiến lên
Đức Chí Tôn.

“Thầy hằng muốn cho các con hiệp chung nhau, mở đường chánh-giáo, phải biết tương-thân, tương-ái, chia vui sót nhọc cho nhau mà đìu-dắt chúng-sanh. Nếu vì chút phạm tâm mà chia đường phân nẻo, ghét nghịch lẫn nhau, các con sẽ treo gương bất-chánh cho kẻ sau, lại nền Đạo cũng vì đó mà khó mau thành đặng. Các con khá để ý đến, ấy là các con hiến cho Thầy một sự thành kính trọng hậu đó” [TNHT, Q.2].

Các tín lý của nền Đại Đạo cốt dụng sự bình dị và chân thật để mở trí minh quang, xa vòng dị đoan tà mị. Và chẳng có sự chi chẳng minh chánh, thì nó vốn xuất phát tà kiến, chẳng thực hành theo chủ thuyết cao trọng cứu cánh. Nếu từ không chơn chánh, bám lấy viễn mộng, cải sửa chơn truyền tất sẽ đưa đến cái hại lắm đối cho nền Đạo của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Thầy chẳng dùng sự chi mà thế-gian gọi là tà-quái dị-đoan mà nếu xảy ra có một ít dị-đoan trong Đạo đã dùng lẽ, thì ấy là tại nơi tâm của vài môn-đệ đó, nếu chẳng giữ theo lẽ chánh mà hành Đạo, và bày-biện nhiều sự vô lối, thì trong ít năm sau đây, sẽ trở nên một mối Tả-đạo, mà các con đã từng thấy” [TNHT, Q.2].

Muốn lánh vòng tà mị, nương theo khối chơn, chỉ có lòng bác ái và chí thành mới mong xa nẻo vô minh.

“Thầy cũng lấy lòng nhờn mà để vào trí-não các con ít lời thêm cho rõ việc thi-hành chánh-sách của Đạo. Các con phải biết, Đạo tại lòng bác-ái và chí-thành. [TNHT, Q.2].

Dầu tình thương của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu vô biên, vô tận, mở trường thi thánh đức cho con cái Người lập vị thiêng liêng cảnh, nhưng sự khảo đảo của cửa quý vương chưa bao giờ khép. Đức Chí Tôn hằng nhắc về những hành tàng bất chánh của nhiều tín đồ làm nấc thang cho ma vương toan giựt giành, cầu xé, càng làm thánh chất tín đồ xa với lời dỗ giành của tiếng gọi thiêng liêng. Ai còn mang nặng tà mị thì phải để quý đồ dành. Ai hằng giữ lòng dạ chí thành, chí chơn mới mong ánh sáng thiên nhiên soi tỏ.

Đức Chí Tôn minh dạy:

“Quý-vương lại thừa dịp hành-tàng bất-chánh của nhiều đứa trong Đạo, mà giựt-giành chia-xẻ các con với Thầy. Nó lại tùy theo hạnh-đức của mỗi đứa mà dất lần ra cho khỏi đường chánh-giáo. Thầy bảo-lãnh các con, ung-đức chí Thánh của các con, đã mãn kỳ phải giao quyền lại cho Tòa-Tam-Giáo được phép lấy mực công-bình mà chuẩn-phê các cử-chỉ của mỗi đứa. Than ôi! Xa Thầy chưa bao lâu, mà vì lợi-lộc ham muốn của thế-tình, nhiều đứa phải chịu để xác cho tà-quái xung nhập. Thầy cũng thương-hại mà khó thể cứu-rỗi được. Đứa nào chánh, thì được nghe lời Thầy dạy-dỗ; đứa nào tà, phải bị lời quỷ-mị dẫn đường. Các con nếu

biết chánh-tà, thì nên vì Thầy, vì chúng-sanh mà dìu-dắt cho nhau” [TNHT, Q2].

Hay:

“Nền Đạo vừa khỏi lối chông gai, lại còn gặp nổi u-hiểm, rần cần-thận và biết dìu bước theo thế thời thì công-trình khỏi phải trôi theo dòng-bích. Biết mình, biết Đạo, biết thế-thời, thì cũng gắng biết nên hư; biết người, biết phải chẳng, biết chánh-tà mà day-trở trong đường đạo-đức” [TNHT, Q.2, Tiêu Sơn Đạo Sĩ giảng cơ].

Người môn sinh phải trụ tinh thần ngay chính mới mong bảo toàn nên chơn giáo của Đức Chí Tôn. Nếu còn trong vòng tội tở, tham danh, chác lợi, dụng tà quyền sai khiến, vòng hắc ám không sao tránh khỏi.

“Ngày nào Đạo nơi đây chưa hòa, người nơi đây chưa đủ sức kèm-chế lấy nhau; và chưa đủ tinh-thần ngay chánh, chỉ nẻo dẫn đàng, người Đạo chưa phé được tham danh chác lợi, thì ngày ấy Đạo nơi đây chưa gọi là trọn thành, thì cũng chưa một ai mong khỏi công mà tầm địa-vị Thiêng-liêng được” [TNHT, Q.2, Chơn Cực Lão Sư giảng cơ].

Chân diện của các Bậc Giáo Chủ trong các nền tôn giáo đem lại thuyết chơn chánh, cứu khổ về đau khổ thể xác và tâm hồn, tức là định tính trở về với thế giới vĩnh sanh hằng sống, không một ai có thể chối cãi cái lý pháp ấy. Đó là

những kim quan kỳ cổ của nhơn loại được đặt trong lòng sùng ngưỡng của mỗi cá nhân.

Về góc độ chánh và tà, nó vốn biến tướng vô hình vạn trạng, không chi luận tả. Chúng tôi chỉ muốn định đề, nghiên minh về một giá trị thật đối với Chơn Pháp Đức Chí Tôn mà thôi. Phương pháp lập giáo, nền chánh trị đạo của Cao Đài giáo và các sở hành của Tiên Nhân đã để lại một di sản vô giá để cho hậu nhân ươm mầm, rải giống bồ đề, hưởng cơ ân xá của Đức Đại Từ Phụ. Nhưng chơn pháp là một điều mầu nhiệm nhất mà người tín đồ Cao Đài phải cúi đầu tôn vinh. Từ thử qua dòng lịch sử biến thiên của đạo từ khai minh cho đến hiện giờ minh chứng hàng loạt các dữ kiện mà có lẽ lời kết để dành riêng cho mỗi môn sinh của Đấng Chí Tôn tự luận theo cái nhìn minh tuệ.

130. SƠ NÉT CHÂN DUNG ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

Có lẽ, khi nói về sự hình thành của một nền tôn giáo, người ta hẳn nghĩ đến ai làm cương vị lãnh đạo tinh thần, triển khai giáo pháp, thực hiện sứ mạng thiêng liêng để cảm được soi đường cho chúng sanh lãnh ngộ giáo pháp, tâm phương cứu khổ, lên thuyền bát nhã, bước qua bờ bỉ ngạn.

Ngài Phạm Công Tắc vốn thừa mạng lệnh xuống thế để thực hiện cơ phổ độ, hồng dương chánh pháp, rao giảng

chân ngôn cứu cánh trong thời kỳ hạ ngươn theo thánh ý Đức Chí Tôn. Từ khi nghe tiếng gọi thiêng liêng cho đến khi chấp chương quyền hành Hộ Pháp, Đức Ngài đã làm rạng danh nền tôn giáo, trọn phận với Đấng Phụ Hoàng. Chân dung của Đức Ngài đã để lại cho nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ một sự sộ sệt quyền năng, một lòng tôn kính tột bậc, một tình thương vô bến vì Ngài đã tự nguyện thọ vô vàn khổ nạn để xây dựng, hoàn thiện một nền tôn giáo tại miền Nam Việt cho toàn thể tín đồ trụ khối đức tin mãnh liệt nơi Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh, lưu truyền vạn đại.

Ngài vốn là Phạm Công Tắc, tự là Ái Dân, một nhân sĩ trí thức những năm thế kỷ 20, từng tham gia tích cực trong phong trào Đông Du, Hội Minh Tân để giải ách nô lệ cho dân tộc. Với ngòi bút sắc bén, Ngài tham gia viết báo cho Công Luận, Lục Tỉnh Tân Văn... nhằm chống đối sự đàn áp và phản ánh sự nô lệ của dân tộc Việt Nam. Chính vì “Ái Dân”, Ngài luôn được coi là cái gai trong mắt thực dân Pháp. Sự bất thành trong tư tưởng hoán cải vận mạng dân tộc vẫn không làm Ngài nản chí nhưng toàn bộ các hoạt động, ý hướng về nền tự do cho dân tộc đều trở nên bế tắc. Có lẽ, chính vì thế mà cột mốc cuộc đời Ngài đã ngã sang một trang sử mới, chuẩn bị hành trang dâng thân vào một đời sống tâm linh hướng đạo hoàn toàn, phụng sự đạo pháp và chúng sanh, làm bàn tay thánh thể của Đức Chí Tôn như tuyên phán: *“Ta truyền lệnh xuống cho loài người qua Con của Ta”* để ban thiên ân cho nhơn loại hoàn cầu một triết thuyết nhân sinh, phù hợp với tư tưởng và văn hóa tân tiến hoàn vũ.

Đức Ngài vốn được rửa tội tại nhà thờ Công Giáo Tây Ninh và khi thân phụ và thân mẫu Đức Ngài qua đời, Ngài bắt đầu chú tâm vào nếp sống tâm linh nhiều hơn, muốn tiêu dao, khởi xướng đàm luận cùng sông nước bằng tiếng đàn cổ truyền và dòng thi cảm. Tâm hồn vẫn mang mác nỗi buồn tựa như phiêu lãng, trầm tư của một người của cánh cửa thiền môn.

Phong trào cầu cơ đã du nhập vào Việt Nam trước đó, nhưng những năm đầu thế kỷ 20 lại trở nên thịnh hành. Ngài Phạm Công Tắc cùng ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang bắt đầu khởi hứng tọc mạch và muốn tìm hiểu về thế giới vô hình qua ngọc cơ trong năm 1925 và dần trở nên cánh tay đắc lực để Thượng Đế khởi dựng dạy đạo, lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Tổ với khoảng 06 đàn cơ cùng các vị khác được phân chia.

Cuộc Thiên Phong đầu tiên cho ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê Văn Trung, Ngọc Lịch Nguyệt, Trương Hữu Đức, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản vào ngày 26 tháng 04 năm 1926. Tuy nhiên, Ông Phạm Công Tắc lại là người duy nhất đầu tiên trong cửa Đạo có hình thức “thiên phong” lạ lẫm, tức là hình thức Hộ Pháp ngự thể giảng lâm sau cuộc thọ phẩm đầu tiên với tên gọi là “Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ”. Từ đó, Ngài chính là Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Theo những bài Thuyết Đạo của Đức Ngài để lại, Ngài cho biết:

“Tất, thoảng như Thầy lấy tánh đức của con để lập giáo con mới nghĩ sao?” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.06]

Đức Phạm Hộ Pháp không làm kiêu vớ của Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử hay Đức Jesu mà làm một kiêu vớ của ông Ái Dân. Một kiêu vớ lạ hơn ai hết, với lòng trung định theo chân Đức Chí Tôn nên mới có Tòa Thánh Tây Ninh, các cơ quan tạo tác hữu hình, có đủ nền Chánh Trị Đạo, luật pháp đạo kiện toàn, có bí pháp giải thoát trong tay, gồm hợp con cái Đức Chí Tôn, thực hiện tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất theo ý chỉ đại đồng, làm tiền đề để xây dựng đời thánh ca Nghiêu Thuần Thượng Ngươn Tứ Chuyền.

Trên con đường thực hiện trương cây cờ Đại Đạo, Đức Ngài đã phải trải qua những khảo nạn lớn lao, hy sinh cá nhân, ban ơn loài người để xiểng dương đạo đức hy sinh của hạnh một vị Phật cao trọng.

Từ khi Ngài vào công cuộc tạo lập các Thánh Tòa, các cơ quan nội ô và ngoại ô Tòa Thánh, Đức Ngài phải chịu rất nhiều khổ não tâm hồn, công sức và tinh thần. Đến khi, hình thành lưỡng toàn thể pháp và bí pháp kỳ mỹ, Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên, Ngài chấp chương quyền Hiệp Thiên lẫn Cửu Trùng nên Đức Ngài được tôn vinh làm *“Thượng Tôn Quản Thế”*.

Từ những năm đầu, Ngài phải hứng chịu nhiều lần tên mủi đạn, nào đòi, nào đạo loạn. Vào 1928 trở đi, chính quyền Pháp lưu ý đạo Cao Đài vì nền đạo có hệ thống giáo quyền chặt chẽ, quy tụ được một lực lượng hùng mạnh nhập môn, bộ máy đạo vận hành kiện toàn. Toàn Quyền Đông Dương e ngại nên dùng phương pháp mưu lược “*phân để trị*”. Chính sự kiện này tạo nên hai trường thăm khở: áp đặt đạo Cao Đài làm chính trị, cho lòng ghép và khuyến khích sự phân rã. Kể từ đó, sự manh mún hàng Thánh Thể bắt đầu chớm nở, tạo một trường thăm kịch bi thương trong cửa Đạo. Sự phản trắc, chống đối cùng tột cũng nơi Đức Ngài gánh lấy.

Ước khoảng năm 1940, dưới sự hậu thuẫn của quốc tế để chống Pháp. Pháp thực hiện nhiều cuộc truy sát, đàn áp. Đạo Cao Đài không ngoài mục tiêu của Pháp, Đức Ngài cùng 5 vị chức sắc bị đày sang đảo Madagascar, rồi chiếm đóng hầu hết các cơ sở tín ngưỡng thờ tự của Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Nhiều năm bị đày ải nơi xứ người, nơi có quốc vẫn trông chờ Đức Ngài trở về tiếp tục điều hành công cuộc đang bị dang dở.

Nhằm thực hiện chính sách hòa bình cho dân tộc, Đức Ngài đã lập cương lĩnh hòa bình và thực hiện theo lộ trình thương thuyết, yêu cầu chính phủ hai miền nam hòa hợp. Tháng 10 năm 1955, tướng Nguyễn Thanh Phương thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, thi hành cuộc thanh trừng Đức Hộ Pháp. Ngày 16-02-1956, Đức Ngài lưu vong sang

Campuchia và đã bỏ thân nơi xứ người, để cảnh Thánh Tòa như gà mất mẹ, xác xơ, quạnh cô, đau thảm.

Năm 1959, toàn đạo Cao Đài phải buông lẹ, tiễn đưa Đức Ngài báỉ mạng Ngọc Hư Cung trở về Thiêng Liêng Vị.

Trở về về thiên chức của Đức Ngài, Ngài giáo dân qui thiện, thực hiện Thê Pháp nền Đạo, trấn Bí Pháp các cung động và thuyết giảng nghĩa lý. Rồi nào công lao lập ra bảy phẩm cấp chức sắc Hiệp Thiên Đài Tiểu Cấp, biến tướng Phạm Môn Thành Hội Thánh Phước Thiện với thập nhị đẳng cấp thiêng liêng, cất chợ Long Hoa...và có thể tóm giảng như lời bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu “*Không có Đức Ngài là không có Đạo Cao Đài*”.

Một cách giản lược, Đức Phạm Hộ Pháp đã xuống thế thay thân Đức Chí Tôn, thay hình Đức Phật Mẫu làm nhiệm vụ giáo hóa, mở Đại Đạo cứu vớt chúng sanh, thực thi thuyết:

*“Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn Đạo một mình ta”
[Thánh thi hiệp tuyển]*

Ngài vận dụng chân lý đạo trời mà thực hiện triết học theo sở hành của cá nhân Đức Ngài. Nên Ngài mới tự thuật:

“Bần Đạo duy muốn làm bạn với con cái Ngài, nên phẩm vị Phật sống của Đức Chí Tôn để cho Bần Đạo, mà Bần Đạo chưa có ngồi...” [Thuyết Đạo Q. 3]

Nên chi, Ngài nắm “pháp luân thường chuyển máy thiên thơ” vẫn giữ nguyên trạng thái cao trọng, hạ mình trong hạ giới, ban ánh sáng cho toàn chúng sanh thấy và hành theo thuyết tối cao tối trọng trong nền Đại Đạo. Khi Đức Ngài bỏ nhục thể, đã để lại minh chứng cho toàn thể nhân loại một thiên khải quan trọng bằng xác tín của giới thần linh học, đại cơ quan đồng tử Nam-Nữ đã cho hay:

“Trong bốn màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng TA và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của TA, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế”

Thành-trụ-hoại-diệt là luật tạo hóa, Ngài đến rồi sẽ ra đi. Nhưng than ôi, cái thuyết cao trọng của Ngài, thiên trách lớn lao đối với nền chơn giáo Đức Chí Tôn ai sẽ nắm giữ. Chúng ta nơi xa xăm phàm trần vẫn mong vọng huyền linh cao thượng của Ngài sẽ ban bố ân hồng cho toàn thể chúng sanh một phép lành, xoay chuyển bánh xe pháp cho ra thiệt tướng.

131. ĐÔI NÉT VỀ BÀ NỮ ĐÀU SƯ HƯƠNG HIẾU

*“Tu hành gắng chí lập dày công,
Đến buổi chung qui hưởng phước hồng.
Cửa Đạo gay go trường khổ hạnh,
Đường Tiên nhàn rỗi bước thong dong.
Lợi danh ví muốn cho đầy đủ,
Tội lỗi càng thêm nổi chát chồng.
Cuộc thế chẳng qua trò mộng ảo,
Ngày về nhắm mắt nắm tay không”
[Thi Đạo của Bà Hương Hiếu cũng là bài thái tế
điện]*

Nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được khai sáng nơi miền Nam Việt, làm rạng dòng giống con cháu Rồng Tiên, khơi đuốc minh quang cho nhơn loại hưởng được mùi ân xá.

Ngoảnh lại dòng sử khai minh nền Đạo, Bà Hương Hiếu sớm hôm hầu cận đèn thiêng liêng, chuẩn bị tươm tất các đàn lễ cho Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh cầu cơ, tiếp diễn thiêng liêng.

Bà là người thuộc phái nữ duy nhất và đầu tiên đã đi từ mốc khởi đầu trong việc xây bàn, cầu cơ để khai sáng nền quốc đạo. Khi sanh tiền, công lao công hiến cho nền đạo đã xứng phận nữ nhi anh tài nên được Thiên Phong tột phẩm là Đầu Sư trước hơn ai hết.

Năm 1971, Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh rũ màng tang trắng thảm sầu, trời rót mưa giọt ngọc tiễn đưa Bà về nơi vĩnh hằng. Từ đây, hàng Thánh Thể Đức Chí Tôn đã mất đi một trang anh nhi nữ kiệt phụng hiến trọn cả cuộc đời cho nền chơn giáo.

Chẳng biết duyên cơ gì mà Bà vốn đã theo nhà dòng Thiên Chúa Giáo nhưng lại một lòng đeo chơn Đức Chí Tôn một cách say sưa, cần mẫn, đáo để, nhọc công lo chung dọn mọi mọi thứ để Tam Vị xướng họa, đối thi cùng vô hình, cho đến khi bức màn vô hình thực sự mở toang.

Đấng A, Ǻ, Ȧ chính là Đấng Chủ Tể cần khôn vũ trụ, mượn cơ bút để giáo hóa, gần gũi hầu mở một nền Đại Đạo nơi miền đất Nam này, nên Bà lại càng tin vào quyền bính Thiêng Liêng, đem hết sở hành nằm trong hàng Thánh Thể, mở Đạo cho kỳ được. Cơ Đạo bắt đầu rẽ sang một bước ngoặt khác cho con cái Đức Chí Tôn thi thố tài năng và hiển lộ đức độ. Bà cùng Đức Cao Quỳnh Cư đã hết lòng trọn tuân lời Thầy để thực hiện sứ mạng hoằng hóa, khai đàn, cầu cơ, phát dương cơ đạo cho ra hiện tướng.

Đêm về, Bà lo viết bút, đèn nhang hương khói để các Vị cầu cơ, nghe huấn dạy của Thiêng Liêng trong sự nghiệp khai minh và xây dựng đủ đầy pháp chế nền Đại Đạo. Bà hầu như chép tay đầy đủ các bài thánh cơ mà sau này trở thành nhân tố cốt lõi để Bà hoàn thành hai quyển Đạo Đạo Sử bằng

cả tâm huyết để lưu lại như một nhân chứng sống của nền Chơn Giáo.

“Xem quyển Đạo Sử của Bà, đọc giả dường như trải qua một giấc huyền lương mộng, tưởng mình như có mặt tại chỗ hồi mở Đạo bắt nguồn từ Sài Gòn lên Gò Kén rồi tới trung tâm điểm Tây Ninh, không sót một chi tiết nào để giúp ích cho người khảo cứu làm tài liệu” [Ngài Bảo Thế phê].

Phần rất lớn, Bà có mặt trong các đàn cơ thọ lệnh, giảng dạy. Bà đều ghi, lưu lại và học rồi hành nó cho trúng. Nên trong hàng nữ phái, Bà là người đầu tiên được ân duyên tiếp xúc với triết lý nền tôn giáo, làm nét cọ cho các Đấng Thiêng Liêng vẽ lên một chân dung Cao Đài toàn mỹ.

“Một cuốn Sử Đạo, muốn cho có giá trị và có tính cách khách quan, tả đúng sự thật, thì cần có sự cộng tác của người cổ cứu rõ hết các việc từ đầu chí cuối, như Bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu chẳng hạn, vì Bà luôn luôn có mặt tại các nơi Xây Bàn lúc đầu và các Đàn Cơ về sau, nên mỗi việc gì xảy ra hoặc mỗi bài Thánh giáo do Cơ Bút giảng dạy, Bà đều ghi chép lưu lại mà Bà đã thuộc lòng một phần lớn” [Ngài Hiến Pháp phê].

Bao nhiêu năm sóng gió, chịu đủ mùi vị đắng cay, tủi phận, bao giọt lụy sâu để chỉ đánh đổi duy nhất là hạnh phúc của con cái Đức Chí Tôn. Bằng chẳng vậy, Bà cũng như bao người phụ nữ khác, bon chen tục thế, nào có lánh danh lợi,

xa nẻo vạy tà. Ngược lại, Bà hy sinh vẹn toàn cho sự nghiệp Đại Đạo. Người xưa đã khuất bóng nhưng công nghiệp vĩ đại vẫn còn chất chứa trong lòng tín đồ, sự hiện diện của Bà vẫn còn đó để nâng đỡ bước chân phái nữ thêm cao trọng, lại càng thêm trọng nữa cho ra xứng phận nữ nhi anh hùng.

Mười ba chiếc ghế trong ngày lễ Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung trong Báo Ân Từ nội ô Tòa Thánh của nền Đạo xưa nay vẫn còn tồn tại. Phôi thay khởi hình từ những năm tháng khai nguyên chính là ngày hội Đào Tiên và Tiên Tử mà Đức Phất Mẫu tượng hình tại thế này. Bà chính là người chuẩn bị theo lệnh Thiêng Liêng chu chỉnh các cúng phẩm và gấp thức ăn cho các vị thuở nọ. Hội Yến Diêu Trì là một bí pháp quan trọng trong chánh giáo của Đức Chí Tôn nên Bà xứng phận được hưởng mùi vị Hội Yến thuở đầu. Chính vì thế, nếp sống Bà đã gói gọn trong chữ đạo đức, ngôn hạnh công dung vẹn toàn, làm mực thước cho phái nữ của nền tôn giáo Cao Đài dĩ chí từ xưa cho tới bây giờ.

Có lẽ đường ấy tinh thần trung can, nghĩa đảm càng kiến cho Bà trước khi quy thiên, có để lại lời trần trối khi Bà mất phải đem 09 vật niệm: kiết tang màu đỏ đeo tay thọ tang Đức Hộ Pháp, khăn tang Đức Thượng Phẩm, khăn tang thân mẫu Đức Thượng Phẩm, khăn tang Đức Thượng Sanh, nón nỉ Đức Cao Thượng Phẩm, đại phục Nữ Chánh Phối Sư, 7 áo tiểu phục + 10 áo dài thường + khăn gối, bộ đồ của ông Cao Huỳnh An (là con một của Bà). Bà ra đi nhưng đã để lại di sản quý báu cho nền đạo.

Vĩnh biệt Tổ Đình, để lại nguồn thiên sử nghìn thu tạc khắc một chân dung vĩ nhân, làm rạng danh Đức Chí Tôn. Tuy thân xác về bụi thời gian, nhưng chốn vô hình kia Bà cỡi hạc, hưởng phép trường sanh. Chắc rằng nơi xa xôi kia, Bà vẫn đang làm sứ mạng giáo hóa nữ nhi của Đại Đạo, chăm lo đạo đức, un đúc tinh thần cho ra tráng kiện để giục tấn trên con đường phản bổn hườn nguyên.

Cả kiếp sanh Bà đã hiển dương hình hài, trí não làm con tể vật, đem khối óc để hòa vào Thánh Thể tạo dựng mỗi chân truyền. Kiếp Bà trần mẫn nợ phiền, hồn nương theo phước thông dong cỡi thọ. Bà có thể sánh bằng trang tuần kiệt, cỡi ngựa truy phong theo từng lời huân lệnh của các Đấng, hoàn thành thiên mạng với lòng kiên định bất khuất. Ngày nay, thuyền đạo cũng lắm chông chênh, chắc rằng anh linh hiển hóa vẫn ban phép cho chư tín hữu phái nữ được vững tâm, lạc đạo, thực hiện sứ mạng đoàn hậu tấn cho nền đạo thất ức niên.

132. NỮ TRUNG ANH LIỆT - BÀ LÂM HƯƠNG THANH

Với tục danh là Lâm Ngọc Thanh, Bà đã ngộ đạo và nhập môn đạo Cao Đài năm 1926, thánh danh Lâm Hương Thanh, phẩm là Giáo Sư. Chỉ vồn vẹn trên dưới 3 tháng, Bà được thiên phong lên hàng phẩm Phối Sư, sau bà lại được

thăng lên Chánh Phối Sư. Khi qui thiên năm 1937, Đức Chí Tôn đặc ân lên phẩm Đầu Sư - một phẩm cao cấp nhất trong hàng ngũ nữ phái theo Pháp Chánh Truyền Nữ Phái Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Bà vốn là đồ đệ của Đức Nhị Trần Oai Nghiêm Thường Hải Quan Âm Như Lai nên cái sống khi bước chân vào cửa Cao Đài, đã thể hiện được thiên tánh một người thuộc cội Phật. Từ ngày nhiếp chánh được thiên phong, bà đã hết lòng trọng tuân theo khuôn luật đạo, phục vụ vì sự nghiệp cơ phổ độ của Đức Chí Tôn. Ngày nay, người tín đồ vẫn có thể chiêm ngưỡng Bà hiện diện mặt tiền Lôi Âm Cổ Đài Hiệp Thiên Đài của tổ đình Tòa Thánh Tây Ninh. Công hạnh bà đã để lại trong trang sử Đại Đạo và lòng tôn sùng, thương kính của hậu nhân.

Theo các tài liệu sưu khảo, bà là một trong những người có tiếng tại Vĩnh Long vì sự giàu có. Dù thân thế khác thường nhưng bà không kiêu hãnh. Ngược lại, tấm lòng phóng khoáng, tế khó trợ nghèo, thương yêu hòa ái, thực hiện những công tác xã hội để giúp người khó khăn. Chẳng những thế, tâm hạnh vốn đã kính Phật. Nơi biệt thự của bà lại được xây một ngôi chùa Phật để sùng kính, tiện cho nhân dân quanh vùng đến bái lễ, kinh kệ sớm hôm.

Thuở đầu, ông Nguyễn Ngọc Thơ (bạn đời bà Lâm Ngọc Thanh) và bà Lâm Ngọc Thanh vốn quy y tại chùa Giác Hải... Sau nữa, Ông và Bà có hiến tiền phần nhiều tô

đẹp thêm ngôi chùa Từ Lâm Tự, gọi là chùa Gò Kén do ông Hòa Thượng Như Nhân làm trụ trì. Khi ông Thơ được Thiêng Liêng đánh thức bằng ngọt tiên bút và sắp đặt như chuyện đã rồi, ông Thơ bèn hiệp cùng Ngài Khai Đạo để độ bà Thanh và cả Hòa Thượng Như Nhân quy hiệp Cao Đài.

Thế rồi, thuở khai minh đã đến hồi theo lệnh Thiêng Liêng, tổ chức nghi lễ khai đạo. Chuyện vốn theo thiên ý, lễ khai đạo làm mất sự trang nghiêm do tà quái xung nhập, phá rối. Phật Tử chùa Gò Kén buộc ép hòa thượng Như Nhân (được Đức Chí Tôn thiên Phong Thái Chưởng Pháp) phải đòi chùa lại. Tuy vậy, lòng bà Lâm Ngọc Thanh vẫn giữ đức tin nơi chánh giáo Đại Đạo, một lòng theo cửa Đức Chí Tôn.

Trong cuộc đời hành đạo của bà, có lẽ ai cũng không quên những dấu ấn đậm chất của một người với đức tin mãnh liệt, phụng hiến tâm thân, xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Ngôi chùa của bà cũng trở thành Thánh Thất để cho tín đồ nhập môn cầu đạo. Bà bỏ tiền xây cất, tu sửa, mua lễ phục cho những người thiếu túng, khó khổ.

Khi tiến hành dời ngôi chùa Gò Kén – nơi thực hiện cơ phong thánh thứ nhất do Đức Chí Tôn chấm phong, về Tây Ninh, bà đã cho Hội Thánh mượn số tiền 24 ngàn đồng để mua đất cất Tòa Thánh tạm. Dưới thời kỳ Pháp thuộc, Pháp đàn áp, bắt bớ, đóng cửa các Thánh Thất, nhờ uy tín bà hiệp cùng Hội Thánh, giải trình sách nghị tu hành chánh lý nên các nơi được mở cửa và tự do cúng kiếng. Công hạnh

của bà đã nêu trong cửa Đại Đạo đáng cho sử sách nêu danh, một người tượng cho tinh thần nữ trung anh liệt trong phái nữ.

“Nhắc lại đoạn đầu tôi nhập môn rồi khiến lòng tôi suy nghĩ, cuộc đời không thấy ích gì cho phần linh hồn nên tôi không còn luyến tiếc sản nghiệp tôi nữa. Nếu còn say mê vật chất hữu hình này thì biết chừng nào trở về cảnh cũ, ngôi xưa cho được, nên tôi đem mình quì trước Thiên Bàn nguyện rằng: Hiến thân này cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từng Hội Thánh Tây Ninh ngõ hầu dầu dất nhơn sanh vào đường Đạo đức” [Lời Bà, theo tài liệu của bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Từ thuở mua đất cất Tòa Thánh tạm, Bà thường tới rồi về nơi Vĩnh Long lo giao thiệp, chung lo phận sự với Hội Thánh về các vấn đề. Nào xả giao, nào giải quyết vấn nạn đạo, nào truyền giáo, nào khuyến tu, dụng mọi cách cả vật chất và tinh thần để lo cho nền đạo được tươi đẹp ngọc ngà, đơm bông kết trái. Sau nữa, bà và Ngài Thái Thơ Thanh mua miếng đất tạo thành cực lạc vô vi cho nền đạo nữa.

Trong một đàn thuyết đạo tại tỉnh lỵ, bà cung vịnh bài thi đạo cho đồng đạo thưởng lãm:

*“ĐẠO nguyên một gốc nảy sanh ra,
ĐẠO mở kỳ này ấy thứ ba.
ĐẠO giáo rộng quyền do bút Thánh,
ĐẠO căn vun đắp tự lòng ta.*

*ĐẠO lo trôi bước lên đường Chánh,
ĐẠO chớ làm chơn tới nẻo tà.
ĐẠO Lão, Đạo Nho và Đạo Phật,
ĐẠO nguyên một gốc nảy sanh ra”*

Giai đoạn đạo bị chông chênh, cơn khảo đạo rất lớn. Bà vốn là chị cả dẫn dắt đàn em phái nữ, che mưa, che gió, hướng dẫn, bảo bọc để đi trên con đường thánh đức trước sự phản nộ của Đức Lý Giáo Tông vô vi. Đức Hộ Pháp thuyết giảng:

“Bà Nữ Đầu-Sư hồi còn tại thế này cũng vậy, hay về cõi Thiên-Liên cũng vậy thương Em lắm, thương phái Nữ lắm, Bà bình vực bảo trọng từ khi mới mở Đạo, biết bao phen Đức Lý-Giáo-Tông đã phản nộ, chính mình Bản Đạo cũng không thể bình vực được mà còn có thể ghét nữa mà chớ. Duy có một mình Chị bình vực bảo trọng phái nữ còn tồn tại đến ngày nay, bằng không thì bị phế rồi, bị Đức Lý phế rồi đó”.

Quả thật, Bà Lâm Hương Thanh vốn đã phục mạng xuống thế lãnh phận sự diu độ nữ phái, chung chia nỗi niềm, gánh vác trách nhiệm lớn lao vì Đức Quan Âm phải vâng mạng lệnh Đức Di Lạc Vương Phật thực hiện điều độ vô vi. Bà phải ở hữu hình mà cheo con thuyền bát nhã độ cho đàn em nữ phái. Đoái tưởng đến công lao và gương hạnh của bà trong cửa Đạo, chúng ta thấy bà là tấm gương trọng thể đáng giá cho đoàn hậu nhân nữ phái trao học tu thân, lập đức. Đó

là gương hạnh của một nữ trung anh liệt của thời mạt pháp, làm gương cho con cái Đức Chí Tôn nghe thấy, thức tỉnh theo tiếng gọi thiêng liêng.

133. SAO GỌI LÀ TU HÀNH ĐÚNG NGHĨA

“Tu hành” là một từ ngữ vốn đã xuất hiện tự thuở xa xưa khi con người đã biết kính Trời, tin Phật, một lòng đi trên hành trình tấn hóa, tìm cách khai phá, đốn ngộ để hiểu được sự mầu nhiệm thiêng liêng vô hình, cầu một sự giải thoát thuần túy đúng nghĩa theo chân các bậc Thánh Triết để lại. Tuy nhiên, sự khai ngộ của mỗi người sẽ khác nhau nên sẽ hiểu và có một cách nhìn khác nhau do trình độ tu tiến có các cấp bậc hoàn toàn ở những cung bậc không đồng điệu. Điều đó dẫn đến con đường đi cũng sẽ mang ý vị, màu sắc cả thể tướng, tâm thể khác nhau.

Các vị giáo chủ tôn giáo đã phụng mạng lệnh xuống thế, lập pháp chỉ cứu cánh cho nhơn loại. Các Ngài cũng đã trở về hư vô, quán xét và hành tàng các môn sinh của các Ngài đã, đang làm. Kinh điển vẫn còn đó, âm vang vẫn trầm bổng văng vẳng bên tai. Chúng ta tự hỏi, con người đã ứng dụng diệu pháp Tam Giáo như thế nào trong đời sống để đạt được hai chữ “tu hành”.

Tu tức là đi vào khoa học tâm thức, thực hành nếp sống đạo hạnh phù hợp với giáo pháp của một nền tôn giáo nào đó, tìm đến sự an lạc thân tâm bằng phép khắc kỷ tu

chơn, pháp phước huệ song hành. Mục tiêu cứu cánh của đời sống tu hành là về với ánh sáng của chân lý. Tất cả hình sắc, kinh điển chỉ là ngón tay, còn mặt trăng mới là chân lý, là lý tưởng tối thượng mà con người khao khát. Tu hành chẳng đơn thuần gói gọn trong nếp sống đi lễ viếng nhà thờ, chùa chiền, tụng kinh, gõ mõ, cúng dường là đủ vì mọi thứ ấy chỉ là hình thức bề ngoài. Đặc biệt hơn, con người phải đi và khám phá nội hàm bên trong chiếc vỏ của Đạo mới thấm được mùi vị chân đạo.

Chân truyền của các nền tôn giáo đã ẩn lý pháp cứu cánh rất rảo, chứa sự huyền diệu dù các tính cách giáo truyền mang tính dị biệt về ngoại dung. Phổ tế cứu nhân, độ thế vẫn là tiêu chí đi đôi với trao sửa bản tâm cho ra thanh sạch.

Phật Giáo chủ trương “*minh tâm kiến tánh*”, Tiên Giáo chỉ điểm “*tu tâm luyện tánh*” còn Thánh Giáo cốt “*tôn tâm dưỡng tánh*”. Nên chi, tất cả các hiện tượng đều chủ ý hướng nội, tìm cái có hữu ngã, luyện lòng cho đến khi chỉ ngời thối sáo tiêu thiêu, chẳng còn nghĩ đến pháp điều vì tính chất “*vạn pháp đồng nguyên*” [các pháp giống nhau].

* **Phật Giáo**: thường nhắc tới thân, tu ngôn và tu ý. Thân phải giữ gìn pháp luật đạo, nếp mình vào khuôn phép, qui tắc để hợp với luật tấn hóa thiên nhiên. Miệng phải giữ lời tốt đẹp, phải suy xét cẩn trọng trước khi phát ngôn, nói những điều đẹp cho mình, cho tha nhân mang tính độ người tiến đến mục đích thánh thiện. Giữ ý phải trong sáng mới có

hành vi phù hợp đạo lý luân thường, bước lên phương pháp quán xét cách vật trí tri cho tinh thông bát nhã, đạt đến ý chí tĩnh tọa, nhiếp tâm soi chiếu lẽ thật hầu chấm dứt mọi sự ý niệm sai lầm, tà kiến, đến bờ chánh kiến minh tâm. Cứu cánh chân lành là sự giác ngộ đời sống vô thường cõi hồng, kiếp tạm. Kinh Pháp cú có câu:

*“Trôi lăn luân hồi khổ
Vây chớ sống luân hồi
Chớ chạy theo đau khổ”*

Đời người vốn đã trôi lăn theo bánh xe tạo cuộn tròn. Muốn tránh luân hồi, tránh khổ thì phải giải khổ, thoát luân hồi, không mê luyến theo tam độc [tham, sân, si] để phải đắm trong thất tình, lục dục; mà phải luyện thân-tâm-ý để đạt đến đời sống có bát chánh đạo làm đuốc soi đường. Cho nên, Phật Giáo là cái nôi đưa đến hạnh viên mãn, đến vô thượng chánh đẳng chánh giác, truyền thụ tâm pháp bí truyền cho nhân sinh nương theo đuốc huệ.

“Điều thứ nhất là giác ngộ, điều thứ hai là giải thoát. Bởi vì đạo Phật là đạo giác ngộ. Tu không giác ngộ không phải là tu theo đạo Phật. Giác ngộ thấy đúng như thật rồi, chúng ta sẽ giải thoát sinh tử” [Hòa Thượng Thích Thanh Từ].

Nên theo nguồn cội Tiểu Thừa, Thiền Tông hay Đại Thừa, xuất gia hay tại gia, người con của Phật hướng đến đời

sống tứ đại, tìm con đường giải thoát như Đức Phật Thích Ca truyền dạy. Phật Đạo thường chỉ đến cái trọng điểm, coi thân là tướng vô thường sinh diệt, tâm lại là bóng dáng của trần nhiễm không thật và tìm phương pháp giải khổ. Nên người tu theo hạnh Phật phải thực hiện các chí nguyện cao thượng, siêu xuất thế thường. Đạo cũng giảng luận về đề chỉ tâm thật và tâm hư dối, tức là chân tâm và vọng tâm. Theo vọng tâm là tập nhiễm, viễn mong, hư cấu, trần cảnh và bị lừa dối. Còn theo chân tâm giúp con người tri kiến luật sinh diệt, thăng hoa bất sinh, bất diệt.

* **Tiên Giáo**: Theo thống kê của các nhà nghiên cứu, có trên hơn 400.000 tín đồ theo Đạo Gia du lạc và truyền bá ở các nước Malaysia, Đài Loan, Trung Quốc và người Hoa tại các quốc gia rải rác. Đối với tín lý, Đạo Gia càng dịch chuyển đến một cung bậc huyền bí hơn. Đạo Lão có câu:

“Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh. Uyên hê, tự vạn vật chi tông”

[Đạo trống không, nhưng đổ vào mãi mà không đầy. Đạo sâu thăm, dường như là tổ tông của vạn vật].

Cái chi luận tả được thuộc hữu hình, cái chi không thể luận bàn tới thuộc Trời Đất. Nên có câu:

“Đạo bất khả đạo, phi thường Đạo. Danh bất khả danh, phi thường Danh.

Vô danh thiên địa chi thi, hữu danh vạn vật chi mẫu”

[Diễn nghĩa: Đạo mà ta không có thể nói đến được, mới gọi là Đạo phi thường. Danh mà ta không có thể hiểu được, mới chính là cái Danh phi thường.

Vô danh là gốc của thiên địa, hữu danh là mẹ của vạn vật]

Tiên Giáo có Đạo Đức Kinh luận tả đạo là bốn thể của càn khôn vô trụ, vô nhất, vô vô cực tạo thành vạn tượng trong trời đất bốn bề. Sự lưu thông vận hành, sanh biến, im bất hay sống động đó là cái thể hữu tướng của sự sống mà Đức Lão Tử nói “*cường danh viết Đạo*”. Ngoài ra, thiên địa vạn vật đồng nhất lý, cùng bốn lai, nên hướng về diệu tánh, kiến chỗ cao thượng của bốn tánh mà thực hiện phép luyện tánh ngưng đọng, nghịch chuyển tạo thánh thai, hòa đồng vạn vật càn khôn. Đó là diệu lý, mật nhiệm của Đạo Giáo.

* **Khổng Giáo**: Nền Khổng Học truyền thụ qua các sách Tứ Thư, Ngũ Kinh, Đại Học, Luận Ngữ... để cốt truyền tả lý chánh trung, lấy cái nhất quán làm đề tài cho nhân sinh, thực hiện phương pháp tồn tâm dưỡng tánh cho ra chí thiện, chí mỹ.

Khổng Giáo hay còn gọi là Đạo Khổng, Nho Giáo có hệ thống đạo đức, triết lý giáo dục, triết học xã hội nhân văn, cả triết học chính trị khởi xướng. Sau các hậu học xiển dương, phát triển đến mức cực thịnh để xây dựng một xã hội

dung hòa, đất nước thái bình, an lạc, thịnh vượng. Các Nho Sĩ dung nạp học thuyết của Đức Khổng và truyền bá hầu hết ở các nước Đài Loan, Trung Quốc, Nhật Bản, Bắc Triều Tiên, Nam Hàn, Việt Nam.

Nguyên Thủy của Khổng Gia, Đức Khổng Tử san định 06 quyển, gọi là lục kinh, bao gồm Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu và Kinh Nhạc. Về sau, Kinh Nhạc bị thất lạc, nên chỉ còn năm loại, gọi là Ngũ Kinh. Đó là nguồn gốc của Ngũ Kinh.

Nguyên nhân có Tứ Thư:

- Khi Đức Khổng Tử qua đời, các học trò kết tập lại viết thành cuốn Luận Ngữ.
- Trong hàng ngũ học trò ưu tú, Tăng Sâm hay Tăng Tử là một người nổi bật và soạn ra quyển Đại Học.
- Cháu nội Đức Khổng Tử là Khổng Cấp sau soạn ra quyển Trung Dung.
- Đến thời chiến quốc, Mạnh Tử viết cho ra các tư tưởng làm tiền đề sau này các học trò của ông viết thành sách Mạnh Tử.

Các học thuyết trong tư tưởng Nho Gia cốt để phát huy mọi đức sáng của con người, bỏ ác, tâng thiện, đưa đến đạo đức hoàn thiện nhất, tức là thuận lòng trời đất, hạp tánh thiên nhiên.

“Đạo học lớn cốt để phát huy đức sáng, đức tốt đẹp của con người, đổi mới khiến lòng dân bỏ cũ theo mới, bỏ ác theo thiện, khiến mọi người đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất. Có hiểu được phải đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất thì mới kiên định chí hướng. Chí hướng kiên định rồi, tâm mới yên tĩnh. Tâm yên tĩnh rồi, lòng mới ổn định. Lòng ổn định rồi, suy nghĩ sự việc mới có thể chu toàn. Suy nghĩ sự việc chu toàn rồi, mới có thể xử lý, giải quyết công việc được thỏa đáng. Vạn vật đều có đầu có đuôi, có gốc có ngọn. Vạn sự đều có bắt đầu và kết thúc. Biết làm cái gì trước cái gì sau, tức là đã tiếp cận nguyên tắc của đạo rồi”
[Trích sách Đại Học].

Đức Khổng Tử cũng từng đề xướng thuyết đại đồng mà ngày nay đạo Cao Đài đã chủ xướng.

“Thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu chỉ sợ có không đều” [Đức Khổng Tử].

* **Thánh Giáo Đa Tôn**: Thần học Thiên Chúa Giáo trải qua các thời kỳ như triết học Hy Lạp cổ đại, Triết Học Kito thời trung cổ, triết học thời kỳ phục hưng. Nhưng toàn bộ hệ thống tư tưởng mặc khải sự hy sinh và lòng phụng hiến cho con cái Đức Chúa Trời, vinh danh Thượng Đế để tạo phúc cho dân, tạo sự ấm no cho đồng sanh đề đồng hướng về cảnh Thiên Đàng.

* **Hồi Giáo**: Hồi Giáo vẫn không đi ngoài cái lý quán định tâm tánh, hướng đời sống thanh tịnh tâm tánh, phục vụ nhân sanh, tín sùng độc thần Thiên Chúa. Đây là nền tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới, chiếm khoảng 24% dân số toàn cầu. Tuy có liên quan đến một số tín lý của Thiên Chúa Giáo, tín Tân Ước, Cựu Ước nhưng có một số dị biệt về các hiện hữu. Ví dụ, họ cho rằng Đức Jesus Christ vẫn là sứ giả nhưng không nhìn nhận là con Thiên Chúa, không nhìn nhận tội tổ tông... Lâu ngày, chơn giáo bị mai một, tà tâm khởi phát, biến dịch và bị chế tác thành những tư tưởng dị biệt cực đoan xa chánh giáo chơn truyền.

Tất cả các giáo thuyết đều phải thuận lý thiên nhiên trời đất. Tùng lý thiên nhiên tức là tùng pháp và phù hợp với vòng bánh xe tấn hóa nhân sinh. Không chấp, không ngã, lấy tâm trung dung bình đẳng, lánh phiền não, thị phi mới mong trở về sự sống bản tâm mà thực hiện trau sửa hằng ngày đúng với pháp đạo.

“Tu trí đặng chi? Đặng đủ khôn ngoan, tu hạnh đức hay hạnh kiểm của mình, rồi mới tu ngôn ngữ của mình, tu trí đặng lập ngôn tại thế gian này, tức nhiên tu về khí đó vậy” [Thuyết Đạo ĐHP. Q. 5].

Đạo Cao Đài dụng tôn chỉ Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất cũng thay cho “vạn giáo nhất lý” hay “*Tam Giáo đồng nguyên*”. Sự dị biệt hữu hình tức là Bí Pháp Thế Đạo, còn Bí Pháp Thiên Đạo vẫn là chân lý sống ở

chỗ tâm thành chánh thiện, vẫn hướng đến bốn nguyên dùng diệu pháp của phép Tam Giáo mà đạt đến cơ thoát khổ, đi ngoài càn khôn, bỏ sinh tử luân hồi.

Thế gian là trường thi tấn hóa cho bát đẳng chơn hồn trả quả, tinh tấn và thi thố để lập ngôi vị thiêng liêng. Giữa thế gian, ít có ai biết đạo. Giữa những người biết đạo, ít có ai theo đạo thực thụ. Giữa những người thực thụ, ít có ai theo chánh kiến. Giữa những người chánh kiến, ít có ai thực hiện chánh kiến mà các vị Giáo Chủ đã chỉ dạy. Giữa những người thực hiện theo lời Giáo Chủ, ít có ai thành tựu. Đời và Đạo vốn mắc mớ, chèo lựa thuận thế, thuận thời mà tô công, lập đức, tạo thiện ngôn như lời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chỉ dạy.

Tu hành đúng nghĩa vốn không khó nhưng lại rất khó. Cái khó là bị chì chiết, thao túng của phàm ngã lôi kéo để phải bỏ chánh, theo tà, bỏ quên thánh tâm theo phàm ngã. Mục thước giáo điều đã có sẵn, duy con người chỉ vẽ những nét cọ đượm chất thiên lương, quên mình phục vụ quần linh sanh chúng, hoằng hóa giáo pháp, làm kỹ vật cho Đạo để thiên hạ hưởng là trúng thánh ý Đức Hộ Pháp đã xướng giảng khi còn sanh tiền.

134. THƯỢNG SANH TRONG CAO ĐÀI

Đức Cao Hoài Sang đặc phong là Thượng Sanh, chương quản chi Thế. Thân sinh là Cao Hoài Ân, thân mẫu

Ngài là Bà Đầu Sư Hương Lự. Mầm móng khởi thủy của Đạo Cao Đài khai sáng có từ cơ bút. Trong khi đó, Tam Vị khởi sừng nền Đạo lại là người có tâm hồn chí sĩ, văn thơ, cảm tác phóng khoáng, nho nhã. Cho nên một số người cho rằng Đạo Cao Đài bị mê hoặc do ba vị đứng đầu cầm cơ bút đầu tiên. Nghĩa là ba vị tự nghĩ ra và viết thành, chứ không có Phật Tiên nào giáng ngự mà cho thánh giáo. Đức Thượng Sanh nằm trong ba vị vốn có bẩm tánh phi thường trong văn bút, lại được Thiên Ân mà ngòi bút lại càng đậm chất để hoàn thành một vị Chương Quân Chi Thể trọn vẹn.

Nguyên căn của Ngài vốn là vị Tiên Lữ Đồng Tân, cầm ống tiêu nên khi chưa được Đức Chí Tôn khai ngộ, Ngài vẫn lấy thú tao nhã đàn ca, chế tác những bản nhạc cho chính mình để thưởng lãm hòa mình cùng Trời Đất. Đó là thú Tiên chúng ta thường thấy gương các vị trong Tam Giáo Đạo.

Còn nhớ kiếp sanh trước kia theo dân gian, Ngài có nhiều danh xưng khác nhau như Lã Tiên, Lã Tổ, Thuần Dương Tiên Sinh, Lã Tiên Công. Triều đình nhà Tống lại sắc phong Ngài là Diệu Đạo Chân Quân. Theo tín ngưỡng đạo học, Đức Ngài có các danh xưng như Lôi Đình Thái Hành Đại Thiên Sư, Linh Bảo Thuần Dương Nhất Khí Hoa Cái Chương Đạo Chân Quân, Quảng Tế Chánh Đạo Diệu Thông Hoàn Nhân Phổ Huệ Đế Quân, Hưng Hành Diệu Đạo Thiên Tôn, Hưng Long Đại Đạo Hộ Quốc Tế Dân Huyền Nguyên Quảng Pháp Thiên Tôn.

Bửu pháp của Ngài là Thư Hùng Kiếp, có khả năng trừ tà đuổi quỷ, tay trái cầm phát trần. Tương truyền, Ngài có pháp thuật cao cường nổi tiếng trong Đạo Giáo nên được Ngài là Ngũ Ân Chủ hay Ngũ Văn Xương.

Có tích Ngài thăng thiên tại Hoàng Hạc Lâu [một trong “tứ đại danh lầu” nổi tiếng của Trung Hoa]. Đây là ngôi tháp cao, được xây dựng trên vực đá Hoàng Hạc của núi Xà Sơn bên bờ sông Dương Tử, thuộc thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc, và là nơi ưa thích hẹn gặp mặt tao đàn của văn nhân mặc khách thỏa chí tang bồng, đối ẩm thi thơ, thưởng ngoạn phong cảnh non nước, mây ngàn, bướm lượn, khói sương diễm lệ.

Có một tu sĩ đắc đạo thường cỡi hạc bay tới cảnh núi non hùng vĩ để nhìn ngắm cảnh thiên nhiên. Ông thường uống rượu nhưng không có tiền trả và nợ rất nhiều lần ông chủ bán rượu tên Tân. Ông bèn trả ơn bằng cách dùng vỏ cam biến thành con hạc làm trò vui cho khách. Cũng từ đó, ông chủ quán làm ăn khá lên. Một hôm, ông đến dùng ống sáo thổi và con hạc bay ra và ông và hạc bay lên trời. Để nhớ ơn, ông chủ quán rượu đặt tên là Hoàng Hạc Lâu. Ngày nay, nó được trùng tu theo kết hợp văn hóa tân tiến, trở thành một danh lam thu hút khách du lịch cạnh sông Dương Tử, thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hà Bắc, Trung Hoa.

Khi nhắc tích này, các thi nhân thường không bỏ qua bài thi của Lý Bạch đọc khi đến Hoàng Hạc Lâu và thấy thi

của Thôi Hiệu đã tạc đề. Bài thi của nhà thơ Lý Bạch như sau:

*“Hạc vàng ai cười đi đâu?
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bầy,
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*
[Bản dịch của nhà thơ Tản Đà]

Năm 1901, Ngài tái sanh lãnh phận sự xuống thế phục vụ chơn giáo Đức Chí Tôn với bửu pháp là Thư Hùng Kiếm và cây Phất Chủ. Ngoài vai trò một nhạc sĩ tài hoa, Ngài lại là nhà thơ tuyệt bút, những thủ pháp ngôn ngữ luôn được Ngài vận dụng. Với bút hiệu Thanh Thủy và Huệ Giác, Ngài sáng tác nhiều thi văn tuyệt phẩm khi tham gia các diễn đàn âm nhạc và thơ ca.

Năm 1925, Ngài cùng Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư tham gia cuộc dò thám thế giới vô hình bằng hình thức xây bàn. Đến khi nền đạo được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hiển lộ và mở cơ thiên phong đầu tiên năm 1926, Đức Ngài thọ Thiên Phong là Thượng Sanh, lo phần Thế.

“Thượng Sanh là cây cờ của Thế, tức là Đòi, ấy vậy Đòi nơi nào thì Thượng Sanh nơi đó, người có quyền xem xét kẻ hành đạo coi Thánh đức có đặc hơn tâm cùng chẳng, nhược bằng kẻ ấy thể Đạo không đủ tư cách thì người có quyền dâng sớ cầu xin thuyền bổ” [Trích PCT chú giải].

Lại nữa:

“Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, cầm thú hữu sanh, hơn loại hữu sanh, tức là chúng sanh. Trong chúng sanh có nguyên sanh, hóa sanh và quỷ sanh.

Tỷ như nguyên nhân là khi Khai Thiên rồi thì đã có chơn linh ấy, còn hóa nhân là chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị hơn loại, còn quỷ nhân là hai chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đọa đầy vào quỷ vị.

Trong các kiếp hữu sanh, duy có phẩm người là cao hơn hết, nên gọi là Thượng Sanh. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy đem các chơn linh dầu nguyên sanh, quỷ sanh hay hóa sanh lên phẩm vị hơn loại mới trọn câu Phổ Độ” [Pháp Chánh Truyền].

Từ ngày khai đạo mãi đến 1956, Ngài vẫn làm việc ngoài đời, chỉ thường về Tòa Thánh cùng Đức Hộ Pháp lo bàn phương sách đạo. Khi Đức Hộ Pháp lưu vong sang Campuchia, Đạo không người gánh vác, Hội Thánh mới yêu cầu Ngài về điều hành mới đạo. Kể từ đó, Ngài phé đời hành

đạo ngót gần 14 năm. Khoảng thời gian điều đình chỉnh đốn, bằng cái nghệ thuật tài hoa phi thường, Đạo Cao Đài chẳng những không phai nhạt mà còn tăng thêm sự tôn kính của người đời.

Về phần kiến trúc, Ngài đã xây dựng được Nhà Hội Thánh Ngoại Giáo, Đường Nhơn, Tàn Nhơn, Đầu Sư Đường, văn phòng Cơ Quan Phát Thanh Giáo Lý, văn phòng Ban Thế Đạo, Học Đường Bộ Nhạc...

Năm 1965, Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng cỡi hạc quy Tiên, Đức Thượng Sanh cho thi điệu. Chúng ta ai cũng biết, Đức Thượng Sanh là bậc tài đức vẹn toàn, khi giảng đạo, Đức Ngài sử dụng rất nhiều cách thức để lột tả chơn lý đạo, đặc trưng hơn khi Đức Ngài dạy về Nhơn Luân Chi Đạo của kiếp sanh con người phù hợp bởi Đức Ngài chương quản chi Thế.

Thi:

*Phục vụ nhơn sanh phận dải dầu,
Chơn Quân Tiếp Pháp có còn đâu?
Non xưa Động Thánh người qui vị,
Đài cũ Hiệp Thiên cảnh để sầu.
Kiệt sức thân tàn vì nợ Đạo,
Nhã tư tâm vẹn trả ơn dầu.
Rừng tòng hạc lánh đêm buồn nhớ,
Roi lệ vắng nghe tiếng trống lầu.*

Cao Thượng Sanh

Văn đàn thi thơ do Đức Ngài điều phối, chấn chỉnh, truyền thụ, khuyến dạy theo ủy thác của Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp vì Lễ Nhạc là hai phần tối quan trọng trong nghi lễ Cao Đài. Đức Ngài được tôn vinh vào hàng tổ về âm nhạc cổ truyền, đàn kỳ. Cho nên trách nhiệm bảo tồn quốc hồn quốc túy trong cửa Đạo nơi bàn tay Đức Ngài.

Sau những năm tháng miệt mài trong phận sự tôi tớ cho Đức Chí Tôn, thân Ngài cũng tàn lụi theo luật vô thường, theo qui tắc Thành, Trụ, Hoại, Diệt; Đức Ngài lâm bệnh và dưỡng tại Sài Gòn. Đến lúc 20 giờ 20 phút ngày 27-3 Tân Hợi [1971], Đức Ngài bỏ thể xác, bái mạng Ngọc Hư Cung. Một lễ thánh tang nữa diễn ra trong cửa Đạo Cao Đài, toàn đạo trong mùi tang trắng, tiễn đưa thân xác Đức Ngài nhập bửu tháp trước Đền Thánh. Sau đó, Đức Ngài về cơ như sau:

“Chào mừng chư Chức sắc Thiên phong, chư Đạo hữu Nam Nữ. Bần đạo lấy làm vui sướng được thoát nơi trần lụy. Cái kiếp phù sanh của con người chỉ có giải thoát được là quý hơn hết. Hôm nay, Bần đạo đến để thỏa mãn sự yêu cầu của quý vị. Bần đạo không có điều gì hay hơn là bài thi đã cho lúc Bần đạo tái thủ phận sự, nhưng xin sửa lại hai câu đầu như vậy:

*Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tấm trung kiên.*

*Kỳ dư đều để y như cũ. Bần đạo còn rất nhiều Đạo sự
không tiện ở lâu. Xin kiếu. Thăng"*

Nên bài thái hiền lễ trọn vẹn của Ngài là:

*“Từ lúc đưa tay nắm Đạo quyền,
Nguyện đem thi thố tấm trung kiên.
Độ đời quyết lánh vòng danh lợi,
Trau chí tìm noi bậc Thánh Hiền.
Từ ái làm nền an thổ võ,
Đức ân dụng phép tạo nhơn duyên.
Những mong huệ trạch trên nhuần gội,
Sứ mạng làm xong giữ trọn nguyên”*

Ngày nay, chúng ta có thể nhìn thấy trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh, Đức Thượng Sanh được tạc tượng thờ bên tay trái Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Toàn đạo có thể chiêm ngưỡng Tam Vị khai đạo trong đại phục châu lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

135. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM

Đức Cao Thượng Phẩm nắm chi Đạo, là một trong những Ngự Mã Thiên Quân xuống thế và xa thế tục để phục

vụ cơ nghiệp Đại Đạo đầu tiên hơn ai hết. Vốn vẹn chưa đầy ba năm tròn, Đức Ngài đã triều thiên bá mạng, thực hiện thiên chức, rước các đẳng chơn hồn về cõi thiêng liêng. Hồi tưởng lại, công cuộc gây dựng nền đạo và chịu cay đắng của Đức Ngài, cả toàn thể tín đồ phải ngậm ngùi thương kính. Vết thời gian qua đi, bóng dáng của Ngài vẫn hằng tồn tại trong khối đức tin vô hạn của toàn thể chư tín hữu Cao Đài.

Thế danh là Cao Quỳnh Cư, làm nghề thợ ký thời kỳ Pháp thuộc, thân phụ Ngài là cụ Cao Quỳnh Tuân làm cai tổng Hàm Ninh Thượng, tỉnh Tây Ninh và mất khi Ngài Cao Quỳnh Cư lên 10 tuổi. Cơ bút của Đức Chí Tôn cho biết, cụ Tuân là chơn linh của Xuất Bộ Tinh Quân cõi thượng giới. Thân mẫu Ngài là bà Trần Thị Huệ, đặc phong Nữ Giáo Sư năm 1927 do cơ phong thánh đầu tiên của Đức Chí Tôn. Anh của Ngài là Cao Quỳnh Diêu, đặc phong Tiếp Lễ Nhạc Quân năm 1927, sau đặc phong Bảo Văn Pháp Quân năm 1929. Bạn đời của Ngài thế danh là Nguyễn Thị Hiếu cũng đặc phong nữ Giáo Sư trong cơ phong thánh đầu tiên, năm 1968 bà được đặc phong nữ Đầu Sư. Con duy nhất của Đức Ngài là Cao Hoài An du học bên Pháp và mất.

Đức Ngài mang tâm trạng của người ái quốc, thương dân tộc, giống nòi như Ngài Phạm Công Tắc nên thường đàm luận, hàn huyên thế sự trong nỗi niềm chung chia. Sự hội ngộ và đồng tư tưởng không phải là sự ngẫu nhiên mà thiên cơ đã định sẵn. Ngày 25/07/1925, hai Ngài đến nhà Ngài Cao Hoài Sang để bàn chuyện xây bàn, tiếp diện với

mặt vô hình. Việc thử nghiệm ban đầu còn rất nhiều khó khăn vì cách sử dụng của ba Ngài chưa quen, lại thêm thuở đầu có nhiều vong vô hình viết nhiều tiếng khác nhau. Việc xây bàn vốn rất vất vả nhưng không làm ba Ngài thối chí nản lòng.

Ngày 25/07/1925, Đức Cao Quỳnh Cư mang đầy cảm xúc bùi ngùi khi thi diễn cho và ký hiệu là Cao Quỳnh Tuân (thân sinh của Ngài):

*“Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng người.
Tổn mến lời khuyên bền mộ chếp,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thánh thai.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời”.*

Việc xây bàn càng ngày có tiến triển và nhanh lẹ, ba Ngài dần dà cố đeo đuổi việc phú vịnh với thể giới vô hình cùng các vị Tiên Cô. Chưa đầy ba tháng, Đức Cao Quỳnh Cư cùng hai Vị vọng thiên cầu đạo tại Sài Gòn theo lệnh của Đức Phật Mẫu. Việc vọng thiên cầu đạo ngoài sân cùng chín cây nhang cho đến tàn làm cho đường phố nhộn nhịp vì người ta hiếu kỳ không biết ba Ngài đang làm gì, cúng vái ai.

Sau đó, nhóm ba Ngài chuyển sang cầu cơ. Ngày 31/12/1925, Đấng A, Ẫ, Ậ [tức là Đức Cao Đài Thượng Đế] cho ba Ngài một đoạn:

“...Hạ ngưng tận diệt, Thầy sai Thần Thánh, Tiên Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đũa giỗ với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh”.

*“Cứ nín theo phan Đức Thượng Hoàng,
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,
Vịn lấy nhành dương hưởng đạo nhân”*

Ngày 24-12-1925, Bà Thất Nương giảng cơ truyền dạy phải chỉnh đàn nghiêm trang, sắm đủ hoa, tửu, rượu quả để tiếp giá. Đức Chí Tôn chính thức tiết lộ danh phận thiệt của đấng A, Ẫ, Ậ:

**“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.**

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây. Ta rất vui lòng mà đặng thấy chư đệ tử kính mến Ta như vậy.

Nhà này sẽ đầy ơn Ta. Giờ ngày gần đến, đợi linh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”

Đấng Thượng Đế còn phán rằng:

“Bấy lâu Thầy vẫn tá danh A Ắ Á là cốt để dìu dắt các con vào đường đạo đức, hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp Thầy mà Khai Đạo.

Các con có thấy Thầy khiêm nhượng là dường nào chưa?

Các con nên bắt chước Thầy trong mấy mún thì mới xứng đáng là người đạo đức.”

Về cuộc thiên phong đối với ba vị đức đầu nền Đại Đạo, ngày 14/15-3-Bính Dần [dl 25/26-4-1926], Đức Chí Tôn phong Ngài Cao Quỳnh Cư là Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ. Ngày 18-5-Bính Dần [dl 27-6-1926], Đức Chí Tôn dạy cách tổ chức Lễ cúng Đại Đàn, xếp đặt vị trí đứng cho ba Ngài: Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang. Tuy Đức Chí Tôn không nói phong chức, nhưng với việc sắp đặt ba vị trí này, Đức Chí Tôn đã phong ba ông vào ba chức vụ: Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh của Hiệp Thiên Đài.

Mãi đến ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần, Đức Cao Quỳnh Cư chính thức vào hang ngũ Thượng Phẩm cùng Phạm Hộ Pháp, Thượng Sanh Cao Hoài Sanh bận thiên phục châu lễ Đức Chí Tôn tại thánh thất Từ Lâm Tự, khởi dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhằm công chánh, ngôn thuận, thực hiện sứ mạng phổ độ do lệnh Đức Chí Tôn, tờ khai tịch đạo được đưa lên thống đốc Nam Kỳ. Tiếp đến, Đạo tổ chức lễ khai đạo tại chùa Gò Kén hay Từ Lâm Tự do Hòa Thượng Như Nhãn [sau đắc phong Thái Chương Pháp].

Đức Thượng Phẩm đã nhọc nhằn theo lời dạy Đức Lý tìm mua đất dời chùa. Khi đồng đạo Phật Tử dời chùa Gò Kén, Đức Cao Thượng Phẩm và bà Đầu Sư Hương Hiếu đã hết lòng nhọc nhằn đưa tượng Đức Thích Ca về đất thánh bây giờ mất khoảng 09 tiếng đồng hồ. Kế đến Đức Ngài ra công xây Tòa Thánh, xây các cơ quan Đông Lang, Tây Lang, trường học đạo, kiến thiết, tổ chức Đạo cho ra hình tướng dù bị Pháp tình nghi làm chính trị, gọi Đức Ngài ra Tòa mỗi ngày.

Cuộc đời của Ngài sớm hy sinh vì đạo, tạo dựng hình thể sơ khai đầu tiên không được đền đáp bằng những chuỗi ngày tháng tươi đẹp. Năm 1929, nhóm ông Nguyễn Phát Trước cho Ngài và bà Hương Hiếu làm tiền chư tín hữu, cáo buộc Đức Ngài đủ điều và lệnh Ngài phải ra khỏi Tòa Thánh trong vòng 24 tiếng. Bằng chẳng vậy, sẽ bị lôi ra rừng cột và bắn chết.

“Đức Cao Thượng Phẩm bị một trận khảo đảo khá dữ dội là: Có một nhóm người thiếu thương yêu (nhóm ông Tư Mất) gieo ác cảm, hội nhau dưới Thủ Đức, nước lũ khuấy nên hồ, họ đồng lòng về Tòa Thánh đuổi Đức Cao Thượng Phẩm, kỳ 24 giờ phải ra khỏi Tòa Thánh, nếu không thì bắt cột trong rừng bần.

Làm Đạo lúc phơi thai, rất khổ sở trăm bề, có kẻ nghịch rình mò, âm mưu với nhau hợp lại, xúi giục gây rối làm loạn. Họ đồng lòng với nhau đuổi hai vợ chồng thầy Tư (tức Cư và Hiếu) ra khỏi Tòa Thánh.

Buồn cười.... Tuông đòi lạnh nhạt. Thôi! Họ dữ quá! [Trích Đạo Sử của bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Con tể vật của Đức Chí Tôn phải thâm sâu, bi lụy nhìn cội Toà Thánh mà rời chân về Thảo Xá Hiền Cung. Sự khảo đảo uất hận làm Ngài lâm ngọa bệnh, sức khỏe càng kém dần. Lúc 11 giờ, ngày 01 tháng 03-Kỷ Ty, Đức Ngài mời Đức Hộ Pháp, Bảo Văn Pháp Quân cùng một số vị Chức sắc mà trời với Đức Hộ Pháp rằng:

“Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với chư chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự”.

Khi tỏ bày xong, hai hàng nước mắt đổ tuông, nhắm mắt lặng lẽ ra đi nhẹ nhàng. Ngươn Linh của Đức Ngài nằm trong Bát Tiên tức là Hồn Chung Ly, cầm bửu pháp vạn năng Long Tu Phiến với chức năng vận chuyển càn khôn vũ trụ, sanh ra do điện đào độn. Nó có thể thu điện khí. Đức Cao Thượng Phẩm mất, toàn Đạo để thánh tang. Từ đó, cơ Phong Thánh đã gãy đứt. Âu cũng là do thiên điều định phán cơ Đạo đến hồi phải vậy. Về sự triều thiên của Đức Ngài, Đức Chí Tôn cho biết:

“Thầy đã nói rõ: Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng hại thay, vì biếng nhác, các con không đọc Thánh ngôn của Thầy mà kiếm hiểu”.

Tổng luận, Đức Cao Thượng Phẩm xuống thế phục mạng lệnh cầm chi Đạo thuộc cơ Quan Hiệp Thiên Đài. Ngài là người đầu tiên xuất sãi, làm bàn tay Thánh Thể cho Đức Chí Tôn trong thưở khai nguyên Đại Đạo. Nhà Ngài là nơi tiếp nhiều điển cơ và Thánh Giáo. Bao cuộc thăng trầm, khí chất và lòng chân thành của một vị môn sinh vẫn một mực trung thành đáo dể với Thầy Đức Chí Tôn. Ngày nay, chúng ta vẫn hướng về đức tin nơi Bửu Tháp cùng Thánh Tượng Ngài trong Tòa Thánh để cùng cầu nguyện Đức Ngài ban hồng ân cho tâm thành, đủ đức tin phụng sự cơ Đạo Pháp của Đức Chí Tôn.

136. TÀNG THỨC HAY CHƠN THẦN

Tàng thức là một danh từ được sử dụng nhiều nhất trong Phật Giáo, ám chỉ hình thái tồn tại của tâm thức, là một thức căn bản. Có nhiều tên gọi khác nhau phụ tùy vào công năng của nó như năng tàng, sở tàng, ngã ái chấp tàng, nhứt thiết chủng thức. Đạo Cao Đài gọi đó là chơn thần, tức là đệ nhị xác thân của con người.

Đức Chí Tôn dạy:

“Chơn thần là nhị xác thân, là xác thân thiêng-liêng”
[TNHT Q.1 trang 6].

Đức Phật Mẫu biến tạo ra chơn thần huyền diệu, bất tiêu, bất biến vì chơn thần có sự mạng điều độ đệ nhất xác thất và kết thông với chơn linh để đoạt cơ giải thoát.

Chơn thần là tàng thức ghi nhận chuỗi diễn biến từ khi sinh ra cho đến khi thoát xác như cái máy thu âm hình trong muôn ngàn kiếp. Tất cả mọi hành tàng của con người đều được ghi nhận một cách huyền diệu. Máy vật chất có thể rỉ sét, rồi đĩa, đứng hình và tiêu hủy trong thời gian nhất định nào đó, còn cái máy thiêng liêng kia thuộc về Pháp vận hành, điều đình cả guồng máy Tạo Đoan. Cho nên, dù hành tàng con người trong vô lượng kiếp, trong bóng tối, trong neo khuất nào đó thì Trời đều biết đặng.

Cổ nhân có câu:

“Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu” [Tạm dịch: Lưới Trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt].

Hay:

“Nhơn tâm sanh nhất niệm, thiên địa tất giai tri” [Tạm dịch: Con người khởi một ý niệm, trời đất đều hay biết].

Vả chẳng, chơn thần là một “*pháp tri*” của luật pháp thiêng liêng?

Trong lịch sử con người, khi luận chứng về tàng thức, các Thánh Hiền cũng xác tín rằng khi có cái gì đó gọi là “ta” [ngã] thì có các sự vật, hiện tượng khác tạm gọi là Pháp.

Nếu soi diện theo triết lý Cao Đài, ta tạm nhận định như sau: Tam bửu con người gồm Tinh-Khí-Thần tương ứng với Phật-Pháp-Tăng. Tàng thức tức chơn thần thuộc về Pháp, Thần tức Chơn Linh thuộc Phật. Cho nên, Pháp trên kia được sử dụng như một quy luật tương tác, sinh biến, chi phối trong guồng máy thiên nhiên của Tạo Hoá. Còn Pháp [Chơn thần] phần ngã của con người chi phối cái hành tàng sống của đệ nhất xác thân.

Dù phân biện theo góc độ nào, Phật Giáo gọi tàng thức là A-lại-da-thức ghi nhận, chứa đựng, bảo tồn những chứng nghiệm toàn bộ ý niệm, hành vi của con người trong vô lượng kiếp mà Cao Đài gọi là Chơn Thần, tức là Thần Công Lý, là phương tiện kết thông cùng cả chơn linh huyền diệu, làm rung động cả cơ quan điều hành vô vi.

Dưới góc độ Cao Đài giáo, Chơn Thần là Nhị Xác Thân, xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu dùng ngưng khí tạo thành, thuộc khí chất bán hữu hình, có thể nhìn thấy được và cũng có thể không thể nhìn thấy được, khi ra khỏi nhục thể, chơn thần lấy khuôn rập của thể xác. Sứ mạng của chơn thần buộc phải tinh tấn, dẫn độ thể xác tu hành, từng pháp điều thiên nhiên. Do sự trọng trực của nhục xác, chơn thần không thể xuất ra khỏi, trừ những bậc chơn tu đặc pháp thoát đạo. Cho nên, chơn thần buộc phải giục tấn trên trường thi tấn hóa của cơ tạo đoan mà thoát diệu pháp. Đức Chí Tôn dạy:

“Cái chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch, mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi càn khôn đặng”.

Kinh cúng có câu:

*“Chịu ô trước Chơn thần nặng trĩu,
Mảnh hình hài biếng hiểu lương tâm,
(Kinh Tận Độ)*

Chơn thần là một hồn sống linh diệu trong tam thể xác thân của con người. Người đoạt đạo có huệ nhãn thì có thể thấy sự sinh tồn của đệ nhị xác thân, lại là tinh ba của vật chất khí biến thành, tức là một thể do hậu thiên khí kết thành.

“Bởi mang xác thịt mắt phàm không thể thấy, chớ nếu có huệ nhãn thì thấy trong cái xác của người có ba thể: Thể thứ nhất là xác hài, thuộc vật chất khí biến sanh; thể thứ nhì là chơn thần do tinh ba của vật chất khí mà sản xuất, từ phẩm Địa Thần đến Thiên Thần; thể thứ ba là nguơn khí do chơn linh mà có, từ bực Thánh đở lên” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1].

Chơn linh có từ Tiên Thiên Khí, chơn thần có từ Hậu Thiên Khí, thể xác có từ vật chất khí. Theo tín ngưỡng dân gian, chơn thần thường gọi là phách hay vía. Thể này mang trọng trách giục tấn đạt phép vĩnh sanh, đi mãi không cùng tận. Khi hai thể chơn thần và chơn linh hiệp một, tức là đạt bí pháp thiêng liêng.

“Nơi Diêu Trì Cung, Phật Mẫu trụ sanh quang lại thành một khối gọi là quả đào tiên, đủ phép sống vĩnh viễn trường tồn nơi cõi Hư linh. Phật Mẫu cầm quyền phép hườn chơn thần cho ta đạt kiếp nơi cửa Hư Linh” [Thuyết Đạo của ĐHP giảng về câu kinh “Chưởng đào tiên thủ giải trường tồn”].

Hai năng lực Âm Dương, tức là Chơn Chần và Chơn Linh luôn đồng đẳng. Hễ chơn linh cao trọng thì chơn thần cao trọng, cùng tấn mãi trên con đường thánh đức. Khi đạt diệu pháp, cả Ngọc Hư Cung cũng chẳng thể định phận sự tấn hóa của hai năng lực đó.

“Chơn thần cũng tấn bộ như chơn linh. Mỗi cá nhân đều có hai năng lực ấy có đủ quyền năng đào tạo ra hình hài xác thịt của ta. Một chơn linh cao trọng tự nhiên có một chơn thần cao trọng, bởi cả hai vẫn đi đôi đồng đường với nhau, cùng tấn triển trong con đường Thánh đức của Chí Tôn, cả hai có liên quan mật thiết, nên hễ chừng nào đạt pháp đăng có đủ quyền năng định vận mạng, nghĩa là nó đã tấn tới đúng mức rồi, dầu quyền của Ngọc Hư Cung cũng không còn lãnh hội nó nữa, quyền tự chủ đã đạt đăng như các cơ quan hiển vi tấn triển tới mục đích tới giới định hiển nhiên ta thấy nơi mặt thể đây vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

Đức Cao Thượng Phẩm dạy:

“Đệ-Nhị xác thân mà chúng ta thường gọi cái vía, tức là bản-năng của chúng ta đó. Bản-năng ấy là Chơn-Thần, mà chủ của nó tức nhiên là Phật-Mẫu. Chơn-Thần là một thể vô hình bất tiêu, bất diệt, luôn luôn tiến-hóa hay ngưng trệ, do mỗi lần tái kiếp được dày công hay đắc tội. Nói cho rõ hơn nữa, thì nó là lục-dục thất-tình đó. Vậy khi lục-dục thất-tình được điều-độ, là nhờ Đệ-Tam xác thân điều khiển nổi, bằng không, thì nó vì Đệ-Nhứt xác thân, tức là hình vật sai

biểu theo bản-chất của nó. Vậy Đệ-Nhị xác thân là hình bóng đi lập công, bồi đức. Thoảng như nó trọn nghe lời của Đệ-Tam xác thân thì được trọn lành mà về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, mà chúng ta gọi là đắc-quả. Còn nương theo thú chất hình vật là Đệ-Nhứt xác thân, là phải luân-hồi chuyển kiếp mãi mãi, chúng ta thường nói là bị đọa đày” [Luật Tam Thế, cơ bút do Đức Thượng Phẩm giảng cơ dạy đạo].

Ba bửu của Trời là Nhựt-Nguyệt-Tinh, ba bửu của đất là Thủy-Hỏa-Phong, ba bửu của con người là Tinh-Khí-Thần. Thần là chơn linh, là một chiết linh từ Ngôi Thái Cực biến hiện ra, chứa mọi quyền năng thương yêu, bảo trọng, tấn hóa tạo thành giềng bảo sanh, bác ái công bình tự tại trong càn khôn vũ trụ. Nói một cách khác, chơn linh do nơi khối thương yêu vô tận, sáng suốt vô biên, vô định, không di, không dịch đào tạo ra. Trong khi đó, chơn thần là Đấng Tạo Đuan Càn Khôn hữu vi biến tạo ra. Chơn thần có trách nhiệm bảo sanh thể xác, từng cơ đòi để tiến thẳng cho trọn chơn khiết.

Tàng thức tức là chơn thần, ghi nhận mọi dữ kiện trong vô lượng kiếp như máy thu âm, máy ghi hình huyền diệu, bất tiêu bất biến, làm phận sự giáo hóa đệ nhất xác thân từng luật thượng yêu, quyền công chánh. Nếu chịu thúc phược theo hình hài thú chất, thất tình lục dục cám dỗ, nghịch lại luật tấn hóa thiên nhiên, chơn thần phải chịu hình phạt chuyển kiếp trả quả đã vay tạo. Nếu nghe lời giáo huấn của

đệ tam xác thân thì trọn tinh khiết mà hiệp cùng điển quan chơn linh, tinh thông vạn vật, đoạt sự màu nhiệm máy tạo.

137. HỒI CỔ TIỀN NHÂN ĐỨC LÊ VĂN TRUNG

Ngài Lê Văn Trung vốn được Đức Chí Tôn khai ngộ và thiên phong làm Đầu Sư phái Thượng. Sau lại được Đức Lý Giáo Tông vô vi ban phẩm Giáo Tông phần hữu hình, tức là Quyền Giáo Tông. Ngài được tạc tượng bên phải mặt tiền Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh để chúng sanh hậu bối chiêm ngưỡng và tưởng nhớ. Công lao của Ngài thế nào mà khi Ngài qui Thiên, toàn Đạo phải thọ tang và ai điếu, tiếc thương một người tận tụy, trọng hệ với nền đạo đến đổi Đức Hộ Pháp nói: *“Bản Đạo quả quyết nói với bằng chứng hiển nhiên là bạn đồng thuyền, Bản Đạo biết rõ giá trị của Thượng Trung Nhứt là đường nào”*? Chúng ta thử hồi nhớ đôi chút về Đức Ngài.

Tưởng cũng nên nhắc đôi nét về phần đời của Đức Ngài. Ngài Lê Văn Trung thuở thiếu thời là một học sinh tỏ ra lịch lãm, học giỏi, thông minh, đỉnh ngộ. Tuy vậy, thân phụ qua đời khi Ngài chỉ tròn vài tháng tuổi. Lớn lên trong sự yêu thương của thân mẫu, Ngài vẫn đi trên con đường học vấn cho đến Trung Học, ra làm thư ký. Cuộc sống gò bó làm Ngài không hài lòng, kể từ đó Ngài bước chân ra thương trường kinh doanh rồi thành tựu như ý.

Khoảng năm 1906, Ngài ra tranh cử Hội Đồng Quản Hạt rồi đắc cử vẻ vang. Do chính sách hà khắc của Pháp, Ngài cùng một số người Việt phản đối cho đến đổi từ chức để chống đến cùng sự hiếp đáp người dân Việt cùng cực trong vấn đề thuế đánh vào nhân dân. Điều này chứng tỏ Ngài có lòng bác ái sâu đậm, quan tâm nỗi khổ của đồng bào, quê hương, luôn nghĩ cho sự lợi ích nhân dân, bảo vệ nhân dân khỏi sự áp chế của Pháp.

Tiếp theo, Ngài lại ra ứng cử và tái đắc cử, được Pháp ban tặng Đề Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, đưa vào hội đồng tư vấn toàn quyền Đông Dương. Tiếng tăm lừng danh của Ngài thời bấy giờ ai ai cũng biết cả tài lẫn đức, nhân dân càng cảm phục, ca ngợi ghi danh sử sách đối với công danh ngoài chính trường lẫn tình thương hoài cảm đối với đồng bào dân tộc.

Ngài lại cùng một số nhà trí thức lo khai mở trường nữ học đường năm 1911. Văn hóa tinh thần phong tục của Việt Nam thuở ấy luôn luôn trọng nam khinh nữ, tư tưởng cổ lệ “*khuê môn bất xuất*” là rào cản vô cùng to lớn trong hành trình khai mở trường. Dù công cuộc dù bị phản kháng nhưng ngôi trường nữ học cũng ra đời và đào tạo ra nhiều anh tài nữ nhi cho đất nước. Đó là trường Nữ Gia Long ở đường Phan Thanh Giản xưa kia.

Về phần Đạo, còn đường đến với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không phải là ngẫu nhiên mà là có lớp lang, thiên ý

thực hành, xoay chuyển để Ngài trọn tin vào chơn pháp Đức Chí Tôn mà thi hành phận sự cho đến ngày cõi hạc quy tiên.

Giai đoạn khoảng 1920, Ngài có tham gia một vài đàn cơ tại chi Minh Lý, một trong Ngũ Chi Phật Giáo và được Đức Lý Đại Tiên khuyên giảng Ngài đi tu. Kể từ đó, công việc kinh doanh mua bán của Ngài trở nên xuống dốc và suy bại chính thức năm 1924.

Dù e dè phẩm cao, chức trọng, nhưng Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm vì vâng lệnh Đức Chí Tôn nên đến độ Ngài vào ngày 18 tháng 01 năm 1926. Đức Chí Tôn phán truyền:

“Trung nhưt tâm nghe con! Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đoạ cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng mắt của con mà suy lấy.

*Một Trời một Đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng,
Đạo người vịn vể mới thành Tiên.”*

Với huyền diệu của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho Ngài biết, cảm, và làm sáng đôi mắt. Kể từ đó, mắt Ngài được sáng trở lại bình thường, niềm tin nơi chơn giáo của Đức Ngài đủ đầy mãnh liệt và đóng góp tích cực trong hàng

Thiên Phong Đầu Tiên trong tam phẩm “*Nhứt, Nguyệt, Tinh*” của phẩm Đầu Sư.

Ngày 25-04-1926, Ngài cùng Ngài Ngọc Lịch Nguyệt quỳ trước bùa Kim Quang Tiên hồng thệ:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thể Hoàng Thiên Hậu Thổ trước bửu pháp Ngũ Lôi rằng làm tròn Thiên Đạo và dìu dắt mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Đức Cao Đài Ngọc Đế. Nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định, chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tà đạo. Như ngày sau hữu tội thì thể Ngũ Lôi tru diệt”.

Còn lại thệ trước bàn thờ Hộ Pháp nếu phạm Thiên Điều thì bị tận đọa tam đồ bất năng thoát tục. Ngài được Thiên Phong Thượng Đầu Sư. Diễn tiến theo nền sử đạo, Ngài song hành cùng Đức Hộ Pháp trải qua bao nhiêu đoạn trường, chịu phong sương khổ dượt dù có ngậm đắng nuốt cay, miễn phụng sự cho đạo thì Ngài vẫn ung ung chịu đựng vì nghiệp đạo của Đức Chí Tôn chớ chưa hề biết than khổ, than mệt, một lòng tận tụy về nền chơn giáo của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Đầu tiên, Ngài hiệp cùng một số chức sắc soạn thảo bản khai tịch đạo xin chánh quyền Pháp trong buổi phôi thai. Mọi khó khăn dồn dập vì Pháp làm khó dễ, Ngài vẫn dám đương đầu cùng Pháp cho đến đổi truất bỏ danh phận danh

giá đòi, trả Bắc Đẩu Bội Tinh lại. Điều ấy, chí khí nồng nhiệt, hăng say, trọn đức tin chẳng hề phai nhạt cùng Đức Đại Từ Phụ. Ngài tham gia vụ việc “*cải án Cao Đài*”, chấn chỉnh và nhắc nhở việc thi hành nghi tiết lễ, nhắc nhở việc cầu cơ, sửa sang trật tự hành đạo cho ra tôn ti, trật tự, không cho in kinh sách có Thiên Nhân...

Đến năm 1930, Đức Lý Giáo Tông vô vi giảng cơ hiệp với Đức Phạm Hộ Pháp lập Nghị Định thứ hai, ban quyền Giáo Tông hữu hình cho Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung nắm giữ. Ngài trở thành Quyền Giáo Tông chịu thi hành trách nhiệm phần hữu vi:

“Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư thay mặt cho lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác còn phần thiêng liêng đã có Lão”.

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp cho biết Ngài là Lý Ngưng Vương xuống thế để gánh vác sứ mạng cho Đạo. Bỏ vinh quang đời, nhập đạo, chịu khổ sòng, uất ức để đem lại tinh thần và ánh sáng cho con cái Đức Chí Tôn chính là Đức Ngài. Chẳng phải yêu dân nồng nàn, thương bạn đồng sanh da diết chí thân thì hành tàng của Ngài chẳng phải như vậy.

“Cả thầy quốc dân đều phải cúi đầu vâng theo ý chí cao thượng ấy, không có một lưỡi gươm nào tiêu diệt được sự nghiệp của người” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2]

Đức Hộ Pháp hàng năm vẫn thuyết đạo nhân ngày vía đức Ngài và đề tạc:

“Ngày hôm nay là ngày Lễ Kỷ Niệm của Đức Quyền Giáo Tông là vị Chức Sắc cao trọng của chúng ta.... Luôn dịp Bần Đạo tổ cho toàn Hội Thánh tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn và toàn con cái của Ngài biết rằng: Người là một chơn linh cao trọng, mặc dầu hình thể đã mất, nhưng khối thiên lương ấy vẫn còn mãi mãi chẳng hề hư hủ bao giờ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1].

Hệ thống lại toàn bộ trong Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp về gương của Đức Ngài, chúng ta thấy thân danh Ngài đã bỏ trong 24 tiếng, trường chay cũng trong vòng 24 mà trở nên bàn tay thánh của Đức Chí Tôn, làm ngọn đuốc vinh diệu, trụ tạo toàn thể khối đức tin của Đức Chí Tôn. Không một ai có thể phủ nhận thánh ân của Ngài tại mặt thể trong cửa Đạo, là ơn đệ nhất của Thánh Thể Đức Chí Tôn. Tất cả phú quý hữu hình được đánh đổi bằng chiếc áo nâu khó nhọc, gánh vác nghiệp đạo của cả Cửu Trùng Đài. Thử hỏi, ai làm được chăng?

Đức Ngài đã để lại cho nền đạo một quyển sách quý là Phương Châm Hành Đạo, chỉ dạy từ Chức Sắc cho đến tín đồ thực hiện vẹn vẻ hạnh người tu cho ra chí chơn, chí mỹ. Trong đó, Ngài còn dạy nhơn luân rành mạch.

Rồi đây, sử Đạo sẽ nêu rõ gương hạnh của một anh kiệt yêu nước, thương dân, đoái tình đến những dân đen, không phân sang hèn, không phân tầng lớp xã hội, một Chức Sắc đã rũ bỏ thế trần sang cửa Đạo trong tí tấc, trọn phận sự và trở gót thiên triều về cảnh cũ, ngôi xưa. Ngài đã là người của khiêm nhường, nhẫn nại, thuận hòa, kiên tâm, thanh liêm xứng danh một bậc đức đầu của hàng lãnh đạo hành chánh Cửu Trùng Đài.

Ngày 19 tháng 11 năm 1934, sau nhiều biến cố, nền Đạo Cao Đài phải thọ tang Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. Qua nhiều tháng trầm, Đức Ngài đã trở bệnh mà không thuốc thang gì chữa khỏi và đăng tiên lúc 3 giờ chiều ngày 13-10-Bính Tý. Đạo đã vĩnh viễn mất đi một vị chức sắc Đại Thiên Phong trung can, hết lòng từng chơn pháp Đức Chí Tôn, thực hành tôn chỉ yêu thương, thuyết phổ độ của nền Chánh Giáo Đức Chí Tôn.

*“Càn khôn quen thú phước linh tiêu,
Thấy khổ trần gian nghịch Thánh điều.
Mượn xác phàm riêu cây phát chủ
Nương cơ tạo xử phước tiêu diêu.
Bầu linh khổ ải đưa thiêu cạn,
Gậy sắt nhọn sanh chóng dất diu
Muôn dặm cửa Tiên chờ bước tục,
Cõi lau trở gót ruột trăm chiều”
[Bài thài hiến lễ Đức Ngài]*

Đức Ngài là một trong mười hai môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn, thực hiện đại công khai mở, truyền bá nền đạo. Công lao to lớn ấy được Hội Thánh ghi nhận bằng cách đặt tên trường trung học là Lê Văn Trung. Con đường cạnh Giáo Tông Đường trong nội ô Tòa Thánh cũng được Hội Thánh đặt tên là đường Thượng Trung Nhựt. Tiên nhân đã khuất bóng, trở gót triều thiên, nhưng toàn đạo vẫn tạc dạ kính thương Đức Ngài đã một lòng son sắc thực hiện mở nền chơn giáo và bảo tồn chánh thể cho đến hơi thở cuối cùng, làm tròn phận sự đối với Đức Chí Tôn.

138. HỘ PHÁP CHUỖNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI

Khi còn nhỏ, Ngài Phạm Công Tắc đã bộc lộ thiên tánh khác thường. Lớn lên ra đời, Ngài thương sanh ái truat cho những thân phận bần hàn. Dù nghèo với đời sống công chức, Ngài lấy tiền cá nhân để giải phóng cho những cô gái bán hoa. Về chơn tánh, Ngài dường như đã tiếp xúc hấp thụ cả ba nền Tam Giáo mà đó là nguyên nhân sau này Ngài trở thành bàn tay Thánh Thể của Đức Chí Tôn, gây dựng nền tôn giáo Cao Đài.

Thuở còn đi học, Ngài đi chùa Chàm Hồi Giáo, lại đến nhà thờ làm lễ rửa tội theo bí tích Ki Tô Giáo. Ngài lại học chữ Nho, thường thi đàm, tiêu dao tự tại nhưng cũng đầy ẩn khuất tâm hồn trắc ẩn của người con đất Việt.

Vì thời cuộc ly loạn trong khi Ngài lại là người biết thương dân, yêu nước nên dù có làm công chức, Ngài cũng

không lấy làm vui mà thường họp hội tổ chức xây bàn, tìm đến Tiên thi mà giải khuây, thỏa chí tan bồng. Năm 1925 Ngài được Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương dẫn lối đưa đường, kể từ đó nền móng Cao Đài giáo được khai sáng.

Ngoảnh lại, ai cũng biết trọng trách Ngài xuống thế để khai thể pháp, cầm bí pháp giải thoát cho các đẳng chúng sanh theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn. Có thể nói Đức Hộ Pháp, Đức Ngô Minh Chiêu, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung là ba môn sinh thọ pháp huyền linh đầu tiên do chính Đức Chí Tôn ban. Nhưng, ông Phạm Công Tắc là một môn sinh duy nhất được thiên phong lạ thường, bằng cách trực chơn thần ông Phạm Công Tắc và cho giảng linh Hộ Pháp tức là ngự thể.

Đức Chí Tôn dạy:

“Hộ-Pháp hằng đứng nơi Vi-Hộ mà gìn giữ chơn-linh các con khi luyện đạo, đặng hiệp Tinh với Khí, rồi Khí với Thần, đến Chơn-Thần hiệp làm một mà siêu phàm nhập Thánh”.

Tại Trí Huệ Cung, Đức Phật Mẫu lại ban thánh thi:

*“Hễ làm mẹ quyền hành dạy trẻ,
Con đừng lo mạng thể thi phàm.
Huyền-Linh mẹ chịu phần cam,
Ban cho con trẻ vẹn toàn pháp môn”.*

Do vậy, bí pháp đức Ngài cầm với bửu pháp Kim Tiên mang diệu dụng xoay chuyển điện lực để khai khiếu cho Chơn Thần chúng sanh. Ngài đã nắm Pháp tức là chương quản cơ quan Hiệp Thiên Đài.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên, Đức Hộ Pháp được đề cử nắm Cửu Trùng Đài thông qua Hội Nhơn Sanh biểu quyết và được Hội Thánh chấp thuận. Căn cứ trên thi văn khoán thủ của Đức Lý Đại Tiên cho, xác định Đức Phạm Hộ Pháp nắm quyền nhị đài để điều dắt mối đạo, bảo tồn chơn pháp:

*“Hộ giá Chí Tôn trước tới giờ,
Pháp luân thường chuyển mấy Thiên cơ.
Chương quyền Cực Lạc phân ngôi vị,
Quản xuất Càn Khôn định cõi bờ.
Nhị kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
Hữu duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
Hình hài Thánh Thể chừ nên tướng,
Đài trọng hồng ân gắng cày nhờ.”*

Lục Nương Diêu Trì Cung lại về tiên cơ cho biết:

“Em chào mấy anh. Em đương ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đương ngưỡng nghĩa nên vội vã đến hầu. Khi mời này em đặng tin lành: Ngọc Hư lo chuyển pháp. Cả Thiên thơ hủy phá, sửa cải pháp chơn

truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng xiết. Diêu Trì Tì Mẫu đẹp dạ không cùng”.

Sau đó nữa, Đức Lý Thái Bạch về cho Đức Hộ Pháp biết lý do trao quyền Cửu Trùng Đài cho Ngài nắm là vì lòng thương yêu vô tận, vô biên của Đức Đại Từ Bi, e sợ cái oai của Đức Lý trách phạt hành tàng còn phạm tánh của con cái Đức Chí Tôn. Giao cho Đức Phạm Hộ Pháp để Ngài gần gũi, cảm thương sầu đau của nhơn sanh, biết đau đớn của chúng sanh trong tình rộng dung. Đức Chí Tôn giảng dạy Đức Hộ Pháp có trách phận cầm phước chiêu hồn thì phải chậm chậm chờ đàn em sau còn đại ngại.

Đức Hộ Pháp lại thuyết:

“Bần Đạo đã gánh vác về thể pháp Cửu Trùng Đài, tạo nghiệp cho Đạo là làm giùm cho thiên hạ chớ không phải phận sự của Bần Đạo. Ngày nay là ngày vui mừng của Bần Đạo hơn hết, là Bần Đạo còn sức khỏe đầy đủ cảm Bí Pháp của Đức Chí Tôn đã giao phó, ấy là phận sự đặc biệt của Bần Đạo đó vậy”.

Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhĩ ực Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các bạn chí thân của Bần Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh” [Thuyết Đạo Q.3].

Đức Chí Tôn dạy:

“Tắc! Con nghe Thầy dặn, con ngày nay đã cảm sanh mạng của đạo nơi tay, con lại đủ quyền năng đạo đức với nghị lực tinh thần, con phải có dạ yêu thương những người vô duyên bạc phước... Con ráng lấy chút dạ từ bi chớ che đũa bịnh, ấy là con làm ơn riêng cho Thầy đó”.

Theo lẽ đó, do sự yêu ái, sự hạ mình cao cả làm vinh diệu Nước Thánh của Đức Hộ Pháp mà Ngài được Đức Chí Tôn giao phó trọng trách. Năm 1959 là năm Đạo phải đổ lụy tiền đưa Đức Ngài triều thiên. Trong khi đó, giới Thần Linh Học đã chứng nghiệm sự quy hồi của Ngài trong cõi vô hình. Bà nữ Đồng Tử Sarah chứng nghiệm và nghe thấy toàn bộ dữ kiện cùng toàn bộ tổ chức Thần Linh Học trên thế giới đều xác tín. Bà thuật lại những gì đã nghe trong tạp chí Pháp:

“Trong 4 màu hiệp lại thành một, con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả, làm một vị Giáo chủ tốt. Hộ Pháp Phạm công Tắc, con hãy trở về trong lòng Ta và góp giữ phần trong lời Thánh Huấn của Ta, tiếng nói của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế”.

139. NAM PHONG VÀ NHƠN PHONG

Đàn cơ năm 1947 do Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Pháp phò loan, Đức Chí Tôn về cho tiên cơ, trong đó có bài thất ngôn bát cú đường luật. Nổi bật có hai câu thơ:

*"Quốc đạo kim triều thành đại đạo
Nam phong thử nhứt biến nhơn phong"*

Theo nguồn sử liệu của chức sắc Bộ Pháp Chánh thuật lại, Đức Hộ Pháp đã mất 04 ngày liền thuyết giảng hai câu trên sau thời cúng tế. Như vậy, đề tài Nam Phong và Nhơn Phong chắc hẳn có điểm gì đặc biệt can hệ với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong sứ mạng thực thi Đại Đồng thế giới.

Đức Khổng Tử sinh ngày 27 tháng 8 năm 551 TCN, là một nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà triết học danh tiếng có sức ảnh hưởng rất rộng vì thế mà người đời xưng tụng là Vạn Thế Sư Biểu, nghĩa là *"thầy của muôn đời"*. Triết học tâm linh của Ngài đi từ Nhơn Đạo, vì thế sức ảnh hưởng về đường lối của Ngài đi vào đời sống nhân sinh như một tiêu chuẩn định lường, như thước đo đạo đức con người. Việt Nam cũng không ngoại lệ, đã tiếp đón nền Khổng Học và hoà vào phong hoá Việt, tạo nên bức tranh đạo sống động đánh kính ngưỡng.

Nước Việt Nam nghèo khổ vì trải qua nhiều thời kỳ đô hộ của ngoại bang nhưng tinh thần hấp thụ văn hoá tôn giáo rất cao. Từ những khuôn mực nguyên thủy đạo giáo bên ngoài, Tổ Phụ chúng ta đã hoà hướn chọn lọc sao cho phù hợp với văn hoá bản địa vốn đã chú trọng về tâm linh nguồn cội. Cho nên, văn hoá tâm linh Việt chứa đựng những bản thể mang tính phổ dụng hướng về một đời sống nhân sinh

phù hợp với cơ Tạo Đoan để thăng hoa trên con đường tâm linh.

Trên mọi sự phát triển tốt cùng của khoa học hiện đại, đưa con người đến khám phá bức màn vô hình, tìm sự sống nơi sao hỏa, cung trăng hay các định thuyết tối tân ...Mặt khác, tính chất nhân bản và đạo đức con người suy đồi, trở nên băng hoại, những tín lý tôn giáo cổ kim vẫn sùng sững nhưng không đủ sức kiềm thúc nhơn tâm theo tân kỳ nên Đức Chí Tôn mở trường thánh đức và cơ ân xá, chọn nước Việt Nam và để lấy nền phong hoá Việt làm tiêu chuẩn gây dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là đạo Cao Đài.

"Đại Đạo" mang hai nghĩa, vừa hữu hình vừa vô vi. Về thể gian tính, nền Tôn giáo Cao Đài quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, nghĩa là tiêu chuẩn của Tam Giáo và Ngũ Chi là cơ sở dục tấn của chúng sanh tại thế. Đó là khuôn luật thuộc về Pháp nên bất biến, con người có tấn hoá hay không cũng dựa vào đó để đo lường. Về vô vi tính, đó là cơ đại ân xá tận độ trong theo bánh xe pháp giới.

Con người do phạm tánh, vô minh, trượt chắt hồng trần mà thường ngộ nhận chân lý rồi dị biệt hơn thua, dựa vào sắc tướng tôn giáo thế gian rồi đi đến phân rẽ. Đức Chí Tôn phải luy đồ mà ban nền đại xá quy nạp tất cả tín ngưỡng trên mặt địa cầu để anh em biết nhìn nhau, biết nhìn Đấng Cha chung, biết cùng bốn nguyên nguồn cội để khỏi chia rẽ, cùng diu dắt thương yêu trở về quê xưa chốn cũ.

Nền phong hoá của Việt Nam đủ năng lực làm chuẩn thẳng cho nền phong hoá của quả địa cầu, nên Đức Chí Tôn đến Việt Nam và dựng cờ Đại Đạo nơi nước Việt Nam bé nhỏ. Chúng ta, những người con ưu tú Việt có quyền tự hào trên nét văn hoá đạo học, từ đó biết nâng mình lên địa vị xứng đáng như Đức Đại Từ Bi đã mong muốn, tức là đặt nền phong hoá Việt làm biến nhơn phong trên mặt địa cầu, để rồi Trống Lôi Âm, chuông Bạch Ngọc âm vang thức tỉnh chúng sanh trong thất ức niên.

Đạo Cao Đài trở thành Quốc Đạo và nền Đại Đạo cho toàn sanh chúng chung hưởng cơ thánh đức, lại dựng Nam Phong dịch biến thành Nhơn Phong. Người tín hữu Cao Đài cũng có lẽ tự đặt cho mình một trần trở đối với sứ mạng của Đạo Cao Đài đem lại cho hoàn vũ. Chơn Pháp của Đạo Cao Đài sẽ làm gì trước những vắn nạn đạo đức nhân tâm của người Việt Nam từng ngày bị băng hoại, vắn nạn môi sinh, nạn cướp bóc, ma túy, mại dâm hay những thực trạng đau lòng khác đang hằng diễn ra từng ngày? Mỗi người tín hữu phải làm gì trong sứ mạng chuyển hóa Nam Phong thành Nhơn Phong? Chúng ta phải làm gì trước thảm trạng chiến tranh sinh học, chiến tranh tôn giáo, sự ganh đua vũ trang của các nước cường liệt đang đe dọa mạng sống của toàn cầu? Hay chúng ta chỉ chờ một quyền năng mầu nhiệm nào đó xoay chuyển nhơn tâm, biến Nam Phong trở thành khuôn thước định đạo cho nhơn loại?

140. KỶ CƯƠNG PHÁP CHÁNH ĐẠI ĐẠO

Con người có những lẽ sống tự do nhưng tương liên nhau theo chiều thuận nghịch. Sống với vạn loại tức là sống với vật, sống với bản tâm tức nhiên là sống với Chí Linh Thiên Tánh theo trật tự ràng buộc, giục tấn trên lý lẽ thiên nhiên, thuận tòng pháp giới mà các nền đạo giáo cổ kim đã phô diễn.

Nếu sống với thánh tâm, buộc Chơn Thần phải tòng khuôn linh giục tấn bằng phương pháp phụng sự. Sống với bản tâm chơn như là tòng Phật, sống với khuôn linh là tòng Pháp, phụng sự chúng sanh là tòng Tăng. Tam Giáo xưa nay chưa hề rời xa ba ngôi Tam Bảo này vì đó là điều kiện cần và đủ của người hành giả suốt hành trình học hỏi cho tới liễu quán những giá trị mẫu nhiệm.

Trên ý hướng thực hiện sự tôn nghiêm Tam Quy Thường Bộ Pháp Giới này, có những chỗ sâu kín thâm lắng mà người hành giả nói chung, người Tín Đồ Cao Đài nói riêng, rất dễ có sự ngộ nhận mà lẽ ra không nên có, vì nó thuộc phạm trù Pháp Chánh Kỷ Cương của một tôn chỉ Đạo Giáo và chính người tín đồ đã chọn con đường, thực hiện lời thề nguyện trước Thiên Bàn Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Về nguồn gốc khai sinh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, phải kể đến nguyên cơ nào xuất hiện một nền tư tưởng,

một tổ chức chánh trị nội hàm, bao dung triết lý hướng lộ nhân sinh đến một thế giới đại đồng và thiên đạo giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn tu chí, gọi nhuần ơn hồng, tìm đến trường thánh đức tại thế trong một hoàn cảnh nhơn loại đối diện quá nhiều thử thách về chân lý, về nhân sinh quan và vũ trụ quan.

Chắc chắn rằng, để tính chất phụng thiên đạt đến sự sâu thẳm đức tin, đòi hỏi con người có đủ đức tin vào huyền diệu thiên điển hiển hiện qua ngòi tiên bút hữu hình. Những phương pháp thông công giữa con người và thế giới vô hình xuất hiện khá lâu trong nhơn loại, đó là Huyền Cơ, Cầu Cơ và Cháp Bút.

Với Việt Nam, phong trào cầu cơ trở nên thịnh hành và nở rộ vào những năm đầu thế kỷ XX trong tất cả các tầng lớp xã hội. Ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang là những công chức nhà nước, những người ưu thời, mẫn thế, tìm đến văn chương thi phú, vịnh ngâm, đối ẩm cùng các vị vô hình. Dần dần, ba Ngài được dẫn dắt để lập mối Đạo Trời với tên gọi chính thức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng pháp lý khai sinh năm Bính Dần-1926, gồm chữ ký của 247 vị với chính quyền đương thời.

Ngày Rằm-10-1926, lễ khai đạo được chính thức tổ chức tại chùa Gò Kén ra mắt cùng toàn thể các các tôn giáo bạn.

Về chánh thể Đại Đạo Tam Kỳ, đó là một Hội Thánh lưỡng đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng hiệp một, làm Thánh Thể Đức Cao Đài Thượng Đế, thực hiện sứ mạng phó thác Đức Ngài giao phó là Phổ Độ chúng sanh. Mọi hoạt động sinh hoạt tu hành đều dựa vào những nguyên tắc lập giáo mà người hữu hình lập, dâng lên quyền năng Bát Quái Đài phê chuẩn, y hành. Quyền Hộ Pháp và quyền Giáo Tông hiệp nhứt là quyền hành Đức Chí Tôn tại thế, chi chi cũng tùng mạng lệnh của Hội Thánh mà thôi. Từ chức sắc cao cấp nhất dĩ chí tới bậc tín đồ thấp nhất phải tuân hành luật pháp Đại Đạo.

Vâng mạng lệnh bề trên theo cơ bút truyền giảng, Tân Luật và Pháp Chánh Truyền ra đời để củng cố cơ sở và pháp quyền vững bền cho cơ nghiệp Đạo được truyền bá trong thất ức niên mà không suy thoái, biến dời chinh nghiên theo thế phàm.

Cơ mẫu nhiệm cội vô hình vẫn có Thiên Điều để vận hành cơ quan càn khôn vũ trụ đi trong trật tự và điều hòa. Đời thì có luật pháp răn đe và trị tội những phần tử vi phạm luật pháp làm mất tính thuần chơn nhân bản, ảnh hưởng đến hòa bình thanh trị của xã hội, quốc gia. Đại Đạo Tam Kỳ đương nhiên phải có Luật Pháp Chơn Truyền để chế ngự vọng tà, bất chánh của con người, thuận thiên lý mà tùng cơ quan sửa trị của Đức Chí Tôn, tức là cơ quan cứu thế đặt tại mặt thế. Thiển nghĩ, nếu không có Luật Pháp Chơn Truyền, tức là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, là khuôn mực nền

tăng luật trị của đạo Cao Đài, Đạo Cao Đài có thể ngửa nghiêng, không phương kiềm thút phàm tánh của con người. Có Luật Đạo để sửa trị và làm điều hòa, điều hành guồng máy, bảo thủ chơn truyền, công bình Thiên Đạo cho nền Chánh Giáo.

Vậy thì kể từ ngày 15 tháng 10 năm Bính Dần [20-11-1926], khi Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư phò loan tại thánh thất Từ Lâm Tự, Đức Chí Tôn giáng ban Pháp Chánh Truyền nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tất cả môn sinh thuộc Đạo Cao Đài phải tuân thủ chơn pháp.

“Nghĩ vì cơ Huyền vi Mậu nhiệm của Đạo có Thiên Điều cũng như cơ Đồi có Luật Pháp chơn truyền để chế ngự những dục vọng bất chánh mà ở cõi nào và đời nào cũng có, nếu không có gì chế ngự thì sự điều hòa tốt đẹp của cơ Tạo Hóa sắp đặt có thể mất đi mà chớ; nên khi mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã lập ngay một PHÁP CHÁNH TRUYỀN và TÂN LUẬT để điều hành guồng máy Hành Chánh Đạo, hầu bảo thủ chơn truyền và công bình Thiên Đạo, kèm theo luật pháp còn có THÁNH NGÔN và GIÁO ĐIỀU dạy bảo” [Lời Tựa của Pháp Chánh Truyền Chú Giải].

Song hành đó, đến ngày 13 tháng 12 năm Bính Dần [16-01-1927], Tân Luật Đại Đạo được hoàn bị.

“Chưởng Pháp, Đầu Sư tọa vị. Phối Sư tam phái tới trước. Thái Thờ Thanh phải ôm bộ chú giải các luật, Tân Luật của các Hiền hữu đến dâng cho ba vị Đầu Sư. Ba vị Đầu Sư đồng đứng dậy bái và tiếp Luật một lượt, thế nào 6 bàn tay đều có trong bộ Luật, ngay giữa, dạy cả ba tiếp dâng lên, Chưởng Pháp cũng phải bái mà tiếp một lượt, đội dâng lên đại diện, dạy vô đưa lên chỉ trán.

Nghe dạy, Lão giao Luật này cho nhị vị Chưởng Pháp xem xét lại nữa, trong một tháng phải rồi, mà giao lại cho Hộ Pháp cầu Lão sửa Luật.

...Thập nhị Thời Quân phải có mặt, Thượng Sanh, Thượng Phẩm phải có mặt.

Phải tái cầu nghe dạy. Nhị vị Chưởng Pháp đem Luật để ngay tượng Lão một đêm nay” [Trích TNHT].

Như vậy, kể từ năm 1927, nền đạo Cao Đài thực thi trọn hành theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là nền tảng cơ bản cho toàn thể giáo đồ nghiêm mình gìn giữ, hành sự, truyền bá cơ phổ độ ân xá của Đức Chí Tôn trong trật tự và quy định như một thiên điều tại thế. Người biết gìn giữ giới luật, bảo tồn chơn pháp của Đức Chí Tôn là người dâng thi hài, trí não và chơn linh cho Đức Chí Tôn định phận sự chơn thật của mình. Đức Phạm Hộ Pháp minh định rõ:

“Đức Chí Tôn đến lập Pháp Chánh Truyền, giao cho Hiệp Thiên Đài gìn giữ. Trong đó có diệu pháp của Chí Tôn đến lập vị cho con cái của Người tại thế gian này, Ngài mượn xác thịt của con cái Ngài tổng hợp lại cho nó có trật tự, có đẳng cấp, tức nhiên là lập Thánh Thể của Ngài, các phẩm trật có liên quan với các phần tử tức nhiên Hội Thánh tổng hợp là Thánh Thể của Ngài. Ngài lập Pháp Chánh Truyền cốt ban quyền hành cho Thánh Thể của Ngài, mà hễ đạt quyền được, tức nhiên về với Ngài được” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 2].

Như vậy, cơ quan Hiệp Thiên Đài có trách nhiệm gìn giữ và bảo tồn chánh pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Người biết đến diệu pháp Đức Chí Tôn đặt để trong nền đạo Cao Đài là người tòng mạng lệnh Hội Thánh, tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn điều khiển cho thật nghiêm khiết thánh tâm.

Về tổng thể chánh pháp, có Luật Pháp chi phối nền chánh trị đạo. Về cá nhân, mỗi tín đồ đều phải thực hiện lời minh thệ trước Thiên Bàn Đức Chí Tôn có Ngũ Lô chứng giám.

“Thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng dối dạ dối lòng, hiệp đồng chư Môn-Đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru địa lục”.

Âm vang lời tuyên thệ vẫn còn đó, vàng nhạt nguyệt vẫn chiếu soi, thần minh biên chép thể mà lòng người vẫn đổi thay. Kỷ cương pháp chánh hiển hiện trong một Hội Thánh như một Thánh Điều tối quan trọng của người đi theo nguyên ước tâm linh. Trong đó, từ Chức Sắc cao cấp nhất dĩ chí đến Chức Sắc nhỏ nhất thay thân Đức Chí Tôn, truyền ngôn và ban ân tứ phổ hóa cho toàn sanh chúng đặng gọi nhuần huệ đức, tương công chiết tội, trở xoay chèo bát nhả để hướng đến cõi động bích thiên thai, nơi Thầy Mẹ đang trông ngóng. Nhưng sự ảm lạnh thể tuồng, trường phong thánh không phải chỉ có phò loan, ân phong thiên phẩm rồi cõi xác triều thiên, lăm điều chông chênh như quy luật khảo thí cho toàn thể con cái Đức Chí Tôn.

Ngoảnh lại dòng sử đạo Cao Đài, người ta phải giật mình vì những biến cố quan trọng đã hằng tiếp diễn tự thuở 1926 cho đến tận ngày hôm nay.

Thứ nhất, quan trọng nhất là chuỗi sự kiện bất hợp tác theo một chủ ý cá nhân và những đoàn thể nhỏ lẻ xảy ra trên lý tính tinh vi, nó hoàn toàn không nằm trong một nguyên tắc lập giáo và không phù hợp với tiêu chuẩn lập pháp đạo Cao Đài, một dấu hiệu quy phạm rõ nét trên dòng phổ hóa Chơn Truyền Đại Đạo Tam Kỳ của Đức Chí Tôn.

Đạo Cao Đài gồm hợp tinh hoa cổ kim Tam Giáo Đạo, Ngũ Chi với bao nhiêu những huyền linh mặc khải để khai đường, vạch lối, đưa mục tiêu đến sứ mạng cứu cánh

giải thoát; nên đương nhiên Pháp Chánh phải cần cần tuân mực vì đó là Thiên Điều, là thước đo lòng người, là chơn luật chi phối vận mạng của nền Chánh Giáo, chứ không phải trò chơi mua vui, có thể đem xoay đổi theo thế thời, theo ý thích hay lòng tham vọng của phàm ngã.

*“Ngó cuộc thế điều hiu quạnh quẽ
Vắng chơn Tiên đạo gót sơn hà”*
[Đạo Huynh Phạm Tất Đắc]

Thảm cảnh hằng diễn ra theo dòng sử liệu như một nguyên tắc tất yếu để phân ranh trắng-đen, đục-trong. Bất kỳ tổ chức đời nào, chúng ta có quyền gạt bỏ khát vọng cầu toàn và những tính chất tạp nhạp pha lẫn vì vốn có thể được bỏ qua. Tuy vậy, đạo là ánh sáng vì diêu hóa thành hữu hình, là con đò đưa khách tục sang sông, là con đường dẫn đến Thái Cực Đẳng nên phải định tính chất cầu toàn tuyệt đối. Cái gì hoàn toàn đi ngoài Chơn Pháp Đức Chí Tôn là cái phản nghịch lại lời minh thệ trước tòa án Thiêng Liêng.

Thứ hai, vì một nguyên nhân nào đó, sự phân ly khỏi hàng ngũ Thánh Thể Đức Chí Tôn là sự chia rẽ và bất tuân mạng lệnh của Hội Thánh, một hiện tượng xáo trộn trong nề nếp sinh hoạt Thể Pháp, kinh kệ, quan niệm tín ngưỡng cho dù phân ly khai văn nhân danh Thượng Đế để truyền bá chủ thuyết cứu cánh ân xá kỳ ba, vẫn mang trên mình một trách phận và gồng mình để phục vụ tha nhân trên lý tín công bằng. Chủ định con người hoàn toàn có tự do tín ngưỡng, vô

giới hạn ở khung khổ mở rộng tình thương và sự giục tẩn để đi trên cây cầu giải thoát cho bạn đồng sanh. Nhưng thử hỏi, liệu sự tự do đi ngoài tín lý, ngoài tín điều, ngoài minh thệ có được bao dung và chấp nhận.

Thứ ba, sóng xao, thuyền đảo, cơ đạo phải lúc bão táp mưa xa là nguyên nhân tiếp theo dẫn đến vấn đề Phong Chức theo luật Đại Đạo. Những người con Cao Đài phải tự khoác lên cho mình một sự sùng tín có giá trị nhất, cái gì đúng và hợp với cái gọi là Thiên Luật để khỏi phải thất phận và đáng tiếc trong mọi ý hướng dâng cả tấm thân cho nghĩa lý phụng sự.

Thứ tư, Hội Thánh Em là một sự hiện hữu mang tính chất mật cơ do Đức Hộ Pháp và Đức Lý Giáo Tông vô vi điều đình toan tính trong thời cuộc biến loạn, một sự ước định khẩn cấp trù hoạch nhằm phân quyền trước viễn cảnh đòi tác động vào sự tự do tín ngưỡng. Thế nhưng, tư tưởng phạm tâm của con người không dừng ở đó, nó loạn ly theo tác dạ biến động lao xao. Bàn Trị Sự phải từng Hội Thánh do Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Lý Thái Bạch nhưng các Ngài đã ở cõi Vĩnh Sanh để coi phận sự của Hội Thánh Em làm gì trong cơn ly loạn hay là tự quyền chuyên quyết, nhân danh cả Hội Thánh Đức Chí Tôn mà nghênh ngang bỏ qua giáo luật như chưa từng thấy biết.

Thứ năm, *“Hội Thánh lập thành và sinh hoạt theo Pháp Chánh Truyền, Tân Luật; không có một chi phái nào*

có mặt trong quyền Hội Thánh. Ấy là một khối đoàn kết thương yêu được Đức Lý dắt dìu từng câu, từng chữ trong lời dạy hằng ngày dầu việc nhỏ, việc lớn cũng vậy” [Hiền Tài Nguyễn Long Thành]. Nhưng sau đó thì đầy đủ Hội Thánh và nhân danh Hội Thánh có pháp quyền đầy đủ. Ý tưởng gom hợp và tâm chí ấy đã khơi nguồn từ thuở 1928, chớ không phải cho đến tận bây giờ và là tư tưởng thanh cao, thể hiện một tình thương liên đới anh em một Cha nhưng lại đem sự hỗn tạp, bất nhất trong hình tướng áo mảo, nghịch lại giáo điều thuở nào; thử hỏi điều đó đã làm gì trước đối với lời hứa trước quyền năng Thiêng Liêng. Một tấn tuồng không chi ước định, một thảm trạng quá sức chỉ chưa đầy một thập kỷ. Sự gom hợp bằng bàn tay phạm ngã, chối thánh tâm để nhân danh thánh truyền, vậy thì chúng ta chỉ có thể đồng hóa các thực thể biến tướng trong nguồn thánh triết vốn hiển hiện như thánh ân ban rãi hay hay chính lòng người hiểu sai thánh truyền của Đức Chí Tôn dạy:

“Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng Càn khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt”. [TNHT]?

Thứ sáu, từ khi Ban Thế Đạo từng chi Thế ra đời, biết bao anh hào, chí sĩ được tấn phong, người thì còn bôn ba ở Đời, người thì sớm vào phục vụ đạo nghiệp. Cơ quan lập ra để mong cải hóa nhơn tâm, phần nào tạo cơ hội lập công nơi cửa Đạo bằng ngọn bút anh hào, nữ kiệt nhằm hoằng hóa

giáo pháp đạo Cao Đài. Thời thế đổi thay, nhưng anh tài hầu như tha hương lữ thứ, tìm cho mình một đời sống tự tại hoặc vì một lý tưởng tôn giáo và trở thành những người rất quan trọng trong hoạt động truyền giáo hải ngoại. Họ đã vô tình khơi dậy sự gôm hợp quân bình để chạm đến giáo pháp “*Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất*” đã từng diễn ra trong quá khứ Đạo Sử. Nhưng “*Mỗi chi phái đều có nét đặc thù, tư tưởng không thuần nhất nên mới có chuyện phân chia thế ấy. Nhìn nhận tất cả là sao?*” [Hiền Tài Nguyễn Long Thành]. Đó là một hiện thực của nền đạo trong và ngoài nước.

Hơn thế nữa, Pháp Luật Đạo vốn chỉ có ba hình thái Thiên Phong, Hàm Phong, Truy Phong. Bỗng đâu ra thêm “Phàm Phong và Tự Phong” một cách nghiêm nhiên như một hàm thức vốn có trong luật Đạo! Áo mào chỉ là phương tiện tìm để cứu cánh, nó ví như đĩa ăn cơm, không có cơm thì đĩa trở nên vô dụng. Huyền linh phật pháp được ẩn chứng là thứ cơm vĩnh hằng, không cần đĩa cũng đủ no bụng. Lời hứa cách nay gần 100 năm Thầy đã hứa ẩn chứng truyền tâm tất nhiên là chân lý nếu con người đi đúng Pháp Chánh Đại Đạo.

Ngó lại, nền Đại Đạo Tam Kỳ nhân danh Thánh Thể Đức Chí Tôn, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, thực hiện Đệ Tam Thiên Nhân Hòa Ước, trọn hành cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng, hoán cải “*Nam Phong thử nhật biến Nhơn Phong*” để lập đời Thánh Đức Nghiêu Thuấn sẽ phải thực

hiện từ trung điểm nào, từ đoạn thẳng, đường thẳng nào để
trộn tén với sứ mạng Đức Chí Tôn giao phó?

Hồi nghiệm lại, cả cơ ngơi Đức Hộ Pháp phục mạng
xuống thể trưng cây cờ cứu khổ đã trải qua bao ngàn sương
gió mới tạo dựng nên một hình thể hữu vi nguy nga và đủ
Thê Pháp và Bí Pháp. Cây cờ Đạo ấy đã sương pha đủ mùi,
đủ vị và đang đợi những trang tuấn kiệt, đủ đức, đủ tài để
cầm giềng mới bảo sanh cho con cái Đức Chí Tôn. Cũng
phải thay, trước khi Đức Phạm Hộ Pháp triệu Thiên, Đức
Ngoài tiên đoán biết trước thời cuộc mà phải cất tiếng than tự
hỏi cho hậu sinh:

*“Rồi đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời”.*

141. ĐẠO KỲ

Tự thi:

*“Đạo Kỳ đón gió giữa tầng không,
Rạng quá Tây Ninh đẹp bóng hồng.
Cát ngọc xa xa trông ngây ngất,
Đôi hàng áo trắng tỏa mệnh mông”.*

Trong những năm 1925, phong trào thông công giữa
con người và thế giới vô hình bắt đầu nở rộ tại Việt Nam. Từ
đó hình thành nếp sống mới lạ cho giới trí thức chí sĩ có

thêm niềm tin, hân hoan, giải bày tâm sự thể trần với các Đấng vô hình trong những hoài vọng đưa đất nước sang trang sử mới, trang sử của tự do cho chủng tộc An Nam.

Giữa ba phương pháp kết thông giữa con người và thế giới Thần Linh là huyền cơ, cầu cơ, chấp bút trên thế giới thì phương pháp cầu cơ hầu như được dụng nhiều nhất tại Việt Nam. Về huyền cơ, chỉ có Ngũ Chi Minh Sư, Minh Tân, Minh Lý, Minh Đường, Minh Thiện sử dụng rất hiếm mà thôi. Riêng cầu cơ phổ dụng ở lục tỉnh Nam Kỳ, được thực hiện do các nhà tín đạo riêng và thu hút các tầng lớp xã hội gia nhập để đáp ứng cơ bản ba yếu tố chính, xin thuốc trị bệnh, thỏa lòng thi phú giải khuây và khát vọng về chính yếu dân tộc tương lai.

Vô hình vận chuyển, tam vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang là ba người không ngoại lệ, dấn thân tìm hiểu về thế giới vô hình mở đầu bằng cách vịnh ngâm, đối ẩm thi trà cùng các Đấng vô hình vô danh. Thiên Mạng đã sai khiến ba Ngài đi từng bước và lần hồi được Đức Thượng Đế khai sáng để đến hồi trưng bày cờ Tam Thanh nơi Nam Việt bằng bảng thông cáo ngày 7 tháng 10 năm 1926. Từ đó, quyền năng Bát Quái Đài điều khiển, Hiệp Thiên Đài xiển dương để hình thành một nền tảng với đầy đủ tiêu chuẩn lập pháp gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tắt gọi là Đạo Cao Đài.

Đạo Kỳ bắt đầu được hưởng ứng do các tín hữu thuần chơn theo giáo pháp mới, giáo pháp quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, cờ của "*tam thanh ứng hóa*", của triết thuyết Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa-Đại Đồng. Đến ngày nay dù con thuyền đạo có chơi vơi theo ngỏ hướng nào, ngọn cờ Tam Thanh truyền đăng cứu thế vẫn bay phấp phới giữa vùng trời Tây Ninh, quy tụ toàn thể các đức tin thánh chất trụ vững nơi Tổ Đình Linh Thiêng.

142. Ý NGHĨA CỦA “VĂN MINH ĐIỆN” TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Văn Minh Điện là một thể thức mới lạ có trong đạo Cao Đài do Đức Hộ Pháp còn sinh tiền tổ chức vào ngày Hội Yến Diêu Trì, nhằm giúp cho ngày lễ vừa long trọng, vừa đem lại niềm vui đạo pháp cho người tín đồ Cao Đài.

Giá trị của Văn Minh Điện không chỉ thuần túy đem lại niềm vui trong ngày Hội Yến mà còn khơi gợi lại những triết lý, học thuyết, đạo đức, tinh thần và những gì liên quan đến nền giáo pháp Tam Giáo, để cho chư tín đồ lưu vào ký ức thuần hành nếp sống đạo.

Cách thức tổ chức như sau, hai bên Đông Tây khán đài trước mặt Tòa Thánh, dựng rạp. Chư Chức Sắc ngồi, hai

bên chư đạo hữu nam nữ phân ra. Đức Hộ Pháp và chư Chức Sắc Thời Quân đứng trên Hiệp Thiên Đài ra các câu đố, được niêm phong trong bao thơ. Câu đố được mang đến ban tổ chức và trưởng ban tổ chức đọc lớn lên cho toàn đạo nghe, người giải đáp đến một cái ghế cao để trả lời. Nếu người nào đó đáp sai, tiếng mõ gõ, người đó xuống phải xuống. Tiếng beng reo lên tức là đáp gần đúng. Nếu tiếng thùng là đáp án đúng. Nếu ai đáp đúng, dàn nhạc sẽ đồng tấu lên để ca ngợi. Đồng thời, người giải đáp câu hỏi trúng còn được ban tổ chức tặng quà như quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tân Luật, hay Pháp Chánh Truyền.

Về câu đố, có ba loại: câu đố là các câu thi của các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ, câu đố của các Chức Sắc còn tại tiền, ngoài ra còn có các câu đố của các tác giả lỗi lạc thi thơ tạc đề.

Sau đây là một số câu đố ví dụ:

1. Câu đố của Đức Cao Thượng Phẩm:

*“Bốn mùa chiếc lầy còn hai,
Viết bài triết lý làm bài trị dân”*

Đáp: Bộ Xuân Thu

2. Câu đố của Đức Cao Thượng Phẩm:

“Bụi hồng đã thấm chơn linh,

Lấy chi phải sạch tâm tình mà tu.

Đáp: Cây Phát Trần

Hội Thánh thường tổ chức từ 7 giờ tối tới 11 giờ đêm thì cho ngừng lễ. Đây là một buổi lễ nhỏ do Hội Thánh đặt ra nhưng đem lại mùi đạo vị, thú thưởng lãm tao nhã miễn mệt thi văn và triết lý đạo đức tinh thần cho toàn thể tín đồ chung vui.

143. CÁI HAY VÀ CÁI HẠI CỦA CƠ BÚT ĐẠI ĐẠO

1. Cấu tạo cơ bản của cơ bút

Cấu trúc của cây cơ thông thường gồm ba bộ phận cơ bản. Giỏ làm bằng tre đan, bên ngoài phủ lớp giấy, bên ngoài cùng được phủ vải vàng. Cán cơ nằm xuyên giỏ và dài, đầu cán thường được chạm bằng chim thanh loan. Cổ chim loan có thiết kế gắn cây viết để khi cơ chuyển động, điển giáng vào làm chuyển động cơ và viết ra chữ.

Trong Đạo Cao Đài, ngay những năm đầu tiên, Đức Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang đã được Thiêng Liêng chỉ định sử dụng Tiểu Ngọc Cơ để cầu chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Còn Đại Ngọc Cơ thì chỉ dụng riêng để cầu Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu mà thôi.

2. Hình thức của cơ bút

Về hình thức, cơ bút phân làm hai dạng là “*phò loan*” hay “*phò cơ*” và “*chấp bút*”.

a. Phò loan hay phò cơ: Cần hai vị đồng tử phò loan, dùng hai bàn tay để nâng giỏ cơ. Khi diễn các Đấng Thiêng Liêng giáng ngự, giỏ cơ xoay chuyển và đầu cơ viết ra thành chữ.

b. Chấp bút: Chỉ cần một vị đồng tử ngồi trước bàn có bút sẵn. Khi diễn giáng vào đồng tử, viết sẽ chuyển động và viết ra.

Như vậy, dù phò loan hay chấp bút đều cần đồng tử. Mà đồng tử là nhân tố rất quan trọng trong việc cơ bút vì đó dẫn đến ba trạng thái: Thánh Cơ, Tà Cơ hoặc Nhơn Cơ.

Thánh Cơ là thuần diễn của các Đấng Thiêng Liêng giáng dạy chơn lý, diệu huyền đạo pháp, lấy chánh đáng, chơn thật mà dìu dẫn con người đi đến con đường nầu sông, tu lòng, luyện tánh, nhập vào trường thi thổ tiến hóa mãi lên không cùng của cơ Tạo Đoan. Nghĩa là chơn thần của đồng tử phải thuần tịnh để tiếp với Tiên Thiên Điện. Nếu đàn cơ không nghiêm khiết, thanh tịnh, Thiêng Liêng không giáng hạ; lại nữa chơn thần của đồng tử phải vì thế mà bị khua động theo, sự tiếp diễn đối với Tiên Thiên Điện bị đứt khoảng, làm cho bài cơ không đạt trọn lời giáo huấn của các Đấng truyền dạy.

“Tiên Cơ luật tiếp diễn như vậy: Hễ Đồng Tử định Chơn Thần rồi thì tâm định. Mà hễ tâm định thì minh khiêu phát lộ ra kế tiếp với Chơn Thần xuất hiện lên trên rồi nối với Tiên Thiên Điển mới rọi ra thành Thánh Giáo. Nên khi lập đàn, các con cần nhứt trước hết phải cho thanh tịnh, đừng khua động. Nếu động thì tâm Đồng Tử động; cái minh khiêu liên tiếp với Tiên Thiên Điển bỗng rọi ra, thành thử phải dứt điển đó” [Thánh Giáo Đức Chí Tôn].

Tà Cơ cốt dùng thuật mê tín dị đoan, gạt lừa sanh chúng, tức là huyền hoặc thuyết tà mị, không chơn chánh mà làm thắm nhiễm phàm tình của con người, lấy danh, lấy lợi đưa con người càng ngày càng xa chơn lý đạo trời. Vì Hậu Thiên Điển thuộc âm chi phối quá mạnh, ngược lại Tiên Thiên Điển chỉ một phần nhỏ, nên đàn giảng trở nên tà cơ, bị tà điển thâm nhập, khuấy phá, dẫn dắt sai lầm cho đến đổi thất phận, lìa xa thánh ý trọn lành của các Đấng Bề Trên mong muốn.

“Tà Cơ là vậy: Cũng phải tiếp diễn nữa, nhưng vì điển Hậu Thiên quá mạnh, có một tý Tiên Thiên thôi. Tiên Thiên Điển là dương điển, còn Hậu Thiên Điển là âm điển. Tà thuộc âm, nên hễ âm điển nhiều là ra tà cơ đó” [Thánh Giáo của Đức Chí Tôn]

Nhơn Cơ cũng dùng điển lực mà là phạm điển, chẳng phải là lời giáo huấn chi của Thiêng Liêng.

“Nhơn Cơ cũng có điển, lúc mới tạo nên vật kiện là vậy: khi các con muốn làm ra 1 cái món chi thì cái ý muốn ấy tự trong tâm các con phát hiện ra, óc các con nó khiến các con cử động tứ chi mà tạo thành vật ấy. Đó cũng gọi là điển, song thật là nhơn điển, phàm điển.

Vậy Thầy đã minh giải tận tường, các con lấy đó mà suy nghiệm chớ đừng để lòng nghi ngại từ bấy lâu nay”
[Thánh Giáo của Đức Chí Tôn].

Vậy nên, thánh cơ, tà cơ hay nhơn cơ đều do yếu tố quan trọng xuất phát từ đồng tử.

3. Đồng Tử

Đồng tử phải là người có chơn thần trong sạch, thanh cao, tuyển chọn nghiêm nhặt, đủ tinh thần đạo đức, thực hiện thiên mạng, làm cơ quan thông công cho lệnh Thiêng Liêng mà truyền giáo.

“Kẻ phò cơ chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường” [TNHT].

Nên cơ bút mang tính hệ trọng, không tự ý chuyên quyền chọn lọc đồng tử, cũng như tổ chức cầu cơ, chấp bút.

Đồng tử lại phân chia làm hai loại: đồng tử mê và đồng tử tỉnh.

a. Đồng tử mê: điển Thiêng Liêng làm cho chơn thần đồng tử bất tỉnh. Trọn thánh giáo đều là văn từ của các Đấng truyền dạy, sự diêu động bút viết đều do Thiêng Liêng. Cái hay của phương pháp này là giúp cho thánh giáo cao siêu, tuyệt diệu, truyền tải đủ mọi lý lẽ theo thánh ý vô vi. Ngược lại, nó cũng có cái hại vì sau khi giảng diễn, chơn thần của đồng tử không biết gì, lại rất mệt cho chơn thần. Cách này còn gọi là **giảng thủ**, tức là các Đấng giảng diễn và điều khiển bút mà viết ra.

b. Đồng tử tỉnh: chơn thần của đồng tử đủ khả trong sáng, có khả năng thoát ra thể xác, tiếp diễn Tiên Thiên Khí, được Thiêng Liêng truyền dạy. Đồng tử sẽ tự chủ viết ra do nhớ lại lời giáo huấn và viết thành bài thánh giáo. Phương pháp này đòi hỏi chơn thần đồng tử phải thật thanh khiết, đủ khả năng tiếp diện quyền năng thiêng liêng. Cái hay là giúp đồng tử học được điều huyền vi, không làm chơn thần đồng tử mệt mỏi. Cái hại của cách này là nếu chơn thần không tinh khiết, không thể tiếp trọn thiên điển vì bài thánh giáo cấu thành do một nửa thiêng liêng, một nửa do chơn thần của đồng tử. Nên phương pháp này còn gọi là **giảng tâm**.

“Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt” [Thánh Giáo của Đức Chí Tôn].

4. Đạo Cao Đài có từ cơ bút

Chúng ta phải nhìn nhận rằng, có cơ bút mới có Đạo Cao Đài. Đức Chí Tôn lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không cho một vị giáo chủ nào xuống thế lập giáo, chính mình Ngài xuống thế qua cơ bút, tuyển lọc phần tử làm Thánh Thể, tức là Hội Thánh Đại Đạo bao gồm lưỡng đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng. Nên cơ bút là nền tảng cơ bản khai sinh ra đạo Cao Đài có đầy đủ Hội Thánh giáo quyền chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Cũng từ cơ bút, mới có Tân Luật và Pháp Chánh Truyền cho toàn bộ giáo đồ từng luật pháp chơn truyền của Đức Chí Tôn truyền giảng.

Ở một mặt khác, sự hệ trọng đối với con cái Đức Chí Tôn còn nằm ở chỗ cái hay cái hại đối với hệ tín ngưỡng trong giáo pháp khi áp dụng cơ bút trong đời sống Đại Đạo.

5. Chơn giả trong cơ bút Đại Đạo

Như vậy, hễ là cơ bút, đó có thể là tà cơ, cũng có thể là tiên cơ. Chơn linh cao trọng thực hiện sứ mạng giáo hóa, có thể ẩn danh trong danh phận thấp thời. Hạng tầm thường gạt gẫm nhơn sanh, có thể xưng danh Phật Tiên cao trọng. Sự thường, phàm con người phải “*cách vật trí tri*” để biện phân thiệt giả của cơ bút.

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ vương đã phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngai Ta nó chẳng dám ngồi. Nó lại biết Ta

đến với cơ mẫu nhiệm này, nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên. Các tên Thần, Thánh, Tiên, Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả đạo" [TNHT].

Đức Chí Tôn cho biết khi khi lập pháp, Tam Thập Lục Động đã mở cửa, giả danh chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, lại xưng danh Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế mà khảo phá nền chánh đạo hầu làm loạn chơn truyền, lập bàn môn. Nếu con người không đủ chơn chánh, thực hiện nghiêm túc giới luật Đại Đạo, rất dễ làm phương tiện cho tà cơ thay trắng đổi đen.

“Các con đừng thâm tính rằng nên cầu Thầy cùng chư Phật, Thánh, Tiên mà nghe Thánh giáo dạy bảo cho rõ Thiên cơ. Ấy là ở trong đó có một cái lẽ đại hại ẩn vi, nó dúi dắt các con đi sai đường lạc ngõ. Có phải vậy không các con?

Vì cơ bút là cơ quan rất tối cao tối trọng, vả lại cơ bút là cơ vận chuyển theo thời thế mà tấn hóa, dúi dắt các con chung hòa như một sợi dây để buộc ràng liên ái, đứng với luật thiên nhiên đó thôi.

Nền Đạo sáng khai, Thầy tạm dùng cơ bút làm khuôn mẫu. Các con phải lãnh ảnh hưởng bên Hiệp Thiên Đài mà hành đạo.

Những sự lợi hại của Cơ bút có hai ràng là:

1. Chánh đại quang minh giáo đạo, ấy là: Thầy là các con, Tiên cơ đó.

2. Là chỗ mê muội hữu vi hữu tướng, để cho ác quỷ hung thần truyền thính giáo đạo cho những đứa không đủ đạo đức, tức là Tà cơ và Nhon cơ vậy” [Thánh Giáo của Đức Chí Tôn- trích từ sách của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu].

Để tránh những sai lầm, ngộ nhận trong cơ bút, người ta cần phải nhận định nhiều vấn đề trong đó để đánh giá thiệt-hư.

Tiên cơ luôn giảng giải lý đạo, dạy từ bi, bác ái, chẳng khoe danh, tô vị, chẳng dùng văn chương hào nhoáng mà mê chúng sanh, ý tứ thanh cao, nhẹ nhàng, chẳng giúp ai trên con đường tư lợi, công danh phú quý. Trong khi tà cơ làm ngược lại các điều trên, có thể dùng văn chương thí phú cao nhã mà chứa sự huyền hoặc. Điển của tà bút cũng huyền diệu như Tiên Phật để đủ phương cảm dỗ sanh chúng vào đường tà mị, dị đoan, xa lìa chơn đạo.

“Đêm nay, Bản đạo thuyết về huyền diệu cơ bút. Cả Thánh Thể Đức Chí Tôn, cả con cái Nam Nữ của người cũng vậy, đã biết về huyền diệu cơ bút. Nó là vấn đề mà chúng ta không thể gì lấy trí khôn tưởng tượng của chúng ta định cái chơn giả của nó được.

Tại sao? Trong cái huyền diệu thiêng liêng ấy nó gồm cả bí mật huyền vi của cơ thể tạo đoan hữu hình và vô vi của càn khôn vũ trụ... Ấy vậy, Bần đạo chỉ lấy cái đại cương của nó, nói cho Thánh Thể Đức Chí Tôn và toàn cả con cái Nam Nữ của Ngài thấu đáo mấy may chút ít, đừng khỏi bị cơ bút làm cho đức tin tàn phá tiêu diệt mà chớ” [Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Q.4]

Nên đạo Cao Đài đã hiển hiện ra toàn thể chúng sanh hưởng đặng ân gọi nhuần của nền ân xá kỳ ba, có trường thi công quả, có trường phong thánh mở ra để cùng thi thố phận sự. Đó cũng nhờ huyền nhiệm thiêng liêng của cơ bút mà có nền Đại Đạo Tam Kỳ. Nhưng bên cạnh đó, Đức Hộ Pháp cũng truyền dạy rằng cơ bút cũng có thể làm tàn đức tin, tinh thần của người tín đồ Cao Đài trong mấy mai. Việc định chơn giả của cơ bút là vấn đề hệ trọng trong cửa Đạo.

6. Cái hay của cơ bút

Chính từ huyền diệu cơ bút mới tạo dựng được nền Chánh Giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do các Đấng mang thiêng mạng chỉ dẫn người hữu hình, lập thành chánh thể có Hội Thánh đảm đương trách nhiệm phổ độ, tạo luật pháp chơn truyền, kinh kệ, đủ cơ quan chánh trị đạo theo trúngh thánh ý Đức Chí Tôn.

7. Cái hại của cơ bút

Năm 1927, Đức Chí Tôn giảng cơ như sau:

“Còn cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy ngưng hết Cơ bút truyền Đạo. Các con sẽ lấy hết chỉ thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mới Đạo.

Này là mấy lời định ninh sau rốt, khá lưu tâm. Ai vậy tà nấy có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng đường ngay bước đến thang thiêng liêng chờ ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy là điều quý báu đó. Thầy ban ơn cho các con” [TNHT].

Sau khi ban Pháp Chánh Truyền, lập Tân Luật, Tân Kinh và các Thánh Giáo dạy đạo nông cốt, cơ bút phải bị cấm ngưng vì Đức Chí Tôn tránh sự xáo trộn tà cơ khuấy phá nên Chơn Pháp Đại Đạo.

Còn sinh tiền, Đức Quyền Giáo Tông ký Châu Tri:

“Chợ Lớn, 1e 2 Juin 1927

Lời cho Đại Huynh rõ:

Tôi đã nghe rằng nhiều Đạo Hữu đã đam mê cơ bút rồi tập ngang làm cho xảy ra nhiều chuyện lời thôi đến đôi bị quỉ nhập mà điên như một Đạo Hữu ở Thuộc Nhiêu (Mỹ Tho) và 2 Đạo Hữu nữa ở Vĩnh Lộc (Gia Định).

Vậy từ đây tôi nhứt định cấm truyền cơ bút khắp nơi nếu ai cãi lời còn dùng cơ bút nữa thì tôi hội Tòa Tam Giáo xin trục xuất ngoại đạo rồi sẽ gởi tên lên cho chánh phủ biết, chừng ấy có bề gì thì đừng trách.

Xin Đại Huynh mời nhóm chư Chức Sắc sở tại lại buộc phải ký tên vào tờ này rồi gởi trả lại cho tôi, còn một tờ Đạo Huynh giữ lấy, ai không tuân lệnh sẽ bị buộc tội chiếu theo điều lệ 27.28.29 và 30,31 trong Tân Luật.

Ký Tên: Thượng Trung Nhứt“

Đức Hộ Pháp phê:

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài
Hội Thánh Và Cứu Trùng

Gởi chư Chức Sắc Thiên Phong Hiệp Thiên Đài.

Cơ Bút là một cơ quan thuộc Huyền Linh Pháp, nên vẫn là hư hư, thiệt thiệt; vì bất cứ mỗi việc chi mà có tánh phạm của con người hùn vốn vào đó đều giả nhiều thiệt ít.

Cơ Bút đã có quyền tạo Đạo đặng thì nó cũng có quyền diệt Đạo đặng. Vì có mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Phổ Độ.

Một điều nguy hiểm nhứt là Cơ Bút có quyền phong cho một tên cùi phong ăn xin nơi giữa chợ ngồi địa vị Giáo Tông hay Hộ Pháp đăng thì ta là người gìn giữ Chơn Pháp lại càng phải oai nghiêm lắm lắm mới đăng.

Bản Đạo đã xét nét cùng các Đấng và Thánh Lệnh số 21/PC thì làm cho chúng ta phải lưỡng lự”

Từ Thánh Giáo Đức Chí Tôn, Châu Tri của Đức Quyền Giáo Tôn, lời phê của Đức Phạm Hộ Pháp, chúng ta thấy được tầm trọng của cơ bút ảnh hưởng thế nào đến diệu huyền và cái hại của cơ bút đem lại. Kể từ tháng 06 năm 1927, cơ bút hoàn toàn nghiêm cấm trừ chư Chức Chấn Thời Quân Hiệp Thiên Đài thuộc chi Pháp, chi Đạo mới được phép thực hiện trách vụ cầu cơ. Tuy nhiên, cơ bút phải thực hiện tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, có sự hiện diện chư Chức Sắc, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, Phước Thiện và toàn lưỡng đạo Nam Nữ mới được chấp nhận. Những đàn cơ nào học hỏi riêng, đem truyền bá hay trường hợp đồng tử bị tà xung hoặc tuyên truyền mê tín thì đưa ra tòa Pháp Chánh xử trị trực xuất khỏi Đạo.

144. ĐẠO THỂ

“Đạo” theo ngôn ngữ Đông Phương hay Tây Phương, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, đều chỉ con đường dẫn dắt con người đến một mục tiêu, một lý tưởng hoàn hảo nào đó, nơi đó chứa sự viên mãn, an lạc, không vương đau, không lụy phiền, không sầu khổ, chỉ duy thanh tịnh và vĩnh sanh tự tại.

Khi nói về chữ đạo, người ta thường liên tưởng đến một giáo hội, một đoàn thể, một tín lý có tôn chỉ, nguyên tắc lập giáo để đưa người môn đồ thuần hành nếp sống tu tập, khắc kỷ tu chơn để đưa đời sống về đời sống Chân-Thiện-Mỹ. Thật vậy, các nền tôn giáo xưa nay trong lịch sử nhơn loại đều hướng đến một đời sống tâm linh. Những đặc tính vũ trụ quan của mỗi tôn giáo đã thị hiện ra qua những nguyên tắc lập giáo, cùng những quy luật ràng buộc các giáo đồ thực hiện một cách miên viễn.

Mỗi tôn giáo có một giáo điều riêng, một nhân sinh quan riêng, một vũ trụ quan riêng. Hầu hết các luận thuyết biểu hiện qua sắc thái ngôn ngữ biện chứng có tính chất khác biệt, hầu khác biệt hóa triết học của tôn giáo đó. Tuy nhiên, cái đại thể mục tiêu đều bình giảng và đưa đời sống con người vào thiện lương, tùng luật thiên nhiên để mưu cầu đời sống an lạc hữu hình và đời sống tâm linh sau khi bỏ xác.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

*“Phật, vì thương đời, mà tìm cơ giải khổ.
Tiên, vì thương đời, mà bày cơ thoát khổ.
Thánh, vì thương đời, mà dạy cơ thọ khổ.
Thần, vì thương đời, mà lập cơ thắng khổ.
Hiền, vì thương đời, mà đạt cơ tùng khổ”*

[Pháp Chánh Truyền Chú Giải. Bài diễn văn của ĐHP]

Cũng vì chữ “khổ” của “đời” mà Phật, Tiên, Thánh, Thần hạ trần dùng phương pháp mở Đạo để chúng sanh thoát được cái khổ của thế gian.

Ngoài cái thể hữu hình, tôn giáo còn đề cập đến cái đạo thể vô vi. Trong Tam Giáo xưa nay, biết bao nhiêu thiên kinh vạn quyển luận giảng đạo học vô hình, các vị Giáo Chủ cũng đã phát họa nên một bức tranh mô phỏng đạo thể vô hình để môn đồ soi gương.

Phật dạy:

“Nhất hợp tướng không thể nói. Chân không sinh diệu hữu” [Cái không thể nói là đạo. Chân không là sinh ra diệu hữu].

Cái tự sinh không thể bàn, chân không sinh ra vạn vật, tức là cái diệu hữu sản sinh và biến tướng, bàn bàn cả thể hữu hình, lẫn vô vi. Đó là Đạo luận của Phật Gia.

Tiên Gia dạy:

“Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh, tịch hê liêu hê, độc lập bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu; ngô bát tri kỳ danh, tự chi viết đạo”. [Đức Lão Tử].

[Nghĩa: Có một thứ gì đó sinh ra cả trời đất, lặng lẽ, trống không, đứng riêng biệt không đổi thay, tuần hoàn không biết mệt mỏi, bao quát cả những thứ hữu hình và vô hình, ta không rõ tên là gì, gọi nó là đạo].

Cái hư vô, lặng lẽ, tĩnh mịch, trống không, tự hữu, không sinh, không diệt, bao trùm đó là chân đạo cần khôn. Thể Đạo của Đức Lão Tử phô diễn rất vi diệu.

“Có một vật hỗn nhiên, sinh ra trước trời đất, tịch mịch không tiếng, độc lập mà không thay đổi, châu lưu phục thủy mà không ngừng, có thể nói là Mẹ của thiên hạ [Đạo Đức Kinh].

Đức Lão Tử cốt nói về nguồn gốc bản nguyên của vũ trụ, tức là khí Hư Vô hay gọi là Đạo. Đạo của Ngài nói lơ mờ nhưng rõ rang, như hiện hữu như không hiện hữu, trong cái không lại chứa cái có diệu huyền. Đạo mà Đức Ngài nói là cái không thấy đặng, không nghe đặng, không nắm bắt được. Vì tính vô sắc của Đạo nên chẳng thể nhìn, vì không âm thanh nên chẳng thể nghe, vô ảnh nên chẳng thể nắm bắt, không trên, không dưới, chẳng sáng chẳng tối, trống không vô vi, tượng thể trống không nhưng chẳng hình, mờ mờ mịt mịt, vô biên, vô định.

Vì đặt tính tự hữu, không hình, không tướng nhưng lại là mẹ của trời đất nên Đức Lão Tử nói *“Cường danh viết Đạo” [Tạm gọi đó là Đạo].*

Với Thánh Gia Khổng Học, Thánh Tử Tư nói:

“Thượng Thiên chi tải vô thanh vô xứ, vô hĩ” [Sách Trung Dung], nghĩa là Đạo của Trời Đất không tiếng, không mùi đến tột cùng.

Sách Trung Dung cũng luận về sự chữ Đạo to lớn không chỉ chở nổi, tinh vi mà không có cái chi trong đó.

Thật vậy, trong Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực.

Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn-vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh” [TNHT, đàn cơ 1928].

Đức Chí Tôn vì tánh háo sanh không cùng tận, thương yêu toàn thể con cái, không tọa vị ngời xem chúng sanh mãi mê vật dụng thường tình, vô minh bao phủ mà sa vào con đường tội lỗi nên Đức Ngài đến bằng huyền diệu tiên bút giáo Đạo Nam Phương, lập cơ đại ân xá kỳ ba có danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đức Chí Tôn không dùng văn chương cao kỳ, chỉ dụng từ giản đơn cho chúng sanh rõ lý đạo màu. Vậy thì cái *“chưa có chi trong càn khôn”* Đức Chí Tôn nói đó là *“đạo”* như Đức Lão Tử nói. Rồi cái hư không vắng lặng tự hữu mới biến sinh ra vạn linh trong càn khôn.

Cho nên cái Đạo Thể lớn không cùng tận, nhỏ không gì nhỏ hơn, vô thanh, không tướng, vô sú, vô hữu, không mùi, vô hạn điểm nên gọi là Vô Cực. Đạo là chân không diệu lý trường lưu, châu lưu phục thủy, là căn bản của muôn vật. Triết lý Tam Giáo vốn đồng nguyên, ngũ giáo đồng lý mà người hành giả cần nhận rõ tính chất Đạo Thể, không chấp lý hay tướng diện mà cầu đạo lý đồng nhất bản.

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đến với nhân loại ngày nay, dụng ngôn ngữ bình dị, giáo hóa đạo lý tu thân cho nhơn sanh nhập vào trường thánh đức, và Đức Ngài cũng đã khái quát hóa cái Đạo Thể ở phương diện gần gũi nhơn sanh hầu làm cho con cái Người mục kiến đi từ hạ thừa đến trung thừa và thượng thừa tùy vào sở hành và trình độ tân hóa của mỗi người tín hữu.

145. TÂM QUAN TRỌNG CỦA SỰ SỐNG

Có lẽ ngoài cái sống và cái chết ra của con người, không còn có gì quan trọng hơn nữa. Phàm thể thường, con người dấn thân vào cuộc mưu sinh, tạo địa vị, danh vọng nào đó cũng chỉ phục vụ cho nhu cầu sinh tồn, đảm bảo cho cái sống đang trường tồn. Đời có cách bảo tồn và quý trọng sự sống riêng, đạo có phương pháp duy chủ, định thể giá trị cái sống ở một góc độ khác.

Đạo luận của đạo Cao Đài cho biết, Khí Hư Vô sanh Thái Cực, Thái Cực do theo tánh hạo sanh mà phân tánh ra vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm đào độn, sinh biến trong bát phẩm chơn hồn cho đến cảnh thượng tiến, hòa hợp cùng bản nguyên Trời Đất.

Tất cả mọi sự sanh hóa, thăng đọa, diễn tiến theo dòng chảy vận hành điều hòa dưới một trật tự đạo học thiên nhiên mà đạo Cao Đài gọi là *“sự sống thường tại của Đức Chí Tôn”*. Đức Chí Tôn dạy:

“Còn bậc chơn tu tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng-liêng các con sanh hoá chơn-thần; chơn-thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoai. Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong Càn-Khôn Thế Giới; nên chi các con là Thầy, Thầy là các con” [TNHT, Q.1].

Do theo lẽ đó, vạn vật hữu sanh, vô tri, vô giác cũng từ sự sống của Thượng Đế phân biến theo lẽ hằng sống, chỉ khác nhau ở thể thường biến hữu hình hay vô vi mà thôi. Đạo học Cao Đài cho biết con người có ba thể Tinh, Khí, Thần, tức là thể xác, chơn thần và chơn linh do Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu đào tạo.

Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Duy Đức Thượng Đế có quyền định sống chết, ngoài cái quyền của Đức Thượng Đế tức Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ của chúng ta thì không có quyền nào định chết sống cho ta được, chết sống ấy không phải là mình định được. Lại nữa ta biết con người sanh ra nơi cõi thế này có ba xu hướng:

1. Là trả quả.

2. Là học hỏi.

3. Là lập vị” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3]

Dù là học hỏi, trả quả hay lập vị, cả thì hài, chơn thần và chơn linh là một khối sống do Đức Chí Tôn định sống hay chết của Bát Phẩm Chơn Hồn mà thôi. Chúng sanh sinh ra rồi thọ luật vô thường *sinh, lão, bệnh, tử* hầu bảo trọng, trau chuốt sự sống cho thuần mỹ trên nguyên tắc tinh thần đạo đức, tức là tu lập, giục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống.

“Thức ngủ là trong khuôn luật sống chết, cái sống phải có cái chết, hành tàng của cái sống chúng ta thế nào thì buổi chết của chúng ta nó cũng hiện tượng ra nguyên vẹn, ấy vậy không có điều gì lạ hết” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.4].

Ngủ hay thức, chết hay sống cũng chỉ là sự chuyển động, thay đổi và vận hành theo mặt khác của sự sống vĩnh sanh do quyền năng Đức Chí Tôn định phận. Chúng ta chỉ có quyền đón nhận cái sống và lẽ chết và bảo trọng sự sống ấy bằng phương pháp duy chủ, đóng góp vào cơ giục tấn. Nhược bằng không, nếu chối bỏ sự sống, nghịch thiên lý,

hủy sự sống tức là ngược lại luật trời đất, phải bị trị trệ, thất phạt trên hành trì quy nhất bản.

Hồi cổ, nhắc tích xưa hầu minh chứng giá trị sự sống rất chí ích đối với con người trên bước đường tấn hóa.

Vua Lương Võ Đế là một vị vua đời Nam Bắc triều rất sùng Phật Pháp. Lòng mộ đạo nên phong cho thiền sư Chí Công phẩm quốc sư vì vị thiền sư là một vị cao tăng thời bấy giờ. Vua thường mời quốc sư vào cung thuyết pháp và giảng đạo.

Ngày kia, vua cho ca nữ múa hát, mời thiền sư thưởng lãm. Khi hát múa xong, vua bèn hỏi: Quốc Sư xem tuồng hát vừa rồi có khá không?

- Thiền Sư: tâu bệ hạ, bản tăng không biết.
- Vua tỏ ý không hài lòng: tuồng hát chỉ có hay và không hay mà thôi, sao quốc sư lại nói không biết. Trẫm không hiểu.
- Thiền sư từ tốn: Tâu bệ hạ, bản tăng quả thật là không biết vì trong lòng chỉ nghĩ đến hai chữ sống và chết mà thôi. Con người chúng ta một khi nghĩ đến cái chết luôn ở bên cạnh mình, thì ngoài thân mình ra, mọi việc đều không quan trọng cả.

Ngoài lời giải thích trên, thiền sư còn tâu với vua thử nghiệm đối với những tử tù sắp bị hành hình để chứng minh

lời thiền sư nói. Sau đó, vua đồng ý. Thiền sư cho dẫn mấy tử tù thực nghiệm, các tử tù được thiền sư huấn dụ:

- Mấy người sắp bị hành hình, nay ta tâu với chúa thượng giảm tội cho mấy người với điều kiện mỗi người phải đội chậu nước trên đầu rồi xem hát ca. Xong hát ca, các chậu nước không bị đổ hay tràn ra ngoài thì sẽ được ân xá. Ngược lại, vẫn phải bị tử hình.

Các tử tù khi nghe như thế, lòng vui mừng khôn xiết vì có cơ hội được sống, vội quỳ lạy đáp tạ ơn thiền sư Chí Công. Thế là các ca nữ thi thố, diễn xướng. Xong, nhà vua hỏi:

- Tuồng hát diễn ra có hay không?
- Các tử tù đều đồng trả lời: muôn tâu bệ hạ, thảo dân không biết.
- Vua: Tại sao?
- Tử tù: thảo dân mang tội chết chém, nay có được ơn trên khoan hồng, thảo dân chỉ chú ý đến chậu nước trên đầu mà thôi, chớ không để ý đến tuồng hát, vì nếu một giọt nước trên chậu rơi xuống đất thì đầu của thảo dân cũng sẽ rớt theo.

Lấy làm ngạc nhiên, vua lần lượt hỏi tử tù thứ hai, thứ ba và đến cuối thì câu trả lời cũng y vậy. Vua Lương Võ Đế mới thấy cái lý của thiền sư Chí Công và giác ngộ chuyện

sinh tử của con người. Từ đó, nhà vua mới thuận theo thiên sư Chí Công học đạo rồi tu chứng quả vị La Hán.

Đời người giả tạm, vô thường như bọt biển, kiếp phù sinh chắc mấy chốc, tiếng phồn ba thập thoáng bên tai, nay sống, mai chết. Nếu chẳng biết mạng sống quý trọng dường nào, cứ níu theo giả cuộc, cuộn tròn trong vô minh, chẳng biết lập đức, tu thân, quay về chính tâm giữ đạo của Tam Giáo, lần chuỗi từ bi thì trì trệ, rất uổng một kiếp sanh vậy.

146. SƠ LUẬN VỀ XUẤT GIA

*“Tài sơ chưa toại lòng ưu thế,
Chuyện cũ thêm buồn cảnh **xuất gia**”
[Thơ Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu]*

Theo nghĩa chung nhất, xuất gia là rời bỏ gia đình, người thân, lìa xa thế tục, chẳng còn màng danh lợi, dục lạc để cầu chơn pháp, tu hành giải thoát. Bỏ phận của người xuất gia phải *“thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”*. Nghĩa là trên phải lo cầu học được đạo giải thoát, dưới lại hoằng hóa, cứu độ chúng sanh.

Ngày xưa, người có lòng tín nguyện nơi Phật Pháp, chẳng nghĩ phú quý, bả công khanh, nhất tâm lánh hồng trần, lấy trời làm nhà, lấy đất làm giường, thực tâm muốn cầu chứng đạo giải thoát để độ rồi chúng sanh. Như vua Trần Nhân Tông cũng bỏ ngai vàng, điện ngọc mà về núi lập pháp

môn Trúc Lâm Yên Tử, hành trì hạnh nguyện cho đến cuối đời.

Xuất gia vốn là truyền thống tốt đẹp của Phật Giáo nói riêng, của các tôn giáo khác nói riêng, tìm sự tự tại giải thoát và thực sự chân thành đối diện với đời, là một sự tự nguyện thuần túy cá nhân, hòa hợp vào đoàn thể giáo hội, thực hiện sự dung nạp cá thể vào đại chúng, rèn luyện thân tâm, tu dưỡng tâm hồn, không ngừng tinh tấn đem ánh sáng trí huệ và từ bi phục vụ cho đạo nghiệp giải thoát và hoằng hóa theo tôn chỉ tôn giáo mình.

Đạo Cao Đài thường ít dùng xuất gia, nhưng từ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ buộc chư Chức Sắc Thiên Phong hể nhập vào thánh thể Đức Chí Tôn buộc phải *ly gia cắt ái*. Nghĩa lý cũng đồng đẳng, là rời rã bỏ tình ái gia đình để thực hiện sứ mạng mà Hội Thánh phú thác, làm bàn tay đại diện cho Hội Thánh, truyền giáo phổ độ theo chánh giáo Tam Kỳ Phổ Độ.

*“Trách nhiệm Thiên phong phải thật hành,
Ly gia cắt ái độ quần sanh.
[Thơ Thượng Tước Thanh]*

Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng dạy:

“Vào nơi đạo-đức rồi, dầu cho phải cắt ái ly gia, chia tình xẻ nghĩa, máu thịt đoạn ly, mà làm cho tròn trách nhiệm

xứng-đáng của mình, để hiến-thân chuộc sanh-mạng cho muôn ngàn kẻ đồng-bào, thì cái đau-đớn thường-tình, sự khổ tâm ở thế kia, đau-khổ nào có tiếc. Ấy là cử-chỉ của bậc Thánh trước, tìm mỗi chơn đạo như thế, chư Đạo-hữu nên ghi” [TNHT, Q.2].

Cổ nhân vẫn cho rằng xuất gia có ba hạng: xuất gia cả thân và tâm, xuất gia tâm nhưng chưa xuất gia thân, xuất gia thân nhưng chưa xuất gia tâm.

- Xuất gia thân và tâm: vì tình nguyện cầu liễu chơn lý nên thân chẳng hề do dự, có thể lên rừng xuống biển, vào động lên non mà không còn chịu lụy tình ái thân bằng. Chẳng vướng danh công, phú quý, sắc dục để thân và tâm đồng điều tìm tự tánh tự hữu.
- Xuất gia tâm nhưng chưa xuất gia thân: cổ giáo, thánh hiền vẫn cho đây là hạng đặc biệt, là bậc thánh hay bồ tát đang thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Các Bậc ấy vì sợ lộ hình mà sanh chúng trở nên mê tín, dị đoan. Cho nên, hạng xuất gia này thường không làm mô phạm cho người phàm thường chúng ta.
- Xuất gia thân nhưng chưa xuất gia tâm: là những người đã nương nơi cửa từ bi, gửi thân nơi cửa nâu sòng, cầu chứng liễu ngộ chơn lý nhưng tâm còn

vương vọng, hăng tương, còn nuôi dưỡng các thú vui vật dục thế tình, chưa thể để tâm thanh tịnh mà học, hành đạo, thi ân bố hóa cho chúng sanh đặng.

Mạch đạo truy nguyên, việc xuất gia của người tín hữu hiển nhiên gắn liền với việc tu hành. Tu hành không phải chỉ là thấp nhang, đi chùa, tụng kinh, trì chú là đủ vì những thứ đó chỉ là hình thức bên ngoài mà thôi. Tu là sửa và hành, tô bồi cái tốt, sửa cái xấu, tu thân, tu miệng, tu ý cho thuần mỹ. Nếu để miệng hay ý dấy lên vô số vọng niệm trời lên, lặn xuống mà trái với đạo luật, bon chen vào thất tình, lục dục thì việc xuất gia kia trở nên vô dụng.

Đức Chí Tôn dạy về chữ tu như sau:

“Đức Chí Tôn dạy về chữ Tu:

“Tu hành vẫn trái với thế tục, mà trái với thế tục mới đặng gần ánh thiêng liêng. Thầy thấy nhiều, tu cũng muốn tu mà thế tục cũng không muốn chừa bỏ. Thế tục là nét điều dắt cho mất tánh thiêng liêng, phải lấy nghị lực, cương tâm mà kèm chế, thì cái lối diệt vong mới chẳng làm uổng công phu hành đạo cho”....

“Đường Tiên cũng lấp lửng, nguồn Thánh cũng toan vào, mà thấy bạc rơi cũng chẳng bỏ, lợi mún chẳng từ, mượn danh Đạo mà tạo danh mình, vô Thánh Điện mà hơi tà còn phương phát...”

"Thầy nhớ xưa kẻ mộ Đạo phải chịu ngàn cay muôn đắng, biết có người mà chẳng biết nhọc mình: giày gai áo bả, đội nguyệt mang sao, gió trước lọt chòi tranh, mưa sau hư giậu lá, bản hàn chẳng quản, tay trắng dìu người, một mãi không bợn nhơ, mới có thể lập ngôi cao cho mình đặng, có đầu lấy của lẫn nhân, mượn quyền xưa đức, kẻ chân thành lánh mặt, đưa tà mị áp vào, rồi cúm nùm mang hơi tà, lại đưa nói rằng thờ chánh giáo."

Đức Phạm Hộ Pháp dạy phải “*cách vật trí tri*”, nghĩa là nhìn vạn vật mà hiểu cơ động tịnh máy tạo, dụng trí mà làm trí cho sáng ra, quán xét lẽ thật, thu nhiếp chánh tâm, chuyển mê thanh ngộ, biến động thành tịnh, biến cải nghiệp dữ thành thiện nghiệp bằng con đường Tam Lập trong từng phút, trau hạnh, giữ giới, để đạo đức ngày càng trọn vẹn, phù hợp với chánh giáo của Đức Chí Tôn.

Thiền nghĩ, người tín hữu Cao Đài có quyền và trách nhiệm gìn giữ chơn pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bằng cách bảo tồn những giá trị truyền thống Đại Đạo và tín lý của đạo mang tính chất uy nghiêm bằng chính tư tưởng, chính ý niệm nội tại thân tâm, dâng lên các Đấng Thiêng Liêng hằng ngày; gìn giữ giới luật đạo như khuôn vàng thước ngọc.

Thành ra, xuất gia hay không xuất gia xét theo thể thức, nó chỉ mô phỏng được giá trị hữu hình, chớ chưa hề định phận thiêng liêng. Pháp Bảo Đàn Kinh viết:

“Nhược dụng tu hành, tại gia diệc đắc, bất do tại tự, dẫn tâm thanh tịnh, tức thị tự tịnh Tây Phương” [Nghĩa: nếu muốn đi tu hành, tại gia cũng được mà không nhất định phải ở chùa, nếu giữ cho bản tâm được thanh tịnh thì đó là miền cực lạc của Tây Phương].

Vì vậy, chúng ta thường bắt gặp câu nói, người đông phương có tâm cầu vãng sanh về cõi Tây Phương, nhưng nếu người ở Tây Phương không có tâm thiện thì sẽ vãng sanh vào đâu.

Đạo Cao Đài không còn là một nét bí nhiệm khuất ẩn nào đó nữa, mà đã hiện hữu lập ra trường thi thánh đức cho con cái Đức Chí Tôn. Việc còn lại, tất cả đều do con cái Đức Ngài thi thố. Đâu hay rút, nên danh hay thất phận cũng do mỗi người tín đồ có từng chơn pháp Đạo hay không mà thôi.

Dẫn truyện xưa *“Thập Đắc chấn trâu”* để làm bài học răn cho mỗi chúng ta trên đường đi tìm ánh sáng chơn lý Đại Đạo.

Hàn Sơn và Thập Đắc là hai người bạn chí thân, làm tạp dịch tại ở một ngôi chùa nọ. Hai người thường giả trang điên khùng để cột giễu những người khoác áo nhà tu mà chẳng tu tâm, hiểu chánh lý. Tương truyền hai vị là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát.

Hôm kia, đang lúc chư tăng giảng luật, Thập Đắc dắt đàn trâu đến đứng ngoài giảng đường, vỗ tay, miệng cười và hô lớn:

- Vui quá! Vui quá! Chư vị đại đức hãy nhìn ra ngoài xem.
- Chủ tọa thấy cử chỉ và hành động trên vô lễ, giận và nạt: thằng điên cuồng kia, ta đang giảng giới luật đây, sao lại đến phá phách.
- Thập Đắc từ tốn trả lời: vô sân tức thị giới, tâm tịnh tức xuất gia, ngã tịnh dữ nhữ hợp, nhất thiết pháp vô sa đọa [không tức giận tức là trì giới, giữ tâm cho được thanh tịnh tức là xuất gia, tính ta với người như một, không có gì khác biệt cả].

Chủ tọa lấy làm bức tức thêm, ra lệnh Thập Đắc đuổi trâu ra ngoài.

- Thập Đắc nói: ta không chằng trâu nữa. Trong bầy trâu này, có nhiều con là đại đức trong chùa này đầu thai, đều có pháp danh cả.

Nói xong, Thập Đắc gọi tên từng con trâu đến trước mặt:

- Kiếp trước là luật sư Hằng Tịnh, hãy ra đây.
- Kiếp trước là diễn tọa Quảng Siêu, ra đây.
- Kiếp trước là trí sư Pháp Trung, hãy ra đây.

- Kiếp trước không trì giới, mặt người mà dạ súc. Phật pháp tuy mầu nhiệm nhưng các người đã quên ơn của Phật, nên kiếp này bị báo ứng mà mang thân trâu, còn oán trách vào đâu.

Khi gọi tên pháp danh của từng con trâu của kiếp trước, từng con trâu cất tiếng và ngoan ngoãn đến trước mặt Thập Đắc theo trật tự. Trước sự việc xảy ra, ai nấy đều lấy làm kinh ngạc và lo sợ, rồi cảm ơn Thập Đắc đã từ bi cảnh giác, giáo hóa đoàn Tăng Hội.

Cho nên, người môn đồ dù nhỏ nhất cũng phải nghiên mình thực hiện đời sống khắc kỷ phục lễ, tuân thủ các giáo điều của Đại Đạo, để lòng chí thành trau sửa thân, tâm, ý cho trọn vẹn vai trò và trách nhiệm khi đã bước chân vào cánh cửa Cao Đài. Đã như vậy thì cho dù thân chưa xuất gia mà tâm đã xuất gia, lòng trí định cũng đã chạm đến giáo luật. Hơn nữa, người đã xuất gia hay ly gia cất á, trọn từng chơn luật, thực hiện cây cờ cứu khổ của Đức Chí Tôn cho ra thiệt tướng, thì chẳng có chi bằng hơn nữa.

147. SƠ NÉT VỀ CÂN THẦN TRUYỀN BÍ PHÁP

Cân thần truyền bí pháp là một vấn đề đặc sắc trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và là một đề tài rất khó để truyền tải nội hàm đúng nghĩa mà Đức Hộ Pháp đã thực hiện khi còn sinh tiền. Với vai trò của một người hậu học non

kém, trí non, hiểu mọn, người viết không có tham vọng nào khác hơn ngoài việc xem kinh điển của chư vị Thiên Phong xưa và nhắc lại sơ nét về ý nghĩa, cũng như biện chứng vài góc độ của vấn đề này.

1/ Bí pháp:

Bí pháp là những điều huyền bí, mật nhiệm, những quy luật vô hình tác động đến sự thăng tiến của các chơn căn trên con đường thiêng liêng hằng sống, tức là những định luật bất dịch trong càn khôn vũ trụ. Bí pháp là các phương pháp hay cơ quan luyện đạo, chứa đựng huyền diệu nhằm thúc đẩy tiến trình tu tập của môn đồ, hầu giải thoát chúng sanh thoát vòng sinh tử luân hồi, đạt được phẩm vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Danh từ cũng đã nói lên tính chất bí ẩn, và không được truyền thụ công khai ra ngoài từ thầy sang trò. Thầy chỉ tâm ấn cho những đệ tử có đủ duyên đạo, đủ hạnh đức và có sự tiến hóa chơn thân ở một mức độ cần thiết tối thiểu để lãnh ngộ bí pháp tịnh luyện công phu thiêng liêng. Đây gọi là tâm pháp bí truyền hay khẩu thọ tâm truyền.

2/ Ai là người nắm giữ Bí Pháp?

Những năm đầu tiên của nền đạo Cao Đài hãy còn phôi thay, Đức Ngài Ngô Minh Chiêu là môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn nên thánh giáo Đức Chí Tôn giảng:

“Chiêu là môn đệ yêu dấu của Thầy, nó có công tu luyện, Thầy lại dùng huyền diệu mà rồi nó trước các con”
[Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Như vậy, Đức Ngô Minh Chiêu là người môn đệ được thu nhận, giáo hóa trước tiên và được Đức Chí Tôn thiên phong phẩm Giáo Tông, làm anh cả của toàn thể chư môn đệ để thực hiện cơ phổ độ sau này. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó, Đức Ngô không nhận phẩm do cơ bút Đức Hộ Pháp và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư phò loan, và đi theo con đường riêng theo chủ trương “*Ngô thân bất độ, hà thân độ*”. Kể từ ngày Đức Ngài không nhận phẩm trong khi đại phục Giáo Tông đã sẵn sàng, Đức Ngài đã chọn vạch lối đi tẻ ngắt, không hòa hợp với tam vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang.

Đối với Đức Ngài Thượng Trung Nhựt, từ khi được thiên phong và Đức Chí Tôn khai ngộ bằng huyền diệu trị bệnh, Ngài một lòng, một dạ chơn thành phục vụ chơn giáo, lo cơ phổ độ, bao quát cả đối nội lẫn đối ngoại của nền Đại Đạo, vương tròn trách phận. Mặt khác, Ngài lại không vào tịnh thất thực hiện nếp sống sinh hoạt tu luyện vì Ngài vẫn cho rằng cơ đạo còn nghèo, lo phận sự phổ độ sanh chúng, hơn là chú trọng bí pháp công phu. Thực tế, sách liệu để lại, Ngài là một trong ba vị [Ngô Minh Chiêu, Phạm Công Tắc, Thượng Trung Nhựt] có khả năng thông công với Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn giảng tâm truyền dạy cách tĩnh tâm tu tập hàng ngày.

Đối với Ngài Phạm Công Tắc, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết tại Đền Thánh:

“Nhớ lại từ khi Đức Chí Tôn chọn Bàn Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bàn Đạo phò loan và chấp bút. Đặc biệt hơn hết là chấp bút vì nhờ chấp bút mà Bàn Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh nhưng nhập tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời. Nhập tịnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn nhập tịnh mà quá mức thì phải điên đi mà chó. Nhập tịnh mà đúng rồi còn phải nhờ các Đấng Thiêng Liêng mở Huệ Quang Khiếu nữa mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là con đường Thiêng Liêng hằng sống đó vậy. Chính Bàn Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu, bí trọng” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Buổi Thiên Phong đầu tiên do Đức Chí Tôn thực hiện cơ phong thánh, Đức Chí Tôn đã ân phong nhiều chức sắc cao cấp với các phẩm vị của Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Riêng đối với Ngài Phạm Công Tắc được Đức Chí Tôn chọn làm Hộ Pháp, dạy phò loan chấp bút, tham thiền, nhập tịnh, học hỏi nhiều điều cao trọng bí mật vô vi. Buổi Thiên Phong Hộ Pháp Phạm Công Tắc mang tính chất lạ hơn hết là trực chơn thần Phạm Công Tắc, Hộ Pháp giáng thể vào. Một trường hợp ngự thể duy nhất trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“*Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường đội nón...*

Cười....

Đáng lẽ nó phải sấm khôi, giáp như hát bội, mà mắc nó nghèo, Thầy không biểu.

Bắt nó đứng trên, ngó mặt ngay ngôi Giáo-Tông, lấy chín tác vải điều đắp mặt nó lại.

Lịch, con viết một lá phù (Giáng-Ma-Xử) đưa cho nó cầm.

Các con, phải cho thanh tịnh kể từ ngày nay, diệt tận phạm tâm chớ như một điểm, thì ngày ấy thế mới đặng.

Cư, khi đem Ba bộ Thiên-Phục đến vọng trên ba cái ngai thì con phải chấp bút bằng nhang như mọi lần đặng Thầy trấn trong ba bộ Thiên-Phục và ba ngai ấy, rồi mới kêu hai vị Đầu-Sư đến quỳ trước Bửu-Ngai của nó, đặng Thầy vẽ phù vào mình, khi hai vị Đầu-Sư vái rồi, phải đến trước Bửu-Điện của Thầy mà làm lễ (mười hai lạy) và trước ngôi Giáo-Tông (chín lạy) rồi biểu Giảng xướng lên: "Phục vị" thì hai người leo lên ngai.

Cả hết thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quỳ xuống biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ-Lôi đặng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc đặng Thầy trục xuất chơn-thân nó ra: nhớ biểu Hậu. Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ" [TNHT, Q.1].

Ngài Phạm Công Tắc làm Hộ Pháp, chương quản Hiệp Thiên Đài, Ngài Thượng Trung Nhựt làm Đầu Sư lo

bên Cửu Trùng Đài. Nên quá rõ ràng, Ngài Phạm Công Tắc thọ bí pháp đạo Cao Đài từ Đức Chí Tôn và giữ phận sự tối trọng của cánh cửa Hiệp Thiên Đài, nhận truyền các yếu chỉ thiêng liêng của Bát Quái Đài.

3/ *Cân thần là gì?*

Cân thần là một hoạt động đánh giá khả năng sáng suốt hay trược chất của chơn thần người nào đó để biết có đủ hạnh, đức, trí, lực hay chưa. Nếu chưa đủ, người phải tiếp tục tu tập, lập công bồi đức thêm. Nếu xét thấy đủ, người được thực hiện nghi thức kết nạp Đào Viên Pháp, lập hồng thệ và trở thành người của Phạm Môn.

“Phương Luyện Kỹ gần hiển lánh tục,

*Phép **Cân Thần** hồi phục anh linh”.*

[Thơ Huệ Nhật]”.

4/ *Ai có nắm giữ quyền năng cân thần và đánh giá kết quả cân thần?*

Việc cân thần là việc hệ trọng nhằm nhận biết trình độ tấn hóa chơn thần của một môn đồ, đòi hỏi người cân thần phải có đủ khả năng đánh giá mức độ người được cân thần có đủ điều kiện thọ truyền bí pháp hay không. Cụ thể, người đủ điều kiện là người có khả năng đón nhận các luồng điện của các Đấng trợn lành vô vi ngổ hầu thọ lãnh bí pháp tu đơn, có chơn sư vô hình dẫn dắt, khai mở huyền quang khiếu.

“Bản đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống trần mở đạo thì Đức Chí Tôn có hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thế mở đạo, con mở bí pháp hay là mở thể pháp trước?” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Rõ ràng trong nền Đại Đạo Tam Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp đã thọ mạng lệnh thiêng liêng của Đức Chí Tôn xuống thế, khai mở thể pháp và cầm bí pháp của Đạo. Người đứng đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài là Ngài Phạm Công Tắc, có trách nhiệm tối cao truyền bí pháp, nâng đỡ đời sống tâm linh của chư tín đồ Cao Đài.

Pháp Chánh Truyền quy định:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mối đạo”.

Vì vậy, tất cả mọi quyền năng thiêng liêng điều động đi từ Bát Quái Đài ảnh hưởng đến cơ quan hữu tướng của Hội Thánh. Trong đó, cơ quan Hiệp Thiên Đài có trách nhiệm thông công giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài để thi thố phận sự phổ độ. Hơn nữa, Hiệp Thiên Đài giữ phận sự cầm bí pháp và truyền cho các chức sắc. Nên, Đức Hộ Pháp là người có phận sự cân thần cho chư tín đồ để đánh giá có xứng đáng được thọ truyền bí pháp hay không.

Khi cơ đạo phải chuyển từ Phạm Môn sang Hội Thánh Phước Thiện kể từ năm 1935, Đức Hộ Pháp vẫn

truyền các phép bí tích như Giải Oan, Tắm Thánh, Hôn Phối, Cắt Dây Oan Nghiệt cho các chức sắc Phước Thiện tại Hộ Pháp Đường.

Ngoài vấn đề trên, Đức Hộ Pháp còn truyền dạy phép “bach đặng” cho chư chức sắc Phước Thiện cùng một số chức sắc Cửu Trùng Đài khi gặp khó khăn trong hành đạo, vào giờ tý cầu nguyện Đức Ngài thì Đức Ngài ứng hiện trợ giúp. Điều này cho thấy quyền năng của Phạm Hộ Pháp trong cửa Đạo, Ngài tuy hữu hình nhưng có thể ứng biến diễn lực khắp nơi để phò trợ diễn lực cho các chức sắc khác khi có hữu sự.

5/ Sự điều động của các bí tích:

Đức Phạm Hộ Pháp là người truyền bí pháp cho chư chức sắc. Tuy nhiên, sự ứng biến điều động và kết quả đạt được của bí tích phụ tùy vào hai nhân tố: thể thức và hiệu ứng.

- Phương pháp bí tích là hình thức bên ngoài được truyền thụ làm chuyển động diễn quang nội thể, nhằm thực hiện giá trị của bí tích đó mang lại. Phương pháp cũng mang tính bí nhiệm nhưng có thể truyền thụ do chư Chức Sắc đi trước truyền lại Chức Sắc sau này.
- Hiệu ứng đạt được hay không vẫn do phạm trù quyền năng của Bát Quái Đài, định thể giá trị điều

động, dựa vào sự phù hợp điển quang và tần số của bí tích.

6/ Cốt tủy của bí pháp công phu:

Ai cũng biết thọ truyền bí pháp công phu tịnh luyện trong cửa Phạm Môn là chuyển hóa nội thân, trường dưỡng Tinh-Khí-Thần, lấy ý chuyển khí như phương pháp Tiên Gia. Nhưng không phải “tam niên nhũ bộ” [ba năm bú sữa mẹ] và “cửu niên diện bích” [chín năm thiền tịnh quay vào tường].

Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã nêu rõ, vấn đề không phải thuần túy giản đơn, mà phải đi từ bước, từ học cách tham thiền thuần thực rồi đến nhập tịnh. Nếu nhập tịnh không tới thì hôn mê ở trạng thái ngủ, nếu nhập tịnh sâu quá mức thì điên tà xung nổi, có thể trở nên điên khùng. Khi nhập định được, phải chờ đủ điều kiện để các Đấng Thiêng Liêng dùng điển lực khai mở Huệ Khiếu Huyền Quang thì chơn thần mới có thể hội diện quyền năng thiêng liêng.

Về việc cân thần và truyền bí pháp hãy còn trong vòng bí ẩn mà chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp rõ biết làm gì, đánh giá mức độ chơn thần của mỗi người sau khi được cân thần. Khi được thọ lãnh, phải tòng khuôn pháp của Phạm Môn là Thập Điều Giới Răn:

“1- Phải tuân y luật pháp chơn truyền của Chí Tôn.

2- Phải trọn hiếu với tông đường phụ mẫu, trọn nghĩa

vợ chồng vẹn phận làm cha.

3- Phải trọn giữ trai giới.

4- Phải xa lánh các đảng phái

. 5- Phải thật hành phước thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.

6- Không dặng thâu của chúng sanh.

7- Coi anh em đồng đạo như ruột thịt.

8- Không được bội sự phản bạn.

9- Phải ăn ở như các Thánh hiền, đừng phạm tội vong công bội đức.

10- Phải thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh vừa theo tính chất của Chí Tôn là chúa sự sống”.

Trình độ tiến tu và nghiệp lực của mỗi người sẽ tác động đối với hiệu ứng cân thân. Tùy theo hiện trạng mà Đức Hộ Pháp dùng thiên điển hỗ trợ, chỉ phương pháp khác nhau cho từng vị. Các bí pháp ấy vẫn là điều bí ẩn.

7/ Sự khắc khe trong vấn đề tu tịnh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh:

Con đường thứ ba của Đại Đạo là con đường đề tu tịnh, xuất chơn thân khi còn tại thế, hội diện cùng quyền năng thiên điển. Có rất nhiều người ngộ nhận, hễ tu tịnh thì có thể giải thoát nên người ta cứ đua nhau công phu, ham cầu bí pháp giải thoát. Chỉ khi môn đồ đủ Tam Lập theo tiêu

chuẩn Đức Hộ Pháp đánh giá thì mới có thể nhận được bí pháp điều dưỡng, truyền thần và xuất thần mà thôi.

“Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo Thủ Chơn Pháp của Chí Tôn’ [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].]

Cửa tu chơn là nơi các tịnh thất Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung và Vạn Pháp Cung, có chơn sư chỉ dạy. Bí pháp ấy không phải là thức muốn là có, thích là cho và tùy tiện áp dụng một cách bừa bãi.

Đối với bậc thượng thừa đủ tiêu chuẩn thì được Đức Hộ Pháp thực hiện truyền bí pháp. Đối với hạ thừa, Đức Ngài truyền dạy Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn và ban Phương Luyện Kỹ Đăng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo. Như vậy, cửa Đại Đạo rộng mở, quyền năng giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn vẫn đặt để tại thế. Vấn đề còn lại là mỗi môn đồ làm gì để đủ duyên bước đi trên con đường thượng thừa hay hạ thừa mà thôi.

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng đã cho hay:

“Cúng kiếng thường ngày tâm đạo khởi”.

Nên cúng Tứ Thời nhật tụng là phương pháp công phu sơ đẳng mà mỗi người tín đồ thường hằng để tìm sự giao

cảm giữa người và Trời. Bí pháp và phạm pháp không thể lẫn lộn, thánh phạm hai nẻo phân minh. Hễ tâm chơn thành, trọn luật, giữ giới, rớt rao nương mình nơi cửa từ bi, thực hiện thiết phận thì cúng kiếng là bí pháp soi dẫn con người tiếp diện diện lực vô vi, tìm chơn sư vô hình. Kinh Xuất Hội có câu:

*“Đạo hư vô sư hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cò tuyệt sinh.”*

Bí pháp mà Đức Chí Tôn ban cho con người là *“...trường thi công quả cho các con đắc đạo...”* [TNHT]. Hơn nữa, con đường thứ nhất và con đường thứ hai đã mở ra cho toàn thể sanh chúng thi thố phận sự. Chúng sanh mượn hữu để tìm đến đạo pháp vô vi. Nếu phận sự hữu vi hoàn toàn thì bí pháp tịnh không phương chi tìm đến. Cho nên, cửa tu chơn của Tòa Thánh Tây Ninh hãy còn trong vòng im lặng.

8/ Bối cảnh của tín đồ Cao Đài khi Đức Hộ Pháp đã triều Thiên:

Đức Chí Tôn đã truyền dạy Đức Hộ Pháp luôn hằng ngự trị nơi nơi Huyền Quang Khiếu của chúng sanh hầu nâng đỡ tinh thần, hỗ trợ diện lực. Khi đủ điều kiện, Đức Ngài nhất định sẽ mở tâm khiếu. Dù thể thức, các tổ chức sinh hoạt tu chơn hiện nay trở nên yếu ớt hay im bất thì việc cân thần truyền bí pháp đã không còn diễn ra, nhưng chúng ta có đầy đủ đức tin nơi lời dạy của Đức Chí Tôn. Điện khí vũ trụ

vô hình vẫn xoay diễn, tiếp diễn và trợ lực cho những ai đã đủ đầy công nghiệp. Tiến trình chuyển hóa năng lực vô vi vẫn tiếp diễn mà không hề đứt gãy. Mật luật vô hình và quyền pháp bí nhiệm vẫn biến chuyển.

Tại Trí Huệ Cung, Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bản Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể Nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bản Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay cửa Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bản Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đứng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp, đứng giải thoát lấy mình đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3].

9/ Tổng luận:

Từ một số biện chứng và minh chứng trên, Đức Phạm Hộ Pháp là người chịu trách nhiệm cân thần và truyền bí pháp cho chư tín đồ. Dù hữu hình hay vô vi, Đức Ngài vẫn sống cùng thời gian, thực hiện trách nhiệm thiêng liêng phận, thúc đẩy sự tấn hóa chơn thần, khai mở huệ khiếu cho chúng sanh khi đủ điều kiện. Ở một mặt khác, người ta cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh khi còn Đức Hộ Pháp sanh tiền, hoạt động truyền pháp vẫn yếu ớt. Lý giải vấn đề này, chúng ta cũng hiểu bí pháp giải thoát là một vấn đề trọng hệ, là mất lý khẩu thọ tâm truyền, chớ không phải là hình thức áo mão mượn tưng tụy nghi. Thực tế hơn, chỉ những người đủ công quả mới được Đức Ngài truyền thọ bí pháp, khai thị riêng biệt mang tính thâm kín. Người thọ nhận khi được khai ngộ cũng im lìm.

Pháp môn giải thoát cho chúng sanh là một ân tứ của Đức Chí Tôn, lẽ nào lại phải giấu, eo hẹp mà cho người này, giấu người kia. Chỉ tại chúng ta chưa đủ khả năng đón nhận để giục tấn, thẳng tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống mà thôi. Vì thế, bí pháp tu luyện là một vấn đề rất trọng hệ, không thể tùy nghi thử nghiệm để phải chuốc lấy những hậu quả khôn lường được.

148. VÔ CỰC-THÁI CỰC-HOÀNG CỰC LÀ ĐẠO

1/ Đạo:

Đạo là con đường cho các bậc nguyên nhân quy hồi cự vị hoặc cho các hóa nhân do theo đó mà tu hành lánh cửa luân hồi, tìm đường giải thoát, đoạt phẩm vị thiêng liêng. Đạo gồm có đạo thể hữu hình và đạo pháp vô vi.

“Trần là cõi khổ, để đọa bậc Thánh, Tiên có làm-lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn-linh là luân-hồi, nên kẻ bị đọa-trần gọi là khách trần.

Đạo là gì?

Sao gọi là Đạo?

Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cự-vị. Đạo là đường của các nhơn-phẩm, do theo mà lánh khỏi luân-hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy điều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo, nghĩa-lý rất sâu-xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền-bí khác cho đích-xác đặng” [TNHT, Q.2].

Đạo thể hữu hình là một tôn giáo có kinh kệ, giáo luật, pháp điều, tín lý, giáo hội, phương pháp tu tập, thực hiện một tôn chỉ nào đó để đưa môn đồ đến đời sống liễu ngộ chơn lý.

Chúng ta lấy đạo mà trau dồi đời, giữ phồn hoa, tìm tự tại thanh cao, tu chí thanh nhàn, nương bóng từ bi mà trau giũa trí huệ.

Đạo học vô vi là một phạm trù không thể diễn dịch bằng ngôn ngữ thế gian, nhất là người như chúng ta còn chưa kiến ngộ được diệu huyền thiêng liêng, nghĩa là chưa đoạt pháp. Tuy nhiên, sở hành phạm trần cũng cần kiểm hiểu ý nghĩa sơ khởi của nó để làm hành trang cho con đường tu học tiệp tiến.

Theo các sử gia biên chép, các triết gia Hy Lạp ngang bằng với thời Xuân Thu Chiến Quốc vẫn tìm hiểu về bản chất của vũ trụ là gì, tức là muốn vạch ra bản nguyên của Trời Đất. Nhiều học thuyết ra đời hàng loạt để đưa ra một vũ trụ quan riêng, như không khí là nguyên tố của vạn vật, vũ trụ đầu tiên do khối lửa bao bọc, trời là những vòng hơi nước, người từ bùn đất sinh ra... Nhìn chung, các triết gia đưa ra mình định đi kèm với những tín ngưỡng chung nhất của các dân tộc, một lòng thờ Trời, tin có Trời và vạn vật từ Trời giám sát.

Vào khoảng thế kỷ thứ V trước tây lịch, học thuyết Ngũ Hành [kim, mộc, thủy, hỏa, thổ] được áp dụng vào lịch sử để đưa vào khoa học, y học, lý số học, nhưng hoàn toàn không lý giải sự tạo thành căn khôn vũ trụ.

Tiếp sau, học thuyết Âm-Dương chi phối vạn vật, là căn bản của càn khôn nhưng không giải thích được hai động lực thiên nhiên ấy từ đâu mà có. Đến khi xuất hiện “Dịch truyện”, người ta mới luận ra Thái Cực dịch biến ra hai năng lực trên.

Đối với Đức Lão Tử, Đạo Đức Kinh nêu rõ: *“Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải là đạo vĩnh cửu bất biến; tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải là tên vĩnh cửu bất biến”*.

2/ Vô Cực:

Đức Lão Tử nói:

“Có một vật gì đó hỗn độn mà thành trước cả trời đất, có thể gọi là mẹ của vạn vật trong thiên hạ”.

Đức Chí Tôn giảng dạy dễ hiểu hơn:

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực” [TNHT, Q.2].

Đức Chí Tôn dùng chữ “*khí Hư Vô*”, Đức Lão Tử dụng câu “*hỗn độn mà thành*”, đều ám chỉ bản nguyên của càn khôn, tức là Vô Cực.

Kinh điển của Khổng Mạnh không đề cập đến chữ Vô Cực mà chỉ có kinh điển của Đạo Lão mới tường tận rõ ràng nói về Vô Cực, tức là đạo, là chân lý bất di, bất dịch, chưa có Trời Đất thì đã có Đạo trường tồn tự hữu vĩnh sanh. Tuy vậy, văn từ không đồng nhất nhưng Tam Giáo cũng đã phô diễn và đề cập tính lý của Vô Cực như một nguyên tắc vận hành, khởi thủy sanh biến muôn loài.

Hơn nữa, Đức Lão Tử đề cập sự diệu lý về tính chất “có”, “không” của tự hữu vì bản nguyên vừa có, vừa không. Xét theo tính chất vi diệu của Đạo là không, xét theo cách thức sinh hóa tới vô cùng nhờ cái tinh lực trong cái không thì là có. Nên đây là bản nguyên theo luận chứng của Đức Lão Tử.

Phần đông các học giả cho rằng vô cực là chân lý vô danh, cực vô, cực hư chí linh, ngoài vòng tam giới, bất động bất tĩnh, vĩnh kiếp trường tồn. Thiên, Địa, nhật, nguyệt, phong vân, tinh cầu địa tú đều từ chân lý vô cực này mà ra. Cũng cho rằng thể tính của Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín cũng nằm trong vòng “tĩnh” của Vô Cực. Còn lòng trắc ẩn, từ nhượng, thiện-ác, thị phi hay những thể tính thuộc tính “động” của Vô Cực. Nguyên lý vận hành theo cơ động-tĩnh. Hễ cực động thì nên từ vạn vật biến sanh từ vô. Hễ cực tĩnh, vạn vật tự khắc trở nên tiệt diệt, hườn về Đạo. Tức là vận chuyển theo nguyên lý:

“Nhất bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhất bốn”

[Tạm diễn nghĩa: từ đạo sinh vạn vật, vạn vật trở về bản thể tự tánh tức là đạo].

3/ Thái Cực:

Theo Thánh Giáo của Đức Chí Tôn dạy, Khí Hư Vô sinh ngôi Thái Cực và ngôi Thái Cực là ngôi của Đức Ngài. Đức Lão Tử thì nói “*Đạo sinh nhứt, nhứt sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*” tức là Nhứt tương ứng với ngôi Thái Cực. Các đạo gia cho rằng Thái Cực gồm hai khí Âm Dương. Khí dương thanh nhẹ nên thăng làm Trời, tức là ngôi Càn. Khí âm trược, nặng nên mang tính giáng, làm Đất, tức là Khôn. Cả hai khí tồn tại lưu hành mà sinh ngày đêm, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu Đông.

Biểu tượng của Thái Cực là vòng tròn (☯) gồm một phần âm, một phần dương. Trắng tượng cho dương, đen tượng cho âm. Đường ranh là giới hạn của âm-dương. Âm cực thì sinh dương, tương ứng trắng tiến dần sang đen, đen tiệm tiêu. Dương cực thì sinh âm, tương ứng với màu đen tiến dần và trắng tiệm tiêu. Khí âm và dương lưu hành vận chuyển, động tịnh, đảo độn mà biến sinh nhưng vẫn trong vòng vô cực theo nguyên lý như thế.

Thái Cực sanh ra từ chân lý là Đạo, tức Vô Cực. Thái Cực lại sanh hai, tức Lương Nghi – Âm Dương, nhị sinh tam là Tam Tài – Thiên Địa Nhơn. Có Tam Tài mới có vạn vật trong càn khôn trời đất.

4/ Hoàng Cực:

Có Đạo là Vô Cực, tức là chân lý, mới sanh Thái Cực. Thái Cực Sanh Lưỡng Nghi là Âm Dương. Nhị sanh tam tức là Hoàng Cực, là Tam Tài gồm Thiên-Địa-Nhơn. Thiên là Trời, chủ ngôi Dương Quang, tức là Đức Chí Tôn. Địa là Đất, chủ Âm Quang, tức là Đức Phật Mẫu.

Nhân thụ tinh huyết của cha mẹ mà tượng hình, hấp thụ linh khí của hai khối điện quang Âm-Dương mà có tánh. Tánh gồm Chơn Thần thuộc Âm, Chơn Linh thuộc Dương. Chân lý bất biến của Vô Cực phú ban mà có Tính. Người là Nhân, Nhân thì có Nam có Nữ. Nam thuộc khí dương tức là Càn, nên gọi là thanh dương. Nữ thuộc Âm tức là Khôn, nên gọi là trược âm. Nếu người chưa phát nộ, hỷ, ái, lạc thì ở trạng thái “trung”. Nếu phát có tiết độ ở trạng thái “hòa”. Nếu giữ “trung hòa” thì là thánh hiền. Nếu không tiết chế, kiềm ngự, để tự phát thì thành ra phạm phu.

Thiên tính có Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín thuộc Tiên Thiên Khí. Nếu người biết tính trung hòa, biến khí chất nội thể thuộc Hậu Thiên Khí trở về bản tính tự nhiên ắt sẽ đồng tánh với bản nguyên của Thiên-Địa.

Đức Mạnh Tử dạy:

“Nhân sở dĩ dĩ ư cầm thú, kỳ hy” [Người khác với cầm thú tại chỗ biết tồn tính].

Phật Tông dạy “*Minh tâm kiến tánh*”, Tiên Gia dạy “*Tu tâm luyện tánh*”, Thánh Gia dạy “*Tồn tâm dưỡng tánh*”. Cả Tam giáo cũng chỉ trọng chữ tâm, khác ngoại dung, nhưng lý vẫn đồng nguyên, không ngoài tâm tánh. Tính là lẽ bản nguyên Vô Cực. Vì ảnh hưởng của vật dục thế tình, trọng trực vô minh mà không thể phản bản hườn nguyên. Nên đạo của Tam Giáo cốt trường dưỡng thiên tánh tự hữu, bỏ thể phàm mà hồi quang phản chiếu tự tánh.

5/ Vô Cực-Thái Cực-Hoàng Cực là Đạo:

Vô Cực sanh Thái Cực, Thái Cực sinh Hoàng Cực, Hoàng Cực phản bản về tự tánh tức là Đạo.

Cổ nhân ví cái tứ khỏ của con người như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông của máy tạo đoan. Thời niên thiếu như mùa xuân tràn đầy sinh khí. Thời kỳ thanh niên ví như mùa hạ vì là thời kỳ sinh trưởng. Kỳ tráng niên ví như mùa thu, thời kỳ đơm bông kết trái, sinh sôi nảy nở. Thời lão niên tương ứng với mùa đông, khí huyết bạc nhược, suy tàn rồi mất. Nên xuân sinh, hạ trưởng, thu tàng, đông sát là vậy.

Đức Chí Tôn mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và giảng dạy:

“Thần là khiếm khuyết của cơ màu-nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập “Tam-kỳ Phổ-độ” này duy Thầy cho Thần

hiệp Tinh-khí đặng đủ "Tam Bửu" là cơ mẫu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh.

Các con nhớ nói vì có nào thờ con mắt THẤY cho chư Đạo Hữu nghe.

Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên Phật từ ngày bị bé Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên-Đình mỗi phen đánh tâng "Thần" không cho hiệp cùng "Tinh-khí".

Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn-Thần cho các con đặng đắc Đạo. Các con hiểu "Thần cư tại Nhãn"; Bố trí cho chư Đạo-Hữu con hiểu rõ. Nguồn-cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo hằng nhớ đến danh Thầy" [TNHT, Q.1].

Người tu hữu công thì nhiều nhưng thành đạo thì ít. Đức Chí Tôn mở cơ ân xá tam kỳ, cho tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời, cho "thần" hiệp cùng tinh-khí để con người đoạt đạo. Tuy đạo bé nhưng luật tu vẫn còn nguyên. Nên chúng ta hiểu luật sinh trưởng tuần hoàn của cơ tạo theo luật dinh hư tiêu trưởng, lánh tục, tầm chơn, từng luật pháp chơn truyền, để thoát hậu thiên, trở về tiên thiên hư vô.

**Đây là tài liệu lưu hành nội bộ.
Khai Tâm - 2021**

MỤC LỤC

1. LỮ TỔ THUẦN DƯƠNG- ĐỨC THƯỢNG SANH.....	3
2. ĐỨC CHÚA JESU CHRIST	12
3. THẦY GIÁNG NGỰ Ở ĐẦU.....	16
4. CƠ CHUYỀN THỂ VÀ DIỆT THỂ.....	17
5. LỄ HIẾN CHO HAI ĐẮNG CHÍ LINH	19
6. SỰ GIỚI HẠN CỦA CON NGƯỜI.....	21
7. BÀN TAY THÁNH THỂ.....	22
8. PHẬT TÂM.....	24
9. ĐẠO CAO ĐÀI.....	28
10. NƯỚC CAM LỒ	31
11. QUYỀN NĂNG CỦA TINH THẦN.....	32
12. THUYỀN BÁT NHÃ TRONG CAO ĐÀI.....	34
13. THƯƠNG YÊU VÔ TẬN.....	47
14. THỜ THIÊN NHÃN TRONG CAO ĐÀI GIÁO	52
16. HUỖNH LƯƠNG MỘNG	57
7. LÝ DO ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP CẦM QUYỀN NHỊ ĐÀI.....	62
18. NHỒI QUẢ	64
19. TẠI SAO PHẢI KHỞI TRỐNG LÔI ÂM VÀ CHUNG BẠCH NGỌC KHI CÚNG ĐÀN?	67
20. NGHĨA THẦY TRONG ĐẠO GIÁO	68
21. TẠI SAO CÓ SỰ THẤT PHẬN CỦA CHƠN LINH?	71
22. CÁI VINH DIỆU SẢN SINH TỪ CÁI HÈN MỌN.....	73
23. LỄ HẠ NGƯƠN.....	74
24. VÀI NÉT VỀ ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP	80
25. KHÍ PHÁCH HÀO KIẾT CỦA CHƠN QUÂN.....	116
26. PHÉP KHIÊM CUNG	118
27. TUÂN Y LUẬT PHÁP CHƠN TRUYỀN ĐẠI ĐẠO	120
28. HÀNH TÀNG CỦA CÁC BẠC VĨ NHÂN	122
29. BÍ PHÁP CỦA THỂ ĐẠO	124

30. THỂ PHÁP CỦA THỂ ĐẠO	126
31. TÔN TRỌNG BẠN ĐỒNG SANH	127
32. ĐẶC ĐIỂM CON ĐƯỜNG THỨ BA CỦA ĐẠI ĐẠO	129
33. TẦM QUAN TRỌNG CỦA NHẠC TRONG CAO ĐÀI	132
34. CAO ĐÀI GIÁO CHỈ MANG SỨ MẠNG “NGOẠI GIÁO CÔNG TRUYỀN”?	134
35. CHƠN THẦN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	137
36. TRƯỜNG CÔNG QUẢ	141
38. AI LÀ MÔN ĐỆ CỦA THẦY?	143
39. GIÁ TRỊ CỦA NGUYÊN TỬ KHÍ	144
40. HỒI NGỘ	145
41. LONG TUYỀN KIỂM HÓA GIẢI-VIỆT NAM PHỤC NGHIỆP	147
42. TRẦN LÀ GIẢ CẢNH	149
43. THÁNH THỂ THƯỜNG TẠI CỦA ĐỨC CHÍ TÔN	150
44. PHƯỚC THIÊN - CÂY CỜ CỨU KHỔ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	152
45. THẢO ĐƯỜNG	154
46. KHỔ HIỀN TRANG	156
47. THIÊN VÒNG KHÔI KHÔI-SƠ NHI BẤT LẬU	158
48. TINH THẦN HIẾU HẠNH TRONG CAO ĐÀI GIÁO	160
49. NGÀY VU LAN ĐỐI VỚI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI	161
50. CÔNG BÌNH THIÊN ĐẠO VÀ THỂ ĐẠO	163
51. PHƯỚC-ĐỨC TRONG CAO ĐÀI GIÁO	165
52. QUAN HỆ CỦA THỂ GIAN PHÁP VÀ PHẬT PHÁP	167
53. CHƠN LINH VÀ CHƠN THẦN	168
54. PHẢI BỎ HẾT PHẠM TÂM KHI BƯỚC VÀO ĐỀN THÁNH	171
55. CÁI MỘT BẤT DIỆT	173
56. ĐẠO CAO ĐÀI LÀ TINH HOA BỒN NGUYÊN	175
57. ÁNH THÁI DƯƠNG	177
58. DANH XƯNG ĐỨC CAO ĐÀI THUỞ KHAI MINH – A Ằ Ằ	179
59. CỤC LẠC THÁI BÌNH	180
60. ÍCH LỢI CỦA CÚNG KIẾNG	181
61. CỒI ÂM QUANG	185

62. BÁT CHÁNH ĐẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI.....	190
63. AO THẮT BÙU	198
64. PHÁP BIẾN THÂN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP.....	200
65. CHUỖNG PHÁP LÀ NGƯỜI THAY MẶT HIỆP THIÊN ĐÀI NƠI CỬU TRÙNG ĐÀI.....	202
66. LÒNG CHÍ THÀNH	204
67. LỜI CHỨNG NGHIỆM TRƯỚC SỰ QUY THIÊN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	206
68. CON ĐƯỜNG DUY TÂM.....	210
69. TÌNH THỨC	212
70. QUỶ MỊ.....	217
71. TÍNH HỮU NGÃ VÀ VÔ NGÃ CỦA THƯỢNG ĐẾ	219
72. CÔI TA BÀ	221
73. CHẴNG CẦN CHI CON LO LẬP THÁNH -THẮT CỦA THẦY VÀ SÙNG TU PHẬT TƯỢNG CHI HẾT	223
74. TÀNG THỨC	225
75. KỶ NIỆM ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM TRIỀU THIÊN.....	227
76. KHỎ LÀ BÀI THI TẤN HOÁ.....	233
77. GIÁ TRỊ CHỮ HOÀ	237
78. HỒNG DANH CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	239
79. GIÁ TRỊ CỦA CÚNG KIẾNG	240
80. CHÚC SẮC BAN THỂ ĐẠO	242
81. CHUYỀN THỂ.....	245
82. ĐỨC PHẬT MẪU NHÌN NHẬN CON CÁI SAU 20 NĂM.....	248
83. GIÁ TRỊ CỦA ĐỨC TIN	252
84. TÌNH THƯƠNG CỦA ĐỨC PHẬT MẪU.....	254
85. GIÁ TRỊ CỦA GIÁO LÝ	258
86. TÌNH CỦA ĐỨC PHẬT MẪU ĐỐI VỚI HIỆP THIÊN ĐÀI.....	262
87. THIÊN ĐẠO VÀ THỂ ĐẠO	265
88. CÁI MỘT HỮU HÌNH	267
89. QUỐC ĐẠO KIM TRIỀU THÀNH ĐẠI ĐẠO, NAM PHONG THỬ NHỰT BIẾN NHƠN PHONG.....	270

90. SƠ NÉT VỀ HIỆN TƯỢNG CƠ BÚT	272
91. SỨ MẠNG CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	277
92. TRƯỜNG THI TẤN HOÁ	279
93. ĐỨC HỘ PHÁP LÀ AI	282
94. SƠ NÉT VỀ NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM	285
95. CÁI XÁ CỦA CỬU TRÙNG ĐÀI	288
96. TẠI SAO HIỆP THIÊN ĐÀI ĐẶT TRƯỚC CỬU TRÙNG ĐÀI	290
97. “BẢO SANH” TRONG CAO ĐÀI GIÁO	293
98. ĐẠO	295
99. CHƠN THẦN	303
100. CỒI ĐỊA NGỤC	306
101. LỄ CẦU NGUYỆN	309
102. SƠ NÉT VỀ NHỨT TRẦN - ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN	312
103. TÌM HIỂU SƠ NÉT VỀ Ý NGHĨA NHẠC VÀ LỄ TRONG CAO ĐÀI GIÁO	316
104. DÂNG TAM BŨU	323
105. TẠI SAO TA PHẢI “TÌM NGUYÊN DO CỦA VẠN LINH CÙNG CHÍ LINH”	326
106. SƠ NÉT VỀ TAM TRẦN TRONG CAO ĐÀI GIÁO	330
107. SỰ HẰNG SỐNG THEO TRIẾT LÝ CAO ĐÀI	333
108. SƠ NÉT VỀ HAI CÂU	336
109. Ý NGHĨA HỘI YẾN ĐIỀU TRỊ	338
110. TÍNH CHẤT NHẬP THỂ VÀ XUẤT THỂ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	346
111. TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC	350
112. ĐẠI ĐẠO – TAM KỲ - PHỔ ĐỘ (Tòa-Thánh Tây-Ninh)	353
113. PHỐI THÁNH TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	364
114. TU CHƠN TRONG CỬA ĐẠI ĐẠO	367
115. TINH THẦN LỄ NHẠC ĐẠI ĐẠO	372
116. PHÁI NỮ TRONG CAO ĐÀI	376
118. KÍNH PHẬT	385
119. NHẬP MÔN CẦU ĐẠO	390

120. BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO	397
121. HẠNH KHIÊM CUNG	403
122. LUẬT THƯỜNG YÊU TRONG CAO ĐÀI	409
123. CHỮ HÒA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	417
124. QUÂN TỬ THEO NHO GIÁO	422
125. ĐỊNH TÍNH CỦA NHẠC – LỄ ĐẠI ĐẠO	427
126. CÔNG BÌNH THIÊN ĐẠO VÀ THỂ ĐẠO	432
127. SỰ KHẢO ĐẢO ĐỐI BẠC TU HÀNH.....	434
128. TRÁCH VỤ CỦA HIỆP THIÊN ĐÀI	440
129. CHƠN CHÁNH VÀ TÀ MỊ.....	451
130. SƠ NÉT CHÂN DUNG ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC	459
131. ĐÔI NÉT VỀ BÀ NỮ ĐẦU SƯ HƯƠNG HIẾU	466
132. NỮ TRUNG ANH LIỆT - BÀ LÂM HƯƠNG THANH	470
133. SAO GỌI LÀ TU HÀNH ĐÚNG NGHĨA.....	475
134. THƯỢNG SANH TRONG CAO ĐÀI.....	483
135. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM	490
136. TÀNG THỨC HAY CHƠN THẦN.....	498
137. HỒI CỔ TIỀN NHÂN ĐỨC LÊ VĂN TRUNG	504
138. HỘ PHÁP CHUỖNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI	511
139. NAM PHONG VÀ NHƠN PHONG	515
140. KỶ CƯỜNG PHÁP CHÁNH ĐẠI ĐẠO.....	519
141. ĐẠO KỶ.....	530
142. Ý NGHĨA CỦA “VĂN MINH ĐIỆN” TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	
532	
143. CÁI HAY VÀ CÁI HẠI CỦA CƠ BÚT ĐẠI ĐẠO	534
144. ĐẠO THỂ.....	545
145. TẦM QUAN TRỌNG CỦA SỰ SỐNG	550
146. SƠ LUẬN VỀ XUẤT GIA	555
147. SƠ NÉT VỀ CÂN THẦN TRUYỀN BÍ PHÁP	562
148. VÔ CỰC-THÁI CỰC-HOÀNG CỰC LÀ ĐẠO.....	576